

NGUYỄN HIẾN LÊ

Mặc Học

(Mặc tử và Biệt Mặc)



VĂN HÓA

MẶC HỌC

NGUYỄN HIỂN LÊ

MẶC HỌC

(Mặc tử và Biệt Mặc)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

PHẦN NHẤT

Mặc tử

CHƯƠNG I

THÂN THẾ

Mặc tử là một nhân vật kỳ dị nhất của Trung Hoa, kỳ dị từ tên họ, tới tư tưởng và đời sống, kỳ dị tới nỗi gần đây người Trung Hoa ngỡ rằng ông có dòng máu Ấn Độ hoặc Ả Rập (!) chứ không thể là con cháu của Phục Hi, Thần Nông được.

Họ là họ Mặc, một họ mà trước ông và sau ông cơ hồ không có người thứ hai nào mang tên. Sinh trong giới bình dân, có thể là tiện dân nữa, ông dùng ngôn ngữ của bình dân, lối lý luận của bình dân, dựng lên một triết thuyết cho bình dân, bênh vực quyền lợi của bình dân ; lập nên một chính đảng kỷ luật rất nghiêm – có thể nói là một tôn giáo nữa – rất đông người theo, trên hai thế kỷ ảnh hưởng ngang với Khổng phái, nhưng rồi ảnh hưởng đó chìm luôn trong non hai ngàn năm, mãi tới đời Thanh mới có người lục các sách cũ để tìm hiểu Mặc học. Kỳ dị nhất và đáng phục nhất là con người đó có lẽ không vợ con, suốt đời lo việc thiên hạ,

hể nghe nói một nước nào tấn công nước khác thì dù xa xôi tới đâu, cũng gấp rút đi tới - có lần đi mười ngày đêm không nghỉ (!) từ Lỗ tới Sở - để tìm cách thuyết phục, ngăn cản, ngăn cản không được thì tìm cách bảo vệ giữ nước bị tấn công, bắt mấy trăm môn đệ của mình hi sinh giữ thành cho, chống với kẻ xâm lăng, và họ tuân lệnh ông răm rắp. Đọc lịch sử nhân loại, tôi chưa thấy một người thứ hai nào yêu hòa bình, bênh vực kẻ yếu như ông.

Một nhân vật có công với dân tộc Trung Hoa, làm vẻ vang cho dân tộc Trung Hoa như vậy mà sách vở chép rất ít, khiến cho tới nay, đời của ông còn rất nhiều nghi vấn ?

Không ai hiểu tại sao Tư Mã Thiên trong bộ *Sử ký* không chép truyện Mặc tử chỉ viết vắn vắn hai mươi bốn chữ phụ vào thiên *Tuân Khanh liệt truyện*, nghĩa như sau :

"Mặc Dịch, một đại phu nước Tống, giỏi chống giữ [thành], chủ trương tiết dụng. Có người bảo là sống một thời với Khổng tử, có người bảo là sống sau Khổng tử".

Có phải là vì từ thời Hán Vũ Đế (đời Tư Mã Đàm và Tư Mã Thiên) học thuật đã bị nhà Nho lũng đoạn, Mặc học bị coi là tà thuyết, nên Tư Mã Thiên chỉ ghi vắn tắt như vậy chăng ? ⁽¹⁾ Vắn tắt mà lại rất mơ hồ :

(1) Có người lại nghi hai hàng đó không phải của Tư Mã Thiên mà của người sau thêm vào.

không cho biết sống ở thời nào, quê hương ở đâu, còn về học thuyết thì chỉ nhắc tới chủ trương tiết dụng.

Một số sách thời Tiên Tần như *Mạnh tử* (Thiên *Đẳng Văn công hạ*, *Tân tâm* - thương và hạ), *Trang tử* (thiên *Thiên hạ*), *Tuân tử* (thiên *Phi thập nhi tử*), *Hàn Phi tử* (thiên *Hiển học*) ghi tuy có nhiều đoạn hoặc chê, hoặc vừa chê vừa khen - chê nhiều hơn khen - học thuyết Mặc tử, nhưng hoàn toàn không cho ta biết chút gì về đời của Mặc tử cả.

HỌ VÀ TÊN

Về họ và tên, các sách đều nhất trí ghi là Mặc Dịch. Nhưng cái họ Mặc đó "kì dị" quá, cho nên Chu Lượng Công đời Thanh đưa ra thuyết Mặc là tên đạo, chứ không phải tên họ ; sau Giang (Tuyên) ⁽¹⁾ trong tập *Độc tử chi ngôn*, rồi Tiền Mục trong cuốn *Mặc tử phụ họa* vào.

Dại khái Giang bảo trong sách *Mặc tử* có nhiều chỗ gọi là Tử Mặc tử (thấy Mặc tử), mà thời đó chữ tử dùng để tôn xưng, chỉ đặt trước biệt hiệu chứ không đặt trước tên họ, chẳng hạn không ai gọi là Tử Khổng Cấp mà gọi là Tử Tu (Tử Tu là tên hiệu của Khổng Cấp, cháu nội Khổng tử). Lí đó không vững ? Trong sách *Trang tử* có nam chỗ gọi Tống Kiên là Tử Tống tử. Và ngay trong sách *Mặc tử* cũng có chỗ gọi Cầm

(1) Tra *Từ Hải* và *Từ Nguyên* chúng tôi không thấy chữ đó.

Hoạt Li là Tử Cầm tử, không thể bảo Liệt, Tống, Cầm đều không phải là tên họ.

Tiền Múc bảo chữ Mắc (nghĩa là mực, đen), trở một hình pháp thời xưa : tội nhân bị xâm đen vào trán rồi dày làm nô dịch. Mắc tử chủ trương tiết dụng, để tang ngắn, không dùng âm nhạc, sống một đời cực kì khắc khổ, lao động cực nhọc nên người thời đó gọi ông và môn đệ ông là Mắc, có ý coi như bọn nô dịch. Một chứng cứ là thiên *Qui Nghĩa* sách *Mắc tử* chép rằng Mắc tử đem học thuyết của mình trình bày với Múc Hạ, bề tôi của Sở Hiến Huệ vương, Múc Hạ mừng lắm, bảo : "Lời của thầy rất hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, chắc sẽ bảo : "Đó là việc làm của hạng người thấp hèn (tiểu nhân) mà không dùng lời của thầy chăng ?"

Mắc tử là một tiện nhân, điều đó có thể tin được ; ông sống cực khổ như một tiện nhân, điều này chắc chắn ; còn như việc người đương thời vì vậy mà gọi ông là Mắc thì chỉ là một giả thiết tuy hữu lí (cho nên được Phùng Hữu Lan - trong bộ *Trung Quốc triết học sử* - chấp nhận) nhưng chưa có chứng cứ gì cả. Chưa biết sự thực ra sao thì chúng ta cứ tạm nhận Mắc là tên họ.

Còn Dịch là tên tục, thì không còn ngờ gì nữa vì trong bộ *Mắc tử*, có rất nhiều chỗ Mắc tử tự xưng là "Dịch tôi".

NOI SINH

Về quê quán của Mặc tử, *Sử kí* không ghi ; người sau đưa ra nhiều thuyết. Chúng ta gạt bỏ thuyết gần đây nhất đăng trên một số *Đông Phương tạp chí* năm 1929 của Thương vụ ấn thi quán bảo Mặc tử không phải là người Trung Hoa mà là người Ấn Độ vì Mặc tử có nghĩa là *mọi đen* (chữ dịch với chữ dịch là mọi dùng thay nhau được) mà thuyết kiêm ái của Mặc cũng như thuyết từ bi của Phật. Thuyết đó chỉ là lập dị, đáng cho ta mỉm cười thôi.

Còn lại ba thuyết : Mặc tử sinh ở Sở, ở Tống, ở Lỗ.

– Thuyết sinh ở Sở do Tất Nguyên đời Thanh đưa ra. Thiên *Lữ Gián* trong bộ *Lữ thị Xuân Thu* bảo Mặc tử là người Lỗ. Tất Nguyên hiểu lầm là Lỗ Dương, một miền ở Sở, nên cho quê quán của Mặc tử ở Sở.

Nhưng trong *Mặc tử* có nhiều chỗ chép Mặc tử đi tới nước Sở chẳng hạn : thiên *Quý Nghĩa* bài 3 :

Tử Mặc tử nam du ư Sở

Thiên *Canh Trạ* bài 5 :

Tử Mặc tử du Kinh [tức Sở].

Nếu Mặc tử là người ở Lỗ Dương nước Sở thì không thể viết như vậy được, mà phải viết : Tử Mặc tử Dĩnh [Thấy Mặc tử tới Dĩnh, kinh đô của Sở] Cũng như không thể nói một người Việt đi tới nước Việt được mà phải nói tới Saigon hay Hà Nội. Vậy thuyết của Tất Nguyên cũng phải gạt bỏ.

– Thuyết sinh ở Tống có lẽ can cứ vào bốn chữ "Tống chi đại phu" [đại phu của nước Tống] trong *Sử kí*.

Nhưng thiên *Công Thân* trong *Mặc tử* kể chuyện Công Thân Ban chế tạo cho nước Sở một kiểu thang máy để đánh Tống. Mặc tử từ nước Lỗ đi mười đêm mười ngày không nghỉ để đến kinh đô Sở là Dĩnh, thuyết phục Công Thân Ban và vua Sở đừng đánh Tống. Vua Sở nghe lời. Trên đường về, Mặc tử đi qua nước Tống, gặp trời mưa, vào một cổng làng để tránh mưa, người giữ cổng ngỡ là gián điệp không cho vô. Việc đó đủ chứng tỏ rằng Mặc tử không phải là đại phu nước Tống, cũng không phải là người Tống. ⁽¹⁾

– Rốt cuộc, còn lại thuyết sinh ở nước Lỗ. Thuyết này đáng tin hơn cả. Chứng cứ ở ngay trong sách *Mặc tử*. Thiên *Qui nghĩa*, bài 2, chép :

Từ Mặc tử tự Lỗ tức Tể (Thấy Mặc tử từ Lỗ tới Tể). Thiên *Lỗ Vấn*, bài 14 chép : vua Việt cho Công Thương Quá một đoàn nam chực cỗ xe để qua Lỗ rước thấy Mặc tử (... dĩ nghinh Tử Mặc tử ư Lỗ).

Ngoài ra thiên *Phi công - trung*, có câu : "Phía Đông có nước Cũ" thiên *Qui Nghĩa* bài 18 có câu : Thấy Mặc tử đi lên phía Bắc để tới nước Tể... tới sông Tri... phải

(1) Phương Thu Sộ trong cuốn *Mặc học nguyên lưu* còn dẫn câu đầu bài 16 thiên *Lỗ Vấn* : "Tử Mặc tử xuất Tào Công tử ư Tống, tam niên nhi phản" nghĩa là thấy Mặc tử cho [một môn đệ là] Tào Công tử ra nước ngoài (xuất) tới nước Tống [để làm quan], ba năm sau Tào Công tử trở về - phản, và bảo nếu Mặc tử là người Tống thì không dùng chữ *xuất* và chữ *phản*. Nhưng theo Đường Kinh Cáo thì chữ *xuất* đó nên sửa là *sĩ* là làm quan.

về". Mà Cử đúng là ở phía Đông nước Lỗ, Tề đúng là ở phía Bắc nước Lỗ.

Vì những chứng cứ đó mà hầu hết các học giả Trung Hoa ngày nay đều nhận rằng Mặc tử là người nước Lỗ. Phùng Hữu Lan trong *Trung Quốc triết học sử* bảo thuyết Mặc tử là người Lỗ "cơ hồ có thể coi là định luận" ; Đường Kinh Cảo trong *Mặc tử* cũng bảo : "Những thuyết cho Mặc tử là người Tống, người Sở, đều đã bị người trước bác, không đứng được ;... thuyết người Lỗ đáng coi là đúng ; Phương Thụ Sở trong *Mặc học nguyên lưu* còn quả quyết hơn : "thuyết Mặc tử là người Lỗ.. vững như núi, không sao lay động nổi".

SINH VÀ TỬ

Về nam sinh và nam tử, các học giả Trung Hoa đưa ra nhiều thuyết, không thuyết nào đáng tin hẳn. Chúng ta hãy gạt bỏ hai thuyết cực đoan, sai nhau đến hai trăm nam : tức thuyết Mặc tử đồng thời với Khổng tử ⁽¹⁾ mà Tu Mã Thiên đã chép trong *Sử kí* nhưng còn coi là nghi vấn ; và thuyết của Tất Nguyên nhà Thanh "căn cứ vào câu (của Mặc tử) : Trung Sơn chu quốc vong ư yên, Đại Hồ, Mạch chi gian" cho là Mặc tử còn được trông thấy cuộc diệt vong của các nước Trung Sơn và đoán định rằng Mặc tử người đời Lục quốc, hồi cuối nhà Chu ⁽²⁾ hãy còn" (*Mặc tử* của Ngô Tất Tố - in lần thứ nhì, Khai Tri 1959 - tr. 13, 14).

(1) Khổng tử 551 - 496.

(2) Thế kỉ thứ 3 trước T.L.

Chúng tôi không hiểu Tất Nguyên trích câu "Trung sơn chư quốc vong ư yên, Đại, Hồ, Mạch chi gian" ở đâu, chứ trong *Mặc tử*, thiên *Phi công - trung*, chúng tôi chỉ thấy câu : "Bắc giả, Tra, Bất Trú Hà, kì sở dĩ vong ư Yên, Đại, Hồ, Mạch chi gian giả, diệt dĩ công chiến dã" (Phương Bắc, các nước Tra, Bất Trú Hà - tức Bất Đồ Hà, ở Phụng Thiên ngày nay - mất về Yên, Đại, Hồ, Mạch ở bên cũng là đó chính sách đánh chiếm). Hai nước Tra, Bất Trú Hà đó có phải là những nước mà Tất Nguyên gọi là các nước Trung Sơn không ? Nếu là Trung Sơn thì, theo *Từ Hải*, bị nước Triệu - chứ không phải Yên, Đại, Hồ, Mạch - diệt năm 20 đời Chu Noãn vương (-295).

Gạt bỏ hai thuyết trên đi rồi, còn lại bốn thuyết nữa xê xích nhau khoảng ba chục năm, như vậy là chuyện thường, không có gì đáng ngạc nhiên.

a- Thuyết sớm nhất, do Ông Trung đưa ra, cũng căn cứ vào một vài câu, trong các thiên *Phi công, trung, Phi công, hạ*, mà chúng tôi không muốn chép lại, sợ rườm. ⁽¹⁾ Hồ Thích theo thuyết đó và đoán định rằng Mặc tử sinh vào khoảng 500 - 497, mất vào khoảng 425 - 415.

b- Tôn Di Nương trong *Mặc tử niên biểu* căn cứ vào những cuộc đối đáp giữa Mặc tử và Công Thâu Ban, Lỗ Dương Văn quân chép trong *Mặc tử*, cho rằng Mặc tử phải đồng thời với Tử Tư (cháu nội Khổng tử)

(1) Độc giả có thể coi trong *Mặc tử* của Ngô Tất Tố.

và sinh sau Tử Tư, vào khoảng 468, mất vào khoảng 376. Thuyết này trẻ nhất.

Lương Khải Siêu sửa lại thuyết đó, *Mặc tử niên đại khảo* bảo Mặc tử sinh sau khi Khổng tử mất trên mười năm và chết trước khi Mạnh tử sinh cũng trên mười năm, nghĩa là sinh trong khoảng 468 - 459, chết trong khoảng 390 - 382.

c- Tiền Mục trong *Mặc tử niên biểu* cho Mặc tử sinh sớm hơn một chút, vào năm Khổng tử mất (479) và chết cùng năm với Ngô Khởi (381) Thuyết này ở giữa thuyết của Uông và thuyết của Tôn, Lương.

Vũ Đông trong *Trung Quốc triết học đại cương* đại khái đồng ý về năm sinh của thuyết đó nhưng cho Mặc tử chết trước Ngô Khởi khá lâu, có thể từ 397, La Căn Trạch cho Mặc tử chết trong khoảng 329 - 382.

d- Sau cùng Phương Thụ Sở trong *Mặc học nguyên lưu* cho Công Thân Ban với Lỗ Ban là một người (điều này *Tử Hải* đã bác bỏ), mà Lỗ Ban là con Lỗ Chiêu Công, có thể lớn hơn Mặc tử khoảng hai chục tuổi ; từ những sự kiện đó. Phương suy đoán năm sinh của Công Thân Ban, rồi của Mặc tử, để tới kết luận rằng Mặc sinh vào khoảng 490, mất vào khoảng 403. Tiêu Công Quyền trong *Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* theo thuyết này.

Chúng tôi nhận thấy các học giả kể trên chỉ dùng những sự việc chép trong *Mặc tử* để suy đoán ; cơ sở trong các bộ sử các nước chư hầu thời đó, như Lỗ,

Tống, Trịnh, Sở... không có một tài liệu nào về Mạc tử cả, điều này cũng dễ hiểu : Mạc tử cũng như Liệt tử, Dương tử, Trang tử... không hề làm quan, nên sử không chép về ông.

Mà những sự việc chép trong *Mạc tử* đáng tin tới mức nào, hình như cũng chưa có nhà nào nghiên cứu kỹ lưỡng. Nội một việc này cũng làm cho ta phải thận trọng. Bộ *Mạc tử* không phải của Mạc tử viết, mà do nhiều môn đệ của ông ghi lại, kể trước người sau, vì vậy mà các thiên chính (Thượng hiến ; Thượng đồng, Kiêm ái, Phi công v.v...) đều có ba bản khác nhau, biết tin bản nào.

Lại thêm, trong số hàng chục hàng trăm sự việc, mỗi học giả chỉ dùng dăm ba sự việc để suy luận, và khi hai nhà dùng những sự việc khác nhau thì kết luận có thể khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau nữa. Do đó mà mỗi nhà đưa ra một thuyết, và nhà nào cũng nhận rằng may mắn là thuyết của mình không xa sự thực lắm, chỉ đáng coi là một giả định thôi. Chính vì vậy mà chúng tôi không muốn chép lại những suy luận của họ, chỉ tóm tắt rất sơ lược như trên thôi.

Viết cuốn này chúng tôi chỉ mong trình bày tư tưởng của Mạc tử chứ không có tham vọng nghiên cứu, và để kết thúc đoạn về năm sinh năm tử của Mạc tử này chúng tôi lập bảng dưới đây cho độc giả dễ thấy.

<i>Thuyết của</i>	Năm sinh	Năm tử	<i>Chú</i>
Uông Trung	500 - 497	425 - 415	
Hồ Thích			
Phương Thu Sở	490	403	
Tiêu Công Quỳ			
Vũ Đồng	480	397	
La Can Trach	?	392 - 382	
Tiền Mục	479	381	
Tôn Di Nhượng	468	376	
Lương Khải Siêu	468 - 459	390 - 382	

Chúng tôi không quyết định được thuyết nào đáng tin hơn cả ; chỉ lựa những niên đại trung bình được nhiều nhà đưa ra :

Sinh vào khoảng từ 490 tới 479, chết vào khoảng 403 - 382. Và trong tập này cũng như trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* (Cảo Thơm), chúng tôi tạm dùng niên đại theo Vũ Đồng : 480 - 397.

THỜI ĐẠI

Tóm lại ta có thể nói Mặc tử sinh ở Lỗ, có phần chắc là sau khi Khổng tử mất, như vậy là ngọn đuốc triết học của nước Lỗ truyền từ Khổng tử qua Mặc tử mặc dầu Mặc không thuộc về Khổng phái. Khổng sống ở cuối thời Xuân Thu, Mặc mở đầu cho thời Chiến

Quốc, ⁽¹⁾ trước cả Dương Chu, Lão Đam, Liệt Ngự Khẩu. Suốt hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc xã hội Trung Hoa vẫn biến chuyển liên tục, không bị gián đoạn, nhưng xét chung thì thời Chiến Quốc xã hội loạn hơn, biến cố dồn dập hơn. Chỉ cần coi niên biểu các đại sự đời Chu ở cuốn họ *Từ Hải* chúng ta cũng thấy điều đó.

Trong đời Khổng Tử 551 - 479, trên bảy chục năm, về việc các nước chư hầu đánh chiếm lẫn nhau, chỉ có ba vụ quan trọng Từ Hải ghi lại :

506 : Ngô đánh Sở.

494 : Ngô vương Phù Sai đánh bại Việt vương Câu Tiễn.

487 : Tống diệt Tào.

Mà trong đời Mặc tử 480 - 397 (niên đại theo Vũ Đồng), trên tám chục năm, có tới chín vụ :

478 : Sở diệt Trần (Sau khi Khổng tử mất được một năm).

473 : Sở diệt Ngô.

461 : Tấn đánh Tây Nhung, diệt Đại Lộ.

453 : Ba nhà Triệu, Hàn, Ngụy diệt Trí Bá, chia đất thành Tam Tấn.

(1) Các sử gia chia thời Đông Chu làm hai thời kì : thời Xuân Thu (722 - 479) và thời Chiến Quốc (479 - 221). Có nhà đã chia lại : Thời Xuân Thu : 770 - 403, thời Chiến Quốc 403 - 221, cho hợp lí hơn một chút ; nhưng lối trên đã thông dụng rồi.

447 : Sở diệt Thái.

445 : Sở diệt Kỉ.

432 : Việt diệt Cử.

418 : Việt diệt Đàm.

408 : Tấn Ngụy Tư lấy Trung Sơn.

Rõ ràng là chiến tranh dồn dập ; và nếu ta đọc tiếp niên biểu tới hết đời Chu, qua đời Tấn thì thấy càng về sau chiến tranh càng nhiều và càng khốc liệt.

Nguyên nhân chính là do dân tộc Trung Hoa đã bước vào thời đại đồ sắt.

Thời Ân, người Trung Hoa dùng lưỡi cày bằng gỗ, thời Tây Chu đã có lưỡi cày bằng đồng đỏ, nhưng đồng đỏ mềm, cũng chỉ cào được mặt đất thôi, không đào sâu thành luống được. Cuối đời Xuân Thu, ở Ngô, Việt mới tìm ra được sắt, dùng hơn là phát sinh ra thuật luyện sắt trong những lò rất nhỏ, rất sơ sài. Sắt lúc đó gọi là "ác kim" (vàng, bạc, đồng là mỹ kim) và chỉ dùng để chế tạo những đồ dùng tầm thường, nhưng lại có tác dụng lớn trong đời sống kinh tế, như lưỡi cuốc, lưỡi cày, lưỡi liềm, chiếc đục, chiếc thuổng, chiếc rìu... Vào khoảng đầu thế kỷ thứ VI trước T.L. ở nước Ngô xuất hiện những truyền thuyết về hai thanh gươm Can Tương và Mạc Da ⁽¹⁾ bén hơn những thanh gươm thường

(1) Can Tương nổi tiếng về thuật rèn gươm ở nước Ngô, thời vua Hạp Lư lần đó nấu sắt mãi không chảy. Vợ là Mạc Da thấy vậy, ăn chay tám ngày rồi nhảy vào lò luyện kim sắt mới chảy. Nhờ vậy Can Tương rèn được hai cây kiếm báu, rất bén, một cây dương đặt tên là Can Tương, một cây âm đặt tên là Mạc Da. Truyền thuyết đó tỏ rằng thuật luyện sắt thời đó tiến bộ nhất ở nước Ngô.

dùng nhiều, vì đúc bằng sắt, và từ đó sắt được dùng làm binh khí. Có xưởng đúc phải dùng tới ba trăm người kéo bể cho lò đủ nóng mà làm chảy được sắt. Và qua thời Chiến Quốc thì sắt đã thông dụng, mà sách *Mạnh tử* (thiên *Đảng Văn Công, thượng* - bài 4) chép một câu Mạnh tử hỏi Trần Tương : "Hứa tử - Tức Hứa Hành, thầy của Trần Tương, và chủ trương người nào cũng phải cấy ruộng lấy mà ăn - có dùng nồi đồng, trách đất nấu ăn không, có dùng (lưỡi cày bằng) sắt mà cày không ?"

Nhờ có những công cụ bằng sắt, sức lao động giảm đi mà năng suất cao lên : người ta cày sâu hơn, lúa tốt hơn ; đào kinh dễ dàng hơn, hệ thống tưới nước hoàn thiện hơn ; phá rừng mau hơn, mở mang thêm được nhiều đất cày, do đó mà nông nghiệp phát đạt mạnh. Muốn mở mang thêm đất, phải bỏ chế độ tể điển, và thay đổi chính sách thuế má. Địa chủ thì tài sản tăng lên, uy quyền lớn lên, mà nông dân thì bị bóc lột hơn.

Công nghiệp cũng phát đạt vì nhu cầu chế tạo dụng cụ mới (nhà nào cũng muốn có một lưỡi cày, một chiếc cuốc, một lưỡi rìu, một con dao... bằng sắt). Phương tiện giao thông vận tải được cải thiện. Do đó thương mại cũng phát đạt : nhiều con buôn hóa giầu hơn bọn quý tộc, mà hễ giầu thì có quyền. Đô thị mọc lên rất mau, đường xá phải đắp thêm. Người ta thấy biên giới giữa các nước làm cản trở sự lưu thông, chính sách thuế quan bất tiện cho thương mại, cho nên muốn phá biên giới mà thống nhất Trung Quốc.

Công việc thống nhất này được dễ dàng nhờ khi giới bằng sắt. Những khí giới này sắc bén, công hiệu hơn,

nên chiến tranh tàn khốc hơn. Chiến thuật cũng tiến bộ : giữa thế kỷ thứ V, người ta biết dùng kỵ binh và Công Thâu Ban đã cải thiện thuật công thành. Quan niệm về chiến tranh cũng thay đổi với kỹ thuật chém giết, công phá. Thời Xuân Thu chiến tranh còn ít nhiều theo luật quân tử, qua thời Chiến Quốc, nó theo luật rừng rú. Kinh tởm nhất là năm -260, tướng Tần Bạch Khởi chôn sống bốn chục vạn quân Triệu đã đầu hàng. Ngay trước thời Mạnh tử, đã có cảnh thấy người chết đầy đồng : quân lính chết nhiều thì phải bắt nhiều lính. Già nửa số dân phải đi lính, để có được những đạo quân hàng trăm ngàn người ; và để nuôi số quân đó, những kẻ ở nhà (dân bà và người già) có khi phải nộp cho nhà nước tới ba phần tư hoa lợi. Nhưng cũng nhờ vậy mà các nước nhỏ mau bị thôn tính mà việc thống nhất Trung Quốc mới hoàn thành được.

Tóm lại, tất cả những biến chuyển, hỗn loạn trong xã hội Trung Hoa thời Chiến Quốc ⁽¹⁾, truy nguyên ra thì đều không trực tiếp cũng gián tiếp là hậu quả của sự phát minh kỹ thuật luyện sắt. Chẳng phải chỉ riêng Trung Hoa như vậy. Ở Tây Á và Âu Châu cũng vậy, nơi thì sớm hơn, nơi thì trễ hơn Trung Hoa, nhưng đều trong nửa thiên niên kỷ trước T.L. Ở Tây Á là thời kỳ hành trưởng của đế quốc Ba Tư ; ở vùng Balkan, Alexandre đạt đế của Hi Lạp chinh phục cả một khu vực

(1) Về Xã hội Trung Hoa thời Chiến Quốc, xin coi thêm chương I *Hàn Phi tử* của Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn Hóa, 1994 (B.T)

từ sông Nile tới sông Ấn, sau Hi Lạp, tới đế quốc La Mã ở chung quanh Địa Trung Hải.

Người ta không còn ngạc nhiên rằng sao các đế quốc lớn, các nền văn minh cổ đại của nhân loại cơ hồ cùng xuất hiện vào một thời, ở Đông và ở Tây. Chỉ vì loài người thời đó mới biết luyện sắt. Sắt đã tạo ra nền văn minh nông nghiệp, cũng như điện lực đã tạo ra nền văn minh kĩ thuật ngày nay. Từ một văn minh này chuyển qua một nền văn minh khác, xã hội mất sự ổn định cố hữu, và phải trải qua một thời hỗn loạn trong nhiều thế kỉ. Nhân loại hiện nay cũng như Trung Hoa thời Chiến Quốc đương ước ao một sự thống nhất, đại đồng. Và chúng tôi có cảm tưởng rằng thế hệ chúng ta chưa được thấy sự ổn định đó đâu.

CHƯƠNG II

HÀNH ĐỘNG

Ở đầu chương trên, chúng tôi đã nói Mục Hạ, một bề tôi của Sở Hiến Huệ vương khen thuyết của Mặc tử là hay nhưng ngại vua Sở không dùng vì Mặc tử là một tiên nhân. Đại khái xã hội Trung Hoa thời đó chia làm bốn hạng người từ trên xuống dưới : sĩ, nông, công, thương. Hễ là dân thường, không phải là sĩ, thì là tiên nhân hết. Cho nên Khổng tử tuy ở trong giai cấp quý tộc đã suy vi, mà thời chưa được làm quan, cũng tự cho mình là tiên nhân : "Ta hồi trẻ hèn (tiện) cho nên biết làm nhiều việc nhỏ nhen".

Bài 13 thiên *Quý nghĩa*, Mặc tử bảo Huyền Đường tử : "Địch tôi trên không có phận sự thờ vua, dưới không phải khó nhọc cày ruộng, cho nên dẫu dám bỏ việc đọc sách". Hồi đó ông đã đi chu du thiên hạ để truyền bá học thuyết của mình. Nhưng thời trẻ, chắc ông cũng có một nghề. Căn cứ vào bài 22 thiên *Lỗ Vấn* :

"Công Thâu tử chế, vót tre để làm một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt, tự cho mình là rất khéo. Thấy Mạc tử bảo : "Chim khách của ông không bằng cái chót xe của tôi, chỉ đều ba tắc gỗ một lát là thành mà nó đỡ được sức nặng nam mười thạch (mỗi thạch 120 cân).

Người ta đoán rằng Mạc tử đã có thời làm thợ đóng xe.

Truyện đó, *Hàn Phi tử* (thiên *Ngoại trừ thuật tá thuật*) chép khác : Chính Mạc tử bỏ ra ba nam làm được một con điều hầu bằng gỗ bay được một ngày. Môn đệ của ông khen là khéo.

Mạc tử mãi lo cứu đời, chắc không nghĩ mà cũng không có thì giờ bỏ ra ba nam làm một con điều hầu bay được. Cho là Công Thâu Ban chế tạo được thì có lí hơn. Nhưng có điều này chắc chắn : Mạc tử giỏi thuật phòng ngự, giữ thành, nghĩa là ông giỏi về chiến thuật, về chế tạo binh khí, cơ khí. *Sử kí* đã chép vậy mà nhiều thiên trong *Mạc tử* (như *Công Thâu*, *Bị thành môn* v.v...) cũng chép vậy. Có thể bảo ông là một kĩ sư giỏi.

*

Khổng tử là người đầu tiên gây phong trào dạy tư, và ai ham học thì bất kì trong giai cấp nào, ông cũng thu nhận. Trọng số môn đệ của ông có nhiều người nghèo mà có tài đức như Nhan Hồi, Nguyên Hiếu,

Nhiễm Ung... Khi ông mất rồi, môn sinh của ông noi gương ông mở trường truyền bá đạo của thầy. Lỗ vốn là đất vua nhà Chu phong cho Chu Công mà Chu Công là người đặt ra các lễ nghi, điển lệ của nhà Chu, cho nên Lỗ giữ được nhiều truyền thống tốt, nổi tiếng là văn minh. Phong trào học tư ở Lỗ thời đó chắc phát đạt nhất Trung Hoa, và hạng tiện nhân như Mặc tử muốn học thì không khó khăn gì lắm.

Mặc tử học ai ? Theo *Lữ thị Xuân thu* (thiên *Dương Nhiễm*) thì ông học Sử Giác, một người do Chu Hoàn vương sai lại Lỗ, rồi bị vua Lỗ Huệ công giữ lại. Thuyết đó không tin được vì Chu Hoàn vương (719 - 696) không thể sống đồng thời với Lỗ Huệ công được ; mà Chu Hoàn vương sống ở thế kỉ thứ VII, còn Mặc tử ở thế kỉ thứ V.

Chúng ta chỉ có thể đoán rằng Mặc học đạo Nho vì ông thường dẫn Thi, Thư, Xuân Thu.

*

Chắc chắn ông đã dạy học. Hồi nào và ở đâu, thì chúng ta không biết được. Môn đệ của ông rất đông : trong thiên *Công Thâu* ông bảo vua Sở rằng đệ tử của ông là Cẩm Hoạt Li gồm ba trăm người giữ những khí giới ông chế tạo ra để bảo vệ thành trì của Tống, chống lại những thang mây của Công Thâu Ban. Trong bộ *Mặc tử*, chúng ta còn được thấy tên trên một chục học trò của ông : Trị đồ Ngu, Huyền tử Thạc, Canh Trụ

Sớ, Cao Thạch tử, Quán Kim Ngao, Tào Công tử, Thảng Xước, Cao Tôn tử, Cẩm Hoạt Li v.v...

Ông không dạy lục nghệ (Thi, Thu, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu) như Khổng tử vì ông không ưa lễ, nhạc, cho lễ là phiền toái, nhạc là xa xỉ, không có lợi gì cả, chỉ làm cho dân nghèo, nước suy. Có lẽ ông chỉ đem học thuyết của ông : kiêm ái, phi công, thượng đồng, thiên chi, tiết dụng... ra giảng cho môn sinh, nhất là bát họ phải thi hành những điều đã học. Ông chủ trương rằng người trị nước thì miệng nói điều gì, thân phải thi hành. (Chính giả, khẩu ngôn chi, thân tất hành chi. *Công Mạnh* bài 24). Miệng nói mà thân không làm thì thân loạn, không trị nổi thân mình, để cho nó loạn thì làm sao trị được nước.

Ông dắt môn sinh đi chu du các nước để truyền bá đạo, giới thiệu cho một số ra làm quan, như Canh Tru tử làm quan ở Sở (Canh Tru 5), một người khác làm quan ở Vệ (*Quý Nghĩa* 15).

*

* *

Chúng ta chỉ biết ông đã ở Lỗ, Tống, Vệ, Sở, Tề, có thể là Việt nữa, chứ không biết ông ở những nước đó vào lúc nào.

Ở Lỗ, ông được vua Lỗ (có lẽ là Mục công) hỏi ý kiến hai lần. Một lần, Tề muốn đánh Lỗ, vua Lỗ không

biết phải làm sao, ông khuyên : "Xin nhà vua trên thì kính Trời, thờ quỷ thần, dưới thì yêu và làm lợi cho trăm họ ; tặng nhiều da và lụa, dùng ngôn ngữ nhún nhường, mau mau giao hảo với các nước chư hầu bốn bên ; rồi xua hết dân ra chiến đấu... Ngoài ra không có cách nào khác". (Lỗ vấn 1).

Một lần nữa vua Lỗ (không rõ là ai) có hai người con, một người hiếu học, một người thích chia của cho người khác, không biết nên lựa người nào làm thái tử, hỏi ý kiến Mặc tử. Mặc tử bảo có thể hai người đó, vì mong được khen mà hành động như vậy, phải xét cả ý chí cùng công việc của họ rồi mới biết được (Lỗ vấn 10).

Như vậy ta thấy Mặc có thể được trọng ở Lỗ mà không dùng, mặc dầu ông đã hai lần giúp nước bằng cách thuyết phục Hạng tử Ngưu và Tề Thái vương dùng đánh Lỗ (Lỗ vấn 2, 3) - nhưng họ có lẽ không nghe.

Môn sinh của Mặc cũng không có ai làm quan ở Lỗ. Người Lỗ không ưa học thuyết của ông. Điều này cũng dễ hiểu. Vua Lỗ là hậu duệ của Chu Công, nước Lỗ là quê hương của Khổng tử. Mặc tử tuy học đạo Nho nhưng chống Nho về nhiều điểm (điều này chúng tôi sẽ xét kĩ ở sau), nên nhiều học giả ở Lỗ thường tranh biện với ông, như Vu Mã tử trong bài 4 và 6 thiên *Canh Trụ*. (coi phần dịch), Công Mạnh tử - tức Công Minh tử, một môn đồ của Khổng tử - trong non mười bài ở đầu thiên *Công Mạnh*, và Trình tử, tức Trình Phiến cũng trong thiên *Công Mạnh*, bài 15. Ông bảo Trình Phiến rằng đạo Nho có 4 chủ trương đủ để mất thiên

hạ : cho trời là không sáng suốt, quỷ thần không thiêng : chôn cất tốn kém và để tang lâu ; ham ca nhạc ; tin có số mạng. Theo bốn chủ trương đó thì người trên không trị nước, người dưới không làm an gì cả, nước tất phải mất.

Ông mặt sát đạo Nho như vậy thì vua quan nước Lỗ chịu không sao được và ông phải qua nước khác để truyền bá tư tưởng.

*

Tống ở sát Lỗ về phía Nam. Người Tống nổi tiếng là "ngu". Chúng ta còn nhớ truyện một nông phu Tống ra ruộng nhóm mạ lên cho nó mau lớn, (trong *Mạnh tử*) ; truyện một người Tống nữa thấy một con thỏ lỡ đâm đầu vào một gốc cây mà chết, lượm đem về, rồi từ đó ngày nào cũng lại ngồi ở gốc cây đó đợi thỏ (trong *Hàn Phi tử*) ; truyện một người Tống đem mũ lễ qua bán ở nước Việt, mà người Việt thì cắt tóc xâm mình, không dùng mũ đó ; và truyện Tống Tương công đánh nhau với Sở ở Trác Cốc, không thừa dịp quân Sở dương qua sông mà tấn công, lại đợi cho họ qua sông xong rồi, dàn trận xong rồi mới thúc quân đánh ; trận đó thua to, Tương công bị thương mà còn bảo : "Bác quân tử không đánh quân địch ở trong bước khốn cùng" (trong *Hàn Phi tử*). Tương Công lại không nhớ bất những quân địch đã bị thương hoặc đã có hai thứ tóc. Có lẽ do đó mà có thuyết cho rằng nước Tống có tinh thần kiêu ái và phi công (mặt sát chiến tranh xâm lăng).

Mạc tử cũng bị tác giả thiên *Thiên hạ* ⁽¹⁾ trong *Trang tử* chê là đại đột, sống, thì cần lao, chết thì chôn cất bạc bẽo ; đạo khắc nghiệt quá, tự làm khổ tấm thân. Vậy tinh thần Mạc tử với tinh thần người Tống cơ hồ hợp nhau, chắc ông có nhiều cảm tình với họ, cho nên mới đi mười đêm mười ngày từ Lỗ tới Sở để thuyết phục Công Thâu Ban và vua Sở đừng danh Long, lại sai một đám ba trăm môn đồ cung với Cẩm Hoạt Li giữ thành giữm cho Tống, sẵn sàng phá thuật tấn công bằng thang mây của Công Thâu Ban.

*

Lần đó có lẽ là lần đầu tiên Mạc tử lại Kinh đô Dĩnh của Sở. Theo *Phương Thụ Sở* (sách đã dẫn - trang 13) thì vua Sở trong truyện đó là Sở Huệ vương và việc xảy ra vào khoảng - 445. Mạc tử thuyết Công Thâu Ban đừng dùng thang mây để đánh Tống vì như vậy bất nghĩa : làm cho nhiều người chết để mở mang bờ cõi cho Sở mà Sở thì đất đã dư rồi, dân lại thưa. Công Thâu Ban chịu, không cãi được, giới thiệu cho Mạc vào yết kiến Sở Huệ vương. Mạc cũng đem điều nghĩa ra giảng : nước Sở đất rộng mà nhiều tài nguyên, nếu đánh chiếm nước Tống đã nhỏ lại ít tài nguyên, như vậy không khác gì người có cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ mà con muốn ăn trộm xe tối tăm của hàng xóm : có

(1) Chủ trương rằng thiên này không phải của Trang tử viết mà của người đời sau (coi Trang tử Nhà Văn Hóa, 1994 (BT) xuất bản .

quần áo bằng gấm thêu mà còn muốn ăn trộm chiếc áo vải thô của hàng xóm ; có gạo thịt ngon mà còn muốn ăn trộm thức ăn xấu của hàng xóm.

Sở Huệ vương khen hay, nhưng lại để cho Công Thâu Ban quyết định vì chính Công Thâu Ban có ý chiếm Tống nên mới làm chiếc thang mây.

Mặc tử lại phái thuyết phục Công Thâu Ban một lần nữa, vạch cho Công Thâu Ban thấy rằng ông đã có khí giới để phá thang mây và đã cho ba trăm đệ tử tới Tống giữ thành cho Tống, chống lại sự tấn công của Sở. Lúc đó Công Thâu Ban mới chịu khuất phục. Vua Sở khen Mặc tử một lần nữa và thôi không đánh Tống (thiên *Công Thâu*).

Sau Công Thâu Ban nói với Mặc tử : "Khi chưa gặp được ông, tôi muốn chiếm nước Tống ; từ khi gặp được ông rồi, dù người ta tặng tôi nước Tống mà tôi phải làm điều bất nghĩa thì tôi cũng không làm". (*Lỗ vấn* - 23).

Thiên *Quý Nghĩa* bài 3 chép một lần nữa, năm sáu năm sau (-439) Mặc tử xin yết kiến Sở Huệ vương. Theo *Phương Thu Sở* (sách đã dẫn - trang 28) thì lần này Mặc tử dâng thư lên Huệ vương. Huệ vương nhận, đọc rồi bảo : "Thư hay. *Quả nhân tuy không làm chủ thiên hạ, nhưng thích nuôi người hiền*". Mặc tử từ chối bảo : "Địch tôi nghe nói rằng người hiền mà ra giúp đời ⁽¹⁾ nếu đạo của mình không được thi hành thì không nhận thưởng, lời "nghĩa" của mình không được nghe

thì không ngồi ở triều đình. Nay lời của tôi chưa được dùng, tôi xin đi" ; rồi từ tạ vua Sở mà về ⁽¹⁾ Vua Sở sai Mục Hạ lấy cố mình giả mà từ chối. Mục Hạ lại tham Mặc tử. Mặc tử thuyết phục Mục Hạ, Mục Hạ rất mừng bảo : "Lời của thầy thật hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, sẽ bảo : "Đó là việc làm của hạng người thấp hèn mà không dùng lời của thầy chăng ?"

Mặc tử phải giải thích rằng hễ cái gì có ích thì dùng, điều gì phải thì theo, dùng nên chê là thấp hèn (coi thêm bài 3 *Quý nghĩa ở phần dịch*).

Đoạn Mặc tử dâng thư lên Huệ vương đó chắc là sai, vì Huệ vương khen hay, muốn tặng Mặc tử một chức tước, nghĩa là có ý muốn dùng ít nhất thì cũng làm cố vấn, sao Mặc tử đã vội cho là không được dùng mà bỏ đi ? Mặc tử bỏ đi rồi, vua Sở sao còn sai Mục Hạ lấy cố mình giả mà từ chối ? Từ chối cái gì ? Từ chối dùng Mặc tử ? Nhưng chính Mặc đã từ chối không muốn nhận chức tước, bỗng lộc vua Sở định tặng kia mà !

Đường Kinh Cảo bỏ cả đoạn dâng thư đó là phải.

Mặt tử không nhận chức tước của Sở, nhưng cho môn sinh là Canh Trạ làm quan ở Sở. Nhờ bổng lộc

(3) Nguyên văn là tiến, tức chữ tiến trong "tiến vi quan, thoái vi sư", nghĩa là làm quan.

(1) Trang 15, Phương Thụ Sở cũng chép truyện này mà bỏ những hàng in ngả này - Phương không cho biết tại sao.

của Sở mà Canh Trụ có được mười dật (240 lượng) vàng tặng Mạc tử để "thấy chi dùng". Dĩ nhiên Mạc tử không chi dùng cho bản thân ông (ông sống rất thanh đạm, khác khổ, điều đó ngay những người mặt sát dao ông cũng phải nhận như vậy) mà cho đảng của ông – các đảng chính trị thời nào, mà chẳng cần dùng nhiều tiền. Nếu truyện đó đúng thì quả là nước Sở giàu có và vua Sở biết "nuôi người hiền" thật.

Miền bắc nước Sở, giáp ranh với Hàn, có một huyện gọi là Lỗ Dương, hồi đó thuộc Sở. Van Quân, làm chúa miền đó, có lẽ được tư trị, như một chư hầu của Sở. Mạc tử thân thiện với Van Quân, thiên *Lỗ vấn* chép một lần Van Quân hỏi ông thế nào là bệ tôi trung, ông đáp bệ tôi trung là người biết can vua khi vua lầm lẫn và mình có mưu gì hay thì trình bày với vua, chứ không phải là người vua bảo gì nghe nấy (bài 9) : bốn lần nữa, ông khuyên Van Quân đừng hiếu chiến, đánh chiếm nước láng giềng. (bài 4, 5, 6, 7). Đáng ghi nhất là bài 4 chép cuộc đối đáp giữa ông và Van Quân khi Van Quân muốn đánh Trịnh, mà chúng tôi sẽ phân tích trong chương Phi Công phần II.

Tể ở sát Lỗ mà lại muốn xâm chiếm Lỗ, nên Mạc tử thường qua Tể. Thiên *Lỗ vấn*, bài 2, ông thuyết phục Hạng Tử Ngưu, một tướng của Tể, Thái Công, đừng đánh Lỗ vì chiến tranh luôn luôn hại cả cho nước lớn lẫn nước nhỏ : bài 3, ông thuyết Tể Thái Công, bảo thôn tính nước người lợi thì lợi thật, nhưng sẽ phải chịu điều bất tường (bị họa) : Thái công nhận là phải, nhưng vẫn đánh Lỗ tiến vương vị để làm bá chủ.

Chắc Mặc ở Tế khá lâu, nên có bạn cũ ở Tế (Quý Nghĩa 2) và một môn đệ là Cao Thạch tử có lần ở Vệ lại Tế để kiếm ông (*Canh Trụ 13*).

*

Vệ ở gần Lỗ về phía Tây, nhưng ông ít tới, chỉ một lần khuyên Công Lương Hoàn tử, một đại phu của Vệ, nên bớt xa xỉ, bớt nuôi ngựa tốt và đàn bà đẹp đi để có tiền nuôi lính giữ nước. (*Quý nghĩa 14*) Một môn đệ của ông làm quan ở Vệ nhưng không lâu (*Quý nghĩa 15*).

Việc Mặc tử có qua Việt hay không, còn là một nghi vấn. Nguyên văn bài *Lỗ vấn 15* mở đầu như sau :

"Tứ Mặc tử du Ngụy Việt. Viết : Kí đặc kiến tứ phương chi quân tử, tác tương tiên ngữ ?"

Tôn Di Nhượng rồi Đường Kinh Cảo cho Ngụy Việt là một môn đệ của Mặc tử, như vậy, hai câu trên phải dịch là :

"Thấy Mặc tử sai Ngụy Việt đi du thuyết các nước. Ngụy Việt hỏi : "Gặp các bậc quân tử bốn phương thì lời nào nên đem ra nói trước (tức thuyết điều gì trước) ?"

Phương Thụ Sở cho Ngụy Việt là nước Ngụy và nước Việt và hai câu đó phải hiểu khác :

"Thấy Mặc tử muốn đi du thuyết nước Ngụy (ở phía Tây) và nước Việt (ở phía Nam). Có người nói : "Gặp

các bậc quân tử bốn phương thì lời nào thấy sẽ đem ra nói trước ?"

Chính Phương cũng nhận rằng ông chỉ đoán vậy thôi chứ cái việc Mạc tử có đi nước Ngụy, nước Việt không thì trong sách Mạc tử và khảo thêm các sách khác, đều không thấy chép ; nhưng đại khái thì Mạc tử đã từng qua những nước đó, cho nên người ta mới bảo ông là vôi vôi vàng vàng, ngồi không nóng chiếu, ống khói hếp không bao giờ đen (ý nói ít khi ở nhà lâu) - (sách đã dẫn, trang 34).

Chúng tôi cho thuyết của Tôn Di Nương và Đường Kính Cáo vì bài *Lỗ vấn* 14 chép rằng vua Việt nhờ Công Thuợng Quá (một môn đệ của Mạc sai đi du thuyết ở Việt) cùng với nam chục cỗ xe lên nước Lỗ đón Mạc tử xuống Việt làm quân sư cho vua Việt, vua Việt xin cát nam tram dặm đất phong cho ; Mạc tử không nhận lời, bảo :

"Nếu vua Việt nghe lời ta, dùng đạo của ta thì ta sẽ tới, rồi xin được đủ ăn, đủ mặc, tự coi ta cũng như các bề tôi khác, chứ cầu được đất phong làm gì ? Nếu nhà vua không nghe lời ta, không dùng đạo của ta mà ta tới thì chỉ là vì lúa (vì bổng lộc). Ở đâu thì cũng được lúa, mà ở đâu cũng là Trung Quốc cả, hà tất phải tới nước Việt ?"

Nếu truyện đó đúng thì Mạc tử không muốn tới nước Việt, có lẽ vì biết rằng vua Việt không theo nổi đạo của mình.

CHƯƠNG III

TU CÁCH - TÀI NĂNG

Thấy một người nào không ham quyền vị, danh lợi, ta bảo người đó là một triết nhân vì bản tính chung và nét nổi bật nhất của các triết nhân cổ kim là ghét những cái đó. Không nói các ẩn sĩ và các nhà chủ trương "vô vi" như Lão Trang, Dương Chu - họ trốn tước lộc như trốn bệnh dịch - ngay phái "hữu vi" như Khổng, Mạnh, suốt đời bôn ba khắp các nước, tìm một ông vua biết dùng đạo của mình, cũng không phải là vì tước lộc mà vì muốn giúp đời.

Mạnh tử cho rằng kẻ sĩ có bốn phận phải làm quan cũng như nhà nông có bốn phen phải làm ruộng (Sĩ chi sĩ dã, do nông phu chi canh dã - *Đẳng văn Công hạ* - 3) "kẻ sĩ mất chức thì cũng như chư hầu mất nước. (Sĩ chi thất vị dã, do chư hầu chi thất quốc gia dã - như trên) và theo truyền thuyết thì Khổng tử lòng như không yên nếu ba tháng không được thờ vua (nghĩa là không

làm quan). Vậy mà Khổng tử trước sau chỉ được làm quan có mấy năm ở Lỗ, còn Mạnh tử thì suốt đời không được một ông vua nào giao cho một nhiệm vụ quan trọng gì cả, chỉ đóng vai "khách khanh" tức như chức cố vấn ngoại quốc, không có một chút quyền hành ; vì họ không chịu "uống xịch nhi trực tẩm" ⁽¹⁾, giữa đúng qui tắc, không chịu thỏa hiệp ; và cho rằng nước vô đạo (vua không thi hành đạo, nước hóa loạn) mà an lương của triều đình, là một điều đáng xấu hổ. (Bang vô đạo, cóc ; sĩ dã - *Luận ngữ* - *Hiếu vấn* 1).

Mặc tử về điểm đó đúng là một nhà Nho, cho nên ông bảo Công Thương Quá : "Nếu vua (Việt) không nghe lời ta, không dùng đạo ta mà ta tới thì là chỉ vì lúa (vì bổng lộc). Còn như vua Việt mà nghe lời ông, dùng đạo ông, thì ông chỉ xin được đủ an đủ mặc thôi.

Sự an mặc của ông chắc là đậm bạc lắm. Sinh trong giai cấp "tiện nhân", ông chịu khổ quen rồi, không khó tính như Khổng tử. (Khổng nếu thịt không tươi thì không ăn, cát không đều cũng không ăn, phải có gừng để thơm miệng và dễ tiêu hóa), và cũng không đòi các vua chúa phải cung phụng mình một cách trọng hậu như Mạnh tử (Mạnh cho rằng kẻ sĩ truyền đạo của tiên vương thì có quyền đi đâu đấy theo cả trăm cỗ xe, mấy trăm người tùy tùng, đến nước nào thì vua nước ấy phải cung cấp cho đủ mọi vật cần thiết, nếu cần tiền mà vua tặng

(1) Chịu cong một thước mà ngay thẳng một tấc - 10 thước, tức tạm thời thỏa hiệp, lần sai đạo của mình đi để lập nên sự nghiệp.

hàng tram dật vàng thì cũng có thể nhận được - Coi *Mạnh tử* của nhà Cảo Thơm 1975 - tr. 97 - 81).

Mặc tử không hề làm quan, cũng ít khi ở nhà, suốt đời đi khắp nơi lo việc thiên hạ, có lần đi một mình từ Lỗ tới Sở, ngày đêm không nghỉ, thì đời ông tất phải khác khổ rồi. Không và Mạnh, về già, biết đạo mình không thi hành được, trở về quê hương dạy học, còn được hưởng ít nam an nhân. Mặc tử hình như bôn ba cho tới chết. Chết ở đâu cũng không ai biết. Vốn ghét ca nhạc, ông không được hưởng cái vui nghệ thuật của Không tử ; lại ghét an nhân, ông cũng không bao giờ thoả lộ tâm sự hoặc nói truyện phiếm với môn sinh như Không tử. Sống trên bốn thế kỉ trước Ki-Tô, ông không bị đóng đinh trên thánh giá như Ki-Tô nhưng đã phải vác nó không phải mười mười lăm năm như Ki-Tô mà ít nhất là nam chục nam vì tương truyền ông thọ tám chín chục tuổi.

*

Triết gia thì có thể và thường có tinh thần hoài nghi, nhưng chính trị gia thì phải có đức tự tín. Muốn chiến đấu cho chủ trương chính trị của mình, muốn thuyết phục người khác, lời cuốn quần chúng thì phải tin chắc rằng chỉ mình mới đúng còn mọi người đều sai. Lão, Trang, là triết gia có lúc bàn qua về chính trị ; Không, Mạnh, Mặc, khác han, vừa là triết gia, vừa là chính trị gia, cho nên đức tự tín rất cao.

Khổng tử và Mạnh tử đều tin rằng trời giao cho mình sứ mạng nối nghiệp vua Văn, vua Võ và Chu Công. Khi bị người đất Khuông (nước Vệ) toan hãm hại vì tưởng lầm là Dương Hổ, Khổng tử nói với môn sinh : "Vua Văn vương đã mất, lễ nhạc, chế độ của ngài chẳng truyền lại cho thấy đấy ư ? Nếu Trời muốn để mất lễ nhạc, chế độ ấy thì sao lại giao phó cho thấy ? Đã giao phó cho thấy thì người đất Khuông làm gì được thấy ? (Luận ngữ - Tử Hãn 5). Rồi khi sắp mất, ông than thở : "Núi Thái sơn sắp sụp, cây thương lương sắp đổ, bậc triết nhân sắp mất".

Còn Mạnh tử thì bảo một môn sinh là Sung Ngu : "Trời chưa muốn cho thiên hạ được bình trị, chứ nếu muốn thì thời này, không dùng ta thì dùng ai ?" (Cổng môn Tử Hạ, 13). Ông chê sự nghiệp của Tể Hoàn công và Quán Trọng nhỏ nhen, không thêm làm ; và muốn được như vua Văn, vua Võ nhà Chu kia.

Mạc tử không tự cho mình là được Trời giao phó sứ mạng nhưng cũng nghĩ chí học thuyết, chủ trương của mình mới đúng. Thiệt *Quý nghĩa*, 19, ông bảo : "Lời nói của ta dùng được. Kẻ nào không dùng lời của ta mà thay đổi tư tưởng của ta (suy nghĩ khác ta) thì cũng như không gặt lúa mà đi mót bông lúa vậy ; kẻ nào dùng lời của mình mà bài bác lời của ta thì cũng như cầm trứng ném vào đá, ném hết trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên, không sút mẻ được". (Ngô ngôn tức dụng hĩ. Xả ngô ngôn cách tư giả, thị do xã hoạch nhi quân tức dã. Dĩ kì ngôn phi ngô ngôn giả, thị do dĩ noãn đầu thạch dã. Tận thiên hạ chi noãn, kì thạch do thị dã, bất khả hủy dã).

Tư tín tới mức đó thì tất nhiên bắt chấp dư luận.

Trên bước đường hôn ba, thấy trò Khổng tử mấy lần gặp một số ẩn sĩ và bị họ chê là không biết thời, thời loạn rồi không cứu vãn được nữa mà đi tìm mình quân làm gì cho phí sức. Khổng tử ngậm ngùi than : "Nếu thiên hạ mà hữu đạo (không loạn) thì Khâu này cần gì phải sửa đổi". *Vi tử* - 6. Còn Tử Lộ (học trò Khổng tử) thì bảo : "Người quân tử ra làm quan là để thi hành cái nghĩa trung quân ái quốc, chứ đạo mà không làm được thì ai cũng biết rồi" (*Vi tử* - 7). Tử Lộ muốn nói : cứ làm được đến đâu thì làm cho hết bốn phận của mình. Hai ông đó nhận những lời chê của các ẩn sĩ là đúng, nên có giọng buồn, nhưng vẫn không bỏ chủ trương của mình.

Cao Thạch tử, một môn đệ của Mặc tử, tinh thần không giả gian bằng Tử Lộ, còn ngại bị người ta chê. Ông ta do Mặc tử giới thiệu được vua Vệ cho làm quan khanh, bổng lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, đều trình bày hết những điều mình muốn nói nhưng không điều nào được vua Vệ thi hành cả, bèn bỏ đi, qua Tể, thưa với Mặc tử :

— Vua Vệ vì thấy mà cho con làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Con ba lần vào chầu, nói hết những điều con muốn nói nhưng không điều nào được thi hành cả, vì vậy mà con bỏ đi. Vua Vệ không cho con là khùng chứ ?

Mặc tử đáp :

– Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là khùng, có hại gì đâu ? (Khử chi cầu đạo, thụ cuồng hà thương ?). Xưa ông Chu công Đán chê Quản Thúc ⁽¹⁾ mà từ chức tam công, qua đất Thương Yêm ở phía Đông, ai cũng cho là khùng, nhưng đời sau khen đức của ông, nêu danh ông lên, tới bây giờ vẫn còn trọng ông. Vả lại Địch này nghe rằng làm điều nghĩa thì đừng tránh lời chê, tìm lời khen (Địch van chi, vi nghĩa phi tị hủy tuu dư). Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là khùng, có hại gì đâu ?

Cao Thạch tử thưa :

– Thạch con bỏ đi, đâu dám trái đạo. Xưa thấy có dạy con : "Thiên hạ vô đạo thì kẻ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu". (Thiên hạ vô đạo, nhân sĩ bất xử hậu yên ⁽²⁾).

Mặc tử khen là bỏ lộc mà theo nghĩa, mới thấy một người là Cao Thạch tử (*Canh Trụ* - 13).

Truyện dưới đây (*Canh Trụ*, 6) còn thú vị hơn nữa. Chính Mặc tử bị Vu Mã tử chê là khùng. Vì "thấy làm việc nghĩa, tôi chưa thấy ai phục thấy, cũng như thấy quỷ thần ban phúc cho thấy, mà thấy vẫn cứ làm".

(1) Cõi chú thích trong phần dịch - Thiên *Canh Trụ* - 13.

(2) Câu này nghĩa cũng tựa như câu : Bang vô đạo, cốc, sĩ dã của Khổng tử chúng tôi đã dẫn ở trên. Mạnh tử cũng nghĩ rằng kẻ sĩ ra làm quan là vì đạo ; nhưng có khi vì nghèo mà phải làm quan, thì nên từ chối chức vị cao mà nhận chức vị thấp, từ chối bổng lộc lớn mà nhận bổng lộc nhỏ : Sĩ phi vị bản giả, nhi hữu thời hô vị bản... Vì bản giả, từ tôn cư ti, từ phú cư bản - Vạn Chương hạ - 5).

Mặc tử không đáp, chỉ hỏi lại một câu :

– Ví dụ ông có hai người giúp việc, một người trước mặt ông thì làm việc, vắng mặt ông thì không làm, còn người kia dù có mặt hay vắng mặt ông cũng làm, thì ông quý người nào ?

Vu Vũ tử đáp : - Tôi quý người dù có mặt hay vắng mặt tôi cũng làm việc.

Mặc tử bảo :

– Vậy là ông cũng quý người mắc tật khùng rồi đấy.

Mặc tử trong truyện đó thật nhanh trí và có tài ăn nói. Chúng ta có thể tưởng tượng nụ cười mỉa mai của ông khi nói câu cuối đó. Ông đã chẳng sợ bị chê là khùng mà còn tự hào rằng mình khùng vì khùng như ông mới đáng quý.

*

* *

Hai đức kể trên – không ham quyền vị, danh lợi mà sống đạm bạc, với tự tín, coi thường dư luận - thì nhiều người có thể bằng Mặc tử được ; đến đức nhiệt tâm cứu đời, tận tụy vì nhân loại thì cổ kim, Đông Tây không thể có được người thứ hai.

Ít nhất là ông ta đã ba lần răn cứu cho dân tộc Trung Hoa khỏi cái nạn dân chém nhau và ông đã thành công hai lần : thuyết phục được Lỗ Dương Văn Quân dừng

đánh Trịnh và Sở Huệ vương dùng đánh Tống. (lần thuyết vua Tể có lẽ ông đã thất bại).

Li kì nhất là lần thuyết Sở Huệ vương. Người nào đã chép truyện đó thành một thiên riêng, là nhận thấy giá trị đặc biệt của nó. Nó dài nhất, hay nhất, không thể sáp chung với các truyện khác được. Chỉ một mình nó cũng đủ miêu tả tư cách cùng tài năng của Mạc tử.

Ông chủ trương ngôn hành hợp nhất. Ở trên chúng tôi đã dẫn câu : Chính giả, khẩu ngôn chi, thân tất hành chi" của ông trong bài *Công Mạnh* 24.

Ông dả đảo sự đánh chiếm nước khác, cho là bất nghĩa ; cho nên hay tin nước Sở sắp đánh chiếm nước Tống, ông phải tới thuyết phục, ngăn cản, dù cách xa hàng ngàn dặm.

Và ông lên đường ngay, đi luôn mười ngày đêm không nghỉ, tới nỗi quần rách, giày rách, hổ chân ra, khó tưởng tượng có người chịu cực khổ nổi như vậy.

Ông thuyết Công Thâu Ban trước chứ không yết kiến Vua Sở vội, vì ông biết Ban chủ mưu, nếu Ban chịu bỏ, không dùng thang mây thì vua Sở sẽ không còn muốn đánh Tống nữa. Nhưng gặp Ban, ông không nói tới thang mây vội mà xin Ban giúp một việc, giết giùm một kẻ thù cho mình. Dĩ nhiên, Ban không chịu làm việc bất nghĩa đó.

Gài bẫy xong rồi, Mạc tử mới tấn công tới tấp, buộc Ban ba tội : bất nhân vì giúp một nước lớn đánh một nước nhỏ vô tội ; bất trung vì không biết can ngăn vua.

để vua làm một việc mình biết là không phải ; mâu thuẫn với bản thân vì không chịu giết một người mà lại tinh chuyên giết nhiều người.

Ban không cãi lại, trút trách nhiệm lên vua Sở. Tức thì Mạc tử vô ýết kiến vua Sở, cũng lại dùng thuật gài bẫy nữa, đưa một thí dụ người giàu có mà ăn trộm của người nghèo, hỏi vua Sở như vậy có phải là có tội ăn trộm không. Vua Sở nhận là phải. Lúc đó Mạc tử mới buộc tội ba quan khanh của Sở là quân gian, có tội ăn trộm nước Tống vì Sở giàu mà Tống nghèo. Chúng ta để ý : Mạc tử trút tội lên ba quan khanh mà làm bộ cho rằng vua Sở không có ý đánh Tống vì biết việc đó hại cho điều nghĩa. Ông hiểu tâm li bợn vua chúa, không muốn làm cho họ xấu hổ, nên không nói thẳng, máng vào mặt vua như Mạnh tử (coi thiên *Lương Huệ vương thượng và hạ* trong Mạnh tử).

Vì vậy vua Sở đã không giận ông mà còn khen là "hay" ; nhưng rồi lại đổ lỗi cho Công Thâu Ban.

Mạc tử lại trở về thuyết phục Ban. Lần này ông không đem nhân nghĩa, mà đem thực tế ra thuyết phục. Ông đã chuẩn bị kĩ, đã tìm cách phá chiến thuật của Ban, bày trận trên mặt bàn, dùng cái đai tượng trưng cho thành, thẻ tre tượng trưng cho binh khí. Ban dùng hết các kiểu máy để đánh thành, ông phá được hết các máy đó. Ban chịu thua, nhưng nảy ra cái ý muốn giết ông, để không còn ai phá được kế hoạch của mình.

Mạc tử cũng đã tiên liệu được điều đó, nên trước khi đi lại Sở, ông đã sai một bọn môn đệ ba trăm người,

dưới sự điều khiển của Cẩm Hoạt Li, dùng những khi giới chống thang mây để bảo vệ thành trì cho Tống. Vậy dù Mạc tử có bị Sở ám sát thì vẫn còn môn đệ của ông. Lúc đó vua Sở mới chịu bỏ việc đánh Tống.

Chúng ta thấy ông nhiệt tâm cứu đời :

- Nói thì làm, làm cho kì được, không kể gian lao :
- Trước khi làm thì chuẩn bị, xếp đặt kĩ, phòng trước mọi việc sẽ xảy ra để kịp thời đối phó.
- Kiên nhẫn, thuyết một lần không được thì thuyết ba lần.
- Hiểu tâm lí người đối thoại, đón trước ý của họ, dẫn họ vào chỗ bí để buộc họ phải bỏ ý của họ mà chấp nhận ý của mình.

Đức nhiệt tâm, kiên nhẫn của ông cũng hiện rõ trong bài *Qui nghĩa 2* : Một người quen cũ ở Tế khuyên ông thôi đi, đừng làm điều nghĩa nữa cho khổ thân vì thiên hạ loạn quá rồi, không ai làm điều nghĩa cả. Ông đáp : "Gia đình nọ có 10 người con, một người cày ruộng còn chín người ở không, thì người cày ruộng đó không thể không làm gấp lên được. Tại sao ? Tại số người an thì đông mà số người cày ruộng thì ít. Thiên hạ ngày nay không làm điều nghĩa thì bác nên khuyến khích chứ sao lại ngăn tôi ?"

So sánh lời đó của Mạc tử với lời thầy trò Khổng tử sau khi gặp các ẩn sĩ (đã dẫn ở trên), chúng ta thấy nhiệt tâm của Mạc hơn hẳn hai nhà kia. Sinh sau Khổng,

sống trong một thời đại loạn hơn thời đại của Khổng, mà ông không hề chán nản, trái lại càng hăng hái hơn, sự khó khăn trong công việc chỉ kích thích ông thêm thôi. Không hiểu nếu sống vào cuối thời Chiến Quốc như Tuân tử hay Hàn Phi phải mục kích những cuộc chém giết rừng rợn, những mưu mô quỷ quyệt, những sự bội phản trắng trợn, ông sẽ hăng hái tới đâu nữa.

Cứ thấy việc phải làm là Mặc tử làm, dù không được ai khen, không được quỷ thần biết tới thì cũng cứ làm. (*Canh Trụ* - 6 đã dẫn ở trên). Hơn nữa, dù không có kết quả, chỉ nội cái ý tốt muốn làm điều nghĩa cũng đáng khen rồi, như trong bài *Canh Trụ*, 4 ông trả lời Vu Mã tử.

Lần đó Vu Mã tử trách ông :

- "Thấy gồm yêu thiên hạ mà chưa thấy có lợi gì cho thiên hạ ; tôi không yêu thiên hạ mà không thấy có hại gì cho thiên hạ. Chưa thấy kết quả mà sao thấy đã tư cho mình là phải mà chê tôi ?"

Mặc tử hỏi vặn lại :

- Nay có người nổi lửa lên, một người xách nước lại tưới cho tắt, một người thêm lửa vào, kết quả chưa thấy, nhưng ông quý người nào ?

Vu Mã tử đáp :

- Tôi quý cái ý muốn của người xách nước tưới và chê cái ý muốn của người thêm lửa vào.

Mặc tử bảo :

– Tôi cũng cho ý muốn của tôi là phải mà chê ý muốn của ông”.

*

Vì nhiệt tâm cứu đời, ông đi đâu cũng thuyết phục thiên hạ làm điều nghĩa, mở đường cho các thiện sĩ đời sau, từ Mạnh tử tới Tô Tấn, Trương Nghi ; dĩ nhiên tu cách của ông khác hẳn Tô, Trương, và chỉ có Mạnh tử có thể ví với ông được thôi. Mạnh tử bị người đương thời chê là hiếu biện (*Mạnh tử - Đằng Văn công hạ*, 9), ông cũng bị chê là nói nhiều quá. Lần nào ông cũng nhanh trí, chỉ hỏi vặn lại một câu (như trong truyện kể trên), hoặc dùng ngay lời của kẻ đối thoại để đập lại, có khi dùng cả hai thuật đó, như trong bài *Công Mạnh 2* :

Công Mạnh tử bảo ông :

– “Mình làm điều thiện thì ai mà không biết ? Như người đồng cốt giỏi, không ra khỏi nhà cũng có du gao ngon (người ta đem cúng hoặc tạ ơn), người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân. Còn như mình hành động mà tự khoe thì chẳng ai dùng mình. Nay thấy đi thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy ?

Ông đáp :

– Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới ; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết”.

Câu đó đủ để bác lời nông nổi của Công Mạnh từ rồi : nhưng ông còn hỏi vạ thêm :

– "Vả lại có hai người bói (bằng cỏ thi) đều giỏi cả, một người đi khắp nơi để bói cho người ta, một người không ra khỏi nhà thì người nào được nhiều gạo ngon ?

Công Mạnh từ đáp :

– Người đi bói cho người ta được nhiều gạo ngon hơn.

Mặc từ kết :

– Vậy, đức nhân nghĩa ngang nhau, người đi thuyết phục mọi người thì công làm điều thiện tất cũng nhiều hơn, thế thì tại sao lại không đi thuyết phục ?"

Chẳng phải riêng bọn sĩ hay quân tử không ưa ông, ngay hạng ẩn sĩ cũng hiểu lầm ông nữa. Trong thiên *Lỗ vấn* có hai bài 12 và 13 chép lời Mặc tử đáp Ngô Lự. Ngô Lự ở miền Nam Bì nước Lỗ, noi gương vua Vũ, tự làm lấy đồ gốm mà dùng và cấy lấy ruộng mà ăn, hai lần chê Mặc tử là ham thuyết quá, sao không lảng lạng làm điều nghĩa. Hai lần, Mặc tử đều đáp đại khái như nhau, nhưng lần sau, lời lẽ gọn hơn ; ông bảo :

– "Thí dụ trong thiên hạ không ai biết cấy ruộng (ông lấy ngay nghề của Ngô Lự làm thí dụ). Dạy cho thiên hạ cấy ruộng với không dạy mà riêng mình tự cấy ruộng thì cách nào kết quả nhiều hơn ?

Ngô Lự đáp :

– Dạy người ta cấy thì kết quả nhiều hơn.

– Thi dụ đánh một nước bất nghĩa. Đánh trống thúc quân sĩ tiến lên với không đánh trống thúc quân mà riêng mình tự xông lên chiến đấu thì cách nào kết quả nhiều hơn ?

– Đánh trống thúc quân thì kết quả nhiều hơn.

Rồi Mạc tử kết :

– Trong thiên hạ, hạng dân thường và kẻ sĩ đi bộ (chưa hiển đạt) ít biết điều nghĩa, dạy điều nghĩa cho thiên hạ thì kết quả cũng nhiều hơn, vậy thì tại sao không dùng lời để thuyết ? Nếu dân chúng được cổ động mà tiến về việc nghĩa thì cái nghĩa của tôi chẳng cũng tiến thêm nhiều ư ?”

Mạc tử luôn luôn dùng những thí dụ cụ thể như vậy để so sánh rồi đặt câu hỏi để kẻ đối thoại dễ hiểu và không cãi được. Ông quả có tài thuyết phục thiên hạ.

Nhờ tư cách rất cao và tài thuyết phục đó mà ảnh hưởng của ông rất lớn, ngang với ảnh hưởng của đạo Khổng trong suốt thời Chiến Quốc. Mạnh tử sống sau ông khoảng một trăm năm phải nhận rằng học thuyết của ông và của Dương Chu lan tràn thiên hạ, khi bàn bạc người nào không theo Dương thì theo Mạc. Một trăm năm sau nữa, ảnh hưởng của Dương gần như không còn, trái lại đạo Mạc vẫn còn là một học thuyết danh tiếng nhất, ngang với học thuyết của Nho (lời của Hàn Phi trong thiên *Hiển học*). Học thuyết của ông bị nhiều người dả, người dả mạnh nhất là Mạnh tử. Mạnh bảo : “Họ Dương vị ngã, như vậy là không có vua, họ Mạc

kiêm ái, như vậy là không có chấ, không vua tức là cấm thú, (Dương thị vị ngã, thị vô quân dã : Mặc thị kiêm ái, thị vô phụ dã. Vô phụ, vô quân, thị cấm thú dã - *Đẳng Văn Công hạ*, 9) ; nhưng chính Mạnh cũng phải nhận rằng ông hi sinh cho thiên hạ, "dù mòn trán lông gót mà có lợi cho thiên hạ thì cũng làm" (ma đính phóng trủng⁽¹⁾ lợi thiên hạ vi chi - *Cáo tử hạ*). Lời đó là lời chê mà chính là một lời khen.

Sách *Trang tử*, thiên *Thiên hạ*, tuy chê thấy trò Mặc tử : "Dụng tâm của Mặc tử và Cẩm Hoạt Li tốt nhưng thực hành thì sai. Họ khiến cho những người đời sau học đạo của họ ganh đua nhau lao khổ tới nỗi dui teo, ống chân rụng hết lông. Như vậy khá hơn loạn, nhưng chưa được là trị".

Nhưng cũng phải khen Mặc tử là "người tốt trong thiên hạ, không tìm được người nào khác như ông ấy. Chịu cực khổ, dù cho thân thể khô nứt, ông ấy cũng không bỏ việc giúp đời. Thật là bậc sĩ có tài năng. (Mặc tử chân thiên hạ chi hảo dã, tương cầu chi bất đắc dã, tuy khô cảo bất xả dã, tài sĩ dã phù).

*

* *

Vì nhiệt tâm quá, nên Mặc tử sống khác khổ và bất môn sinh cũng phải chịu khác khổ như mình. Chỉ có

(1) Bốn chữ này cũng có thể hiểu là : mòn tấm thân từ đầu tới gót chân.

mỗi một lần ông khen một môn sinh. Thạch Tử Cao, là biết trọng nghĩa hơn bổng lộc (*Canh Tru* 13, đã dẫn ở trên) ; còn ba lần khác, ông chê môn sinh. Bài *Quý nghĩa* 15, ông vạch cái lỗi ham bổng lộc của một đệ tử đương làm quan ở Vệ mà bỏ về chỉ vì vua Vệ hứa ban cho một ngàn bó lúa mà sau chỉ phát cho có nam tram bó ; một lần nữa ông không cho Thảng Xước làm quan nữa vì coi bổng lộc trọng hơn điều nghĩa :

Mạc tử bắt đệ tử phải làm việc tận lực, rầy họ khi họ không làm vừa ý ông, khiến Canh Tru - một đệ tử của ông - có lần đã phản kháng, bảo : "Con không hơn người khác sao ?" ; nhưng rồi ông lại ôn tồn giảng giải, vuốt ve Canh Tru : "Ta muốn lên núi Thái Hằng, có một xe thặng ngựa kí (loài ngựa giỏi) với một xe thặng cừu, thì anh đánh xe nào ?" Canh Tru tử đáp : "Đánh xe thặng con ngựa kí". - "Tại sao vậy ?" - "Tại con ngựa kí mới đủ sức leo núi" - "Ta cũng cho anh là đủ sức làm việc đó". Được thấy cho mình vào hàng ngựa kí, Canh Tru tất hãnh diện và phấn khởi.

Vậy đối với đệ tử, Mạc tử nghiêm trang mà ôn tồn, công bằng (hiểu tâm lí và tài năng họ) nhưng không thân mật với họ như cha với con. Đọc bộ *Mạc tử* chúng ta không thấy thấy trò ông tâm sự với nhau, nói đùa với nhau như thấy trò Khổng tử trong *Luận ngữ*. Mạc không khóc thương một môn đệ nào, không giận dữ với họ như cha giận con, mà môn đệ cơ hồ cũng không quyến luyến với ông như Nhan Hối, Tử Cống quyến luyến với Khổng tử. Ông coi học trò của ông chỉ như

những đảng viên dưới quyền ông thôi. Về phương diện đó, chúng ta quý Khổng tử hơn ông nhiều.

Trong bài *Quý nghĩa*, 6 ông khuyên chúng ta :

"Phải trừ bỏ sáu sự thiên lệch đi. Khi làm thịnh thì suy nghĩ, khi nổi thì phải ran mình, khi cử động thì phải để làm việc, ba cái đó thay nhau mà dùng thì thành thánh nhân. Phải trừ bỏ mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét mà dùng nhân nghĩa : tay chân, miệng mũi, tai dùng vào việc nghĩa thì tất thành thánh nhân". (Tất khứ lục tịch. Mặc tác tư, ngôn tác hối, động tác sự. Sử tam giả đại ngư, tất vi thánh nhân. Tất khứ nộ khứ lạc, khứ bi, khứ ái, khứ ố nhi dụng nhân nghĩa ; thủ, túc, khẩu, tị, nhĩ tòng sự ư nghĩa, tất vi thánh nhân -).

Giọng sao mà giống giọng Hàn Phi sau này thế. Rõ là con người nhiều lí trí mà sợ tình cảm. Hàn Phi chắc đã đọc *Mặc tử* nên mới khuyên các vua chúa nên khứ hiếu, khứ ố, thì mới trị được bệ tôi mà thành một minh quân (*Hàn Phi tử - thiên Nhị bình*). Có lẽ vì ông quá ham cứu đời, quá nóng nảy làm điều nghĩa nên không muốn bận tâm vì tình cảm và đôi khi có những hành động không cân nhân tình.

Như lần một môn đệ của ông vì chiến đấu mà chết. Cha người đó lại khiển trách ông. Ông đáp : "Ông muốn tôi dạy con ông. Nó học thành tài, chiến đấu mà chết, thì ông lại oán giận, như vậy không khác gì muốn có thóc, mua được rồi thì lại oán giận, chẳng cũng ngược lí ư ?" (*Lỗ vấn 11*) Có lẽ ngược lí đấy, nhưng Mặc tử không hiểu được tình cha thương con mà cũng đòi hỏi

ở người cha đó quá nhiều : có phải ai cũng nhận như ông rằng hi sinh để bênh vực một nước yếu không phải nước mình, là làm một việc nghĩa cao cả đâu. Giá Mạc tử giảng giải rồi an ủi người đó thì phải hơn.

Lần dưới đây Mac còn đáng trách hơn nữa. Ông thấy một thanh niên cường tráng, thông minh, dự đồ anh ta theo học mình và hứa sẽ cho làm quan. Anh ta nghe lời, học được một năm, xin ra làm quan. Ông đáp : "Không giới thiệu cho anh làm quan ! Anh đã đọc sách *Lỗ ngữ* không ? Một nhà nọ ở nước Lỗ có năm anh em. Cha chết, người con trưởng ham rượu và không lo việc chôn cất với các em. Bốn người em bảo : "Anh lo việc chôn cất cha với chúng em, chúng em sẽ mua rượu cho uống". Được khuyến khích như vậy, người anh chung lo việc chôn cất. Chôn cất xong, hán đòi bốn em mua rượu cho mình. Bốn người em đáp : "Tội em không mua rượu cho anh ! Anh chôn cất cha, chúng tôi cũng chôn cất cha, cha là cha chung, chứ đâu phải của riêng chúng tôi. Anh không chôn cất cha thì người ta cười anh, cho nên chúng tôi mới khuyến khích anh chôn cất. "Nay anh làm việc nghĩa, ta cũng làm việc nghĩa, đâu phải là việc nghĩa riêng của ta. Anh không học thì người ta cười anh, cho nên ta mới khuyến khích anh học".

Lừa gạt dễ tử như vậy dù là vì việc nghĩa, là điều không nên. Người ta có thể ngờ rằng ông không từ một phương tiện nào, miễn đạt được cứu cánh.

CHƯƠNG IV

BỘ MẶC TỬ

Các triết gia cuối đời Xuân Thu và đầu đời Chiến Quốc thích giảng đạo hơn viết sách vì viết sách hồi đó là một công việc khó nhọc (phải dùng sơn làm mực, lưỡi dao làm bút, thẻ tre làm giấy), mà lại ít người biết chữ, phổ biến tư tưởng bằng cách đó không được rộng rãi, công hiệu. Thêm một lẽ nữa, họ cho công việc cứu đời là quan trọng, chỉ khi nào thấy đời không dùng mình, mới lui về quê hương, bắt đầu dĩ trú tác để lưu lại học thuyết của mình cho đời sau, như trường hợp Khổng tử và Mạnh tử.

Mặc tử, như trên chúng tôi đã nói, nhiệt tâm hơn Khổng, Mạnh, không bao giờ tỏ ý chán nản, nghĩ tới chuyện bỏ cuộc, về vườn nghỉ ngơi, mà có thể đã bốn ba khắp nơi truyền đạo cho tới khi chết, cho nên không nghĩ tới việc viết sách. Bộ *Mặc tử* không phải do ông viết mà do các đệ tử và người đời sau ghi chép.

Theo phần *Nghệ văn chí* trong bộ *Hán thư* thì bộ dó đời Hán gồm 71 thiên ⁽¹⁾ Qua đời Tống bộ *Trung hưng quán các thư mục* ghi là còn 61 thiên. Vậy là từ Hán tới Tống đã mất 10 thiên. Bản hiện nay lưu hành chỉ còn có 53 thiên (chia làm 15 quyển), thế là mất thêm 8 thiên nữa, có lẽ là từ sau khi nhà Tống dời xuống phương Nam.

Năm mươi ba thiên đó, hai học giả Lương Khải Siêu và Hồ Thích chia làm nam "tổ" hoặc vì nội dung, hoặc vì thể tài (hình thức) có điểm giống nhau.

Tổ I gồm 7 thiên :

- | | |
|--------------|----|
| 1- Thân sĩ | 親士 |
| 2- Tu thân | 修身 |
| 3- Sở nhiệm | 所集 |
| 4- Pháp nghi | 法儀 |
| 5- Thất hoạn | 七患 |
| 6- Từ quá | 辭遇 |
| 7- Tam biện | 三辨 |

Về tác giả ba thiên đầu, ý kiến các học giả còn phân vân. Phương Thu Sở cho rằng thiên 1 *Thân sĩ* có xen vài

(1) 71 thiên đó có lẽ do Lưu Hưởng đời Hán (-79-8 tr.TL) thu thập, sắp đặt, hiệu đính qua loa và đặt tên, nhưng không ghi tác giả, vì không biết chắc tác giả là ai. Cách đặt tên thiên thì cứ lấy hai chữ ở đầu thiên, cũng như các sách *Luận ngữ*, *Mạnh tử*... Những thiên mà nhan đề có ý nghĩ như *Kiểm ái*, *Phi công* thì có thể đã có sẵn, do người viết đặt ra.

tư tưởng của Đạo gia, như "giếng ngọt thì mau cạn, cây tốt thì mau bị đốn", "thịnh quá thì khó giữ" (mau suy), có thể là do một người trong Đạo gia ngụ ý ; nhưng đại thể thì thiên đó diễn cái ý tôn hiển trong sĩ trong thiên *Thuận hiên*, cho nên không thể bảo là tư tưởng của Đạo gia được, vì vậy Ông Trung trong *Mặc tử tự* ngờ là của Nho gia ngụ ý, còn La Can Trạch trong *Chu tứ khảo* sách khẳng định là của Mặc gia thời sau viết.

Thiên 2 *Tu thân*, Ông Trung cũng cho là của Nho gia vì giọng thuận như giọng nhà Nho mà vấn đề tu thân là vấn đề quan trọng của đạo Nho. La Can Trạch bảo Mặc gia cũng trọng tu thân vậy. Chứng cứ là bài *Lỗ vấn* 12, Mặc tử nói với Ngô Lự : "Kể sĩ đi bỏ dùng lời của tôi thì đức hạnh tất sẽ sửa chữa" ; nhất là bài *Qui nghĩa* 11, Mặc tử bảo : "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa, mà có ai giúp họ sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại tiếp tay cho thì giận, há chẳng ngược đạo ư ?"

Vả lại trong thiên có câu : "Người quân tử khi ra trận thì bày trận thế, nhưng gốc là phải có dũng khí ; trong việc chôn cất phải theo lễ, nhưng gốc là tấm lòng sâu bi ; kẻ sĩ tuy phải học, nhưng gốc là đức hạnh". Hai mục sau, bảo là chủ trương của Nho hay của Mặc đều được, nhưng mục đầu thì rõ là chủ trương của Mặc vì Mặc trọng cả van lãn vô, còn Nho trọng van mà khinh vô.

Xét chung thì trong *Tu thân* tư tưởng của Mặc nhiều hơn của Nho, nên La Can Trạch cũng cho là của Mặc gia thời sau viết.

Thiên 3 *Sở nhiễm* chép :

Thấy Mặc tử than thở vì thấy tư sống nhuộm vàng thì ra vàng, nhuộm xanh thì ra xanh. Có học giả căn cứ vào đó, cho rằng thiên đó luận về tính người, và phải xuất hiện sau khi các triết gia tiên Tần đã bàn nhiều về vấn đề đó. Do đó Lương Khải Siêu bảo thiên 3 cũng ngụy tạo nữa. La Cẩn Trạch nhận rằng nó không phải của môn sinh Mặc tử viết, nhưng chắc chắn là của Mặc gia đời sau viết chứ không phải của Nho gia ngụy tạo vì Nho gia ghét Mặc, ngay Mặc tử cũng ít khi Nho gia nhắc tới, đâu thêm nhắc tới Cầm tử, học trò của Mặc, như trong thiên đó.

Tóm lại ba thiên đầu chứa vài tư tưởng của Đạo gia và vài tư tưởng chung của Nho và Mặc, nên một số học giả cho là của Đạo gia và Nho gia ngụy tạo ; nhưng La Cẩn Trạch bảo đều là của Mặc gia đời sau viết. Chúng tôi nghĩ Đạo gia và Mặc gia chủ trương ngược hẳn nhau (một bên vô vi, một bên cực hữu vi), còn Nho gia oán ghét Mặc gia, mắng là bọn "không cha" ; như vậy Đạo gia và Nho gia nào mà ngụy tạo những thiên chứa tư tưởng của Mặc gia đó tất không phải là Đạo gia và Nho gia chân chính, mà trái lại đã bị ảnh hưởng đậm của Mặc rồi ; coi họ là Mặc gia đời sau (chịu ảnh hưởng ít nhiều của Nho, Lão) như La Cẩn Trạch, có phần hợp lý hơn).

Về bốn thiên sau, ý kiến của các học giả tương đối nhất trí. Ai cũng nhận rằng cả bốn thiên đều diễn thêm những tư tưởng của Mặc tử. Thiên 4 *Pháp nghi* diễn

những "du nghĩa" (ý nghĩa thừa) của các thiên *Thiên chí* ; hai thiên 5 *Thất hoạn*, 6. *Từ quá* diễn du nghĩa của các thiên *Tiết dụng* ; còn thiên 7. *Tam biện* thì diễn du nghĩa của thiên *Phi nhạc* ⁽¹⁾. Đúng như Lương Khải Siêu nói, bốn thiên ấy tóm tắt những điểm chính của đạo Mặc. Vì vậy La Càn Trạch và Phương Trạ Sở đều cho là của Mặc gia đời sau viết. (giữa hai cuối đời Chiến Quốc). Chỉ có Tiễn Mục xét "văn khí" trong bốn thiên đó, ngỡ là của người đời Tây Hán, nhưng La Càn Trạch chê Tiễn Mục là nói vu vơ (sách đã dẫn - tr.172).

*

Tổ II gồm 24 thiên.

Tổ này lớn nhất (gồm 33 thiên. mất 9, còn 24), quan trọng nhất vì do môn đệ của Mặc tử chép lời giảng của ông, (có thể là chép trong khi Mặc còn sống), cho nên đáng tin nhất.

Tổ còn có thêm hai đặc điểm này nữa :

– Các thiên trong tổ I không dùng những chữ "Tử Mặc tử" (Thầy Mặc tử) mà hầu hết các thiên trong tổ II này (chỉ trừ thiên *Phi công, thượng* và thiên *Phi Nho, hạ*) đều dùng những chữ đó.

– Tổ gồm 11 đề : Thượng hiền, Thượng đồng, Kiêm ái v.v... mà đề nào cũng gồm ba thiên : thượng, trung, hạ.

(1) Về các thiên *Thiên chí*, *Tiết dụng*, *Phi nhạc*, coi ở đoạn sau.

Dưới đây là tên các thiên đánh số tiếp theo 7 thiên trong tổ I :

- 8-9-10- Thương hiến thượng, trung, hạ.
- 11-12-13- Thương đồng, thượng, trung, hạ.
- 14-15-16- Kiêm ái thượng, trung, hạ.
- 17-18-19- Phi công thượng, trung, hạ.
- 20-21- Tiết dụng thượng, trung, (mất hạ).
- 22- Tiết táng hạ (mất thượng, trung).
- 23-24-25- Thiên chi thượng, trung, hạ.
- 26- Minh qui hạ (mất thượng, trung).
- 27- Phi nhạc thượng (mất trung, hạ).
- 28-29-30- Phi mạng thượng, trung, hạ.
- 31- Phi Nho hạ (mất thượng, trung).

Theo Hàn Phi thì sau khi Mạc tử mất, Mạc học chia làm ba phái : phái của họ Tương Lí, phái của họ Tương Phu và phái của họ Đặng Lang. (*Hàn Phi tử* - *Thiên Hiến học*). Một số học giả đời Thanh như Du Viêt và Lương Khải Siêu can cứ vào thuyết đó mà đoán rằng mỗi đề tài trong tổ này sở dĩ chia làm ba thiên ý và lời đại đồng tiểu dị, là do ba phái chép riêng lời của Mạc tử, rồi người đời sau thu thập hết cho đủ.

Các thiên thượng, trung, hạ khác nhau nhiều về dài ngắn : xin coi bảng so sánh số chữ của mỗi thiên dưới đây do La Can Trạch can cứ vào bản đời Gia Tĩnh nhà Minh mà lập và cho in trong *Chu tử Khảo sách* tr.179).

<i>Tên thiên</i>	<i>Thượng</i>	<i>Trung</i>	<i>Hạ</i>
Thượng hiển	819	2338	1495
Thượng đồng	795	2389 ⁽¹⁾	1871
Kiểm ái	563	1307	2721 ⁽²⁾
Phi công	426	1276	2002
Tiết dụng	596	chỉ còn 572	
Tiết táng			812
Thiên chí	1362	2302	2284
Minh quý			2401
Phi nhạc	1540		
Phi mạng	1473 ⁽³⁾	991	1436
Phi nho			1926

Bảng đó đại khái giống bảng của Vệ Tự Hiển do Phương Thụ Sổ dẫn trong *Mặc học nguyên lưu* trang 45, chỉ khác :

(1) *Thượng đồng* (trung, La đếm được 2389 chữ, Vệ đếm được 1396 chữ thôi. Chúng tôi không biết bảng nào sai vì không có bản chữ Hán.

(2) *Kiểm ái, hạ*. La đếm được 2721 chữ, Vệ đếm được 1885 chữ thôi. Chúng tôi ngờ rằng bảng của Vệ sai vì bản của Thượng vụ ấn thư quán gồm trên 2300 chữ.

Chúng ta nhận thấy có vài ba thiên trung nhiều chữ hơn thiên hạ, ngược lại cũng có vài ba thiên hạ nhiều chữ hơn thiên trung ; nhưng hết thấy các thiên thượng đều ngắn hơn thiên trung, hạ rất nhiều (số chữ có khi chỉ bằng một phần ba, một phần tư), trừ thiên *Phi mạng thượng* là số chữ cao hơn hai thiên kia : có thể rằng cổ nhân đã lầm : trung mà gọi là thượng chăng ?

Dài ngắn khác nhau thì tất nhiên ngôn luận trong các thiên cũng khác nhau. Chẳng hạn so sánh ba thiên *Kiểm ái* (coi phần dịch), chúng ta sẽ thấy thiên thượng chỉ diễn cái ý : loạn do không yêu nhau, người nào cũng chỉ nghĩ tới cái lợi riêng của mình mà ra ; vậy muốn cho hết loạn thì phải kiểm ái, tức gồm yêu mọi người như yêu bản thân mình.

Thiên *trung* cũng diễn ý đó, nhưng còn bác thêm lời những người không tin rằng có thể thi hành được thuyết kiểm ái vì nó khó quá, không thể làm được.

Thiên *hạ* cũng diễn ý loạn do không yêu nhau mà ra ; nhưng còn giảng thêm cái lợi của kiểm ái : tai mắt của mọi người sẽ thành tai mắt của mình, người già và trẻ em được nuôi nấng, san sóc ... ; sau cùng bác lời của những người cho rằng thuyết kiểm ái không dùng được vì khó quá (như thiên *trung*), vì chọn kẻ sĩ kiểm ái thì được chứ làm sao chọn được vua kiểm ái, lại thêm nếu kiểm ái, coi cha mẹ người như cha mẹ mình, tức là coi cha mẹ mình như người ngoài, như vậy là bất hiếu.

Danh từ cũng có khi khác. Như ba tiêu chuẩn để nói năng, bàn luận, *Phi mạng trung* gọi là "tam biến", *Phi*

mạng hạ gọi là "tam pháp" ; tiêu chuẩn thứ nhất, *Phi mạng trung* gọi là *bán*, *Phi mạng hạ* gọi là *khảo*.

Xét kỹ thì những điểm khác nhau đó chỉ là đại đồng tiểu dị không sao tránh được khi ba người cùng thuật lại những tư tưởng mà Mặc tử có thể phổ diễn trong những hoàn cảnh khác nhau, vào những thời khác nhau.

Chúng ta có thể tin chắc rằng những thiên trong tổ II này trừ thiên 32 *Phi Nho* ghi đúng những điểm cốt yếu trong học thuyết Mặc tử, và những thiên *thuận* do một người viết, những thiên *trung*, *hạ* cũng vậy, mà viết sau khi Mặc tử mất không lâu ; còn ý kiến của Du Việt và Lương Khải Siêu chúng tôi dẫn ở trên (các thiên do ba phái Tương Li, Tương Phu, Đãng Lang chép) thì chỉ đáng coi là giả thiết thôi.

Chúng tôi nói "trừ thiên 32 *Phi Nho*, vì thiên này là thiên duy nhất trong tổ II mà ý kiến của các học giả chưa được nhất trí. Tất Nguyên, Lương Khải Siêu và Hồ Thích thấy đề tài *Phi Nho* chỉ còn có một thiên *hạ* mà thiên này không gọi Mặc tử là thầy (Tử Mặc tử) nên ngờ là ngụy thư. Tôn Di Nhượng cũng nghĩ vậy và còn đưa một lí do nữa : Mặc tử "phi nho" chứ không "phi Khổng" (chê Khổng tử) mà trong thiên có nhiều lời chê Khổng, vậy không đáng tin.

Uông Trung và La Căn Trạch nghĩ khác, bảo bài 15 thiên *Công Mạnh* chép lời Mặc tử cho đạo Nho có bốn chủ trương đủ làm mất thiên *hạ* : cho Trời là không sáng suốt, quỷ thần không thiêng ; chôn cất hậu hĩ ; để

tang lâu ; thích ca nhạc, tin có số mạng. Lời chê tuy đúng nhưng cũng thật là nặng. Mà đã chê Nho, thì tất nhiên là chê Khổng ; phân biệt chê Nho với chê Khổng là điều gượng ép, vô lí. Vậy thiên 32 cũng là một môn đệ Mặc tử ghi chép lời của thầy nữa.

Ai cũng nhận rằng các thiên thượng, trung, hạ đều do môn đệ Mặc tử viết, nhưng thiên nào viết trước, thiên nào viết sau, thì chúng ta không biết được. Phương Thụ Sở bảo các thiên thượng viết sau vì gọn hơn. Lí lẽ đó chưa đủ vững.

*
* *

Tổ III gồm 6 thiên :

32-33	Kinh thượng, hạ.
34-35	Kinh thuyết thượng, hạ
36-	Đại thủ
37-	Tiểu thủ

Sáu thiên đó không liên quan gì tới triết học chính trị của Mặc tử, mà do phái Biệt mặc đời sau viết, cho nên chúng tôi để lại xét riêng trong một phần sau.

Tổ IV gồm 5 thiên :

38-	Canh Trụ
39-	Quý nghĩa
40-	Công Mạnh
41-	Lỗ vấn
42-	Công Thâu.

Nam thiên này đều do Mặc gia đời sau chép những cổ sự mà họ nghe được về ngôn luận và hành vi của Mặc tử. Một số có thể là học trò của học trò Mặc tử, vì có bài tác giả gọi học trò của Mặc tử là "tử" (thầy), như Canh Tru tử, Cao Thạch tử (*Thiên Canh Tru* 1, 13); có bài tác giả còn gọi Cẩm Hoat Li, một môn đệ của Mặc tử, là Tử Cẩm tử nữa (*Canh Tru* 13). Thế tài giống *Luận ngữ*, đọc cũng thú và bổ ích gần như *Luận ngữ*. Nhiều bài cho chúng ta biết thêm về đời sống, tư cách và tư tưởng của Mặc tử. Đặc biệt là thiên *Công Thân* (chỉ có một bài), nghệ thuật chép chuyện rất cao, đáng coi là một áng văn bất hủ thời Chiến Quốc. Chúng tôi đã phân tích bài đó trong chương III.

*

Sau cùng tổ V gồm 11 thiên :

- | | |
|-----|----------------|
| 43- | Bị thành môn |
| 44- | Bị cao lâm |
| 45- | Bị thê |
| 46- | Bị mộc |
| 47- | Bị đột |
| 48- | Bị huyết |
| 49- | Bị nghị phục |
| 50- | Nghinh dịch từ |
| 51- | Kì Xi |
| 52- | Hiệu lệnh |
| 53- | Tạp thủ |

Mười một thiên này đều chép thuật phòng bị quân địch. Chúng ta đã biết Mặc tử giỏi về thuật phòng ngự, đã chế tạo một số binh khí, và đã chỉ cho nhóm Cẩm Hoat Li cách giữ thành cho Tống. Một số Mặc gia đời

sau có thể đã chép lại những thuật đó thành 11. thiên trong tổ V. Nhưng có học giả ⁽¹⁾ cho rằng 11 thiên đó là do người đời Hán ngụy tạo. La Cấn Trạch ở cuối bài *Mặc tử thám nguyên* sách đã dẫn) bảo sẽ khảo riêng về niên đại trừ tác các thiên đó, nhưng chúng tôi không kiểm ra được ; nên không biết ý kiến của ông ra sao.

Tóm lại, muốn tìm hiểu biết triết lí chính trị của Mặc tử, chúng ta cần phải đọc trước hết những thiên trong tổ II do học trò của ông viết sau khi ông mất không lâu (trừ thiên *Phi Nho hạ*) ; rồi tới thêm những thiên trong tổ I, nhưng phải khéo nhận định tư tưởng nào thật của Mặc, tư tưởng nào chịu ảnh hưởng của Nho, Lão.

Còn tổ III của phái Biệt Mặc, không liên quan gì tới học thuyết của Mặc, phải xét riêng ; tổ V là một loại binh thư, càng phải để riêng nữa.

Đó là ý kiến chung của những nhà viết về Mặc tử. Đường Kinh Cảo cũng nghĩ vậy, cho nên trong cuốn *Mặc tử* chỉ trích bốn thiên quan trọng trong tổ II và cả nam thiên trong tổ IV.*

(1) Như Chu Hi Tổ, một học giả hiện đại. Theo Phương Thụ Sở, Chu đưa ra bốn chứng cứ : trong những thiên đó có chép nhiều quan chức của đời Hán ; có chép chế độ hình pháp của đời Hán ; tác giả phỏng theo nhiều tác phẩm cuối thời Chiến Quốc (như bộ *Quán tử*) hoặc thời Tần, và đầu thời Hán ; nói đến đồ bằng sắt quá nhiều ; không hợp với thời Mặc tử. Phương cho rằng hai chứng cứ sau không vững : *Quán tử* phỏng tổ V của Mặc tử chứ không phải Mặc tử phỏng *Quán tử* ; đồ sắt cuối thời Mặc tử đã thịnh rồi ; và Phương kết luận rằng chỉ 4 thiên cuối 50 - 53 là của đời Hán ngụy tạo, còn 7 thiên trên (43-49) đúng là của Mặc gia đời sau (sách đã dẫn - tr.52-55)

CHƯƠNG V

NGÔN NGỮ CỦA MẠC TỬ

Chúng tôi không xét văn bản của Mạc tử vì Mạc tử không hề viết sách hoặc viết mà không hề lưu lại ; cũng không xét văn trong bộ *Mạc tử* vì bộ đó do nhiều người viết mà họ có thể sống cách nhau vài thế kỉ, cho nên có tổ văn thuần nhả như tổ IV (đặc biệt là thiên Công Thâu), hoặc tổ 1 (bốn thiên 4-7) ; có tổ văn rất cô đọng, tới mức rất khó hiểu như tổ III (*Kinh thượng hạ*, *Đại thủ*, *Tiểu thủ*) ; bút pháp khác xa tổ II.

Vì vậy chúng tôi chỉ có thể phân tích ngôn ngữ của Mạc tử thôi. Ngôn ngữ đó đã được các môn đệ Mạc tử ghi lại một cách trung thực trong tổ II (trừ thiên *Phi Nho hạ*). Chúng ta thử so sánh đoạn đầu hai thiên *Kiên ai thượng* và *trung*, sẽ thấy mức trung thực ra sao.

Thượng

a/ Bậc thánh nhân trị thiên hạ, tất phải biết loạn do đâu mà phát thì mới trị được. (...)

Thử xét loạn do dâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau (...)

b/ Con chỉ yêu mình mà không yêu cha cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình ; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình ; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy gọi là loạn ; (...) kẻ cướp chỉ yêu thân mình mà không yêu thân người, cho nên mới làm hại thân người khác để lợi cho thân mình ; (...) các quan đại phu chỉ yêu mình mà không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho nhà mình ; các vua chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình.

c/ Các việc loạn trong thiên hạ (...) xét nguyên do từ dâu đều do không yêu nhau mà ra cả.

Trung

a/ Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi cho thiên hạ, trừ cái hại cho thiên hạ. (...)

Cái hại đó do đâu mà ra ?... Do không yêu nhau mà ra (...)

b/ (...) Chư hầu không yêu nhau thì tất đem quân đánh nhau ở ngoài đồng ; chủ nhà (ở đây trở các quan đại phu) không yêu nhau thì tất cướp lẫn nhau ; người nọ người kia không yêu nhau thì tất làm hại lẫn nhau, vua tôi không yêu nhau thì vua không huê (gia ân cho dân), tôi không trung ; cha con không yêu nhau thì cha

không từ, con không hiểu ; anh em không yêu nhau thì không hòa thuận ; người trong thiên hạ không yêu nhau thì người mạnh tất áp chế người yếu, người giàu tất khinh khi kẻ nghèo, người sang tất ngạo mạn kẻ hèn, người khôn lanh tất lừa gạt kẻ ngu.

c/ Những tai họa, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sở dĩ nổi lên đều do không yêu nhau mà ra, cho nên bậc nhân giả chê cái đó.

Chúng ta thấy đoạn mở a/ và đoạn kết c/ gần y hệt nhau, còn đoạn giữa b/, những thí dụ đưa ra cũng giống nhau, chỉ khác thứ tự ngược nhau mà thôi :

Thiên *thượng* nói tới cha con trước rồi tới anh em, vua tôi, các người trong thiên hạ, các quan đại phu, sau cùng là các vua chư hầu.

Thiên *trung* nói tới các vua chư hầu rồi tới các quan đại phu, vua tôi, cha con, anh em, người trong thiên hạ.

Chúng ta nên để ý : Mặc tử giảng về thuyết kiêm ái không phải chỉ một lần mà rất nhiều lần trong suốt đời ông, và tác giả hai thiên đó có thể tuổi tác khác nhau, nghe giảng vào hai lần cách nhau có thể tới hàng chục năm ; nghe xong họ không chắc đã ghi lại ngay mà đợi khi thấy mất rồi mới ghi (nghĩa là có thể hàng chục năm sau) ; mà lời ghi chép của họ giống nhau như vậy thì phải nói là trung thực rất mực rồi. Thời đó ít dùng chữ viết, nên kỉ tính người ta tốt.

Một giáo sư ngày nay, nam trước giảng về Mặc tử cho một lớp sinh viên, nam sau giảng cũng bài đó cho

một lớp khác, nếu không cầm "cua" cũ mà đọc thì lời giảng hai lần đó chưa chắc đã giống nhau hơn vậy. Cho nên chúng ta có thể căn cứ vào các thiên trong tổ II để biết ngôn ngữ, lối diễn thuyết của Mạc tử, mà không sợ lầm.

*

* *

Đầu thiên *Ngoại trừ thuyết, tả thượng*, Hàn Phi chép một cố sự li thú về việc một vua Sở (có lẽ là Sở Uy vương) chê lời lẽ của Mạc tử rườm rà mà không văn nhã, thô chuốt.

"Vua Sở hỏi Điền Cư (một Mạc gia sống sau Mạc tử khoảng 100 năm) :

– Mạc tử là một học giả nổi danh, suốt đời tận lực làm việc, đáng khen lắm nhưng lời nói rườm rà mà không văn nhã, tại sao vậy ?

Điền Cư đáp : *

– Xưa Tấn Bá (Tấn Mục công) gả con gái cho công tử nước Tấn (Trùng Nhĩ), trang sức cho cô dâu, đưa theo bảy chục thiếu nữ bận áo gấm làm nàng hầu. Tới Tấn, người Tấn yêu những người thiếp đó mà coi thường con gái Tấn Bá. Như vậy có thể bảo là khéo gả các nàng thiếp ⁽¹⁾ mà không khéo gả con gái. Nước Sở có

(1) Theo tục quý tộc thời đó, các thiếu nữ đó đi phù dâu, rồi ở luôn với cô dâu để hầu cô dâu mà cùng "hầu" cả chú rể nữa, cho nên gọi là "thiếp"

người bán hạt châu qua nước Trịnh, làm cái hộp bằng gỗ mộc lan, xông bằng quế, tiêu cho thơm, điểm xuyết bằng châu ngọc, trang sức bằng ngọc mai khô (một loại ngọc màu đỏ), lót bằng lông chim trĩ. Người nước Trịnh mua cái hộp mà trả lại hạt châu. Như vậy có thể bảo là khéo bán cái hộp mà không khéo bán hạt châu.

Ngày nay người ta bàn luận đều thích dùng lời khéo léo, van hoa, bậc vua chúa thấy cái van hoa mà quên rằng lời đó vô dụng. Thuyết của Mặc tử truyền cái đạo của tiên vương, luận lời của thánh nhân để tuyên cáo cho mọi người. Nếu dùng những lời van nhã thì sợ người ta chỉ nhớ cái van hoa mà quên cái hữu dụng của học thuyết, như vậy tức là lấy van hoa làm hại cái hữu dụng, không khác việc người nước Sở bán hạt châu, Tần bá gả con gái. Vì vậy, lời của Mặc tử rườm mà không van nhã".

Nhận định của ông vua Sở đó đúng.

Chúng tôi xin dẫn đoạn đầu trong thiên *Phi công thượng* mà các nhà viết văn học sử Trung Quốc thường coi là tiêu biểu cho "van" nghị luận của Mặc tử :

"Nay có một kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, ai nghe thấy cũng chê, nhà cầm quyền biết được thì trừng phạt. Tại sao vậy ? Tại kẻ ấy lấy của người làm lợi cho mình. Đến khi cướp gà, chó, heo của người ta thì việc bất nghĩa còn nặng hơn vào vườn hái trộm đào mận. Tại sao vậy ? Tại làm thiệt hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì bất nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến khi vào chuồng bò chuồng

ngựa bắt bò ngựa của người ta thì việc bắt nhân, bắt nghĩa lại nặng hơn là cướp gà chó, heo của người ta. Tại sao vậy ? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì sự bắt nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến như giết người vô tội để lột áo vải áo da, lấy ngon mắc, thanh kiếm của người ta thì việc bắt nghĩa còn nặng hơn vào chuồng bò chuồng ngựa của người ta. Tại sao vậy ? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì sự bắt nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Những việc đó, các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy mà chê, bảo là bất nghĩa ; nay các việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người lại không biết chê là quấy, còn khen nữa, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là phân biệt được nghĩa với bất nghĩa không ?..."

Bảo là rườm thì quả thật đoạn đó rất rườm, mà đoạn sau, cho tới hết thiên thì cũng vậy. Có thể rút đi tám phần mười mà vẫn diễn được đủ ý, chẳng hạn : "Các bậc quân tử trong thiên hạ chê việc an trộm đảo, mạn, cướp gà chó là bất nghĩa mà trừng trị ; vậy mà cái việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người thì đã không chê, lại còn khen là nghĩa, như vậy là không phân biệt được nghĩa với bất nghĩa. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong văn học Trung Quốc thời tiền Tần, chúng ta gặp một lối "van" nghị luận như vậy. Nhưng chúng ta nên tìm hiểu vì đâu có lối "văn" đó và công dụng của nó ra sao.

Chúng ta đã biết Mặc tử không viết văn, ông chỉ diễn giảng cho môn sinh hoặc diễn thuyết trước công chúng. Vậy đoạn trên là ngữ ngôn (langage parlé) chứ

không phải văn ngôn (langage écrit) ; vì các môn sinh ghi lại đúng, đời sau gom thành sách, nên gọi là "văn".

Nói là để thuyết phục ; muốn thuyết phục được người nghe thì lời nói phải sáng sủa, (họ không có thì giờ suy nghĩ) ; phải dùng những thí dụ cụ thể mọi người đều thấy, tránh những cái trừu tượng ; lại phải lập đi lập lại cho người ta nhớ ; và đặt những câu hỏi để gợi ý cho thính giả, khiến thính giả tích cực dự vào cuộc đàm luận, nhờ vậy mà không chán.

Mặc tử đã dùng tất cả những thuật đó trong đoạn đã dẫn ở trên. Chủ ý của ông là mạt sát thói đánh chiếm nước khác của các vua chúa, cho nó là đại bất nghĩa. Ông không lí thuyết trừu tượng gì cả, đột ngột đưa ngay ra một thí dụ cụ thể ai cũng biết, là việc hái trộm đào, mận. Rồi tới thí dụ thứ nhì cướp gà, chó, heo ; thí dụ thứ ba : bắt bò, ngựa ; thí dụ thứ tư : giết một người vô tội để cướp áo và khí giới. Bốn thí dụ đó trình bày theo một tuần tự tiệm tang, từ nhẹ tới nặng.

Cứ sau mỗi thí dụ ông lại hỏi thính giả : Tại sao việc đó đáng chê ? Rồi ông tự đáp : Tại làm hại cho người để làm lợi cho mình. Ông lập lại bốn lần câu hỏi, đập mạnh vào óc thính giả, khiến độc giả nhớ rằng hề bất nghĩa nhiều hơn thì tội nặng hơn.

Cuối cùng ông mới đưa ra việc đánh nước người, việc bất nghĩa nặng nhất mà các vua chúa đã không chê, lại còn khen. Lời thật sáng sủa, nghe tới đâu hiểu tới đấy, mà cũng nhớ tới đấy.

Vậy điều mà vua Sở chê là rườm, chính là chỗ dụng ý, chính là sở trường của Mặc tử, nhờ nó mà ông thuyết

phục được thiên hạ, có nhiều môn sinh, khiến Mạnh tử phải nhận rằng học thuyết của ông lan tràn thiên hạ.

Đọc những thiên trong tổ II (trừ thiên *Phi Nho hạ*) chúng ta thấy Mặc tử luôn luôn dùng thuật thuyết đó, và có lúc chúng ta cũng thấy chán, nhưng hạng bình dân thời ông nghe vài ba lần giảng về Phi công, Kiêm ái, Tiết dụng... thì nhất định là phải mê ông... Ông là chính trị gia duy nhất biết nói trước công chúng. Mà thuật lập lại và đặt câu hỏi của ông cũng là thuật của các nhà thuyết pháp, đặc biệt là của các giáo chủ như Thích Ca, Kì Tô...

Vua Sở còn chê lời ông không van nhă. Cũng đúng nữa. Và đây cũng là một nét độc đáo, một sở trường của ông. Ông sinh trong giới bình dân, có ngôn ngữ của bình dân ; muốn thuyết phục bình dân, ông càng phải dùng những tiếng thông tục vì vậy mà kém van nhă.

Trong tổ II, nhất là các thiên *Thượng hiền*, *Phi công*, *Tiết tắng*, *Phi nhạc*, chúng ta thường gặp những chữ 雖 毋、 (duy vô), 唯 毋 (tuy vô) Không có nghĩa gì cả.

Thí dụ :

(*Thượng hiền trung*

(n.t.)

...(Phi công trung)

... (Tiết tắng hạ)

...

(Phi nhạc thượng)

Những chữ đó, các nhà hiệu đính thời xưa không hiểu nghĩa, đoán là chép sai, sửa lại là (quán) hoặc (vụ), nhưng không ổn, mãi sau mới có người ⁽¹⁾ đoán được rằng chỉ là những tiếng thông tục thời Mạc tử, không có nghĩa gì cả, bộ *Mặc tử* dùng chúng lẫn đầu tiên để cho lời nói có giọng bình dân ; rồi bộ *Quán tử* cùng dùng theo. (Coi *Phương Thụ Sở*) sách đã dẫn - tr.48).

Cho những chữ đó chỉ thêm ngữ khí chứ không có nghĩa thì những câu chữ Hán chúng tôi dẫn ở trên hóa ra sáng sủa :

Các thánh vương thời xưa được người hiền để sai bảo,

Các hiền nhân được minh quân để thờ.

Nay dấy binh vào mùa đông thì sợ lạnh, vào mùa hè thì sợ nóng.

Nay theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu..

Nay các vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước... Ngoài ra, những chữ 𢇛 𢇛, cũng thường thấy và có lẽ cũng chỉ là những tiếng thông tục không có nghĩa gì cả. Như :...

(Thượng hiền hạ)

—Đạo của Nghiêu Thuấn, Vũ Thang, Văn Võ] khuyến khích những người làm điều thiện trong thiên hạ, ngăn cản những kẻ làm điều tàn bạo trong thiên hạ.

(1) Vương Niệm Tôn trong *Độc thư tạp chí*.

... (焉而) 得罪，將惡避逃之

... mắc tội thì trốn đi đâu được.

Lại thêm, khi dẫn sách cổ, Mạc tử cũng thêm một vài chữ cho dễ hiểu hoặc hợp với ngôn ngữ đương thời. Phương Thụ Sở đã đưa ra ít thí dụ :

Thiên *Phi công trung*, dẫn câu này trong *Kinh Thi* :

魚水不務，隆將何及乎？

Thiên *Kiểm ái hạ* dẫn một câu trong *Tiểu Nhã* (*Kinh Thi*) : 君子之所履，小人之所視
một câu trong *Đại nhã* (*Kinh Thi*) :

無言而不讎，無德而不報

Những chữ 乎, 之, 而 ,
trong ba câu đó đều do Mạc tử thêm, như vậy là đổi thơ ra thành văn xuôi.

Chữ 而 trong những câu dưới đây cũng vậy :

小人見姦巧，乃聞不言也

(*Thiên Thái thế*, dẫn trong thiên *Thuận đồng hạ*)

予非爾田野葆士之欲也，予共行天之罰

(*Thiên Vũ thế*, dẫn trong thiên *Minh quĩ hạ*).

Vậy Mạc tử dùng những lời thông tục, nhiều thí dụ cụ thể và lặp đi lặp lại nhiều câu, không ngại rườm, mục đích là để "truyền cái đạo của tiên vương,... mà tuyên cáo cho mọi người như *Điển Cựu* nói". Ông không dùng những lời văn nhã, có thể là vì sợ người ta chỉ nhớ cái văn hoa mà quên cái hữu dụng", nhưng trước hết là để giới bình dân hiểu ông, có vậy học thuyết của ông mới truyền bá rộng được.

PHÂN NHÌ
Học thuyết Mặc tử

CHƯƠNG I

UYÊN NGUYÊN

Trong thiên *Hiển học*, Hàn Phi bảo : "Khổng tử và Mặc tử đều xưng tụng Nghiêu, Thuấn mà chủ trương khác nhau, và đều tự cho là chân truyền của Nghiêu, Thuấn. Nghiêu Thuấn đã không thể sống lại thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu Thuấn".

Tư Mã Đàm, cha Tư Mã Thiên, theo bài *Tự tư* trong bộ *Sử Ký*, không bảo rằng Mặc tử tự cho là chân truyền của Nghiêu, Thuấn nhưng cũng đồng ý là Mặc trọng Nghiêu, Thuấn, khen hai ông ấy là sống rất giản dị, cực khổ nữa : nhà lợp bằng cỏ tranh không xén, cột rui bằng gỗ không dẻo, ăn cơm gạo xấu với canh rau lê rau hoắc, mùa đông bận áo da hươu da nai, mùa hè

bận áo vải thô, chết thì dùng quan tài bằng gỗ đồng (một thứ gỗ xấu) dày ba tấc.

Đọc bộ *Mặc tử* chúng ta không thấy chỗ nào Mặc tự cho là "chân truyền" của Nghiêu, Thuấn. Ông có nhắc tới Nghiêu, Thuấn sáu bảy lần, một lần trong thiên *Tiết táng hạ*, bảo hai ông ấy khi chết đều chôn cất rất giản dị, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó, cột bằng dây sắn, hạ huyệt rồi thì lấp đất chứ không đắp nấm.

Theo truyền thuyết, vua Nghiêu trị vì 100 năm, từ 2357 đến 2257, rồi nhường ngôi cho vua Thuấn chứ không truyền lại cho con ; vua Thuấn trị vì từ 2255 đến 2207, rồi nhường ngôi cho vua Vũ (nhà Hạ) chứ không truyền lại cho con. Hai ông ấy rất thương dân, rất bình dân, được dân coi như cha. Và dân tộc Trung Hoa từ thời Tiên Tần đến thời Thanh, đều coi thời thịnh trị của Nghiêu Thuấn là hoàng kim thời đại của họ. Truyền thuyết đó đáng tin tới mức nào, chưa ai quyết đoán được ; có thể hai ông ấy chỉ là những tù trưởng của một bộ lạc lớn thời mà Trung Hoa mới biết canh tác, theo chế độ thị tộc, chưa thành một quốc gia, mà việc "truyền hiền" chứ không "truyền tử" chỉ là tục chung của các bộ lạc chứ không phải là "đức lớn" của Nghiêu, Thuấn : khi họ chết thì bộ lạc lựa người nào có tài, có công lao hơn cả, đưa lên thay họ, họ không có quyền truyền ngôi cho ai hết. Mà thời đó, dân tộc Trung Hoa còn dã man, mới qua cái giai đoạn an lòng ở lỗ, cho nên Nghiêu, Thuấn tất phải sống cực khổ như vậy, đâu có gì đáng khen.

Và nếu chỉ vì Mặc tử khen Nghiêu, Thuấn mà bảo học thuyết của ông bắt nguồn từ đạo Nghiêu, Thuấn thì cũng có thể bảo học thuyết của các triết gia khác thời Tiên Tần, từ Khổng, Mạnh tới Lão, Trang, Liệt tử, cả Hàn Phi nữa cũng bắt nguồn từ Nghiêu, Thuấn vì chính Hàn Phi cũng có lần khen hai ông vua đó. Cuối đời Xuân Thu và suốt đời Chiến Quốc ; nông nghiệp và công nghiệp phát triển mạnh, nên xã hội biến chuyển dữ dội về kinh tế cũng như về phong tục, văn hóa, nên các triết gia tiếc xã hội ổn định, đời sống nhàn nhã, ít phải lo lắng của thời bộ lạc, cũng như ngày nay nhiều người Âu chán đời sống ồn ào, bận rộn, bất ổn của thời đại kỹ nghệ mà nhớ tiếc thời còn vãn minh nông nghiệp. Vì vậy mà Mặc tử thỉnh thoảng nhắc tới Nghiêu, Thuấn, thế thôi, chứ không thể bảo ông là đệ tử xa của Nghiêu, Thuấn, những người sống trước ông trên dưới hai ngàn năm được. Thuyết của Hàn Phi và Tư Mã Đàm phải bỏ.

Thuyết thứ nhì do tác giả thiên *Thiên hạ* trong bộ Trang tử đưa ra, rồi Hoài Nam tử trong *Yếu lược huấn* chấp nhận ; và nhiều học giả ngày nay (như Lưu Wu Chi trong *La philosophie de Confucius - Payot (1963)*) cũng tán đồng. Tác giả thiên đó viết :

"Mặc tử tư bênh vực đạo của mình, bảo : "Thời xưa vua Vũ trị lụt, khai thông sông rạch, khiến cho nước chảy ra cõi bốn rợ và khắp chín châu Trung Quốc. Thời đó có ba trăm con sông lớn, ba ngàn chi lưu, còn rạch

nhỏ thì vô số. Vua Vũ đích thân cầm sọt, cầm cuốc để khai thông cho nước các sông nhỏ theo dòng chảy ra sông lớn, cực khổ đến nỗi dùi teo lại, ống chân không còn một sợi lông, xông pha gió mưa để dựng nước. Ông là bậc đại thánh mà lao khổ phục dịch cho thiên hạ như vậy đấy". Mặc tử nói như vậy, cho nên Mặc gia đời sau nhiều người mặc áo bằng da và vải thô, đi giày dép bằng gỗ hoặc cỏ, làm việc suốt ngày đêm không nghỉ, cho sống khắc khổ là lí tưởng tối cao, bảo : "Không vậy thì không phải là theo đạo vua Vũ, không đáng là môn đồ Mặc tử".

Thế là chúng ta lùi xuống được mười năm, gần đời Mặc tử được một chút vì cũng theo truyền thuyết vua Vũ được vua Thuấn truyền ngôi và làm thiên tử từ 2205 tới 2197. Ông Vũ đó sống vào thời hồng thủy, không biết có đồng thời với ông già Noé không, nhưng có công với dân tộc Trung Hoa hơn Noé với người phương Tây nhiều vì Noé chỉ đóng một chiếc thuyền để cứu một số người và một số loài vật còn Vũ đã có công trị thủy tám năm, ba lần đi qua nhà mà không vào (*Mạnh tử - Đằng Văn công thương* - bài 4). Mặc tử cũng có mười lần nhắc tới ông ; ngay trong thiên *Tiết tắng hạ*, sau khi khen Nghiêu, Thuấn, cũng khen ông là khi mất, chỉ liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ vông dày ba tấc, cột bằng dây sắn, y như Nghiêu, Thuấn.

Lại thêm, Mặc tử đã noi gương vua Vũ, cực khổ phục dịch cho thiên hạ, có phần hơn nhiều, suốt đời

chứ không phải chỉ tám nam tới "mòn trán lổng gót" chứ không chỉ teo ống chân mà thôi. Nhưng bấy nhiêu cũng chưa đủ cho ta kết luận rằng học thuyết của Mặc hát nguồn từ vua Vũ. Thuyết thứ hai này cũng y hệt thuyết thứ nhất, không thể chấp nhận được.

Thuyết thứ ba trong *Lữ thị Xuân thu* kéo lui xuống được khoảng ngàn rưỡi năm, xuống đời Hoàn vương nhà Chu, nhưng như ở đầu chương II phần I chúng tôi đã nói, thuyết đó không thể tin được, vì có điểm mâu thuẫn về niên đại.

Tới đời Thanh, xuất hiện thêm một thuyết nữa của ông Ưông Trung. Đại khái, theo *Phương Thụ Sở* (sách đã dẫn - tr.73) thì Mặc tử tuy nhắc đến các đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, nhưng không theo một đời nào cả, Nghiêu, Thuấn, Vũ có phép chôn cất của họ, Mặc có phép chôn cất của mình, (đắp nắm chứ không chỉ lấp hàng huyết rồi thôi, nhưng nắm nhỏ, hễ nhận được mộ là đủ), vừa giản tiện vừa tỏ được lòng hiếu, có lợi cho cả người chết lẫn người sống, nhất là phải tránh sự xa hoa quá mức của đời Chu (coi một chương sau). Nghĩa là Mặc tử tìm hiểu suy nghĩ, có chủ trương riêng, chứ không theo ai hết. Thuyết này có lí hơn cả.

Như trên chúng tôi đã nói, Mặc tử sinh ở nước Lỗ có lẽ sau khi Khổng tử mất, chắc chắn được biết đạo Khổng (ông thường dẫn *Kinh Thi*, *Kinh Thu*, *Kinh Xuân Thu*) ; nhưng thời đại của ông loạn hơn, bộn bề cầm quyền tàn nhẫn, xa xỉ hơn, binh dân cực khổ hơn, chiến tranh tàn khốc hơn thời Khổng tử, mà ông lại khác Khổng

tử về giai cấp - ông là tiện nhân, Khổng là quý tộc sa sút - về tính tình : nhiệt tâm hơn, bồng bột hơn, cương quyết hơn, cho nên một mặt chịu ảnh hưởng của Khổng một mặt chê đạo Nho, muốn cải cách nó, sáng tạo ra một đạo mới : giống Nho ở chỗ tôn quân, trọng hiền, đề cao đạo đức và sự tu thân ; mà chống Nho ở chỗ ghét những lễ nghi phiền phức, xa xỉ, ghét ca nhạc, không tin có số mạng ; ông mở đường cho Lão tử (Lão sinh sau ông khoảng nửa thế kỉ) chủ trương bình đẳng giữa các giai cấp và trở về lối sống bình dị của thời cổ (Lão tiến xa hơn ông muốn trở về xã hội nguyên thủy) ; mở đường cả cho các pháp gia thời sau nữa, vì trọng tinh thần thực dụng, trọng quyền lực, trọng sự lao động, và bắt người dưới phải thống nhất tư tưởng với người trên.

Sau cùng điểm này lạ lùng nhất : ông thành lập gần như được một tôn giáo, một đạo quân chuyên đi cứu các nước yếu bị các nước lớn uy hiếp. Trước ông có một học thuyết nào tương tự như vậy đâu, mà tốn công đi tìm nguyên nguyên của nó từ thời Nghiêu, Thuấn, Vũ.

Trong phần này chúng tôi sẽ phân tích những tư tưởng chính trị cùng kinh tế của ông.

CHƯƠNG II

LỢI VÀ NGHĨA

Từ xưa tới nay, hễ nhắc đến Mạc tử thì ai cũng nghĩ ngay đến thuyết kiêm ái : mọi người đều yêu nhau như chính bản thân mình, không phân biệt người và ta ; kiêm ái là gốc, còn "tôn thiên" (tôn kính trời), "minh quỷ" (tin có quỷ thần), "tiết dụng" (bớt tiêu xài), "phi nhạc" (chê nhạc là vô ích có hại), "phi công" (mạt sát sự đánh chiếm nước người)... chỉ là những chi nhánh thôi.

Ông muốn cứu loạn cho thiên hạ, cho nên suốt đời lo thuyết phục các nước lớn đừng đánh nước nhỏ, và cứu những nước nhỏ bị xâm chiếm. Kiêm ái là lí thuyết, phi công là thực hành ; kiêm ái để gây lợi, phi công để trừ hại.

Cứu loạn cho *thiên hạ* là mục đích của tất cả các triết gia Trung Hoa thời Tiên Tần. Chế độ phong kiến của Trung Hoa rất đặc biệt, không nơi nào có. Vua nhà Chu làm thiên tử, phong tước cho các công thần, thân thích. Có bốn bậc : công, hầu, bá, tử với nam cùng một bậc. Tùy tước cao thấp mà cấp đất để dựng nước (thời đó gọi là bang, từ đời Hán, kiêng tên Lưu Bang mới gọi là quốc) : đất của vương, hầu vuông vức trăm dặm ; đất của bá bảy chục dặm ; của tử và nam nam chục dặm (theo nguyên tắc đất của thiên tử ngàn dặm). Binh lực cũng được qui định : công, hầu có ngàn chiến xa (mỗi chiến xa có bốn ngựa, một người đánh xe, một quân cầm thương, một quân bắn cung), dưới nữa thì có trăm chiến xa (thiên tử có vạn chiến xa).

Hết thầy các nước đó đều là chư hầu. Họ có bốn phận trung thành với thiên tử, đúng kì hạn phải tới triều cống thiên tử. Ngược lại thiên tử có bốn phận che chở, giúp đỡ, giải quyết những sự xung đột giữa các chư hầu vì họ không được gây chiến với nhau. Cứ nam nam một lần thiên tử đi tham họ, xem xét chính tích của họ, tình hình trong xứ : đời sống của dân chúng, lễ nhạc, giáo hóa, phong tục.

Nhờ chế độ đó mà Trung Hoa đã thống nhất từ đời Chu, cho nên trong Kinh *Thi* (thiên Bắc Sơn, tập Tiểu nhã) có câu : "Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thần" : Khắp gầm trời không đâu không phải đất của nhà vua, khắp mặt đất bên nước, không người nào không phải là bề tôi của vua. (Coi bài Đông Chu 10 - Chiến Quốc sách - Lá Bối 1973).

Cho nên quan niệm "quốc gia" của chúng ta ngày nay, thời Chiến Quốc người Trung Hoa không có. Khổng tử, Mặc tử sinh trưởng ở Lỗ, Mạnh tử ở Trâu, sát Lỗ, mà đều không coi Lỗ, Trâu là "quốc gia" của mình, nếu không được vua dùng mình, thì không ngại gì qua Tề, Tống, Vệ... để tìm một ông vua khác, và khi làm quan ở một nước nào thì cũng nhắm mục đích phục vụ cho cả thiên hạ, khi giúp một ông vua nào thống nhất thiên hạ thì cũng không phải vì cái lợi riêng của ông vua đó, của nước đó, mà chính là vì cái lợi chung của thiên hạ. Chữ thiên hạ của Trung Hoa trở họ và tất cả những dân tộc mà họ tiếp xúc thời đó, có nghĩa tương tự như chữ thế giới ngày nay. Vậy Mặc tử không phải là triết gia Trung Hoa đầu tiên muốn thống nhất Trung Quốc. Các triết gia khác cũng muốn vậy, và để thực hiện lí tưởng chung đó, mỗi nhà có một chủ trương riêng.

Chủ trương của Mặc tử có nhiều điểm khác đời (chúng tôi sẽ lần lượt xét trong phần này) ; theo chúng tôi, điểm đặc biệt nhất - là ông can đảm nói hoài đến lợi, trong khi các triết gia khác, đặc biệt là Nho gia, rất ít nói tới, có khi khinh bỉ không thêm nói tới nữa.

Lật bộ *Luận ngữ*, chúng tôi chỉ thấy chữ lợi xuất hiện hai lần :

Thiên Tử Lộ bài 17, Khổng tử khuyên Tử Hạ trong việc trị nước : "Vô dục tặc, vô kiến tiểu lợi. Dục tặc tác bất dạt ; kiến tiểu lợi tác đại sự bất thành."

(Đừng muốn cho mau xong, đừng ham cái lợi nhỏ. Muốn cho mau xong thì công việc không được chu đáo ; ham cái lợi nhỏ thì việc lớn không thành.)

Và thiên *Lí nhân*, bài 16 : "Quân tử du ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi." : Bậc quân tử tinh tường về việc nghĩa, kẻ tiểu nhân rành rẽ về việc lợi.

Còn bộ *Mạnh tử* thì ngay ở trang đầu, chúng ta đã thấy Mạnh tử trách Lương Huệ vương là chỉ nghĩ đến lợi, không nghĩ đến nhân nghĩa : "Vương hà tất viết lợi ? Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ " – Lương Huệ vương thượng, bài 1.

Trong những thiên tiếp theo, ông còn mạt sát lợi nhiều lần nữa để đề cao nhân, nghĩa. Còn hơn Khổng tử, ông tách lợi với nghĩa ra, hai cái đó chống nhau, hễ có lợi thì không có nghĩa, lợi làm hại cho nghĩa.

Mạc tử trái lại, nói đến lợi không biết mấy chục lần :

Thiên *Phi mệnh hạ*, ông bảo hễ nói năng, bàn luận thì theo ba tiêu chuẩn quan trọng nhất là xem điều mình nói có lợi cho vạn dân không.

Thiên *Tiết dụng thượng* : "Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân dùng của cải, thì xét xem việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân lại lợi được nhiều".

Thiên *Phi nhạc thượng* : "Người nhân làm việc gì tất là mong lấy cái lợi, trừ cái hại trong thiên hạ, mà lấy điều dưới đây làm phép tắc cho thiên hạ : cái gì lợi cho người thì làm, không lợi thì ngưng. Nhân giả

chỉ sự tất vụ cầu hung thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, tương dĩ vi pháp hồ thiên hạ : lợi nhân hồ tức vi, bất lợi nhân hồ tức chi".

Thiên *Kiểm ái trung*, lời cũng y hệt vậy : "Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ" (Nhân nhân chi sở dĩ vi sự giả, tất hung thiên hạ chi lợi, trừ khử thiên hạ chi hại)

Trong hai câu cuối mới dẫn, ông đồng hóa lợi với nhân : người nhân là người làm lợi cho thiên hạ. Vì vậy hễ nói đến kiểm ái (nhân) thì ông thường kèm theo "giao tương lợi" (gồm yêu nhau, làm lợi lẫn cho nhau).

Trong thiên *Thiên chí*, ông đồng hóa lợi với nghĩa nữa : "Nghĩa là cái gì chính đáng. Sao biết được nghĩa là chính đáng ? Thiên hạ có lợi thì trị, vô nghĩa thì loạn. Ta lấy đó mà biết rằng nghĩa là cái gì chính đáng.

* Nghĩa giả chính giả. Hà dĩ tri nghĩa chi vi chính dã ? Thiên hạ hữu lợi tắc trị, vô nghĩa tắc loạn. Ngã dĩ thủ tri nghĩa chi vi chính dã".

Độc giả nhận thấy ông không phân biệt nghĩa và lợi cho nên mới nói : hữu *lợi* tắc trị, vô nghĩa tắc loạn. Mạnh tử tất nói khác : hữu *nghĩa* tắc trị, vô nghĩa tắc loạn.

Mặc tử cũng trọng nhân, nghĩa như Khổng, Mạnh. "Kiểm ái" của ông tức là "nhân" sửa đổi, mở rộng ra ; còn nghĩa thì cũng như Mạnh tử ông quý nó hơn mạng người.

Mạnh tử bảo : "Sống thì ta cũng muốn, mà nghĩa thì ta cũng mộ. Nếu không được cả hai một lượt thì ta đành bỏ mạng sống mà giữ lấy nghĩa" (Cáo tử thượng - 10).

Mặc tử bảo : "Mọi sự không gì quý bằng nghĩa. Nay thử bảo một người : "Tôi cho rông mũ và giấy mà chặt tay ông, ông chịu không ?" Người đó tất không chịu. Tại sao ? Tại mũ giấy không quý bằng tay chân. Lại bảo : "Tôi cho ông cả thiên hạ mà giết ông, ông chịu không ?", người đó tất không chịu. Tại sao ? Tại thiên hạ không quý bằng thân thể mình. (Nhưng người ta) tranh nhau một lời mà giết nhau, thế là quý nghĩa hơn thân thể. (sinh mạng). Cho nên tôi bảo : "Mọi sự không gì quý hơn nghĩa".

Lí luận của Mặc tử không đúng. Tranh nhau một lời mà giết nhau, chưa chắc đã vì quý nghĩa, mà nhiều khi chỉ vì hiếu thắng. Nhưng điều chúng ta nên nhớ là ông cho nghĩa quý hơn mọi sự ở đời. (Vạn sự mạc quý ư nghĩa).

Mặc tử đã đồng hóa lợi với nghĩa, coi lợi với nghĩa là một, mà lại cho nghĩa quý hơn mọi sự ở đời thì tất cũng coi lợi quý hơn mọi sự ở đời.

Cái lợi đó tất không phải là tư lợi. Không một triết gia nào của Trung Hoa mà không mật sát tư lợi - chúng tôi không kể các pháp gia. Thiên *Kiên ái thượng*, khi xét nguồn gốc của loạn, Mặc bảo :

"Các quan đại phu chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho

nhà mình ; các vua chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình. Các việc loạn trong thiên hạ đều như vậy mà thôi.

"Đại phu các ái kì gia, bất ái dị gia, cố loạn dị gia, dĩ lợi kì gia ; chư hầu các ái kì quốc, bất ái dị quốc, cố công dị quốc dĩ lợi kì quốc. Thiên hạ chi loạn vật, cụ thử nhi dĩ hĩ".

Đời sau, Mạnh tử cũng diễn ý đó, chỉ có lời là khác :

"Nhà vua - tức Lương Huệ vương - hỏi : Có cách gì làm lợi cho nước ta ? Các quan đại phu cũng hỏi : Có cách gì làm lợi cho nhà ta ? Kẻ sĩ và thường dân cũng hỏi : Có cách gì làm lợi cho thân ta ? Trên dưới đều tranh nhau vì lợi mà nước sẽ nguy." Vương viết : Hà dĩ lợi ngô quốc ? Đại phu viết : Hà dĩ lợi ngô gia ? Sĩ thứ nhân viết : Hà dĩ lợi ngô thân ? Thượng hạ giao chính lợi nhi quốc nguy hĩ".

Ngay việc một ông vua làm lợi cho nước, cho dân mà Mạnh tử cũng chê, y như Mặc tử. Cả hai đều muốn làm lợi cho khắp thiên hạ, chứ không phải cho riêng một nước nào, một dân tộc nào.

Thiên Công tôn Sửu hạ bài 12, Mạnh tử bảo một môn sinh là Cao tử : "Nếu nhà vua - Tế tuyên vương biết dùng thầy thì thầy sẽ làm cho nước Tế được an cư lạc nghiệp mà toàn dân trong thiên hạ cũng được vui cảnh thái bình nữa".

Và ông rầu rầu nói với một đệ tử khác là Sung Ngu :
 "Trời chưa muốn thiên hạ được bình trị ; nếu muốn thì
 ở thời này, ngoài ta ra còn ai giúp được ? Thiên vị dục
 bình trị thiên hạ đã ; như dục bình trị thiên hạ, dương
 kim chi thế, xá ngã kì thầy đã - *Công tôn Sửu hạ*, 13).

Mặc tử thiên *Phi công trung*, chép rằng một người
 bênh vực chính sách đánh chiếm nước người, bảo bốn
 nước Sở, Ngô, Tề, Tấn nhờ chính sách đó mà mở rộng
 đất đai từ vài trăm dặm lên tới ngàn dặm, tăng dân số
 từ vài chục vạn lên tới mấy triệu người, *Mặc tử* đáp :

"Tuy bốn nam nước được lợi đấy, tôi vẫn cho rằng
 như vậy không phải là theo đạo. Cũng tỉ như nghề dùng
 thuốc trị bệnh ; nay có một y sĩ (...) trị bệnh cho thiên
 hạ, một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn nam người
 được lợi (khỏi bệnh) thì tôi vẫn cho như vậy không phải
 là biết làm nghề thuốc".

Cái lợi cho thiên hạ đó, *Mặc tử* cho cũng là lợi cho
 Trời và quỷ thần. Ông bảo : Thuận ý Trời thì phải yêu
 lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau (*Thiên chi thượng*), lại
 bảo : Quỷ thần muốn rằng người nào chức cao bổng
 hậu thì phải kính người hiền, có nhiều của thì phải chia
 cho người nghèo, (*Lỗ vấn* - 16).

Ý đó cũng là ý của Khổng giáo. Khổng và Mạnh
 luôn luôn khuyên các vua chúa phải theo ý dân, dân
 muốn gì thì vua chúa phải làm thỏa mãn cái đó, vì dân
 muốn là trời muốn. Điều đó cơ hồ là truyền thống của
 Trung Hoa.

Thiên *Tiểu nhĩ* Kinh Thi có bài :

Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu,

Dân chi sở hiếu, hiếu chi,

Dân chi sở ố, ố chi,

Thử chi vị dân chi phụ mẫu.

"Vui vẻ hòa thuận thay người quân tử ấy, thực đáng làm cha mẹ dân.

Dân thích cái gì, ông thích cái đó,

Dân ghét cái gì, ông ghét cái đó,

Như vậy nên bảo đáng làm cha mẹ dân".

Sở dĩ theo ý dân vì ý dân với ý trời là một : "Trời thương dân, dân muốn điều gì trời cũng theo" (Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi".

Cho nên muốn biết lòng trời thì cứ xem lòng dân : "Trời trông thấy tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy tự ở dân ta nghe thấy" (Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính - *Thu - Thái thệ*).

Tóm lại Khổng và Mặc không khác nhau về chủ trương phải mưu hạnh phúc cho thiên hạ, về quan niệm lợi cho dân tức là hợp ý trời, lợi cho trời (vì trời yêu dân, giúp dân). Họ chỉ khác nhau ở danh từ : Khổng giáo gọi là nghĩa thì Mặc giáo gọi là lợi.

So sánh hai đoạn dưới đây, một của Mặc, một của Mạnh, ta thấy cùng là thuyết phục các vua chư hầu đừng đánh chiếm lẫn nhau, mà mỗi nhà có một giọng

khác : một bên chỉ giảng về hại của chiến tranh, một bên chỉ muốn giảng về nhân nghĩa.

Mạc tử bảo :

"Trị nước mà (đánh chiếm nước ngoài, nên phải) chiếm đoạt vật dụng của dân làm mất cái lợi của dân quá nhiều, thế thì sao lại làm ? Đáp : Vì ham cái danh thắng người và hám được lợi, cho nên làm. (...) Xét cái danh thắng người thì nó không dùng vào được việc gì ; xét cái lợi thì nó không bù được cái mất mát quá nhiều. Nay tấn công một lớp thành trong (chu vi) ba dặm, một lớp thành ngoài (chu vi bảy dặm, không dùng khi giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao thắng được ? Giết người, nhiều thì hàng vạn, ít cũng hàng ngàn, rồi mới chiếm được lớp thành trong ba dặm, lớp ngoài bảy dặm ; nay một nước có một vạn cỗ xe thì số thành có tới trên ngàn, không vào cho xuể được, số đồng ruộng có tới trên vạn, không chiếm cho hết được ; như vậy là đất đai (của người) có dư, mà binh sĩ (của mình) không đủ ; bắt binh sĩ của mình phải chết hết, gây tai họa nghiêm khốc cho người trên kẻ dưới để tranh thành thì tức là khinh bỏ cái không đủ (binh sĩ của mình) mà trọng cái có dư (đất đai của người), theo chính sách đó đâu phải là biết lo việc nước". (*Phi công Trung*).

Non một thế kỉ sau, Tống Hình đi yết kiến vua Sở và vua Tần để khuyên họ bãi binh, đừng đánh nhau, và cho Mạnh tử hay mình sẽ giảng cho họ rằng chiến

tranh bất lợi cho cả hai nước, dùng như phép thuyết phục của Mặc tử. Mạnh tử gạt đi :

"Nếu tiên sinh đem việc lợi nói với vua Tấn và vua Sở mà hai vua ấy thích lợi, bãi binh thì... binh lính cũng thích lợi ; rồi kẻ làm tôi sẽ vì ham lợi mà thờ vua, kẻ làm con thì ham lợi mà thờ cha, kẻ làm em vì ham lợi mà thờ anh. Như vậy, vua tôi, cha con, anh em rồi cuộc đều bỏ hết điều nhân, nghĩa, mà giao thiệp với nhau chỉ vì tham lợi mà thôi. Nước nhà như thế mà chẳng diệt vong, là điều chưa từng có.

"Còn như tiên sinh đem điều nhân và điều nghĩa nói với vua Tấn và vua Sở, mà hai vua ấy ham nhân nghĩa, bãi binh thì... binh lính cũng thích nhân nghĩa, rồi kẻ làm tôi sẽ vì mộ nhân nghĩa mà thờ vua, kẻ làm con vì mộ nhân nghĩa mà thờ cha, kẻ làm em vì mộ nhân nghĩa mà thờ anh. Như vậy, vua tôi, cha con, anh em rồi cuộc đều bỏ tuyệt điều lợi mà giao thiệp với nhau chỉ vì ham nhân nghĩa thôi. Nước nhà như thế mà chẳng hưng vượng là điều chưa từng có. Hà tất phải nói chuyện lợi ?" (*Cao ni hạ* - 14).

Mặc dầu "lợi" hiểu theo Mặc tử - tức là lợi cho khắp thiên hạ, hợp ý với cửa Trời và quỷ thần - lợi hiểu theo nghĩa đó thì không khác gì nghĩa, nhưng tách lợi với nghĩa như Khổng giáo vẫn là phải. Chỉ lo bồi dưỡng lòng nghĩa thì thấy một việc hợp đạo, đáng làm, phải làm là mình làm liền, không tính toán gì cả : dù nó có hai trước mắt thì cũng cứ làm ít nhất nó cũng có lợi cho tư cách, tâm hồn mình và về lâu dài chắc chắn sẽ

có lợi cho nhân quần, xã hội. Còn luôn luôn nghĩ tới lợi thì dù cái lợi đó cao thượng, nhưng vẫn còn là tính toán hơn thiệt.

Về điểm đó, Khổng li tưởng mà Mạc thực tiễn.

Mạc thực tiễn hơn Khổng vì ông ở trong giai cấp tiện nhân, giai cấp này đại đa số thời đó không được học, không hiểu được những cái cao xa như "nghĩa" mà dễ hiểu những cái thiết thực, như "lợi". Lời Khổng tử thật đúng : "Quân tử (tức giới quý tộc, có học, có đạo đức) dụ ư nghĩa ; tiểu nhân (tức giới bình dân, không được học), dụ ư lợi". Không phải luôn luôn như vậy, nhưng đại đa số là vậy.

Mạc tử chu du thiên hạ, truyền bá thuyết của mình, muốn cho bình dân theo, tất phải nói tới lợi nhiều hơn nói tới nghĩa.

Chúng tôi còn ngờ Mạc tử một trăm rưỡi năm trước Tuân tử, đã nghĩ rằng tính người vốn ác nữa. Trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc - hạ*, chúng tôi viết :

"Trong thiên *Sơ nhiễm*, Mạc tử thấy tơ nhuộm mà than rằng : Nhuộm xanh thì hóa xanh, nhuộm vàng thì hóa vàng, cái chất vào lụa mà thay đổi thì màu lụa cũng thay đổi ; năm lần nhuộm vào thì đã có năm màu rồi ; cho nên sự tiêm nhiễm không thể không thận trọng được.

"Ông không nói đến tính, chỉ xét kết quả của sự tiêm nhiễm, nhưng hình như cho rằng tính vốn không thiện không ác, có thể hóa thiện mà cũng có thể hóa ác".

Lời suy đoán của chúng tôi hồi đó có phần sai.

Chúng tôi can cứ vào lời dưới đây trong thiên *Thuận đông thuận* : "Cổ giả dân thủy sinh vị hữu hình chính chi thời"... "Thiên hạ bách tính giai dĩ thủy hỏa độc được tương khuỵ hai : Thời xưa, khi loài người mới sinh, chưa có chính trị hình pháp... thì dân chúng trong thiên hạ đều dùng nước, lửa, thuốc độc để hại lẫn nhau" mà ngỡ rằng Mặc tử đã ngầm cho rằng tính người vốn ác, không khác thuyết của Tuân tử tram rưởi nam sau là bao.

Thêm một chứng cứ nữa : thiên *Kiểm ái thuận*, Mặc tử bảo :

"Thử xét loạn do đâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau (...) Con chỉ yêu mình mà không yêu cha, cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình ; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình ; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy gọi là loạn (...) Cha chỉ tự yêu mình mà không yêu con, cho nên mới làm hại cho con để lợi cho mình ; anh chỉ tự yêu mình mà không yêu em nên mới làm hại cho em để lợi cho mình ; vua chỉ tự yêu mình mà không yêu bề tôi, cho nên mới làm hại cho bề tôi để lợi cho mình".

(Đương sát loạn hà khởi. Khởi bất tương ái. Tử tự ái, bất ái phụ, cố khuỵ phụ nhi tự lợi ; đệ tự ái, bất ái huynh, cố khuỵ huynh nhi tự lợi ; thần tự ái, bất ái

quân, cố khuy quân nhi tự lợi ; thử sở vi loạn dã (...) Phụ tự ái dã, bất ái tử, cố khuy tử nhi tự lợi ; huynh tự ái dã, bất ái đệ, cố khuy đệ nhi tự lợi ; quân tự ái dã, bất ái thần, cố khuy thần nhi tự lợi.)

Xin độc giả so sánh đoạn đó với câu dưới đây của Tuân tử trong thiên *Tính ác* :

"Tính con người sinh ra là hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có..." (Nhân chi tính, sinh nhi hữu hiếu lợi yên, thuận thị, cố tranh đoạt sinh nhi từ nhượng vô yên). Rõ ràng là một ý.

Mạc tử bảo : "Dân có ba điều lo : đói không có gì ăn, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ, ba cái đó là những điều lo lớn của dân" :

(Dân hữu tam hoạn, cơ giả bất đắc thực, hàn giả bất đắc ý, lao giả bất đắc tức, tam giả dân cự hoạn dã) – Phi nhạc thượng.

Còn Tuân tử viết : "Cái tính con người là đói thì muốn ăn, mệt thì muốn nghỉ (nhân chi tính, cơ nhi dục bảo, lao nhi dục hưu, thử nhân chi tính tính dã).

Vậy thì có thể Tuân tử đã mượn ý của Mạc tử mà lập nên thuyết tính ác ; và sở dĩ Mạc tử nói nhiều đến lợi, đồng hóa lợi với nhân nghĩa có thể vì ông cho rằng bản tính con người hiếu lợi, nói đến lợi người ta dễ nghe hơn, mà muốn sửa tính ham tư lợi đó thì nên giảng cho họ rằng cái lợi của cá nhân ở trong cái lợi của toàn

thê xã hội, ở trong đạo kiêm ái (coi thuyết kiêm ái ở chương sau).

Chính vì Mạc đặc biệt chú trọng tới cái lợi của mọi người nên Phùng Hữu Lan trong sách đã dẫn, trang 115, cho rằng chủ nghĩa của Mạc là chủ nghĩa công lợi (). Người Trung Hoa dùng danh từ công lợi chủ nghĩa để dịch tiếng utilitarianism của Anh (Tư Hải - bộ tử - tr.417).

Thuyết Utilitarianism mà Bentham (triết gia Anh 1748 - 1832) Trung Hoa phiên âm là Biên Sấm) là đại diện chính, chủ trương, rằng luân lý chỉ là vấn đề tạo "nhiều hạnh phúc nhất cho nhiều người nhất". Vui thích là hạnh phúc, vậy là tốt, đau khổ, ngược lại, là xấu. Hành vi nào tạo được vui thích được Bentham coi là thiện ; nếu tạo đau khổ thì ông coi là ác. Vì vậy người ta bảo luân lý theo ông chỉ là một thứ "số học về vui thích" (arithmétique des plaisirs), nói cách khác, chỉ là một thứ tính toán xem hành vi nào nhiều vui thích thì lựa. Cho nên chúng tôi muốn dịch Utilitarianism là duy lạc chủ nghĩa.

Sau, Stuart Mill cũng người Anh, (1806 - 1873) sửa lại thuyết của Bentham trong cuốn *Utilitarianism* (1861), cho rằng hạnh phúc của mọi người với hạnh phúc của cá nhân là một ; và ông phân biệt các vui thích cao thượng với các vui thích dẽ tiện.

Như trên chúng tôi đã nói, tất cả các triết gia Trung Hoa (có lẽ chỉ trừ Dương Chu), đều tìm cái lợi chung

cho thiên hạ, chứ chẳng riêng gì Mạc tử ; mà không một triết gia nào cho việc tạo vui thích cho con người là tiêu chuẩn đạo đức, không một nhà nào chủ trương thỏa mãn vui thích càng nhiều càng tốt, trái lại họ còn muốn tiết dục, có khi diệt dục nữa. Riêng Mạc tử, như chúng ta sẽ thấy trong những chương sau, chỉ mong thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên thiết yếu của con người là ăn, mặc và nghỉ ngơi, và gạt bỏ những xa xỉ phẩm, cả âm nhạc nghệ thuật nữa. Như vậy thì thuyết mưu cái lợi lẫn cho nhau của ông khác xa thuyết utilitarianism của Bentham, Mill. Như vậy ông đồng hóa lợi với nghĩa, chứ không đồng hóa vui thích với đạo đức và thuyết của ông khác thuyết của Bentham và Mill, mặc dầu cũng như họ, ông coi hạnh phúc của mọi người với hạnh phúc của cá nhân là một.

Tới đời sau, phái Biệt Mạc định nghĩa lại chữ *Lợi*, mới làm cho chủ trương giao tương lợi của Mạc tử giống thuyết "công lợi" của Bentham và Mill (coi phần II chương II).

CHƯƠNG III

THUYẾT KIÊM ÁI

Mạc tử sống đầu thời Chiến Quốc, các nước xâm chiếm lẫn nhau mỗi ngày mỗi nhiều, chiến tranh mỗi ngày một ác liệt : Sở diệt Ngô, Thái, Kỉ ; Việt diệt Cử, Đàm ; các nước nhỏ khác như Đại, Đằng trước sau đều bị nước mạnh thôn tính. Trong mỗi nước, các việc giết vua, chiếm ngôi cũng thường xảy ra, như nước Trịnh giết Ai công, ba họ Hàn, Triệu, Ngụy làm loạn nước Tấn, họ Điền chuyên quyền ở Tề. Mạc tử thấy những cảnh đó, thấy nỗi khổ của dân chúng, cho rằng không gì hại bằng loạn. Mà theo ông loạn chỉ do lòng tự tư, tự lợi, của con người, không yêu người khác mà chỉ yêu bản thân mình, làm hại người để lợi cho mình.

Chương trên, chúng tôi đã dẫn hai đoạn trong thiên *Kiểm ái thượng* mặt sát lòng ích kỉ hại nhân đó : ở

trong nhà, cha con, anh em không yêu nhau, ai cũng chỉ nghĩ làm lợi cho mình, cho nên mới loạn ; ở triều đình, vua tôi không yêu nhau ai cũng chỉ nghĩ làm lợi cho mình, cho nên mới loạn ; ở trong nước, nhà nào, người nào cũng không yêu nhau, chỉ nghĩ lợi cho mình, cho nên mới loạn ; trong thiên hạ, các nước chư hầu cũng không yêu nhau, chỉ nghĩ làm lợi cho mình, cho nên mới loạn.

Đấu thiên *Kiểm di hạ*, Mạc tử còn nói rõ hơn nữa :

"Hiện nay cái hại lớn nhất cho thiên hạ là gì ? Đáp : "Là nước lớn đánh chiếm nước nhỏ, nhà lớn làm loạn nhà nhỏ, người mạnh hiếp kẻ yếu, số đông tàn bạo với số ít, người khôn lừa gạt kẻ ngu, người sang ngạo mạn người hèn, đó là cái hại cho thiên hạ. Lại như làm vua mà không huệ (nhân ái, gia ân), làm bề tôi mà không trung, cha không từ, con không hiếu, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Lại như bọn dâm tiện ngày nay dùng dao nhọn, thuốc độc, nước lửa để làm hại lẫn nhau, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa".

Thái độ tự tư tự lợi đó, Mạc gọi là "biệt" : phân biệt mình và người, chỉ yêu mình mà không yêu người. Biệt là bậy nó gây chia rẽ lẫn nhau, làm hại lớn cho thiên hạ. Phải thay nó bằng "kiêm" : "Kiêm dĩ dịch biệt". "Kiêm" là gồm, gồm yêu mọi người, coi ai cũng như mình, làm lợi cho mọi người.

"Biệt" hại cho thiên hạ bao nhiêu thì "kiêm" lợi cho thiên hạ bấy nhiêu : "Nếu thiên hạ đều gồm yêu lẫn

nhau (kiêm tương ái), ai nấy đều yêu người như yêu thân mình thì còn kẻ bất hiếu nữa không ? Cõi cha anh và vua như thân mình thì làm gì còn kẻ bất hiếu ? Còn kẻ bất tử nữa không ? Cõi con em và bề tôi như thân mình thì làm gì còn kẻ bất tử ? Cho nên sự bất hiếu, bất tử sẽ không có nữa. Còn trộm cướp không ? Đã coi nhà người như nhà mình thì còn ai ăn trộm nữa ? Đã coi thân người như thân mình thì còn ai ăn cướp nữa ? Cho nên sự ăn trộm ăn cướp sẽ không có nữa. Còn có đại phu làm loạn nhà ⁽¹⁾, nhau vua chư hầu đánh chiếm nước nhau nữa không ? Cõi nhà người như nhà mình thì còn ai làm loạn nhà nhau ? Cõi nước người như nước mình thì còn ai đánh chiếm nước nhau ? Cho nên cái nan đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh chiếm nước nhau sẽ không có nữa.

"Nếu thiên hạ gồm yêu lẫn nhau, nước nọ với nước kia không đánh chiếm lẫn nhau, nhà này với nhà kia không làm loạn lẫn nhau, trộm cướp không có ; vua tôi, cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên hạ trị".

(Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, ái nhân nhược ái kì thân, do hữu bất hiếu giả hồ ? Thị phụ huynh dư quân nhược kì nhân, ô thi bất hiếu ? Do hữu, bất tử, giả hồ ? Thị tử đệ dư thân nhược kì thân, ô thi bất tử ? Cố bất hiếu, bất tử vô hữu. Do hữu đạo tặc hồ ? Thị

(1) Nhà đây là một ấp hoặc một khu đất rộng phong cho các đại phu ; bọn đại phu này có thể có chiến xa, quân lính, bề tôi riêng, như ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy ở nước Tấn.

nhân chi thất nhược kì thất, thùy thiệt ? Thị nhân thân nhược kì thân, thùy tặc ? Cố đạo tặc vô hữu. Do hữu đại phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả hồ ? Thị nhân gia nhược kì gia, thùy loạn ? Thị nhân quốc nhược kì quốc, thùy công ? Cố đại phu chi tương giáo gia, chư hầu chi tương công quốc giả vô hữu.

Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, quốc dữ quốc bất tương công, gia dữ gia bất tương loạn, đạo tặc vô hữu, quân thần phụ tử giai nang hiếu từ, nhược thử tác thiên hạ trị.) – *Kiểm ái thượng*.

Kiểm ái lợi cho gia đình, quốc gia, thiên hạ như vậy, mà cũng lợi cho cá nhân nữa, vì : "ai cũng đem tài tình mắt sáng của mình mà trông nghe cho nhau, đem tay chân khỏe mạnh làm lưng cho nhau, mà kẻ biết đạo lí thì hết lòng dạy bảo lẫn nhau. Cho nên người già nua mà không có vợ con thì được san sóc, nuôi nấng cho trọn tuổi trời ; trẻ em không có cha mẹ thì có chỗ nương tựa, được nuôi tới lớn"...

(Dĩ thông nhĩ minh mục tương vi thị thính hồ ! Dĩ cổ quang tất cường tương vi động vi cử hồ ! Nhi hữu đạo tứ tương giáo hối. Thị dĩ lão nhi vô thê tử giả hữu sở thị dưỡng dĩ chung kì thọ, ấu nhược cô đồng chi vô phụ mẫu giả hữu sở phóng y dĩ trưởng kì thân hồ !)
Kiểm ái hạ.

Thật là "lô gích" : loạn do tự tư tự lợi mà sanh, dẹp lòng tự tư tự lợi đi mà yêu mọi người như chính mình,

làm lợi cho mọi người như cho chính mình thì tất hết loạn, mà làm lợi cho mọi người cũng là làm lợi cho cá nhân mình. Vậy mà nhiều "kẻ sĩ trong thiên hạ" lại chê bai thuyết kiêm ái của Mặc, khiến ông phải bực mình, không hiểu tại sao.

*

* *

Thiên *Kiêm ái thượng* chỉ trình bày vấn đề tất thuyết đó thôi, hai thiên *trung* và *hạ* chép thêm những lời chê bai và những lời đáp của ông. Các kẻ sĩ trong thiên *hạ* đó vạch ra bốn nhược điểm : kiêm ái là việc khó làm ; dùng không được ; không hợp đạo làm con ; không hợp tình người.

a/ Khó làm.

Thiên *Kiêm ái trung* chép :

"Những bậc sĩ quân tử ngày nay bảo : "Phải, gồm yêu lẫn nhau thì tốt đấy, nhưng việc đó không thể làm được. Nó khó như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông [Hoàng – Hà, sông Tế [một chi nhánh của Hoàng Hà] vậy".

Mặc tử đáp :

"So sánh như vậy không đúng. Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông Hà, sông Tế là việc cần có sức mạnh, [chân] nhanh, [tay-] cứng, từ xưa tới nay chưa ai làm

được. Còn việc gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau thì khác hẳn, thánh vương đời xưa đã làm rồi đấy.

Thị phi kì thi đã. Phù khiết Thái Sơn nhi viết Hà Tể, khả vị tât ⁽¹⁾ kính hữu lực hĩ ; tự cổ cập kim vị hữu nang hành chi giả dã. Huống hồ kiêm tương ái, giao tương lợi, tác dữ thủ dị ; cổ giả thánh vương hành chi".

Rồi Mạc dẫn việc vua Vũ nhà Hạ trị thủy, trừ lụt, khơi sông, đắp đê làm lợi cho các rợ Yên, Đại, Hồ, Lạc ở phía tây, cho dân Ki Châu ở phía đông, cho các nước Sở, Việt ở phía nam ; việc vua Văn vương nhà Chu cai trị miền Tây, bênh vực các nước nhỏ, săn sóc các người già yếu, cô quả ; việc vua Võ vương nhà Chu lựa người hiền giúp mình để cứu dân đời Thương Hạ. Mấy thánh vương đó đều gồm yêu thiên hạ.

Trong *Kiêm ái hạ*, Mạc còn dẫn những lời trong *Thuận thư* (thiên Thái thế và thiên Vũ thế) chép về Văn vương, vua Vũ nhà Hạ.

Có người lại bảo thánh vương làm được, nhưng kẻ sĩ và dân chúng khó làm được. Ông đáp : "Vì các bậc sĩ quân tử không biết cái lợi, hiểu cái nguyên nhân đấy. Nay cái việc đánh thành, giao chiến ở ngoài đồng, tự giết thân mình để được danh tiếng, tram họ trong thiên hạ đều cho là khó, mà khi ông vua đã thích thì dân

(1) Các nhà chú thích cho chữ 畢 (tất) ở đây là chữ 疾 (tật) nghĩa là mau lẹ.

chúng cũng làm được, hưởng hồ là việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, có khó gì đâu. Hễ yêu người thì người tất yêu lại mình, làm lợi cho người thì người tất làm lợi lại cho mình ; hễ ghét người thì người tất ghét lại mình, hại người thì người tất hại mình. Chỉ vì người trên không dùng kiềm ái làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi nó là nết của mình đấy thôi.

“Thiên hạ chi sĩ quân tử đặc bất thức kì lợi, biện kì cố dã. Kim nhược phù chinh thành dã chiến, sát thân vị danh, thử thiên hạ bách tính chi sở giai nan dã ; cầu quân duyệt chi tác sĩ chúng năng vì chi. Huống ư kiềm tương ái, giao tương lợi, tác dữ thử đi. Phù ái nhân giả, nhân tất tông nhi ái chi ; lợi nhân giả, nhân tất tông nhi lợi chi, ố nhân giả, nhân tất tông nhi ố chi, hại nhân giả, nhân tất tông nhi hại chi. Thử hà nan chi hữu ? Đặc thượng phát dĩ vì chính, sĩ bất dĩ vì hạnh cố dã - *Kiểm ái trung*”.

Mặc cũng lại dẫn việc xưa nữa để chứng thực : vua Văn công nước Tấn thích những kẻ sĩ bận áo xấu, cho nên bề tôi đều bận áo xấu để bề kiến và ngồi triều. Vua Linh vương nước Sở thích kẻ sĩ lưng thon, nên bề tôi chỉ ăn mỗi ngày một bữa, chưa đầy một năm, triều thần đều xanh xao. Vua Câu Tiễn nước Việt thích dũng sĩ, và bề tôi đều thành dũng sĩ, xô đẩy nhau, lan xả vào cứu một chiến thuyền cháy, đạp lửa mà chết có tới trên trăm người. Nhịn ăn, bận áo xấu, tự sát thân để được tiếng, những việc đó trăm họ đều cho là khó,

vậy mà vua thích thì dân chúng cũng làm được. Tóm lại hễ vua thích thì dân theo.

b/ Không dùng được.

Có người lại bảo : "Đạo Kiêm tốt thật đấy, nhưng dùng được không ? Mạc tử đáp : "Nếu không dùng được thì ngay tôi đây cũng chê. Vả lại, đâu có cái gì tốt mà không thể dùng được bao giờ.

"Dụng nhi bất khả, tuy ngã diệc tương phi chi ; thả yên hữu thiện nhi bất khả dụng giả - *Kiêm ái hạ*".

Chúng ta thấy Mạc có tinh thần thực tiễn ; ông đưa ra một thí dụ cụ thể để chứng tỏ rằng thuyết của ông dùng được. Ông thí dụ có hai kẻ sĩ, một kẻ chủ trương "biệt" - ông gọi là biệt sĩ - không yêu thân bạn như thân mình, người thân của bạn như người thân của mình, thấy bạn đói rét cũng mặc, đau ốm không san sóc cho mà chết cũng không chôn cho ; một kẻ chủ trương "kiêm" ngược lại, coi thân bạn như thân mình, người thân của bạn như người thân của mình, bạn đói rét thì giúp cơm giúp áo, bạn đau ốm thì san sóc, thuốc thang, bạn chết thì chôn cất tử tế. Rồi ông nói : "Nay có một người sắp phải ra trận không biết sống chết ra sao, hoặc sắp phải đi xa không biết bao giờ về, thì người đó sẽ gởi gắm nhà cửa, vợ con cho người bạn chủ trương "biệt" hay người bạn chủ trương "Kiêm" ? Tôi cho rằng trong trường hợp đó, dù là ngu phu ngu phụ, ngay cả kẻ chê đạo kiêm ái cũng sẽ gởi gắm gia đình cho người bạn chủ trương Kiêm".

Người bác bề ông hỏi vắn thêm : "Phải, chọn kẻ si chủ trương Kiêm thì được chứ làm sao chọn vua chủ trương Kiêm được ?".

Câu hỏi đó rất quan trọng, nêu lên một vấn đề căn bản về chính trị. Chúng ta đã biết, theo truyền thuyết thì trước vua Vũ nhà Hạ, Trung Hoa theo chế độ truyền hiền – ngôi vua truyền lại cho người hiền : Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn truyền ngôi cho Vũ, Thuấn và Vũ đều là những người hiền, có công lao với dân, được dân kính trọng, tin cậy, chứ không phải là con của Nghiêu hoặc của Thuấn ; rồi từ vua Vũ trở đi, ngôi vua mới truyền tử - truyền cho con là Khải. Tới thời Mặc tử, chế độ truyền tử đó đã thi hành được trên ngàn rưởi năm, chưa có dấu hiệu gì bị lung lay cả. Dân chúng may thì gặp ông vua tốt, chẳng may thì gặp ông vua xấu (mà hạng vua xấu, thời nào cũng nhiều) vậy dân làm sao lựa được vua ?

Trong một chương sau (về ý trời) ông gián tiếp trả lời câu hỏi đó ; và ở đây, thiên *Kiêm ái hạ*, ông tránh né, chỉ đáp đại ý rằng ai cũng muốn lựa ông vua chủ trương Kiêm ái.

Ông cũng đưa ra một thí dụ : có một ông vua chủ trương Kiêm – Kiêm vương – "đặt thân của vạn dân lên trước thân của mình", san sóc cho họ khỏi phải đói rét, và một ông vua chủ trương biệt - biệt vương - cho rằng không thể coi thân của vạn dân như thân của mình được "cái đó trái với tình người quá mà" – thử đại ⁽¹⁾ phi

thiên hạ chi tình dã), để cho dân đói rét, chết không chôn cất cho, rồi ông hỏi gặp năm đói rét, có bệnh dịch thì nên chọn ông vua nào : tất nhiên là chọn ông chủ trương kiêm.

c/ Không hợp đạo làm con.

Vì lo cho cha mẹ người như lo cho cha mẹ mình thì "không được lợi cho cha mẹ mình mà có hại cho đạo hiếu".

Mạc đáp : mình có yêu và làm lợi cho cha mẹ người thì người mới đáp lại, yêu và làm lợi cho cha mẹ ta. Rồi ông dẫn lời thiên Đại nhã trong Kinh Thi : "Không một lời nào, một ân đức nào mà không được báo đáp ; ném cho tôi quả đào, tôi sẽ ném lại cho quả mận :

– Vô ngôn nhi bất thụ ⁽¹⁾, vô đức nhi bất báo, đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lí. *Kiểm ái hạ*".

Mạc tử có li một phần, và Mạnh tử trong thiên *Đẳng văn Công hạ* - bài 9, mắng oan ông : "Họ Mạc kiêm ái, tức là không cha, không cha... thì là cấm thú :

Mạc thị kiêm ái, thị vô phụ dã, vô phụ... thị cấm thú dã".

d/ Không hợp tình người

Ở đoạn b - chúng tôi mới dẫn câu : "thủ đại phi thiên hạ chi tình dã" trong thiên *Kiểm ái hạ*. Câu đó

(2) Chữ *thái* ở đây, Đường Kinh Cảo bảo là *đại*. 大

(1) Chữ *thụ* ở đây, Đường Kinh Cảo bảo là *thụ*. 售

chứng tỏ rằng Mặc tử biết có nhiều người cho đạo kiêm ái của ông không hợp tình người, nhưng ông không đáp.

Trong thiên *Canh Trụ*, bài 18, Vu Mã tử đặt hẳn vấn đề với ông, một cách rất minh bạch. Vu bảo :

"Tôi khác thấy, tôi không gồm yêu mọi người được. Tôi yêu người Trâu hơn người nước Việt, yêu người nước Lỗ hơn người Trâu, yêu người làng tôi hơn người nước Lỗ, yêu người nhà tôi hơn người làng tôi, yêu cha mẹ tôi hơn người nhà tôi, yêu thân tôi hơn cha mẹ tôi : càng gần thì tôi càng yêu. Ai đánh tôi thì tôi thấy đau, nếu đánh người khác thì tôi không thấy đau. Can có gì mà người làm cho tôi đau thì tôi không kháng cự, còn người không làm cho tôi đau, tôi lại kháng cự ? Cho nên tôi có thể giết người mà làm lợi cho tôi chứ không thể giết tôi để làm lợi cho người".

Vu Mã tử đưa ra hai điểm : 1- tình chung của con người là yêu mình hơn yêu người, yêu người thân hơn người so ; 2- tình của con người là tự tư tự lợi, ích kỷ.

Mặc tử không đáp điểm 1, mà chỉ đáp điểm 2 : "nếu cả thiên hạ theo thuyết của ông - tức thuyết tự tư tự lợi thì cả thiên hạ sẽ muốn giết ông để thỏa lòng họ", còn như "nếu cả thiên hạ không theo thuyết của ông thì cả thiên hạ [cũng] sẽ muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành. [Vây] người theo ông muốn giết ông mà người không theo ông cũng muốn giết ông, thuyết của ông rốt cuộc chỉ gây họa cho thân ông thôi".

Về điểm 2 đó, Mặc tử có lí trên nguyên tắc : như chương trên chúng tôi đã nói, ông thấy bản tính con người là chỉ nghĩ tới mình, 'ích kỉ', do đó gây ra loạn, tai hại vô cùng cho loài người, nên ông khuyên người ta phải yêu nhau, làm lợi cho nhau, diệt tính ích kỉ đó đi.

Còn điểm 1 thì ông không đáp được. Đó chính là một nhược điểm của thuyết Kiêm ái ⁽¹⁾.

*

* *

Sơ sánh đạo nhân của Nho và đạo Kiêm ái của Mặc.

Thiên *Công Mạnh*, bài 15 Mặc tử nói chuyện với Trình tử, chê đạo Nho có bốn chủ trương đủ làm mất thiên hạ : cho Trời là không sáng suốt, cho quỷ là không thiêng : chôn cất hậu hĩ, để tang lâu ; thích dờn ca, múa hát ; cho rằng có số mạng, trị loạn, yên nguy đều đã định trước, không sửa đổi được. Có lẽ vì những lời chê đó mà Mạnh tử bất bình, mạt sát Mặc tàn nhẫn, cho là quân "không cha". Nhưng cũng thiên đó, bài 16, Mặc lại khen Khổng tử, khiến Trình tử ngạc nhiên, hỏi vặn :

(1) Người đời sau còn bác thuyết kiêm ái ở hai điểm này nữa : đã yêu mọi người như mình thì sao còn phạt kẻ có tội ? - Người trong thiên hạ vô cùng thì yêu sao cho hết được. Xin coi phần "Biệt Mặc" ở cuối sách.

– Đã chê Nho sao còn khen Khổng tử ?

Mặc đáp :

– Vì thuyết của ông ấy có chỗ đúng, không thể sửa đổi được (...) có chỗ đúng thì sao lại không khen ?

Trong bài không nói đúng ở chỗ nào, chúng ta chỉ biết một điều này : không khi nào Mặc chê đạo nhân của Khổng tử cả, và trong hai thiên *Kiểm ái* trung và hạ, Mặc thường nêu gương *Kiểm ái* của vua Vũ, nhà Hạ, vua Văn, vua Võ nhà Chu, tức những người mà đạo Nho cho là thánh vương có lòng nhân, thương dân như con. Vậy có lẽ Mặc tử đã dùng thuyết nhân của Khổng mà sửa lại thành thuyết *Kiểm ái*. Hàn Dũ đời Đường có lí khi bảo rằng Mặc tử tất dùng [học thuyết] của Khổng tử (Mặc tử tất dụng Khổng tử).

Ôn lại thuyết "nhân" của Khổng tử, chúng ta thấy thuyết đó với thuyết *kiếm ái* có nhiều điểm giống nhau.

Thiên *Nhan Uyên*, bài 21, một môn sinh là Phan Trì hỏi thế nào là "nhân". Khổng tử đáp : "Ái nhân" (yêu người). Vậy nhân tức là ái rồi.

Cũng thiên đó, bài 2, Trọng Cung hỏi thế nào là nhân, ông đáp : "Kỉ sở bất dục, vật thị ư nhân" : điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người.

Thiên *Ung dã*, bài 28, Tử Cống hỏi về nhân, ông đáp : "Người nhân, hễ mình muốn thành lập thì cũng lo thành lập cho người ; mình muốn thông đạt, thì cũng lo cho người thông đạt ; suy từ gần (tức lòng mình) để biết xa (tức lòng người).

– Phù nhân giả, kỉ dục lập nhi lập nhân, kỉ dục đạt nhi đạt nhân, năng cận thủ thí". Tóm lại là cái gì mình muốn thì làm cho người ; cũng như Mặc tử nói "giao tương lợi" vậy.

Thiên *Vệ Linh* công bài 8, Khổng tử bảo : "người có nhân... có thể tự mình quyền sinh để giữ tròn đức nhân... sát thân để thành nhân". Tinh thần hi sinh đó không khác tinh thần của Mặc tử.

Đoạn trên, bài 28 thiên *Ung Dã* cho ta thấy rõ hơn nữa Khổng và Mặc rất gần nhau :

"Tử Cống hỏi : "Như có người thi ân cho khắp dân gian, lại hay cứu giúp cho đại chúng, thì người ấy thế nào, có thể gọi là người nhân được không ?" Khổng tử đáp : Sao, chỉ gọi là người nhân thôi ! Phải gọi là bậc thánh chứ. Vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó được như vậy".

Tử Cống viết : Như hữu bác thí ư dân nhi năng tế chúng, hà như ? Khả vị nhân hồ ? Tử viết : Hà sự ư nhân ? Tất dã thánh hồ ? Nghiêu, Thuấn kì do bệnh chư ! "Bác thí ư dân" tức là lòng bác ái, nhà Nho cũng gọi là phiếm ái, (*Luận ngữ, Thuật nhi* - bài 6) Mặc gia gọi là kiêm ái. Mà Nghiêu, Thuấn là những mẫu người đức nhân cao, chung cho cả Nho lẫn Mặc.

*

* *

Tuy nhiên nhân và kiêm ái, xét kĩ vẫn có chỗ khác nhau.

a/ Nhân vẫn phân biệt mình và người, "do kỉ cập nhân", lấy mình làm khởi điểm, mà khuếch sung lần lần tới người, từ người thân tới người sơ, từ gần tới xa, nghĩa là có đẳng cấp, như Vu Mã tử trong bài 18 thiên *Canh Trụ*. Kiêm ái thì không phân biệt mình và người, coi ai cũng như mình, người thân của người cũng như người thân của mình, không có riêng và tư, với mọi người cùng vui cùng khổ. Vì vậy mà Mạnh tử chê Mặc gia là không có tình cha con, như cầm thú cả ; và một môn đồ của Mặc tử, Di Chi, đồng thời với Mạnh tử, đã tìm cách sửa lại thuyết kiêm ái :

Thiên *Đẳng Văn công thượng*, bài 5, chép : [Di] Chi cho rằng kiêm ái không phân biệt đẳng cấp, nhưng bắt đầu từ người thân : Chi tác dĩ vi ái vô sai đẳng, thư do thân thủy" nghĩa là ai cũng yêu ngang nhau cả, nhưng yêu cha mẹ mình trước đã. Từ đó Mặc học mới lập ra thuyết "luân liệt". Thuyết này được chép trong thiên *Đại thủ sách Mặc kinh* :

"Nghĩa đáng dày thì cho ra dày, đáng mỏng thì cho mỏng, như vậy gọi là "luân liệt". Bậc đức hạnh, bậc vua và bề trên, bậc lão trưởng, thân thích, đó đều là cái nghĩa đáng dày. Nên hậu với bậc già, không nên bạc với bọn trẻ (nghĩa là người già và trẻ con đáng giúp trước hết) : bậc thân và gần thì nên hậu, thân mà xa thì nên bạc hơn, thân thì nên đến cùng cực, bạc thì không nên đến cùng cực."

(Nghĩa khả hậu, hậu chi ; nghĩa khả bạc, bạc chi, vi luân liệt. Đức hạnh, quân thượng, lão trưởng, thân thích,

thử giai sở hậu dã. Vị trưởng hậu, bất vị ấu bạc, thân hậu hậu, thân bạc bạc, thân chí, bạc bất chí).

Nhưng cũng chương *Đại thủ* đó lại nhấn mạnh : "Yêu thì không có hậu, bạc" - (Ái vô hậu bạc). Nghĩa là *Đại thủ* đã phân biệt ái và nghĩa : yêu thì yêu như nhau, không vì tư ý tư tình mà phân biệt hậu bạc, còn cái nghĩa - cái việc đáng làm, cái việc giúp đỡ - thì phân biệt hậu bạc. Như gặp trường hợp đói kém, cả tỉnh thiếu an, mình có dư lúa, họ hàng và người xa lạ tới xin, mình không thể giúp hết được thì mình giữ lại cho cha mẹ vợ con và chính mình một số dã, còn dư sẽ giúp cho người trong họ, rồi mới tới người xa lạ, giúp người có đức hạnh trước rồi mới tới người kém đức hạnh.

Như vậy là Mặc vì phương tiện không đủ dã phải hơi quay về Khổng học, nhưng cũng chỉ nhượng bộ Nho giáo tới đó thôi, còn thì vẫn giữ chủ trương rằng *thương yêu thì phải đồng đều cả*.

Mạnh tử vẫn bác, bảo như vậy không hợp tình người. Ông nhấn Di Chi : "Trời sinh ra con người, khiến cho chỉ có một gốc mà thôi [tức cha mẹ và người trong dòng họ mình] Mà Di tử dường như có hai gốc [cha mẹ, thân tộc và kẻ xa lạ], lăm ở chỗ đó"

— Đằng Văn công thượng, bài 5"

Mặc gia không đáp, không nhượng bộ thêm nữa, vì nếu nhượng bộ thêm thì kiêm ái y hết nhân mất rồi,

còn khác gì đâu ; vả lại Mặc muốn sửa tính người, tính người chứ đâu chỉ muốn hợp tính người. Do đó mà lòng hi sinh của Mặc gia cao hơn của Nho gia : "Dù chặt ngón tay, chặt cánh tay mà có lợi cho thiên hạ thì cũng không do dự, dẫu chết mà lợi cho thiên hạ thì cũng không do dự !

Đoạn chỉ đoạn uyển, lợi ư thiên hạ tương nhược, vô trạch dã, tử sinh lợi, nhược nhất, vô trạch dã - *Đại thủ*.
Tính thần đó thật vĩ đại.

Mặc tử ở trong giai cấp tiện nhân, muốn xóa bỏ mọi đẳng cấp, môn sinh đời sau sửa đổi thuyết của ông như vậy chưa chắc đã hợp ý ông. Có thể ông không hiểu rằng phải tổ chức lại xã hội, phải trở lại chế độ cộng sản nguyên thủy, diệt bỏ tư sản thì mới thi hành kiêm ái ở khắp nơi được ; còn như trong một xã hội Trung Hoa thời ông, cá nhân muốn kiêm ái thì phải dùng có gia đình, số người như vậy rất ít. Ông cảm hóa được trên ba trăm môn sinh, khiến họ hi sinh như ông, đáng kể là tài ; mà đạo ông truyền được vài trăm năm, tranh giành ảnh hưởng với Nho, đáng kể là lâu.

Ngoài điểm quan trọng kể trên, kiêm ái còn khác nhân ở điểm sau này nữa.

b/ Bậc nhân chú trọng đến sự xúc tiến đạo đức của người khác, còn bậc kiêm giả chú trọng đến sự cứu giúp vật chất nhiều hơn. Không cho đức nhân gồm nhiều đức khác : lễ, nghĩa, trung thứ, hiếu, đễ, cả trí, dũng nữa... ; ông muốn dạy ta cách xử thế, trau dồi tình cảm, còn Mặc hễ nói đến kiêm ái thì chỉ kèm theo

ba chữ "giao tương lợi", chỉ muốn dùng lí trí để thuyết phục ta tìm cái lợi cho mình trong cái lợi chung của mọi người. Khổng muốn bồi dưỡng cái phần "thiện" trong bản tính của ta, còn Mặc chỉ muốn diệt cái phần ác (ham tư lợi, vị kỉ, tranh giành nhau) trong bản tính của ta. Khổng trọng lí tưởng, Mặc trọng thực tiễn. Vì vậy mà trên hai ngàn năm nay ai cũng ngưỡng mộ tinh thần hi sinh không bờ bến của Mặc, nhưng cũng vẫn thích thuyết nhân của Khổng hơn thuyết kiêm ái của Mặc.

CHƯƠNG IV

MẠT SÁT CHIẾN TRANH XÂM LĂNG

Yêu nhau là cái lợi lớn của thiên hạ, tranh nhau là cái hại lớn của thiên hạ. Đã đề cao đạo kiêm ái thì Mạt tử cũng mạt sát sự dùng võ lực để xâm lược nước khác, do đó mà có ba thiên *Phi công*, và nhiều đoạn trong các thiên *Thiên chí*, *Canh Trụ*, *Lỗ vấn*...

Ở Trung Hoa chỉ có bọn Pháp gia là chủ trương thương võ đến triệt để : Thương Ưởng và Hàn Phi đều cho rằng nước Sở dễ được trọng... là nhờ sức mạnh (Quốc chi sở dĩ trọng... lực dã - Thương Ưởng) ; sức mình mạnh thì người ta triều phục mình, sức mình yếu thì mình triều phục người, cho nên bậc minh quân cần chăm về sức mạnh (Lực đa tắc nhân triều, lực quả tắc triều ư nhân ; cố minh quân vụ lực - Hàn Phi).

Còn Khổng, Lão, Mặc đều ghét chiến tranh. Lão cho việc binh là việc chẳng lành, không phải là việc của người quân tử... Đắc thắng mà cho là hay tức là kẻ thích giết người... Cuộc chiến thắng phải xử bằng lễ tang ma (Binh giả, bất tường chi khí, phi quân tử chi khí... Thắng... nhi nữ chi giả, thị lạc sát nhân... Chiến thắng, dĩ tang lễ xử chi).

Khổng tử đáp Vệ Linh công khi Linh Công hỏi về chiến trận : "Việc cúng tế ở tôn miếu thì tôi đã được nghe, còn việc bày binh bố trận thì tôi chưa từng học. (Trở đầu chi sự, tác thường van chi hĩ ; quân lữ chi sự, vị chi học dã - *Vệ Linh công* 1).

Mạnh tử bảo : "Đánh nhau để tranh đất, giết người đầy ruộng ; đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành, như thế gọi là đem đất ăn thịt người xử tử còn chưa hết tội. Cho nên kẻ thiện chiến thì chịu tội nặng nhất" (Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã ; tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành ; thủ sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dong ư tử. Cố thiện chiến giả, phục thượng hình... *Li Lâu thượng*, 14).

Mặc tử hơn mấy nhà trên ở chỗ, ông trình bày một cách rành mạch, đầy đủ hơn những lí lẽ để thuyết phục các chư hầu, đừng đánh chiếm nước người, rồi lại hô hào các nước hợp lực nhau cứu các nước bị xâm lăng, nhất là còn đích thân cứu nước Tống nữa.

*

* *

Ông nhân thấy các nước lớn xâm chiếm nước nhỏ vì hai lý do : ham lợi và ham danh.

Ông giảng giải cho họ thấy rằng không có lợi gì cả, hoặc có thì lợi bất cập hại.

Thiên *Phi công trung*, ông bảo :

"Dấy binh vào mùa đông thì sơ lạnh, vào mùa hè thì sơ nóng, cho nên phải tránh hai mùa đó ; mà dấy binh vào mùa xuân thì bắt dân phải bỏ việc cày cấy trồng trọt, vào mùa thu thì dân phải bỏ việc gặt hái, cho nên phải tránh hai mùa đó. Dân phải bỏ một mùa thì trăm họ chết đói chết rét không biết bao nhiêu mà kể. Nay thử tính xem, hễ xuất quân thì tên tre, cờ lông, màn trướng, áo giáp, mộc lớn mộc nhỏ, dao mác tổn hại, hư nát, mất mát không thu hồi được, không biết bao nhiêu mà kể, lại thêm bỏ ngựa, khi xuất quân thì mập, về thì gầy, hoặc chết không về được, không biết bao nhiêu mà kể ; lại thêm đường xá xa xôi, lương thực tiếp tế không được, thiếu thốn, trăm họ chết không biết bao nhiêu mà kể ; đạo ăn ở không được yên ổn, ăn uống thất thường, lúc no quá, lúc đói quá, không điều độ, nên trăm họ bị bệnh mà chết không biết bao nhiêu mà kể.

"... Nay tấn công một lớp thành trong chu vi ba dặm, một lớp thành ngoài bảy dặm, không dùng khí giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao thắng được ? Giết người, nhiều thì hàng vạn, ít cũng hàng ngàn rồi mới chiếm được lớp thành trong (chu vi) ba dặm, lớp thành ngoài (chu vi) bảy dặm. Nay một nước có một vạn cỗ xe thì số thành có tới trên ngàn, không vào cho xuể được, số đồng ruộng có tới trên vạn, không chiếm cho hết được ;

như vậy là đất đai (của người) có dư mà binh sĩ (của mình) không đủ. Bất binh sĩ của mình phải chết hết, gây tai họa cho người trên kẻ dưới để tranh thành, tức là khinh bỏ cái không đủ [binh sĩ của mình] mà trọng cái có dư [đất đai của người], theo chính sách đó, đâu phải là biết lo việc nước".

Có người bác : Đánh chiếm nước người có lợi chứ. Chúng có là các nước Sở, Ngô ở phương Nam, Tề, Tấn ở phương Bắc, hồi mới được phong làm chư hầu trong thiên hạ, đất đai chỉ được vài trăm dặm vuông, số dân chỉ được vài chục vạn ; sau nhờ đánh chiếm nước khác mà đất đai được vài ngàn dặm, số dân tăng lên tới mấy triệu.

Mạc tử đáp :

"Tuy bốn năm nước được lợi đấy, tôi vẫn cho như vậy không phải là theo đạo. Cũng tở như dùng thuốc trị bệnh. Có một y sĩ dùng cả thuốc và bùa phép trị bệnh cho thiên hạ ; một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn năm người được lợi (khỏi bệnh) thì tôi vẫn cho là không biết làm nghề thuốc".

Rồi Mạc tử kể rất nhiều nước nhỏ bị tiêu diệt vì chính sách xâm lược đó. Nhất là có lợi thì chỉ lợi cho bọn vua chúa chứ tai hại cho dân của cả nước thắng lẫn nước bại.

Vả lại, có lợi cho nước thắng thì cũng chỉ nhất thời, rồi cuộc cái họa cũng "trở ngược về họ" Trong *Phi công trung* ông dẫn hai thí dụ : Ngô vương Phù Sai diệt nước Việt, sau bị Việt vương Câu Tiễn quật lại ; Trí Bá nước Tấn chiếm đất của hai họ Trung Hoàng và Phạm, sau bị liên quân của ba họ Hàn, Triệu, Ngụy diệt

Ông kể lại hai vụ đó cho Hạng Tử Ngưu [một viên tướng của Tể] nghe để ngan Hạng đánh Lỗ :

"Tể đánh Lỗ là lắm lớn. Xưa vua Ngô [Phù Sai] đem quân qua phía Đông đánh Việt, xua quân của Việt vương [Câu Tiễn] lên núi Cốc Khê phía Tây đánh Sở, giữ Chiêu vương ở đất Tùy ; phía Bắc đánh Tể, bắt thái tử Quốc của Tể đem về Ngô ; sau chư hầu báo thù, dân chúng Ngô ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được [không ham đánh], vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự.

"Xưa Trí Bá đánh họ Phạm và họ Trung Hoàng, gồm đất của ba nhà nước Tấn [tức Trí, Phạm, Trung Hoàng], làm một ; sau chư hầu báo thù dân chúng ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Cho nên nước lớn đánh nước nhỏ tức là hại lẫn nhau, cái họa tất trở ngược về nước mình"... Đại quốc chi công tiểu quốc dã, thị giao tương tạc dã, hoa ⁽¹⁾ tất phản ư quốc - *Lỗ vấn* - 2-

Vậy xâm chiếm nước người là bất lợi cho nước mình, bất lợi cho dân ; ngoài ra còn bất lợi cho trời và quỷ thần nữa, vì người là dân của trời (thiên dân), ta giết người tức là giết dân của trời, trời tất ghét, phạt ta... (*Phi công hạ*) ; mà dân chúng chết nhiều, quỷ thần mất nhiều kẻ tế lễ mình, (*Phi công, trung*).

Tổng Hình, một Mặc gia đời sau, muốn đem thuyết "bất lợi" đó thuyết phục vua Sở và vua Tấn đừng xua quân đánh

(1) Chữ *quả* ở đây, đọc là *hoa*

nhau nữa, gặp Mạnh tử kể việc mình định làm. Mạnh tử bảo không nên đem lợi và hại ra bàn và khuyên chỉ đem nhân nghĩa ra mà thuyết phục. (*Cáo tử, hạ* - 4).

Chính Mặc tử cũng đã nghĩ tới lí do "vì nhân nghĩa" đó, và ông dùng nó để thuyết những kẻ ham cái danh thắng người.

Phi công trung, ông bảo : "Xét cái danh thắng người thì nó không dung được vào việc gì". (Kể kì sở tự thắng, vô số khả dụng dĩ)

Phi công thượng, ông còn nặng lời mạt sát là ngu, là bất nhân bất nghĩa nữa. Thiên đó rất ngắn, nội dung khác hẳn hai thiên trung, hạ, chỉ nói về nhân nghĩa, được mọi người cho là những trang hay và quan trọng bậc nhất trong bộ *Mặc tử*, vì ý tưởng xác đáng mà lời lại hùng hồn, lời cuốn. Chúng tôi xin chép lại dưới đây nguyên văn cùng bản dịch :

(Kim hữu nhất nhân nhập nhân viên phố, thiết kì đào lí, chúng vân tác phi chi, thượng vi chính giả đắc tác phạt chi. Thử hà dã ? Dĩ khuy nhân tự lợi dã. Chí nhưong nhân khuyển thử kê đồn giả kì bất nghĩa hựu thậm nhập nhân viên phố, thiết đào lí. Thử hà cố dã ? Dĩ khuy nhân dữ đa. Cầu khuy nhân dữ đa kì bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chí nhập nhân lan cứu, thủ nhân mã ngu giả, kì bất nhân bất nghĩa hựu thậm nhưong nhân khuyển thử kê đồn. Thử hà cố dã ? Dĩ kì khuy nhân dữ đa. Cầu khuy nhân dã đa, kì bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chí sát bất cô nhân dã, dà kì y cừu, thủ qua kiến giả, kì bất nghĩa hựu thậm nhập nhân lan cứu thủ nhân mã ngu. Thử hà cố dã ? Dĩ kì khuy nhân dữ đa. Cầu khuy nhân dữ đa, kì bất nhân tư thậm hĩ, tội ích hậu. Đương thử thiên hạ chi quân tử, giai tri nhi phi chi vị chi bất nghĩa ; kim chí đại vi công quốc, tác phát tri phi tông nhi dự chi, vị chi nghĩa, thử khá ⁽¹⁾ vị tri nghĩa dữ bất nghĩa chi biệt hồ ?

Sát nhất nhân, vị chi bất nghĩa, tất hữu nhất tử tội hĩ. Nhược dĩ thử thuyết vãng, sát thập nhân, thập trong bất nghĩa, tất hữu thập tử tội hĩ ; sát bách nhân bách trong bất nghĩa, tất hữu bách tử tội hĩ. Đương thử thiên hạ chi quân tử giai tri nhi phi chi, vị chi bất nghĩa ; kim chí đại vi bất nghĩa công quốc tác phát tri nhi phi, tông nhi dự chi, vị chi nghĩa, thành ⁽²⁾ bất tri kỳ bất nghĩa dã, cố thủ kí ngôn dĩ di hậu thế ; nhược tri kì bất nghĩa dã, phù hể thuyết thử kì bất nghĩa dĩ di hậu thế tại ?

(1) Chữ xưa có thể dùng như chữ.

(2) Chữ xưa có thể dùng như chữ.

Kim hữu nhân ư thử, thiếu kiến hắc viết hắc, đa kiến hắc viết bạch, tác tất dĩ thử nhận vi bất tri bạch hắc chi biện hĩ, thiếu thường khổ viết khổ, đa thường khổ viết cam, tác tất dĩ thử nhận vi bất tri cam khổ chi biện hĩ ? Kim tiểu vi phi tác tri nhi phi chi : đại vi phi công quốc, tác bất tri nhi phi, tòng nhi dự chi, vi chi nghĩa. Thử khả vi tri nghĩa dư bất nghĩa chi biện hồ ? Thị dĩ tri thiên hạ quân tử dã hiên nghĩa dư bất nghĩa chi loạn dã).

PHI CÔNG (thượng)

(Mạt sát sự đánh chiếm nước người)

"Nay có một kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, ai nghe thấy cũng chê, nhà cầm quyền biết được tức trừng phạt. Tại sao vậy ? Tại kẻ ấy lấy của người làm lợi cho mình. Đến như cướp gà, chó, heo của người ta thì việc bắt nghĩa còn nặng hơn vào vườn hái trộm đào, mận. Tại sao vậy ? Tại làm thiệt hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì bắt nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến như vào chuồng bò, chuồng ngựa bắt bò, ngựa của người ta thì việc bắt nhân, bắt nghĩa lại nặng hơn là cướp gà, chó, heo của người ta. Tại sao vậy ? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì sự bắt nhân bắt nghĩa nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến như giết người vô tội để lột áo vải áo da, lấy ngon mأك, thanh kiếm của người ta thì việc bắt nghĩa còn nặng hơn vào chuồng bò chuồng ngựa bắt bò, ngựa của người ta. Tại sao vậy ? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho

người ta nhiều hơn thì sự bất nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Nhưng việc đó các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy mà chê, bảo là bất nghĩa ; nay cái việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người lại không biết chê là quấy, còn khen nữa, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là phân biệt được nghĩa với bất nghĩa không ?

Giết một người thì bảo là bất nghĩa, phải chịu một tội chết. Cứ theo đó mà suy, giết mười người thì bất nghĩa gấp mười, tức phải chịu mười tội chết, giết trăm người thì bất nghĩa gấp trăm, tất phải chịu trăm tội chết. Những việc đó, các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy mà chê, bảo là bất nghĩa. Nay các việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người thì không biết là quấy, lại còn khen, bảo là nghĩa. Họ quả thực không biết là bất nghĩa, nên mới chép công lưu lại đời sau ; chứ nếu biết là bất nghĩa thì sao lại chép mà lưu lại đời sau ?

Nay có người nọ thấy đen ít thì bảo là đen, thấy đen nhiều lại bảo là trắng, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đen và trắng ; thấy đáng ít thì phải bảo là đáng, mà thấy đáng nhiều lại bảo là ngọt, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đáng và ngọt. Nay làm điều quấy nhỏ thì biết mà chê ; làm điều quấy lớn là đánh chiếm nước người thì không biết mà chê, lại còn khen, bảo là nghĩa. Như vậy, có thể bảo là biết phân biệt nghĩa và bất nghĩa không ? Vì vậy mà tôi biết rằng các bậc quân tử trong thiên hạ loạn hết rồi trong việc phân biệt nghĩa và bất nghĩa".

*

* *

Sau này Mạnh tử bảo : "Thiên chiến giả, phục thượng hình" cũng chỉ là diễn ý đó của Mặc. Mặc còn hai lần bắt các vua chúa đương thời nhận mình có thói an trộm nên mới muốn chiếm nước nhỏ : một lần ông nói với Lỗ Dương Văn Quân – *Thiên Canh Trụ* 19, và một lần với vua Sở – *thiên Công Thâu*.

Lần trên, ông bảo Lỗ Dương Văn Quân :

"Một người có nhiều cừ, bò, loài ăn lúa và loài ăn cỏ, người bấp sán tay áo mớ, cắt, nấu nướng cho, ăn không hết ; vậy mà thấy người khác có bánh sống (?) thì trở mặt lên, lấy trộm, bảo : "Cho tôi ăn với, xem bánh có đủ ngọt, đủ béo không ?" Người đó có tội ăn trộm, phải không ?

Lỗ Dương Văn Quân đáp : "Phải".

Mặc tử lại bảo : "Ruộng bốn cõi của nước Sở có nhiều chỗ hoang vu không khai phá hết, đất bỏ không có mấy ngàn chỗ, không ai vô ; vậy mà, thấy những ấp không có người ở của Tống, Trịnh thì trở mặt, lấy trộm. Nước Sở có khác gì người trên kia không ?"

Lỗ Dương Văn Quân đáp : "Cũng có tội ăn trộm, không khác gì cả" (*Canh Trụ* 19).

*

* . *

Dem quân xâm chiếm nước khác để mở rộng đất đai của mình, chiếm của cải của người, bắt dân chúng của người về làm nô lệ cho mình, là điều đại bất nghĩa, nhưng

vua Vũ diệt rợ Hữu Miêu, vua Thang diệt Kiệt, vua Võ nhà Chu diệt Trụ, cũng là chiếm đất của người, sao lại được gọi là thánh vương ? Có người đem câu đó chất vấn Mặc tử, ông đáp : "Mấy ông đó, không gọi là đánh chiếm [nước khác] được, mà phải gọi là diệt [bạo quân] : Bỉ phi sở vị công, sở vị tru dã" – *Phi công - hạ*.

So sánh lời đó với lời Mạnh tử đáp Tề Tuyên vương sau này : "Tôi nghe nói Võ vương chỉ giết một người ^{thượng} là Trụ thôi, chứ tôi chưa nghe nói giết vua" – Lương Huệ vương, hạ – 8) chúng ta thấy sao mà giống nhau thế.

Cả Mặc lẫn Mạnh đều bênh vực mấy ông "thánh" đó, để cao việc họ can thiệp vào nội bộ nước khác.

Nhưng trong thiên *Lỗ vấn*, bài 4, Mặc tử lại có một thái độ, khác hẳn. Lỗ Dương Văn Quân sắp đánh Trịnh, Mặc ngăn cản, lấy lẽ rằng Trịnh cũng là con của trời, đánh Trịnh, không sợ bị trời phạt ư ? Văn Quân đáp :

– Sao tiên sinh lại ngăn ta đánh Trịnh ? Ta đánh Trịnh là thuận theo ý trời mà. Người nước Trịnh ba đời giết cha. Trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, ta giúp trời trừng trị nước đó mà.

Mặc tử bảo :

– Người nước Trịnh ba đời giết cha, Trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, như vậy đủ rồi. Nay nhà vua lại đem quân đánh Trịnh, bảo : "Ta đánh Trịnh là thuận theo ý trời", thì cũng không khác gì một người cha quất một đứa con hung hăng, bắt tài mà cho nhà bên cạnh còn vác cây đánh

nó nữa, bảo : "Ta đánh nó là thuận theo ý cha nó", như vậy chẳng là trái lẽ ư ?"

Mạnh tử sau này cũng vấp phải một mâu thuẫn như vậy.

Thiên Công tôn Sĩ hạ, 8 chép truyện Thẩm Đồng, một cận thần của vua Tế, lấy ý riêng hỏi Mạnh tử có nên đánh nước Yên không. Mạnh tử đáp : "Nên", vì vua Yên là Tử Khoái, ham được tiếng là "thánh" như vua Nghiêu, vua Thuấn, nhường ngôi cho Tử Chi, một kẻ tướng bất tài, làm cho nước Yên thêm loạn. Như vậy là "không phải phép" : Tử Khoái không có quyền đem nước Yên giao cho Tử Chi mà Tử Chi không có điều kiện để nhận. Tử Khoái, Tử Chi tuy không phải là bạo quân như Kiệt, Trụ, nhưng đã có lỗi với dân, nên việc diệt Tử Khoái và Tử Chi để cứu nước Yên là việc nên làm.

Sau đó Tế đánh Yên. Có người hỏi Mạnh tử có phải ông xúi Tế đánh Yên không. Ông trả lời rất khéo : "Tôi chưa hề xúi như vậy. Chẳng qua Thẩm Đồng hỏi tôi : "Nên đánh nước Yên không, tôi đáp "nên". Thế là Tế đem quân đánh Yên. Nếu ông ta hỏi thêm : "Ai có quyền đánh nước ấy" thì tôi sẽ đáp chỉ có bậc "thiên lại" [tức hạng có đức lớn, vâng mệnh trời mà trị an cho dân] mới có quyền ấy ⁽¹⁾.

Lấy thí dụ ngày nay có kẻ giết người. Có người hỏi tôi : "Nên giết kẻ ấy chăng ?", thì tất tôi sẽ đáp : "nên". Nếu người đó lại hỏi : "Ai có quyền giết kẻ ấy ?" thì tôi sẽ đáp : "Chỉ quan sī sư mới có quyền ấy". Ngày nay [Tế cũng như

(1) Chúng ta có thể hỏi ông : thời đó ông vua nào đáng là "thiên lại" để đáng đánh Yên ? Mà đã không có thì sao còn dám là nên đánh ?

Yên đều là chư hầu, vua Tề không phải là bậc "thiên lại" mà lại đánh Yên thì cũng như Yên đánh Yên, tôi lẽ nào xúi giục một việc như vậy".

Mạnh tử thật có tài ăn nói, nhưng ông cũng như Mặc tử đã lỡ coi Thang, Võ là thánh vương, khen việc họ diệt Kiệt và Trụ, chiếm nước của nhà Hạ, nhà Ân, rồi lại hô hào các vua chư hầu đánh chiếm nước người thì làm sao khỏi mâu thuẫn với chính mình được ? Đó là điểm chủ trương của vả nhò lẫn Mặc đều chưa được dứt khoát. Đã "phi công" thì phải triệt để theo nguyên tắc "không được can thiệp vào nội bộ của nước khác bằng bất kì cách nào với bất kì lí do nào". Vì nếu đã cho phép một kẻ nào - dù có đạo đức tới đâu - được quyền "thế thiên hành đạo" thì sẽ có vô số kẻ khác cũng tự cho mình quyền đó mà thế giới làm sao khỏi loạn ?

*

* *

Phi công nhưng vẫn phải tự vệ, nhất là trong thời loạn cá lớn nuốt cá bé. Cho nên khi Tử Cống hỏi về cách cai trị, Khổng tử đáp : "Lương thực phải đủ, binh lực phải đủ, dân tin mình. Túc thực, túc binh, dân tin chi hi" - *Nhan Uyên 7*.

Mặc cũng nói gần y như vậy : "Nước lớn mà không đánh nước nhỏ là vì nước nhỏ chứa chất quân nhu, lương thực nhiều, thành quách được sửa sang, trên dưới điều hòa với nhau. Phàm đại quốc chi sở dĩ bất công tiểu quốc giả, tích ủy đa, thành quách tu, thượng hạ điều hòa (*Tiết táng*). "Thượng hạ điều hòa" của Mặc tức là "dân tin chi hi" của Khổng.

Ông lại nói : "Lương thực là bảo vật của nước, binh là cái móng nhọn của nước, thành trì là để tự vệ" - Thực giả

quốc chi bảo dã, binh giả quốc chi thảo dã, thành giả sở dĩ tự thủ dã – *Thất hoạn*".

Nhưng Khổng tử bảo không hề học việc bài binh bố trận. Mặc tử trái lại chế tạo được khí giới mới để tự vệ (thiên *Công Thâu*) và rất giỏi về việc chống giữ thành trì. Mỗi một thiên trong tổ V, từ thiên *Bị thành môn* trở xuống chuyên bàn về thuật phòng thủ, tuy có nhiều chỗ do người Tấn, Hán nguy tạo, nhưng đại thể vẫn là những điều mà Mặc gia thời sau ghi lại lời dạy của Mặc tử.

Hơn nữa, Mặc tử còn muốn mở rộng phạm vi "vũ trang hòa bình", hô hào các chư hầu trong thiên hạ (đoàn kết với nhau), "hễ có một nước lớn nào bất nghĩa thì cùng lo lắng, một nước lớn nào đánh nước nhỏ thì cùng nhau lại cứu. Nước nhỏ mà thành quách không toàn vẹn thì phái người lại sửa sang cho, vãi và lúa hết thì giúp cho, tiền và lụa không đủ thì cung cấp cho... Lấy lòng ngay thẳng mà don đốc, giữ đúng danh nghĩa, cốt khoan hậu với dân chúng, làm cho quân sĩ tin mình. Dùng chính sách đó mà cứu viện quân đội chư hầu thì sẽ vô địch trong thiên hạ.

– Đại quốc chi bất nghĩa dã tác đồng ưu chi, đại quốc chi công tiểu quốc dã tác đồng cứu chi. Tiểu quốc thành quách chi bất toàn dã tất sử tu chi, bố túc chi tuyệt tác ủy chi, tề hạch bất túc tác cung chi... Đốc dĩ chính, nghĩa kì danh, tất vụ khoan ngô chúng, tín ngô sư. Dĩ thủ viện chư hầu chi sư tác thiên hạ vô địch hĩ" - *Phi công hạ*.

Kế hoạch đó là kế hoạch hợp tung, liên hợp lực quốc để chống Tấn sau này. Thời Mặc tử, không nước nào nghe, nên Mặc và môn đồ của ông đích thân thi hành, ông rán thuyết phục Tề đừng đánh Lỗ. Lỗ Dương Văn Quân đừng đánh Trịnh, Sở đừng đánh Tống và cho Cẩm Hoạt Li cùng ba trăm môn sinh của ông giữ thành cho Tống, như trong phần I đã nói, nên được tiếng khen của đời sau là "thiên hạ chi bảo" (*Trang tử*).

CHƯƠNG V

Ý TRỜI VÀ QUỶ THẦN

A. TRỜI

Trong ba chương trên chúng tôi đã trình bày học thuyết chủ yếu của Mạc tử, tức thuyết Kiêm ái ; trong chương này và hai chương sau chúng tôi sẽ xét vấn đề mà một số học giả gọi là tôn giáo - đúng hơn là sự "dùng tôn giáo để chế tài" - của Mạc tử.

Hễ từ vua cho đến dân thường, ai cũng kiêm ái thì xã hội sẽ có lợi lớn mà không còn cái hại của tranh giành, cướp giết nhau. Ý đó đúng, nhưng là ý của ông, ông chỉ có thể thuyết phục một số đệ tử theo ông chứ không thể bắt mọi người, nhất là bọn vua chúa theo được. Mà bọn vua chúa thì lịch sử đã cho ta thấy mười người không được một người yêu dân. Ngay dưới thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ mà Mạc cho là bậc thánh vương gồm yêu

mọi người, làm lợi cho mọi người - triều đình cũng chỉ tương đối có kỉ luật, có nhiều ông quan tốt, xã hội cũng chỉ tương đối bình trị thôi, chứ có bao nhiêu người biết noi gương nhà vua mà kiêm ái. Cái lẽ hễ người trên thích thì người dưới theo chỉ đúng một phần nhỏ, tùy trường hợp thôi. Ai chả biết cách giáo hóa tốt nhất là làm gương, nhưng cách đó cũng ít kết quả nhất. Vua Thuấn là một bậc thánh dấy mà cha là Cổ Tấu, em là Tạng tàn bạo ra sao, Mặc tử lẽ nào không biết.

Vậy thì thuyết suông không đủ, làm gương không đủ, vẫn phải thưởng phạt, ai "kiêm" thì được thưởng, ai "hiệt" thì bị trừng trị, bị "chế tài". Nhưng ai cao quý nhất, sáng suốt nhất để làm "pháp nghi", tức phép tắc mẫu mực, và có quyền tối thượng để thưởng, phạt ? Tất không phải là một người thường cũng không thể là bậc "quân" vì trong xã hội, hạng quân có đức nhân thì bao giờ cũng ít ; rốt cuộc chỉ có trời thôi. Do đó mà có thiên *Thiên chi* (ý trời) Mặc đem thuyết Kiêm ái của mình gán cho trời : Ông bảo trời kiêm ái, yêu trăm họ trong thiên hạ, muốn cho trăm họ yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, ai theo ý trời thì trời thưởng, làm trái ý trời thì trời phạt. Trời vốn "vô ngôn" (không nói), muốn cho trời nói sao mà chẳng được ? Vì vậy Phương Thụ Sở (sách dã dẫn - trang 103) bảo : người ta thường nói "thế thiên hành đạo", Mặc thì ngược lại : "Thiên thế Mặc hành đạo" (Trời thay Mặc tử mà hành đạo, tức trừng trị kẻ vô đạo).

Trời ở xa quá, tít trên chính tầng mây, ít ai sợ, trời lại có một mình, nên Mặc phải tìm kẻ phụ tá cho trời, tức bọn

qui thần mà dân chúng nhiều người sợ hơn sợ trời, do đó sau thiên *Thiên chí* có thiên *Minh qui*. Dưới đây chúng tôi hãy xét quan niệm về trời của Mặc đã.

*

* *

Có thể nói toàn thể dân Trung Hoa thời đó đều tin có trời (trừ một vài kẻ như Kiệt, Trụ). Vì vậy mà không có vấn đề "minh thiên", nghĩa là đừng chứng cứ ra để bảo rằng có trời. Ngay bọn danh gia, nguy hiểm cuối đời Chiến Quốc, cãi nhau về những vấn đề rất phù phiếm như "tách rời cứng và trắng" "trứng có lông" "gà ba chân"... mà cũng không hề bàn "có trời hay không có trời".

Chủ trương của các phái có khác nhau chỉ là quan niệm về trời mà thôi.

Chủ trương của Lão tử tiến bộ nhất. Ông cho trời là cái luật tự nhiên, không có ý chí, không có tri thức. Vì vậy mà bảo : "Trời đất bất nhân, coi vạn vật là chó rom". (Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu). Luật tự nhiên đó, ông gọi là Đạo.

Hầu hết các triết gia Trung Hoa đều chủ trương rằng "thiên nhân hợp nhất", cũng gọi là "thiên nhân tương dữ", có nghĩa là người bắt thụ được cái "tính" của trời thì đạo của trời tức là đạo của người.

Quan niệm đó đã phổ thông ở Trung Hoa từ đời thượng cổ. Trong Kinh *Thi* có câu : "Trời sinh ra dân, có hình pháp, dân giữ tình thường, muốn có đức tốt". (Thiên sinh

chúng dân, hữu vật hữu tác, dân chi bình di, hiếu thị ý đức).

Chữ "dân" trong câu đó đồng nghĩa với chữ "nhân" là người, như ta thường thấy trong ngũ kinh.

Trời là một ông nguyên hậu, nên gọi là Đế hay Thương Đế. Thương Đế cai quản cả bách thần, vạn vật trong vũ trụ, hay thương dân. Kinh *Thi* nói : "Hoàng hĩ thượng Đế, lâm hạ hữu hách giám quan tứ phương, cầu dân chi mại : Đức của Thương Đế rất cao, soi xuống dưới đất rõ ràng, xem xét bốn phương để tìm sự khốn khổ của dân mà cứu giúp".

Hơn nữa người Trung Hoa còn tin rằng trời và người có thể tương cảm, tương ứng được ; nên có điều gì hồ nghi, họ thường bói bằng mai rùa hoặc cổ thi để xin cho biết việc cát hung. Các vua chúa thời xưa đều dùng quan Thái bốc để coi việc bói toán là vì vậy.

Khổng tử chắc là tin có Trời và có thể chấp nhận chủ trương trên, nhưng ông rất ít nói đến trời, cơ hồ chỉ coi trời là cái li vô hình, rất linh, rất mạnh, khi đã biến động ra sao thì không ai cưỡng lại được. Cái đó ông gọi là thiên mệnh mà chúng ta sẽ xét trong một chương sau. Trong thiên *Dương Hóa*, bài 19, ông bảo Tử Cống : "Trời có nói gì đâu ? Bốn mùa xoay vần mà trăm vật sinh hóa. Trời có nói gì đâu ?

Thiên hà ngôn tai ? Tử thời hành yên, bách vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai ?"

Vậy quan niệm của ông tiến bộ hơn quan niệm cổ của Trung Hoa và xích lại gần quan niệm của Lão tử.

Mặc tử sinh sau Khổng tử, muốn trở lui về quan niệm thời thượng cổ, vì nó hợp với tín ngưỡng dai dẳng số quần chúng hơn. Ông cho trời là chủ tể duy nhất của toàn thể nhân loại, là một đấng tối cao, rất nghiêm và rất công bằng như gia trưởng một nhà, quốc quân một nước, hễ mắc tội với trời thì không trốn đi đâu được, vì ở đâu trời cũng trông thấy hết, nghe thấy hết. (Như vậy là trời có nhân cách, chứ không phải là một cái lí mầu nhiệm nữa) : cho nên người nào cũng phải tuyệt đối phục tùng trời. Ý đó được diễn ở đầu thiên *Thiên chí, thượng* :

"Các bậc sĩ quân tử ngày nay biết điều nhỏ mà không biết điều lớn. Làm sao biết được vậy ? Xem họ ở trong nhà thì biết được. Ở trong nhà, hễ mang tội với gia trưởng thì trốn qua nhà hàng xóm được. Vậy mà cha mẹ, anh em tất đe răn, bảo : "Không thể không tự răn mình ! Không thể không cẩn thận ! Ở trong nhà mà sao lại có thể làm một việc mang tội với gia trưởng được ?"

Không phải chỉ ở trong nhà mới vậy ; dù ở trong nước cũng vậy nữa. Ở trong nước mà mang tội với vua thì còn có thể trốn qua nước láng giềng. Vậy mà cha mẹ anh em biết được tất đều đe răn, bảo : "Không thể không tự răn mình ! Không thể không cẩn thận ! Ai lại ở trong nước mà có thể làm một việc mang tội với vua được ?"

Có nơi để trốn mà còn răn đe nhau kĩ như vậy, huống hồ không có nơi nào để trốn thì chẳng càng nên răn đe

nhau kìa hơn ư ? Vả ngại ngùng có câu : "... (1) Thế là mang tội, biết trốn đi đâu ? Đáp : Không trốn đi đâu được cả ! Dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm không người, trời cũng thấy được". Vậy mà bậc sĩ quân tử trong thiên hạ đối với trời lại không để ý tới, không biết răn đe nhau [dùng làm gì mang tội với trời] Vì vậy tôi biết rằng họ biết điều nhỏ mà không biết điều lớn"...

"Thử hữu sở tị đào chi giả dã, tương cảnh giới do nhược thử kì hậu : hướng vô sở tị đào chi giả, tương cảnh giới khởi bất dữ hậu, nhiên hậu khả tai ? Thử ngữ hữu chi viết : "... yên nhi đắc tội, tương ô tị đào chi ? Viết : Vô sở tị đào chi ! Phù thiên bất vi lâm cốc ư môn vô nhân, minh tất kiến chi. Nhiên nhi thiên hạ chi sĩ quân tử chi ư thiên dã, hốt nhiên bất tri dĩ tương cảnh giới, thử ngã sở dĩ tri thiên hạ sĩ quân tử tri tiểu nhi bất tri đại dã".

Trời là chủ tể muôn loài thì tất cao quý hơn vua rồi. Mặc tử còn cần thận chứng minh thêm bảo "ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa muốn đem việc trời sửa lại cho thiên tử, mà thuyết minh cho trăm họ trong thiên hạ rõ, mới dùng cỏ nuôi bò cừu, dùng lúa nuôi chó heo, làm xôi rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quí thần mà cầu trời ban phúc cho. Tôi chưa từng nghe trời cầu thiên tử ban phúc cho bao giờ. Thiên tử là bậc cực quý, cực phú trong thiên hạ, cho nên muốn được phú quý, không thể không thuận ý trời được.

(1) Bỏ bốn chữ mà các nhà chú giải còn lúng túng, không hiểu nổi. Chữ này dùng như chữ.

Tích tam đại thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ dục dĩ thiên chi vì chính ư thiên tử, minh thuyết thiên hạ chi bách tính, cố mặc bất sô ngư dương, hoạn khuyến trệ, khiết vì tư thịnh tửu lễ, dĩ tế tự thương đế quỷ thần, nhi cầu kì phúc ư thiên. Ngã vị thường văn thiên chi cầu kì phúc ư thiên tử giả dã... Thiên tử giả, thiên hạ chi cùng quý dã, thiên hạ chi cùng quý dã, cố dục phú thả quý giả, dương thiên ý nhi bất khả bất thuận - (*Thiên chi thượng*).

Nghĩa là theo ông, trời quý hơn vua vì ông chỉ thấy vua xin trời ban phúc cho, chứ chưa hề thấy trời xin vua ban phúc cho bao giờ !

Trời còn quý hơn vua vì trời thưởng các vua thuận ý trời như Vũ, Thang, Văn, Võ, và phạt các vua nghịch ý trời như Kiệt, Trụ, U, Lệ.

Trời sáng suốt hơn vua. Ngoài lẽ đã kể trên : dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm nào trời cũng thấy được, còn vì lẽ trời muốn điều nghĩa, và yêu trăm họ. Nhưng sao biết được trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa ? Mặc tử đáp :

"Thiên hạ có nghĩa [theo điều nghĩa] thì sống, không có nghĩa thì chết, có nghĩa thì giàu, vô nghĩa thì nghèo ; có nghĩa thì trị, vô nghĩa thì loạn. Mà trời muốn sinh ghét tử, muốn giàu ghét nghèo ; muốn ⁽¹⁾ trị ghét loạn ; vì vậy tôi biết rằng trời muốn điều nghĩa mà ghét điều bất nghĩa - Thiên hạ hữu nghĩa tác sinh, vô nghĩa tác tử, hữu nghĩa

(1) Dĩ nhiên muốn đây là muốn cho thiên hạ.

tác phú, vô nghĩa tác bản, hữu nghĩa tác trị, vô nghĩa tác loạn. Nhiên tác thiên dục kì sinh nhi ố kì tử, dục kì phú nhi ố kì bản, dục kì trị nhi ố kì loạn, thủ ngã sở dĩ tri thiên dục nghĩa nhi ố bất nghĩa dã" - (Như trên).

Và làm sao biết được trời yêu trăm họ ?

Ông đáp : "Vì trời đã gồm mà làm lợi cho cả.

- Sao biết được trời đã gồm mà làm lợi cho cả ? - Vì trời đã gồm trăm họ mà có hết thấy [coi là con của mình].

- Sao biết được trời gồm trăm họ mà có hết thấy ? - Vì trời đã gồm trăm họ mà nuôi hết thấy.

- Sao biết được trời gồm trăm họ mà nuôi hết thấy ?
 Đáp : Trong bốn bề, những dân an gạo, không ai là không dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quỷ thần. Trời có dân thường sao lại không yêu ? Và lại tôi bảo : Giết một kẻ vô tội thì bị một điều chẳng lành. Ai giết kẻ vô tội ? Người giết. Mà giáng cho một điều chẳng lành là ai ? Là trời. Nếu cho rằng trời không yêu trăm họ trong thiên hạ thì người nọ giết người kia, can có gì tới trời mà trời giáng điều chẳng lành ? Do đó mà biết rằng trời yêu trăm họ trong thiên hạ - Hà dĩ tri thiên chi ái thiên hạ chi bách tính ? Dĩ kì kiêm nhi lợi chi - Hà dĩ tri kì kiêm nhi lợi chi ? Dĩ kì kiêm nhi hữu chi - Hà dĩ tri kì kiêm nhi hữu chi ? Dĩ kì kiêm nhi tự yên - Hà dĩ tri kì kiêm nhi tự yên ? Viết : Tứ hải chi nội, lập thực chi dân mạc bất sô ngu dương, hoạn khuyến trê, khiết vi tư thỉnh tử lễ dĩ tế tự ư Thượng

Đế, quỷ thần. Thiên hữu ấp nhân, hà, dụng, phát ái dã ?
 Thả ngô ngôn sát nhất bất cô giả, tất hữu nhất bất tường.
 Sát bất cô giả, thủy dã ? Tác nhân dã. Dữ chi bất tường
 giả, thủy dã ? Tác thiên dã ? Nhược dĩ thiên vi bất ái thiên
 hạ chi bách tính, tác hà cố dĩ nhân dữ nhân tương sát nhi
 thiên dữ chi bất tường ? Thử ngã sở dĩ tri thiên chi ái thiên
 hạ chi bách tính dã - *Như trên*".

Tóm lại có hai lẽ khiến chúng ta biết được rằng trời yêu
 trăm họ :

- 1- Trăm họ do trời sinh và trời nuôi,
- 2- Kẻ nào giết người thì bị trời phạt.

Lẽ thứ nhất được ông diễn lại đầy đủ hơn trong *Thiên
 chí trung* : "Có lí do làm cho ta biết rằng trời thương yêu
 dân nhiều. Này nhé : xoay chuyển mặt trời, mặt trăng, các
 ngôi sao để soi dặt dân ; sinh ra bốn mùa xuân thu đông
 hạ để làm kỉ cương cho dân ; làm ra sấm sét, tuyết sương
 mưa móc cho ngũ cốc, tơ gai lớn lên để dân có cái mà
 dùng... sinh ra các vị vương, công, hầu, bá để thưởng người
 hiền, phạt kẻ bạo tàn ; ban cho loài kim, mộc, chim muông,
 giúp vào việc trồng ngũ cốc gai tơ để cho dân có miếng
 ăn thức mặc.

"Ngô sở dĩ tri thiên chi ái dân chi hậu giả hĩ, Viết : Dĩ
 ma vị nhật nguyệt tinh thần dĩ chiếu đạo chi ; chế vi tứ
 thời xuân thu đông hạ dĩ kỉ cương chi ; lân giáng tuyết
 sương vũ lộ dĩ trưởng toại ngũ cốc ma li, sử dân đắc nhi
 tài lợi chi... Vì vương công hầu bá, sử chi thưởng hiền phạt

bạo ; phú kim mộc diếu thú, tông sự hồ ngũ cố ma ư dĩ vi dân thực chi tài".

Đầu thiên *Thượng hiền trung*. Mặc tử đưa ra qui tắc này : "Người sang (cao quý) và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị ; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn - Tự quý thả trí giả, vì chính hồ ngu thả tiện giả tác trị ; tự ngu thả tiện giả, vì chính hồ quý thả trí giả tác loạn. "Trời đã cao quý hơn cả lại sáng suốt hơn cả, tất phải cai trị tất cả loài người ; mà ý trời - tức yêu dân, làm lợi cho dân - phải là phép tắc, mẫu mực trong việc trị dân của nhà cầm quyền, cũng như cái thước tròn (*qui*) thước vuông (*củ*) là phép tắc mẫu mực của người thợ.

Đây là điểm Mặc khác Nho. Mặc bảo phải theo ý trời, Nho bảo phải theo ý dân. Chúng ta còn nhớ những câu trong Kinh Thi :

Dân chi sở hiếu, hiếu chi,

Dân chi sở ố, ố chi,

(*Tiểu nhĩ*)

và Đắc chúng tắc đắc quốc,

Thất chúng tắc thất quốc.

(*Đại nhĩ*)

Tuy Nho cũng chủ trương rằng ý dân với ý trời là một :

"Trời thương dân, dân muốn gì trời cũng theo - (Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tông chi).

cho nên muốn biết lòng trời thì cứ xem lòng dân.

"Trời trông thấy tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy tự ở dân ta nghe thấy". (Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính Thu - Thái thế)

Chung qui theo ý trời hay theo ý dân thì cũng là mưu hạnh phúc cho dân cả, nhưng chủ trương như Nho, là trọng dân ý, dân quyền, mà lần lần có thể hướng về dân chủ ; còn chủ trương như Mặc là trọng thần quyền, có xu hướng độc tài, do đó mà Mặc đưa thêm thuyết "thượng đồng" nữa, như trong một chương sau chúng ta sẽ thấy.

*

* *

Ý trời đã là phép tắc, mẫu mực rồi, ai theo thì được trời thưởng, không theo thì bị trời phạt. Mặc tử dẫn chứng trong lịch sử :

Thiên Thiên chi thượng, ông bảo :

Vũ, Thang, Văn, Võ được trời thưởng "vì trên thì tôn trời, giữa thì thờ quỷ thần, dưới thì yêu người. Cho nên ý trời bảo : Những kẻ ta yêu, hán gồm yêu cả, những kẻ ta làm lợi cho, hán gồm làm lợi cho cả ; yêu người như vậy là rộng khắp, làm lợi cho người như vậy là nhiều, cho nên ta cho hán sang tới mức làm thiên tử, giấu tới mức có cả thiên hạ, sự nghiệp truyền cho con cháu tới vạn đời, đời đời khen là thiện, phổ biến khắp thiên hạ, tới nay vẫn còn, gọi là thánh vương.

Còn Kiệt, Trụ, U, Lệ "Vì trên thì máng trời, giữa thì nói xấu quỷ thần, dưới thì hại người, cho nên trời bảo :

Những kẻ ta yêu thì hán tách ra mà ghét, những kẻ ta làm lợi cho thì hán đều làm hại, ghét người như vậy là rộng khắp, làm hại cho người như vậy là nhiều ; cho nên ta không cho được sống hết tuổi thọ, không hết đời hán, đến nay còn bị hủy báng, gọi là bạo vương"...

(Vũ, Thang, Văn, Võ... thượng tôn thiên, trung sự quý thần, hạ ái nhân. Cổ thiên ý viết : Thử chi ngã sở ái, kiêm nhi ái chi ; ngã sở lợi, kiêm nhi lợi chi ; ái nhân giả, thử vi bác yên ; lợi nhân giả, thử vi hậu yên. Cổ sử quý vi thiên tử, phú hữu thiên hạ, nghiệp diên vạn thế tử tôn, truyền xưng vi thiện, phổ thi thiên hạ, chi kim xưng chi, vị chi thánh vương... Kiệt, Trụ, U, Lệ... thượng cấu thiên, trung vu quỷ, hạ tặc nhân. Cổ thiên ý viết : Thử chi ngã sở ái, biệt nhi ố chi ; ngã sở lợi, giao nhi tặc chi ; ố nhân giả thử vi chi bác dã ; tặc nhân giả, thử vi chi hậu dã. Cổ sử bất đắc chung kì thọ, bất một kì thế, chi kim hủy chi, vị chi bạo vương).

Đoạn đó ông nhắc các vua chúa phải kiêm ái ; đoạn dưới đây cũng trong *Thiên chi thượng*, ông cảnh cáo họ một lần nữa đừng đánh chiếm, tranh giành lẫn nhau :

"Dùng chính sách [nhân] nghĩa là thuận ý trời, dùng chính sách [võ] lực, là trái ý trời. Dùng chính sách nhân thì... ở vào địa vị nước lớn không đánh chiếm nước nhỏ ; nhà lớn không cướp nhà nhỏ, mạnh không hiếp yếu, người sang không ngạo mạn kẻ hèn, số đông không cưỡng bức số ít, kẻ khôn lanh không lường gạt kẻ ngu, như vậy ở trên tất lợi cho trời, ở giữa lợi cho quỷ thần, ở dưới lợi cho

người. Có ba cái lợi mà k hông có gì bất lợi, cho nên khắp thiên hạ đều khen, gọi là thánh vương.

"Dùng chính sách [võ] lực thì... ở vào địa vị nước lớn, đánh chiếm nước nhỏ, nhà lớn hiếp nhà nhỏ, mạnh hiếp yếu, người sang ngạo mạn kẻ hèn, số đông cưỡng bức số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu, như vậy ở trên không lợi cho trời, ở giữa không lợi cho quỷ thần, ở dưới không lợi cho người. Có ba cái bất lợi mà không có gì lợi cả, cho nên khắp thiên hạ đều chê, gọi là bạo vương" -(Thuận thiên ý giả, nghĩa chính dã ; phản thiên ý giả, lực chính dã... Nghĩa chính giả... xử đại quốc bất công tiểu quốc, xử đại gia bất thoán tiểu gia, cường giả bất kiếp nhược, quý giả bất ngạo tiện, đa giả bất bạo quả, trá giả bất khi ngu. Thử tất thượng lợi ư thiên, trung lợi ư quỷ, hạ lợi ư nhân. Tam lợi, vô sở bất lợi, cố cử thiên hạ mĩ danh gia chi, vị chi thánh vương. Lực chính giả... xử đại quốc công tiểu quốc, xử đại gia thoán tiểu gia, cường giả kiếp nhược, quý giả ngạo tiện, đa giả bạo giả, trá giả khi ngu. Thử thượng bất lợi ư thiên, trung bất lợi ư quỷ, hạ bất lợi ư nhân. Tam bất lợi, vô sở lợi, cố thử thiên hạ ác danh gia chi, vị chi bạo vương).

Thiên ý đọc rất chán : ý nông cạn mà lời lại rườm. Mặc tử gán cho trời những tư tưởng của mình để cho thuyết kiếm ái và phi công được nhiều người tin. Đúng như Phương Thụ Sở nói : ông bắt trời thay ông mà hành đạo. Nhưng chính trị gia vẫn thường dùng thủ đoạn, mà thủ đoạn của ông có thể được giới tiện nhân thời ông tin, thích, và dù sao nó cũng là một thủ đoạn nhân từ, chỉ có lợi cho dân, chứ vô hại.

B - QUỖI THẦN

Cuối thiên *Minh quỷ hạ*, Mạc tử định nghĩa quỷ thần như sau : "Từ xưa tới nay gọi là quỷ thần thì không ngoài những hạng này : quỷ thần ở trời, quỷ thần sông núi và người chết mà thành quỷ. Cổ chỉ kim chi vì quỷ, phi tha dã : hữu thiên quỷ thần, diệc hữu sơn thủy quỷ thần giả, diệc hữu nhân tử nhi vì quỷ giả".

Dân tộc Trung Hoa cũng như mọi dân tộc thời đó đều tin có quỷ thần và rất sợ quỷ thần. Khổng tử có lẽ cho quỷ thần là cái khi thiêng trong trời đất. Ông cũng tế thần, để tỏ lòng cung kính. Ông bảo : "Tế thần thì phải cung kính như có thần ở trước mặt mình". (Tế thần như thần tại - *Bát dật*. 12). Nhưng ông không bao giờ tế để cầu phúc. Bài 34, thiên *Thuật nhi* chép rằng một lần ông đau nặng, môn sinh là Tử Lộ xin làm lễ cầu đảo. Ông hỏi : "Có lẽ ấy chăng ?

(1) Tử Lộ đáp : "Có. Sách *Lụy* [chép các bài văn tế đời Văn vương nhà Chu] có câu này : "Chúng tôi cầu đảo với các thần trên trời và dưới đất". Tử Lộ không hiểu ý ông. Lễ nào ông không biết các bài văn tế đời Chu, và cái lễ cầu đảo rất thịnh hành, ông chỉ muốn bảo : Có lẽ nào cầu đảo mà hết được bệnh. Cuối cùng ông phải nói rõ thêm : "Khâu này cầu đảo đã lâu rồi".

Thiên *Bát dật* bài 13, ông cũng bảo : "Mắc tội với trời, thì cầu đảo vào đâu được 獲罪於天，無所禱也

. Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã".

(1) Nguyên văn là "Hữu chư ?" Có chăng ? Nhiều sách dịch là có lẽ ấy chăng ? Chúng tôi dịch là có lẽ ấy chăng ? Vì cho như vậy hợp với tinh thần của Khổng hơn.

Tóm lại, thái độ của ông đối với quỷ thần là "kính nhi viễn chi" (*Ung dã* - 20) nghĩa là kính trong qui thần nhưng nên xa ra, tức đừng thường cầu thỉnh van vái. Mình cứ theo cái đạo phải mà làm, qui thần sẽ biết cho. Mình cứ lo làm hết bổn phận với người khác đã, như vậy chưa chắc đã xong, nghĩ chi tới việc thờ qui thần. Vì nang sự nhân, yên nang sự qui.

Việc qui thần, cũng như việc chết rồi sẽ sao, cõi u minh ra sao, là những việc huyền bí, không thiết thực bang việc đời, chưa cần bàn tới.

Mặc từ mặt sát thái độ "kính nhi viễn chi", bắt sự qui" đó, là làm cho mất nước (bài 15, thiên *Công Mạnh* đã dẫn) vì từ vua quan tới dân chúng không sợ bị qui phạt nên mới làm vậy, mà nước mới loạn

Để chứng minh rằng quỷ thần có thực, rất thông minh, cũng nói như người, thường những người thiện, phạt những kẻ ác, ông dùng ba tiêu chuẩn mà ông gọi là "tam pháp" hoặc "tam biểu", góp công đầu tiên về việc định thể nào là "chân tri", tức chân lý, làm cho tri thức luận trong triết học Trung Hoa tiến được một bước, và mở đường cho phái danh gia sau này. Hai Thiên *Phi mệnh thượng* và *hạ* đều giảng về ba tiêu chuẩn đó.

Trong phần IV, chúng tôi sẽ dịch trọn *Phi mạng hạ*. Ở đây chúng tôi giới thiệu *Phi mạng thượng* để độc giả so sánh :

"Thầy Mặc tử nói : Hễ nói nang bàn luận thì không thể không định tiêu chuẩn trước rồi sau mới nói bàn. Không

định tiêu chuẩn trước rồi sau mới nói bàn thì cũng như để đồ đạc ảnh [dò bóng] trên cái mâm xoay [của người thợ gốm] mà tìm phương hướng sáng chiều [đông, tây] ; thế nào là phải trái, lợi hại, không thể biết rõ được. Cho nên nói phải có ba biểu chuẩn.

Thế nào là ba biểu chuẩn ? Thấy Mạc tử nói : có cái biểu chuẩn can cứ vào việc xem xét bản thủy, có cái biểu chuẩn can cứ vào việc quan sát sự cố, có cái biểu chuẩn can cứ vào kết quả ứng dụng.

Xét bản thủy ở đâu ? - Trên thì xét ở công việc của các đấng thánh vương đời xưa.

Quan sát sự cố ở đâu ? - Dưới thì quan sát thực tình tại mắt của trăm họ.

Xem kết quả ứng dụng ở đâu ? - Ở việc áp dụng vào hình chính, xem có phù hợp với quyền lợi của trăm họ nhân dân, nhà nước không ?

Thế gọi là "nói có ba tiêu chuẩn".

Tử Mạc tử viết : Ngôn tất lập nghi. Ngôn nhi vô nghi, thì do vận quân chi thượng nhi lập triều tịch giả dã, thì phi lợi hại chi hiện, bất khả đắc nhi minh tri dã. Cố ngôn tất hữu tam biểu. Hà vi tam biểu ? Tử Mạc tử viết : hữu bản chi giả, hữu nguyên chi giả, hữu dụng chi giả.

Vu hà bản chi ? Thượng bản chi vu cổ giả thánh vương chi sự.

Vu hà nguyên chi ? Hạ nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực.

Vu hà dụng chi ? Phát dĩ vi hình chính, quan kì trùng quốc gia bách tính nhân dân chi lợi.

Thứ vị ngôn hữu tam biểu dã".

Phi mạng thượng gọi là *tam biểu* thì *Phi mạng hạ* gọi là tam pháp. Tam biểu gồm *bản*, nguyên, dụng. Tam pháp gồm *khảo* nguyên, dụng. Vậy *bản* trong thiên *thượng* tức là *khảo* trong thiên *hạ*.

Biểu thứ nhất là phải xét xem có hợp với kinh nghiệm của các thánh vương đời xưa với chân lí các vị đó đã khám phá được không. Nếu hợp với hành động của Nghiêu - Thuấn, Vũ, Thang, Văn Võ chẳng hạn thì theo ; nếu hợp với hành động của Kiệt, Trụ, U, Lệ chẳng hạn thì bỏ. Biểu đó chỉ đúng một phần thôi, vì không chú ý đến yếu tố thời gian : có việc thời xưa hay may thời nay dở, vì không hợp với điều kiện sinh hoạt hiện nay nữa. Theo đúng biểu đó thì là thủ cựu, pháp cổ mất rồi, cho nên Mặc gia đời sau (Phái Biệt Mặc) không chấp nhận mà phản đối.

Biểu thứ nhì là phải quan sát thực tình tai mắt của trăm họ, tức là phải xem có hợp với kinh nghiệm sống của đa số dân chúng không. Như vậy là quá tin ở cảm quan của đa số, mà cảm quan thì có khi sai, chẳng hạn người nhút nhát đi đêm thấy một khúc dây leo tưởng là con rắn, hoặc người đi trong sa mạc trông thấy ảo cảnh, rồi hễ một người đồn thì cả chục người tin.

Biểu thứ ba là can cứ vào kết quả ứng dụng, nếu thi hành mà có ích lợi cho đa số thì là đúng không sai. Nhưng

có ích về mặt này thì có thể có hại về mặt khác, có ích lợi ngắn hạn và ích lợi dài hạn.

Rốt cuộc hiểu nào cũng chỉ đúng một phần thôi - chưa đủ cho ta quyết định là chân lí được.

*

* *

Thiên *Minh quỷ hạ*, ông bảo : "Từ khi có loài người tới nay, nếu vẫn từng trông thấy hình dáng quỷ thần, nghe thấy tiếng nói của quỷ thần thì sao lại bảo là không có cho được ?".

Rồi ông dẫn năm cổ sự chép trong sách để làm chứng cứ :

"Vua Tuyên vương nhà Chu giết một bể tội vô tội là Đỗ Bá. Đỗ Bá bảo : "Ta vô tội mà vua giết ta ; nếu chết rồi không còn biết gì nữa thì thôi ; nhược bằng chết rồi còn biết thì không ngoã ba nam, ta sẽ khiến cho nhà vua biết". Ba nam sau vua Tuyên vương họp chư hầu di san ở Phổ Điện, có mấy trăm cỗ xe, mấy ngàn người theo, đầy đồng. Giữa trưa, Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng, đánh xe không, bận áo và đội mũ đỏ, cầm cung đỏ, cắp tên đỏ, đuổi theo Tuyên vương, bắn vào xe Tuyên vương, Tuyên vương bị trúng tim, gãy xương sống, ngã trong xe, gục lên cái túi cung mà chết. Lúc đó, người nước Chu đi theo nhà vua, không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử của Chu. Ông vua nào cũng

dem ra đây bề tôi, người cha nào cũng dem ra răn con : "Phải răn mình, cẩn thận đấy ! Hễ giết kẻ vô tội thì sẽ bị điều chẳng lành, bị quỷ thần phạt mau như vậy đấy !" Xét việc chép trong sách đó. [tức sử nhà Chu] thì quỷ thần quả là có, còn ngờ gì nữa".

Đây Mặc tử muốn áp dụng biểu thứ nhì : *nguyên* ; nhưng đáng lẽ phải chép lại một việc xảy ra ở thời ông, được nhiều người mắt thấy, tai nghe, thì ông chỉ dẫn một truyện trong sách cổ mà ông vội tin là đúng. Bốn truyện sau cũng vậy, rút trong sử nước Tấn, nước Yên, nước Tống, nước Tề.

*

* *

Có người bề ông rằng "thượng sĩ quân tử" - tức bậc thượng lưu, trí thức - sao lại tin chắc vào cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe ? Ông dùng biểu thứ nhất : *bán* (hay *khảo*) để đáp, và ông dẫn những hành vi của ba đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ. Các thánh vương đó đều tin có quỷ thần, đều thờ phụng quỷ thần.

Chẳng hạn vua Võ vương nhà Chu. "Xưa đánh nước Ân, giết vua Trụ rồi phân phối việc tế tự [của nhà Ân] cho chư hầu, bảo : "nước nào thân với Ân - tức cùng họ với nhà Ân - thì coi về tôn miếu cho nhà Ân ; nước nào so - tức khác họ với nhà Ân - thì coi việc tế các thần núi sông, bốn phương. Võ vương tất phải cho rằng có quỷ thần thì mới đánh nhà Ân, giết vua Trụ, phân phối việc tế tự cho chư hầu chứ ? Nếu không có quỷ thần thì phân phối việc tế tự làm gì ?" (*Minh quỷ hạ*).

Vì tin có quỷ thần nên các thánh vương ba đời Ngu, Hạ, Thương, Chu trị thiên hạ lo việc cúng quỷ thần rồi mới tới việc người. (cổ cổ thánh vương trị thiên hạ đã, sự tất tiên quỷ thần nhi hậu nhân giả, thử đã -

- *Như trên*) Chúng có là "ngày đầu dựng nước, lập đô, họ tất chọn một cái đàn chính làm tôn miếu, chọn những cây to và xanh tốt làm bụi cây ở nền xã, chọn những bậc phụ huynh từ hiếu, chính trực, hiền lương làm chúc thái chúc [coi việc cầu phúc], chúc tôn bá [coi việc lễ], lựa những lục súc [ngựa, bò, cừu, gà, lợn, chó] nào béo, lông tuyển một mẫu, làm vật cúng tế, [...] lựa ngũ cốc nào thơm vàng để làm rượu, xôi..."

Họ chăm lo việc quỷ thần rất mực, sợ con cháu đời sau không biết nên chép vào thanh tre, tấm lụa truyền lại cho chúng, lại sợ một ăn, mực nát hết, nên chạm vào cái mâm, cái bát, khắc vào đá vào đồng để giữ được lâu. Cứ đọc các sách Hạ thư, Thương thư, Chu thư thì sẽ thấy, các sách đó đều cho quỷ thần quả là có, còn ngờ gì nữa (*Như trên*).

*

* *

Về biểu thứ ba : *dụng*, Mặc tử cho rằng nếu trăm họ tin có quỷ thần, sợ quỷ thần thì nước sẽ trị vì quỷ thần rất sáng suốt, biết được kẻ gian, người ngay, thưởng người thiện, trừng trị kẻ ác.

Quỷ thần sáng suốt cũng ngang với trời, "dù ở trong khe tối, trên chằm rộng, nơi thâm sơn cùng cốc, quỷ thần tất cũng biết được.

(Quỉ thần chi minh, bất khả vi u giản quảng trách, sơn lâm thâm cốc, quỉ thần chi minh tất tri chi - *Như trên*).

. *Thiên Canh Trụ*. 2, Mặc còn bảo "Quỉ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai sáng mắt so với người điếc người dui -

"Quỉ thần chi minh tri ư thánh nhân, do thông nhĩ minh mục chi dữ lung cổ dã".

Ông dẫn chứng :

Xưa vua nhà Hạ là ông Khải sai Phi Liêm đào quặng đồng trong núi để đúc vạc ở Côn Ngô, và bảo ông Bá Ích nung mai rùa để bói. Quỉ thần cho biết rằng chín vạc sẽ đúc xong và sau sẽ "dời về ba nước", [tức Hạ, Thương, Chu]. Quả nhiên sau nhà Hạ để mất vạc, nhà Ân nhận lấy ; rồi nhà Ân lại để mất, nhà Chu nhận lấy. Ba nhà đó truyền lại cho nhau được mấy trăm năm. Và Mặc tử kết : "Dù các thánh nhân có tụ họp các bề tôi giỏi, các tướng quốc tài trí cũng không sao biết được việc mấy trăm năm sau, thế mà quỉ thần biết đấy".

Vậy không làm một điều gì mà có thể giấu quỉ thần được. Người tốt thì được quỉ thần thưởng như Mục công nước Tấn :

"Xưa, vua Mục công nước Tấn đương giữa trưa thấy một vị thần vô cửa, mặt người mà mình chim, áo trắng viền đen, khuôn mặt vuông vức. Mục công kinh hoảng, vùng chạy. Vị thần đó bảo : "Đừng sợ, Thượng Đế khen đức

sáng của người, sai ta cho người thọ thêm mười chín năm, nước người thịnh vượng, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt. "Mục công đập đầu lạy hai lạy, hỏi : "Xin quỉ thần cho biết tôn danh". Đáp : "Ta là thần Cầu Mang" [coi về mùa xuân]. (*Minh qu' hạ*) ⁽¹⁾

Còn kẻ ác thì bị quỉ thần trừng trị, dù kẻ đó "giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỉ thần tất cũng tuất được - "Quỉ thần chi phạt, bất khả vi phú quý, chúng cường, dũng lực cường vũ, kiên giáp lợi binh, quỉ thần chi phạt tất thắng chi- *Nhu trên*".

Tức như trường hợp Kiệt và Trụ.

"Vua Kiệt nhà Hạ, sang tới làm thiên tử, giàu tới có cả thiên hạ, nhưng trên thì máng trời, khinh quỉ, dưới thì sát hại vạn dân, lừa gạt Thượng Đế, chặt hết cây trên bàn thờ Thượng Đế ở Nguyên Sơn, thấy vậy trời mới sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị Kiệt. Vua Thang đem chín chục cỗ chiến xa bài binh bố trận, từ trên Đại Tán đánh xuống quân của nhà Hạ, vô tới phía ngoài kinh đô rồi bắt được Thôi Di Đại Hi [mạnh tới nổi đẩy lùi được con bò lớn]. Vậy vua nhà Hạ là Kiệt, sang tới làm thiên tử, giàu có tới cả thiên hạ, dùng sĩ Thôi Di Đại Hi dùng loài tê ngư, loài cạp tác chiến ; dân chúng đông tới ức triệu, đầy gò, đầy chằm, mà cũng không ngăn được trừng trị của quỉ thần".

Chúng ta thấy trong hai thí dụ kể trên, việc thưởng phạt đều là ý trời cả. Ý đó cũng là ý của Nho gia, chỉ khác Nho

(1) Truyện này có lẽ do người sau thêm vào, chứ Mục tử sao lại để cao Tán Mục Công, một ông vua hiếu chiến, đức độ tầm thường.

gia cho ý trời với ý dân là một, còn Mặc gia cho ý trời với ý quỷ thần là một để đưa tới kết luận này :

"Nhu vậy là quỷ thần thưởng được người hiền, phạt được kẻ bạo ngược, thi hành [chủ trương có quỷ thần] ở trong nước với vạn dân, tức là thi hành cái đạo trị được nước, làm lợi được cho vạn dân. Quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước mà không liêm khiết, trai gái nào mà sống lẫn lộn lén lút với nhau, quỷ thần tất thấy ; người dân nào mà dân bạo trộm cướp, làm giặc làm loạn, dùng khí giới, thuốc độc, nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp xe ngựa, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình, quỷ thần tất thấy. Như vậy là quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước, không dám không liêm khiết, thấy người thiện không dám không thưởng, thấy kẻ bạo ngược không dám không trị tội. Do đó sẽ không còn những kẻ dân bạo, trộm cướp, làm giặc, làm loạn, dùng khí giới thuốc độc nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người, để làm lợi cho mình. Thế là thiên hạ yên [...] Cho nên "các bậc vương công đại nhân, sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay, nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ hại cho thiên hạ thì nên nhận rằng có quỷ thần và không thể không tôn thờ quỷ thần, làm sáng tỏ cái lẽ có quỷ thần cho dân chúng thấy. Đó là đạo của thánh vương.

"Thiên hạ chi vương công, đại nhân, sĩ quân tử, trung thực tương dục cầu hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, đương nhược quỷ thần chi hữu dã, tương bất khả bất tôn minh dã. Thánh vương chi đạo dã". - *Minh quỷ trung*.

Thiên Công Mạnh, 7, ông nói rõ thêm : "Các thánh vương đời xưa đều cho rằng quỷ thần sáng suốt, gây họa phúc [...] nên trị nước mà nước yên. Từ đời Kiệt, Trụ về sau, đều cho quỷ thần không sáng suốt, không gây họa phúc được [...] mà chính sự hóa loạn, nước hóa nguy".

Tóm lại cái *dụng* của thuyết có quỷ thần là "hung thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại". Đem ra ứng dụng, thuyết đó rất có ích, vậy là đúng rồi.

Phương Thụ Sở (sách đã dẫn - t.106) bảo hai thiên *Thiên ý*, *Minh quỷ* giúp cho hạng tiện nhân có dũng khí để chống lại bọn quý tộc. vì quý tộc mà làm bậy thì bị trời và quỷ thần trừng trị. Có thể như vậy, nhưng coi lại đoạn dẫn ở trên : trai gái nào mà sống lẫn lộn lén lút với nhau,... người dân nào mà dâm bạo trộm cướp... quỷ thần tất thấy", thì Mặc tử chẳng phải chỉ đe bọn quý tộc mà cả hạng tiện dân nữa chứ. Chẳng qua trong một xã hội loạn, luật pháp không có hoặc có mà không công bằng, kẻ cầm quyền lộng hành, giảng đạo đức như Nho gia, không ai muốn nghe, thì Mặc tử mượn thần quyền để mọi người từ trên tới dưới sợ mà bớt tàn nhẫn đi chăng ; mượn một mình Thượng Đế thì Thượng Đế ở xa quá, chỉ trừng trị bọn vua chúa thôi, nên phải mượn thêm quỷ thần để trừng trị những kẻ ở dưới và những tội phạm nhẹ hơn. Có lẽ dụng ý của Mặc chỉ có vậy.

*

* *

Quan niệm về quỷ thần của Mặc tử khác của Khổng tử mà thái độ của ông đối với quỷ thần lại hợp lý, có phần giống Khổng tử.

Một lần, Mặc tử đau, Phu Tị lại thăm, hỏi :

– Tiên sinh bảo quỷ thần sáng suốt, có thể gây họa, tạo phúc cho người được, người hiền thì thưởng, kẻ ác thì phạt. Tiên sinh là bậc thánh mà sao lại đau ? Hoặc giả lời của tiên sinh không đúng chăng ? Quỷ thần không sáng suốt chăng ?

Ông đáp :

– Ta đau thì sao lại bảo quỷ thần không sáng suốt ? Có nhiều nguyên nhân gây bệnh : nóng lạnh gây bệnh được, lao khổ cũng gây bệnh được. Nhà có một tram cửa, mà chỉ đóng một cửa thì kẻ trộm sao lại không vô được ? (*Công Mạnh* 20).

Lần khác, chính một môn sinh của ông – Tào Công tử – nghi ngờ thuyết quỷ thần của ông.

Tào được ông giới thiệu cho làm quan ở Tống, ba năm sau trở về, lại thăm ông, thưa :

– Hồi đầu con lại học thầy, mặc thì áo cộc bằng vải to, ăn thì canh rau hoặc, có bữa sáng mà không có bữa chiều, không có gì để thờ cúng quỷ thần. Nay nhờ công thầy dạy bảo ; nhà con phong lưu hơn trước, nên không dám sơ suất trong việc thờ cúng quỷ thần, vậy mà trong nhà nhiều người đau, lực sức không sinh sản nhiều, thân mình thì bệnh tật liên miên, con chưa thấy đạo của thầy hữu dụng ở chỗ nào.

Mạc tử đáp :

– Không phải vậy. Quỷ thần đòi hỏi ở người nhiều kia : muốn rằng người nào chức cao bổng hậu thì phải kính người hiền, có nhiều cửa thì phải chia cho người nghèo ; chứ đâu phải chỉ muốn nhón nhiều xôi, cát nhiều miếng phôi đậu. Nay anh được chức cao bổng hậu mà không kính người hiền, đó là một điều bất tường, có nhiều cửa mà không chia cho người nghèo, đó là hai điều bất tường. Anh thờ quỷ thần chỉ biết cúng tế mà thôi, rồi phàn nàn "sao đau ốm hoài", như vậy khác gì nhà có tram cửa, chỉ đóng một cửa mà lấy làm lạ kẻ trộm sao vào được. Làm như anh cầu quỷ thần linh thiêng ban phúc cho sao được.

Phù quỷ thần chỉ sở dục ư nhân giả đa : dục nhân chi xử cao tước lộc, tác dĩ nhượng hiền dã, đa tài tác dĩ phân bần dã. Phù quỷ thần khởi duy quắc thử chiết phế chi vi dục tai ? Kim tử xử cao tước lộc nhi bất dĩ nhượng hiền, nhất bất tường dã, đa tài nhi bất dĩ phân bần, nhị bất tường dã. Kim tử sự quỷ thần, duy tế nhi dĩ hĩ, nhi viết : "Bệnh hà tự chí tai ?" thì do "bách môn nhi bế nhất môn yên, - viết : "Đạo hà tòng nhập ?" Nhược thị nhi cầu phúc ư hữu linh chi quỷ thần, khởi khả tai ? *Lỗ vấn 16.*

Không tử có đáp thì cũng không khác vậy. Cứ làm hết bốn phận con người thì khởi phải cầu đảo, nếu không thì cầu đảo, tế lễ gì cũng vô ích. Cái lễ đó, ngay một môn sinh của Mạc được Mạc giới thiệu cho làm quan, mà còn không hiểu thì thường dân có mấy người hiểu nổi ? Đại đa số tất phải như thầy cúng nọ nước Lỗ, cúng quỷ thần một con heo mà xin quỷ thần ban cho cả tram phúc. Mạc tử nghe được chuyện đó, bảo :

– Như vậy không thể được. Tặng người ta ít mà mong được đáp lại nhiều, thì người ta chỉ sợ được tặng thôi. Cúng một con heo mà cầu xin được cả trăm thứ phúc, thì quỷ thần rất sợ được cúng bò, cừu [Giọng ông thật hóm hỉnh !] Các thánh vương đời xưa thờ quỷ thần cúng tế thôi, chứ không cầu xin gì cả ; nay cúng một con heo mà cầu xin cả trăm thứ phúc thì giàu như vậy thà nghèo còn hơn. (Lỗ vấn 17).

Để kết thúc chương này, chúng tôi xin dẫn một truyện li thú nữa : Cuối thiên *Minh qui hạ*, một người không tin có quỷ thần, cho việc cúng tế quỷ thần là vô ích. Mặc tử đáp :

- [...] Dâng rượu xôi thanh khiết để cúng tế một cách cung kính, cẩn thận. Nếu quỷ thần có thật thì là mình mới được cha mẹ anh chị [đã khuất] về ăn uống, chẳng phải là cái lợi lớn ư ? Nếu quỷ thần không có thì là phí tiền của vào việc làm xôi, rượu và mổ các con vật để cúng. Nhưng phi đó không phải là đổ bỏ xuống ngồi xuống rãnh, vì trong thì ho hàng, ngoài thì làng xóm đều được ăn uống. Nếu quả thật không có quỷ thần thì như vậy [là cơ hội] để họp mặt vui vẻ với nhau, kết tình thân với làng xóm".

Chúng ta khó tưởng tượng được một giáo chủ của phương Tây hay của Ả Rập, mà có giọng như vậy : "Nếu quỷ thần có thật... Nếu quỷ thần không có..." Đức quan trọng nhất, đức can đảm của một tín đồ, chứ đừng nói của giáo chủ, là tình ngưỡng (foi) : có tín ngưỡng thì mới được lên thiên đường, nếu không thì xuống địa ngục ; kẻ nào không có tín ngưỡng như mình thì phải thuyết phục, nếu cần thì ép

buộc, chứ có đâu lại khoan dung một cách Á đông như vậy : "Chư vị không tin thì cũng không sao, cứ cúng tế rồi ngã cổ xuống mà vui vẻ ăn uống với nhau". Mặc tử ham lí luận quá, răn lô gích quá thì đức tin làm sao mạnh được ?

Chúng tôi ngờ lòng tin quỷ thần của Mặc lắm. Ông dễ thương làm sao ! Kể nào bảo ông là người Ấn Độ, hoặc Ả Rập là nói bậy. Ông "Trung Hoa" hơn cả Khổng tử nữa. Khổng còn "tế thần như thần tại", ông thì dù thần bất tại cũng cứ tế ; miễn lợi cho nước, cho dân, cho tình họ hàng, làng xóm. Không thể thực tiễn hơn được nữa.

CHƯƠNG VI

BÁC THUYẾT ĐỊNH MẠNG

Trẻ lắm là vào thời Khổng tử, người Trung Hoa đã có nhiều chữ mạng, cũng gọi là thiên mạng, theo ba nghĩa :

1. Nghĩa thứ nhất : Cái lẽ vô hình, linh diệu của trời đất mà người sáng suốt có thể tìm hiểu được, theo nghĩa đó thì mạng là thiên lí, luật tự nhiên của Hóa công.

Như trong *Luận ngữ (Vi chính - 4)* Khổng tử bảo :

"Ta hồi 15 tuổi, chăm chú vào việc học, ba chục tuổi biết vững chí, bốn chục tuổi không còn nghi hoặc, năm chục tuổi biết mạng trời..."

Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mạng..."

Cái thiên mạng đó khiến cho mọi người biến hóa, hợp với lẽ điều hòa, mà mọi vật mới sinh trưởng được, vậy không nên làm trái nó : mà phải sợ nó, hành động hợp với

nó : Đó là ý nghĩa trong câu : "Quân tử úy... thiên mạng"
- (*Qui thi*).

2. Nghĩa thứ nhì : mạng trở những nguyên do nào đó, ta không rõ, ảnh hưởng một cách bất ngờ tới những hoạt động của ta, khiến cho có kẻ tận lực mà không thành công, lại có kẻ không làm mà thành việc. "Đạo ta mà sắp thì hành được ư ? Là do mạng trời ; đạo ta mà sắp bị bỏ ư ? Là do mạng trời" -

(Đạo chi tương hành dã dư ? Mạng dã. Đạo chi tương phế dã dư ? Mạng dã)

Chữ mạng ở đây hiểu theo nghĩa thứ nhì, Khổng tử không biết chắc nó ra sao, như vậy ông cứ theo đạo mà làm, dù biết là khó có kết quả, bị nhiều người chê đấy, ông cũng cứ làm.

3. Nghĩa thứ ba : là định mạng, số mạng như trong câu của Tử Hạ : "Tử sinh hữu mạng, phú quý tại thiên" (*Nhan Uyên* 5) Mạng ở đây trở một sự tiền định, sức người không thể đổi được, như có người sinh ra vốn thông minh, có kẻ vốn ngu dốt ; người thì thọ, kẻ thì yếu, cho nên cùng gặp một tai nạn mà kẻ sống người chết.

Nghĩa thứ nhất trở một thái độ thuận triết của những người tin rằng trong vũ trụ có một luật biến hóa nào đó có thể tìm hiểu được và phải rán tìm hiểu.

Nghĩa thứ hai và thứ ba đều cho rằng trong đời có những điều không thể hiểu được, có khi vô lí ; chỉ khác nghĩa thứ hai trở một thái độ tích cực, cứ làm hết sức mình rồi kết quả ra sao cũng được ; còn nghĩa thứ ba tỏ một thái độ

tiêu cực, hoàn toàn để cho hoàn cảnh chi phối, cho trời định, chẳng cần làm gì cả.

Thời nào cũng vậy, hạng người theo thuyết thứ ba đông nhất. Nên Mặc tử phải đảo ngược thuyết đó trong thiên *Phi mệnh*, nó trái với quan niệm "thiên chí" của ông, và khi ông đã nhận rằng hễ làm việc thiện thì được trời thưởng, làm điều ác thì bị trời phạt, thì tất nhiên ông cũng nhận thêm rằng : phúc, họa là do mình, do hành động của mỗi người, chứ không do trời. Ông đề cao tự do ý chí của con người. Ông phủ nhận định mạng mà chỉ tin luật nhân quả.

*

* *

Để chứng minh rằng không có định mạng, Mặc tử dùng ba biểu chứng tôi đã trình bày trong chương trên.

– Biểu thứ nhất : *bản* (Khảo)

Thiên *Phi* mạng *hạ*, ông bảo :

"Ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ bảo phải chăm lo để cứu những người con có hiếu để khuyến khích việc thờ cha mẹ, phải tôn trọng người hiền lương để dạy dân làm điều thiện. Thế rồi các vị ấy thì hành chính (trị) giáo (dục), thưởng người thiện, phạt kẻ bạo ngược. Nhờ vậy mà thiên hạ loạn có thể làm cho trị được, xã tắc nguy có thể làm cho yên được.

"Nếu cho là không phải vậy [thì sao] xưa vua Kiệt làm cho nước loạn, vua Thang trị được, Trụ làm cho nước loạn,

vua Võ vương trị được ? Vào những thời đó, cũng vẫn là xã hội ấy, dân ấy, không có gì khác mà trên [vua] thay đổi chính trị, thì dưới [dân] thay đổi thói quen. Ở vào thời Kiệt, Trụ thì thiên hạ loạn ; ở vào thời Thang, Võ thì thiên hạ trị. Vậy thiên hạ trị là nhờ công của Thang, Võ ; thiên hạ loạn là do tội của Kiệt, Trụ. Xét điều đó thì an hay nguy, trị hay loạn là do chính trị của người trên, sao bảo là có số mạng được ?

"Ba đời Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ, bảo phải làm sao cho người đói được ăn, người rét được mặc, người mệt nhọc được nghỉ ngơi, nước loạn hóa trị ; nhờ vậy mà các vị đó được về vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ. Đâu có thể cho là do số mạng được ? Đó là công lao của các vị ấy. Nay các người hiền lương biết trọng người hiền và thích học đạo, thì tất trên được vương công, đại nhân thưởng, dưới được vạn dân khen, được về vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ, như vậy đâu có thể cho là do số mạng được, cũng lại là do công lao họ nữa".

(Tích Kiệt chi sở loạn, Thang trị chi ; Trụ chi sở loạn, Võ vương trị chi. Đương thử chi thời, thế bất du nhĩ dân bất dịch, thượng biến chính nhĩ dân cải tục. Tồn hồ Kiệt, Trụ nhĩ thiên hạ loạn, tồn hồ Thang, Vũ nhĩ thiên hạ trị. Thiên hạ chi trị dã, Thang, Vũ chi lực dã ; thiên hạ chi loạn dã, Kiệt, Trụ chi tội dã. Nhược dĩ thử quan chi, phù an nguy trị loạn, tồn hồ thượng chi vị chính dã, tác phù khởi khả vị hữu mạng tai ?

Cố tịch giả, Vũ, Thang, Võ phương vì chính hồ thiên hạ chi thời, viết tất sử cơ giả đắc thực, hàn giả đắc y, lao giả đắc tức, loạn giả đắc trị ; toại đắc quang dự linh văn ư thiên hạ. Phù khởi khả dĩ vị kì mạng tai ? Cố dĩ vị kì lực dã. Kim hiển lương chi nhân, tôn hiển nhi hiệu công đạo thuật. Cố thượng đắc kì vương công đại nhân chi thưởng, hạ đắc kì vạn dân chi dự, toại đắc quang dự linh văn ư thiên hạ, diệc khởi dĩ vị kì mạng tai ? Hựu dĩ vị kì lực dã).

Hơn nữa, Mặc tử còn cho rằng chính bọn bạo vương đặt ra thuyết có định mạng rồi hạng dân biếng nhác, xấu xa mới theo mà thuật lại, chứ các thánh vương đều bác thuyết ấy :

"Ba đời bạo vương thời xưa Kiệt, Trụ, U, Lệ [...] ngoài thì rong ruổi, săn bắt, bẫy thú, bắn chim ; trong thì đắm, mê, rượu nhạc, bỏ bê việc trị nước và dân ; rất dối vô dụng mà lại còn tàn bạo với trăm họ, đến nỗi mất tôn miếu [...] rồi bảo : "Mất nước là do số mạng của ta vậy".

Hạng dân biếng nhác, bất tiểu trong ba đời bạo quân đó cũng thế. Họ không biết thờ cha mẹ, vua và người trên [...] tham ăn tham uống mà nhác làm việc, do đó không đủ ăn đủ mặc, tới nỗi lâm vào cảnh đói rét, lo lắng [...] rồi bảo : "Ta cùng khốn là do số mạng của ta vậy".

Còn các thánh vương thì lo ngại về hậu quả của thuyết đó nên đã ghi chép trên sách để răn đời sau. Như thiên *Thái Thệ* của Võ vương ⁽¹⁾ chép : "Trời giúp người có đức

(1) Thiên đó ở trong Chu thư nhưng không chắc là của người thời Võ vương chép.

sáng, điều đó hiển nhiên. Tấm gương dẫu xa, cội vua nhà Ân [tức vua Trụ] đó. Hấn bảo : "Người ta có số mạng", bảo "Không cần kính [Trời], bảo : "Cúng tế chẳng ích gì ?", bảo : "Bạo ngược cũng không bị hại". [Vì vậy] Thượng Đế không giúp hấn, hấn mất chín châu [tức thiên hạ]. Thượng Đế ghét Trụ, khiến hấn phải chết. Ta là Hữu Chu được nhận nhà Thương [nghĩa là trời cho diệt vua Trụ nhà Thương, thay nhà Thương mà trị thiên hạ]".

*

– Biểu thứ nhì : *nguyên*. Mặc tử bảo :

"Ta sở dĩ biết có mạng hay không là nhờ xét sự thực của tai mắt mọi người : nếu mọi người nghe thấy, trông thấy thì ta cho là có ; nếu mọi người không nghe thấy, không trông thấy thì ta cho là không có. Mà ta đã từng xét sự thực của trăm họ từ xưa tới nay, xem có ai từng trông thấy hình thể của số mạng, từng nghe thấy tiếng của số mạng chưa, thì thật là chưa từng có".

(Ngã sở dĩ tri mạng chi hữu vô giả, dĩ chúng nhân nhĩ mục chi tình tri hữu dữ vô ; hữu văn chi, hữu kiến chi, vị chi hữu ; mặc chi văn, mặc chi kiến, vị chi vô. Thường khảo chi bách tính chi tình, tự cổ dĩ cập kim... diệc thường hữu kiến mạng chi vật, văn mạng chi thanh hồ ? Tác vị thường hữu dã" - *Phi mạng, trung*).

Dùng biểu thứ nhất là phải, và Mặc đã áp dụng đúng ; nhưng áp dụng biểu thứ hai thì bậy. Mặc cơ hồ không phân biệt cái trừu tượng với cái cụ thể : Số mạng dẫu phải là

một vật có hình có tiếng mà bảo người ta trông thấy, nghe thấy cho được ? Chắc người viết thiên *Phi mạng hạ* đã nhận thấy lí luận đó của Mặc sai nên không chép.

– Biểu thứ ba : *dung. Phi mạng hạ*, Mặc tử bảo :

"Các vương công đại nhân ngày nay sáng sớm vô triều, chiều mới về [...] không dám biếng nhác, uể oải là tại sao ? Tại họ cho rằng hễ gắng sức làm thì nước trị, nếu không thì nước loạn ; gắng sức thì yên, không thì nguy cho nên không dám biếng nhác uể oải. Nếu các Khanh đại phu tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm của nhà nước, ở ngoài thì thu cái lợi [thuế] cửa quan và chợ, cái lợi của rừng, núi, chằm, cầu để cho kho lẫm được đầy, mà không dám biếng nhác, chán nản là tại sao ? Tại họ cho rằng hễ gắng sức thì sang, không thì hèn, gắng sức thì vinh, không thì nhục, cho nên không dám biếng nhác, uể oải. Nay nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về nhà, gắng sức cấy cấy, trồng trọt, để thu được nhiều đậu lúa, mà không dám biếng nhác uể oải là tại sao ? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo, gắng sức thì no, không thì đói, cho nên không dám biếng nhác, uể oải. Nay dân bà sở dĩ thức khuya dậy sớm, gắng sức đánh sợi kéo tơ dệt vải và lụa mà không dám biếng nhác, uể oải là tại sao ? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo, gắng sức thì ấm, không thì lạnh, vì vậy mà không dám biếng nhác uể oải.

"Giả thử các vương công đại nhân tin thuyết có số mạng mà hành động theo thuyết đó thì tất họ, sẽ biếng nhác trong vụ xử kiện, trị nước ; các Khanh đại phu sẽ biếng nhác

trong việc trông coi kho lẫm của nhà nước, nông phu biếng nhác trong việc cày cấy trồng tọt, dân bà biếng nhác trong việc đánh sợi, kéo tơ thì tôi cho rằng thức ăn, áo mặc trong thiên hạ nhất định sẽ thiếu.

"Trị thiên hạ mà như vậy mà thờ trời và quỷ thần, thì trời và quỷ thần không nhận ; dưới nuôi nấng bảo vệ trăm họ, trăm họ không được lợi, tất sẽ li tán không dùng họ được, do đó mà lui về giữ nước thì không vững, tiến quân đánh nước ngoài thì sẽ không thắng [...]

Vậy : "Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không tận lực bài xích thuyết có số mạng".

(Kim dã, vương công đại nhân chi sở dĩ tảo triều yến thoải, thỉnh ngục trị chính, [...])⁽¹⁾ nhi bất cảm đãi quệן giả, hà dã ? Viêt : Bĩ dĩ vi cường tất trị, bất cường tất loạn ; cường tất ninh, bất cường tất nguy ; cố bất cảm đãi quệן. Kim dã, Khanh đại phu chi sở dĩ kiệt cổ quang chi lực, đàn kì tư lự chi trí, nội trị quàn phủ, ngoại liễm quan thị, sơn lâm trạch lương chi lợi, dĩ thực quàn phủ, nhi bất cảm đãi quệן giả, hà dã ? Viêt : bĩ dĩ vi cường tất quý, bất cường tất tiện ; cường tất vinh, bất cường tất nhục, cố bất cảm đãi quệן. Kim dã, nông phu chi sở dĩ tảo xuất mộ nhập, cường hồ canh giá thụ nghệ, đa tụ thực túc nhi bất cảm đãi quệן giả, hà dĩ ? Viêt : Bĩ dĩ vi cường tất phú, bất cường tất bần, cường tất bảo, bất cường tất cơ, cố bất cảm đãi

(1) Bỏ bốn chữ nghĩa khó hiểu.

quyện. Kim đã, phụ nhân chi sở dĩ tức hung dạ mị, cưỡng hồ phưởng tích chức nhâm, đa trị ma ti cát tự, khổn bố sào, nhi bất cảm dãi quyện giả, hà dã ? Viết : Bĩ dĩ vi cường bất phú, bất cường tất bần, cường tất noãn, bất cường tất hàn, cố bất cảm dãi quyện.

Kim tuy vô tại hồ vương công đại nhân, quỹ nhược tín hữu mang nhi trí hành chi, tác tất dãi hồ thỉnh ngục, trị chính hĩ, Khanh đại phu tất dãi hồ trị quan phủ hĩ ; nông phu tất dãi hồ canh giả, thụ nghệ hĩ ; phụ nhân tất dãi hồ phưởng tích chức nhâm hĩ. Vương công đại nhân dãi hồ thỉnh ngục, trị chính, Khanh đại phu dãi hồ quan phủ, tác ngã dĩ vi thiên hạ tất loạn hĩ. Nông phu dãi hồ canh giá thụ nghệ, phụ nhân dãi hồ phưởng tích chức nhâm, tác ngã dĩ vi thiên hạ y thực chi tài tương tất bất túc hĩ. Nhược dĩ vi chính hồ thiên hạ, thượng dĩ sự thiên quỹ, thiên quỹ bất sử ; hạ dã dãi dương bách tính, bách tính bất lợi, tất li tán bất khả đạc dạng dã. Thị dĩ nhập thủ tác bất cố, xuất tru tác bất thảng [...]

[...] Kim thiên hạ chi sĩ quân tử, trung thực tương dục cầu hung thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, đương nhược hữu mang giả chi ngôn, bất khả bất cường phi chi dã".

Đã chủ trương có định mạng, giàu nghèo, thọ, yếu đều do trời định trước rồi, không thể thêm bớt được, thì trong đời không còn việc gì đáng làm nữa, ngay cả việc học. Thiên Công Mạnh bài 6, Mặc tử bảo :

"Bảo người ta phải học mà lại chủ trương có định mạng, như vậy khác gì bảo người ta bao tóc mà bỏ cái mũ đi").

*

* *

Trong suốt đời Tiên Tần, chỉ có một mình Mạc tử đưa ra thuyết phi mạng. Thuyết đó tuy tích cực, nhưng chỉ tương đối tiến bộ thôi. Ông vẫn không nghĩ rằng "nhân nang thái thiên", mà chỉ bảo trời và quỷ thần rất sáng suốt, công minh, không định trước thời này sẽ thịnh, thời kia sẽ loạn, người này sẽ giàu sang, và thọ, kẻ kia sẽ nghèo hèn và yếu ; mà để cho mọi người tự xây dựng cuộc đời của mình, định đoạt lấy tương lai của mình, nếu làm điều thiện thì trời sẽ thưởng, ngược lại thì mới bị trời phạt. Vậy thái độ hợp lý nhất của ta là cứ gắng sức hoài đi, việc chưa thành là vì sức chưa đủ, chứ không phải vì số mạng. Ông "nang thuyết" mà cũng "năng hành" để làm gương cho thiên hạ : suốt đời khẳng khái làm việc nghĩa, mong cứu vớt loài người, dù gian nan bao nhiêu cũng không ngại, dù không có kết quả cũng không nản (*Canh Trụ* 4 và 6), và nếu không ai làm thì ông lại càng phải làm nhiều lên, như trong một gia đình có mười người con, mà chín người ở không thì người thứ mười phải gắng sức cấy cấy. (Quý nghĩa 2).

Chúng ta tiếc rằng sử không chép gì về cuộc đời về già của ông ra sao, khi sức ông đã suy mà xã hội cũng vẫn loạn như trước hay hơn trước ; nhưng trong bộ Mạc tử chúng ta cũng không thấy chép một lời chán nản, than thở nào của ông cả.

Nhưng khi Mạc tử chê đạo Nho có thể làm mất thiên hạ vì chủ trương có định mạng, không thể sửa đổi được, thì ông đã tỏ ra bất công.

Quả thực Khổng tử cho rằng có số mạng như khi Bá Nguu, một môn sinh của ông đau nặng, ông lại thăm, cảm

tay Bá Ngưu, than thở : "Con sắp mất. Số mạng đó thôi ! Người như vậy mà bị bệnh như vậy !" (*Ung dã* - 8).

Tử Hạ, một môn đệ khác của ông cũng bảo : "Thương tôi nghe nói : ⁽¹⁾ : Tử sinh hữu mạng, phú quý tại thiên" (*Nhan Uyên* - 5).

Nhưng Khổng tử trước sau không hề dạy môn sinh phải "thỉnh thiên an mạng" mà trái lại luôn luôn có thái độ "tri kì bất khả nhi vi chi", và suốt đời ông "làm việc thánh, việc nhân không chán, dạy người không mỏi" (*Thuật nhi*, 33 : Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm, ức vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vi vân nhi dĩ hĩ :

Manh tử đời sau cũng khuyên ta gắng sức làm điều thiện (cưỡng vi thiện), ai cũng có thể thành bậc thánh như Nghiêu, Thuấn được nếu chịu luyện tâm như Nghiêu, Thuấn.

Sau cùng, Tuân tử tuy cũng tin như Khổng tử rằng có mạng trời : "Thỉnh linh xảy ra mà không ngờ [không hiểu được nguyên nhân] thì gọi là mạng" (*Tiết ngô chi vi mạng* - *Chỉnh danh*), nhưng ông lại chủ trương trời và người không tương quan gì với nhau (thiên nhân bất tương quan) - trái hẳn với Khổng tử, Mặc tử - cho nên khuyên ta không cần lưu tâm gì tới thiên mạng, hơn nữa, ta còn có thể thắng được thiên mạng. Ông bảo :

"Theo trời mà ngợi khen trời thì sao bằng tài chế cái mạng trời mà dùng ?

(1) Nguyên văn

(*Thương văn chi*), nghĩa là Thương tôi - tức Tử Hạ - nghe nói. Chu Hi chú giải là : "Thương tôi nghe Phu tử tức Khổng tử dạy rằng" - Có thể là chính Khổng tử nói, nhưng không hiểu Chu Hi căn cứ ở đâu.

Tòng thiên nhi tụng chi, thực dữ chế thiên mạng nhi dụng chi ? – *Thiên luận*". Nghĩa là nếu ta siêng thì trời không thể làm cho ta nghèo được, nếu ta lười thì trời không thể giúp ta giàu được ; hoàn cảnh dù bất lợi, ta cũng có thể chuyển bại thành thắng được. Mạng tuy có nhưng không phải là cái gì nhất định, nó như một sức mạnh đẩy ta tới một hướng nào đó, ta có thể chống lại được.

Tư tưởng "chế thiên mạng" đó tấn bộ hơn tư tưởng "phi mạng" của Mặc tử, nhất là Mặc tử cơ hồ có lúc không tin thuyết của mình lắm, nên trong thiên *Canh Trụ*, bài 2 (đã dẫn ở chương trên), ông tin bói, bảo quỷ thần biết trước được việc mấy trăm năm về sau. Như vậy là có định mạng hay không có định mạng ? ⁽¹⁾

(1) Nhưng Mặc tử không tin thuyết âm dương - Cõi bài 18 thiên *Qui nghĩa*.

CHƯƠNG VII

DƯỚI THỐNG NHẤT TU TƯỚNG VỚI TRÊN

Mặc tử là một chính trị gia trọng lí tưởng mà có óc thực tế và thực tiễn ; biết rằng chỉ thuyết thôi thì không khác gì nhiều người theo đạo kiêm ái của mình, mà sự chế tài bằng tôn giáo hiệu quả chắc không được bao nhiêu, nên phải dùng thêm sự chế tài bằng chính trị nữa. Trong hai chương *Ý trời* và *Ý quý thần* chúng tôi đã xét sự chế tài bằng tôn giáo. Chương này và chương sau xét về sự chế tài bằng chính trị.

*

* *

Qui tắc căn bản của Mặc về việc trị dân như sau :

"Bề trên cai trị hễ được kẻ dưới đồng tình thì trị, không được kẻ dưới đồng tình thì loạn".

(Thượng chi vi chính, đắc hạ chi tình tác trị, bất đắc hạ chi tình tác loạn – *Thượng đồng hạ*)

Sự đồng tình đó không có nghĩa là được lòng dân, vua và dân thân với nhau như cha với con ; như Khổng tử khuyên :

"Trên thân với dưới như chân tay đối với lòng ruột, dưới thân với trên như con nhỏ đối với mẹ hiền. Trên dưới thân nhau như vậy cho nên trên có lệnh thì dưới theo, trên thì thối điều gì thì dân làm. Dân mến đức của người trên, kẻ gần thì vui lòng phục tùng, kẻ xa thì qui phụ, trị dân như vậy là rất mực". (Thượng chi thân hạ dã, như thủ túc chi ư phúc tâm ; hạ chi thân thượng dã, như ấu tử chi ư từ mẫu hĩ. Thượng hạ tương thân như thủ, cố lệnh tác tùng, thì tác hành. Dân hoài kì đức, cận giả duyệt phục, viễn giả lai phục, chính chi trí dã – *Khổng tử gia ngữ*).

Sự đồng tình của Khổng thiên về tình cảm, của Mặc thiên về tư tưởng, (quan niệm thiện ác), về pháp luật ; mặc dầu Mặc cũng yêu dân, lo cho dân không kém Khổng. Có phần hơn nữa, như trong thiên *Kiên ái* chúng ta đã thấy.

Mac tử giảng :

"Bề trên cai trị mà được kẻ dưới đồng tình thì biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng. Biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng rồi thì biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt ; người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Bề trên cai trị mà không được kẻ dưới đồng tình thì không biết rõ quan

niệm về tốt xấu trong dân chúng ; không biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng thì không biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt ; người thiện không được thưởng, kẻ tàn bạo không bị phạt, trị dân mà như vậy thì quốc gia tất loạn. (Thượng đồng hạ).

Người trên kẻ dưới không đồng tình về tốt xấu thì sẽ xảy ra trường hợp bẽ trên cho một người nào đó là tốt, muốn thưởng, người đó tuy được bẽ trên thưởng nhưng lại sợ tram họ hủy báng [Vì quan niệm về tốt xấu của vua và của dân trái ngược nhau] ; [...] bẽ trên cho một người nào là tàn bạo muốn phạt, người đó tuy bị bẽ trên phạt nhưng lại được tram họ khen. Như vậy sự khen thưởng của bẽ trên không có giá trị, không khuyến khích được dân làm điều thiện ; mà sự trừng phạt của bẽ trên không làm cho dân sợ.

Những trường hợp như vậy rất thường xảy ra trong lịch sử : bọn bạo chúa tin dùng những kẻ tiểu nhân nịnh bợ, tàn nhẫn với dân, mà giết hại những người hiền tài, chính trực được lòng dân ; do đó dân coi thường sự thưởng phạt của vua mà nổi loạn để "thế thiên hành đạo", ủng hộ người ngay, trừng trị kẻ gian.

Trong một nước như vậy, mà trong thiên hạ cũng vậy. Chúng ta đã biết mới đầu thiên tử nhà Chu đã qui định rõ ràng : Ai có công nhiều thì được phong tước cao : công, hầu ; có công nhỏ thì được phong tước thấp : bá, tử, nam ; tước cao thì được đất rộng, có nhiều chiến xa (nghĩa là binh lực nhiều) ; tước thấp thì đất hẹp, có ít chiến xa ; và không một chư hầu nào được uy hiếp, xâm lăng một chư hầu khác. Nhưng rồi dần dần một số chư hầu vì lí do này

hay lí do khác, không theo lệ đó ; khuyếch trương binh lực để mở mang bờ cõi, gây ra cảnh loạn lạc, chiến tranh liên miên trong thời Chiến Quốc. Như vậy là do lẽ trên dưới không cùng một quan niệm về điều phải, tức về cái "nghĩa" (nghĩa bất đồng), như Mặc tử nói.

Chính trị gia nào cũng hiểu lẽ đó. Điều chúng ta muốn biết là Mặc tử dùng cách nào để thống nhất cái "nghĩa" đây.

*

* *

Ông bảo : "Chỉ có cách là người dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên thì mới trị được thiên hạ"-(Duy nạng di thượng đồng nhất nghĩa vi chính, nhiên hậu khả dĩ - *Thượng đồng hạ*).

Ông lại dùng biểu thứ nhất, khảo sát thời cổ để chứng minh thuyết của ông :

"Thời nguyên thủy, trời mới sinh dân, chưa có ai làm chính trưởng [cầm đầu]. Mọi người tự làm chủ mình. Mọi người tự làm chủ mình thì mỗi người có một lẽ phải, mười người có mười lẽ phải, trăm người có trăm lẽ phải, ngàn người có ngàn lẽ phải, cho tới khi số người đông không biết bao nhiêu mà kể, và cái gọi là lẽ phải cũng nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Ai cũng bình lẽ phải của mình, chê lẽ phải của người, xung đột lớn thì đến đánh nhau, nhỏ thì tranh nhau. Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử".

"Cổ giả thiên chi thủy sinh dân, vị hữu, chính trưởng dã, bách tính vi nhân. Nhược cầu bách tính vi nhân, thị nhất

nhân nhất nghĩa, thập nhân thập nghĩa, bách nhân bách nghĩa, thiên nhân thiên nghĩa. Đãi chí, nhân chi chúng, bất khả thang kế dã. tác kì sở vị nghĩa giả, diệc bất khả thang kế. Thử giai thị kì nghĩa nhi phi nhân chi nghĩa, thị dĩ hậu giả hữu dấu nhi bực giả hữu tranh. Thị cố thiên [hạ] chi dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa dã, thị cố tuyển trạch hiền giả, lập vị thiên tử".

Xin đọc giả để ý đến câu cuối : "*Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử*. Trong một đoạn sau, chúng tôi sẽ trở lại ý đó. Bây giờ hãy xin diễn tiếp :

"Thiên tử cho rằng trí lực mình chưa đủ để một mình trị thiên hạ, nên mới lập tam công [ba vị đứng đầu trong triều đình thiên tử đời Chu : thái sư, thái phó, thái bảo]. Tam công lại thấy trí lực mình chưa đủ để giúp thiên tử, nên mới chia nước ra lập các chư hầu [điều này, Mặc tử chác dã lắm : theo sử thì thiên tử chứ không phải tam công lập các chư hầu]. Chư hầu lại cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị khắp bốn cõi, nên lựa người ở dưới lập chức Khanh và chức Tế [chủ một địa phận, một cơ quan]. Khanh và Tế lại cho rằng trí lực chưa đủ để giúp vua chư hầu, nên lựa người ở dưới lập làm hương trưởng, gia trưởng. Vì vậy mà đời xưa thiên tử lập tam công, chư hầu, khanh, tế, hương trưởng, gia trưởng không phải vì giấu sang quá mà bỏ [chia xẻ bớt] đi đâu mà là để có người giúp mình coi việc hành chính..." (Như trên).

Tóm lại là trời ghét loạn, mà loạn do tư tưởng của vạn dân không thống nhất ; muốn thống nhất tư tưởng cho hết loạn, trời lựa người hiền cho làm thiên tử để giúp mình,

rồi thiên tử lựa người hiền để giúp mình, cứ như vậy lần lần cho xuống tới chư hầu, khanh tế, hương trưởng, gia trưởng.

Ý đó không có gì đặc biệt. Khổng giáo cũng cho rằng trời lựa người mà giao cho việc thay mình trị dân, (vì vậy mà người Trung Hoa gọi vua là thiên tử - con trời) và thiên tử lựa các quan và chư hầu.

*

* *

Đặc biệt là điểm dưới đây :

Khi thống nhất tư tưởng, (đồng nhất thiên hạ chỉ nghĩa) thì không từ trên xuống như khi giao quyền, mà từ dưới lên.

Cũng trong *Thuận đồng hạ*, Mạc tử bảo :

"Muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ [...] sao không bảo gia trưởng làm thủ đi. Gia trưởng ban bố pháp luật trong nhà, bảo : "Hãy thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nhà cũng phải báo cáo". Thấy ai yêu và làm lợi cho nhà mà báo cáo thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho nhà, người trên biết được sẽ thưởng cho và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ khen ; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nhà mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho nhà, người trên biết được sẽ phạt và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì mọi người trong nhà đều muốn

được gia trưởng khen thưởng, tránh bị chê phạt. Thấy người thiện, kẻ bất thiện đều báo cáo thì gia trưởng biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nhà tất trị. Thử xét một nhà như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

"Nhà đã trị rồi, thì cái đạo trị nước như vậy là xong rồi chăng ? Chưa xong. Số nhà trong thiên hạ rất nhiều, nhà nào cũng cho mình là phải mà chê nhà khác, xung đột lớn thì sinh loạn, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại, phải bắt hết các gia trưởng trong nước thống nhất lẽ phải của mình với vua. Vua cũng ban bố pháp luật trong dân chúng, bảo : "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nước thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nước cũng phải báo cáo". [...] ⁽¹⁾ Dân thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì vua biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được hưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Thử xét một nước như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

"Nước đã trị rồi thì cái đạo trị thiên hạ như vậy là xong rồi chăng ? Chưa xong. Số nước trong thiên hạ rất nhiều, nước nào cũng cho mình là phải chê nước khác, xung đột lớn thì gây chiến, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt hết thấy các nước thống nhất lẽ phải với thiên tử. Thiên tử cũng ban bố pháp luật trong thiên hạ, bảo : "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ thì phải báo cáo, thấy ai ghét

(1) Bỏ 5 hàng giống với đoạn trên

và làm hại cho thiên hạ cũng phải báo cáo". [...] ⁽¹⁾ Người trong thiên hạ thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì thiên tử biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì thiên hạ tất trị. Thử xét thiên hạ như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với bề trên vậy thôi.

"Thiên hạ đã trị rồi, thiên tử lại đem tất cả lẽ phải trong thiên hạ thống nhất với trời".

(Dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa [...] hồ bất thường sử gia quân thi dụng ? Gia quân phát hiện hổ lệnh kì gia, viết : "Nhược kiến ái lợi gia giả, tất dĩ cáo, nhược kiến ố tặc gia giả, diệc tất dĩ cáo. Nhược kiến ái lợi gia giả dĩ cáo, diệc do ái lợi gia giả dã, thượng đắc thả thượng chi, chúng van tác dự chi ; nhược kiến ố tặc gia bất dĩ cáo, diệc do ố tặc gia giả dã, thượng đắc thả phạt chi, chúng van tác phi chi. Thị dĩ biến nhược gia chi nhân giai dục đắc kì trường thượng chi thưởng dự, tị kì hỷ phạt. Thị dĩ thiên ngôn chi, bất thiện ngôn chi, gia quân đắc thiện nhân nhi thưởng chi, đắc bạo nhân nhi phạt chi. Thiện nhân chi thưởng nhi bạo nhân chi phạt, tác gia tất trị hĩ. Nhiên kế nhược gia chi sở dĩ trị giả, hà dã ? Duy dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính cố dã.

Gia kì dĩ trị, quốc chi đạo tân thử dĩ da ? Tác vị dã. Thiên hạ vi gia số dã thậm đa, thử giai thị kì gia nhi phi

(1) Chữ thuyền này dùng như chữ tổng.

nhân chi gia, thi dĩ hậu giả hữu loạn nhi bực giả hữu tranh. Cổ hựu sử gia quân tống kì gia chi hữu nghĩa dĩ thượng đồng ư quốc quân. Quốc quân diệc vi phát hiện bố lệnh ư quốc chi chúng, viết : "Nhược kiến ái lợi quốc giả tất dĩ cáo, nhược kiến ố tặc quốc giả diệc tất dĩ cáo". [...] Dân kiến thiện giả ngôn chi, kiến bất thiện giả ngôn chi, quốc dân dắc thiện nhân nhi thượng chi, dắc bạo nhân nhi phạt chi. Thiên nhân thượng nhi bạo nhân phạt, tặc quốc tất trị hĩ. Nhiên kế nhược quốc chi sở dĩ trị giả, hà dã ? Duy năng dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính cố dã.

Thiên hạ kí dĩ trị, thiên tử hựu tống thiên hạ chi nghĩa dĩ thượng đồng ư thiên" - *Thượng đồng hạ*").

Trong đoạn đó, Mặc tử dùng bốn chữ "thượng đồng nhất nghĩa" mà chúng tôi dịch là "thống nhất lẽ phải với bề trên cho dễ hiểu. Cái "nghĩa" đó, "lẽ phải" đó là cái lợi chung của thiên hạ, mà cái lợi chung đó ở chỗ mọi người phải gồm yêu lẫn nhau (kiêm tương ái), làm lợi lẫn cho nhau (giao tương lợi). Đó là ý muốn của trời, trời cao quý hơn cả, nên thiên tử phải theo trời, thống nhất ý chí với trời, vua chư hầu phải thống nhất với thiên tử, các gia trưởng phải thống nhất với vua, các người trong nhà phải thống nhất với gia trưởng.

Muốn thống nhất thì mỗi người trong nhà thấy ai theo đúng cái "nghĩa" cái lẽ phải đó mà yêu, làm lợi cho đoàn thể thì khen và báo với người trên, làm trái cái "nghĩa" đó thì chê và báo với người trên ; cứ như vậy từ dưới lên, tức từ nhà lên tới vua, tới thiên tử và - theo nguyên tắc - lên tới trời.

Theo Mặc tử, chính sách báo cáo với người trên đó, các niên vương đã dùng rồi, cho nên thiên *Thái Thệ* [dời vua Vô nhà Chu] chép : "Nhân dân thấy kẻ nào gian trá thì phải báo cáo, nếu không, việc phát giác thì cũng bị tội như kẻ gian trá". Ông cho rằng kết quả rất tốt : "Thánh vương trị thiên hạ [dùng chính sách đó mà] được nhiều người ngoài [trong dân gian] nhìn và nghe thay cho mình. Vì vậy mà mưu tính việc với người thì mau hơn người, cùng làm việc với người thì thành công trước người, trông nghe được rộng, thấy mọi sự trước người [...] Ngoài ngàn dặm có hiền nhân nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết mà thưởng rồi, trong ngàn dặm có kẻ tàn bạo nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và phạt rồi. Thánh vương dù mắt sáng, tai tỏ tới đâu, làm sao có thể nhìn một cái mà thấy khắp ở ngoài ngàn dặm, nghe một lần mà thấy được khắp ở ngoài ngàn dặm ? Thánh vương không tới tận nơi để nhìn, để nghe mà khiến cho những kẻ trộm cướp phiến loạn trong thiên hạ không có chỗ nào để dung thân, là tại sao ? Tại chính sách tán đồng với người trên rất hay vậy".

Như chúng tôi đã nói, thiên *Thái Thệ* chưa chắc đã do người đời Chu Vô vương viết ; vậy chính sách cáo gian cũng chưa chắc đã có từ đời đó ; nếu có thì nó cũng đã phải bỏ vì đời Khổng tử, Mặc tử đều không dùng. Mãi đến đời Tấn Hiếu công (thế kỷ thứ 4 tr.T.L.) Thương Ưởng mới thi hành, nhưng khi Thương Ưởng chết, nó bị bãi bỏ ; rồi tới đời Tấn Thủy Hoàng, Hàn Phi lại đề nghị dùng lại. Trong thiên *Bát Kinh*, Hàn viết : "Trong một huyện, nhà nào cũng gần nhau, họp nhau thành từng "ngũ" (5 nhà),

tùng "liên" (250 nhà) hễ ai tố cáo lỗi của người khác thì được thưởng, không tố cáo thì bị trừng trị. Bề trên đối với người dưới, người dưới đối với bề trên đều như vậy cả..." Chác Thương Ưởng và Hàn Phi đã chịu ảnh hưởng của Mặc tử.

Tóm lại, theo Mặc tử muốn cho nước trị thì cần nhất là dân phải thống nhất tư tưởng với vua, rồi bắt dân báo cáo kẻ thiện kẻ ác, để vua thưởng kẻ thiện, phạt kẻ ác. Sự chế tài bằng chính trị là vậy. Nó bổ sung cho sự chế tài bằng tôn giáo mà hiệu quả không được lớn vì sự thưởng phạt của trời và quỷ thần không hiển nhiên, trực tiếp bằng sự thưởng phạt của vua, quan, gia trưởng.

Tuy nhiên, chúng ta còn nhận thấy rằng Mặc tử cũng cho sự khen chê của dư luận là một cách chế tài nữa, nên sau những chữ : "thượng đắc tác thưởng chi", "thượng đắc tác phạt chi", ông thêm : "chúng vân tác dụ chi, chúng vân tác phi chi".

Tuân tử đời sau, trong thiên *Thiên luận* chê Mặc tử là chỉ thấy cái lễ dân chúng phải cùng theo một đường lối, một chủ trương mà không thấy cái lễ mỗi người có một cá tính, một quan niệm, nhân sinh quan riêng, (Mặc tử hữu kiến ư tế, vô kiến ư ki -), như vậy cá tính không phát triển được. Nhận xét đó có phần đúng.

Phùng Hữu Lan (sách đã dẫn, tr.136) bảo dân phải phục tòng thiên tử, và chỉ thiên tử phải "thượng đồng" với trời, như vậy là thiên tử vừa là vua, vừa là giáo hoàng, quân quyền và thần quyền đều ở trong tay một người cũng đúng nữa.

Nếu Mạc tử được cầm quyền, thì có thể tổ chức liên gia (5 và 10 nhà) tổ cáo lẫn nhau của Thương Ưởng đã xuất hiện sớm được hơn trăm năm. Nhưng lí tưởng "thượng đồng" của Mạc tử có phần hơi giống lí tưởng "lễ nhạc, chinh phạt tự thiên tử xuất" của Khổng tử, và khác hẳn lí tưởng của học pháp gia Thương Ưởng, Hàn Phi. Khổng và Mạc đều muốn giữ chế độ phong kiến trên là thiên tử, dưới là chư hầu đều muốn mưu hạnh phúc cho khắp thiên hạ : còn Thương Ưởng chỉ muốn dùng võ lực thống nhất Trung Quốc để mưu cái lợi riêng cho nước Tần, đúng hơn là vua Tần. Chính vì câu "Thiên tử hựu tòng thiên hạ chi nghĩa dĩ thượng đồng ư thiên" mà Mạc tử không thể coi là nhà độc tài được. Ông buộc thiên tử phải hành động hợp với ý trời thì mới đáng được trăm họ đồng tình.

*

* *

Bây giờ chúng ta trở lại câu trong *Thượng đồng hạ* : "Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền làm thiên tử" đã dẫn trong đoạn Mạc tử bàn về thời nguyên thủy. (tr.115). Nguyên văn câu đó như sau : "Thiên hạ chi dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa dã, thị cố tuyền trạch hiền giả lập vi thiên tử".

Tìm trong *Thượng đồng thượng và trung*, chúng tôi thấy :
Thượng :

(Phù minh hồ thiên hạ chi sở dĩ loạn giả, sinh ư vô chính trưởng, thị cố tuyền thiên hạ chi hiền khả giả lập dĩ vi thiên tử) : [Thời nguyên thủy thiên hạ loạn như cầm thú], biết rằng thiên hạ sở dĩ loạn là do không có chính trưởng, cho nên chọn người hiền trong thiên hạ lập làm thiên tử.

Hai động từ "minh" (biết rằng) và "tuyển" chọn đều không có chủ từ ; vậy không biết được là ai chọn vua : trời hay dân ? Khó có thể là dân được vì thời đó dân "loạn như cầm thú".

Thượng đồng trung rõ ràng hơn, bảo là trời tuyển :

... (Cổ giả thượng đế quỷ thần kiến thiết quốc đô, lập chính trưởng dã [...] tương dĩ vi vạn dân hưng lợi, trừ hại, phú bản, chúng quả, an nguy, trị loạn dã) : Thời xưa, thượng đế, quỷ thần đặt quốc đô, lập vị chính trưởng là để vì vạn dân mà hưng lợi, trừ hại, làm cho nghèo hóa giàu, ít dân hóa nhiều dân, nguy hóa an, loạn hóa trị.

Tóm lại ba thiên *Thượng đồng* thì thiên *thượng* không nói rõ ai lựa vua, thiên *trung* nói rõ là trời lựa, thiên *hạ* nói là dân lựa. Nhưng Tôn Di Nhượng rồi gán đây : Phùng Hữu Lan, Phương Thụ Sở, Tiêu Công Quyền, Đường Kinh Cảo đều cho rằng Mạc chủ trương trời lựa vua, mà thiên *thượng đồng hạ* đã chép sai, dư chữ *hạ*. Còn một vài tác giả khác (như Ngô Tất Tố - sách đã dẫn tr.136) cho là Mạc chủ trương dân lựa vua).

Chúng tôi theo Tôn Di Nhượng vì chủ trương trời lựa hợp với tư tưởng "thiên ý" "thượng đồng ư thiên", tức tư tưởng thần quyền của Mạc hơn. Vả lại thời Xuân Thu và đầu thời Chiến Quốc, dân tộc Trung Hoa chưa thể có quan niệm dân *lựa* vua được ; họ chỉ có thể thừa nhận hay không thừa nhận một ông vua mà thôi. Không thừa nhận thì ta thán, nổi loạn như dưới thời Kiệt, Trụ, U, Lệ ; thừa nhận thì ca tụng như khi Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn cho Vũ...

Do những lẽ đó chúng tôi đã theo Tôn, bỏ chữ *hạ* thứ nhất trong "thiên *hạ* chi dục đồng nhất thiên *hạ* chi nghĩa dã..." mà dịch là : "Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên *hạ*..." : thống nhất lẽ phải là ý của trời chứ không phải của dân, vậy việc lựa người hiền cho làm thiên tử cũng là việc của trời chứ không phải của dân. Lẽ đó hiển nhiên ⁽¹⁾

Mà hiểu như vậy cũng hợp với hai đoạn dưới đây trong thiên *Thượng đồng trung* : "Chỉ có trời là không kể tới giàu nghèo, sang hèn, gần xa, thân sơ, cứ người nào hiền thì để cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi..."

"... Vì vậy mà Trời và quỷ thần hưởng lễ vật của họ [Nghieu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ] cho họ làm thiên tử, làm cha mẹ dân..."

Nhưng Mặc tử không cho ta biết trời lựa vua cách nào.

Đời sau Mạnh tử sửa lại ý của Mặc tử. Mạnh cũng chủ trương rằng ai được làm vua là do ý trời, nhưng trời *không* *nguyên*, chỉ *cho* thôi (thiên *dữ* chi) Trời cho là thế này :

Vua Nghiêu tiến cử một người hiền là ông Thuấn với trời thì trời thuận, rồi tuyên bố với dân (rằng ông Thuấn sẽ kế vị mình) dân cũng chịu. Sở dĩ biết được trời nhận là vì khi ông Thuấn thay vua Nghiêu làm chủ tế thì chư thần đều hưởng lễ vật. Sở dĩ biết được dân cũng chịu là vì khi ông Thuấn thay vua Nghiêu cai quản việc nước được ổn

(1) Trong Đại cương triết học Trung Quốc - quyển hạ, trang 485, chúng tôi đã lầm, cho là dân lựa vua, nay xin đính chính.

trị, trăm họ được yên vui. Như thế là trời và dân đều đem thiên hạ cho ông Thuấn (Thiên dữ chi, nhân dữ chi - *Vạn Chương thượng*, bài 5).

Rồi sau vua Thuấn nhường ngôi cho ông Vũ, thì cũng vậy, được trời và dân nhận. Tới khi vua Vũ già, muốn nhường ngôi cho một bề tôi là ông Ích, nhưng dân không chịu, không ca tụng ông Ích mà ca tụng ông Khải, con vua Vũ, vậy là ông Khải được làm vua, ngôi vua từ đó không truyền cho người khác nữa, mà truyền cho con. Cũng là do ý trời, ý dân nữa. (*Vạn Chương thượng*, bài 6).

Thuyết của Mạnh tiến bộ hơn và cũng dễ chấp nhận hơn thuyết của Mặc.

*

Sau cùng, còn một điểm nữa, cũng nên xét thêm.

Phương Thụ Sở (sách đã dẫn tr.86) bảo "Nếu thiên tử [do trời lựa chọn] không phải là người nhân mà là bạo chúa thì làm sao ? Điểm đó Mặc tử chưa nói tới".

Tiêu Công Quyền (*Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* tr.156 - chú 54) cũng viết : "Trong bộ *Mặc tử* không có thuyết giết bạo quân".

Hai nhà đó lắm chàng ? *Thiên chí thượng*, Mặc đã nói rõ : Kiệt, Trụ, U, Lệ bị trời phạt, không cho "sống hết tuổi thọ, không hết đời họ, đến nay còn bị hủy báng, gọi là bạo vương".

Minh qui hạ, Mặc còn nói rõ thêm rằng trời "sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị Kiệt", "sai Võ vương rất sáng suốt trừng trị Trụ", và khi trời và quỷ thần đã trừng trị thì

dù là "kẻ giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén" cũng không chống nổi trời.

Vậy là Mặc dã nói đến việc giết bạo quân đấy. Nhưng ý đó không có gì mới, cũng vẫn là của Nho giáo. Kinh *Thư*, thiên *Thang cáo* đã chép : "Đạo trời giáng tai ương cho Kiệt để tỏ rõ tội hán (...) ta [tức vua Thang] theo mệnh trời mà tỏ rõ uy của trời, nên không dám tha hán". Rồi thiên *Thái Thệ* cũng chép : "Tội Trụ đã đầy, mệnh trời là giết hán đi, nếu ta không thuận ý trời thì tội cũng như hán".

Ở thời Khổng tử và Mặc tử, chưa ai nghĩ tới việc cho dân làm cách mạng, giết vua. Phải đợi tới khoảng trăm năm sau khi Mặc tử chết, Mạnh tử mới có hùng tâm cho dân cái quyền làm cách mạng một cách gián tiếp. Theo Mạnh, hạng "thiên lại" tức hạng vâng mệnh trời mà trị an có quyền giết vua, đánh một nước vô đạo ; hạng đó phải có đạo đức, được dân tin nhiệm, đã nổi danh là khoan đại, nhân nghĩa ; lại phải theo ý dân, nghĩa là dân có lòng oán bạo chúa, mong mỗi người giải phóng, thì lúc đó thiên lại mới giết vua (Coi N.H.L *Mạnh tử* - Cáo Thơm 1975) tr. 90-92).

Vậy tuy sinh trong giới tiện dân, có nhiệt tâm bênh vực giai cấp của mình, Mặc tử vẫn bị thời đại hạn chế, chưa có được tư tưởng dân quyền bằng Mạnh tử.

CHƯƠNG VIII

LỰA NGƯỜI HIỀN

Dân tộc Trung Hoa có truyền thống trọng người hiền (thương hiền) và còn trọng hơn nữa những người hiền coi quyền cao chức trọng - ngay cả ngôi vua - không bằng chiếc dép cỏ của họ.

Truyền thống đó để lại cho hậu thế nhiều trang sử thú vị. Mười truyền chưa chắc đã được năm chuyện có thực và chuyện nào có thực thì mười phần chưa chắc đã đúng được năm, nhưng người chép đã say mê chép và người nghe cũng say mê nghe. Những truyện vua Nghiêu đem hai người con gái gả cho ông Thuấn rồi sau nhường ngôi cho ông Thuấn ; vua Thành Thang đưa một người đầu bếp lên chức tể tướng (tức Y Doãn) ; vua Văn vương nhà Chu rước một ông lão câu cá (Thái công Vọng) về triều giúp nước ; Lưu Bị tam cố thảo lư của Gia Cát Lượng ; rồi những truyện Hứa Do, nghe

tin vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho mình, phải xuống rửa tai ở sông Dịch ; quá quất hơn nữa, Sào Phủ thấy vậy dắt trâu lên, không cho uống ở dưới dòng nước, sợ bẩn mồm trâu ; Bá Di và Thúc Tề không chịu làm vua Cô Trúc ; Trang tử đuổi sứ giả vua Sở phái tới đón mình về triều làm tể tướng ; gàn dở có một như Vụ Quang, được vua Thang nhường ngôi cho, không nhận thì thôi, lại nhảy xuống sông tự tử mà cũng được đời sau truyền tụng... ; ngoài những truyện đó còn biết bao truyện khác nữa rải rác trong mấy ngàn năm lịch sử Trung Hoa mà chúng tôi chưa gặp trong lịch sử một dân tộc nào khác.

Truyền thống trọng kẻ ẩn sĩ có một thời bị nhóm Pháp gia như Hàn Phi đã kích mạnh. Hàn cho rằng dù bọn ẩn sĩ đào giếng lấy mà uống, trồng lúa lấy mà ăn, không làm hại gì cho quốc gia thì cũng vẫn là vô dụng, tại sao lại trọng họ ? Còn truyền thống trọng người hiền thì ai cũng nhận là đẹp.

Theo truyền thuyết, các vua Trung Hoa từ đời Thương trở về trước hầu hết đều trọng người hiền hơn người thân, giao quyền cho người hiền chứ không cho người thân.

Từ đời Chu trở đi mới có chế độ "thân thân", nghĩa là thân yêu người thân, người ruột thịt, họ hàng, giao quyền hành cho họ, dù họ không có tài, tin họ dù họ không có đức, mà không dùng người ngoài. Do đó mà thành một giai cấp quý tộc nắm hết quyền ở các triều đình, cha truyền con nối. Chỉ họ mới được học, mới biết pháp luật, muốn giải thích pháp luật ra sao tùy ý,

và dĩ nhiên, họ bênh vực lẫn nhau, cho nên mới có tục : "lễ bất há thứ nhân, hình bất thương đại phu" (*Lễ Ki*) nghĩa là giữa họ với nhau có xảy ra chuyện gì thì họ theo pháp điển bất thành văn (lễ) của họ mà dàn xếp, còn đối với dân thường họ mới dùng hình pháp mà chỉ họ được biết thôi. Tóm lại bọn "cha anh" (phụ huynh) nhà vua đó điều khiển việc nước, dân thường không được tự hào.

Đầu đời Chu như vậy, nhưng qua đời Xuân Thu, vì nhà Chu suy vi, một số chư hầu mạnh lên, muốn lấn quyền nhà Chu, và khôn khéo biết dùng hạng bình dân có tài để giúp mình làm cho nước mau phú cường. Trường hợp điển hình là Tể Hoàn Công dùng Quản Trọng - một kẻ hồi trẻ nghèo hèn, phải bán dẫu, lại là kẻ thù cũ của mình - làm tướng quốc, trọng Quản như cha chú, nên gọi là Trọng Phụ ; rồi lại nghe lời Quản, phong Ninh Thích - một người chân bò - làm đại phu, mà các quý tộc ở Tể như họ Cao, họ Quốc không hề bất bình, ganh tị. Nhờ vậy mà Tể mới mạnh lên, làm bá chủ chư hầu.

Cuối đời Xuân Thu, nhiều nước chư hầu bị các nước mạnh thôn tính, và mỗi lần như vậy thì một bọn quý tộc mất địa vị, như tổ tiên Khổng tử. Họ Khổng vốn là một quý tộc ở Tống. Khi Tống suy, họ phải dời qua Lô, được vài đời thì sinh ra Khổng tử. Vì ở trong giai cấp quý tộc nên Khổng tử được học, nhưng vì gia đình suy tàn nên 18 tuổi chưa có chức vụ gì cả, sau mới được coi việc gặt thóc, nuôi bò, những chức thấp nhất thời đó. Sống gần như bình dân, ông có công gây phong trào giáo dục bình dân. Môn sinh của ông đa số là bình

dân, ông đào tạo họ thành những kẻ sĩ, và một số có tài như Tử Công, Tử Du, Tử Lộ, Ngôn Yển... ra làm quan ở Lỗ, Tề, Vệ... Như vậy là ông không những chủ trương rằng giới bình dân có tài phải được lãnh chức vụ trong chính quyền, mà còn gắng sức đào tạo hạng người đó để giúp xã hội nữa.

Trong sách *Trung dung*, chương 20, ông bảo : Việc trị thiên hạ, nước nhà có chín điều căn bản, mà ba điều đầu là : sửa mình, tôn trọng người hiền, yêu người thân (cha mẹ, bà con)... ; sửa mình thì thành đạo, tôn trọng người hiền thì khỏi lầm lạc, yêu người thân thì cha chú, anh em không dám oán...

(Phạm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, viết : tu thân đã, tôn hiền đã, thân thân đã... Tu thân tác đạo lập, tôn hiền tác bất hoặc, thân thân tác chủ phụ, côn đệ bất oán...)

Đặt "tôn hiền" lên hàng nhì, trước "thân thân" là ông đã có ý sửa đổi chế độ quý tộc của nhà Chu, chứ không còn hoàn toàn "tòng Chu" nữa. Chỉ sửa đổi một chút thôi, vì thời ông bọn "cha anh" quyền còn lớn quá, ông chưa dám gạt họ ra. Mấy chữ "thân thân tác chủ phụ, côn đệ bất oán" thật hàm súc : vua còn sợ bọn "cha anh" đó oán mà sẽ không làm được việc gì, có khi mất mạng nữa, huống hồ là ông ! Có thể còn một lí do nữa khiến ông vẫn phải "thân thân" : Ông ở trong giai cấp quý tộc, mặc dầu là hạng quý tộc nhỏ, đã suy, nên vẫn tôn trọng ít nhiều quyền lợi của giai cấp ấy.

*

* *

Mặc tử khác hẳn, ở trong giai cấp tiện dân, thâm oán hạng quý tộc, lại thấy rõ cái hại chuyên quyền của bọn quý tộc như ba họ Quý, Thúc, Mạnh ở Lỗ thời Xuân Thu, giàu mạnh hơn cả nhà vua ; thấy họ sống cực kỳ xa xỉ, bóc lột bần dân để đào ao hồ, xây dinh tạ, nuôi những đoàn ca nhạc, những bầy mỹ nữ và những tàu ngựa (*Quý nghĩa* 14), mỗi lần tổng táng thì như dọn cả một lâu đài tới huyết, chôn theo biết bao bảo vật (*Tiết táng*)..., nên mạnh dạn dả kích chính sách "thân thân" và lối dùng người thiếu khả năng của bọn vua chúa thời ông.

Thiên Thượng hiển trung, ông bảo :

"Nay bậc vương công đại nhân, có một bộ áo không may cắt lấy được, phải nhờ một người thợ may giỏi ; có con bò, con dê không mổ lấy được, phải nhờ người đồ tể giỏi ; để làm hai việc đó, họ đều theo chính sách trọng người hiền. Đến cái việc nước nhà loạn lạc, xã tắc lâm nguy thì lại không biết theo chính sách trọng người hiền dùng người giỏi để sửa trị, mà dùng kẻ thân thích, cố cựu, cùng kẻ giấu sang ⁽¹⁾ [tức hạng quý tộc], mặt mũi tốt đẹp ⁽²⁾. Bọn thân thích, cố cựu, giấu sang, mặt mũi tốt đẹp được dùng đó, nhất định là có trí tuệ cả không ? Cho họ trị nước, tức là sai bọn ngu dốt trị

(1) Nguyên văn là có sách dịch liễu là vô cố mà giấu sang tức bọn quyền thần bất tài như Tử Chi, Tử Đồ, Dương Hổ. Đường Kính Cảo chú giải là vô cố = quen thuộc cố cựu.

(2) Như chàng Di Tử Hà, dung nhan đẹp đẽ, được Vệ Linh Công yêu hơn cả hoàng hậu và các phi tần.

nước, như vậy nước sẽ loạn là điều có thể biết chắc được rồi.

Bọn vương công đại nhân vì yêu dung nhan một người nào đó mà dùng, yêu mà không xét khả năng họ ra sao. Họ không cai trị nổi một trăm người mà cho làm một chức quan cai trị một ngàn người, không cai trị nổi một ngàn mà cho một chức quan cai trị một vạn người, như vậy là quan chức lớn gấp mười khả năng. Phép trị dân, ngày nào cũng phải thi hành, không thể ngưng được, mà khả năng cai trị của kẻ đó không thể trong một ngày tăng lên gấp mười được [...] thì tất họ chỉ trị được một phần mà bỏ chín phần kia ; tuy suốt ngày đêm họ thi hành chức vụ, kết quả cũng như không thi hành. Nguyên do tại đâu ? Tại các vương công đại nhân không hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi.

(Kim vương công đại nhân hữu nhất y thường bất năng chế dã, tất tạ lương công ; hữu nhất ngư dương bất năng sát dã, tất tạ lương tể. Cố dương nhược chi nhị vật giả, vương công đại nhân giai trị dĩ thượng hiền sử năng vi chinh dã. Đãi chi kì quốc gia chi loạn, xã tắc chi nguy, tác bất tri thượng hiền sử năng dĩ trị chi, thân thích tác sử chi, vô cố, phú quý, diện mục giáo (cảo) hảo tác sử chi. Phù thân thích, vô cố, phú quý, diện mục giáo (cảo) hảo tác sử chi, khởi tất trí thả hữu tuệ tại ? Nhược sử chi trị quốc gia, tác thử sử bất tri tuệ giả trị quốc gia dã, quốc gia chi loạn. Kí thả đắc nhị tri dĩ. Thả phù vương công đại nhân hữu sở ái kì

sắc nhi sử, kì tâm bất sát kì tri nhi dư kì ái, thị cô bất nang trị bách nhân giả, sử xử hồ thiên nhân chi quan bất nang trị thiên nhân giả, sử xử hồ vạn nhân chi quan [...], tác thử quan thập hội dã. Phủ tri chi pháp tương nhật chi giả dã, nhật dĩ trị chi, nhật bất thập tu ; tri dĩ trị chi, tri bất thập ích [...] tác thử tri nhất nhi khi kì cứu hĩ. Tuy nhật dạ tương tiếp dĩ trị nhược quan, quan do nhược bất trị. Thử kì cố hà dã ? Tác vương công đại nhân bất minh hồ dĩ thượng hiền sử nang vi chính dã).

Cái hại không phải chỉ là việc nước mười phần chỉ làm được một, tất phải bê trễ, hư hỏng ; mà còn khiến cho dân chúng chán nản, hóa biếng nhác vì nhà cầm quyền thường không nhằm vào người hiền, phạt không nhằm vào kẻ bạo, vì :

"Bậc sĩ quân tử trong thiên hạ, ai cũng muốn giấu sang mà ghét nghèo hèn, nhưng làm thế nào mà được giấu sang và tránh nghèo hèn đây ? Đáp : Không gì bằng làm kẻ cốt nhục của các vương công đại nhân [...] Nếu không phân biệt đức hạnh thì dù [hiền như] vua Thang, vua Vũ, vua Văn, vua Võ cũng không được lợi gì [không được thưởng], mà kẻ cốt nhục của các vương công đại nhân dù [...] tàn bạo như Kiệt, Trụ cũng không bị hại gì [không bị phạt]. Cho nên thường không nhằm vào người hiền, phạt không nhằm vào kẻ tàn bạo, người được thưởng đã không có cố, kẻ bị phạt cũng không có tội, như vậy khiến cho trăm họ đều nản lòng, biếng

nhắc, chán làm điều thiện, xuôi tay xuôi chân, không giúp đỡ nhau, bỏ thói nát của thừa thãi mà không chia cho nhau, giấu giếm điều hay mà không dạy bảo lẫn nhau. Hậu quả là kẻ đói không được ăn, kẻ rét không được mặc, xã hội loạn mà không trị được". (*Thượng hiền hạ*).

*

* *

Chúng ta nhận thấy Mạc gia đã trước hết bọn thân thích [cha anh, họ hàng] của nhà vua, rồi tới bọn cố cựu [người quen lâu] bọn bất tài được vua yêu dấu tức chính những bọn mà Hàn Phi sau này đã trong các thiên *Bát Kinh* và *Bát gian*.

Mạc về điểm đó đã tiến bộ hơn Khổng tử, hơn cả Mạnh tử nữa – Vì Mạnh tuy trọng đức hơn tước nhưng vẫn còn cho tước là đáng trọng. Thiên *Công Tôn Sửu hạ*, bài 2, Mạnh tử bảo :

"Thiên hạ đều tôn trọng ba cái này : tước vị, tuổi tác và đạo đức. Tại triều đình tước vị được quý nhất, ở làng xóm, tuổi tác được trọng nhất, còn về việc giúp đời dạy dân thì đạo đức được trọng nhất" (Thiên hạ hữu đạt tôn tam : tước nhất, xỉ nhất, đức nhất. Triều đình mạc như tước ; hương đảng mạc như xỉ ; phụ thế, trưởng dân mạc như đức).

Cơ hồ ông vẫn nhận rằng quyền điều khiển việc nước phải để cho bọn quý tộc ở triều đình ; người hiền

không nên tranh địa vị đó của họ mà nên giữ một nhiệm vụ cao quý hơn : làm thấy hoặc cố vấn của vua, và giáo hóa dân chúng.

Quan niệm của Mặc tử khác : người hiền phải được trị nước, bọn quý tộc mà ngu thì phải lui về ; và trọng người hiền là việc căn bản của chính trị. (Thượng hiền vi chính chi bản : 尚賢爲政之本

- *Thượng hiền, trung*) vì "người sang và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị ; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn" - (tự quý thả trí giả, vị chính hồ ngu thả tiện giả tác trị ; tự ngu thả tiện giả, vị chính hồ quý thả trí giả tác loạn - như trên) Chữ "quý" (sang) trong câu đó không trở bọn quý tộc mà trở hạng người do tài năng được đề cử lên một chức cao, coi đoạn dưới, độc giả sẽ rõ.

*

* *

Cách xét người hiền của Khổng, Mạnh tuy cực kì thận trọng nhưng không thực tiễn bằng cách của Mặc.

Khổng tử bảo : "Dân chúng đều ưa người nào thì ta phải xét, chớ vội cho người đó là hiền" (dân chúng hiếu chi tất sát yên). Theo ông một người nào trong làng ai cũng ưa, chưa nhất định là tốt chỉ người nào được những người thiện trong làng đều ưa, bị những người bất thiện đều ghét thì mới thực là hiền.

Mạnh tử cẩn thận hơn nữa :

"Làm vua một nước mà muốn đạt người hiền ở dưới thấp lên cao thì phải cẩn thận lắm, như bị quốc dân bắt buộc vậy. Muốn dùng một người nào mà hỏi tả hữu bên mình, ai cũng bảo người đó hiền, như vậy chưa được, hỏi các đại phu, các đại phu đều bảo người đó hiền, như vậy vẫn chưa được ; khi hết thầy quốc dân đều bảo người đó hiền, lúc đó mới xét, xét xong mà thấy người đó quả là hiền thì mới dùng".

Mạnh li tương quá, không thực tế, Mặc tử chỉ khuyên :

Khi lựa người thì "không vị tình thân thích, nể nang kẻ giàu sang, nuông chiều kẻ có dung nhan đẹp" (bất đảng phụ huynh, bất thiên phú quý, bất bế nhan sắc), lựa rồi mới nghe lời người đó hàn, xem thành tích hành vi người đó để xét khả năng mà thận trọng giao cho chức quan. [...], thấy người đó trị nước được [như tể tướng] thì cho trị nước, làm trưởng quan [đứng đầu một nha] được thì cho làm trưởng quan, trị một ấp được thì cho làm trưởng ấp". (nhĩn hậu thỉnh kì ngôn, tích kì hành, sát kì sở năng nhi thận dũ quan [...], khả sử trị quốc giả, sử trị quốc ; khả sử trưởng quan giả, sử trưởng quan ; khả sử trị ấp giả sử trị ấp)

(*Thuận hiền, trung*)

Xét lời nói, xét ý chí cũng chưa đủ, phải xét hành động, công việc nữa : Mặc tử luôn luôn chủ trương : "nang ngôn" thì phải "nang hành". Cho nên Thiên Lỗ Vấn, bài 10, khi vua Lỗ hỏi ông : có hai người con, một người hiếu học, một người thích chia xẻ của cải

cho người khác, thì nên lựa người nào làm thái tử, ông đáp :

— Chưa biết được. Có thể hai người đó vì mong được thưởng hoặc được tiếng khen mà làm ra như vậy. Người đi câu dùng mồi không phải để tặng cá, người dùng thuốc chuột không phải là yêu chuột. Phải xét cả ý chí cùng công việc rồi mới biết được.

Sau này Hàn Phi theo đúng lời khuyên của Mặc, trong các thiên *Dương giác*, *Bát Kinh*, *Hiển học*, chỉ rõ cách "thánh ngôn" (phương pháp nghe) "tham nghiệm", (phương pháp khảo sát) ra sao rồi mới giao chức cho một người mình muốn dùng ⁽¹⁾

*

* *

Sở dĩ cách xét người hiền của Mặc khác của Nho là vì quan niệm về người hiền hai phái khác nhau.

Nho chú trọng đến đạo đức trước hết : người hiền phải là người đức độ rất cao, đáng làm thầy cho cả nước, từ vua trở xuống, làm gương cho muôn thuở, như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ hay Chu Công ; vì vậy mà có công rất lớn với dân như Quản Trọng, giúp Tề Hoàn Công làm bá chủ hầu, bình định được thiên hạ, dẹp rợ Hồ phương Bắc, cứu nền văn minh Trung Quốc, Khổng tử khen là người nhân chứ không gọi là hiền (*Luận ngữ* - *Hiếu vấn* - 17, 18) ; Mạnh

(1) Cõi bộ *Hàn Phi tử* của chúng tôi.

tử hẹp hòi hơn, chê tài đức chưa đáng gọi là cao, chỉ giúp Hoàn Công lập được nghiệp bá chủ không thống nhất được thiên hạ, sự nghiệp đó Mạnh không thêm làm (*Công Tôn Sửu, hạ - 2*).

Mặc chú trọng nhất đến tài năng, hễ mẫn cán làm nổi được chức vụ, dù là một chức vụ trưởng quan hay trưởng ấp, cũng gọi được là người hiền.

Đây là những mẫu người hiền của ông :

"Người hiền trị nước, sáng sớm vô triều, chiều muộn mới về, xử án, coi việc hành chính ; nhờ vậy mà nước trị, hình pháp thì hành đúng. Người hiền làm trưởng quan thì đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, thu góp thuế quan, thuế chợ, và những nguồn lợi núi rừng, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy ; nhờ vậy mà kho lẫm đầy, tài nguyên không mất mát. Người hiền trị ấp thì sáng đi tối về, cấy cấy, trồng cây, thu lúa đậu ; nhờ vậy mà lúa được nhiều, dân đủ ăn. Cho nên nước mà trị thì hình pháp thì hành đúng, kho lẫm đầy mà van dân giàu có. Bể trên [vua] có lúa gạo tinh khiết để cất rượu, nấu xôi mà tế trời và quỷ thần ; ngoài có da, lụa để giao tiếp với chư hầu bốn bên ; trong nuôi được vạn dân, dân được ăn khi đói, nghỉ ngơi khi mệt, mà hoà, vọng người hiền trong thiên hạ" - *Thượng hiền, trung*.

Nhiệm vụ của người hiền chỉ có vậy : siêng năng, làm hết chức vụ ; không phải làm gương cho dân, giáo hóa dân. Như vậy đủ cho dân hoà vọng rồi.

Dĩ nhiên, một người như Mặc tử tư cách và đạo đức rất cao, lẽ nào lại coi thường đạo đức. *Thượng hiền*

thuận, ông bảo : "Kẻ sĩ hiền lương phải bồi dưỡng đức hạnh, luyện khoa an nói, học đạo thuật cho rộng". Ông cũng khuyên người ta phải tu thân. Trong *Qui nghĩa*, bài 11, ông bảo : "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa mà có ai giúp họ sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại tiếp tay thì giận, há chẳng ngược đạo ư ?

Rồi trong *Công Mạnh*, bài 24, ông mắng Cáo tử : "Anh không trị nổi cái thân anh, làm sao trị được nước ? Anh tạm dừng nói đến việc trị nước nữa, thân anh loạn rồi".

Ông khen một môn sinh, Cao Thạch tử là biết hổ lộ mà theo nghĩa - (*Canh Trụ*, 13) ; mắng một môn sinh khác ham bổng lộc - (*Qui nghĩa*, 15).

Ông khuyên bề tôi phải biết can gián vua (*Công Mạnh*, 1). Trung thần không phải là hạng bề tôi vua "bảo cúi thì cúi, bảo ngửa thì ngửa, không khác gì cái bóng ; không gọi thì im lặng, gọi thì thưa, không khác gì tiếng vang", mà phải biết trình bày mưu hay với vua, sửa chỗ bậy của vua, dâng vua điều thiện. (*Lỗ vấn* 9).

Nhưng có lẽ ông cho những đức đó, tất nhiên bề tôi nào cũng phải có ; nên ông chỉ nhấn mạnh vào khả năng giúp nước, giúp dân, vì có làm lợi được cho nước, cho dân thì mới là thi hành được đạo kiêm ái.

*

* *

Khi đã lựa được người hiền rồi, muốn dùng họ thì phải theo ba qui tắc căn bản dưới đây :

"Tước vị không cao thì dân không kính ; - bổng lộc không hậu thì dân không tin ; chính lệnh không quyết đoán thì dân không sợ [...] Phong cho tước cao, ban cho lộc hậu, giao cho công việc, được quyết đoán ra lệnh, dân phải là vì bề tôi mà vì muốn cho được việc [...] Người hiền được mình quân đem mà thờ thì hết sức mình ra làm việc cho vua, suốt đời không mỏi".

(Tước vị bất cao tác dân bất kính dã, súc lộc bất hậu tác dân bất tín dã, chính lệnh bất đoán tác dân bất úy dã [...] Cao dữ chi tước, trọng dữ chi lộc, nhiệm chi dĩ sự, đoán dữ chi lệnh, phủ khởi vị kì thần tứ tại ? Dục kì sự chi thành dã [...] Hiền nhân duy vô đắc mình quân nhi sự chi, kiệt tứ chi chi lực, dĩ nhiệm quân chi sự, chung thân bất quyện. - *Thuận hiền. trung*).

Phải theo đủ ba qui tắc đó, nếu chỉ cho tước cao mà bổng lộc không xứng đáng tước, hoặc nếu vua không cho người hiền quyết đoán mà ôm hết việc nước trong tay mình thì là không thực tâm, người hiền sẽ không chịu giúp, mà chỉ những kẻ xấu là bu tới chung quanh vua, việc nước sẽ hỏng, xã tắc sẽ nghiêng đổ như ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lê ⁽¹⁾. Không những vậy, dân cũng sẽ không hiếu kính cha mẹ, tôn trọng hàng

(1) Lê vương, U vương là hai hôn quân cuối đời Tây Chu, cho nên coi như một đời (đời Chu).

xóm, dân loạn vì thấy kẻ hiền không được thưởng, kẻ ác không bị phạt.

Mặc tử lại dẫn sách cổ (*Thang thệ*) và hành vi của vua Nghiêu, vua Thang... để chứng thực rằng đó là chính sách của các thánh vương đời xưa, và là phép của trời : "Chỉ có trời là không kể tới giàu sang, nghèo hèn, thân sơ, cứ người nào hiền thì đề cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi".

(Duy thiên diệc bất hiện bản phú quý tiện, viễn nhi thân sơ, hiền giả cử nhi thượng chi, bất tiểu giả ức nhi phế chi – *Như trên*)

Thượng hiền, thượng. Mặc còn nói rõ hơn nữa :

"Thánh vương đời xưa trị nước, bảo : "Không theo điều nghĩa thì không được giàu, không theo điều nghĩa thì không được sang, không theo điều nghĩa thì không là người thân [của vua], không theo điều nghĩa thì không được gần [vua]".

(Bất nghĩa bất phú, bất nghĩa bất quý, bất nghĩa bất thân, bất nghĩa bất cận) Như vậy những kẻ trước kia trông cậy vào tình thân cận với nhà vua để được tước cao, bổng hậu, nay phải nghĩ lại mà làm theo điều nghĩa hết, tại triều đình như vậy mà ở khắp trong nước, từ quan tới dân đều như vậy : dù là nông dân, thợ thuyền, con buôn, hễ có tài năng là được đề cử, ban cho tước cao, lộc hậu, giao cho chức vụ, ai có công thì được thưởng, ai không có công thì bị hạ xuống. Cho nên

người làm quan không nhất định được sang hoàì, mà kẻ thường dân cũng không nhất định bị hèn cho tới suốt đời :

(Quan vô thường quý, nhi dân vô chung tiện, hữu nang tác cử chi, vô nang tác hạ chi)

Chủ trương đó thật cách mạng và can đảm. Trước Mạc tử có thể có người đã nghĩ tới nhưng không ai nói ra. Ông đánh thẳng vào giai cấp quý tộc, tranh đấu cho giai cấp bình dân được bình đẳng với quý tộc trong việc điều khiển việc nước. Khổng tử mới chỉ mở tư thực đào tạo một số bình dân, chuẩn bị cho họ lãnh nhiệm vụ trong chính quyền, mới chỉ có ý sửa lại chế độ thế tập ; Mạc mới đòi lật đổ chế độ đó, đáng được coi là một ông tổ tinh thần của Pháp gia. Ngô Khởi sau này làm tướng quốc nước Sở khuyên vua Sở Điệu vương ra lệnh cứ sau ba đời thì thu hết tước lộc của con cháu các vị hầu được phong đất, như vậy mới chỉ là thi hành được một phần chủ trương của ông. Phải tới Thương Ưởng mới thuyết phục được Tần Hiến công ra lệnh : phải có chiến công mới được phong chức, quý tộc mà không có chiến công thì cũng bị hạ xuống làm thường dân. Cuối đời Chiến Quốc, Tuân tử cũng không nói gì hơn Mạc tử. Câu : "Dù là con cháu vương công đại phu mà không thuộc lễ nghĩa thì cũng cho xuống làm thường dân ; dù là con cháu thường dân thuộc lễ nghĩa thì cũng cho làm tướng sĩ đại phu" của Tuân chỉ là diễn lại tôn chỉ "quan vô thường quý, dân vô chung tiện" của Mạc.

Bọn quý tộc oán chính sách đó lắm, chặt chân tay Ngô Khởi ngay khi Điều vương chết và xé thầy Thương Ưởng khi Huệ vương lên nối ngôi Hiếu công ; khiến Hàn Phi phải than thở cho hai pháp gia đó trong thiên *Hòa thị*.

Tuân tử chỉ nói suông, không cầm quyền nên được yên thân. Còn Mạc tử, nếu nhận lời làm quân sư hay tướng quốc cho vua Việt (*Lỗ vấn*, 14) mà đưa chính sách "*quan vô thường quý*" đó ra thì chắc cũng toi mạng rồi. Các quý tộc Trung Hoa thời Chiến Quốc có tinh thần trọng tự do ngôn luận, cho các "tiên sinh", tức các học giả, triết gia, tha hồ "bàn ngang luận càn", nhờ vậy mà triết học trong mấy trăm năm đó mới nở rộ như hoa mùa xuân, nhưng động đến quyền lợi của họ thì phải coi chừng !

*

* *

Tuy muốn xóa bỏ giai cấp trong chính quyền, Mạc tử vẫn trong sự tôn ti của nhà Nho trong xã hội, nên đầu thiên *Thượng hiền*, trung mới bảo : "Người sang mà sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị ; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn". Ý nghĩa câu đó không khác ý nghĩa trong câu này của Mạnh tử : "Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị ư nhân. Trị ư nhân giả tự nhân, Trị thân giả tự ư nhân".

Người làm việc bằng tâm trí thì cai trị dân chúng, kẻ làm việc bằng tay chân thì bị cai trị. Kẻ bị cai trị

(tức dân chúng) có phân sự phụng dưỡng người bề trên, người cai trị được dân chúng phụng dưỡng. (*Đẳng vàn Công thượng*, 4).

Nghĩa là vẫn có sự phân công, chứ không như Hứa Hành, đòi vua cũng phải cày ruộng lấy mả an như dân. Chưa thể hình dáng tới mức đó được. Mặc tổ chức xã hội cũng như Khổng, trên có thiên tử chư hầu rồi tới khanh, đại phu, sĩ, dân thường ; trên ra lệnh, dưới phải triệt để thi hành, thì làm gì có chuyện vua tôi cùng vác cây, dắt trâu ra đồng được.

Về điểm đó, Mạc "bội Chu chứ không bội Nho", cho nên không hề dă chỉnh sách dùng người hiền của Nho. Ông chỉ sửa đổi đạo Nho thôi, "bình dân hóa nó" - lời của Tiêu công Quyền - mở đường cho pháp gia sau này trong cách lựa người và dùng người, và đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị của Trung Hoa.

CHƯƠNG IX

MẠT SÁT THÓI XA XỈ

Cuối thời Xuân Thu, bình dân Trung Hoa bị hai cái họa lớn nhất : vì chiến tranh mà chết chóc, không làm an gì được, đói rét, vợ chồng cha con xa nhau ; vì thói xa xỉ của bọn quý tộc mà sưu cao thuế nặng, bỏ công việc cấy cấy, canh cửi để làm râu, cung cấp vật lạ, xây cất cung thất cho nhà cầm quyền.

Sách *Tả truyện* đã chép nhiều vụ xa xỉ đó, như vua nước Tấn xây li cung ở Đồng Đê (?), vua nước Sở cất đài Chương Hoa, Trịnh Bá đào hầm, xây cung thất ở dưới đất để đêm đêm uống rượu, Chu Cảnh vương đúc chuông Vô Xạ, Vệ Ý công nuôi một bầy chim hạc, ban cho tước đại phu, cho "ngôi" cùng xe với mình. Luận ngữ chép, truyện vua Tề tặng vua Ai công nước Lỗ một bầy nữ nhạc khiến Ai công mê thanh sắc mà bỏ việc nước, Khổng tử buồn mà phải bỏ đi. Rất có thể cảnh bị thảm Mạnh tử tả trong *Luang*

Huệ vương, thượng : "bếp [của vua] có thịt béo, chuồng ngựa có ngựa mập, mà dân có sắc đói, đồng ruộng có người chết đói" ⁽¹⁾ đã xảy ra từ thời Mạc tử rồi ; mà lời trong thiên *Từ quá* : "Vua chúa ngày nay tàn bạo cướp đoạt cái an của dân" ⁽²⁾ là lời của Mạc tử. Lời than thở của dân chúng trong thời Chiến Quốc tất ai oán hơn thời Xuân Thu và dẫu đời Chu nhiều, mà văn học Trung Hoa không lưu lại được chút gì cả. Không có người thu thập hay tại lửa Tần đã đốt hết.

Khi bọn vua chúa sống, dân chúng phải chịu đói rét để thỏa mãn thói xa xỉ, dâm dật của họ ; mà khi chết rồi, họ còn làm cho dân chúng điêu đứng không kém vì phải đắp đường tơi huyết của họ, đắp nấm "ao ngang gò núi" cho họ, tốn hao sức lực, tiền của không biết bao nhiêu mà kể.

Để trừ cái họa thứ nhất - chiến tranh - Mạc tử đưa ra thuyết "phì công" ; để trừ cái họa thứ hai này - thói xa xỉ - mà ông cho là lỗi tại nhà Nho (*Công Mạnh*, 15, đã dẫn ở một chương trên), Ông hô hào phải tiết kiệm trong việc tiêu dùng (thiên *Tiết dụng*) trong việc ma chay (thiên *tiết táng*) và bỏ cả ca nhạc đi nữa (Thiên *Phi nhạc*).

*

* *

A. HỀ ĐỦ DÙNG THÌ THÔI

(1) Bào hữu phì nhục, cứu hữu phì mã, dân hữu cơ sắc, dã hữu nga biếu.

(2) Đương kim chi chủ... bạo đoạt dân y thực chi tại.

(Tiết dụng)

Nhan đề là *tiết dụng*, nhưng nội dung là chống sự xa xỉ vô ích (chứ không khuyên tiêu dùng ít đi) mà sự xa xỉ ở đây là của bọn quý tộc, dĩ nhiên, vì dân cần đủ ăn đủ mặc còn không được, lấy đâu mà xa xỉ.

Khi Khổng tử tới nước Vệ, khen dân nước đó đông đúc, một môn đệ là Nhiễm Hữu đánh xe cho ông, hỏi : "Dân đã đông rồi, nhà cầm quyền phải làm gì nữa ?", ông đáp : "phải làm cho họ giấu có". (Tử thích Vệ, Nhiễm Hữu học. Tử viết : "Thứ hĩ tai ! Nhiễm Hữu viết : "Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên ? Viết "phú chi". Tử Lộ. Bài 9).

Làm cho dân giấu và đông (phú, thứ) là hai mục đích mà tất cả các nhà cầm quyền đông, tây thời xưa đều nhắm. Mãi tới đầu thế kỉ của chúng ta, nhất là từ sau thế chiến thứ nhì, người ta mới thấy sự bộc phát của dân số làm chậm lại sự phát triển của kinh tế (nghĩa là "thứ" làm hại cho "phú") nên bỏ mục đích thứ hai đi.

Khoảng hai chục năm nay, sau Nhật Bản và Ấn Độ, Trung Hoa đã hạn chế sự sinh sản, nhưng vẫn chưa quyết liệt ⁽¹⁾ Thời Tiên Tần, ông vua nào của Trung Hoa cũng mong cho nước mạnh - mà dân có đông, có giấu thì nước mới mạnh được - Cho nên ngay cả Hàn Phi, chính trị gia đầu tiên nhận thấy dân số tang theo

(1) Năm 1983 có tin họ đã quyết liệt rồi : mỗi cặp vợ chồng chỉ được 1 con thôi (?)

cấp số nhân, mà cũng không khuyên giảm dân số mà chỉ khuyên tang gia sản xuất thực phẩm thôi. (Coi *Hàn Phi Tử* của chúng tôi).

Mạc tử cũng chấp nhận qui tắc "phú thứ" đó của Khổng, nhưng ông cho rằng muốn cho "phú" thì trước hết phải bỏ thói xa xỉ, lãng phí đã.

Đầu tiên *Tiết tảo hạ* ông bảo :

"Người có đức nhân mưu tính cho thiên hạ không phải khác gì người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ. Người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ ra sao ? Đáp : Cha mẹ nghèo thì làm cho cha mẹ giàu lên ; nhân dân ít thì làm cho nhân dân nhiều lên [...] Người nhân mưu tính cho thiên hạ thì cũng vậy. Nghĩa là : thiên hạ nghèo thì làm cho thiên hạ giàu lên, nhân dân ít thì làm cho nhiều lên..." (Nhân giả chi vị thiên hạ đặc dã, tĩ chi vô dĩ dĩ hồ hiếu tử chi vị thân đặc dã. Kim hiếu tử chi vị thân đặc dã, tương nại hà tai ? Viết : Thân bản tác tông sự hồ phú chi, nhân dân quả, tác tông sự sự hồ chúng chi [...] Tuy nhân giả chi vị thiên hạ đặc diệc do thứ dã. Viết : Thiên hạ bản tác tông sự hồ phú chi ; nhân dân quả, tác tông sự sự hồ chúng chi...

Con mưu tính cho cha mẹ mà Mạc bảo : "nhân dân ít thì làm sao cho nhân dân nhiều lên", nghe không xuôi chút nào cả : *nhân dân* của cha mẹ là ai ? Bỏ qua sự vụng về đó đi, chúng ta chỉ cần nhớ rằng Mạc tử cũng chủ trương : "phú chi, chúng chi" - mà "chúng" của Mạc tức là "thứ" của Khổng. Thêm điều này cũng đáng để ý nữa : Khổng cho nhà cầm quyền là cha mẹ của

dân ; Mạc có lẽ là người đầu tiên dám bảo : nhà cầm quyền phải lo cho dân như con lo cho cha mẹ ; nghĩa là ngược lại, dân là cha mẹ của nhà cầm quyền.

*

* *

Chúng tôi hãy khoan xét vấn đề "chúng chi", hãy xét vấn đề "phủ chi" đã. Đầu tiên *Tiết dụng, thượng*, Mạc tử khuyên cứ bỏ những cái vô dụng, phí tổn vô ích đi, là đủ cho cái lợi của dân tang lên gấp hai rồi :

"Thánh nhân cai trị một nước thì cái lợi của nước đó có thể tang lên gấp hai, rộng ra, nếu cai trị cả thiên hạ thì cái lợi của thiên hạ có thể tang lên gấp hai. Tang lên gấp hai không phải là vì đi chiếm đất ở ngoài mà vì bỏ những cái vô dụng, phí tổn vô ích đi, như vậy đủ để tang lên gấp hai rồi. Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân dùng của cải, thì xét xem việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân, lại lợi được nhiều".

(Thánh nhân vì chính nhất quốc, nhất quốc khả bội dã ; đại chi vì chính thiên hạ, thiên hạ khả bội dã. Kỳ bội chi, phí ngoại thủ địa dã ; nhân kỳ quốc gia, khứ kỳ vô dụng chi phí, túc dĩ bội chi. Thánh vương vì chính kỳ phát lệnh hưng sự, sử dân dụng tài dã, vô bất gia dụng nhi vi giả, thị cố dụng tài bất phí, dân đắc bất lao, kỳ hưng lợi đa hĩ).

Nguyên tắc là cái gì không có lợi cho dân thì bỏ đi, mà theo phép "tiết dụng" của thánh vương đời xưa. Phép ấy như sau :

"Những thợ làm mọi nghề trong thiên hạ : nghề đóng xe, làm đồ da, đồ gốm, đồ rèn, đồ mộc, đều tùy tài năng của mình ; hảo "hể cung cấp đủ đồ dùng trong thiên hạ rồi thì thôi, cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm".

Phép ăn uống cũng vậy :

"Đủ để no bụng, nổi hơi, mạnh chân tay, sáng tai mắt thì thôi, không rán điều hòa đến cùng cực ngũ vị và mùi thơm, không tìm kiếm những của ngon vật lạ ở xa.

Mặc dẫn chứng vua Nghiêu làm chủ cả thiên hạ, "Từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn", mà trong một bữa không dùng hai thứ lúa, không dùng hai món canh và xào, ăn cơm trong bát đàn, húp canh trong tô đàn, uống rượu trong dẫu, vì cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Phép mặc thì "Mùa đông bận áo lụa xanh, lụa điều, nhẹ mà ấm ; mùa hè bận áo vải nhỏ, vải to nhẹ cho mát, thế thôi. Cái gì không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Để chống các loài chim dữ thú dữ hiếp người hại dân, cần có khí giới, nhưng đủ tiện lợi thì thôi. Chẳng hạn :

"Cây kiếm, đâm thì thủng, chém thì đứt, đánh một bên thì không gãy, đó là cái lợi của cây kiếm ; dùng da con tê làm áo giáp thì nhẹ và tiện lợi, cử động, co duỗi dễ dàng như ý mình muốn, đó là cái lợi của áo giáp."

Xe thuyền cũng vậy, không nên trang sức :

"Dùng xe để chở nặng đi xa, ngồi được yên, kéo đi cũng tiện ; yên thì không hại cho thân thể, tiện thì mau tới, đó là cái lợi của xe.

"Các thánh vương đời xưa thấy không qua được sông lớn và khe rộng, cho nên chế tạo thuyền và mái chèo cho tiện, đủ để chở người thì thôi, dù chở các vị tước cao chức trọng như tam công, chư hầu thì cũng không thay đổi thuyền và chèo, người đua dò cũng không trang sức, đó là cái lợi của thuyền"

Sau cùng về phép xây cất nhà cửa :

"[Tuòng] bốn bên có thể ngừa gió và lạnh, [nóc] ở trên có thể ngừa tuyết sương, mưa móc ; ở trong, sáng và sạch có thể làm chỗ thờ cúng được, vách đủ để ngăn các phòng đàn ông, đàn bà, thế thôi. Cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm."

(Phàm thiên hạ quần bách công, luân, xa, quĩ, bào, đao, dĩa, tử, tượng, sử các tông sự kì sở năng. Viết : Phàm túc dĩ phụng cấp dân dụng tác chi ; chư gia phi bất gia lợi giả, thánh vương phát vi)...

(Ấm thực chi pháp, viết : Túc dĩ sung hư, kế khí, cường cổ quang, nhĩ mục thông minh tác chi ; bất cực ngũ vị chi diệu, nhân hương chi hòa, bất trí viễn quốc trần quá dĩ vật.)

(Y phục chi pháp. Viết : Đông phục cảm tỵ chi y, khinh thả noãn ; hạ phục hi khích chi y, khinh thả sảng tác chi. Chư gia phi, bất gia ư dân lợi giả, thánh vương phát vi).

(Đái kiếm vi thích tác nhập, kích tác đoạn, bàng kính chi bất chiết, thủ kiếm chi lợi dã. Giáp vi y, tác khinh thả lợi, động tác biến thả tòng, thủ giáp chi lợi dã)

(Xa vi phục trọng trí viễn, thừa chi tác an, dẫn chi tác lợi ; an dĩ bất thương nhân, lợi dĩ tốc chí, thủ xa chi lợi dã).

(Cổ giả thánh vương vi đại xuyên quảng cốc chi bất khả tế, ư thị lợi vi chu tiếp, túc dĩ tương chi. tác chi. Tuy thương giả tam công chư hầu chi, chu tiếp bất dịch, tân nhân bất sức, thủ chu chi lợi dã).

(Cung thất chi pháp. Viết : Kì bàng khả dĩ ngữ phong hàn, thượng khả dĩ ngữ tuyết sương vũ lộ, kì trung quyền khiết khả dĩ tế tứ, cung tường túc dĩ vi nam nữ chi biệt, tác chi. Chư gia phi bất gia dân lợi giả, thánh vương phát vi (Tiết dụng, trung).

Theo qui tắc "chư gia phí bất gia dân lợi giả, thánh nhân phát vi" đó thì phải bỏ hết những bảo vật như vàng ngọc châu báu, bỏ cả mỹ thuật nữa. Mặc tử chủ trương chỉ cái gì có lợi cho dân mới là qui khéo.

Thiên Canh Trụ, bài 9, ông bảo :

"Ngọc họ Hòa và hạt châu của Tùy hầu, với chín cái vạc, các vua chư hầu đều cho là bảo vật ; mà những thứ đó có thể làm cho nước giàu, dân đông, việc hình chính được trị, xã tắc được yên không ? - Không. Sở dĩ quý bảo vật là vì nó có lợi. Mà ngọc họ Hòa, hạt châu của Tùy hầu và chín cái vạc không ích lợi gì cho ai, vậy chúng không phải là bảo vật".

Thiên Lỗ Vấn, bài 22, Công Thâu Ban tự cho là rất khéo vì dùng gỗ và tre chế tạo được một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt. Mặc tử chê : "Chim khách của ông không bằng cái chốt xe của tôi, chỉ đeo ba tắc gỗ trong một lát là thành mà nó đỡ được sức nặng nam thạch [tức 6.000 cân]. Cái gì ích lợi cho người thì gọi là khéo, không lợi thì gọi là vụng".

Truyện đó khiến chúng ta liên tưởng tới truyện *Không ưa tri vào trong Liệt tử* :

"Một người nước Tống lấy ngọc chạm trở thành một lá dó để dâng vua, ba năm mới xong. Đầu nhọn, chỗ móng, sống, cuống, lông, gai đều tinh vi, lóng lánh, để chung với các lá dó thật, không sao phân biệt được. Người đó nhờ tài khéo mà được vua Tống khen, cấp lương bổng cho.

Liệt tử hay chuyện đó, bảo : "Trời đất khi sinh vạn vật mà phải mất ba năm mới thành một cái lá thì ít cây có lá lắm !"

Những mục đích của Liệt tử - Cũng là mục đích của Lão, Trang - khác hẳn mục đích của Mặc tử. Liệt tử dả trí xảo, nhất là trí mưu, là muốn cho con người sống giản dị, chất phác, ít tham dục, mà trở về tự nhiên, trở về Đạo. Mặc tử thực ra không dả trí xảo, mà chỉ dả cái trí xảo nào vô ích cho dân. Cho nên ông chê con chim khách bằng gỗ và tre mà biết bay ba ngày không rớt của Công Thâu Ban, nhưng ông chế tạo những khí giới xảo diệu để giữ thành cho Tống, chống sự tấn công của Sở, đặc biệt là để phá thuật dùng thang mây của Công Thâu Ban.

B. CHÔN CẤT VÀ ĐỂ TANG

(Tiết táng, đoán tang)

Không tử trong thiên *Thái Bá*, bài 21, khen vua Vũ là "an uống đạm bạc, mặc những đồ xấu, ở những cung thất nhỏ" (phỉ ẩm thực, ố y phục, ti cung thất). Ông lại khuyên chúng ta "trong các cuộc tế lễ, nếu xa hoa thì kiệm ước còn hơn" (Lễ dư kì xa dã ninh kiệm - Bát dật 4) Vậy ông cũng chống thói xa xỉ như Mặc tử.

Nhưng Mặc chê Nho về việc chôn cất quá hậu hĩ, để tang quá lâu, dặt ra nhiều nghi thức phiền phức. Đọc

các thiên *Tang lễ*, *Khúc lễ*, trong *Lễ kí* chúng ta phải nhận rằng Mặc có lí một phần.

Mặc tử cho rằng tục chôn cất hậu hĩ, để tang lâu có ba cái hại lớn :

– Tốn kém quá, mà dân ốm yếu, phải bỏ công việc làm ăn, nước sẽ nghèo ;

– Dân sinh sản ít đi, số dân sẽ giảm, nước sẽ yếu.

– Nước sẽ loạn, dễ bị nước ngoài xâm chiếm.

Trong *Tiết táng*, hạ, ông bảo :

"Theo chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà thi hành trong nước thì hạng vương công đại thần có tang tất bảo : phải hai lớp trong quan ngoài quách, chôn cất phải hậu hĩ, đồ liệm phải nhiều, thêu thùa, màu sắc phải rực rỡ, phần mộ phải lớn ; hạng dân thường, nghèo hèn có người chết thì gia tài gần khánh kiệt ; hạng chư hầu mà chết thì kho lẫm sẽ trống rỗng, vì phải dùng vàng bạc châu báu trang sức đầy xác chết, dây thao buộc áo quan, xe và ngựa chôn trong mộ cùng với màn trướng, vạc, trống, kĩ, thiên, hồ lạm⁽¹⁾, mác, kiếm, cờ, lông, rang thú, da thú, có chôn những thứ đó vào mộ rồi mới vừa ý, thành thử tổng táng mà như một cuộc dời chỗ ở. [Lại thêm] : Thiên tử và chư hầu mà chết, người tuần táng [người sống chôn theo người chết] nhiều thì tới vài trăm, ít cũng vài chục ; tướng, đại phu

(1) Một thứ đồ dùng không biết ra sao và dùng làm gì.

mà chết, kẻ tuần táng nhiều thì vài chục, ít cũng vài người.

"Còn phép cu tang phải ra sao ? Đáp : Lúc nào cũng phải gào khóc tới khản tiếng, hận đồ xô gai, nước mắt nước mũi ròng ròng, ở trong cái chòi cất tạm, nằm cỏ gối đất, lại nhịn đói, chịu lạnh, tới nổi mặt mày phờ phạc, nước da đen sạm, tai mất mớ, chân tay bủn rủn, không dùng được nữa. Lại bảo : hạng thượng sĩ cu tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy suốt ba nam. Nếu theo đúng lối đó thì bọn vương công đại nhân không thể sống vô triều, chiếu mới về, xử án và trị nước được ; bọn sĩ đại phu tất không giữ nam chức vụ, coi sáu ty, ⁽¹⁾ mới mang đất đai, về nhà, cấy cấy, trồng trọt được, thợ trạm nghề không thể sửa xe thuyền, làm đồ dùng, bát đĩa được ; đàn bà không thể dậy sớm thức khuya đánh sợi dệt vải được."

Như vậy là muốn dân giàu đã không được, mà muốn cho dân đông cũng không được nữa, vì :

"...vua chết để tang ba năm, cha mẹ chết để tang ba năm, vợ chết và con trai trưởng chết cũng để tang ba năm ; rồi tới chú bác, anh em, các con thứ để tang một năm ; họ hàng gần để tang nam tháng ; cô, cậu, chị, cháu gọi bằng cậu, đều để tang vài tháng [...] Nếu theo đúng lời đó, thì hành đạo đó một cách nghiêm cần thì

(1) Bản Thương vụ ấn thư quán in là , và chu là

sẽ đói, mệt mỏi, mà trăm họ mùa đông không chịu nổi lạnh, mùa hè không chịu nổi nóng, sinh bệnh mà chết không biết bao nhiêu mà kể. [Trong thời cư tang] lại cấm vợ chồng an nằm với nhau ; như vậy mà muốn cho dân số đông lên thì không khác gì dùng guom tự tử mà mong được thọ".

(Chấp hậu táng cửu tang giả ngôn dĩ vi sự hồ quốc gia, thử tại hồ vương công đại nhân hữu tang giả viết : Quan quách tất trùng táng mai tất hậu, y khâm tất da, van tử tất phiền, khâu lưng tất cự. Tôn hồ thất phu, tiên nhân tử giả, đãi kiệt gia thất. Tôn hồ chư hầu tử giả, hu khổ phủ, nhiên hậu kim ngọc châu kì tĩ hồ thân, luân tổ tiết ước, xa mã tàng hồ khoáng, hựu tất da vi ốc mạc đỉnh cổ kì thiên hồ lạm, qua, kiếm, vũ mao, sỉ, cách tẩm nhi mai chi nhi hậu giả sở bách, quả giả sở thập, tướng quân, đại phu sát tuần, chúng giả sở thập, quả giả sở thập, quả giả sở nhân.

Xử tang chi pháp nại hà tại ? Viết : Khốc khắp bất trật, thanh ích, thôi diệt, tùy thế, xử ỷ lư, tẩm thiêm, chẩm khô. Hựu tương suất cường bất thực nhi vi cơ, hạc y nhi vi hàn, sử diện mục nhân tu, nhan sắc lê hác, nhi mục bất thông minh, thủ túc bất kính cường bất khả dụng dã. Hựu viết : Thượng sĩ chi thảo tang dã, tất phù nhi nang khởi, trượng nhi nang hành, dĩ thử công tam niên. Nhược pháp, nhược ngôn, hành nhược đạo, sử vương công đại nhân hành thử, tác tất bất nang tảo triều, yến thoái, thỉnh ngục, trị chính. Sử dĩ đại phu

hành thủ tác bất năng trị ngũ quan, lục phủ, tịch thảo mộc, thực sương lẫm. Sử nông phu hành thủ, tác tất bất năng tảo xuất dạ nhập, canh giá, thụ nghệ. Sử bách công hành thủ, tác tất bất năng tức hương dạ mị, phướng kích chức nhâm.

[...] Quán tử, tăng chi tam niên ; phụ mẫu tử, tăng chi tam niên ; thê dư hậu tử tử giá, hưu gian tăng chi tam niên. Nhiên hậu bác phú, thúc phú, huynh đệ, nghiệt tử cơ thích dọc nhân ngũ nguyệt. cô muội, sanh cửu gini hưu sở nguyệt [...] Nhược pháp, nhược ngôn, hành nhược đạo, cấu kỳ cơ ước hưu nhược thứ hi. Thì cố bách tinh đông bất nhần hàn, hạ bất nhần thú, tác tất bệnh tử giá, bất khả thang kế dã. Thủ kò vi hai nam nữ chi giao da hi, dĩ thủ cấu chúng, thí do sử nhân phụ kiểm nhi cấu kì thọ dã [Tiết tạng, trung]

Vi nước nghèo đi, dân ít đi, lại ốm yếu, bỏ bễ công việc làm an, việc hình chính trở nải, nên nước sẽ loạn, kẻ dưới oán người trên, đạo tặc nổi lên, nước ngoài sẽ dòm ngó, rồi xâm lăng, nước sẽ mất.

Lại thêm dân đã nghèo thì xôi rượu để cúng quí thần đã ít mà không thanh khiết. Thương đế và quí thần tất bất bình, giáng tai họa để trừng phạt.

Ma chay hậu hi, để tang lâu, hai lớn như vậy, cho nên Mạc tử cho là một nguyên nhân làm mất nước.

*

* *

Có người bác : "Ma chay hậu hĩ và để tang lâu là đạo của thánh vương." Mặc tử đáp : "Không phải", và dẫn việc ba vị thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, khi chết đều chôn cất rất giản dị : quan tài thì bằng gỗ xấu, cột hàng dây sắn, hạ huyệt rồi mới khóc, rồi lấp đất lên chứ không đắp nấm, hoặc có đắp thì nấm thấp và nhỏ, chỉ đủ để đánh dấu thôi.

Người ta lại hỏi vặn nữa : "Không phải là đạo của thánh vương thì tại sao các bậc quân tử theo hoài mà không bỏ" Ông đáp : "Đó chỉ là một thói quen, lâu rồi thành tục, nên không bỏ". Không bỏ không nhất định là tốt. Ông dẫn chứng :

Như nước Chiết Mộc có tục : Ông chết thì cũng công bà đem bỏ trong rừng, bảo : "Vợ của quỷ không thể sống chung với người được" ; nước Đạm, cha mẹ chết thì lóc thịt liệng đi, còn xương đem chôn, như vậy mới là có hiếu ; nước Nghi Cừ, chết thì hỏa táng... đều là tục lệ cả, nên dân các nước đó không bỏ, chứ đâu phải là đạo nhân nghĩa. Và ông kết : việc an mặc còn nên có tiết độ, sao việc chôn cất lại không có tiết độ. Lợi cho dân thì cứ cải tục.

Về việc doan tang, cũng có người vấn nạn Mặc Tử. Công Mạnh tử, một môn đệ của Khổng, bảo ông :

- Thấy cho để tang ba năm là trái. [Nghĩa là có hại cho sự trị nước và sản xuất] nhưng thấy chủ trương để tang ba tháng thì cũng trái vậy [Nghĩa là cũng có hại, tuy ít hơn].

Ông đáp :

– Ông đem tục để tang ba năm để chê sự để tang ba tháng như vậy, không khác gì người khóa thân bảo người vén áo quần là không kính cần vậy. (Công Mạnh, bài 11).

Công Mạnh Tử lại bảo :

– Để tang ba năm là do lễ trẻ con nhớ cha mẹ ba năm.

Ông đáp :

– Trẻ con chỉ biết nhớ cha mẹ mà thôi, cha mẹ không thể thấy lại được mà nó cũng gào khóc không ngừng là tại sao ? Tại nó cực ngu. Sự hiểu biết của người theo đạo Nho há lại không hơn con nít sao ? (Công Mạnh, bài 13).

Công Mạnh tử không hiểu rõ chủ trương của đạo Nho, đưa ra một lý do mơ hồ, không đúng : trẻ con nhớ cha mẹ ba năm, trẻ con nhớ cha mẹ lâu hay không là tùy đứa, xét chung thì dưới ba bốn tuổi chúng rất mau quên, nhất là khi chúng được người khác (cô, dì, chị) săn sóc tận tâm như cha mẹ. Theo Khổng tử thì người ta để tang cha mẹ ba năm vì cha mẹ nuôi con, ngoài ba năm mới hết âm hồn nó.

Luận ngữ, thiên Dương Hóa, bài 20, chép như sau :

Tế Ngã, [tên tục là Du], một môn đệ của Khổng tử, hỏi thầy :

"Tang ba năm, nên rút lại một năm cũng là lâu rồi. Vì người quân tử ba năm cư tang, không học lễ được thì lễ sẽ hỏng ; ba năm không học nhạc thì quên hết

nhạc. Vả lại, [sau một năm], lúa cũ đã ăn hết, lúa mới đã thành thực [...] cho nên một năm cũng được rồi.

"Khổng tử đáp : [Chưa hết tang ba năm mà] ăn cơm gạo thơm [thay vì gạo thô], mặc áo gấm [thay vì áo gai] thì anh có an lòng không ?

– An lòng

– An lòng thì cứ làm đi. Người quân tử khi cư tang, ăn thức ngọt cũng chẳng biết mùi, nghe nhạc cũng không thấy vui, ăn ở không yên, cho nên không làm theo lối của anh. Còn nếu như anh an lòng thì cứ làm. Tế Ngã lui ra. Khổng tử bảo các đệ tử : "Trò Du là người bất nhân. Trẻ sanh ra, ngoài ba năm cha mẹ mới hết ảm bồng. Tang ba năm là tang ai cũng theo. Trò Du kia có được cha mẹ thương yêu ba năm đấy không ?"

(Du chi bất nhân đã. Tử sinh tam niên, nhiên hậu phục miễn ư phụ mẫu chi hoài. Phù tam niên chi tang, thiên hạ chi thông tang dã. Du dã, hữu tam niên chi ái ư kì phụ mẫu hồ ?)

Chúng ta thấy ngay từ thời Khổng tử - có lẽ còn trước nữa - đã có một số người cho phép để tang của đạo Nho có hại cho việc nhà, việc nước. Nhưng Khổng tử coi trọng tình cảm hơn lợi ; ông cho hiếu là đức căn bản của con người, có hiếu rồi mới có trung ; có hiếu, trung, nhân nghĩa, lễ tín thì xã hội mới không loạn. Nhưng để tang mà đến nhịn đói, chịu lạnh, mặt mày bơ phờ, nước da đen sạm, tai mắt mờ, chân tay bủn rủn mới là phải phép, thì chúng tôi nghĩ cũng thái quá.

Câu Khổng tử bảo Tể Ngã : "nhữ an tác vi chi" (anh an lòng - cũng như nhẩn tâm - làm vậy thì cứ làm) thật nghiêm khắc, không còn cho phép Tể Ngã lý luận gì nữa. Tể Ngã chỉ còn cách lui ra, sau khi đáp : "an lòng". Chúng tôi chắc hạng người "an lòng" được như Tể Ngã có nhiều trong xã hội thời đó, họ tuy vẫn theo tục của nhà Nho - cũng sô gài, cũng chống gậy như đi không nổi - nhưng chỉ có hình thức mà thôi, rốt cuộc trái hẳn với thâm ý của Khổng tử trong câu "tang dữ kỳ dị giả, ninh thích" - Bất dật, bài 4) nghĩa là trong việc tang, quan trọng nhất là thành thực thương xót, không nên lờ loẹt quá, chú trọng quá tới hình thức.

*

* *

Mạc lại chê phép để tang của Nho là vô lý nữa. Theo thiên Phi Nho, ông có lần bảo rằng :

Theo lễ [của nhà Nho] thì : Để tang cha mẹ ba năm ; vợ và con trưởng ba năm ; bác chú anh em, con thứ một năm ; người trong họ năm tháng." Nếu lấy tình thân sơ để định số năm, tháng thì người thân phải nhiều, người sơ phải ít. Như họ thì coi vợ và con trưởng thân cũng như cha vậy. Nếu lấy thứ tự trên dưới mà định số năm, tháng. thì họ tôn vợ và con trưởng cũng như cha vậy [...] Còn gì trái lẽ hơn nữa ?"

(Kì Lễ viết : "Tang phụ mẫu : tam niên ; thê, hậu tử : tam niên ; bá phụ, thúc phụ, đệ huynh, thứ tử : cơ ; thích tộc nhân : ngũ nguyệt. "Nhược dĩ thân sơ vi tuế nguyệt chi số, tác thân giả đa nhi sơ giả thiểu hĩ ; thị thê, hậu tử dĩ phụ đồng [...] Nghịch thục đại yên)".

Rốt cuộc Mặc tử khuyên :

Về việc chôn cất : "Quan tài dày ba tấc đủ để xương nát ra, áo liệm ba bộ đủ để thịt nát ra ; đào huyệt đủ sâu sao cho dưới không nứt, lộ ra, trên không xong hơi thối lên, đắp nắm sao cho đủ nhận ra được mộ thể thôi. Khóc khi đưa ma và khi về, rồi mưu tính sự an mặc trong nhà, còn dư nhiều hay ít mà lo việc tế tự sao cho tiện lợi, như vậy là rất có hiếu với cha mẹ."

(Quan tam thốn, tức dĩ hủ cốt ; y tam lãnh, tức dĩ hủ nhục : quật địa chi thâm, hạ vô trụ lâu, khí vô phát tiết ư thượng, lũng tức dĩ kì kì sở, tác chỉ hĩ. Khốc vãng khốc lai, phản tòng sự ⁽¹⁾hỗ y thục chi tài, nhị hồ tế tự, dĩ trí hiếu ư thân - *Tiết táng, hạ*).

Về việc để tang thì chỉ ba tháng như trên chúng tôi đã nói, và cũng không chế ra tang phục riêng. Mặc quá thực tiến tới coi thường tình cảm mà hóa ra vô tình ; ông cũng lại không hiểu nhân tình nữa : sự thương khóc người thân đâu có thể hạn chế trong lúc đưa ma mà thôi được.

(1) Theo thiên Thiên hạ trong Trang tử thì Mặc gia không dùng quách.

CHƯƠNG X

BỎ MỸ THUẬT MÀ SỐNG KHẮC KHỔ VÀ ĐỂ NHIỀU

Tác giả thiên *Phi nhạc, thượng bảo* :

"Thầy Mặc tử sở dĩ chê nhạc không phải là vì cho những tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang là không vui ; không phải là vì cho những đồ chạm khắc, văn vẽ, màu mè là không đẹp ; không phải là cho các món thịt bò, thịt dê, thịt heo xào nướng là không ngon ; không phải là cho các đài cao, tạ [nhà nhỏ không có tường để nghỉ mát, hứng gió] lớn, nhà sâu là không yên. Tuy thân thể biết là yên đấy ; nhưng trên đem ra khảo sát thì không hợp với việc làm của thánh vương ; dưới đem ra suy tính thì không hợp với cái lợi của dân. Vì vậy mà thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

Chữ nhạc trong đoạn đó không trở riêng môn đòn ca múa, hát mà còn tiêu biểu cho tất cả các mỹ thuật tạo khoái lạc cho con người. Phi nhạc tức là phi mỹ thuật nói chung.

Ông "phi nhạc" vì ba lẽ : vô ích, tổn của tổn sức, mất thì giờ làm an.

1. Vô ích.

"Dân có ba điều lo : đói không có gì an, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ. Ba cái đó là những điều lo lớn của dân. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gãy cây đòn cấm, đàn sắt, thổi ống sáo dọc sáo ngang, cầm cái riu cái mộc mà múa xem, như vậy có sinh ra được cái an cái mặc cho dân không ? Tôi cho là không được.

"Hãy bỏ việc đó đi, không bàn, mà xét việc này : Nay có một nước lớn đánh nước nhỏ, một nhà lớn đánh nhà nhỏ, kẻ mạnh cướp người yếu, số đông hiếp đáp số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu, kẻ ngang ngạo mạn người hèn, giặc cướp trong ngoài đều dậy lên, không ngăn cấm được. Thử gõ cái chuông lớn đập cái trống kêu, gãy cây đòn cấm đòn sắt, thổi ống sáo dọc sáo ngang, cầm cái riu cái mộc mà múa xem, như vậy có làm cho thiên hạ dương loạn hóa trị được không ? Tôi cho là không.

"Cho nên thầy Mặc tử bảo : Bất dân chúng đóng góp nhiều để tạo ra những tiếng chuông lớn, tiếng trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà mong đấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì thật là vô ích. Vì vậy thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê".

(Dân hữu tam hoạn ; cơ giả bất đắc thực, hàn giả bất đắc y, lao giả bất đắc túc, tam giả, dân chi cự hoạn dã. Nhiên túc ⁽¹⁾ đương ⁽²⁾ vi chi trảng cự chung, kích minh cổ, dân cầm sát, xuy vu sanh, nhi đương can thích, dân y thực chi tài, tương an khả đắc hồ ? Túc ngã dĩ vi vị tất nhiên dã .

Úc xã thử. Kim hữu đại quốc túc công tiểu quốc, hữu đại gia túc phạt tiểu gia, cường kiếp nhược, chúng bạo quã, trá khi ngu, quý ngạo tiện, khẩu loạn đạo tác tịnh hưng, bất khả cầm chi dã ; nhiên túc đương vi chi trảng cự chung, kích minh cổ, dân cầm sát, xuy vu sanh, nhi đương can thích, thiên hạ chi loạn dã tương an khả đắc nhi trị dư ? Túc ngã dĩ vi vị tất nhiên dã. -Phi nhạc, thượng).

2- Đã vô ích mà còn *tổn sức, tổn của*, cướp cái ăn cái mặc của dân. "Nay các vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước, đâu phải cứ việc vốc nước, moi đất lên mà làm nên được ; tất phải nhờ sự đóng góp của vạn dân rồi mới có tiếng chuông lớn, trống kèn, tiếng đàn cầm dân sát, tiếng sáo dọc sáo ngang..." (Kim vương công đại nhân tuy vô tạo vì nhạc khí dĩ vì sự hồ quốc gia, phi trực bối lao thủy, thích ⁽³⁾ nhượng thực nhi vi chi dã ; tương tất hậu thổ liêm hồ vạn dân, dĩ vi đại chung, minh cổ, cầm sát vu sanh chi thanh...))

(1) Chữ *túc* này với chữ *tắc* dùng như nhau.

(2) Chữ *đương* này dùng như chữ *thường*, có nghĩa là thử.

(3) Chữ này đọc là chữ (thích).

Có nhạc khi rồi lại phải đặt ra "nhạc vũ" [Điệu múa theo tiếng nhạc], có người múa, mà "Người múa không thể mặc áo vải cụt [khi làm lung] để múa, không thể ăn cơm hẩm được, vì không ăn đồ ngon thì mặt mày dung nhan coi sao được. Không mặc áo đẹp thì thân thể cử động (múa may) coi sao được. Cho nên an phải có gạo ngon, có thịt béo, mặc phải do thêu đẹp dễ ; thế là không sản xuất cái an cái mặc mà còn bắt người ta nuôi. Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Các vương công đại nhân làm tổn hại, cướp mất cái an, cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm".

(Vạn nhân ⁽¹⁾ bắt khả ý đoán hạt, bắt khả thực Khang tao. Viết : ẩm thực bắt mỹ, diện mục nhan sắc bắt túc thị dã ; y phục bắt mỹ thân thể thung dung bắt túc quan dã. Thị dĩ thực tất lương nhục, ý tất vạn tú. Thử chương bắt tông sự hồ y thực chi tài, nhi chương thực hồ nhân giả dã. Cổ tử Mạc tử viết : Kim vương công đại nhân duy vô vi khuy đoạt dân y thực chi tài dĩ phụ nhạc, như thử đa dã - Như trên)

3. Mất thì giờ làm ăn của dân.

"Các vương công đại nhân ngồi trên đài cao tạ lớn mà nhìn cái chuông thì cũng không khác gì nhìn cái khuôn hàng dất để đúc vạc, không gõ đánh lên thì làm sao mà vui được ? Cho nên phải gõ, đánh ; mà gõ đánh thì tất không thể sai người già và con nít được vì người già và

(1) Vạn nhân ở đây nghĩa là người múa điệu "vạn vũ", và chỉ chung cho các người múa.

con nít tai mắt không sáng, chân tay không mạnh, thanh âm không hòa điệu, mặt mày không lanh lợi. Cho nên tất phải sai bọn tráng niên [...] Nếu sai đàn ông làm việc ấy thì họ phải bỏ việc đánh sợi dệt vải. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái an cái mặc của dân để tấu nhạc ; như vậy nhiều lắm [...]

"Đã có đủ tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà vương công đại nhân vô vô nghe một mình thì còn thú gì nữa ? Tất phải có hoặc kẻ tiện nhân hoặc người quân tử cùng nghe với mình. Nếu bắt người quân tử [người trị dân] cùng nghe thì người đó phải bỏ công việc xử án, trị nước ; nếu bắt kẻ tiện nhân [thường dân] nghe thì người đó phải bỏ công việc làm ăn. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái an cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm."

(Kim vương công đại nhân duy vô xử cao đài, hậu tạ chi thượng nhi thị chi, chung do thị diện đỉnh dã, phát tràng kích tương hà lạc đắc yên tai ? Kỳ thuyết tương tất tràng kích chi. Duy vật tràng kích, tương tất bất sử lão dữ tri⁽¹⁾ dã. Lão dữ tri giả, nhĩ mục bất thông minh, cổ quảng bất tất cường, thanh bất hòa điệu, mi bất chuyển lợi. Tương tất sử dương niên [...] Sử trượng phu vi chi, phế trượng phu canh giá, thụ nghệ chi thời ; sử phụ nhân vi chi, phế phụ nhân phượng tích chúc nhâm chi thời ; sử phụ nhân vi chi, phế phụ nhân phượng tích chúc nhâm chi sự. Kim

(1) Chữ tri ở đây dùng cũng như chữ trí

vương công đại nhân duy vô vi nhạc, khuy đoạt dân y chỉ chỉ tài dĩ phụ nhạc, như thử đa dã. *Như trên*).

Kim đại chung minh như thử đa dã. (Như trên).

Sau cùng Mặc tử dùng phép "khảo" dẫn sách của tiên vương, thiên *Quan hình* của vua Thang, và thiên *Vu Quan* đời Hạ để chứng tỏ rằng tiên vương ghét nhạc. Nhưng hai thiên đó chê thói "hay múa ở cung" (hàng vũ ư cung) và thói "dâm dật vui chơi ăn uống ở ngoài đồng", mê nhạc, mê rượu, "múa may phóng túng" (*Phi nhạc, thượng*), chứ không phải chê nhạc.

Mê nhạc phóng túng mà bỏ bê việc nước thì chính trị gia, triết gia nào cũng chê. Khi vua Tề dâng Lỗ hầu 80 người con gái đẹp múa hát giỏi, Lỗ hầu say mê, ba ngày không ra triều, Khổng tử chán nản, bỏ đi. Mà chính Khổng tử là người thích nhạc, biết đàn biết hát, mấy lần khen rằng nhạc "Thiếu" của vua Thuấn là cực hay, cực thiện. Nhạc "Võ" của Võ vương tuy cực hay nhưng không cực thiện (*Bát dật* - 25) ; và một lần ở nước Tề, ông mãi mê nghe và nghiên cứu nhạc Thiếu đến nỗi ba tháng không biết mùi thịt (tam nguyệt bất tri nhục vị - *Thuật nhi*. 13)

Và lại chính vua Thang đặt ra điệu Đại Hổ, vua Vũ (nhà Hạ) đặt ra điệu Đại Hạ (cõi Trang tử - Thiên Thiên Hạ), như vậy hai đời đó đâu có ghét nhạc.

*

* *

Lưu Hương đòi Hán, trong sách *Thuyết Uyển* chép rằng : "Cấm Hoạt Li - một môn đệ của Mặc tử - hỏi thầy : "Đồ gấm, đồ thêu, các thứ "trữ, hi" [vải mỏng, tốt] có dùng vào việc gì không ?"

Mặc tử đáp : "...Nay gặp năm mất mùa, có người muốn cho anh ngọc Tuy hẫu, bán không được, tuy là trân bảo mà chỉ để trang sức thôi ; lại muốn cho anh một chung (6 hộc 4 đấu) lúa ; nhưng anh chỉ được lựa một thứ thôi, hoặc ngọc hoặc lúa, thì anh lựa thứ nào ?".

Cấm tử đáp : "Con lựa lúa, cứu đói được."

Mặc tử bảo : "Phải vậy, chứ dùng cái xa xỉ làm gì !... An phải được cho no đã rồi hãy cầu ngon ; mặc phải được ấm đã rồi hãy cầu đẹp ; ở cho được yên rồi hãy cầu vui thích... lo cái "chất" [tức cái can bản, cần thiết] đã rồi mới nghĩ tới cái "van" [đẹp đẽ] đó là việc gấp của thánh nhân".

Có người căn cứ vào đoạn đó mà bảo Mặc tử không phải cho sự xa xỉ, trang sức là không tốt, nhưng ở thời ông, dân tình khổ quá, ông phải khuyên dân siêng năng, chịu khổ, tiêu bớt đi, bỏ hết xa xỉ đi để khỏi đói, khỏi rét đã.

Chúng tôi nghĩ *Thuyết Uyển* không đáng tin, vì thiên *Công Mạnh* bài 9, Mặc tử chủ trương ngược lại : nước giàu mạnh rồi vẫn không nên dùng lễ nhạc.

Lần đó Công Mạnh tử bảo ông :

– Nước loạn thì lo việc sửa trị, nước trị thì lo việc lễ nhạc. Nước nghèo thì lo làm an, nước giàu thì lo việc lễ nhạc.

Ông đáp :

– Nước trị rồi thì vẫn lo việc sửa trị, nhờ vậy mới được trị ; bỏ việc sửa trị thì nước cũng hết trị. Nước giàu thì vẫn làm ăn, nhờ vậy mới giàu ; bỏ việc làm ăn thì nước cũng hết giàu. Cho nên việc trị nước phải gắng lo hoài không ngừng như vậy mới được. Nay ông bảo : "Nước trị thì lo việc lễ nhạc, nước loạn thì lo việc sửa trị." Như vậy không khác gì ghen ⁽¹⁾ rồi mới đào giếng, chết rồi mới mời thầy thuốc. Xưa ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ ham mê tiếng ca nhạc, không đoái tới dân đến nỗi thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự, đều do chính sách đó cả.

(Quốc chi trị dã, trị chi, cố trị dã ; trị chi phế, tác quốc chi trị diệc phế. Quốc chi phú dã tòng sự phú dã ; tòng sự phế, tác quốc chi phú diệc phế. Cố tuy trị quốc, khuyến chi vô hưởng, nhiên hậu khả dã. Kim tử viết : "Quốc trị tác vi lễ nhạc, loạn tác trị chi" Thị tử do ế nhi xuyên tỉnh dã, tử nhi cầu y dã. Cố dã tam đại bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ, nhi ⁽²⁾ vi thanh nhạc, bắt cố kỳ dân, thị dĩ thân vi hình lục, quốc vi lệ hư dã, giai tòng tử đạo dã).

Rõ ràng là Mặc tử bắt mọi người phải khắc khổ như ông, mat sát nhạc và mọi mỹ nghệ, không hiểu rằng nhạc, nếu tốt, có công di phong dịch tục, mà có mỹ nghệ thì kinh tế mới phát triển được. Ông bảo một nhu cầu của dân là mệt thì được nghỉ ngơi, mà ông quên rằng nghe nhạc là

(1) Ghen thì muốn uống nước cho hết ghen.

(2) Từ nguyên và Từ hải không có chữ này.

một cách nghỉ ngơi rất tốt ; ông chỉ lo tận lực làm việc, sản xuất cho thật nhiều, nhưng ca nhạc có thể giúp cho năng xuất tăng lên mà quên mệt, tức như các điệu dân ca khi đi cấy, các điệu hò khi chèo thuyền v.v... Ngày nay tại các xí nghiệp lớn, người ta còn cho thợ vừa làm việc vừa nghe những bản nhạc êm đềm nữa.

Thái độ của Mặc gia đối với nhạc không hợp lí bằng của Nho gia. Nho chê những ông vua mê thanh sắc mà mất nước, nhưng vẫn trọng thứ nhạc "thiện, mỹ". Mạnh tử còn muốn cho Tề Tuyên vương cử cho tấu nhạc, miễn là dân được cùng nghe với vua thì dân sẽ vui vẻ và quý vua. (*Luang Huệ vương, hạ, bài 1*). Chỉ cần "dữ dân đồng lạc", chứ không cần "phi nhạc"

*

* *

Trong thiên *Thuận hiên*, Mặc tử đòi hủy các quyền của giai cấp quý tộc : quyền thế tập về tước lộc, quyền điều khiển guồng máy chính trị, và tranh đấu cho giai cấp tiện dân được lãnh mọi chức vụ quan trọng, nếu có tài có đức ; như vậy là đưa giai cấp tiện dân lên ngang hàng với giai cấp quý tộc.

Trong balthiên *Tiết dụng, Tiết tàng, đoàn tang và phi nhạc*, Mặc muốn hạ giai cấp quý tộc xuống ngang hàng với giai cấp bình dân về sự làm việc và lối sống : buộc họ phải lao động cần cù như dân, không được bắt dân phục vụ mà phải dữ dân đồng khổ.

Khổng tử cũng thượng hiền tiết dụng, muốn người "quân tử" phải yêu dân, muốn có một sự công bằng trong xã hội, nhưng tinh thần tôn ti của Nho vẫn hơn của Mặc, và chỉ mong quý tộc biết đồng lạc với dân thôi.

Một bên là quý tộc ở trên cao kêu dân lại cùng vui với mình, một bên là quý tộc sống với bình dân, cùng làm lụng, chịu cực với bình dân. Nho và Mặc khác nhau ở điểm đó : nguyên nhân phần lớn do Nho là tư tưởng của giai cấp quý tộc đã suy vi, tức một giai cấp ở giữa giai cấp quý tộc và giai cấp bình dân, còn Mặc là tư tưởng của giai cấp bình dân bắt đầu nhận định được khả năng, sức mạnh và thân phận của mình.

Nhiệt tình của Mặc tử, từ xưa đến nay, không ai không phục ; nhưng cũng vì nhiệt tình quá mà ông mắc khuyết điểm "kiểu uống quá chia li".

- Chủ trương của ông về tiết dụng và phi nhạc có điểm không hợp tình người : ông bắt dân làm việc cực nhọc suốt ngày, quanh năm, tuy cho dân được nghỉ ngơi khi mệt, nhưng không cho dân du hí, ca hát, chơi nhạc ; ông cũng không hiểu rằng khi đã đủ ăn đủ mặc rồi thì tự nhiên dân muốn ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn, nghĩa là muốn hưởng thụ, có như vậy công nghệ, mỹ nghệ mới tiến bộ, trình độ văn minh mới lần lần cao được, mà quốc gia mới giàu được.

Tuân tử chê Mặc tử là "phi nhạc thì dân loạn, tiết dụng thì dân nghèo" ; là "bị cái thiết thực che lấp mà không biết cái van vẻ" (tế ư dụng nhi bất tri van) nghĩa là chỉ nghĩ tới cái lợi vật chất mà không biết quý tình cảm, mỹ

thuật. Lời chê đó đúng. Âm nhạc mỹ thuật do tình cảm mà phát, lại bồi dưỡng tình cảm. Mặc muốn bỏ hết tình cảm, coi là vô dụng, có hại cho đời sống, cho công việc làm ăn, thì quả là "cực học bèo". Chúng ta không sao tưởng tượng nổi một xã hội như một ổ kiến vĩ đại, mọi người lang xăng làm lụng suốt ngày, chỉ ăn cơm rau, mặc vải thô, không có tiếng ca tiếng đàn, nhà cửa thì toàn là mái tranh, vách đất, không có cả một bông hoa trong vườn nữa. Tác giả *Thiên Thiên hạ* trong *Trang tử* bảo chính sách đó "trái hẳn nhân tâm, không ai chịu nổi" ; tuy Mặc tử một mình theo nổi, nhưng còn thiên hạ thì sao ? (phản thiên hạ chi tâm, thiên hạ bất kham ; Mặc tử tuy độc năng nhiệm, nại thiên hạ hà ?)

Đã trái nhân tâm thì sao lại trị dân được ? Mặc học tuy được dân chúng hưởng ứng mạnh một thời, nhưng không một ông vua nào dùng cả và từ cuối thời Chiến Quốc trở đi, gần như bị quên hẳn, nguyên nhân chính tại đó chăng ?

Lại vì nhiệt tâm quá, Mặc mâu thuẫn với chính mình. Ông khen vua Nghiêu sống đạm bạc, ở nhà tối tăm, ăn mỗi bữa chỉ một món (thiên *Tiết tưng*), nhưng ông lại chủ trương đã dùng người hiền thì phải cho họ tước cao bổng lộc hậu (thiên *Thuợng hiển*), như vậy thì họ dùng lộc hậu đó để làm gì ?

Ông muốn nhà cầm quyền lựa trong số người có tài đức – dù là quý tộc hay bình dân, bình đẳng với dân, thế thì sao cho họ tước cao lộc hậu. Giới bình dân được tước cao lộc hậu sẽ sống xa hoa – thành một giai cấp mới – tuy

không thể tập - nhưng đặc quyền vẫn còn nhiều, thì còn đâu là bình đẳng ?

Chúng tôi còn ngờ rằng, môn sinh ông, không sống đam bạc đúng theo lời ông dạy. Cho nên trong thiên *Canh Tru*, bài 5, khi một số môn sinh của ông lại ở một nhà bạn đồng môn là Canh Tru tử, lúc đó đương làm quan ở Sở, không được Canh Tru tử cho ăn uống sung sướng, về phàn nàn với ông rằng "anh chỉ cấp cho chúng con ba thăng lúa, tiếp đãi không lấy gì làm hậu", ông không hề rầy họ, bảo : "Chưa biết được, hãy đợi xem". Ít lâu sau, Canh Tru tử đem dâng ông mười dật vàng [mỗi vật là 20 lạng], ông mừng. Đành rằng số vàng đó, ông không dùng riêng mà để chi tiêu cho đoàn thể ; nhưng chuyện đó cũng cho chúng ta thấy rằng, thấy trò ông vẫn còn để ý nhiều tới sự an uống, đâu phải là sống khác khổ hản.

*

* *

Tới đây chúng ta biết được đại cương *chính sách kinh tế* của Mặc tử. Làm cho nước giàu (phú chi) theo ông không phải là chế tạo được nhiều vật quý, xây cất được nhiều cung điện lộng lẫy, chứa chất được nhiều vàng bạc châu báu, mà là làm cho dân được an no, mặc ấm, có đủ đồ dùng cần thiết, ai nấy được sống yên ổn, không phải lo lắng (tài dụng túc, bách tính giai đắc noãn y, hảo thực, tiện ninh vô ưu - *Thiên chí, trung*).

Muốn vậy thì phải :

- Chú trọng đến cây, cấy, trồng gai, nuôi tằm,
- Phân công : người hiền lo trị dân, dân thường lo sản xuất, đàn ông làm việc ngoài đồng, đàn bà canh củi trong nhà,
- Giới nào cũng phải tận lực làm việc.
- Không phí sức lực, của cải vào mê thuật, vào những việc xa xỉ, công nghệ giảm tới mức tối thiểu,
- Không bỏ phí thì giờ (như để tang lâu, chơi nhạc, nghe nhạc...). Vì thời giờ sinh ra của cải (thời sinh tài) ; người trên mà bắt dân có công ăn việc làm để phục vụ mình trong việc du hí hay xây cất cung điện là cướp thời giờ, cướp cái an cái mặc của dân. Mặc tử là triết gia Trung Hoa đầu tiên đặc biệt coi trọng giá trị của lao động, của thời giờ.

»

* *

Bây giờ chúng ta xét tới chính sách "chúng chi" - làm cho dân đông của ông.

Hình như ông nhận thấy dân số thời ông giảm đi. Cuối thiên *Tiết dụng thượng*, ông bảo :

"Các chính trị gia trong thiên hạ ngày nay có nhiều cách làm cho số người ít đi. Họ bắt dân làm mệt sức, thu thuế lại nặng : dân nghèo chết đói chết rét không biết bao nhiêu

mà kể. Vả lại các bậc đại nhân dấy binh để đánh chiếm nước láng giềng, lâu thì trọn năm, chóng thì vài tháng, vợ chồng lâu không gặp nhau, do đó số người ít đi. [Binh sĩ vì] ăn ở không yên, ăn uống thất thường, sinh ra ốm đau mà chết,... và trong khi phá thành, chiến đấu ở ngoài đồng, chết không biết bao nhiêu mà kể."

Ông chủ trương phải làm sao cho dân số tăng lên gấp đôi, muốn vậy phải bắt dân sớm lấy vợ :

"Xưa, thánh vương ra lệnh : "Con trai 20 tuổi không ai dám lấy vợ, con gái 15 tuổi không ai dám không lấy chồng". Đó là phép của thánh vương. Thánh vương mất rồi, dân sinh ra phóng túng. Có kẻ muốn lấy vợ sớm, hai mươi đã lấy vợ ; có kẻ muốn lấy vợ muộn, bốn mươi mới lấy vợ. Sớm bù muộn, thì số trung bình vẫn là trẻ hơn tuổi thánh vương ấn định là mười lăm. ⁽¹⁾ Nếu cứ ba năm đẻ một lần thì trong mười năm trẻ đó, hụt mất hai ba đứa con rồi. Như vậy chẳng phải bắt dân sớm lấy vợ thì số dân có thể tăng lên gấp hai đấy ư ?"

(Tích thánh vương vi pháp viết : Trượng phu niên nhị thập, bất cảm vô tử gia ; nữ tử niên thập ngũ, vô cảm bất sự nhân. "Thử thánh vương chi pháp dã. Thánh vương kí một, ư dân tứ dã, hữu sở tứ thập niên xử gia. Dĩ kỳ tao dữ vân tương tiến, hậu thánh vương chi pháp thập niên xử gia. Nhược thuận tam niên nhị tử, tử sinh khả dĩ nhị tam kế hĩ. Thử bất duy sử dân tao xử gia nhi khả dĩ bội dư ? (Tiết dụng, thượng)

(1) Sớm nhất là 20 tuổi, trẻ nhất là 40 tuổi, trung bình là $(20 + 40) : 2 = 30$ tuổi. So với thời trước (20 tuổi) là trẻ mất 10 năm.

Đầu thời Chiến Quốc chỉ có một mình Mặc tử, rồi mãi tới cuối thời Chiến Quốc mới có thêm Hàn Phi là quan tâm đặc biệt tới vấn đề nhân số, mà cả hai đều có tinh thần toán học cả, đáng khen là có kiến thức mới mẻ. Họ sống cách nhau khoảng hai trăm năm, mà một người ngại nhân số suy giảm, một người lo dân số tăng quá mau. Như vậy có đủ cho chúng ta kết luận rằng trong hai trăm năm chiến tranh liên miên, tàn khốc đó, dân số Trung Hoa vẫn tăng mạnh, nhờ kỹ thuật canh tác tiến bộ và nhờ công nghệ phát triển không ? Mà hai nhà đó sao giống nhau thế, đều nhiệt tâm cứu đời, đều cho rằng hãn tính con người ham lợi ; đều chủ trương thống nhất tư tưởng và đều đưa ra những cách thực tiễn để tuyển và dùng người. Chúng tôi nghĩ Hàn Phi tuy học Tuân tử mà thực sự chính là môn sinh xa của Mặc tử.

CHƯƠNG XI

KẾT

A. GIÁO CHỦ HAY ĐẢNG TRƯỞNG ?

Khổng tử là người đầu tiên mở tư thực cho bình dân. Ông dạy họ Thi, Thư, Lễ, Nhạc,... cốt đào tạo một bọn "sĩ" có đức hạnh, trí sáng suốt, biết tu thân để tế gia, rồi trị quốc, làm chính trị. Về nội trị có Nhan Uyên chẳng may chết sớm, Nhiễm Cung ; về ngoại giao có Tể Ngã, Tử Cống ; về lễ có Tử Du, Tử Hạ... Khi tiếp xúc với các nhà cầm quyền, ông thường cho họ theo mình, có khi thay mình nữa. Một số ra làm quan như Tể Du, Tử Cống, Tử Lộ, Tử Du, Nhiễm Cầu... Và trong khi làm quan, họ có điều gì lầm lẫn, trái với đạo ông thì ông vẫn trách mắng họ.

Đoàn thể chính trị của Mạc tử có tổ chức chặt chẽ hơn của Khổng nhiều, ảnh hưởng rất lớn trong thời Chiến Quốc, khiến Mạnh tử và Hàn Phi đều phải nhận rằng Mạc tranh bá quyền tư tưởng với Nho. Mà chẳng phải giai cấp bình dân mới trọng Mạc gia mà họ coi như những hiệp sĩ bênh vực kẻ yếu thế cô độc. Theo *Lữ Thị Xuân Thu* (thiên *Dương Nhiễm*) thì bọn hậu học của Mạc cũng được trọng ở các triều đình ngang hàng với bọn hậu học của Khổng, nhiều vô kể (Khổng Mạc chỉ hậu học, hiển vinh ư thiên hạ giả chúng hĩ, bất khả thang số).

Trong thiên *Công Thâu*, Mạc tử bảo vua Sở : "Đệ tử của thân là bốn Cẩm Hoạt Li gồm ba trăm người... đương ở trên thành nước Tống mà đợi giặc Sở". Sách *Hoài Nam tử*, cũng chép : "Có một trăm tám chục người phục dịch cho Mạc tử, Mạc tử có thể biến họ nhảy vào lửa, đập vào mũi dao, chịu chết chứ không quay gót." vậy số đệ tử của Mạc khá đông và tận tâm với thầy có phần hơn đệ tử của Khổng nữa.

Bộ *Mạc tử* chỉ còn nhắc tới khoảng 13-14 người, nổi danh nhất là Cẩm Hoạt Li, người cầm đầu ba trăm bạn đồng môn để giữ thành cho Tống ; Cao Thạch tử, làm quan ở Vệ, rồi bỏ đi vì vua Vệ không chịu nghe lời mình ; Canh Trụ tử làm quan ở Sở, dâng Mạc tử 10 dật vàng ; Công Thượng Quả, làm quan ở Việt, được Mạc tử khen là biết được cốt yếu của đạo, nên không cần đọc sách...

Đó là những đệ tử trong thế hệ đầu. Các thế hệ sau, theo *Phương Thu Sở* (sách đã dẫn), trang 139 - 142 - còn được khoảng ba chục người nữa ; nổi danh có *Điền Cưu*.

viết bộ *Điền Cựu tử* ; Tương Li Cẩn, Tương Phu thị, Đặng Lang tử, ba nhà này mỗi nhà lập một phái riêng ; Mạnh Thảng, Điền Tương tử, Phúc Thôn đều là "cự tử", mà trong một đoạn sau chúng tôi sẽ nhắc tới.

*

Mặc tử chắc không dạy đệ tử về lễ, nhạc ; Thi, Thư nếu có thì cũng dạy rất ít ; ông đem học thuyết của mình truyền cho họ, mà chú trọng đến việc đào tạo họ thành những người có nghị lực, hễ tri thì hành liền, trọng nghĩa, khinh tài, sẵn sàng hy sinh cho kẻ nghèo, khổ, sống giản dị, khác khổ, chỉ nghĩ đến lợi chung, tin ở sự thưởng phạt của trời và quỷ thần.

Chính ông không làm quan, nhưng giới thiệu đệ tử giúp việc các vua chúa đương thời, như :

Cho Canh Trụ tử làm quan ở Sở (*Canh Trụ*)

Sai Quản Kiêm Ngao giới thiệu Cao Thạch tử làm quan ở Vệ (*Canh Trụ*)

Cho Công Thương Quá làm quan ở Việt (*Lỗ Vấn*)

Cho Tào Công tử làm quan ở nước Tống (*Lỗ Vấn*)

Sai Thảng Xước thờ Hạng tử Ngưu (*Lỗ Vấn*)

Cho một đệ tử (không biết tên) làm quan ở Vệ (*Quý Nghĩa*)

Đệ tử phải tuyệt đối phục tòng ông.

Họ làm quan, lộc cao bổng hậu thì cũng phải sống đạm bạc, để dành tiền nộp cho ông chi tiêu cho đoàn thể. Túc

như trường hợp Canh Tru tử làm quan ở Sở ; khi ông và các đệ tử khác tới Sở, Canh Tru tử đem tặng ông mười dật vàng, thưa : "*Con không dám mang tội chết, xin dâng thầy mười dật vàng, để thầy tiêu*". Chúng tôi nhấn mạnh vào những chữ : "*Con không dám mang tội chết*". Kỷ luật của đoàn thể nghiêm như vậy đấy.

Việc dùng hồng lộc để giúp đoàn thể chỉ là phụ. Quan trọng nhất là họ phải thuyết phục các vua chúa thi hành đạo kiêm ái, giao lợi, phi công của tôn sư. Không thi hành được thì họ nên từ chức như Cao Thạch tử trong bài 13 thiên *Canh Tru* :

Cao do Quản Kiêm Ngao giới thiệu và đề cao, được vua Vệ cho làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, nói hết những điều mình muốn nói, nhưng không điều nào được thi hành cả, bèn bỏ đi, về thưa với Mặc tử :

"Xưa thầy có dạy con : "Thiên hạ vô đạo thì kẻ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu". Nay vua Vệ vô đạo mà con tham tước lộc của ông ta thì là cầu thả an lúa gạo của người."

Mặc tử mừng, gọi Tử Cầm tử lại bảo : "Nghe lời anh ấy nói không ? Bỏ nghĩa để hưởng lộc, ta vẫn thường nghe có hạng người ấy ; bỏ lộc mà theo nghĩa thì ta mới thấy có anh Cao Thạch tử".

Câu "Thiên hạ vô đạo, nhân sĩ bất xử hậu yên" nghĩa cũng như câu "Bang vô đạo, cốc, sĩ dĩ" của Khổng tử (*Hiển vấn* bài 1) (: nước vô đạo mà làm quan để an lương, là điều xấu hổ).

Nếu họ không tự ý từ chức thì Mặc tử có thể yêu cầu chủ của họ không dùng nữa, tức trường hợp của Thảng Xước.

Mặc tử sai Thảng Xước thờ Hạng Tử Nguu. Hạng Tử Nguu ba lần xâm chiếm nước Lỗ mà Thảng Xước đều theo giúp. Hay chuyện đó, Mặc tử sai Cao Tôn Tử xin Hạng Tử Nguu đuổi Thảng Xước về. Vì ông sợ dĩ sai Thảng Xước thờ Hạng Tử Nguu là muốn Thảng Xước ngan tính kiêu ngạo, và sửa những sai lầm của Hạng Tử Nguu, không ngờ Thảng Xước ham lộc hậu mà giúp Hạng Tử Nguu làm bậy, như vậy là cội bồng lộc hơn điều nghĩa (*Lỗ Vấn* - 20).

So sánh bài đó với bài 16 thiên *Tiên Tiến* (Luận Ngữ), chúng ta thấy cách trừng phạt đệ tử của Mặc và Khổng khác nhau :

Nhiễm Hữu làm gia thần, thầu thuế cho họ Quý, một đại phu giàu có của nước Lỗ, mà hóp chẹn dân, như vậy là bất nhân, làm giàu thêm cho kẻ giàu. Khổng tử ra lệnh cho đệ tử : "Nó không phải là môn đệ của ta, các con nên đánh trống và công kích nó đi." Chác Nhiễm Hữu xấu hổ và sợ hãi hơn Thảng Xước.

Nghiêm khác nhất là Mặc tử bát môn đồ phải hy sinh cho lý tưởng, và theo *Hoài Nam tử* thì đa số sẵn sàng vì ông mà nhảy vào lửa, đạp lên mũi dao, chịu chết chứ không chịu lùi bước. Điều đó có thể tin được, và ba tram đệ tử của Mặc do Cẩm Hoạt Li cầm đầu, chác chán có tinh thần đó khi bảo vệ thành trì cho Tống, chống với quân đội hùng cường của Sở và khi giới tối tân của Công Thâu Ban.

Mà Mạc cũng không hề thương tiếc những môn đồ hi sinh vì lý tưởng đó, như chúng ta đã thấy trong bài 11 thiên *Lỗ Văn* (coi chương III phần I). Đó là thái độ một chính trị gia, một đảng trưởng chứ không phải một giáo chủ.

Không hiểu trước khi mất, Mạc tử có chỉ định một môn đệ nào thay mình làm thủ lãnh đoàn thể không. Nếu có thì có lẽ là Cẩm Hoạt Li. Theo sách *Trang tử* (thiên *Thiên hạ*) thì các đời sau, Mạc gia gọi thủ lãnh của họ là "cự tử", "coi cự tử" như bậc thánh, nguyên thờ cự tử, "*mong kế thừa được truyền thống của đạo Mạc*" Sách *Lữ Thị Xuân Thu* kể tên ba cự tử : Mạnh Tháng, Phúc Thôn và Điền Tương tử.

Mạnh Tháng thờ Dương Thành Quân. Sau khi Ngô Khởi chết, Dương Thành Quân phải tội, trốn đi. Nước Sở đem quân tới đánh chiếm nước của Dương Thành Quân. Mạnh Tháng không giữ nổi, xấu hổ với lòng tin cậy của chủ, muốn tự tử. Một đệ tử của Mạnh Tháng tên là Từ Nhược can : "Chết mà có ích cho Dương Thành Quân thì nên chết ; vô ích thì không nên vì như vậy làm cho đạo Mạc tuyệt mất" : Mạnh Tháng đáp : "Không phải vậy. Ta với Dương Thành Quân nếu không phải là tình thầy trò thì là tình bằng hữu, không phải tình bằng hữu thì là tình vua tôi. Nếu ta không chết thì từ nay về sau, ai muốn tìm nghiêm sư, tất không tìm người đạo Mạc, ai muốn tìm bạn hữu tất cũng không tìm người trong đạo Mạc, ai muốn tìm bề tôi hiền tất cũng không tìm người trong đạo Mạc. Ta chết đi là để thi hành điều nghĩa của họ Mạc mà nối nghiệp của người

trước. Ta định để Điển Tương tử ở nước Tống thay ta làm cự tử. Điển Tương tử là người hiền, lo gì đạo Mặc bị tuyệt ở đời.

Từ Nhược thua : "Thấy đã nói vậy thì Nhược tôi xin được chết trước rồi", đập đầu ngay trước mặt Mạnh Thắc. Mạnh Thắc sai hai người đem chức "cự tử" truyền cho Điển Tương tử, rồi chết. Một trăm tám mươi ba người chết theo. Hai người truyền lệnh cho Điển Tương tử rồi, muốn trở về Sở để chết cùng Mạnh Thắc. Điển Tương tử ngăn : "Thấy Mạnh đã truyền chức cự tử cho ta rồi ; hai anh phải nghe lời ta !"

Ngô Khởi chết năm - 381. Việc đó xảy ra ít nhất là vài ba chục năm sau khi Mặc tử mất.

Phúc Thôn, sống ở Tấn, có một người con giết người. Tấn Huệ vương bảo Phúc Thôn : "Ông nay đã già mà không có người con nào khác. Quả nhân đã ra lệnh tha tội cho nó. Ông nên nghe lời quả nhân." Phúc Thôn đáp : "Theo phép của đạo Mặc" giết người thì phải tội chết, đã thương người thì bị tội hình" như vậy để cấm giết người và đã thương người. Cấm giết người và đã thương người là đại nghĩa của thiện hạ. Mặc dẫu nhà vua tha tội không giết nó, nhưng Phúc Thôn không thể không thi hành phép của đạo Mặc." Rồi người cha dọ giết con. Trong lịch sử Trung Hoa chưa từng thấy lần nào sự mâu thuẫn giữa gia đình và đoàn thể đưa tới một bi kịch ghê gớm như vậy, cũng chưa bao giờ có một đoàn thể kỉ luật nghiêm đến như vậy.

Tấn Huệ vương lên ngôi năm -338, tự xưng vương năm -325, việc kể trên phải xảy ra sớm nhất là năm -325, vậy

bảy, tám chục nam sau khi Mạc tử mất, đoàn thể Mạc gia vẫn còn chặt chẽ, giữ được kỉ luật.

Về Điển Tượng tử chúng tôi chưa kiếm được tài liệu gì cả.

*

* *

Ngô Tất Tố (sách đã dẫn - trang 216-17) bảo Mạc giáo rõ ràng là một tôn giáo vì hai lẽ :

– Mạc tử tôn trời và thượng qui, cho trời qui là thiêng liêng, sáng suốt, thưởng người thiện, phạt người ác ; hơn nữa lại bảo người ta phải làm ra xôi, rượu để cúng trời, qui.

– Mạc tử có tư cách một vị giáo chủ, như Thích Ca, Ki Tô, sốt sắng cứu đời, "mòn trán, lổng gót" cái gì lợi cho thiên hạ thì làm".

Nhưng trang 215, Ngô Tất Tố lại bảo Mạc tử "lợi dụng lòng sợ trời, qui của loài người, mà bảo "kiêm ái là việc trời, qui vẫn muốn" để cho người dễ theo".

Như vậy là ông cũng nhận như Phương Thu Sở rằng : "Mạc tử bắt trời thay mình hành đạo", mà lòng tin trời và tinh thần tôn giáo của Mạc thì không hơn gì của Voltaire, triết gia Pháp (thế kỉ XVIII) đã thốt ra lời bất hủ này : "Nếu không có Thượng Đế thì chúng ta phải tạo ra một Thượng Đế". "Một Thượng Đế ban hành thưởng phạt để vừa kim hãm, vừa an ủi chúng ta".

Chúng ta khó tưởng tượng được một "giáo chủ" mà lại có tinh thần duy lý, hoài nghi như vậy. Không rõ Mạc cùng môn đệ có tụng niệm không, chỉ biết ông không hề khẩn vái để cầu phúc cho mình.

Ông không đặt ra lễ nghi, như các tôn giáo khác (như Kì Tô giáo, Hồi giáo) ; Khổng giáo ít nhất cũng có đàn Nam Giao để thờ trời. Các đệ tử của ông không có vẻ gì là một đoàn tang lễ, mà chỉ là những quan lại, chiến sĩ lo việc đời, việc tục, hơn là việc tu hành, mà viên cự tử là một đoàn trưởng, đẳng trưởng hơn là một giáo chủ. Cũng không có tin điều, huyền thoại (như thiên khải). Không có một quan niệm về thiên đường, địa ngục, không hề bàn tới kiếp lai sinh, mà cũng không hề làm thỏa mãn nhu cầu thần bí (mysticisme) của con người.

Hơn nữa, ngay các đệ tử vài ba thế hệ sau, cũng không tin trời và quỷ nữa, nên phải Biệt Mạc không bàn gì về thần quyền cả. Thế là nếu có Giáo hội thì giáo hội cũng đã tan rã.

Vậy chỉ có thể gọi Mạc giáo là một tôn giáo theo cái nghĩa "giáo lý" của phương Đông thời xưa, chứ không thể theo cái nghĩa "religion" ngày nay, vì một religion thì phải có đủ một hệ thống tin điều, huyền thoại ; một giáo hội với các lễ nghi và một hệ thống đạo đức. Mạc học cũng như Khổng học chỉ mới có một hệ thống đạo đức thôi.

André Malraux trong cuốn *Antimémoire* (Gallimard - 1967) bảo dân tộc Trung Hoa có rất ít tinh thần tôn giáo. Lời đó có phần đúng. Ba đạo lớn của họ đều không phải

là tôn giáo, mà chỉ là những triết học chú trọng tới nhân sinh và chính trị.

Đạo Khổng từ đời Hán được coi là quốc giáo mà suốt mấy ngàn năm không thành một tôn giáo. Ở Sơn Đông còn đến thờ ông : ở nước ta, ở các kinh đô, mỗi tỉnh, mỗi phủ cũng có van miếu hay van chỉ thờ ông, nhưng chỉ những người có khoa bảng mới được dự việc tế và mỗi năm cũng chỉ tế hai kì vào mùa xuân và mùa thu. Vậy người ta thờ ông là thờ vị "vạn thế sư biểu", chứ không phải thờ một vị giáo chủ, một vị thần linh.

Lão tử không nói tới Thượng đế, mà chỉ nói tới Đạo, tức một cái gì đó "vừa lớn vừa trống không, đứng một mình mà không biến đổi, trôi đi khắp nơi mà không ngừng", cái đó mới là nguyên thủy của trời đất, vạn vật. Lão, Trang, không hề thờ trời.

Tới cuối thời Chiến Quốc, Lão giáo hợp với âm dương gia, biến thái đi, không còn là một triết học mà thiên về dị đoan, tin rằng có phép trường sinh, tìm cách điều hòa âm dương, lấy trộm cái huyền vi của trời đất chế ra cách luyện đan, cách luyện tinh, khí, thần để được bất tử. Từ đó Lão giáo biến thành Đạo giáo, một thứ đạo tu tiên. Phái đó thờ Hoàng Đế, và sau tôn Lão tử là Thái Thượng Lão Quân chỉ vì họ hiểu sai câu này trong *Đạo Đức Kinh* : "Tử nhi bất vong giả thọ", cho rằng Lão tử tin có thể trường sinh bất tử được. Vậy cũng không thể coi Đạo giáo như Ki Tô giáo, Hồi giáo, Bà La Môn giáo, Phật giáo được.

Mạc giáo chủ trương thờ trời, và thần linh, thương yêu mọi người, có thể thành một tôn giáo như Ki Tô giáo được :

nhưng Mặc tử và đệ tử quá lo về mặt chính trị, suốt đời hôn ba thuyết phục các nhà cầm quyền mọi nước, dất nhau đi giữ thành cho nước Tống ; lại có tinh thần thực tiễn quá, cho nên không tạo nổi một tôn giáo, mà sau khi ông chết, các đệ tử càng ngày càng thiên về triết học hơn, bỏ phần tín ngưỡng cần thiết cho một tôn giáo để chú trọng về tri thức luận, biện học, khoa học.

Tóm lại kẻ "sĩ" Trung Hoa có tinh thần duy lý, thực tiễn mà giữ cho Không giáo và Mặc giáo không thành một tôn giáo ; còn hạng bình dân của Trung Hoa cũng như của mọi dân tộc khác, bao giờ cũng thiên về di đoan, đã biến Lão giáo thành Đạo giáo ; và khi Phật giáo ở Ấn Độ truyền qua, dân chúng thấy nó làm thỏa mãn được nhu cầu thần bí của mình, chấp nhận nó ngay ; nhưng giới "sĩ" ngược lại muốn giữ tinh thần triết học của Phật giáo, phát huy phần đại thừa (cũng gọi là đại tạng) hơn là phần tiểu thừa.

Muốn tìm một tín ngưỡng chung cho dân tộc Trung Hoa, đặc biệt của dân tộc Trung Hoa thì chúng ta chỉ có thể nói như Glaserapp trong *Les cinq grandes religions* (Payot - 1954) rằng tôn giáo của họ là Vũ trụ giáo (Universisme) vì cả ba đạo Khổng, Lão, Mặc, cả kẻ sĩ lẫn bình dân của họ đều tin rằng vũ trụ gồm ba thành phần trời, đất và người - mà họ coi là "tam tài" - ba thành phần đó hoàn toàn là một, vì hỗ tương ảnh hưởng tới nhau, và đều theo một luật chung, một trật tự chung, tuy biến đổi mà không hỗn loạn, rối cuộc vẫn giữ được sự điều hòa cần cho sự tồn tại.

Vậy Mặc tử không phải là một giáo chủ, mà một triết gia. Học thuyết của ông là một triết thuyết chính trị có hệ thống mặc dầu không chặt chẽ, đôi chỗ mâu thuẫn.

Chúng ta có thể tưởng tượng được quốc gia lý tưởng của ông.

Trong quốc gia đó :

– Ai cũng thương yêu, giúp đỡ nhau, làm lợi cho nhau như cho chính mình, thực hiện đúng ý muốn của trời là kiêm ái ; do đó không có trộm cướp, không ai hiếp ai, nước thật là trị, mà cũng không gây chiến với nước khác.

– Rất có trật tự, kẻ dưới phải thống nhất tu tượng với người trên ; cá nhân phải thống nhất với gia đình ; gia đình với làng xóm ; làng xóm với huyện, tỉnh ; huyện, tỉnh với triều đình tức vua ; và sau cùng vua với Trời và quỷ thần (ai cũng thờ Trời và quỷ thần).

– Người thiện thì được khen thưởng, kẻ ác thì bị trừng trị ; cử tử dưới báo cáo lên trên. Có sự chế tài của chính trị, tức của nhà cầm quyền ; ở trên cùng lại có sự chế tài của tôn giáo, tức của Trời và thần linh. Như vậy là Mặc rất coi trọng sự thưởng phạt ; không dùng sự giáo hóa bằng lễ nhạc.

– Mặc dấu xã hội rất có tôn ti, nhưng không có giai cấp nào được có đặc quyền ; mọi người được bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ. Ai có tài đức thì dù là bình dân cũng được giao cho trọng trách không có tài đức thì dù là quý tộc cũng thành bình dân ; từ vua tới dân thường, ai cũng phải siêng năng, làm việc hết sức mình theo một sự phân công tùy khả năng của mỗi người ; ai cũng phải tiết kiệm, sống đạm bạc, không ai có thể bắt người khác phục vụ

mình, thỏa mãn những nhu cầu xa hoa của mình, vì như vậy là cướp thì giờ, cái ăn cái mặc của người khác.

– Ai cũng đủ ăn đủ mặc, mệt nhọc thì được nghỉ ngơi ; chỉ có ba nhu cầu đó là căn bản thôi.

– Bỏ hết mê thuật, những tổn phí không làm lợi cho dân, mà chạy, tang lễ giảm tới mức tối thiểu, như người thượng cổ, thời còn bô lạc ; không cả đàn ca, múa hát nữa.

Trai thì 20 tuổi, gái thì 15 tuổi, phải có vợ có chồng để sinh sản cho nhiều mà dân số tăng mau lên.

Như vậy là thực hiện được ba mục tiêu chính của nhà cầm quyền : *"phú chi, chúng chi, trị chi"*.

*

* *

B. CÔNG CỦA MẶC TỬ

Rất nhiệt tâm cứu đời, Mặc tử có tinh thần cách mạng cao. Khi Công Mạnh tử bảo : "Người quân tử không sáng tác [đưa ra một thuyết mới], chỉ thuật lại [đạo người xưa] thôi". Ông đáp :

– Không phải vậy [...] Tôi cho rằng đời xưa có gì hay thì thuật lại, mà mình có gì hay cũng đưa ra, như vậy là muốn cho cái hay càng nhiều lên.

(Công Mạnh tử viết : "Quân tử bất tác, thuật nhi dĩ."
Tử Mặc tử viết : "Bất nhiên... Ngô dĩ vi cố chi, dục thiện chi ích đa dã." – (Canh Trụ, 17)

Ông lại biết tùy hoàn cảnh mà sửa đổi xã hội. Bài 15 thiên *Lỗ Vấn*, ông khuyên một môn sinh là Ngụy Việt :

"Vô một nước nào thì lựa việc mà làm. Một nước loạn thì giảng về đạo trong ngục hiên, tán đồng với người trên. một nước nghèo thì giảng về phép bớt tiêu xài, tiết giảm việc ma chay ; một nước thích âm nhạc, chìm đắm trong rượu thì khuyên bỏ nhanh đi, đừng tin có số mạng ; một nước chỉ lo việc xâm chiếm nước khác thì giảng về đạo kiêm ái, không đánh nước người. cho nên bảo : "Phải lựa việc mà làm [tùy mỗi nước]" (Trách vụ nhị tông sư).

Vì vậy ta không bảo là ông phục cổ được, mặc dầu rất nhiều lần ông dẫn những hành vi của ba đời thành vương - (Nghieu, Thuấn, Thang, Vũ, Văn vương, Võ vương) để làm gương, và xã hội lý tưởng của ông có nhiều điểm giống thời bộ lạc.

Ông thấy xã hội đương thời có nhiều xấu xa, một phần do Khổng giáo gây ra, nên ông muốn sửa đổi đạo Khổng. Ông đã đảo lộn, nhạc của Khổng mà dùng thương phạt, đã đảo tuc ma chay hậu hĩ và để tang lâu của Khổng, đã đảo thái độ không thờ quỷ thần mà tin số mạng của Khổng ; nhưng ông cũng biết đạo nhân của Khổng là tốt, nên ông chỉ sửa nó, khuếch trương nó thành đạo kiêm ái ; biết nhận thuyết tôn ti, thượng hiên của Khổng là đúng, nhưng ông cũng sửa lại cho công bằng hơn, bỏ đặc quyền thế tập của giai cấp quý tộc để cho giai cấp bình dân của ông khỏi bị thiệt thòi.

Vì vậy mà chúng ta có thể nói một mặt ông bình dân hóa đạo Khổng, một mặt ông đưa ra những chủ trương mới

mẽ, tảo bạo mở đường cho các pháp gia như Thương Ưởng, Hàn Phi sau này ; như bắt dân phải tuyệt đối phục tùng bề trên, phải tố cáo những kẻ ác lên cấp trên, nếu không thì phải chịu tội như chính mình làm điều ác ; trọng cách thưởng phạt hơn là cách giáo hóa bằng lễ nhạc ; trong cách xét ngôn ngữ và hành vi của người dưới trước khi giao việc ; nhất là hủy bỏ quyền thế tập của giai cấp quý tộc.

Trong ba phái chủ trương "hữu vi" ở thời Xuân Thu và Chiến Quốc - hữu vi hiểu theo nghĩa can thiệp vào đời sống của dân - Chúng ta thấy Mặc tử đứng ở giữa, làm gạch nối cho Nho và Pháp ; và triết học chính trị thời đó, càng ngày càng tăng phần hữu vi lên ; còn chủ trương "vô vi" của Lão, Trang, Liệt tử chỉ bùng lên không lâu và không có ảnh hưởng gì nhiều tới nhà cầm quyền ⁽¹⁾

Ưu điểm của Mặc học khá nhiều : thực tâm yêu dân, lo cho dân ; dả đảo chiến tranh xâm lăng ; muốn tạo một xã hội công bằng, bình đẳng ; đề cao tính cương cường, sự cần lao, và tiết kiệm... Ngoài ra về tri thức luận, Mặc tử đã nêu ra được ba tiêu chuẩn để lí luận (tức tam biểu, hay tam pháp) mặc dầu khi áp dụng, ông quá dễ dãi, chủ quan, ngây thơ nữa.

Mà khuyết điểm cũng không ít. Trong các chương trên chúng tôi đã nói ở thời đại ông, mà ngay cả ở thời đại

(1) Như vậy thì chúng ta phải thay đổi lối viết sử thời Xuân Thu và Chiến Quốc, không nên chỉ chép các chiến tranh thôn tính lẫn nhau của ngũ bá, mà nên nhấn vào chính sách trị dân của Quản Trọng tới Thương Ưởng, Li Tư để làm nổi bật tính cách mỗi ngày một tăng của chủ trương hữu vi đó.

chúng ta ngày nay nữa, thuyết kiêm ái li tưởng quá, không hợp tình người, vì phải tổ chức xã hội ra sao, để thi hành kiêm ái ở khắp nơi rồi cá nhân mới thi hành được ; nếu không vậy, cá nhân nào muốn kiêm ái thì phải dùng có gia đình. Mặc gia đời sau hiểu vậy nên đã sửa lại thuyết đó, thành thuyết "luân liệt", nghĩa là yêu mọi người ngang nhau nhưng phân biệt theo thứ tự, yêu người thân của mình trước.

Mặc bất dân khác khổ quá, cũng không hợp tình người. Ông không trọng tình cảm mà chê lễ nhạc, không hiểu công dụng lớn của lễ nhạc trong sự giáo hóa.

Bỏ hết xa xỉ, mỹ thuật, chỉ trọng nông và một vài công nghiệp căn bản - tức là làm cho nước nghèo. Một xã hội như vậy sẽ vĩnh viễn ở vào giai đoạn đầu của văn minh nông nghiệp, không sao tiến lên được.

Hữu thần luận của ông làm cho dân quá mê tin, trở về tôn giáo thời án lông ở lỗ.

Ngoài ra, ông lại mâu thuẫn với ông như chúng tôi đã trình bày ở chương trên... : không ai hưởng thụ, dù vua quan cũng phải sống cực khổ như dân, mà lại cho bậc hiền nhân được tước cao, lộc hậu, họ sẽ dùng cái lộc hậu để làm gì ?

Dưới đây chúng tôi xin trích thêm một đoạn trong sách Trang tử phê bình Mặc tử :

"Mặc Định và Cẩm Hoạt Li, tổ ra thái quá trong việc họ làm và dễ dàng quá trong việc họ cấm. Họ cấm nhạc lấy lẽ rằng để tiết kiệm ; bảo sống không nên ca hát, người

thân chết thì không được bận đồ tang. Mặc tử chủ trương khiêm ái, mưu cái lợi chung cho mọi người, phản đối chiến tranh. Đạo của ông là không oán giận, ông hiếu học, biết rộng nhưng không chấp nhận những ý kiến khác mình. Ông không đồng ý với thánh vương thời xưa, bỏ hết lễ nhạc. Vế cô nhạc thì Hoàng Đế đặt ra điệu Hàm Trì, vua Nghiêu có điệu Đại Chương, vua Thuấn có điệu Đại Thiều, vua Vũ có điệu Đại Hạ, vua Thang có điệu Đại Hộ, vua Văn Vương có điệu Tịch Ung, vua Vũ Vương và ông Chu Công có điệu Vũ. Tang lễ thời xưa, sang hay hèn đều có nghi lễ nhất định, phân biệt đẳng cấp trên dưới, như thiên tử có bảy lớp quan quách, chư hầu có năm lớp, đại phu ba, kẻ sĩ hai. Riêng Mặc tử thì khi sống cấm ca hát, khi người thân chết cấm bận đồ tang, áo quan bằng gỗ vông chỉ dày ba tấc, mà không có quách, đó là phép chung cho mọi người.

"Đem đạo đó dạy người, đâu phải là yêu người, chính mình đem đạo đó cũng không phải là yêu mình. Tôi không công kích đạo Mặc tử, nhưng người ta ca hát mà ông ấy cấm, người ta khóc [người chết] mà ông ấy cấm ; người ta chơi âm nhạc mà ông ấy cấm, như vậy có hợp nhân tình không ? Sống thì lao khổ, chết thì bị chôn cất bạc bẽo, cái đạo ấy khác nghiệt quá, khiến người ta u uất buồn rầu, khó thì hành được. Tôi còn ngại rằng đó không phải là đạo của thánh nhân, trái với lòng người, không ai chấp nhận nó. Tuy một mình Mặc tử theo được, nhưng còn những người khác thì sao ? Ông ấy cách biệt với thiên hạ như vậy, thật là xa đạo của thánh vương quá..."

"Dụng tâm của Mặc tử và Cẩm Hoạt Li tốt, nhưng thực hành sai...Nhưng Mặc tử quả là người tốt trong thiên hạ,

không tìm được người nào khác như ông ấy, chịu cực khổ, dù cho thân thể khô kiệt, ông ấy cũng không bỏ việc giúp đời. Thật là bậc sĩ có tài năng [nhiệt tâm]"

(Mặc tử chân thiên hạ chi hảo dã, tương cầu chi bất đắc dã. Tuy khô cảo, bất xả dã. Tài sĩ dã phù".

Phùng Hữu Lan nhận lời phê bình đó là đúng và bảo : "Phải chăng đó là một lí do khiến cho đạo Mặc không được dùng ở đời sau ?" Theo chúng tôi đó là lí do chính.

Nó không thời nào được dùng nhưng khoảng nam chục nam trước đây, nó được một số nhà cách mạng Trung Hoa đề cao vì nó có nhiều điểm giống lí thuyết công sản : nó bình dân, bênh vực những kẻ nghèo, yếu ; nó trọng cần lao và tiết kiệm ; thuyết kiêm ái của nó tựa như thuyết cộng sản ngày nay gọi là "làm chủ tập thể" ; chủ trương thương đồng của nó không khác thuyết kẻ dưới phải tuyệt đối phục tùng bề trên và tố cáo kẻ nào chống lại chính quyền. Đáng tiếc cho Mặc Dịch sinh trước Lénine và Mao Trạch Đông non hai ngàn rưỡi năm.

PHẦN BA

Biệt Mặc
và
Mặc Kinh

CHƯƠNG I

SAU KHI MẶC TỬ MẤT

A - CÁC PHÁI

Mặc tử mất rồi, Mặc học chia thành những giáo phái nào ? Về điểm đó chúng ta chỉ có hai tài liệu : một trong thiên *Thiên hạ* sách *Trang tử*, một trong thiên *Hiên học* của Hàn Phi. Thiên *Thiên hạ* chép :

"Đê tử của Tương Li Cẩn, môn sinh của Ngũ Hấu và những Mặc gia ở phương Nam như Khổ Hoach, Dĩ (hay Kĩ) Xi, Đặng Lang tử... đều tụng *Mặc Kinh* mà càng có những tư tưởng quái dị, chống đối nhau, tự xưng là Biệt Mặc, công kích nhau bằng những lí luận "kiên bạch" (cứng và trắng), "đồng dị" (giống nhau và khác nhau) ; "lẽ và chân giống nhau" ⁽¹⁾ ; nhưng hết thấy đều coi các cự tử

(1) Nguyên văn : cơ ngẫu bất ngộ : có người giảng là lẽ và chân không gặp nhau ; có người lại dịch là lẽ và chân không có thứ tự.

là thánh nhân nguyên thờ cụ tử, mong kế thừa được truyền thống của đạo Mặc⁽¹⁾.

Thiên Hiến học :

"Sau khi Mặc tử chết, có phái Mặc tử của họ Tương Lí, có phái Mặc của họ Tương Phu, có phái Mặc của họ Đặng Lang. Như vậy... Mặc tách ra làm ba phái, chủ trương khác nhau, mà đều cho là chân truyền của Mặc ... Mặc tử đã không sống lại thì ai là người quyết định được học phái nào là chân chính cho đời ?"

Theo hai tài liệu đó thì :

– Ở thời tác giả thiên *Thiên hạ*, Mặc gia chia làm hai phái :

Bắc : có Tương Lí Căn và Ngũ Hầu

Nam : có Khổ Hoạch, Đặng Lang tử và Dĩ Xỉ.

– Mà ở thời Hàn Phi, Mặc Gia chia làm ba phái, ngoài hai phái kể trên, thêm phái Tương Phu nữa.

Chúng ta không thể tra khảo ở đâu để biết được Tương Lí Căn, Tương Phu, Đặng Lang sống ở thời nào và chủ trương của họ khác nhau ra sao. Trong thiên *Thiên hạ* chúng ta để ý đến hai danh từ *Mặc Kinh* và *Biệt Mặc*.

(1) Nguyên văn : giai nguyên vi chi thi, kí đắc vi kì hậu thế ; có người dịch là : nguyên ủng hộ làm cụ tử (lãnh tụ) hi vọng sau sẽ được lên thay ; Ngô Tất Tố (sách đã dẫn - tr. 146) lại dịch là : đều muốn được làm thần "thi" cho họ, mong làm đời sau của họ. (Thần thi là người ngồi trên bàn thờ, khi tế tự, để thần nương tựa, cũng như họa tượng của đời sau - N.T.Tố)

Biệt Mac gồm những ai ? và *Mặc Kinh* do ai viết ? Cho tới nay ý kiến vẫn còn phân vân.

Hồ Thích trong *Trung Quốc triết học sử đại cương* và Lương Khải Siêu trong *Mặc giả cập Mặc học biệt phái* đều cho rằng Huệ Thi, Công Tôn Long và một số biện giả khác đều ở trong phái Biệt Mặc. Họ ít chú trọng đến chính trị, đến thuyết kiêm ái, phi công, ít tin ở trời và quỷ thần mà chuyên về môn biện luận, nên họ tách rời ra. Họ tự xưng là Biệt Mặc hay người đương thời gọi họ là Biệt Mac, chúng ta cũng không biết.

Nhưng Phùng Hữu Lan và Phương Thụ Sở đều bác thuyết đó. Đại khái Phùng bảo (tr.307-8) : Nho và Mặc đều chú trọng vào thực dụng, căn cứ vào thường thức, vào cảm giác mà giải thích vũ trụ, còn bọn biện giả, trái lại chỉ dùng lí trí suy luận mà giải thích vũ trụ. Vì vậy cuối thời Chiến Quốc cả Nho lẫn Mặc đều đã phá vỡ Biện giả : Tuân (Nho) viết thiên *Chính danh* và Biệt Mặc viết *Mặc kinh* trong đó họ phản đối lý luận của Huệ Thi và Công Tôn Long (như bác câu : Núi với chằm cao bằng nhau : của Huệ Thi), Vậy thì sao có thể sắp Huệ Thi và Công tôn Long vào phái Biệt Mặc được.

Phương Thụ Sở còn đưa thêm lý do này nữa : Huệ Thi thờ Lương Huệ vương, một ông vua mà Mạnh tử chê là bất nhân, vì hiếu chiến, mà Huệ Thi lại được Huệ vương tin cậy, tôn kính, gọi là "trọng phụ" thì đâu phải là theo đạo Mặc tử, kiêm ái và phi công. Huệ không phải là "chân Mặc" hay "Biệt Mặc", chỉ là một nhà nguy biện trong phái danh gia.

Sở dĩ Hồ Thích cho Huệ Thi là Biệt Mặc chỉ vì câu : "Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã" (yêu khắp muôn vật, trời đất là một". Nhưng nếu chỉ vì vậy thì chúng ta cũng có thể nói Trang tử là Mặc gia vì trong thiên *Tế vật luận* Trang cũng chủ trương "thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất".

B - TÁC PHẨM : MẶC KINH

Ở phần I, chương IV, chúng tôi đã nói bộ *Mặc tử* gồm 5 "tổ", mà tổ thứ ba gồm sáu thiên : Kinh thượng, Kinh thuyết thượng, Kinh hạ, Kinh thuyết hạ, Đại thủ, tiểu thủ. Sáu thiên đó gọi là *Mặc kinh* (có người gọi là *Biện Kinh*).

Cao Hanh trong *Mặc Kinh hiệu thuyên* (Thái Bình thư cục - 1966) tr.1, căn cứ vào câu trong thiên *Thiên hạ* chúng tôi đã dẫn ở trên : "Đệ tử của Tương Li Căn, môn sinh của Ngũ Hạo và những Mặc gia ở phương Nam như Khố Hoạch, Dĩ Xỉ, Đặng Lăng tử đều tụng *Mặc kinh*..." mà cho rằng *Mặc Kinh* "mới đầu do Mặc tử viết, cho nên môn đồ của Mặc tử mới đều đọc và gọi là kinh" ; nhưng hai thiên *Kinh* cũng có Mặc gia đời sau viết thêm vào, còn hai thiên *Kinh thuyết* thì đại khái đều do ngọn bút của đời sau cả.

Phùng Hữu Lan - tr. 110-111. Theo thuyết của Cố Hiệt Cương trong *Cổ sử biện* bảo thời Mặc tử trở về trước, chưa có thể loại "kinh", cũng chưa có thể loại "tư luận" (bản về một vấn đề như phần lớn các thiên trong *Tuân*

nữ) ; chỉ mới có thể loại "kí ngôn" (ghi lại lời nói) như trong *Luận ngữ* ; mãi tới sau nửa thời Chiến Quốc, nhân phong trào du học cực thịnh, người ta mới ghi chép thật vắn tắt cho dễ nhớ, do đó mới có thể loại "kinh", như *Mặc kinh*, *Đạo kinh* (trong *Tuân tử*). *Nội ngoại trừ thuyết kinh* trong *Hàn Phi tử*. Còn hai thiên *Đại thủ*, *Tiểu thủ* dùng thể loại "tự luận" lại biên luận về những vấn đề "cứng trắng" "bò ngựa không phải là bò" (ngưu mã phi ngưu), tức là những vấn đề ngay thời Mạnh tử cũng chưa ai nêu ra. Vậy cả sáu thiên trong tổ ba đó, đều không phải là của Mặc tử viết, và sẽ dĩ người ta sắp chung *Đại thủ*, *Tiểu thủ* vào với bốn thiên kia rồi gọi chung là *Mặc Kinh*, mặc dầu *Đại thủ*, *Tiểu thủ* không phải là kinh, chỉ vì nội dung hai thiên đó với bốn thiên kia có nhiều điểm giống nhau.

Chúng tôi nghĩ nếu Mặc tử muốn viết sách và có thì giờ để viết thì tất ông trình bày những thuyết kiêm ái, thượng đồng, thiên chi, tiết dụng..., để cứu đời trước đã, rồi mới bàn về tri thức luân, biện học, khoa học, như trong *Mặc Kinh*, mà như trong phần I chúng tôi đã nói, trọn hai mươi bốn thiên trong tổ hai : *Thượng hiến*, *Thượng đồng*, *Kiểm ái*, *Phi công* v.v... đều do môn sinh chép cả. Vả lại *Mặc Kinh* từ nội dung đến bút pháp, đều khác xa các thiên trong tổ hai quá, khó có thể cho là của Mặc tử được.

Vậy thì là của ai ? Chỉ có thể đoán rằng của nhiều Mặc gia viết ; họ sống đồng thời hoặc sau Huệ Thi, Công

Tôn Long. Phương Thụ Sở (tr. 156) còn ngờ *Mặc Kinh* là một công trình tập thể của các cự tử và học giả theo Mặc giáo.

Nội dung Mặc Kinh.

Kể cả hỗn thiên : hai *Kinh* (thượng, hạ), hai *Thuyết kinh* (thượng, hạ) để giải thích phần kinh - không gồm quá sáu ngàn chữ, mà nội dung bao quát rất nhiều vấn đề. Từ triết học (tri thức luận, vũ trụ luận...), đạo đức, chính trị, kinh tế, tới khoa học : số học, hình học, vật lý...

Đại khái, các tác giả gặp đâu nói đấy, thấy các nhà khác đưa ra một thuyết nào thì bác hoặc giải thích thêm, hề thấy đích là phóng mũi tên (hữu đích phóng thi), khi thì hát bẻ các danh gia (nhất là Huệ Thi), khi thì chê Lão tử, Trang tử, Trâu Diễn... Nội dung rất phức tạp, không sắp đặt, phân loại, không có hệ thống gì cả ; như một cuốn sổ tay vầy thôi.

Theo Ngô Tất Tố thì Kinh thượng giải thích về các giới thuyết, Kinh hạ giải thích về các định lý : Đại thủ bàn về nhiều học thuyết trọng yếu, còn Tiểu thủ thì nói về các phương pháp biện luận (tr.149). Lời đó chỉ đúng một phần thôi, thực ra không có ranh giới rõ rệt như vậy : trong Kinh thượng cũng đưa ra một số định lý hình học ; mà trong Kinh hạ cũng phê phán học thuyết của Lão, Trang, Trâu Diễn...

Tóm tắt nội dung như Phương Thụ Sở (tr.157) có phần hợp lý hơn. Phương chia làm nam mục chính :

- 1- Tu chính là phát triển học thuyết của Mặc tử ;
- 2- Xã hội học như đạo đức, chính trị, kinh tế (phần nhiều ở nửa đầu *Kinh thượng*)
- 3- Ứng dụng khoa học, như sử học, hình học, vật lý (nhiều nhất ở phần cuối *Kinh thượng*), quang học (ở phần đầu *Kinh hạ*).
- 4- Tri thức luận và biện học (*Kinh thượng* và *hạ* đều có nhưng Tiểu thủ chuyên bàn về "biện học").
- 5- Bác học thuyết của các nhà khác.

Hình thức

Về hình thức, *Mặc kinh* cũng rất đặc biệt ở chỗ quá giản lược, sâu kín (nếu không muốn nói là bí hiểm) đến nỗi suốt hai ngàn năm, từ khi Mặc học suy tàn ở đầu đời Hán, mãi tới đầu đời Thanh, không ai đọc nổi, hiểu nổi. Theo lối hồi xưa, người ta cứ chép liền một mạch từ đầu kinh tới cuối kinh, không chấm câu, không xuống hàng, kinh và kinh thuyết sắp đặt lộn xộn hết. ⁽¹⁾ Lại thêm trong hai chục thế kỷ đó, sao đi chép lại biết bao nhiêu lần, nên sai lầm thiếu sót không biết bao nhiêu mà kể.

Đời Tấn, Lỗ Thảng rán chú giải, chẳng may bản đó thất truyền. Phải đợi mãi đến đời Càn Long nhà Thanh, mới có một học giả tên là Tất Nguyên (có sách chép sai là) ra công nghiên cứu, mò mẫm rất lâu rồi mới tìm được cách đọc. Ông tự là Thu phạm, đầu tiên

(1) Coi phụ lục ở cuối chương.

sĩ, làm quan đến chức tổng đốc Hồ Quảng, học rất rộng, từ Kinh sử đến địa lí, địa chất, soạn các bộ *Truyền kinh hiếu, kinh điển hiện chính, Tục Tư trị thông giám...*, Có thể nói ông là người có công phát kiến được *Mặc Kinh*, nếu không thì *Mặc Kinh* tuy còn đó mà cũng như không vì không ai đọc nổi.

Từ Tắt Nguyên đến nay, có hàng chục học giả nghiên cứu, hiệu đính, chú giải thêm ; vậy mà Cao Hanh trong *Mặc kinh hiệu thuyên* cũng phải thú rằng đã mất nhiều nam khảo đính, châm chú các thuyết cũ, mới đọc thông được, rồi chú giải, nhưng không dám tin rằng mình hoàn toàn đúng.

Để đọc giả thấy đại khái hình thức kinh đó ra sao, chúng tôi xin chép lại dưới đây điều thứ nhất và thứ nhì trong số một trăm điều của *Kinh thượng* ⁽¹⁾ sau khi đã được Cao Hanh sắp đặt lại, chấm câu, hiệu chỉnh, chú giải.

Điều 1. 故所得而後成也 不然，無之必
 Kinh 不故，然若體也，成見也 必端大故有之必
 Thuyết 無然若見端

Nguyên văn điều 1 trong *Kinh thượng* và *Thuyết Kinh thượng* chỉ có bấy nhiêu. Phần Kinh không có gì sai, lắm, không phải hiệu đính. Nhưng phần thuyết, Cao Hanh thấy sai, và đề nghị sửa lại như sau : [], ngờ là thiếu chữ, nên sửa lại là : (Theo thuyết của Ngũ Phi Bách)

(1) Kinh hạ gồm 82 điều.

[], ngờ là sai và thiếu bốn chữ, nên sửa lại là : (Theo thuyết của Tôn Di Nhượng) 孫詒讓

Sửa lại như vậy rồi thì thành : Kinh. (Cổ, Sở đắc nhi hậu thành dã). (y như cũ) Thuyết. . (Cổ). Tiểu cổ hữu chi bất tất nhiên, vô chi bất tất nhiên, thể dã, nhược xích hữu doan. Đại cổ hữu chi bất tất nhiên, vô chi bất tất nhiên, nhược kiến chi thành kiến dã.

Và Cao Hanh giảng như sau :

"*Kinh*. Điều 1 này nói về "cổ", tức cái nhân (trong nhân quả). Việc gì cũng có nhân rồi mới có quả, được nhân rồi sau mới thành quả. Cho nên bảo : "Cổ là cái sở đắc (được rồi, có rồi) rồi sau mới thành.

Thuyết. Điều này nói về luật nhân quả. Việc nào cũng vậy, có nhân thì có quả, không có nhân thì không có quả, đó là cái cốt yếu của luật nhân quả. Điều đáng xét là việc mà thành quả, nếu nguyên nhân mà đơn thuần, nghĩa là chỉ có một nhân mà thành một quả thì ngày nay gọi là "đơn nhân" ; nếu nguyên nhân mà phức tạp, nghĩa là phải có nhiều nhân mới thành một quả, thì ngày nay gọi là "kiêm nhân", mỗi cái nhân trong số kiêm nhân đó nay gọi "thể nhân" (體因). Hai chữ "tiểu cổ" trong đoạn nay, tức là trở "thể nhân". Có thể nhân chưa nhất định là có quả nhưng không có thể nhân thì nhất định là không có quả. Cho nên bảo : "Tiểu cổ, có nó thì chưa nhất định như vậy, không có nó thì nhất định không như vậy" (Tiểu cổ, hữu chi bất tất nhiên, vô chi bất tất nhiên). Thí dụ : chết rét là do ba nguyên nhân : trời rét

dữ, không có áo ấm, nhà không ấm. Ba nguyên nhân đó gọi chung là kiêm nhân, tách từng nguyên nhân ra thì gọi là thể nhân. Nếu chỉ có một trong ba nguyên nhân đó thì chưa nhất định như vậy". Nếu không có một trong ba nguyên nhân đó thì quyết định không có cái quả là chết rét, cho nên bảo "không có nó thì nhất định không như vậy"

Theo điều 2 (coi ở sau), thì "thể" từ "kiêm" mà chia ra (thể phân ư kiêm dã)

) Thể nhân tức là một trong các kiêm nhân, vì vậy mà gọi là "thể" [cũng như ngày nay ta gọi là bộ phận]

Đường thẳng trong hình học, *Mặc Kinh* gọi là "xích" (thước). Cái chấm trong hình học, *Mặc kinh* gọi là "doan" (dấu mối).

Hợp nhiều cái thể thành cái kiêm, cũng như hợp nhiều điểm lại thành đường thẳng. "Kiêm nhân" gồm nhiều "thể nhân" cũng như đường thẳng gồm nhiều điểm. Cho nên bảo : Như cái "xích" có cái "doan" (Nhược xích hữu doan). 若尺有端

"Đại cố" tức là "đơn nhân". Hễ có đơn nhân thì tất có quả, không có đơn nhân thì không có quả. Cho nên bảo : "Đại cố, có nó thì nhất định như vậy, không có nó thì không nhất định như vậy" (Đại cố, hữu chi tất nhiên, vô chi tất bất nhiên). Thí dụ : Chết đói, nguyên nhân là chỉ có một : Không ăn. Đó là "đơn nhân". Hễ có cái nhân là "không ăn" thì nhất định có cái quả là "chết đói", cho nên bảo : "Có nó thì nhất định như vậy" (hữu chi tất nhiên) ; không có cái nhân "không ăn" thì nhất định không có cái quả "chết đói" cho nên bảo : "Không có nó thì nhất định không như vậy". Thí dụ : Mất nhìn một vật gì (1) tất phải thấy vật đó, dù trong đêm tối thì cũng thấy

(1) Bản của chúng tôi in thiếu một chữ, chúng tôi đoán nghĩ như vậy.

mở mở. Cho nên bảo : Như : Cái mình nhìn thành ra cái mình thấy" (Nhược kiến chi thành kiến dã ⁽¹⁾).

Tóm lại : Luật nhân quả trong điều 1 này là : một việc nào do nhiều nguyên nhân mà thành, nếu có một nguyên nhân thì chưa nhất định là có kết quả, nếu thiếu một nguyên nhân thì nhất định là không có kết quả. Một việc nào chỉ do một nguyên nhân mà thành, có nguyên nhân đó thì nhất định là có kết quả, không có nguyên nhân đó thì nhất định không có kết quả".

Vậy "tiểu cố", tức "thể nhân" trong điều 1 này tức như toán học ngày nay gọi là điều kiện át có mà không đủ (condition nécessaire et non suffisante) ; còn đại cố tức "đơn nhân", toán học ngày nay gọi là điều kiện át có và đủ (condition nécessaire et suffisante).

※

Điều 2.

Kinh . 體，分於兼也

Thuyết - 「體」若二之一，尺之端也

(Tất cả phần kinh và phần thuyết, nguyên văn đều đúng, không phải hiệu chỉnh) Cao Hanh giảng như sau :

Kinh - Tổng thể của vật, *Mặc Kinh* gọi là "kiêm" ; Một bộ phận của vật, *Mặc Kinh* gọi là "thể". Bộ phận do tổng thể (toàn thể) chia ra, cho nên bảo : "Thể, từ kiêm mà chia ra" (Thể phân ư kiêm dã)

(1) Câu này Cao Hanh giảng vẫn còn lúng túng.

Thuyết – Điều này đưa ra một "lệ" (một định nghĩa) để giải thích Kinh. Hợp một cái, một cái nữa mà thành hai cái, cho nên "hai" là "kiêm", mà "một" là "thể". Đường thẳng trong hình học, "*Mặc Kinh*" gọi là "xích"; cái chấm trong hình học, "*Mặc kinh*" gọi là "doan". Hợp nhiều "doan" lại thành "xích", cho nên "xích" là "kiêm", mà "doan" là "thể". Cho nên bảo "thể": Như một cửa hai, doan của xích (Nhược nhị chi nhất, xích chi doan dã)

Đọc điều 1 và điều 2 dẫn ở trên, chúng ta thấy *Kinh* rất vắn tắt, chỉ như một thứ "aide mémoire" cho nên phải có "thuyết" để giảng; nhưng chính thuyết cũng chưa đủ sáng sủa, người sau lại phải giảng thêm nữa.

*

* *

Chúng tôi chỉ có mỗi một bản hiệu chính và chú giải của Cao Hanh, do Thái Bình thư cục ở Hương Cảng xuất bản năm 1966, không sao kiếm được một bản khác. Có lẽ bản đó là bản mới nhất, công phu nhất, tiếc rằng chỉ có hai thiên *Kinh*, 2 thiên *Kinh thuyết* mà không có hai thiên *Đại thi*, *Tiểu thi*.

Chắc chắn còn một số bản ở các nhà khác, và không nhà nào hoàn toàn đồng ý với nhà nào cả, có khi trái ngược nhau nữa.

Chúng có là bản Ngô Tất Tố dùng để viết cuốn *Mặc từ* (mà ông không cho biết là của ai) có nhiều chỗ giải

thích khác Cao Hanh quá xa. Chúng tôi xin dẫn một thí dụ :

Nguyên văn điều 76 như sau :

Ngô Tất Tố dịch là : "Sự "làm" cùng tận ở cái biết, mà lại treo buộc ở cái muốn"

Rồi ông giảng thêm :

"Chữ" "làm" tức là hành vi. Ý nói hành vi tức là một nơi dừng đậu của trí thức, nhưng nó lại phải tựa theo dục vọng của người ta nữa (tr. 162-63).

Cao Hanh ngữ chữ 爲 đó là chữ 譌 vì theo *Thuyết văn*, hai chữ đó đọc như nhau, cho nên dùng thay nhau được, mà nghĩa là lấm lẫn. 係 tức là chữ 縣 nghĩa là buộc, treo. Và Cao giảng là : Người ta sở dĩ lấm lẫn trong việc làm là do cái trí khôn không biết được [lợi, hại] mà lại bị lòng dục (muốn) lôi kéo, trói buộc ; tức như lòng muốn làm một việc nào đó mà trí khôn không biết rằng việc đó không nên làm, nên mới tới nỗi lấm lẫn.

Cũng điều 76 đó, nguyên văn *Kinh thuyết* như sau :

Ngô Tất Tố bảo chữ 難 trong tự điển Trung Hoa không có. Tất Nguyên cho là chữ 離 (nan) viết khác. Tôn Di Nương, Hồ Thích cho là chữ 新

(爲) 智 爲 罪 其 指 智 不 知 害 是
於 之 害 也 若 智 慎 文 也 無 遺
猶 其 食 也 而 猶 之 則 離 之
知 知 利 害 未 可 知 也 欲 而 騷
不 以 所 疑 止 所 欲 也 (. . .)

(tân) làm ra. Dùng hai thuyết đó mà giải nghĩa đều không trôi. Ông đành tạm đánh dấu hỏi và dịch là "nghiêm".

Còn chữ 離, ông theo Tôn Di Nương, cho là cũng như chữ li là mắc phải - Và chữ 駭, ông theo Tất Nguyên, cho là cũng như chữ 孽 tức là tanh. Sau cùng ông dịch là :

"Làm là muốn nghiệm ý mình. Trí khôn không biết cái hại của nó, ấy là tội của trí khôn. Nếu trí khôn cần than, không sót sự hại, mà còn muốn nghiệm, thì vẫn còn mắc phải cái hại. Ví như ăn gỏi, mùi tanh là lợi hay hại chưa biết. Muốn ăn mà nó lại tanh. Đó là không vì cái ngờ mà thôi cái muốn".

Cao Hanh giải thích khác hẳn. Ông ngờ chữ 離 là chữ 離 chép lấm. Chữ 文 là chữ 丌, chép lấm mà trong Mạc Kinh 兀, tức là chữ 其.

Chữ 慎 là chữ 真, chép lấm, ở dưới chữ 文, mà đưa lộn lên trên. Chữ 離 cũng là chữ 離 chép lấm vì hai chữ giống nhau, 離 đọc là am, là một loại chim thuần 鶯 (như con cút). Nhưng ở đây 離 dùng thay chữ 飲, mà theo Thuyết văn thì là chữ 飲.

Chữ 指, ông ngờ là chữ 鴿, hai chữ đọc như nhau, dùng thay nhau; mà 鴿 tức là con cưu 鴿 (ta gọi là tu hú?), theo thuyết xưa, lông cánh nó có chất độc, ngâm rượu uống có thể chết.

Chữ 駭, ông theo nghĩa trong Thuyết văn : xoa con ngựa 摩馬.

Và ông giải nghĩa đoạn đó đại khái như sau :

Lầm lẫn là do hai điều kiện : một là do trí khôn không biết được, hai là do trí khôn biết là hại mà lòng cứ vẫn muốn. Như có rượu ngâm lông cánh con cưu, cái trí khôn của mình không biết nó là độc, nên mình uống, đó là lỗi của cái trí ; nếu cái trí của mình đã biết nó là độc mà mình muốn tự sát, cứ uống, như vậy là cái trí bị buộc vào cái muốn (dục) ; vậy là mình cho uống rượu lông cánh chim cưu cũng như ăn món khô thịt, đều là do mình muốn cả ; trong trường hợp đó không gọi là lầm lẫn được. Phải có cả hai điều kiện : vừa không biết rằng rượu đó độc, vừa muốn uống thì mới gọi là lầm lẫn.

Một thí dụ nữa : xoa con ngựa, mình chưa biết là lợi hay hại, (tức không biết nó có kinh động rồi đá mình không) mà mình muốn xoa và vẫn cứ xoa, như vậy là không vì còn nghi ngờ mà ngưng lòng muốn của mình lại (...)

Chúng tôi đã tóm tắt như trên, chứ Cao Hanh giảng giải rất dài dòng, dẫn nhiều sách cổ từ *Thi Kinh* , đến *Quốc Ngữ – Lễ Ngữ, Quảng Nhã* v.v... Cách giải thích của ông xuôi hơn của Ngô Tất Tố, nhưng chúng tôi vẫn thấy nó "thông thái" quá, khó nhọc quá ; mà chính ông cũng nhận rằng ông có thể lầm được. Hiện nay chưa ai dám nói rằng mình *hiểu đúng Mặc Kinh*. Mười người thì có mười cách hiểu. Phần đông còn phải nghiên cứu hoài, và tác giả *Mặc Kinh* đã chết thì không ai có thể quả quyết rằng thuyết nào đúng hẳn.

Tìm hiểu Mặc học - nói chung là triết học thời Tiên Tần - chúng tôi chú trọng tới nhân sinh quan hơn (đạo

học và chính trị) vì các triết gia thời đó đều muốn cứu đời : còn phần tri thức luận của họ thì không có gì đặc sắc lắm, kém xa Ấn Độ, Hi Lạp cũng thời đó. Cho nên trong các chương sau, chúng tôi chỉ giới thiệu ít vấn đề chính trong *Mặc Kinh* như sửa lại Mặc học, bác các triết gia khác, nhất là các nhà nguy hiểm : dĩ nhiên chúng tôi không thể bỏ hẳn những tìm tòi, suy luận của Biệt Mặc về tri thức, về khoa học, nhưng chúng tôi chỉ lựa ít điều thôi mà bỏ những điều bí hiểm quá, khiến các học giả mỗi người giải thích một khác như điều 76 *Kinh* thượng chúng tôi mới dẫn ở trên.

*

* *

PHỤ LỤC

Chúng tôi chép lại dưới đây hai đoạn ngắn trong bản *Mặc tử* in đời Gia Tĩnh nhà Minh (năm 1553) trong bộ *Tứ bộ tùng san*, do Phương Thụ Sở dẫn ở trang 157-58 :

Chúng ta phải phục dân tộc Trung Hoa. Cả một bộ Kinh không ai hiểu nổi như vậy, mà trên một ngàn rưởi nam họ kiên nhẫn chép, khác, in không biết bao nhiêu lần để lại đời sau. Họ qui đi sản tinh thần của tổ tiên thật.

Nhờ vậy mà *Mặc Kinh* mới còn tới ngày nay, và đời Càn Long, khoảng hai trăm năm sau khi *Tứ bộ tùng san* được in ra, Tất Nguyên mới có để mà nghiên cứu và tìm ra được ý nghĩa, mà ngày nay chúng ta mới biết rằng :

Là điều 1 trong *Kinh thượng*.

Là điều 51 trong *Kinh thượng*.

Là điều 2 trong *Kinh thượng*.

Là điều 52 trong *Kinh thượng*.

Là điều 3 trong *Kinh thượng*.

Là điều 53 trong *Kinh thượng*.

là *Kinh thuyết* 1 để giải thích điều 1 ở trên ;

là *Kinh thuyết* 2 để giải thích điều 2 ở trên ;

là *Kinh thuyết* 3 để giải thích điều 3 ở trên.

故兼 所也 得必 而不 後已 成也 也知 止材 以也 久平 也同 體高 分也 於

經故也成知 說小若見也 上故其也者 第有端體所 四之大若以 十不故二知 二必有之也 然之一而 無必尺必 之無之知 必然端若 不若也明 然見知 體之材

故， 所得而後成也、

止， 以久也

體， 分於兼也

必， 不已也

知， 材也、

平， 同高也

故：然無體；然：小體，若故也若二有，見之之若之一，不有成，必端見尺然。也之，大端無故也知有必之不必

知材：知也者所以知也，而必知若明

CHƯƠNG II

SỬA LẠI MẠC HỌC

Định nghĩa lại chữ lợi

Mạc Tử bảo "nghĩa" là "lợi" và chủ trương mọi người phải yêu nhau như yêu chính mình, làm lợi lẫn cho nhau : giúp đỡ lẫn nhau, chia cơm xẻ áo cho nhau... Nhưng ông không định nghĩa thế nào là lợi, thế nào là hại.

Mặc Kinh bổ túc.

Điều 26 và 27 : "Lợi là cái gì ta được mà thích", "hại là cái gì ta được mà ghét". (Lợi, sở đắc nhi hỉ dã

利，所得而喜也，害，所得而惡也

— Hại, sở đắc nhi ố dã—)

Ý đó giống của triết gia Anh Bentham : mục đích của triết học là tìm khoái lạc, tránh đau khổ ; cái gì tạo được khoái lạc là tốt, cái gì gây đau khổ là xấu.

Nhưng *Kinh thuyết* 26 và 27 giải thích thêm : "Được cái đó mà thích thì cái đó là lợi. Đã là lợi thì không là hại. Nếu là hại thì không phải là cái đó". - "Được cái đó mà ghét thì cái đó là hại. Nếu là lợi thì không phải là cái đó".

Cao Hanh bảo như vậy là "trong cái lợi tất không có cái hại". "trong cái hại tất không có cái lợi". (tr.46)

Nhưng trong đời sống chúng ta vẫn thấy trong cái lợi thường có cái hại : lợi về mặt này mà hại về mặt kia, lợi lúc này mà hại lúc khác ; và trong cái hại thường có cái lợi : hại về mặt này mà lợi về mặt khác, hại lúc này mà lợi lúc khác. Ai mà không nhớ truyện "Tái ông thất mã ?

Cho nên *Kinh* 85 sửa lại :

欲 ○ 權 利 , 且 惡 ○ 權 害

(Dục chi quyền lợi, thả ố chi quyền hại)

Kinh thuyết (仗) 權 者 兩 而 勿 偏
(quyền giả lưỡng nhi vật thiên)

Chữ , Cao Hanh sửa lại là chữ .
Phương Thụ Sở dĩ nguyên là chữ ; nhưng cả hai đều hiểu điều 85 đó như sau : mình thích cái gì thì cân nhắc cái lợi, ghét cái gì thì cân nhắc cái hại, điều đó phải rồi. Nhưng lợi hại đều lẫn với nhau, liên quan tới nhau, cho nên khi muốn một việc mà cân nhắc cái lợi của nó thì cũng nên cân nhắc cái hại nữa : khi ghét một việc gì mà cân nhắc một lúc phải cân nhắc cả lợi lẫn hại thì mới khỏi sai lầm.

Thiên *Đại thủ* nói rõ hơn nữa, khuyên ta phân biệt cái lợi nhỏ và cái lợi lớn, phải hy sinh cái lợi nhỏ để giữ cái lợi lớn, cái lợi lớn mà nhận cái lợi nhỏ ; Chặt ngón tay để giữ cánh tay, tức là trong cái lợi thì giữ cái lợi lớn, trong cái hại thì giữ cái hại nhỏ. Lựa cái hại nhỏ không phải là lấy cái hại mà là lấy cái lợi đấy, cái mà mình lấy là cái bị người ta giữ. Gặp kẻ cướp mà chặt ngón tay để thoát thân, là lợi [vì] sự gặp kẻ cướp [mới] là hại. Chặt ngón tay và chặt cánh tay mà lợi cho thiên hạ bằng nhau thì không phải kén chọn nữa... Hai cái lợi, lựa cái lớn, không phải là bắt đắc dĩ, hai cái hại, lựa cái nhỏ là bắt đắc dĩ ; cái mình đã có rồi mà bỏ đi, là trong cái hại lựa cái nhỏ đấy".

(Đoạn chỉ dĩ tổn uyển, lợi chi trung thủ đại, hại chi trung thủ tiểu dã. Hại chi trung thủ tiểu, phi thủ hại dã, thủ lợi dã ; kì sở thủ giả, nhân chi sở chấp dã. Ngộ đạo nhân nhi đoạn chỉ dĩ miễn thân, lợi dã, kì ngộ đạo nhân, hại dã. Đoạn chỉ dĩ đoạn uyển lợi ư thiên hạ tương nhược, vô trách dã. Tử sinh lợi nhược nhất, vô trách dã... Lợi chi trung thủ đại, phi bắt đắc dĩ dã. Hại chi trung thủ tiểu, bắt đắc dĩ dã. Sở vi hữu nhi thủ yên, thị lợi chi trung thủ đại dã. U sở ký hữu nhi khí yên, thị hại chi trung thủ tiểu dã.)

Lẽ đó dễ hiểu. Nhưng *Mặc Kinh* chưa xét là lợi trước mất hay lợi về sau, lợi vật chất hay lợi tinh thần.

Theo quan niệm ấy, lợi thành ra yếu tố của đạo đức.

Điều 8 *Kinh thượng* bảo "nghĩa là lợi" (義利也).
Kinh thuyết giảng :

〔義〕志以天下爲芬，而能能利
之不必用

(Nghĩa : chỉ dĩ thiên hạ vi phận, nhi năng lợi chi, bất tất dụng), Lời giảng đó, mỗi nhà hiểu một khác : Cao Hanh bảo đọc là *phận* , như chức phận, Phùng Hữu Lan và Phương Thụ Sở bảo nên sửa là ái ; hai chữ

, Cao cho chữ thứ nhất là danh từ, chữ thứ nhì là động từ ; Phùng cho chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ nhì nghĩa là *thiện* 善 (khéo) ; Phương ngược lại cho chữ thứ nhất mới có nghĩa là *thiện* . Chúng ta chỉ cần nhớ : nghĩa là lợi cho thiên hạ, chứ không phải cho riêng mình ; hễ mình thấy lợi cho thiên hạ thì cứ làm, chẳng cần biết người ta có dùng hay không (nghĩa là một việc mình thấy có lợi cho thiên hạ thì là việc nghĩa rồi, không đợi thấy người đời dùng rồi, có lợi rồi, mới gọi là việc nghĩa).

Kinh thượng bảo "trung là làm lợi cho vua" (điều 12) hiểu là "làm lợi cho cha mẹ" (điều 13), mà không cần phải được vua chấp nhận, được cha mẹ đồng ý.

Trung, lợi quân... bất tất dụng 忠, 利君. 不必容

Hiếu, lợi thân... bất tất đắc 孝, 利親. 不必得

Sau cùng, điều 35 : "công - tức công lao, sự nghiệp - là làm lợi cho dân, mà không phải đợi làm xong rồi mới làm, như công việc may áo mỏng, áo lông".

功, 利民也. . . 不待時, 若衣裘

Công, lợi dân đã... bất đãi thời, nhược y cừu). May áo, chúng ta phải may trước, chứ không đợi lúc hết áo mặc, rồi mới may ; thì việc làm lợi cho dân cũng vậy, phải lo

tính trước cho dân, không đợi dân "nghện rồi mới đào giếng", "chết rồi mới tìm thầy thuốc" (Thiên Công Mạnh, 9)

Vậy dù vua, cha, hay dân có không hiểu mình, bất bình, hay phản kháng, thì mình cũng cứ làm, nếu mình nghĩ là có lợi cho vua, cha, cho thiên hạ. Mặc gia tự tin thật, có thể coi thường dư luận.

*

* *

Trọng tình cảm.

Mặc tử vì quá nhiệt tâm mưu cái lợi cho thiên hạ nên nhiều khi thiên về lí trí mà mất mát tình cảm, như bài 6 thiên *Quý nghĩa*, ông bảo phải trừ bỏ "6 cái thiên lệch" đi, tức mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét. Bài 13 thiên *Công Mạnh*, ông còn chê Nho gia là ngu như con nít : chúng nhớ cha mẹ ba năm, Nho gia cũng bắt chước chúng, để tang cha mẹ ba năm. Cha mẹ chết, ông chỉ cho con khóc lúc đưa ra huyệt và lúc ở huyệt về, thế thôi. Đó là một khuyết điểm lớn của Mặc.

Mặc Kinh sửa lại, nhận rằng tình cảm là một động lực mạnh, lôi kéo, trói buộc người ta, như trong điều 76 chúng tôi đã dẫn ở chương trên.

Điều 144 *Kinh hạ* bác một cách gián tiếp thuyết không yêu ghét của Mặc. Nguyên văn như sau :

Kinh. 無欲惡之爲益損也，說在宜

(Vô dục ố chi vi ích tổn dã, thuyết tại nghi).

Thuyết :

「無是唯欲惡傷生損壽，說以少連
。能傷也愛若酒嘗之人多粟人也。恐弗欲○不
無窮人不害兼，說在盈否治也。有人。」

(chữ 人 ở trên đưa xuống sau chữ ái)

則唯恐

(nguyên văn là : 恐 sai) 弗治也

vô) dục ố thương sinh tổn thọ, thuyết dĩ Thiệu Liên. Thị duy ái dã, thường đa túc. Hoặc giai dục bất hữu năng thượng dã. Nhược tửu chi ư nhân dã. Thả tử (1) lợi nhân, ái nhân dã, tác duy củng phát trị dã.

Cao Hanh giảng (chúng tôi tóm tắt) : Thiệu Liên là tên người. Sách *Luận Ngữ*, thiên *Vì tử*, bài 8, nhắc tới bảy nhà ẩn dật thời xưa : Bá Di, Thúc Tề, Ngụ Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ và Thiệu Liên. Khổng tử bảo Liễu Hạ Huệ và Thiệu Liên không bằng Bá Di, Thúc Tề, vì phải khuất chí mình, phải nhục thân mình, nhưng lời nói của họ hợp luân li, việc làm của họ hợp lòng mong nghĩ của dân.

Thiên *Tạp kí* sách *Lễ kí* cho biết thêm rằng Thiệu Liên được Khổng tử khen là "khéo để tang cha mẹ". Vậy Thiệu Liên là một ẩn sĩ đời Chu như Liễu Hạ Huệ. Chắc Thiệu Liên có cho rằng thích và ghét là hai tình cảm làm

(1) Chữ này, tự điển không có. Điều 6 giảng là (sáng), lấy trí thức mà luận vật. Chúng tôi tạm đọc là "trí".

tổn thọ, cho nên điều 144 này mới bảo "độc thương sinh tổn thọ, thuyết dĩ Thiếu Liên".

Tác giả điều 144 bác thuyết đó. Thích, muốn có khi có ích như có thích ăn lúa gạo, có ăn lúa gạo thì mới sống được ; hoặc như uống rượu có khi cũng có lợi. Lại như có yêu người thì mới muốn làm lợi cho người, mới sợ xã hội, nhân quần không được trị.

Tư tưởng của Thiếu Liên cũng giống của Lão, Trang. Lão tử quý sự không thích, không ghét. Trang tử quý sự vô tình, cho nên trong thiên *Đức sung phú*, khi Huệ Thi hỏi Trang tử :

– "Con người vốn vô tình sao ?"

Trang tử đáp :

– Phải.

– Người mà vô tình thì sao gọi là người được ?

– "Đạo" cho nó dung mạo ấy, trời cho nó hình thể ấy, thì sao không gọi là người được ?

Huệ Thi lại hỏi :

– Nhưng đã là người thì làm sao không có tình cho được ?

Trang tử đáp :

– Cái mà ông gọi là tình đó, tôi không gọi nó là tình. Tôi bảo vô tình là thế này : không để cái yêu, cái ghét làm thương tổn thiên tính, cứ theo luật tự nhiên, đừng làm thêm gì cho đời sống cả".

Vậy là *Mặc Kinh* sửa tư tưởng của Mặc tử đồng thời cũng đã luôn cả Lão, Trang nữa.

*

* *

Biện hộ và sửa thuyết kiêm ái.

Thời Mặc tử, thuyết kiêm ái của ông đã bị một số người công kích như trong chương III phần II chúng tôi đã trình bày ; tới giữa thời Chiến Quốc "trăm nhà" đua nhau tranh biện, và người ta lại đem thuyết đó ra mổ xẻ thêm. Theo *Mặc Kinh*, người ta nhằm vào ba điểm :

1- Người trong thiên hạ đã vô cùng thì làm sao yêu gồm cho hết được ? Điều 173 đáp :

(vô cùng bất hại kiêm, thuyết tại doanh phủ) : Đất đai trong thiên hạ vô cùng, điều đó không hại gì cho kiêm ái, dù đất đai đó đầy người hay không.

Kinh thuyết giảng [người bác kẻ đưa thí dụ] : phương Nam, nếu hữu cùng thì người ta có thể ở đầy khu vực đó ; nếu vô cùng thì người ta không thể ở đầy được. Hữu cùng hay vô cùng, đã chưa biết được, thì cũng chưa biết được người ta có thể ở đầy hay không phương đó. Đã không biết được người ta có thể ở đây hay không phương đó thì cũng chưa biết được chúng ta có thể yêu hết được

người ở phương đó. Như vậy mà khẳng định rằng có thể yêu gồm hết người trong thiên hạ là nói bậy.

Nam phương hữu cùng tác khả tận, vô cùng, tác bất khả tận. Hữu cùng, vô cùng vị khả tri, tác khả tận, bất khả tận vị khả tri. Nhân chi doanh chi phủ vị khả tri, nhi tất nhân chi khả tận bất khả tận diệc vị khả tri. Nhi tất nhân chi khả tận ái dã bội).

Mạc gia đáp : Nếu người ta ở không đầy phương Nam thì là số người đã hữu cùng trước rồi, dù phương Nam vô cùng. Như vậy là số người hữu cùng, và chúng ta có thể gồm yêu hết họ được. Nếu người ở đầy phương Nam vô cùng, nghĩa là chỗ nào có đất là có người, thì đất đai tuy vô cùng, mà con người cũng ở đầy nó được ; con người đã ở đầy nó được thì phương Nam cũng lại là hữu cùng rồi ; đất hữu cùng, số người hữu cùng, thì gồm yêu hết người phương Nam là việc không khó.

Nhân nhược bất doanh, tiên cùng, tác nhân hữu cùng dã ; tận hữu cùng, vô nan. "Doanh vô cùng, tác "vô cùng" tận dã : tận hữu cùng, vô nan).

Có người lại hỏi : không biết số người nhiều ít ra sao thì làm sao mà yêu hết cho được ?

Điều 174 đáp : 不知其數而知其盡也, 說在問 (Bất tri kì số nhi tri kì tận dã, thuyết tại vấn).

Kinh thuyết giảng : Chúng ta biết những người nào thì yêu hết những người đó, nếu còn sót người nào thì xin người khác hỏi ta cứ chỉ cho chúng ta, chúng ta cũng

sẽ yêu thêm cho hết ; nếu họ không chỉ được thì tức là chúng ta đã yêu hết rồi.

Người ta lại hỏi : không biết người khác ở đâu thì làm sao yêu cho hết được ?

Điều 175 đáp :

Bất tri kì sở xử, bất hại ái chi, thuyết tại táng tử giả)

不知其所處，不害愛之，說在喪子者

Kinh thuyết giảng : Không biết người ta ở đâu, thì cũng vẫn yêu được, cũng như cha mẹ có đứa con thất lạc, không biết nó ở đâu, mà vẫn yêu nó vậy.

Để kết luận, Mạc gia cho rằng, có yêu khắp mọi người thì mới gọi là yêu được ; sở dĩ không yêu khắp là vì không yêu người đấy thôi (Chu ái phân nhi hậu vi ái nhân... ; bất chu ái, nhân vi bất ái nhân hĩ – Tiểu thủ)

2. Mạc tử mâu thuẫn với chính ông vì đã chủ trương kiêm ái, phi công, mà còn giết, trừng phạt kẻ có tội.

Thiên *Tiểu thủ* trả lời :

"Cha mẹ của Hoạch là người, Hoạch thờ cha mẹ không phải là thờ người ; em của Hoạch là người đẹp trai ; Hoạch yêu em không phải là yêu người đẹp trai. Xe là [làm bằng] gỗ, ngồi xe không phải là ngồi gỗ ; thuyền [làm bằng] gỗ, vào trong thuyền, không phải là vào trong gỗ, kẻ trộm là người, nhiều kẻ trộm không phải là nhiều người ; không có kẻ trộm không phải là không có người. Làm sao chứng minh được điều đó ? Chứng có là người

dòi đều cho câu này là đúng : "Ghét có nhiều kẻ trộm không phải là ghét có nhiều người ; muốn không có kẻ trộm, không phải là muốn không có người ; và giết kẻ trộm không phải là giết người."

(Hoạch chi thân, nhân dã. Hoạch sự kì thân, phi sự nhân dã. Kì đệ, mĩ nhân dã, ái đệ phi ái mĩ nhân dã. Xa, mộc dã ; thừa xa, phi thừa mộc dã. Thuyền, mộc dã ; nhập thuyền, phi nhập mộc dã. Đạo nhân, nhân dã ; đa đạo, phi đa nhân dã ; vô đạo phi vô nhân dã. Hề dĩ minh chi ? Ổ đa đạo, phi ổ đa nhân dã ; dục vô đạo, phi dục vô nhân dã." thể tương dữ cộng thị chi. Nhược nhược thị, tác tuy "Đạo nhân, nhân dã, ái đạo phi ái nhân dã ; bất ái đạo phi bất ái nhân dã ; sát đạo nhân phi sát nhân dã", vô nạn hĩ).

Phái Biệt Mặc lí luận như thế đó. Hợp lô gích lắm ; kẻ trộm là người, nhưng yêu hay ghét kẻ trộm không phải là yêu hay ghét người, vậy thì giết kẻ trộm không phải là giết người. Vậy chúng ta có thể kiềm ái mà vẫn giết kẻ trộm, có thể "phi công" mà vẫn giết địch khi chúng tấn công ta.

Nhưng ngay ở trên đoạn chúng tôi dẫn đó, Mặc gia còn viết mấy hàng này nữa.

"Con ngựa trắng là con ngựa ; cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Con ngựa ô là con ngựa, cưỡi ngựa ô là cưỡi ngựa. Hoạch là người, yêu Hoạch là yêu người. Tang là người, yêu Tang là yêu người. Như vậy đúng, sự thực là thế".

(Bạch mã, mã dã. Thừa bạch mã, thừa mã dã. Li Mã, mã dã. Thừa li mã, thừa mã dã. Hoạch, nhân dã, ái Hoạch,

ái nhân dã. Tang, nhân dã, ái Tang, ái nhân dã. Thử nãi thị nhi nhiên giả dã.)

Đã cho như vậy là đúng, thì đổi chữ "yêu" ra chữ "giết", cũng vẫn đúng : "kẻ trộm là người, yêu kẻ trộm là yêu người, giết kẻ trộm là giết người". Thế thì sao mấy hàng sau lại bảo : "Giết kẻ trộm không phải là giết người ?" Rõ ràng là mâu thuẫn, là nguy hiểm.

3- Sau cùng, như trong chương *Thuyết kiêm ái* chúng tôi đã nói, Mac gia bị Mạnh tử chê là căm thù vì không phân biệt cha mẹ mình với cha mẹ người, không có tình cha con, nên Di Chi, một Mac gia, sửa lại thuyết kiêm ái, bảo kiêm ái không phân biệt đẳng cấp, nhưng bắt đầu từ người thân.

Rồi đời sau, Mac gia đưa ra thuyết "luân hệt", chép trong thiên *Đại thủ*. Luân hệt tức là "nghĩa dằng dặt thì cho dặt, dặt mỏng thì cho mỏng" nhưng long *veu* thì không có dặt, mỏng. Ai cũng yêu như nhau cả. Chỉ trong sự giúp đỡ mới phân biệt kẻ trước người sau. (Giúp người thân trước, người sơ sau), giúp người có đức trước, người kém đức sau), như vậy chỉ vì phương tiện không đủ thôi. Thuyết đó, chúng tôi đã trình bày rồi, nên ở đây không chép lại.

*

* *

Phản cổ

Cuối thời Xuân Thu, chủ trương phục cổ (mà cũng sửa cổ) còn mạnh ; càng gần tới thời Chiến Quốc, chủ trương đó càng suy, và người ta thấy cần phải phá bỏ xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới. Người phản cổ mạnh nhất là Hàn Phi.

Mạc tử sinh ở đầu thời Chiến Quốc, có nhiều sáng kiến, đã muốn lập một trật tự mới, như thuyết Thượng hiền, Thượng đồng..., như vậy là ông có điểm phản cổ rồi ; nhưng mặt khác cũng nhận rằng các thánh vương như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ có điều đáng khen (yêu dân, sống giản dị, cần, kiệm...) và rất nhiều lần ông đã nêu những thánh vương đó làm gương, như trong *Canh Trạ* 8, ông bảo Vu Mã tử : "Thiên hạ nhờ đạo giáo của các thánh vương đời xưa mà sống ; khen các vị đó, tức là quý cái khiến cho thiên hạ sống. Đáng khen mà không khen, như vậy có phải là người nhân không ?

Hơn nữa, thiên *Quý nghĩa* -4, ông còn bảo : "Nói nang, hành đông, hễ hợp với ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thì làm ; hợp với ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lỗ, thì đừng làm".

Vì vậy Hàn Phi trong thiên *Hiển học* chê Mạc tử là "pháp tiện vương, xưng Nghiêu, Thuấn." cũng có phần đúng. Và phái Biệt Mạc, sửa lại học thuyết của Mạc tử, phản đối việc đề cao Nghiêu, Thuấn.

Điều 117 bảo :

(Nghiêu thiên trị, tự kim tại chi cổ dã. Tự cổ tại chi kim, tác Nghiêu bất năng trị dã).

Bảo vua Nghiêu giỏi trị dân là ở chỗ thời nay mà xét thời xưa, xét việc đã xảy ra rồi thì thấy như vậy. Nhưng

thời xưa và thời nay không giống nhau. Người giỏi trị dân thời xưa vị tất đã giỏi trị dân thời nay. Không thể lấy xưa mà suy ra nay, lấy việc đã xảy ra rồi mà xét việc chưa xảy ra. Không thể bảo Nghiêu sinh vào thời nay cũng giỏi trị dân thời nay được vì tình thế đã khác.

Điều 153 còn hoài nghi hơn nữa.

"Nghiêu chi nghĩa dã, thanh ư kim nhi xử ư cổ, nhi dĩ thời, thuyết tại sở nghĩa nhĩ"

Cao Hanh giảng là : Muốn chỉ một sự vật cho ai thì có hai cách : hoặc gọi tên nó, (tức dùng cái danh), hoặc chỉ thẳng sự vật đó (tức dùng cái thực). Lòng trọng nghĩa của vua Nghiêu truyền đến ngày nay, là chỉ truyền cái tên (cái danh) thôi, còn cái thực của nó thì ở vào thời cổ kia. Chỉ người thời vua Nghiêu mới thấy cái thực của nó thôi.

Vậy tác giả điều 153 đó cũng đồng ý với Hàn Phi trong thiên *Hiển học* : "Khổng tử và Mặc tử đều xưng tụng Nghiêu, Thuấn. Nghiêu Thuấn đã không thể sống lại, thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu, Thuấn ? Đời Ngụ và đời Hạ dài trên 700 năm, đời Ân và đời Chu dài trên 2.000 năm, mà còn không quyết định được Nho hay Mặc là chân chính : nay muốn khảo sát đạo cách đây 3.000 năm của Nghiêu Thuấn thì cơ hồ không sao xác định được mà dùng làm chứng cứ thì là lừa gạt người ta. Vậy cứ can cứ vào các tiên vương mà theo đạo Nghiêu, Thuấn, nếu không phải là ngu, cũng là lừa gạt thiên hạ".⁽¹⁾

Nhưng điều 153 này không phải chỉ nhầm riêng Mặc tử mà nhầm chung vô số nhà khác nữa : Nghiêu, Thuấn là thần tượng của hầu hết các chính trị gia hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc, nhất là của Nho gia.

(1) Hàn Phi tử của chúng tôi.

CHƯƠNG III

BÁC CÁC NHÀ KHÁC

Phái Biệt Mặc thường công kích các triết gia từ Lão Trang tới Cáo tử, Trâu Diễn, nhất là phái nguy biến như Huệ Thi, Công Tôn Long... nhưng họ dùng lối biện luận vững vàng chứ không có giọng mặt sát.

Bác các triết gia

• Lão tử - *Đạo Đức Kinh*, chương 20 - bảo : "Đừng học thì không lo" (Tuyệt học vô ưu) ; chương 64 lại bảo : "Thánh nhân muốn không có lòng dục, không qui của khó được ; mà học cái vô tri vô thức để cứu lỗi lầm của kẻ rời bỏ đạo" (Thánh nhân dục bất dục, bất qui nan đắc chi hóa ; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá).

Trang tử cũng theo Lão, chủ trương đừng nên học, *Thiên Dưỡng sinh chú* bảo : "Đời sống của ta có hạn mà tri thức thì vô hạn, bắt cái hữu hạn theo cái vô hạn thì

nguy". (Ngô sinh dã hữu hạn, nhi tri dã vô hạn, dĩ hữu hạn tùy vô hạn, dĩ dĩ).
 (Ngô sinh đã hữu hạn, nhi tri đã vô hạn, dĩ hữu hạn tùy vô hạn, dĩ dĩ).

Vậy cả hai đều cho tri thức là vô ích, học do đó cũng vô ích.

Điều 117 bác ý kiến đó : 學之無益，說在誹者

(Học chi vô ích, thuyết tại phỉ giả) - Nguyên van không có chữ vô. Cao Hanh cho là thiếu sót).

Kinh thuyết giảng là : Người đưa ra cái thuyết "học là việc vô ích" đã có ý dạy đời rồi, cho rằng người đời không hiểu nên mới cảnh cáo như vậy. Đã dạy đời mà lại bảo người ta đừng học, chẳng là mâu thuẫn với chính mình ư ?

*

* *

Đạo đức kinh, chương 81, bảo : Người "thiện" không biện thuyết : người biện thuyết thì không "thiện" (Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện).

Trang tử, trong thiên *Tế Vật Luận* cũng cho rằng hễ biện luận thì không thấy được toàn diện [vì ai cũng chấp nhất, đứng về một khía cạnh, cho rằng chỉ mình mới đúng] (Biện dã giả hữu bất kiến dã). Hơn nữa, hễ biện luận thì không có người thắng kể bại (Biện vô thắng) vì ai cũng giữ ý kiến của mình, không ai thuyết phục được ai cả, mà ở đời không có gì là hoàn toàn phải hay hoàn toàn trái, phải lúc này là trái lúc khác, ở hoàn cảnh này là

phải, ở hoàn cảnh khác là trái, không có gì nhất định, (Trang chủ trương "tế thị phi" - phải, trái ngang nhau) ; người thắng vị tất đã là phải, tức là vị tất đã thắng, mà người thua vị tất đã là trái, tức là vị tất đã thua

Trang bảo : "Giả sử tôi tranh luận với anh mà anh thắng tôi, thì có nhất định là anh phải, tôi trái không ? Nếu tôi thắng anh thì có nhất định là tôi phải, anh trái không ? Trong chúng ta, có một người phải, một người trái ? Hay là cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc đều trái cả ? Anh và tôi làm sao biết được điều đó ? Mà một người thứ ba nào khác thì cũng hồ đồ không biết được, lựa ai sáng suốt làm trọng tại đây ? Hơi một người cùng ý kiến với anh thì người đó do lẽ cùng ý kiến với anh làm sao có thể phê phán được ? Nếu là một người ý kiến khác cả tôi lẫn anh hoặc giống cả tôi lẫn anh thì cũng làm sao phán đoán được ? Vậy anh, tôi và người thứ ba đó đều không quyết được ai phải, ai trái. Có nên đợi một người thứ tư nữa không ?" (*Tổ Vật Luận*).

Mặc Kinh bác những ý đó của Lão, Trang.

Điều 171 : 以言爲辯、辯、說在其言

"Dĩ ngôn vi tận bột. ⁽¹⁾ bột. Thuyết tại kỳ ngôn"

Người nào đó bảo rằng lời nào cũng sai hết. Nếu lời đó sai thì là sai rồi. Mà nếu lời đó đúng thì trong thiên hạ vẫn còn có lời đúng, đâu phải là sai hết ; như vậy lời người đó cũng sai nữa.

(1) Nguyên văn là (nghe). Cao Hanh sửa lại là vì theo *Thuyết van*, hồi xưa hai chữ đó viết giống nhau.

Vậy không thể bảo lời nào cũng sai hết được, mà không phải hễ biện thuyết là không "thiện".

Điều 135, bác ý : biện luận thì không có người thắng kẻ bại : 謂辯無勝，必不當，說在辯

(Vị hiện vô thắng, tất bất đáng, thuyết tại biện.)

Biệt Mặc phân biệt rõ rệt phải, trái, không hoài nghi, "tề thị phi" như Trang ; và hai người tranh luận với nhau, lời người nào xác đáng là người đó thắng. Dĩ nhiên có nhiều trường hợp như vậy : con bò mà bảo là con ngựa thì là sai rồi ; nhưng nếu tranh luận về điểm hai con vật con nào có ích hơn con nào, thì quả như Trang nói, không ai thắng ai được. Tư tưởng của Trang sâu sắc hơn, mặc dầu Trang cũng cục đoan khi hoài nghi hết thảy.

Ngoài ra Mặc Kinh (điều 144) cũng bác chủ trương "vô dục ố" của Lão, Trang, như chương trên chúng tôi đã nói.

Thuyết "nhân nội, nghĩa ngoại" (điều nhân do nơi mình, điều nghĩa do nơi ngoài) của Cáo tử được chép trong *Mạnh tử* (*Cáo tử thượng*, bài 4).

Cáo tử (425 - 339 ?) nói với Mạnh tử : "Em tôi thì tôi thương, mà em người nước Tấn thì tôi không thương. Sự thương ấy do lòng tôi yêu thích em tôi, cho nên tôi bảo điều nhân là do nơi mình. Tôi kính trọng người nước Sở lớn tuổi hơn tôi, tôi cũng trọng người nước tôi mà lớn tuổi hơn tôi. Sự kính trọng ấy do tuổi những người đó lớn ; cho nên tôi bảo điều nghĩa là do nơi người".

Mạnh tử đáp : "Tôi thích ăn món chả của người nước Tấn, cũng như thích ăn món chả của người nhà làm. Những món đó làm cho tôi thích, cũng như tuổi già của mấy ông Lão đó làm cho tôi kính trọng. Vậy thì sự thích ăn món chả cũng là do nơi ngoài nữa ư ?"

Vậy Mạnh cho rằng nhân, nghĩa đều do nơi mình, do lòng mình cả.

Kinh hạ (điều 176) cũng chủ trương như Mạnh :

(Nhân nghĩa chỉ vì nội ngoại đã, phi. Thuyết tại ngũ nhân). 仁義之爲内外也，非說在忤顔

Theo Tôn Di Nhượng, chữ "ngũ" đó nghĩa là "ngịch", mà chữ "nhân" là chữ *loại* chép lẫn (hai chữ hơi giống nhau). Cao Hanh bảo chữ *nhân* chép đúng, mà chữ *ngũ*, *theo thuyết văn* có nghĩa là mắt bên trái lòi ra, mắt bên phải thụt vô, và điều 176 muốn nói : Bảo nhân do nơi mình nghĩa do nơi người cũng không khác gì bảo : mắt bên trái tú trong nhìn ra, mắt bên phải nhận hình ảnh của vật từ ngoài vô. Hai nhà đó giải thích khác nhau, nhưng đại ý cũng cho rằng thuyết của Cáo tử nghịch lí.

Kinh thuyết giảng theo Cao Hanh : Nhân là yêu người, nghĩa là làm lợi cho người. Yêu và làm lợi [cho người] đều do mình ở trong cả, đối tượng của lòng yêu và việc làm lợi đó là người khác, nghĩa là đều ở ngoài cả. Nay, bảo nhân do nơi mình, nghĩa do nơi ngoài ; như vậy là về nhân thì chỉ nói đến lòng yêu mà không nói đến người mình yêu ; mà về nghĩa thì chỉ nói đến người mình kính

mà không nói đến lòng kính của mình ; cả hai trường hợp đó đều bỏ sót một phương diện, cho nên bảo là bậy. Cũng như thị giác ở hai mắt đều là ở nơi mình (ở trong) ; vật mà hai mắt thấy đều ở ngoài. Nay bảo mắt bên trái nhìn thấy vật là do thị giác, còn mắt bên phải nhìn thấy vật là do hình ảnh của vật ở ngoài đập vào mắt. Đâu có cái lí như vậy ?

*

* *

Mạc tử tin qui thần mà không tin thuyết âm dương ngũ hành của Trâu Diên (340 - 260 ?), Thiên *Quý nghĩa*, bài 18, chép rằng lần đó ông đi lên phía bắc để tới nước Tế ; một thầy bói bảo đừng nên đi vì "Thượng đế dùng ngày hôm nay để giết con rồng đen ở phương Bắc, mà nước da tiên sinh đen".

Ông không nghe, cứ đi, nửa đường, gặp nhiều bất như ý, phải về.

Thầy bói trách ông không nghe lời mình. Người khác chắc đã nhận rằng thầy bói có lí, nhưng ông thì vẫn không tin, đáp : "Trong số những người ở Nam không lên được Bắc (...) có người da trắng, có người da đen, có sao đều hất như ý cả ? Vả lại Thượng Đế dùng các ngày giáp, ất để giết con rồng xanh ở phương Đông ; các ngày bính, đinh để giết con rồng đỏ ở phương Nam ; các ngày canh, tân để giết con rồng trắng ở phương Tây, các ngày nhâm, quý để giết con rồng đen ở phương Bắc ; theo lời thầy,

tức là cấm thiên hạ đi (...) khiến ngoài đường không có người đi lại. Lời của thầy không dùng được".

Mặc quả là cương cường. Hơn một thế kỷ sau, phái Biệt Mặc tiến bộ hơn Mặc, không hề nhắc tới quỷ thần nữa, và bác luôn cả thuyết ngũ hành tương khắc của Trâu Diễn : hỏa khác kim : kim khác mộc, mộc khác thổ, thổ khác thủy, thủy khác hỏa.

Điều 143 :

五行無常勝，說在多

(Ngũ hành vô thường thắng, thuyết tại đa).

Kinh thuyết giảng : Lửa (hỏa) làm chảy được kim là do nhiều lửa, nếu kim nhiều mà lửa ít thì kim làm tắt được lửa : như vậy lửa khác (thắng được kim) mà kim cũng có thể khác được lửa.

Kinh không nói gì đến thuyết ngũ hành tương sinh : kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Nhưng *Kinh thuyết* thêm hàng này : mà Cao Hanh hiệu chỉnh lại là : 金之附水，火麗木 若變與魚之數惟所利

(Kim chi phụ thủy, hỏa lệ mộc xí, nhược nư dĩ ngư chi số duy sở lợi) và giảng là : kim nhờ vào nước, lửa dựa vào cây để bùng lên, cũng như loài nai nhờ vào rừng núi, loài cá nhờ vào vực, đều là lẽ tự nhiên của vật, vì vậy mà bảo được là thủy sinh kim, mộc sinh hỏa. Vậy *Mặc Kinh* nhận rằng có mục tương sinh trong trời đất.

Nhưng theo Trâu Diễn, kim sinh thủy, mà *Kinh thuyết* lại giảng ngược lại là thủy sinh kim, (kim nhờ vào nước) muốn sửa lại thuyết của Trâu Diễn chăng ?

*

* *

Bác các nhà ngụy biện.

Các nhà ngụy biện ở đây phải kể trước hết là Huê Thi và Công Tôn Long.

Huê Thi sinh khoảng 370, mất khoảng 300, làm tướng quốc cho Huê vương nước Lương, giao du với Trang tử, học rộng, viết nhiều nhưng sách đều thất truyền.

Công Tôn Long, người nước Triệu, sinh sau Huê Thi, khoảng 330, mất khoảng 242. Sách ông viết nay còn sáu thiên nhưng không đáng tin vì có nhiều chỗ thiếu sót nhầm lẫn, lại có nhiều chỗ người đời sau thêm vào.

Theo sách *Trang tử* (Thiên *Đức sung phú*) thì Trang tử bảo Huê Thi : "Nay bác làm tổn thương hình hài, lao khổ tinh lực của bác, ngồi dưới gốc cây mà đàm luận [mệt mỏi rồi] dựa vào cây ngô mà ngủ, như vậy là trời cho bác hình thể mà bác không biết thuận thiên, lại đem thuyết tách rời cứng và trắng (lí kiên bạch) ra ngụy biện, lấy làm đặc ý".

Cũng sách đó, thiên *Thu Thủy*, chép lời Công Tôn Long nói với Ngụy Mâu : "Tôi hồi nhỏ học đạo tiên vương, lớn lên hiểu được hành vi nhân nghĩa ; hỗn hợp chỗ giống nhau và khác nhau (hợp đồng dị), tách rời cứng và trắng (lì kiên bạch), bảo cái sai là phải, cái không nên là nên, làm mê hoặc trí óc của trăm nhà, khuấy phục lòng của mọi người, tôi tự cho là cực thông đạt rồi".

Theo hai đoạn đó thì Huệ Thi và Công Tôn Long đều thích biện thuyết, thắng người và đều chủ trương "lì kiên bạch". Thực ra, thuyết "lì kiên bạch" là của Công Tôn Long, mà thuyết "hợp đồng dị" do Huệ Thi đưa ra.

Thiên *Thiên hạ* (sách *Trang tử*) bảo Huệ Thi có mười điều xét về vạn vật như sau :

- 1- Cái cực lớn thì không có gì bao vây nó ở ngoài, gọi nó là cái "đại nhất" ; cái cực nhỏ thì không có gì ở trong, gọi nó là cái "tiểu nhất".
- 2- Cái không có chiều dày thì không chất lên được, vậy mà nó lớn tới ngàn dặm ;
- 3- Trời thấp bằng đất , núi phẳng bằng chằm.
- 4- Mặt trời vừa lên tới đỉnh đã bắt đầu xế rồi ; vật mới sinh ra đã bắt đầu tiến tới chỗ chết rồi.
- 5- Giống nhau tất cả khác với giống nhau một phần, khác như thế gọi là "tiểu đồng dị" ; muôn vật giống nhau hết mà cũng khác nhau hết, giống nhau và khác nhau như vậy gọi là "đại đồng dị".
- 6- Phương Nam vô cùng mà lại hữu cùng.

7- Hôm nay tôi tới nước Việt, mà tôi đã tới đó là hôm qua rồi.

8- Những vòng móc liền vào nhau có thể gỡ ra được.

9- Tôi biết trung tâm của thiên hạ nó ở phía Bắc nước Yên [một nước ở phương Bắc] mà lại ở phía Nam nước Việt [một nước ở phương Nam].

10- Phải yêu khắp vạn vật vì vũ trụ là một.

Mười điều đó, nguyên văn có chỗ rất tối nghĩa, y như những lời kinh, mà lại không có phần kinh thuyết, nên đòi sau mỗi người hiểu một khác, giảng một khác.

Chẳng hạn điều 3. Nguyên văn là : 天與地卑，
山與澤平

(Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình), trong *Đại cương triết học Trung Quốc* 1, tr.421, chúng tôi giảng là : "Nhân chỗ cao của một vật mà cho vật đó là cao thì không có vật nào là không cao. Nhân chỗ thấp của một vật mà cho vật đó là thấp thì không có vật nào là không thấp, cho nên trời không cao mà đất không thấp. Núi Tản Viên rất cao đối với dãy hồ Lăng Bạc, nhưng dãy cái chằm nào đó ở rừng Hi Mã Lạp Sơn thì lại bằng hoặc cao hơn đỉnh núi Tản Viên. Thế thì trời thấp như đất, núi phẳng bằng chằm : Sự thống nhất vẫn có giữa cao và thấp".

Nhưng còn có thể hiểu như vậy nữa : "Xét về phương diện tương đối thì trời cao đất thấp, núi cao hơn chằm ; nhưng so sánh với cái vô cùng thì trời đất, núi chằm đều không đáng kể gì, ngang nhau hết".

Lại có người giải thích rằng Huệ Thi đã biết rằng trái đất tròn và quay, khi nó đã quay thì chiều nào trong không gian cũng không nhất định, biết đâu là trên, là dưới ; biết đâu là cao, là thấp.

Ba điều 7, 8 và 9 cũng mỗi người hiểu một khác. Và tùy cách hiểu mà các học giả cho rằng Huệ Thi đưa ra mười điểm đó để chứng tỏ rằng có điểm tương đồng của những cái tương dị, có tính cách hợp nhất giữa những cái đối đãi ; nghĩa là theo Huệ, trong vũ trụ cái gì cũng tương đối hết ; học giả lại bảo những điều 1, 2, 3, 4, 6 "nói về sự cát xẻ, phân tích về không gian hết thấy không phải là sự thực có" ; những điều 7, 8, 9 "nói về sự cát xẻ phân biệt về thời gian, hết thấy không phải là sự thực có" (Ngô Tất Tố - *Mặc tử* tr. 178 - 184).

Như vậy thì làm sao biết được ai đúng ai sai ? Nhưng ai cũng nhận rằng, thuyết "hợp đồng dị" quả là của Huệ Thi ; còn thuyết "li kiên bạch" mới thực là của Công Tôn Long.

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* (tr. 404 - 412) chúng tôi đã phân tích thuyết "li kiên bạch" của Công Tôn Long, ở đây chúng tôi chỉ tóm tắt lại thôi, vì Công Tôn Long cũng như Huệ Thi không phải ở trong phái Biệt Mặc.

Chúng ta đặt tên cho mỗi vật. Vật đó là cái "thực", tên đó là cái "danh". "Danh" để chỉ cái "thực". Công Tôn Long cũng nhận như vậy, nhưng chia danh ra làm hai : danh cụ thể trở cái cá cụ thể của con vật, và danh trừu

tượng để trở cái cộng tướng của vật, mà ông gọi là "chỉ".
Thí dụ : Cái danh con ngựa vừa trở riêng một con ngựa nào đó, đó là danh cụ thể ; lại vừa trở chung tất cả những con ngựa cũng như con ngựa đó, tức cái cộng tướng của loài ngựa, đó là danh trừu tượng, tức cái "chỉ". "Chỉ" có tính cách phổ biến.

Một thí dụ nữa : Cái danh "vật trắng" không phải chỉ trở riêng một vật trắng nào đó mà còn trở chung tất cả những vật trắng khác.

Vật nào cũng do một số "chỉ" hội lại mà thành. Ví dụ hòn đá do hai "chữ" chắc và trắng hội lại mà thành, nhưng chính hòn đá không phải là "chỉ" mà "chỉ" cũng không phải nhờ vật mới thành được.

Hai "chỉ" chắc và trắng của hòn đá tách lìa nhau chứ không vắn vít lấy nhau, hợp lại với nhau. Vì chúng ta không nhìn thấy cái "chắc" mà chỉ nhìn thấy cái "trắng", như thế là không có cái "chắc" trong cái "trắng" ; vì không thấy được cái "trắng" mà thấy được cái "chắc", như thế là không có cái "trắng" trong cái "chắc". Lúc thì thấy cái "trắng", lúc thì thấy cái "chắc", thấy cái nọ không thấy cái kia, như vậy hai cái "chắc" và "trắng" tách lìa nhau. (li kiên bạch).

Tách lìa cái "chắc" và cái "trắng" rồi, Công Tôn Long còn tách lìa con ngựa trắng ra làm con ngựa và cái trắng. Đây là thuyết "bạch mã phi mã" của ông. Ông bảo : Con ngựa trắng không phải là ngựa, vì ngựa là tên gọi hình, trắng là tên gọi sắc. Cái gọi tên sắc không phải là cái gọi

tên hình. Cho nên cái trắng không phải là con ngựa. Ngựa trắng là con ngựa với màu trắng. Con ngựa cộng với màu trắng không phải là con ngựa (không cộng với màu trắng).

Ngoài thuyết "li kiên bạch" ra, Công Tôn Long còn đưa ra nhiều thuyết nữa :

1- Cái "củ" không làm được hình vuông ; cái "qui" không làm được hình tròn.

2- Con chó con (cấu) không phải là con chó.

3- Lửa không nóng.

4- Con nghé mỡ côi chưa từng có mẹ.

5- Cái gậy dài một thước, mỗi ngày chặt lấy một nửa, vạn đời không hết.

6- Khi con chim bay, cái bóng nó không hề nhúc nhích.

v.v...

Đại khái thuyết của hai nhà ngụy biện lớn nhất thời Chiến Quốc : Huệ Thi và Công Tôn Long như vậy. Họ gây những cuộc tranh biện "suốt đời không hết" mà phái Biệt Mặc cũng dự vào. Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt tóm tắt những lời *Mặc Kinh* bác hai nhà đó ra sao.

Bác Huệ Thi

Huệ Thi chủ trương "hợp đồng dị", "vạn vật tất đồng, tất dị" (mọi vật đều giống nhau và đều khác nhau). *Mặc Kinh* không bác thẳng thuyết đó mà đưa ra một thuyết ngược lại : "li đồng dị".

Điều 87 phân biệt bốn thứ "đồng" (giống nhau) :

同，重，體，合，類

(Đồng : Trùng, thể, hợp, loại).

Đồng có trùng đồng, thể đồng, hợp đồng, loại đồng.

Trùng đồng là hai tên chỉ một vật, tuy tên khác mà vật là một, như Không Khâu và Trọng Ni đều chỉ Không tử.

Thể đồng : Thể là một bộ phận của kiếm, tức của toàn thể. Ví dụ râu với tóc, chân với tay đều là những bộ phận của một người ; hoặc như ngựa trắng và ngựa đen đều là ngựa cái, như vậy là thể đồng.

Hợp đồng là cùng ở một nơi, như hai người cùng ở chung một nhà, hoặc dê và con bò cùng ở chung một chuồng.

Loại đồng là có điểm gì giống nhau như con trâu và con bò cùng có sừng, cùng ăn cỏ.

Điều 88, cũng phân biệt bốn thứ dị (khác nhau) trái với bốn thứ đồng : (Dị, nhị, bất thể, bất hợp, bất loại).

Nhị trái với trùng, bất thể trái với thể, bất hợp trái với hợp, bất loại trái với loại. 異, 二, 不體, 不類

Dại thu tế toái hơn, phân biệt chín thứ đồng, đại khái cũng như *Kinh thượng*, chúng tôi đã dẫn trong *Dại cương* triết học Trung Quốc I, nên không chép lại.

Mạc kinh còn xét mối quan hệ giữa đồng và dị :

Điều 89 :

同異交得，放有無

(Đồng dị giao đắc, phỏng hữu vô)

Đại ý là cùng một sự vật có thể có hai tính chất khác

nhau, hay hai tính chất khác nhau có thể cùng một sự vật, chẳng hạn như có và không : có cái này mà không có cái kia, thế là vừa có mà vừa không.

Điều 39 kể một trường hợp dị mà đồng nữa :

(Đồng dị như cân u chi nhất dã) : Đồng là : khác nhau mà có một chỗ giống nhau. Chẳng hạn hai người khác nhau mà cùng thấy một cái cột nhà hoặc cùng thờ một vua (Nhị nhân nhi câu kiến thị doanh dã, nhược sự quân).

Trong Đại cương Triết học Trung Quốc I, sau khi trình bày thuyết đồng dị của Mặc Kinh như trên, chúng tôi kết luận :

"Huệ Thi nhận thấy muôn vật đều có chỗ giống nhau, đồng thời lại có những chỗ khác nhau. Có đúng như thế thật. Nhưng những điểm tương đồng tương dị đó chỉ là những điểm "loại đồng" "loại dị" - Những điểm giống nhau vì chung loại, khác nhau theo chung loại thể thôi. Chứ nếu chỉ vì những điểm tương đồng vì "loại đồng", tương dị vì "loại dị" ấy mà kết luận rằng hết thấy đều cùng giống nhau, mà đều cùng khác nhau thì quả là quá đáng, là gò ép".

Ý kiến đó, nay chúng tôi vẫn giữ. Còn ý kiến dưới đây :

"Đến như chỉ vì sự vật có điểm giống nhau mà bảo rằng trời đất muôn vật là "đồng nhất thể" thì e rằng lạm dụng danh từ, lẫn "loại" với "thể" mất rồi.

thì chúng tôi xin sửa lại : Điều 10 của Huệ Thi "Phải yêu khắp vạn vật vì vũ trụ là một", nguyên văn trong

thiên *Thiên hạ* là : "Phiếm ái vạn vật thiên địa nhất thể dã". 汎愛萬物天地一體也

Chữ *thể* trong câu đó của Huệ Thi có cùng một nghĩa với chữ *thể* trong *Mặc Kinh* không ? Chúng tôi ngờ rằng không. *Thể* trong *Mặc Kinh* trở một phần tử của cái "kiêm", tức của cái toàn thể. (Điều 2 : *Thể* ; phân ư kiêm dã). Còn chữ *thể* trong câu của Huệ Thi có thể có nghĩa là bản thể, và "vạn vật thiên địa thể" nghĩa là "trời đất, vạn vật cùng một bản thể". Quan niệm này là quan niệm chung của dân tộc Trung Hoa. Họ cho trời, đất, người là một, và gọi ba cái đó là tam tài. Trang tử, Huệ Thi mở rộng ra, cho trời, đất và vạn vật là một. Nếu lời chúng tôi đoán mà đúng thì không thể bảo Huệ Thi "lạm dụng danh từ, lầm "loại" với "thể" được.

Vả lại Huệ Thi chủ trương "vạn vật nhất thể" để khuyên người ta "phiếm ái", nghĩa là yêu khắp cả ; tức là mở rộng thuyết kiêm ái của Mặc tử, không trái với Mặc tử, phái Biệt Mặc, không cỡ lí gì lại bác bỏ. Trước kia nhiều nhà đạt lầm Huệ Thi vào phái Biệt Mặc, có lẽ chính vì Huệ Thi cũng theo chủ trương kiêm ái của Mặc gia, tức chính vì điểm 10 "phiếm ái vạn vật thiên địa nhất thể" đó chăng ?

Mặc Kinh thực sự đã Huệ Thi chỉ ở hai điểm dưới đây.

Điều 53 :

(Bình, đồng cao dã).

Nghĩa là hai vật cao bằng nhau thì gọi là bằng.

Câu đó bác câu : "Sơn dữ trạch bình" (điều 3) của Huệ Thi. Núi và chằm không cao bằng nhau, nên không gọi là bằng được. Lời bác này không có gì đặc biệt.

Điều 164 : 行脩以久，說在先後

(Hành tu dĩ cửu, thuyết tại tiên hậu)

Kinh Thuyết giảng là : Đi đường thì tất tới chỗ gần trước rồi tới chỗ xa sau. Gần xa, Kinh gọi là "tu" (dài) ; mà trước sau, Kinh gọi là "cửu" (lâu). Đi đường dài thì tất phải có một thời gian lâu chứ không thể ngày hôm nay đi qua nước Việt mà đã tới đó từ hôm qua rồi, như điều 7 của Huệ Thi.

Lời bác này cũng không có gì đặc biệt, chỉ là dùng lương tri để chê Huệ Thi là nguỵ biện thôi. Huệ Thi tất nhiên là hiểu lẽ thông thường đó ; nhưng ông ta muốn diễn ý gì trong điều 7, thì tới nay cũng không ai biết được, mà mỗi người hiểu một khác.

Người thì hiểu rằng : Hôm nay mới tới nước Việt, nhưng từ hôm qua đã nghĩ tới việc tới nước Việt, cho nên bảo tới từ hôm qua.

Người thì giảng : hôm nay là hôm qua của ngày mai, nên đứng về ngày mai mà nói thì hôm nay tức là hôm qua.

Có người lại bảo : Đối với thời gian dài vô tận, đầu tram nghìn năm cũng không đáng kể chi, huống hồ hôm qua với ngày nay thì khác gì nhau. Còn Hồ Thích thì cho

ràng Huệ Thi trong câu đó muốn chối bỏ lỗi cắt xén, phân khu không gian, nó có tính cách giả tạo.

*

* *

Bác Công Tôn Long

Mặc Kinh có năm điều bác thuyết "li kiên bạch" của Công Tôn Long :

Điều 67 : (Kiên bạch bất tương ngoại dã) : cái chắc và cái trắng không ở ngoài nhau. 堅白不相外也

Vi hai cái đó cùng ở một chỗ - tức cùng ở trong một hòn đá - nên chúng không ở ngoài nhau được ; có cái chắc đó thì mới có cái trắng đó ; mà có cái trắng đó thì mới có cái chắc đó. Chỉ khi nào hai cái đó không cùng ở chung trong một hòn đá, không chứa nhau, mà bài trừ nhau (nghĩa là có cái này - chẳng hạn cái chắc của thỏi sắt - thì không có cái kia - chẳng hạn cái trắng của tờ giấy -) thì mới là ở ngoài nhau được. (*Kinh thuyết* : U thạch vô sở vãng nhi bất đắc nhị. Di xử bất tương doanh, tương bài thị tương ngoại dã - Cao Hanh chấm câu ở sau chữ ; nguyên văn là 相非, ông sửa lại là 相排).

Điều 68 : (Anh, tương đắc dã). 櫻, 相得也

Kinh thuyết : dùng hình học để giảng : "anh" là chạm nhau, giao nhau. Như hai đường thẳng (*Mặc kinh* gọi là xích 尺) giao nhau thì cả hai đều không hết,

nghĩa là còn gì đi nữa ; nếu là một điểm (Mặc kinh gọi là *đoan* 端) với một đường thẳng chạm nhau thì điểm sẽ hết mà đường thẳng vẫn còn ; nếu hai điểm chạm nhau thì cả hai đều hết.

Chắc và trắng "tương đắc" tức cũng như giao nhau, chỗ nào có chắc thì có trắng, ngược lại cũng vậy ; thế là cùng "hết" cả (kiên bạch chi anh tương tận).

Điều 116. (Kiên bạch - thuyết tại nhân) nghĩa là chắc và trắng (ở cùng một hòn đá thì) cái nọ nhân cái kia mà có 堅白，說在因

Điều 137 : 於一有知焉，有不知焉，說在存

(U nhất hữu tri yên, hữu bất tri yên, thuyết tại tồn).
Kinh thuyết giảng : Đá là một vật, chắc và trắng là hai tính chất của nó. Vỗ vào nó thì thấy nó chắc mà không biết là nó trắng ; nhìn nó thì thấy nó trắng mà không biết nó chắc ; nhưng chắc và trắng vẫn đồng thời tồn tại cả.

Điều 105 : 不可偏去而二，說在見與俱，一與二，廣與脩

(Bất khả thiên khứ nhĩ nhị, thuyết tại kiến dữ câu, nhất dữ nhị, quảng dữ tu).

Nghĩa là : một vật có hai tính chất thì không thể bỏ một tính chất này chỉ giữ tính chất kia được. Hòn đá chắc và trắng chẳng khác chi một vật rộng và dài, nếu vì thấy cái nọ, không thấy cái kia mà bảo hai cái lia nhau thì không khác gì bảo chiều dài và chiều rộng của một vật cũng lia nhau.

Thiên *Tiêu thủ* bác luôn thuyết "bạch mã phi mã" của Công Tôn Long nữa :

"Ngựa trắng là ngựa, cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Ngựa đen là ngựa, cưỡi ngựa đen là cưỡi ngựa" (Bạch mã, mã dã, thừa bạch mã, thừa mã dã. Li mã, mã dã, thừa li mã, thừa mã dã).

Tóm lại, khi nói đá chắc và trắng, Công Tôn Long coi chắc và trắng là hai khái niệm phổ biến, trừu tượng, hai "chỉ" (coi lại đoạn trên) nên tách rời hai cái đó ra ; còn Mặc gia, đứng về phương diện thực tế, chỉ coi chắc và trắng là cái chắc của hòn đá đó, cái trắng của hòn đá đó, (chứ không phải cái chắc, cái trắng phổ biến), vậy chúng cùng là tính chất của chung một vật (hòn đá đó) ; như vậy không thể tách chúng ra được.

*

* *

Mặc gia còn bác nhiều thuyết nữa của Công Tôn Long.

Điều 59 - (Viên, nhất trung, đồng trường dã).

Kinh thuyết. (Qui, tả giao dã). 圓，一中同長也
規，寫交也

Câu trên định nghĩa vòng tròn (circonférence). Có một điểm trung tâm ở trong, mỗi điểm trên vòng tròn đều cách trung tâm đó bằng nhau.

Câu dưới trở cái "qui" (compas), dùng nó mà vẽ một đường kín thì thành vòng tròn.

Công Tôn Long bảo cái qui không làm được hình tròn, vì ông cho "tròn" là một cộng tướng, trừu tượng, tuyệt đối tròn kia ; mà cái "qui" không thể vẽ được một vòng

tuyệt đối tròn. Mạc gia chỉ xét cái cụ thể, bảo cái "qui" vẽ được một đường mà mỗi điểm đều cách một điểm trung tâm bằng nhau, như vậy là vẽ được vòng tròn rồi.

Điều 60 : (Phương, trụ ngưng tứ hoan dã)

Kinh thuyết : (Củ, tả giao dã) 方，柱隅四謹也
知，寫交也

Câu trên cũng là một định nghĩa về hình học : Hình vuông là một hình mà bốn cạnh (trụ) bằng nhau, và bốn góc (ngung) bằng nhau.

Câu dưới trở cái "củ" (thuớc vuông : équerre) để vẽ hình vuông.

Điều này bác thuyết cái "củ" không vẽ được hình vuông. Lí luận của Công Tôn Long và của Mạc gia cũng như trong điều trên.

*

Điều 147. (Hỏa nhiệt, thuyết tại đốn). 火熱，說在頓

Kinh thuyết : 謂火熱也，非以火之熱我有，若
視日

(Vị hỏa nhiệt dã, phi dĩ hỏa chi nhiệt ngã hữu, nhược thị nhật).

Có nhà bảo chữ 頓 phải sửa là 純 (thuần), chữ 我 phải sửa là 俄 (nga).

Công Tôn Long bảo lửa nóng là do ta cảm giác thấy nóng ; vậy nóng đó là chủ quan, tại ta chứ không phải tại lửa.

Mạc gia đáp : nóng là tại lửa, chứ không phải tại ta, cũng như chúng ta thấy màu trắng (白) nên sửa

là 白), là tại vật trắng chứ không phải tại ta. Nếu để chữ 日, thì giảng là : cũng như ánh sáng mặt trời, ánh sáng và sức nóng của mặt trời là do mặt trời chứ không phải do ta. (Cao Hanh còn một cách giảng nữa, chúng tôi bỏ).

Điều 154 : 狗犬也，而殺狗非殺犬也，不可說在重

(Cẩu, khuyến dã, nhi sát cẩu phi sát khuyến dã, bất khả (chữ bất này Cao Hanh thêm vô, nguyên văn không có) thuyết tại trùng).

Công Tôn Long bảo con cún (cẩu) không phải là con chó, giết con cún không phải là giết con chó. Có thể ông nghĩ rằng con cún chỉ là một phần tử của loài chó, giết con cún không phải là giết cả loài chó. Cũng có thể ông cho rằng con cún chưa thành con chó, nên giết con cún không phải là giết con chó.

Mạc gia bác : cún cũng là chó. Vậy cún và chó là hai tên để chỉ một vật (trùng đồng - coi điều điều 87 ở trên), vậy giết con cún là giết con chó.

Điều 161. (Khả vô dã, hữu chi nhi bất khả khứ, thuyết tại thường nhiên). 可無也，有之而不可去，然說在膏

Nghĩa là : mọi sự vật nếu từ trước tới nay chưa có thì có thể bảo là không có ; nhưng nếu đã từng có một lần rồi thì không thể coi lần đó là không có.

Điều này gián tiếp bác thuyết : "Con nghé mồ côi chưa từng có mẹ" của Công Tôn Long. Con nghé nào cũng do hồ mẹ sinh ra ; vậy là phải có mẹ. Dù mẹ nó chết rồi, thì cũng không thể bảo rằng nó chưa từng có mẹ được.

Điều 160. (Phi bán bất... tác bất động, thuyết tại đoạn)

Kinh thuyết :

非○半，進前取也。前則中無爲半，猶端也，前後取則端，中也。○必半，無與非半，不可○也

Không sách nào cho biết 新 đọc ra sao, chỉ đoán được nghĩa là chặt, cắt. Chữ 非 Cao Hanh ngờ là chữ 非 (chủ), cái roi ngựa ; chữ 非 ngờ là chữ 非 (kiệt), và giải thích đại ý như sau :

Một chiếc roi ngựa dài một thước, chặt ra, lấy một nửa ; ngày đầu lấy nửa thứ nhất, ngày thứ nhì lấy nửa thứ nhì, thế là hết.

Mặc gia muốn bác thuyết "cái gậy dài một thước, mỗi ngày chặt lấy một nửa, vạn đời không hết" của Công Tôn Long. Nhưng họ hiểu lầm Công Tôn Long nên bẻ bậy. Nguyên văn, Công Tôn Long (theo thiên *Thiên hạ*) là : có nghĩa là cái roi dài một thước, ngày đầu lấy một nửa, ngày thứ nhì lấy một nửa của cái nửa còn lại, ngày thứ ba, lại lấy một nửa của cái nửa còn lại... như vậy vạn đời cũng không hết. Mà không hết được thật vì, trên lí thuyết, không bao giờ chia một vật, dù là cực nhỏ, thành hư không được cả.

Thuyết đó giống thuyết "lực sĩ Achille không bao giờ đuổi kịp được con rùa" của Zénon, triết gia Hi Lạp ở thế kỉ thứ V trước T.L. sinh trước Công Tôn Long khoảng trăm rưỡi năm. Ví dụ con rùa đi trước Achille 100 thước, muốn đuổi bắt được nó thì trước hết phải vượt một nửa quãng 100 thước (tức 50 thước) đó đã ; rồi lại phải vượt một nửa quãng 50 thước còn lại (tức 25 thước)... cứ như vậy, rồi cuộc lúc nào cũng còn lại một nửa chỗ còn lại lần trước, không khi nào hết được cả. Trên lí thuyết như vậy, thực tế khác hẳn. Zénon dùng ngụ ngôn đó để chứng minh rằng không thể có sự chuyển động được, không bao giờ có thể di chuyển từ nơi này tới nơi khác được.

Mặc gia đã hiểu lầm bốn chữ ;
 "kì bán" đó không phải là một nửa cái roi, mà một nửa
 chỗ còn lại của cái roi.

Nhưng cũng có điều Mặc gia đồng ý với Công Tôn Long, như :

Điều 118 . (Ảnh bất tử, thuyết tại cải vị) nghĩa là :
 một vật di động thì bóng của nó vẫn đứng yên, không rời
 chỗ, vì khi vật đó tiến tới thì một cái bóng khác sẽ xuất
 hiện, bóng cũ biến mất ở sau rồi.

Công Tôn Long cũng nói : Khi con chim bay, cái bóng
 nó không hề nhúc nhích. Chúng ta sờ đi thấy cái bóng nó
 cũng di chuyển chỉ là vì nó bay lẹ quá, nhiều cái bóng liên
 tiếp như liền với nhau, ta tưởng chỉ có một cái bóng. Nếu
 quay phim con chim, rồi chiếu thật chậm lại trên màn bạc
 thì sẽ thấy cái bóng thứ nhì khác cái bóng thứ nhất một
 chút, cái bóng thứ ba cũng khác cái bóng thứ nhì một chút...
 đến cái bóng thứ mười chẳng hạn thì đã khác bóng thứ nhất
 nhiều rồi, không nhận ra được nữa.

*

* *

Mặc kinh còn có nhiều điều bác các biện giả khác thời
 đó nữa, chúng tôi không chép lại.

Tóm lại lối biện luận của Biệt Mặc dùng lương tri, căn
 cứ vào thực tế, khác xa lối của Huệ Thi và Công Tôn Long,
 cho nên không thể vì Huệ Thi chủ trương phiếm ái như Mặc
 gia, Công Tôn Long nhận định về sự không di chuyển của
 cái bóng con chim bay cũng giống Mặc gia, mà chúng ta
 có thể sắp hai nhà đó vào phái Biệt Mặc được.

Trong chương sau chúng ta sẽ xét những cống hiến
 của Biệt Mặc về tri thức luận.

CHƯƠNG IV

TRI THỨC LUẬN

Pháp gia chỉ bàn về chính trị, không bàn về tri thức, lại coi thường cả sự giáo dục dân chúng, cho rằng dân càng ngu càng dễ trị. Danh gia chỉ dùng danh từ mà ngụy biện, lấy sự thắng được mọi người làm một trò vui ; nếu quả thật họ có phát kiến được ít điều về khoa học như một số học giả nghĩ thì cũng là ngoài ý muốn của họ : họ không dụng tâm tìm hiểu, suy nghiệm.

Lão, Trang đối với tri thức có tinh thần khinh thị hoài nghi. Chương III *Đạo đức kinh* khuyên đừng nên cho dân biết ham muốn gì cả

(sử dân vô tri vô dục), miễn họ được no bụng, mạnh xương (thực kì phúc, cường kì cốt).

Còn Trang tử thì bảo : "Đang lúc mộng, không biết là mình mộng, trong mộng lại xem mình mộng. Tỉnh giấc

rồi mới biết là mình mộng, có tỉnh giấc mộng lớn rồi mới biết rằng đó chỉ là giấc mộng lớn. (Phương kì mộng, bất tri kì mộng dã, mộng chi trung hữu chiêm kì mộng yên. Giác nhi hậu tri kì mộng dã. Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kì đại mộng dã – *Tế vật luận*). Một lần ông nằm mộng thấy mình hóa bướm, tỉnh dậy thấy mình rõ ràng là người, đâm ra hoài nghi tự hỏi không biết bướm đã hóa ra ông hay ông đã hóa ra bướm.

Chỉ có Nho và Mặc trọng tri thức. Khổng tử hề nói đến *nhân* (đạo nhân) thường cho tri kèm theo. Ông khuyên người ta tránh bốn lỗi : "vô ý", nghĩa là khi xét việc gì, không đem ý riêng của mình vào, mà cứ theo lẽ phải, "vô tất", nghĩa là không câu nệ, cố chấp ; "vô ngã", tức là phải quên mình đi, đừng để cho cái "ta" làm mờ ám. (Tứ Hản, 4). Thiên *Vi chính*, bài 17, ông bảo : "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã" (Biết thì nói là biết, không biết thì nhận là không biết ; như vậy là biết đấy).

Mặc tử thì như trong phần I chúng ta đã thấy, đầu thiên *Phi mệnh*, hạ, ông đã nêu ra ba tiêu chuẩn để bàn, để biết là đúng hay sai : ba tiêu chuẩn đó là "khảo, nguyên, dụng" mà ông gọi là "tam pháp" hoặc "tam biểu".

Nhưng nói đến tri (biết), tri (sáng suốt) Khổng tử và Mặc tử, nghĩ đến đạo lý trước hết. Phải tới giữa thời Chiến Quốc, Tuân tử và phái Biệt Mặc mới cho chữ "tri" cái nghĩa ngày nay (tri thức) và phái Biệt Mặc mới bài về tri thức, mới đặt cơ sở cho tri thức luận trong triết học Trung Hoa.

Nhưng những suy nghĩ của họ chép rời rạc trong *Mặc kinh*, không sắp đặt thành hệ thống. Dưới đây chúng tôi dựa theo bố cục của Phùng Hữu Lan trong sách đã dẫn, mà sắp đặt lại những nét chính đã trình bày rải rác trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* ; chúng tôi cũng sửa đổi đôi chỗ theo những hiệu đính mới nhất của Cao Hanh.

*

Mặc kinh rất coi trọng tri giác, cho rằng người ta có biết (có tri giác) thì mới gọi là sống được.

Điều 22. định nghĩa thế nào là sống :

(Sinh : hình đủ tri xử dã) nghĩa là hình thể và tri giác hợp lại là sống ; nếu rời nhau thì chết.⁽¹⁾

Điều 23. (Ngoa tri vô tri dã). Ngủ thì tri giác không tiếp xúc với vật ở chung quanh.

Ngủ vẫn còn là sống, vậy vẫn còn tri giác, những tri giác lúc đó không tiếp xúc với vật, nên không biết gì cả.

Điều 24. (Mộng : ngoa nhi dĩ vi nhiên dã) Ngủ mà có tri giác, thì tri giác đó vốn không có thực mà cho là có thực, như vậy là mộng.

*

* *

(1) *Kinh thuyết* giảng thêm : Cao Hanh hiểu là : phải có đủ hai cái : hình thể và tri giác (doanh) mới gọi là sống - ý này bác thuyết vật vừa mới sinh ra đã bắt đầu chết (vật phương sinh phương tử) của Huệ Thi ; và sống chết không định trước, (chữ *thương* đó, nghĩa là *thường*), có thể xảy ra bất kỳ lúc nào - ý này bác câu "từ sinh hữu mạng" của Tư Hạ trong *Luyện ngữ*.

TRI THỨC

Điều kiện của tri thức.

Theo *Mục kinh*, muốn có tri thức thì phải có bốn điều kiện, mà điều kiện cơ bản là bản năng của giác quan, mà điều ba gọi là *tài* 材 ; 知材也 (Tri, tài dã).

Chẳng hạn tai mắt phải sáng thì mới nghe thấy trông thấy được ; nếu điếc, dui, nghĩa là tai mắt mất bản năng của chúng rồi thì không nghe thấy, trông thấy, không biết gì nữa.

Các giác quan còn đủ bản năng, nhưng mình phải muốn biết, thì mới dùng tới chúng mà biết được. Chẳng hạn đi ngoài đường, vì mãi nghĩ về một việc gì đó chúng ta không để ý đến xe cô thì xe hơi đâm thẳng tới ta, hóp còi, chúng ta cũng không biết. Lòng muốn biết đó, điều 4 gọi là "lự" : (Lự, cầu dã) Đó là điều kiện thứ nhì.

Điều kiện thứ ba là tiếp xúc với vật. Muốn biết rồi, ta mới cho giác quan tiếp xúc với vật : Cho nên điều 5 bảo : 知，接也

(Tri, tiếp dã). Giác quan tiếp xúc với vật, rồi trong óc mới có một ấn tượng về vật đó, và ta mới biết vật đó ra sao, (chẳng hạn biết chiếc xe hơi đang chạy tới)

Điều kiện cuối cùng là suy luận, nhận thức.

Điều 6 bảo : (Tri ⁽¹⁾, minh dã). Tri là sáng. *Kinh thuyết giảng* : ○也者，以其知論物，而其知之也著，若明

(1) Không có trong Từ Hải, Từ Nguyên. Ngô Tất Tố đọc là tri. Cao Hanh bảo là chữ thời cổ. Nghĩa là xét kĩ (minh sát).

Nghĩa là : Đem cái biết tức là cái ấn tượng của vật ở trong óc ra mà luận vật thì lúc đó mới biết được thấu đáo vật đó, như vậy là "tri", sáng suốt ; chẳng hạn mới biết được chiếc xe đó đang chạy nhanh, sắp dừng vào ta, nếu ta không kịp tránh, thì sẽ bị tai nạn.

Tóm lại *Mặc kinh* cho rằng quá trình về tri thức như sau :

- Giác quan phải còn đủ bản năng.
- Phải muốn dùng chúng
- Phải cho chúng tiếp xúc với vật
- Phải suy luận.

*

Nhưng đó mới chỉ là một loại tri thức do giác quan cho ta ; còn một loại nữa, không do giác quan.

Điển 146 : 知而不以五路，說在久

(Tri nhi bất dĩ ngũ lộ, thuyết tại cửu) Biết mà không do "ngũ lộ" (nam đường) thì như lâu mau.

Chữ "ngũ lộ" ở đây trở "ngũ quan" (tai, mắt, mũi, miệng, da), mà Tuân tử gọi là "thiên quan" (天官). Lão, Trang gọi là "thiên môn" (天門). Vì nam cái đó là chủ thể của cảm giác, cho nên gọi là quan ; vì do nam cái đó mà vật ở ngoài tiếp xúc với ta, gây một ấn tượng trong óc ta, nên gọi là "lộ" (đường) hay "môn" (cửa). Chúng ta biết được thanh âm, màu sắc, vị, mùi (hương), biết được cứng mềm, nặng nhẹ, nóng lạnh... nhờ

ngũ quan. Nhưng ý niệm lâu hay mau thì không do ngũ quan, mà do kinh nghiệm.

Chữ "cửu" (lâu) ở đây, *điều 40* đã dịch nghĩa :

久， 彌 異 時 也

(Cửu, di di thời dã) Lâu là khắp cả thời giờ khác nhau.

Kinh thuyết giảng rõ thêm :

久， 古 今 且 莫

(Cửu, cổ kim dân mộ). Lâu là xưa nay, sớm tối.

Vậy *cửu* là thời gian, mà sách Hoài Nam tử trong thiên Tế tục còn gọi là "tru"

Không gian tuy không thuộc loại tri thức thứ nhì đó (vì dùng mắt có thể biết được xa gần, rộng hẹp). *Mặc kinh* cũng đạt cạnh thời gian và gọi là "vũ".

Điều 41 : 宇， 彌 異 所 也

(Vũ : di di sở dã). Cối là khắp cả các chốn khác nhau

Kinh thuyết giảng rõ thêm : 宇， 東 四 家 南 北

(Vũ : đông tây, gia, nam bắc).

Cao Hanh giảng : Cối là đông tây, chỗ mình ở (gia) và nam bắc.

Nhưng có hai sách bảo phải sửa là : Vũ : môn

蒙 東 西 南 北， nghĩa là cối trùm cả đông tây, nam bắc. Hiểu theo cách nào thì "vũ" ở đây cũng trở không gian.

Mục kinh lại phân biệt ba loại tri thức và bốn yếu tố của tri thức.

Điều 81 : (Tri : van, duyệt ⁽¹⁾, thân : danh, thực, hợp, vi) **Biết :** do nghe, suy, nghiệm ; (phải có) danh, thực, sự phù hợp giữa danh và thực (hợp) và sự thực hành cái biết
(vi) 知 : 聞, 說, 親 : 名, 實, 合,

Nửa phần trên điều đó nói về ba loại tri thức ; nửa phần dưới nói về bốn yếu tố của tri thức.

Ba loại tri thức. 傳受之, 聞也。方不(),
Kinh thuyết giảng : 說也。身觀焉, 親也。

(Truyền thu chi, van đã. Phương bất chương duyệt đã.
Thân quan yên, thân đã)

Loại tri thức thứ nhất là "nghe", tức là được người khác truyền cho mình. Loại thứ nhì không bị chương ngại (không bị tai mắt ngăn cách, không cần phải nghe, thấy, phải tới tận nơi) chỉ suy xét mà biết. Loại thứ ba là do thể nghiệm mà biết.

Vì dụ : Đầu tháng 10 dương lịch, báo chí đang dài phát thanh cho hay cánh đồng Tháp Mười như một biển nước, do đó mà chúng ta biết đồng đó ngập nước. Sự biết đó là do nghe mà biết.

Chúng cần phải đợi báo chí, dài phát thanh loan tin, chúng ta cũng biết vào được hồi đó, nước trên nguồn sông

(1) Cao Hanh đọc là *duyet* (nghĩa là xem xét), hai chữ và thời cổ dùng thay nhau.

Cửu Long đổ xuống và nước mưa không thoát ra biển kịp, thì tất nhiên phải tràn bờ mà vào đồng Tháp Mười, làm ngập cánh đồng đó. Sự biết đó là do suy luận mà biết. Nếu ta lại dịch thân vô đồng Tháp Mười quan sát, thấy một làn nước mênh mông từ Hồng Ngự đến Long An, thì sự biết này là do thể nghiệm mà biết.

Bốn yếu tố của tri thức

Kinh thuyết gắng 所以謂，名也。所謂，實也、名實耦，合也。志行，爲也

"Sở dĩ vi, danh dã. Sở vi, thực dã. Danh thực ngẫu, hợp dã. Chí hành, vi dã"

Muốn bày tỏ sự hiểu biết, cảm tưởng, ý kiến của mình về một cái gì thì phải có cái đó đã. Cái đó, gọi là "thực". Có cái "thực" thì phải có tên để gọi nó, cái tên đó gọi là "danh". Có "thực" thì phải có danh. Có danh thì phải có "thực". Danh với thực thì phải phù hợp với nhau : cái danh đó chỉ trỏ cái thực đó thôi, không thể trỏ cái thực khác được ; mà cái thực đó cũng chỉ ứng với cái danh đó thôi : Cây mít không thể gọi là cây xoài được, cái bàn không thể gọi là cái ghế được. Như vậy mới là chính danh.

Đó là ba yếu tố đầu của tri thức : Có danh, có thực, danh và thực phù hợp với nhau.

Yếu tố thứ tư là cái biết phải thực tiễn (vi) thực tiễn gồm hai thành phần là "chí" và "hành". "Chí" là mục đích ; hành là hành động. Định mục đích rồi nhắm mục đích đó mà hành động, như thế gọi là thực tiễn (vi). "Chí"

phát ở trong lòng mình ; "hành" phát ra ở ngoài. "Chỉ" là giai đoạn đầu, "hành" là giai đoạn sau. Biết mà không thực tiễn, không đưa tới hành động thì chưa đủ gọi là biết. Tri thức mà chỉ có tính cách viển vông, không thực tiễn, ứng dụng được thì không thực là tri thức.

Vậy là ở đây, phái Biệt Mac đã giữ được truyền thống của Mac tử, coi trọng thực dụng. Chúng ta còn nhớ, khi bàn về kiêm ái, Mac tử đã bảo : "Nếu (thuyết kiêm ái) không dùng được thì ngay tôi đây cũng chê. Vả lại đâu có cái gì tốt mà không dùng được bao giờ". Phái Biệt mac đã kịch manh hơn nguy biến như Công Tôn Long vì thuyết của họ không những không thực hành được mà còn có khi gây hại nữa, như khi họ bảo "lửa không nóng"...

Mục kinh(điều 148) còn đưa ra một cách để xét xem kẻ nào tự coi là biết, có thực là biết không :

"Tri kì sở tri, bất tri, thuyết tại dĩ danh thử"

Kinh thuyết giảng :

Muốn thử một người nào tự cho là biết thì ta để lẫn lộn những vật người đó biết và những vật người đó không biết rồi hỏi. Nếu người đó đáp : "Cái này tôi biết", "Cái kia tôi không biết", rồi lại lấy, bỏ đều đúng cả, như vậy mới là biết. Lời giảng hơi lủng túng nhưng ý nghĩa như bài 9 thiên *Qui nghĩa*.

Một người mù bảo đá kim cương cũng trắng, mỡ hóng đen, điều đó rất đúng, nhưng nếu để lẫn lộn vật đen và vật trắng mà bảo lửa thì người mù không biết được. Phải biết tên, lại phải biết lửa nữa mới là biết.

*

Tiến thêm một bước nữa, *Mặc kinh* chia "danh" làm ba loại, "vị" làm ba loại, và "vi" làm sáu loại.

Ba loại "danh".

Điều 79 : (Danh : đặt, loại, tư). Danh (chia làm) : đặt danh, loại danh, tư danh.

Kinh thuyết giảng : Tiếng nói nào phát từ miệng ra đều là "danh" cả (Thanh xuất khẩu, câu hữu danh) vì đều đại biểu cho một khái niệm nào đó. Vậy "danh" trong *Mặc kinh* có một ý nghĩa rộng hơn tiếng "danh từ" của ta, tiếng "substantif" của Pháp. Nhưng khi phân biệt ba loại danh thì nó lại giống "danh từ" của ta.

"Đặt danh" là tiếng gọi chung các loài vật (như chữ vật 物) hay các sự việc (như chữ sự 事).

"Loại danh" là tiếng gọi một loài vật nào đó (như ngựa), hay một loại sự việc nào đó (như đi thuyền).

Còn "tư danh" là tên riêng trở riêng một vật thôi (như anh Xuân, nước Việt Nam, con Xích thổ của Quan Công).

Thiên *Đại thủ* bảo "danh" có thứ để trở hình dáng (dĩ hình mạo mệnh giả) như nhà, cửa, gò, núi ; có thứ để trở chỗ ở (dĩ cư liên mệnh giả) như làng, xóm, nước Tề, nước Sở ; có thứ để trở số lượng (dĩ cử lượng số mệnh giả), như tram, ngàn, cân lượng.

Cách phân loại đó thiếu sót, không hoàn bị.

– *Ba loại "vị"*

Điều 80 (Vi : di, cử, gia) "vi" là bảo, hoặc gọi. Có ba loại : dôi, trở đúng, thêm.

Con cún là con chó con, chưa phát triển đầy đủ thành con chó, nhưng vẫn thuộc loài chó, bảo "con cún là loài chó" thì cũng như bảo "ngựa trắng là con ngựa", như vậy là "dôi" cái tên "chó" để gọi con cún, dôi cái tên "ngựa" để gọi con ngựa trắng.

Trở đúng (cử) tên một loài, như cún thì trở chung các con cún, chó trở chung các con chó. Chữ "cử" ở đây, gần giống chữ đại biểu : "danh" để "cử" cái thực, tức như để đại biểu, thay cho cái thực. Vì nó thay cho cái thực, cho nên chúng tôi dịch thoát là gọi đúng ; trở đúng tên khác với "dôi" tên (mượn tên)

Sau cùng *gia* (加) có nghĩa là thêm, nhưng ở đây phải hiểu là cấp cho, đại khái như từ attribuer của Pháp. Như thấy một con chó ở trước mặt ta, ta máng nó : "Chó, đi !" như vậy là "thêm" cái "danh" chó vào cái "thực" là con chó đó. Chữ *gia* đó thật khó dịch, chúng tôi dịch gương, là thêm.

Cách phân loại đó không hợp lí

— Sáu loại "vi"

Điều 86 : (Vi : tổn, vong dịch, dâng, trị, hóa). Làm gồm : làm cho còn, làm cho mất, trao đổi, trừ-hai, trị, hoa.

Kinh thuật : (Tao đãi, tổn dã, Bệnh, vong dã, Mãi dục, dịch dã, Tiêu tận, dâng dã, Thuận trưởng, trị dã, Oa mãi (1), hóa dã)

(1) Chúng tôi ngờ là chữ

mãnh.

Chữ (tào), Tôn Di Nương sửa là (giáp) áo giáp. Cao Hanh sửa là chữ (tạo), mà thay cho (tào) là cái máng cho súc vật ăn (vì hai chữ đó đọc giống nhau). Không biết thuyết nào đúng, nhưng cả hai nhà đều giảng như nhau.

"Làm" có sáu loại, xét về mục đích.

Loại thứ nhất : làm để cho còn (tồn) tức như ta nói ngày nay để tạo nên một vật gì. Thí dụ : xây cái đài, làm cái áo giáp (thuyết của Tôn) hoặc cái máng cho súc vật ăn (thuyết của Cao)

Loại thứ nhì : làm để cho mất đi (vong) như trị bệnh là làm cho hết bệnh.

Loại thứ ba : làm để trao đổi (dịch), như mua bán tức là trao đổi vật này lấy vật khác.

Loại thứ tư : làm để trừ hại. (dãng), như trừ giặc cướp, sâu bọ.

Loại thứ năm : làm để vật thuận sinh, phát triển lên (trì) như trồng cây, nuôi súc vật.

Loại thứ sáu : làm để biến hóa (hóa), vì có lúc chúng ta muốn sự vật này biến thành sự vật khác. Thí dụ về biến hóa : con châu chấu (oa) - theo người Trung Hoa thời cổ - có thể biến thành con chim cú (thuần).

*

Về liên quan giữa sự làm (vi) và lòng muốn (dục), trong *Mục kinh* chúng ta chỉ thấy mỗi một điều nhắc tới.

Điều 76 : (Vi, cùng tri nhi huyền ư dục dã) và Ngô Tất Tố (sách đã dẫn - tr.163) can cứ vào đó mà cho rằng *Mạc kinh* nhận thấy phải có dục vọng thì con người mới hành động, cơ hồ như coi dục vọng có tác động mạnh hơn li trí.

Nhưng ở chương I phần này chúng tôi đã nói, chữ ở điều 76 đó, Cao Hanh bảo phải sửa là chữ , chưa biết thuyết nào đúng, nên ở đây chúng tôi không bàn tới.

*

* *

BIỆN THUYẾT

Mạc tử suốt đời đi khắp các nước chư hầu răn thuyết phục mọi người khiêm ái, làm lợi lẫn cho nhau, thuyết phục các vua chúa đừng xâm chiếm đất của nhau, và hễ thấy nước nào bị nước khác uy hiếp thì đem quân đến cứu. Ông tự hào rằng lập luận của ông rất vững, "kẻ nào dùng lời của mình để bài bác ông thì cũng như cầm trứng ném vào đá : ném hết trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên không sút mẻ" (Quý nghĩa - 19).

Khổng tử "hối nhân bất quyện" thì Mạc tử cũng "thuyết" nhân bất quyện, cho nên bị thiên hạ chê là nói nhiều quá. Như Công Mạnh tử có lần bảo ông : "Mình thực làm điều thiên thì ai mà không biết ? Như (...) người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân.

Còn như mình hành động mà tự khoe thì chẳng ai dùng mình. Nay thấy di thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy ?"

Ông đáp : "Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới ; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết."

Lời đó làm cho ta nhớ lời Khổng tử trong chương *Tư Hãn*, bài 17 : "Ta chưa thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc" (Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã). Sao mà hai nhà giống nhau thế !

Vậy Mạc tử trọng sự biện thuyết. Phái Biệt Mạc không làm chính trị như ông, không di du thuyết, nhưng suy tư về phép biện thuyết, cũng đáng gọi là nối được truyền thống của ông.

Họ nhận rằng ngôn ngữ biểu thuật được tri thức.

Điều 92 và 93, "họ bảo lời nói là cái tài của miệng, can cứ vào lời nói mà thấy được ý là nhờ cái tâm biết suy biện "Ngôn, khẩu chi lợi dã - Chấp sở ngôn nhi ý đắc kiến, tâm chi biện dã - Chữ biện ở đây dùng như chữ biện".

*

Họ phân biệt hai trường hợp "biện" : trường hợp "biện" để thuyết minh, làm sáng tỏ ý của mình về một vấn đề gì đó ; trường hợp "biện" để tranh thắng. Có thể bảo

trường hợp trên là hiểu "biện" theo nghĩa rộng, mà trường hợp dưới là hiểu theo nghĩa hẹp.

Điều 73 : "Thuyết, sở dĩ minh dã". Điều này thuộc về trường hợp thứ nhất, nghĩa rất rõ, nên không có phần *Kinh thuyết*.

Điều 74 : Thuộc về trường hợp thứ nhì :

(Bỉ, bất khả lưỡng bất khả dã).

Kinh thuyết (Bỉ : hủy ngu, trừ phi ngu, lưỡng dã, vô dĩ phi dã)

Phần *Kinh*, nguyên văn là chữ 攸, các sách đều sửa lại là 攸 theo hiệu đính của Trương Huệ Ngôn. Cao Hanh giảng 攸 là "mệnh đề đem ra tranh biện". Vì *điều 75* bảo : "Biện, tranh bỉ dã" : biện là hai bên tranh luận về một mệnh đề.

Phần *Kinh thuyết*, nguyên văn là các sách để nguyên, và đại ý giảng là : "phẩm dã là bò thì khác với không phải là bò, nếu hai bên đều thừa nhận là bò hay đều thừa nhận là không phải là bò thì không có chỗ nào bảo nhau là không phải". Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* tr. 667 chúng tôi đã dịch như vậy. Nhưng Cao Hanh bảo chữ nên sửa là chữ hủy, chữ 樞 nên sửa là chữ 樞 tru. (vì mặt chữ giống nhau, cổ nhân đã chép lẫn) và giảng là : Bảo con hủy (tê ngu) cùng loại với con ngu (bò), đó là một mệnh đề nữa. Nếu ông Giáp đưa ra mệnh đề thứ nhất (hủy và ngu cùng loại) mà ông

Ất đưa ra mệnh đề thứ nhì (trụ với nguưu khác loại), hai bên hai mệnh đề khác nhau thì không có gì để bác nhau. Không sinh ra tranh biện. Tóm lại, chỉ có tranh biện khi chỉ có một mệnh đề mà mỗi bên đưa ra một ý kiến khác nhau, chẳng hạn Giáp bảo con hũy cùng loại với con nguưu, mà Ất bảo là khác loại.

Một khi đã có tranh biện thì tất có một bên khang định, một bên phủ định, (không thể hai bên cùng khẳng định hay cùng phủ định được, như vậy đâu còn tranh biện nữa) mà bên nào đúng (có lý) là bên do thắng, chẳng hạn bên bảo con hũy cùng loại với con nguưu, có lý, đúng, sẽ thắng. Đó là ý nghĩa *điều 75*.

"Biện, tranh bì đã. Biện thắng, đáng đã"

Điều 135. Mặc kinh con nói thêm :

Câu đó, chúng tôi đã dẫn trong chương III. *Bác các nhà khác*, dưới đây chúng tôi xin giảng rõ hơn.

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* tr. 691 chúng tôi đã dịch câu đó là : Bảo rằng biện bác thì không thắng được, lời đó không ổn đáng. Là vì khi bảo : "Biện bác thì không thắng được", như thế tức là đã biện bác và muốn thắng rồi."

Nay chúng tôi thấy hiểu như vậy không đúng với lời *Kinh thuyết* :

(nguyên văn là

Cao Hanh sửa lại)

(Vị) sở vị phi đồng dã, tác dị dã. Đồng tác hoặc vị chi cấu, kì hoặc vị chi khuyến dã. Dị tác hoặc vị chi ngu, kì hoặc vị chi mã dã, Câu vô thắng, thị bất biện dã. Biện dã giả, hoặc vị chi thị, hoặc vị chi phi, đáng giả thắng dã.

Nghĩa là : Hai người đều đưa ý kiến. Ý kiến hoặc giống nhau hoặc khác nhau. Nếu ý kiến giống nhau thì không có tranh luận. Thí dụ : có con cún ở trước mặt, ông Giáp bảo là con cún (chó con) ; ông Ất bảo là con chó ; như vậy là ý kiến giống nhau, và đều đúng hết, không có tranh biện. Nhưng nếu con vật ở trước mặt không phải là con cún, (mà là con mèo chẳng hạn), ông Giáp bảo là con cún, ông Ất bảo là con chó ; như vậy là ý kiến giống nhau nhưng đều sai hết, cũng không có tranh biện. Phải có ý kiến khác nhau thì mới có tranh biện. Chẳng hạn có con bò ở trước mặt. Ông Giáp bảo là con bò, ông Ất bảo là con ngựa. Ý kiến ông Giáp đúng, ý kiến ông Ất sai, và tranh biện thì ông Giáp thắng, ông Ất thua. Nhưng nếu con vật ở trước mặt, không phải là bò, cũng không phải là ngựa (mà là con dê chẳng hạn), ông Giáp bảo là con bò, ông Ất bảo là con ngựa, cả hai đều sai, không ai thắng ai cả. Tóm lại, ý kiến có khác nhau mới có tranh biện. Tranh biện mà không ai thắng cả là tại cả hai đều sai, như vậy cũng coi như là không có tranh biện. Hễ gọi là tranh biện thì phải có một bên phải, một bên trái ; bên nào phải, đúng là bên ấy thắng, bên nào sai, không đúng là bên ấy thua.

Vì *Thuyết kinh* giảng như vậy, nên phần *Kinh* phải hiểu lại là : tranh biện thì phải có người thắng, kẻ thua, ai có lí đúng, là thắng, ai không có lí, sai là thua. Nếu không ai thắng cả, tất là do cả hai đều sai cả.

Đó là biện hiểu theo nghĩa hẹp : tranh biện,. Biện phải theo nghĩa rộng : biện thuyết, thì *Kinh thượng* và *hạ* không nói tới, mà hai thiên *Đại*, *Tiểu thủ* mới phân tích, do đó chúng ta có thể đoán rằng hai thiên này viết sau *Kinh thượng* và *hạ*.

Tiểu thủ nói :

"Biện là để làm sáng tỏ điều phải trái ; xét cho ra mối manh tri loạn ; làm cho rõ chỗ bị động ; xét cái lí của "danh" và "thực" ; biết đâu là lợi hại ; giải quyết sự hiềm nghi. Biện là để mô tả hình dung, tóm tắt ý nghĩa của muôn vật ; bàn bạc suy tìm cái hay của các lời nói. Lấy "danh" để biểu thị cái "thực", lấy "từ" để giải bày ý, "lấy thuyết" để nói rõ lí do (cớ) ; lấy điều đã biết để loại suy điều chưa biết ; hễ có ở nơi mình thì đừng chê ở nơi người, hễ không có nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người".

(Phù biện giả, tương dĩ minh thị phi chi phận ; thẩm tri loạn chi kỉ ; minh dĩ đồng chi xử ; sát danh thực chi lí ; xử lợi hại, quyết hiềm nghi yên ⁽¹⁾). Mô lược vạn vật chi nhiên, luận cấu quần ngôn chi bỉ. Dĩ danh cử thực, dĩ từ trữ ý, dĩ thuyết xuất cớ, dĩ loại thủ, dĩ loại dữ ; hữu chư kỉ bất phi chư nhân ; vô chư kỉ, bất cấu chư nhân).

Đoạn trên xét về : Công dụng của biện thuyết - và phương pháp biện thuyết. Có 6 công dụng :

1- Làm sáng tỏ điều phải trái ;

(1) Có sách để chữ *yên* này qua đầu câu sau : *Yên mô lược vạn vật chi nhiên, và bảo yên đó nghĩa như chữ nãi () là bèn.*

2- Xét cho ra manh mối trị loạn ;

3- Làm cho rõ chỗ dị đồng ;

4- Xét cái lí của danh và thực ;

5- Biết đâu là lợi đâu là hại ;

6- Giải quyết sự hiềm nghi.

Có thể nói công dụng 5 là hậu quả của 1 và 2, công dụng 6 là hậu quả của 3 và 4.

Câu "mô tả hình dung, tóm thâu ý nghĩa của muôn vật" ý nghĩa cũng như 3 và 4 ; mà câu "bàn bạc suy tìm cái hay của các lời nói" thì ý nghĩa cũng đã nằm trong 1.

Phương pháp biện thuyết gồm 4 bước :

1- Lấy danh để biểu thị cái thực : điều này chúng ta đã hiểu rồi ;

2- Lấy "từ" để giải bày ý. Gồm nhiều "danh" lại - danh hiểu theo nghĩa rộng, gồm cả động từ, tính từ, số từ v.v... Chứ không trừ riêng danh từ - để diễn một ý, thì thành một "từ" ; vậy từ tức là "mệnh đề" theo ngôn ngữ học ngày nay.

3- Lấy thuyết để nói rõ lí do (cố). Thuyết là luận chứng. Luận chứng để đưa ra cái cố, tức cái nguyên nhân, cái lí do. (coi lại điều 1 trong *Kinh thượng* : "Cố, sở đắc nhi hậu thành dã". - Chương *Biệt Mặc*.)

4- Lấy điều đã biết để loại suy điều chưa biết. Ví dụ chúng ta biết rằng người nào cũng chết ; mà ông X là người ; ta có thể suy ra rằng ông X cũng sẽ chết.

Sau cùng là hai chuẩn tắc của một biện luận để tránh mâu thuẫn :

1- Hễ có nơi ở mình thì đừng chê ở nơi người, nghĩa là điều gì mình đã thừa nhận thì không được chối bỏ. bất kể ở nơi người ;

2- Hễ không có ở nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người ; là điều gì mình đã không thừa nhận thì không được bắt người khác phải thừa nhận.

Về việc lập thuyết, *Tiểu thủ* đưa ra 7 phép : hoặc, giả, hiệu, thì, mâu, viện và suy :

"Hoặc" nghĩa là không hết.

Giả nghĩa là nay không phải thế.

Hiệu nghĩa là làm theo như "pháp" ; "sở hiệu" là cái "pháp" theo đó mà làm ; cho nên làm đúng theo như "pháp" là phải, không đúng theo như "pháp" là sai ; thế là "hiệu"

Thì là đem cái khác để làm cho sáng tỏ.

Mâu là so sánh "từ" mà cùng xuôi

Viện là vin lấy mà bảo : "ông coi là phải thì được, tại sao riêng tôi lại không được coi là phải".

Suy là đưa cái thực chưa từng nghiệm cũng giống cái đã từng nghiệm mà suy luận, dự đoán. Tức như bảo : "nó đã giống, sao ta lại bảo là nó khác ?"

(Hoặc đã giả, bất-tận đã.

Giả đã giả, kiểm bất thiên đã.

Hiệu dã giả, vì chi pháp dã. Sở hiệu giả, sở dĩ vì chi pháp dã. Cổ trùng hiệu tác thi dã, bất trùng hiệu tác phi dã. Thử hiệu dã.

Thi dã giả, cử tha vật nhi dĩ minh chi dã.

Mâu dã giả, bỉ (cũng đọc là tì) từ nhi câu hành dã. Viện dã giả, viết : *Từ nhiên, ngã hể độc bất khả dĩ nhiên dã ? Suy dã giả*, dĩ kì sở bất thử chi đồng ư kì sở thử giả dư chi dã. Thi do vị tha giả đồng dã, ngô khởi vị tha giả dị dã.)

1- "Hoạc" là "bất tận", điều 43 giảng là chẳng cái nào là không thể (Tận : mạc bất nhiên dã). Vậy "hoạc" nghĩa là có khi như vậy, không nhất thiết luôn luôn như vậy. Như loài ngựa, có con trắng, chứ không phải con nào cũng trắng, và ta bảo : ngựa hoạc có con trắng.

2- "Giả" là giả thiết. Hiên tại chưa như vậy, mà giả thiết, là như vậy. Chẳng hạn ta bảo : "Nếu chúng ta tìm được mỏ dầu ở Đồng Tháp thì chỉ trong ít năm miền đó không còn là một đồng hoang nữa mà thành một miền kĩ nghệ phong phú". Như vậy là dùng phép giả thiết.

3- "Hiệu" là làm theo "pháp". Chữ "pháp" ở đây có một nghĩa riêng. Điều 71 bảo :

(Pháp, sở nhược nhi nhiên dã) : pháp là cái theo đó mà làm ra thể).

Kinh thuyết giảng :

(Pháp, ý, qui, viên, câu khả dĩ vì pháp) : ý niệm về hình tròn, cái thước tròn (compas), vòng tròn, cả ba đều

có thể làm "pháp", tức làm biểu chuẩn để theo đó mà làm ra hình tròn.

Điều 165 lại nói :

(Nhất pháp giả chi tương dữ dã tận loại, nhược phương chi tương hợp dã. Thuyết tại phương).

Pháp là cái mẫu mực - cái khuôn - để chế tạo đồ dùng. Các đồ chế tạo ra đem so sánh (*dữ ở đây là so sánh*) với cái khuôn đó đều giống nhau hết, như hình vuông này với hình vuông kia hợp với nhau.

Kinh thuyết giảng thêm : Hễ là hình vuông thì đều giống nhau, vì đều cùng cái thước vuông mà làm ra ; thước vuông tức là cái mẫu mực, cái khuôn của hình vuông. Cho nên vật tuy khác nhau về chất, thứ bằng gỗ, thứ bằng đá, nhưng đã vuông thì đều hợp với nhau. Vậy hết thấy đều giống nhau, tức là đều vuông. Mọi vật đều thế.

(Phương tận loại, câu hữu pháp nhi dị, hoặc mộc hoặc thạch, bất hại kì phương chi tương hợp dã. Tận loại do phương dã. Vật câu nhiên)

Vậy ta có thể cho rằng "pháp" ở đây hiểu theo nghĩa rộng là công thức. Công thức đó dùng để so sánh (*hiệu*) : so sánh mà đúng công thức thì là phải, không đúng tức là sai. Như Mạc tử bảo : "Nói năng, bàn luận có ba "biểu chuẩn" (biểu) hay ba "phép" (pháp), hễ đúng với những biểu chuẩn, hay phép đó thì là phải, không đúng tức là sai.

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* chúng tôi đã theo Vũ Đông, cho "Sở hiệu giả" là đại tiền đề ; "hiệu" là lấy đại tiền đề làm "pháp", làm biểu chuẩn. Tỉ dụ : "Phàm là người thì tất có chết", thế là "hiệu" - Hiệu như vậy cũng được, nhưng nghĩa có hơi hẹp đi.

4- "Thí" là ví dụ, lấy cái kia mà để nói rõ về cái này, lấy cái đã biết để nói rõ về cái chưa biết.

5- "Mâu" là lấy "từ" (mệnh đề) kia ra để so sánh với "từ" này. Nếu "từ" kia chấp nhận được thì "từ" này cũng chấp nhận được.

Mạc tử đã dùng phép "mâu" trong thiên *Phi công thượng* khi ông bảo :

"Nay có người nọ thấy đen ít thì bảo là đen, thấy đen nhiều lại bảo là trắng ; như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đen hay trắng ; thấy đáng ít thì bảo là đáng mà thấy đáng nhiều lại bảo là ngọt, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đáng ngọt. Nay [các bậc quân tử trong thiên hạ thấy] làm điều quấy nhỏ thì biết mà chê, mà làm điều quấy lớn là đánh chiếm nước người thì không biết mà chê, lại còn khen, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là biết phân biệt nghĩa và bất nghĩa không ?"

Tất nhiên ta phải trả lời là không, vì ta đã nhận rằng hai hạng người ở trên không biết phân biệt đen trắng, đáng ngọt.

6- "Viện" là viện lẽ, (xin lấy làm lẽ) : ông nói thế, tôi cũng nói thế, mà ông cho lời ông nói là phải, thì cũng phải cho lời tôi nói là phải chứ.

Phùng Hữu Lan đưa ra một thí dụ trong *Công Tôn Long tích phủ thiên*. Công Tôn Long bảo Khổng Xuyên :

"Long tôi nghe nói vua Sở mất cây cung... kẻ tả hữu xin đi tìm. Nhà vua ngan : "Đừng. Vua Sở mất cung thì người Sở được cung, còn tìm làm gì ?" Trọng Ni nghe câu chuyện bảo "... Cứ nói : Người (này) mất cung, người (khác) được cung, hà tất phải nói người Sở ?". Như vậy là Trọng Ni cho "người Sở khác với "người".

Trọng Ni cho "người Sở" khác với "người" mà ông [Khổng Xuyên] cho là phải ; còn tôi cho ngựa trắng khác với [không phải là] ngựa ⁽¹⁾ thì ông lại chê, thế là ông hầy."

Công Tôn Long trong truyện đó đã dùng cả hai phép "mâu" và viện".

7- "Suy" - Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương* -(Thương Vụ ấn thư quán - 1958) giảng như sau :

"Suy" là một phép loại suy mà trước đây người ta gọi là qui nạp ⁽²⁾. "Sở thử" tức là cái đã nghiệm rồi ; "Sở bất thử" là cái còn chưa nghiệm. Do kinh nghiệm, biết rằng những sự vật nọ là như thế, nhân đó suy ra biết được những sự vật còn chưa nghiệm. Nếu như những sự vật đó cùng giống nhau cả thì biết rằng tất cả cũng đều thế. Như vậy cũng tức là : quan sát gần ấy vật, thấy những vật có tính chất thuộc loại Giáp cũng đều có tính chất thuộc loại Ất, thì biết rằng những vật nào khác, hể tính

(1) Công Tôn Long có thuyết : "Ngựa trắng không phải là ngựa".

(2) Nay gọi là "phiếm hóa loại suy" (Analogie généralisée)

cách thuộc loại Giáp thì cũng có tính cách thuộc loại Ất (...) "Suy" rất gần với "qui nạp", nhưng thực không phải là "qui nạp". Qui nạp là do quan sát những đặc lệ mà qui nạp ra thông tác ; còn "suy" thì là kinh nghiệm một số tình hình nào đó, rồi do đó suy đoán những tình hình tương đồng với những tình hình đã kinh nghiệm ; như vậy vẫn là do đặc thù này mà suy ra đặc thù khác, chứ không phải là do suy từ nhiều đặc thù để rút ra một thông tác.

"Thí", "mâu", "viện", "suy" đều là những phép loại suy cả. Tư trung, phạm vi suy đoán của "suy" có rộng hơn. ⁽¹⁾

Phương pháp loại suy không chắc chắn mấy, dễ đưa đến sai lầm. Cho nên thiên *Tiểu thủ cảnh* cáo ta :

"Vật không phải cứ có chỗ giống nhau là hẳn giống nhau. "Từ" có tương tự thì cũng đến một chừng mực nào đó rồi ngừng. Có "như thế ấy", mà lại có lí do "tại sao mà như thế ấy" ; hai bên giống nhau về chỗ "như thế ấy", nhưng còn cái lí do "tại sao mà như thế ấy" thì chưa hẳn hai bên đã giống nhau.

Thế cho nên áp dụng phương pháp "thí", "mâu", "viện", "suy", vào "từ" thì [phải coi chừng] có chỗ sai khác ; nếu chuyển dời đi thì có cái nguy hiểm lẫn ; nhích xa thì hỏng, càng xa lại càng lia gốc. Cho nên không thể không xét kĩ và không nên thường dùng".

(1) Đại cương triết học Trung Quốc I, tr.675-76. Cáo Thơm.

(Phù vật hữu dĩ đồng nhi bất suất toại đồng. Từ chi mâu dã, hữu sở chi nhi chi. Kì nhân dã hữu kì sở dĩ nhiên dã kì nhiên dã đồng, kì sở dĩ nhiên bất tất đồng (...) Thi cổ thí, mâu, viện, suy chi từ, hành nhi dị, chuyển nhi nguy, viễn nhi thất, lưu nhi li bản, tác bất khả bất thẩm dã, bất khả thường dụng dã)

Điều 110 (*Kinh hạ*) đưa thêm một cảnh cáo nữa : 物之所以然與所以知之與所以使人知之 (Vật chi sở dĩ nhiên, dĩ sở dĩ tri chi, dĩ sở dĩ sử nhân tri chi, bất tất đồng, thuyết tại bệnh.)

Nghĩa là một sự việc xảy ra ; cái nguyên do tại sao nó như vậy ; cái cách ta dùng để nhận định nó ; biết nó với cái cách ta dùng để khiến cho người khác biết, tức để diễn tả, báo cáo ; ba cái đó : Không luôn luôn như nhau. Chẳng hạn một người bị bệnh. Có thể có nhiều nguyên nhân : do thời tiết, do ăn uống, do truyền nhiễm v.v... thế là nguyên do "bất tất đồng". Y sĩ, muốn tìm bệnh, có thể dùng nhiều cách : hỏi bệnh bát mạch, nghe phổi, tim, thử nước tiểu, máu v.v... thế là cách ta dùng để nhận định "bất tất đồng". Biết bệnh rồi, y sĩ muốn cho người ta biết là bệnh gì, tại sao bị bệnh, phải trị ra sao, cũng có nhiều cách : hoặc nói ra, hoặc viết ra, hoặc nói trực tiếp, hoặc nhờ người khác, hoặc giảng tỉ mỉ, hoặc nói vắn tắt...

Sự việc phức tạp như vậy : một việc có thể có nhiều nguyên nhân, cách nhận định mỗi người một khác, cách diễn tả mỗi người hay mỗi lúc một khác ; cho nên ta phải thận trọng kiểm soát kĩ, không thể tin ngay một thuyết nào được. (1)

Chúng tôi thấy tinh thần của phái Biệt Mặc, tác giả Mặc kinh thật nghiêm túc, khác xa tinh thần vô trách nhiệm của phái danh gia ngũ biến. (Nên coi thêm *Đại cương triết học Trung Quốc I* -tr.677-686).

(1) Điều 110 này, chúng tôi giảng theo Cao Hanh. Ngô Tất Tố (tr.172-73) hiểu khác : Cái nguyên nhân tại sao một sự vật như thế, phương pháp suy nhận, và lời lập luận, đáng lẽ phải đúng với nhau. Chỉ vì người ta nhận xét nguyên nhân còn thiếu sót, nên lập luận không đúng. "Thế là lập luận sai lầm" Thuyết tại bệnh, ông hiểu là "lập luận sai lầm".

CHƯƠNG V

KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

Trong *Kinh thượng và hạ* chúng ta còn gặp nhiều điều về khoa học, tuy còn "ấu trĩ" nhưng ở vào thời Chiến Quốc cũng đáng kể là mới mẻ.

Về *Hình học*, *Kinh thượng* đã đưa ra vài định nghĩa :

– Điều 2 cho định nghĩa của điểm và đường thẳng mà Biệt Mặc gọi là điểm và xích (coi chương I phần này)

– Điều 59 và 60 cho định nghĩa về hình tròn (viên) và hình vuông (phương) và chỉ cách vẽ hai hình đó (coi chương III phần này)

– Điều 53 Định nghĩa bằng (bình) là cao ngang nhau

– Điều 55 định nghĩa "trung" là "dài bằng nhau", tức cùng cách một điểm bằng nhau, như những điểm trên một vòng tròn cùng cách trung tâm vòng đó.

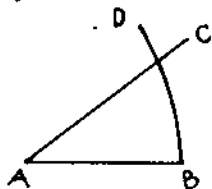
– Điều 56 họ gọi thể tích là "hậu" (厚)

Điều 169 仕, 有以相撓, 有不相撓也

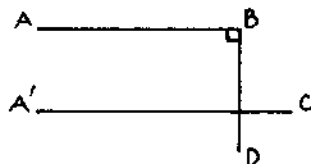
(Tỉ, hữu dĩ tương anh, hữu bất tương anh dã).

Cao Hanh giảng là muốn so sánh hai đường thẳng, đường nào dài đường nào ngắn, thì có hai trường hợp : hai đường xuất phát từ một điểm tương anh

, nghĩa là chạm nhau, thì dùng cây thước tròn (compass) như hình I dưới đây ; hai đường song song với nhau (bất tương anh), thì đặt một đầu của hai đường cho bằng nhau rồi ở đầu kia dùng cây thước vuông, như hình II dưới đây.



Hình I



Hình II

Về Lực học :

- Điều 21. định nghĩa "lực" (力) sức mạnh, bảo : "hình thể có sức mạnh rồi mới tác động được" (Lực : hình chi sở dĩ phần dã), 力: 形之所由奮也.

- Điều 162 : Vật mà luôn luôn ngay, không khiến cho nó nghiêng được, là nhờ hình thể nó tròn (như viên đạn) : Chính nhi bất khả kỉ, thuyết tại đoàn. 搏 ở đây xưa dùng như chữ 團 mà 團 theo Thuyết văn, nghĩa là viên ; tròn).

- Điều 126 (nguyên văn là)

(Phu nữ bất náo, thuyết tại thắng) Đỡ một sức nặng mà không cong là nhờ nó chịu được.

Về Quang học.

Kinh hạ có tám điều (từ 118 đến 125) về quang học ; ở cuối chương III phần này, chúng tôi đã dẫn *điều 118* : ánh không dời chỗ, trong khi vật di chuyển.

Ở đây chúng tôi chỉ dẫn thêm ba điều nữa để độc giả biết qua loa nội dung *Mặc Kinh* thôi.

– *Điều 119* (nguyên văn là ...) (Ảnh nhị : thuyết tại trùng). Cao Hanh giảng là : Ảnh có hai thứ : bản ảnh (ombre, ta gọi là ảnh) và phó ảnh (pénombre, ta gọi là bán ảnh). Bản ảnh là ảnh chính, đen đậm ; phó ảnh là khu mờ mờ ở chung quanh bản ảnh.

— Điều 120 - Điều này, Kinh và Thuyết kinh đều chép lẫn, phải hiệu đính rất rắc rối, nên chúng tôi không chép lại. Cao Hanh giảng rất công phu và cho rằng Mặc Kinh đã biết hình một vật gì chiếu qua một lỗ nhỏ thì đảo ngược lại, như trong máy chụp hình, vì tia sáng ở trên cao, qua lỗ đó sẽ rơi xuống thấp ; tia sáng ở dưới thấp qua lỗ đó sẽ rơi lên cao.

→ Điều 132.

(nguyên văn là _____, chép lẫn). Lâm giám nhi
lập, ảnh đảo, đa nhi nhược thiếu, thuyết tại quả thất.

Cao Hanh căn cứ vào *Kinh thuyết* (chúng tôi không chép lại) và giảng rất công phu, đại ý là :

Một người đứng trước một tấm gương thì người đó ra sao, ảnh trong gương như vậy, người đó tiến tới thì ảnh trong gương cũng tiến tới, lùi lại ảnh cũng lùi lại ; nhưng nếu người đó quay mặt về hướng đông, thì ảnh quay mặt về hướng tây, quay mặt về hướng tây thì ảnh quay mặt về hướng đông, như vậy là "ảnh đảo".

Nếu một người đứng ở giữa hai tấm gương (một tấm ở trước mặt, một tấm ở sau lưng, hai tấm song song với nhau) thì trông thấy cả trước mặt lẫn sau lưng, và có tới hai ảnh ; nhưng ảnh trong gương này lại chiếu vào gương kia, ảnh trong gương kia lại chiếu ngược lại vào gương này, thành ra thêm hai ảnh nữa, rồi, những ảnh này lại chiếu đi chiếu lại tới vô cùng. Theo lý thuyết thì như vậy sẽ có vô số ảnh, nhưng ảnh càng chiếu lại thì càng xa, mờ đi, mắt ta không thấy hết được, mà cơ hồ ảnh tới một lúc nào đó sẽ mất". Đó là ý nghĩa những chữ "đa nhi nhược thiểu, thuyết tại quả thất".

Những điều 124, 125 xét về ảnh hưởng trong những gương lõm và lồi mà *Mặc Kinh* gọi là (Cao Hanh ngờ là chép lầm) và ()
đọc là 0, nghĩa là cong – , đoàn, nghĩa là hình mặt tròn – sphère).

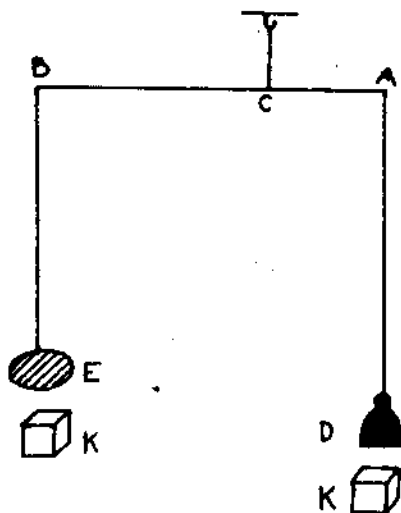
Kinh thuyết

(Hành mộc gia trọng yên nhi bất nạo, cực thảng trọng dã. Tả (Nguyễn van không có, Cao Hanh thêm) hữu hiệu giao thang, vô gia yên nhi nạo, cực bất thảng trọng dã. Hành gia trong ư kì nhất bàng, tất thủy, quyển trọng tương nhược dã. Tương hành tác bản đoãn

tiêu trường, lương gia yến, trọng tương nhược, tác tiêu tác hạ, tiêu đắc quyển dã).

"Hành"

là cân. Khúc AC là "bản". Khúc BC là "tiêu" - D là "quyển" (quả cân). K là vật thêm vô sau. Cao Hanh



giảng : Sở dĩ cân cân chịu được vật nặng mà không cong vì bản thể nó (cứng) chịu nổi sức nặng. Một sợi dây căng giữa hai cây cột (), không bắt nó chịu thêm một vật nặng nào cả mà tự nó cũng trùng vì nó không chịu nổi sức nặng của chính nó.

đó hiểu biết, phát minh được nhiều hơn (chúng có là môn thiên văn, làm lịch, môn thủy lợi, môn chế tạo vũ khí, chiến cụ... của họ) mà *Mặc kinh* không ghi lại.

*

Các môn khác.

Về *kinh tế học* chúng tôi chỉ dẫn hai điều :

– Điều 130. 貴無貴說在反其貴 (Mãi vô quý, thuyết tại phản kì cố)

Kinh thuyết.

(Đạo dịch tương vì cố. Đạo khinh tác dịch bất quý. Đạo trọng tác dịch bất dị. Vương đạo vô biến ? Dịch hữu biến. Tuế biến dịch tác tuế biến đạo. Nhược dục tử.)

Cao Hanh bảo những chữ *cố* ở đây nên sửa là *giá*, và giải nghĩa như sau : Đạo là thứ tiến bằng đồng thời *cố*, đúc theo hình con dao, nên gọi là dao. Chỉ nhà vua mới có quyền đúc tiến, nên gọi là vương đạo. Giá tiến và lúa lên xuống ngược nhau.

Nếu người ta coi rẻ đồng tiến thì giá lúa tuy tăng nhưng không phải là đắt ; nếu người ta trọng đồng tiến thì giá lúa tuy hạ xuống nhưng không phải là rẻ. Tiến nhà vua đúc ra, giá nó không thay đổi, như trước sau một đồng vẫn là một đồng. Giá lúa thì thay đổi. Mà giá lúa mỗi năm một thay đổi thì giá tiến mỗi năm cũng thay đổi mỗi năm. Cũng như bán con. Nếu giá dứa con cao thì giá tiến hạ xuống ; nếu giá dứa con thấp thì giá tiến cao lên.

賈宜則 價說在盡

- Điều 131. Cổ nghĩ tác thù, thuyết tại tân)

Kinh thuyết.

(Cổ) Tân đã già, tân khử kì sở dĩ bất thụ dã. Kì sở dĩ bất thụ khử, tác thụ. Chính cổ đã nghĩ bất nghĩ chính dục bất dục, nhược bại bang dục thất, giá tử)

Cao Hanh báo chữ 價 đời nay viết tắt thành chữ 售 (thụ là bán) Chữ 言賈 cũng chính là chữ 價 giá. Chữ 正 thứ nhì nên sửa là chữ 在 tại.

Ông giảng : Chữ 賈 ở trong Kinh nghĩa là trừ hết những nguyên nhân không bán được món hàng đi. Trừ hết những nguyên nhân đó rồi thì bán. Nhưng giá hàng không phải chỉ do người bán định, còn tại người mua hay không có cần món hàng hay không. Khách hàng muốn thì bán cao được nếu không thì phải bán thấp, dù bán thấp mà cũng gọi là được giá. Cũng như một nước chiến bại, nhân dân muốn đi nơi khác ở, ai cũng bán nhà, gả con gái, nhưng không ai chịu mua chịu cưới, nên giá nhà xuống thấp, tiền cưới cũng giảm mà vẫn không bán, gả được.

Hiện tượng đó, kinh tế học ngày nay gọi là luật cung cầu.

Về tâm lí, có được vài điều, đây là một :

Điều 132 無說而懼, 說在弗必 (Vô thuyết nhi cụ, thuyết tại phát tất) : không có lí do chắc chắn mà sợ là tại không biết việc ra sao.

Kinh thuyết :

(Tử tại quân, bất tất kì tử sinh ; vạn chiến, diệc bất tất kì tử sinh. Tiến dã bất cụ, kim dã cụ.)

Thi dụ : có con ở trong quân đội, không biết được nó sống hay chết. nay có tin mặt trận gởi về, cũng chưa biết được nó sống hay chết. Nhưng trước kia không sợ, nay thì sợ. Như vậy *Mặc kinh* cho là không có lí do mà sợ. Sự thực cũng có lý do đấy : Con ở trong quân đội mà chưa ra trận thì phần chết ít ; khi ra trận thì phần chết nhiều hơn, lí do sợ ở đó.

Ngoài ra còn nhiều điều về đạo lí (nhân, nghĩa, trung, hiếu...) về chính trị (vua, tôi, thưởng, phạt...)...Nội dung quả là phong phú.

CHƯƠNG VI

KẾT CHUNG VỀ MẶC HỌC

Hàn Phi trong thiên *Hiển học* bảo hai học thuyết tiếng tăm nhất thời ông là Nho và Mặc. Tác giả bộ *Lữ Thị Xuân Thu*, trong thiên *Đương Nhiễm* cũng bảo đệ tử của Khổng, Mặc "đầy thiên hạ".

Vậy vào đầu đời Tần Thủy Hoàng hai học thuyết đó vẫn còn thịnh. Nhưng chúng tôi đoán rằng ảnh hưởng và uy tín của Nho và Mặc về phương diện chính trị chắc đã suy từ khi bọn pháp gia mạnh lên, nghĩa là vào khoảng giữa thời Chiến Quốc. Hai nước chủ hấu mạnh nhất là Sở và Tần tất đã thấy đạo nhân nghĩa, phi công của Nho và Mặc không giúp cho họ mạnh được để thôn tính mà thống nhất thiên hạ, cho nên Sở Chiêu vương mới dùng Ngô Khởi, Tần Hiếu Công mới dùng Thương Ưởng để biến pháp. Hai chính khách đó đều không được dùng lâu,

đều bất đắc kì tử vì bọn quý tộc (bọn "cha anh" của vua) thâm oán, nhưng ảnh hưởng của họ rất lớn, và sau họ, bọn pháp gia mỗi ngày một mạnh lên.

Còn môn đồ của Khổng, Mặc tuy vẫn được vua chúa trọng, nhưng không giữ một vai trò nào quan trọng cả. Tuân tử, nhờ tình tri kỉ của Xuân Thân Quân mà làm một chức huyện lệnh ở Lan Lang (Sở) ; Phúc Thôn, một cự tử của Mặc, sống sau Mặc khoảng bảy, tám chục năm, có thời lui tới triều đình Tần Huệ vương, nhưng chẳng có chức vụ gì.

Học trò của Tuân tử chắc không đồng hàng của Khổng tử hay Mạnh tử ; đáng buồn cho ông là hai người có tài nhất, Hàn Phi và Lí Tư, lại không theo đạo ông mà đứng về phe pháp gia : Lí Tư tận tâm phụng sự Tần Thủy Hoàng, Hàn Phi cũng muốn giúp Tần mà bị Lí Tư ghen ghét, đến nỗi chết oan. Đó là phái Tuân tử ; phái Mạnh tử có người nào giỏi không, được các vua chúa tin dùng không, không thấy sử chép.

Về phía Mặc, sau khi Mặc tử chết, môn đệ chia làm ba phái : Tương Lí, Tương Phu, Đặng Lang. Chúng ta không biết họ có chống đối nhau không. Nhưng chắc chắn là họ có điểm khác nhau trong sự áp dụng, thi hành học thuyết của thầy.

Rồi sau lại thêm phái Biệt Mặc nữa sửa đổi thuyết kiêm ái không tin quỷ thần, không làm chính trị mà bàn về tri thức, về khoa học thường thức, và đã phái nguy hiểm. Như vậy là mới hơn một trăm năm mà đạo Mặc đã biến đổi hẳn, không còn nhận ra được nữa. Thật là một hiện tượng lạ trong lịch sử triết học.

Phe còn làm chính trị thì chắc rất ít người còn giữ được một nửa tinh thần của Mặc tử. Ngay khi Mặc tử còn sống mà một môn đệ đã phản thầy rồi, xin trở lại học Mặc tử đuổi đi, người đó đáp : "Con trở về sau các anh khác, đâu phải là tội ?" (*Canh Tru* -16)

Một số khác không theo đúng đạo của thầy, làm quan thì bổng lộc, Mặc tử phải tìm cách không cho làm nữa.

Thiên *Minh quý hạ* Chép một chuyện khiến cho ta suy nghĩ, truyền Tấn Mục Công được Thượng đế khen đức sáng sai thần Câu mang xuống cho thọ thêm mười chín nam, nước thịnh trị, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt. (Chương V-B- phần II đã dẫn truyện đó).

Tấn Mục Công (thế kỉ VII tr.TL.) hiếu chiến, thắng một trận ở Hán Nguyên mà xưng bá ở Tây Châu (tức Tây Nhung, các rợ phía Tây), như vậy là trái hẳn thuyết "phi công" của Mặc tử : tài đức ông ta không có gì đặc biệt : Mặc gia nào viết thiên *Minh quý hạ* đã đề cao ông ta như vậy, chỉ là để nhỉnh nhà Tấn chứ không có gì khác. Chúng ta có thể ngờ rằng những Mặc gia nào thời sau làm quan với Tấn, Sở... đều phải thỏa hiệp với vua Tấn, vua Sở, bỏ đạo của thầy đi mà cầu chức tước, bổng lộc.

Vậy thì dù đạo Mặc còn nhiều người theo, tới "đầy thiên hạ" như *Lữ Thị Xuân Thu* chép, chúng tôi vẫn tin rằng ảnh hưởng, uy tín của nó đã sút nhiều rồi.

*

:: ::

Tới khi Tấn Thủy Hoàng nghe lời tể tướng Li Tư ra lệnh "đốt sách, chôn nho" thì cả Nho lẫn Mặc ngoác ngoải. Dĩ nhiên quan lại nhà Tấn không sao kiểm soát hết được và trong dân gian ở xa kinh đô vẫn còn một số ít người lén lút giữ những sách của Nho, Mặc để truyền lại cho con cháu.

Khoảng một trăm năm sau, Hán Vũ Đế nghe lời Đồng Trọng Thư, dùng lại đạo Nho mà bãi truất tất cả những nhà khác ; thế là Nho lại thịnh lên hơn hai nghìn năm nữa, tới cách mạng Tân Hợi (1911), ở đầu thế kỉ XX, còn Mặc thì không ai nhắc tới.

Phải đợi tới thế kỉ thứ III sau C.N. đời Tấn Huệ Đế, mới có một học giả là Lỗ Thảng tìm hiểu đạo Mặc viết cuốn *Mặc hiện chú* nhưng cuốn này đã thất truyền. Đời Đường (thế kỉ thứ VII - IX), một người tên là Lạc Đài cũng chú thích *Mặc tử*, cũng thất truyền.

Lại phải đợi khoảng 1.000 năm nữa sau thế kỉ XVIII, đời Càn Long nhà Thanh, Mặc học mới được nhiều nhà đem ra nghiên cứu kĩ lưỡng, có công nhất là Tất Nguyên, Ưông Trung, Vương Niệm Tôn. Trước đó người ta mới chỉ chú thích *Mặc tử* ; còn *Mặc kinh* không ai hiểu nổi. Tất Nguyên là người đầu tiên sắp đặt lại và tìm được cách đọc *Mặc kinh*.

Có thể nói Mặc học nhờ ông mà sống lại được.

Sau nha phiên chiến tranh, Mặc học càng được chú ý hơn và cuối thế kỉ trước, phong trào nghiên cứu Mặc học

đạt tới mức thịnh nhất nhờ các học giả như Tôn Di Nương, Lương Khải Siêu, Chương Bỉnh Lân,... ; và gần đây là Hồ Thích, Phùng Hữu Lan, Phương Thụ Sở, Cao Hanh. Những nhà đó đều chịu ảnh hưởng không nhiều thì ít của văn minh phương Tây ; một số lại có nhiệt tâm cứu quốc, oán nhà Thanh, chê đạo Khổng thủ cựu, làm cho Trung Hoa không tiến bộ, nhục nhã thua phương Tây, nên say mê đọc *Mặc tử* và *Mặc kinh*. Thấy Mặc học có nhiều điểm giống phương Tây, họ tiếc rằng nếu Mặc học không bị Khổng học gìm, thì Trung Hoa đã có một tôn giáo như Kì Tô giáo (và trước Kì Tô giáo nữa) mà các môn luận lí học, khoa học đã tiến bộ như phương Tây. Chưa biết chừng Trung Hoa đã tạo được một chủ nghĩa xã hội trước phương Tây cả ngàn năm chứ đâu có giữ chế độ quân chủ chuyên chế cổ hủ, lạc hậu như vậy.

Càng tiếc họ lại càng tự hỏi vì đâu một học thuyết cực thịnh ở thời Chiến Quốc, tranh giành ảnh hưởng với Khổng giáo mà rồi bỗng nhiên chìm luôn, không lưu lại một chút vang bóng.

Theo chỗ chúng tôi biết thì tới nay họ đã đưa ra được cả chục nguyên nhân.

Hồ Thích cho là tại :

1- Mặc bị Nho phản đối kịch liệt quá, (có lí một phần nhỏ thôi : Nho cũng bị Mặc phản đối vậy, mà sao Nho thắng, Mặc thua ?)

2- Mặc bị các chính khách nghi kỵ. (cũng chỉ có lí một phần : thực ra thời Chiến Quốc, nhiều môn đồ của Mặc

tử được một số vua chư hầu dùng, và họ cũng chịu thỏa hiệp ít nhiều với các nhà, cầm quyền).

3- Mặc gia sau thiên về nguy hiểm quá vì điều, ít ai hiểu được (điều này sai ; phái Biệt Mặc không nguy hiểm ; nguy hiểm là phái danh gia như Huệ Thi, Công Tôn Long...).

Lương Khải Siêu đưa thêm lí do nữa :

4- Đạo Mặc bạc bẽo, khác nghiệt với người và với mình quá, như tác giả thiên *Thiên hạ* trong Trang tử đã nói. Điều này có phần đúng, và Phùng Hữu Lan, rất thận trọng, nhận rằng "hoặc giả đó cũng là nguyên nhân vậy" *sách đã dẫn tr. 137.*)

Li Quí bảo :

5- Tại giai cấp công nông do Trần Thiệp, Ngô Quảng lãnh đạo đã thất bại ⁽¹⁾ - (Chúng tôi nghĩ rằng trước thế kỉ XX, cách mạng nào ở Trung Hoa cũng là của nông dân chứ không có công nhân, mà dù Trần Thiệp thành công thì ông ta cũng sẽ như Lưu Bang thôi, dùng Nho chứ không dùng Mặc).

Quách Mạt Nhược (trong *Trung Quốc xã hội cổ đại nghiên cứu*) cho rằng :

6- Tại Mặc phản cách mạng (tức phản Tần ?), đi ngược lại xu thế thống nhất thời đó bằng võ lực. (Nhưng Nho cũng đi ngược lại xu thế đó ; mà chúng tôi chưa thấy có

(1) Do Phương Thu Sở dẫn, tr. 205. -Trần Thiệp là người đầu tiên khởi nghĩa để diệt Tần.

Mặc gia nào đời sau chống Sở, Tần ; trái lại còn làm quan hoạc cố vấn cho họ nữa).

Phương Thụ Sở (tr. 205-208) đưa thêm bốn nguyên nhân dưới đây :

7- Mặc học có điểm mâu thuẫn : chẳng hạn chủ trương kiêm ái, phi công mà lại bảo đạo tặc đáng giết (Nhưng triết học nào mà chẳng có điểm mâu thuẫn ?)

8- Li tưởng quá cao, muốn dùng thuyết kiêm ái mà hô hào khắp thiên hạ, chẳng những đời đó, mà ngay hiện nay cũng không thực hành được (điều này đúng, quả thực là không hợp nhân tình)

9- Tổ chức đoàn thể tan rã. (có phần đúng, nhưng tại sao tổ chức lại dễ tan rã, mà sao không có một phái nào mạnh hơn những phái khác, giữ được truyền thống của Mặc tử ?)

10- Bị nghi kị là ủng hộ Tần. (Nguyên nhân này ngược hẳn với nguyên nhân 6, đủ biết không nguyên nhân nào đúng hẳn).

Các học giả Trung Hoa đã đưa ra nhiều nguyên nhân quá rồi, chúng tôi không dám đưa thêm nữa chỉ xin trình chút cảm tưởng với độc giả.

Có lòng thương người mệnh mỏng đó, lòng nhiệt thành hi sinh đó. Lại có giọng hùng hồn của một giáo chủ, lời bình dị lặp đi lặp lại, rất thích hợp với đại chúng, nếu chỉ muốn thành lập một tôn giáo, đừng quan tâm tới chính trị, thì Mặc tử rất có thể đã tạo cho dân tộc Trung Hoa

được một tôn giáo. Nhưng ông lại chỉ muốn lợi dụng tôn giáo để làm chính trị, mà làm chính trị thì có khi ông thực tế quá, có lúc lại lí tưởng quá, mâu thuẫn với chính mình, nên ông thất bại. Ông mất rồi, không thể có một người thứ hai nào như ông để nối chí ông, đáng ông không thể đoàn kết như khi ông còn được, và lần lần các môn đồ của ông không còn giữ được đúng đường lối, chủ trương của ông nữa, kẻ thì thỏa hiệp với nhà cầm quyền, kẻ thì bỏ hán chính trị, mà suy tư về tri thức, biện luận, khoa học. Triết lí chính trị của ông đã chấm dứt từ khi phái Biệt Mặc xuất hiện rồi.

Nhưng bảo rằng triết lí đó không lưu lại một chút vang bóng thì cũng không đúng. Vang bóng ấy tế nhị nên người ta không nhận thấy : nó nằm trong chính sách của Pháp gia : (thống nhất tư tưởng, cáo gian, cách lựa người rồi giao việc...) mà từ Hán trở đi, các nhà cầm quyền Trung Hoa đều dung hòa Nho và Pháp thì thế nào mà chẳng ít nhiều gián tiếp theo vài chủ trương của Mặc mà không hay.

PHẦN TƯ
Trích dịch

LỜI THUA TRƯỚC

Học thuyết Mặc tử không khó hiểu nhưng bộ *Mặc tử* lưu hành ngày nay có rất nhiều chỗ chép sai hoặc thiếu sót, nên cần có một bản hiệu đính kĩ.

Theo Đường Kinh Cảo, từ trước tới nay đã có hơn hai chục nhà gắng sức hiệu đính, nhưng vẫn chưa được hoàn hảo. Đời Càn Long nhà Thanh có Uông Trung, Tất Nguyên ; đời sau có Vương Niệm Tôn, Du Việt (tác giả bộ *Mặc tử bình nghị*) ; qua đời Quang Tự, Tôn Di Nhượng thu thập, chiêm chước các thuyết của người trước, soạn bộ *Mặc tử nhân hử* rất có giá trị. Ngoài ra còn Lí Lạp, Trần Trụ bỏ tước công việc của Tôn Di Nhượng. Không có những nhà đó thì chúng ta khó mà đọc nổi *Mặc tử*.

Ai đã nghiên cứu ít nhiều về cổ văn Trung Hoa đều biết rằng thời Tiên Tần, người Trung hoa chưa thống nhất về ngôn ngữ, chánh tả, những chữ phát âm hơi giống nhau vẫn thường được dùng thay cho nhau, cũng như chúng ta ngày nay có nhiều người không phân biệt chỉ và trí, sử và xử, cát và các, tàn và tàng v.v... cho nên khi thấy :

- 一有 có chỗ 又 như trong câu 有去
大人之好聚 珠玉 (Tiết dụng thượng) : có chỗ là
交 như trong (Kiêm ái hạ), 兼之有踐 có khi phải

đọc là 選

và hiểu là tính toán (Tiết dụng thượng)

- 選
thượng)

có chỗ dùng thay 推 (Phi nhạc

và còn vô số trường hợp khác tương tự
như vậy nữa, chúng ta hồ ngỡ, nhưng cố đoán, may ra cũng
trúng được.

Đến như :

- 而
là 此...

có khi phải hiểu là 以, là 能,

- 鮮
nghĩa là 則phải đọc là 斯 mà 斯 có
(Tiết dụng thượng)- 其
thượng)

tức là 基, nghĩa là 極 (Thiên chi

- 嘗
thượng)

tức là 嘗 và nghĩa là

試 (Phi nhạc thượng)

nhất là bốn chữ này trong Minh quĩ hạ :

萬年梓株

mà phải hiểu là 萬人宰誅 (vạn người tranh
nhau giết vua) [Tru] thì quả thực là lạ lùng : 人

mà sao viết thành 年; 宰 được ? Ai đoán cho nôi ?

Mặc tử khó đọc là vì vậy.

*

* *

Rất tiếc chúng tôi không kiếm được bản hiệu đính của
Tôn Di Nguộng, mà cũng không kiếm được bản nào khác

ngoài bản tuyển chú của Đường Kinh Cảo ⁽¹⁾. Đường chỉ tuyển 14 trong số 24 thiên của tổ II đều và giữ trọn 5 thiên trong tổ IV, còn các tổ I, III, V bỏ hết.

Riêng về đề *Kiểm ái*, ông chép cả ba thiên thượng, trung, hạ để chúng ta biết qua những thiên đó khác nhau ra sao ; còn các đề khác như *Thượng hiển*, *Thượng đồng*, *Phi công*... ông chỉ lựa một hay hai trong ba thiên thôi.

Chúng tôi sẽ dịch hết 19 thiên ông lựa ; ân hận rằng không có những thiên *Phi nho hạ*, *Pháp nghi*, *Thất hoạn* để giới thiệu thêm với độc giả. Nhưng chỉ đọc 19 thiên đó thôi, đọc giả cũng đủ hiểu học thuyết của Mặc tử rồi.

Công việc chú thích của Đường Kinh Cảo không kĩ lưỡng lắm, nhưng minh bạch và đúng đắn vì ông đã chăm chú các bản hiệu đính của người trước. Mỗi người viết về Mặc tử có một chủ trương, dùng cách hiệu đính của nhà này, bỏ cách của nhà khác, lại có thể nhận xét, hiệu đính theo ý riêng của mình ; do đó cũng trích dẫn một đoạn mà có khi không giống nhau, và chưa có bản nào được coi là chính thức cả. Chúng tôi đã nhận thấy bản của Đường Kinh Cảo có đôi chỗ khác bản mà Phùng Hữu Lan dùng để viết về Mặc tử. Vậy độc giả càng không nên ngạc nhiên nếu thấy cuốn của chúng tôi với cuốn của Ngô Tất Tố (Khai Tri - 1959) có đôi chỗ khác nhau chẳng những về lời dịch mà cả về nguyên văn chữ Hán nữa.

(1) Thương vụ ấn thư quán - 1938

KIẾM ÁI (thượng)

Bậc thánh nhân trị thiên hạ, tất phải biết loạn do đâu mà phát thì mới trị được, không biết loạn do đâu mà phát thì không trị được ; cũng như thấy thuốc trị bệnh cho người, tất phải biết bệnh do đâu mà phát sinh thì mới trị được, không biết bệnh do đâu mà sinh thì không trị được. Lẽ nào riêng việc trị loạn lại không như vậy ? Tất phải biết loạn do đâu mà phát thì mới trị được. Thánh nhân trị thiên hạ, không thể không xét loạn do đâu mà phát.

Thử xét loạn do đâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau. Tôi con không yêu vua cha, như vậy gọi là loạn. Con chỉ yêu mình mà không yêu cha, cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình ; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình ; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy, gọi là loạn. Dù như cha mà không thương con, anh không thương em vua không thương bề tôi thì thiên hạ cũng gọi là loạn. Cha chỉ yêu mình mà không yêu con, cho nên mới làm hại cho con để lợi cho mình ; vua chỉ yêu mình mà không yêu bề tôi, cho nên mới làm hại bề tôi để lợi cho mình. Như vậy là do đâu ? Đều do không yêu nhau mà ra cả.

Dù cho đến những kẻ trộm cướp trong thiên hạ thì cũng vậy : kẻ trộm chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác, cho nên mới ăn trộm của nhà khác để lợi cho nhà mình ; kẻ cướp chỉ yêu thân mình mà không yêu thân người, cho nên mới làm hại thân người khác để lợi cho thân mình. Như vậy là do đâu ? Đều do không yêu nhau mà ra cả.

Dù cho đến các quan đại phu làm loạn nhà nhau, các vua chư hầu đánh chiếm nước nhau thì cũng vậy : các quan đại phu chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác cho nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho nhà mình ; các vua chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình. Các việc loạn trong thiên hạ đều như vậy mà thôi. Xét nguyên do từ đâu, đều do không yêu nhau mà ra cả.

*

* *

Nếu thiên hạ đều gồm yêu lẫn nhau, ai nấy đều yêu người như thân mình thì còn kẻ bất hiếu nữa không ? Coi cha anh và vua như thân mình thì làm gì còn kẻ bất hiếu ? Còn kẻ bất tử nữa không ? Coi con em và bề tôi như thân mình thì làm gì còn kẻ bất tử ? Cho nên sự bất hiếu, bất tử sẽ không còn nữa. Còn trộm cướp nữa không ? Đã coi nhà người như nhà mình thì còn ai ăn trộm nữa. Đã coi thân người như thân mình thì còn ai ăn cắp nữa ? Cho nên sự ăn trộm ăn cắp sẽ không có nữa. Còn có đại phu làm loạn nhà nhau, vua chư hầu đánh chiếm nước nhau nữa không ? Coi nhà người như nhà mình thì còn ai làm loạn nhà nhau ? Coi nước người như nước mình thì còn ai đánh chiếm nước nhau ? Cho nên cái nạn đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh chiếm nước nhau sẽ không có nữa.

Nếu thiên hạ gồm yêu lẫn nhau, nước nọ với nước kia không đánh chiếm lẫn nhau, nhà này với nhà kia không

làm loạn lẫn nhau, trộm cướp không có, vua tôi, cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên hạ trị. Cho nên bậc thánh nhân trị thiên hạ, không thể không cấm chỉ sự ghét nhau mà khuyến khích sự yêu nhau. Cho nên thiên hạ gồm yêu lẫn nhau thì trị, mà ghét lẫn nhau thì loạn. Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Không thể kìm lòng khuyến khích người ta yêu nhau" là vì vậy.

KIÊM ÁI (Trung)

Thấy Mạc tử nói : "Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi cho thiên hạ, trừ cái hại cho thiên hạ. Vì vậy mà làm việc". Nhưng cái lợi cho thiên hạ là gì ? Cái hại cho thiên hạ là gì ? Thấy Mạc tử bảo : "Nay nước nọ nước kia đánh chiếm lẫn nhau, nhà nhà kia cướp lẫn nhau, người nọ người kia hại lẫn nhau, vua không huệ [già ân cho dân], tôi không trung, cha không từ, con không hiếu, anh em không thuận hòa, đó là cái hại cho thiên hạ".

Nhưng xét xem cái hại đó do đâu mà ra ? Do yêu nhau mà ra chăng Thấy Mạc tử bảo : "Do không yêu nhau mà ra. Nay vua chư hầu chỉ biết yêu nước mình mà không biết yêu nước người, cho nên không ngại đem nước mình đánh chiếm nước người ; chủ nhà ⁽¹⁾ chỉ biết yêu mình mà không biết yêu nhà người, cho nên không ngại đem nhà mình cướp đoạt nhà người ; cá nhân chỉ biết yêu thân mình mà không yêu thân người, cho nên không ngại đem thân mình mà hại

(1) Nguyên văn : gia chủ, trở các khanh tướng, đại phu.

thân người. Cho nên chư hầu không yêu nhau thì tất đem quân đánh nhau ở ngoài đồng ; chủ nhà không yêu nhau thì tất cướp lẫn nhau ; người nọ người kia không yêu nhau thì tất làm hại lẫn nhau ; vua tôi không yêu nhau thì vua không huệ, tôi không trung ; cha con không yêu nhau thì cha không từ, con không hiếu, anh em không yêu nhau thì không hòa thuận ; người trong thiên hạ đều không yêu nhau thì người mạnh tất ngạo mạn kẻ hèn, người khôn lanh tất lừa gạt kẻ ngu. Những tai họa, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sở dĩ nổi lên đều do không yêu nhau mà ra, cho nên bậc nhân giả chê cái đó".⁽¹⁾

Đã chê nó thì lấy gì thay nó ? Thấy Mặc tử nói : "Lấy cái phép mọi người gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau mà thay nó." Nhưng cái phép mọi người gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau đó phải thế nào ? Thấy Mặc tử nói : [Phải] coi nước người như nước mình, coi nhà người như nhà mình, coi thân người như thân mình. Cho nên chư hầu yêu nhau thì không đem quân đánh nhau ở ngoài đồng ; chủ nhà yêu nhau thì không cướp lẫn nhau ; người nọ người kia yêu nhau thì không làm hại lẫn nhau ; vua tôi yêu nhau thì vua huệ, tôi trung ; cha con yêu nhau thì cha từ con hiếu ; anh em yêu nhau thì hòa thuận ; người trong thiên hạ đều yêu nhau thì người mạnh không áp chế kẻ yếu, người giàu không khinh khi kẻ nghèo, người sang không ngạo mạn kẻ hèn, người khôn lanh không lừa gạt kẻ ngu.

(1) Bản Mặc tử chúng tôi dùng lần này hơi khác bản chúng tôi dùng khi soạn Đại cương Triết học Trung Quốc năm 1966.

Những tai họa, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sẽ dĩ không nổi lên là vì do yêu nhau cả, cho nên bậc nhân giả khen cái đó."

*

* *

Nhưng bậc sĩ quân tử⁽¹⁾ ngày nay bảo : "Phải, gồm yêu lẫn nhau được thì tốt rồi, nhưng đó là việc khó khăn, lớn lao trong thiên hạ." Thấy Mạc tử đáp : "Vì các bậc sĩ quân tử không biết cái lợi, hiểu cái nguyên nhân đấy. Nay các việc đánh thành, giao chiến ở ngoài đồng, tự giết thân mình để được danh tiếng, trăm họ trong thiên hạ đều cho là khó ; mà khi ông vua đã thích thì dân chúng cũng làm được, huống hồ là việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, có khác gì đâu. Hễ yêu người thì tất người yêu lại mình, làm lợi cho người thì người tất làm lợi cho mình ; hễ ghét người thì người tất ghét lại mình, hại người thì tất người hại lại mình. Cái đó có khó gì đâu ? Chỉ vì người trên không dùng kiềm ái làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi nó là nét của mình đấy thôi."

Xưa, vua Văn công nước Tấn thích những kẻ áo xấu⁽²⁾ cho nên các bề tôi bận áo lông cừu phương Bắc, dùng cái đai bằng da để đeo kiếm, đội cái mũ bằng lụa mộc, áo vải và giấy đều xấu xí để bề kiến vua và ngồi

(1) Tức như ta nói : giai cấp thượng lưu trong xã hội.

(2) Vua Đạo Quang thời Thanh cũng vậy, cho nên các đại thần đều mặc áo cũ, áo vá, mà các tiệm bán đồ cũ ở Bắc Kinh tha hồ hốt bạc, có khi một bộ áo cũ còn đắt hơn một bộ áo mới.

triều. Tại sao vậy ? Tại vua thích nên bề tôi làm theo. Xưa vua Linh vương nước Sở thích kẻ sĩ lưng thon, nên bề tôi mỗi ngày ăn một bữa thôi, nhịn thở rồi mới thắt đai được, vịn tường rồi mới đứng dậy được, chưa đầy một năm, cả triều đều có vẻ xanh xao. Xưa, vua Câu Tiễn nước Việt thích dùng sĩ, huấn luyện bề tôi rồi lén sai người đốt một chiếc thuyền để thử kẻ sĩ, bảo : "Bao nhiêu bảo vật của Việt đều ở trong thuyền đó". Ông lại đích thân đánh trống đốc thúc kẻ sĩ vào cứu. Nghe tiếng trống, họ xô đẩy nhau túi bụi xông vào dập lửa mà chết, kể cả hai bên thuyền, có trên trăm người. [Lúc đó] vua Việt mới đánh chuông⁽¹⁾ báo họ lui về.

Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Nhịn ăn, bận áo xấu, giết thân mình để được tiếng, những việc đó trăm họ trong thiên hạ đều cho là khó, vậy mà vua thích thì dân chúng cũng làm được ; huống hồ là yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, so với những việc trên dễ hơn nhiều. Hễ yêu người thì người cũng yêu lại mình, làm lợi cho người thì người cũng làm lợi lại cho mình ; ghét người thì người cũng ghét lại mình, hại người thì người cũng hại lại mình ; cái đó có gì khó đâu : chỉ do bề trên không dùng làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi nó là nết của mình đấy thôi.

Nhưng bậc sĩ quân tử ngày nay bảo : "Phải, gồm yêu lẫn nhau được thì tốt đấy ; nhưng việc đó không thể làm được. Nó khó như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông [Hoàng] Hà, sông Tể⁽²⁾ vậy." Thấy Mặc tử đáp : "So sánh như vậy

(1) Thời đó, hễ tấn công thì đánh trống, lui quân thì đánh chuông.

(2) Một chi nhánh của Hoàng Hà.

không đúng. Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông Hà, sông Tề, là việc cần có sức mạnh : [chân] nhanh, [tay] cứng, từ xưa tới nay chưa ai làm được. Còn việc gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau thì khác hẳn, thánh vương đời xưa đã làm rồi đấy. Sao biết được vậy ?

Xuân, vua Vũ ⁽¹⁾ trị thiên hạ, phía Tây khơi sông Tây Hà và dòng Vị thủy để tháo nước các chằm Bồ và Huyền, phía Bắc đắp đê ngăn nước sông Nguyên, sông Phái, cho nước chảy vào các lạch của Chiêu Du Kỳ, Hô Trì, đục núi Long Môn, làm lợi cho các rợ Yêu Đại, Hồ, Lạc và dân miền Tây Hà ; phía Đông thông nước ứ ở Đại Lục, đắp đê ngăn chằm Mạnh Chu, chia nước chín con sông, trồng trúc cho các sông miền đông khởi lở, làm lợi cho dân Kì Châu ; phía nam khơi các sông [Trường] giang, Hán, Hoài, Nhữ cho chảy qua sông [tức phía biển] và rót vào 5 cái hồ ⁽²⁾, làm lợi cho các nước Kinh [tức Sở], Can, Việt và dân Nam Di [rợ phía Nam] ⁽³⁾. Đó là kể việc vua Vũ, ngày nay ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông. Xưa vua Văn vương cai trị miền Tây ⁽⁴⁾, đức như mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn phương khắp miền Tây, không cho nước lớn lấn nước nhỏ, không cho số đông hiếp kẻ cô độc, không cho kẻ mạnh

(1) Vua sáng lập nhà Hạ, vì có công trị thủy, được vua Thuấn truyền ngôi cho, trị vì từ 2205 tới 2197 trước TL.

(2) Ngũ hồ : có tới 9 thuyết, không biết thuyết nào đúng.

(3) Những tên đất, tên sông trong đoạn này, chủ thích chỉ thêm rườm rà không ích gì.

(4) Văn vương là bề tôi của vua Trụ, được phong là Tây bá, chỉ huy các rợ (chư hầu) miền Tây ; sau bị Trụ nhốt khám ở Dữu Lì.

cướp lúa và chó lợn của người. Trời miễn Van vương, nhân từ [vì] người già mà không có con thì ông, san sóc, nuôi nấng cho trọn tuổi đời, người cô độc không có anh em thì ông cho sống chung với người thường, [người có gia đình anh em] ; trẻ em không có cha mẹ thì ông tìm cho chỗ nương tựa để được nuôi tới lớn. Đó là việc vua Van vương, ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông.

Xưa vua Võ vương ⁽¹⁾ cho đào đường hầm để thờ thần núi Thái Sơn. Truyện ⁽²⁾ chép lời khẩn của ông : "Thưa thần Thái Sơn, chất ⁽³⁾ hiếu kính ⁽⁴⁾ là vua Chu xin báo cáo việc lớn ⁽⁵⁾ đã xong, người hiền ⁽⁶⁾ đã được để cử để cứu dân, các đời Thương Hạ và các rợ Man Di, Xú Lạc... Khi dùng người thì chất không vì thân thích mà chỉ lựa người hiền. Nếu van phương có tội, thì riêng thân chất chịu". Đó là việc vua Võ vương, ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông.

Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Bậc quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn cho thiên hạ giàu mà không muốn cho thiên hạ nghèo ; muốn cho thiên hạ trị mà không

(1) Con Van vương ; ông diệt Trụ chấm dứt nhà Ân, sáng lập nhà Chu trị vì từ 1122 đến 1115. Đùng lầm với vua VŨ sáng lập nhà Hạ trong đoạn trên.

(2) Truyện mới đầu có nghĩa là phần giải thích của kinh ; sau có nghĩa là sự.

(3) Thời đó, vua khẩn thần thì tự xưng là chất.

(4) Nguyên văn là "hữu đạo" : hiếu đạo, giữ được đạo.

(5) Việc lớn đây là diệt bạo quân và vua Trụ.

(6) Như Thái Công Vọng (Lã Vọng).

muốn cho thiên hạ loạn thì phải gồm yếu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau". Đó là phép của thánh vương, là đạo tri thiên hạ, không thể không chuyên làm được.

KIÊM ÁI (hạ)

Thầy Mặc tử bảo : "Việc của người nhân túc là tạo cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ". Hiện nay, cái hại lớn nhất cho thiên hạ là gì ? " Đáp : "Là nước lớn đánh chiếm nước nhỏ, nhà lớn làm loạn nhà nhỏ, người mạnh hiếp đáp kẻ yếu, số đông tàn bạo với số ít, người khôn lanh lừa gạt kẻ ngu, người sang ngạo mạn kẻ hèn, đó là cái hại cho thiên hạ. Lại như làm vua mà không huệ, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Lại như bọn dê tiện ngày nay dùng dao nhọn, thuốc độc, nước lửa để làm hại lẫn nhau, đó cũng lại là cái hại cho thiên hạ nữa."

Thử truy nguyên xem những cái hại ở đâu ? Chúng phát sinh từ đâu ? Có phải từ lòng yêu người, làm lợi cho người mà ra chăng ? Tất đáp : "không phải vậy" và tất là : "Từ lòng ghét người, làm hại cho người sinh ra. [Lại hỏi] Những kẻ giết người, làm hại cho người, thuộc về phái "kiêm" (gồm) hay "Biệt" (riêng)⁽¹⁾ ? Tất đáp : "Phái biệt". Vậy thì những kẻ chia rẽ lẫn nhau [tức phái biệt] quả thực gây cái hại lớn cho thiên hạ, phải vậy chăng ? Cho nên thầy Mặc tử bảo : "Biệt là bậy". Đã chê là bậy thì phải có cái gì [tốt]

(1) Kiêm là yêu mọi người như mình ; biệt là phân biệt mình và người như tư lợi, phân biệt kẻ thân người sơ, chứ không yêu đều như nhau.

thay vào. Nếu chê người mà không có gì để thay thì cũng như lấy nước để cứu nước, lấy lửa để cứu lửa, như vậy tất không được. Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Lấy kiem mà thay biệt."

Kiem có thể thay cho biệt được là tại sao ? Đáp : "Vi thử [ai cũng] coi nước người như nước mình thì còn ai riêng, đem quân nước mình đánh chiếm nước người nữa ? Vì nước của người tức là của mình rồi. [Ai cũng] coi đô ấp của người cũng như đô ấp của mình thì còn ai riêng đem quân đô ấp của mình đánh đô ấp của người nữa ? Vì đô ấp của người tức là của mình rồi. [Ai cũng] coi nhà của người như nhà của mình thì còn ai riêng đem người nhà mình làm loạn nhà của người nữa ? Vì nhà của người tức là nhà của mình rồi. Nước và đô ấp không đánh chiếm lẫn nhau, nhà với nhà không làm loạn lẫn nhau, đó là cái hại cho thiên hạ chang, hay là cái lợi cho thiên hạ đấy ? Tất đáp : "Đó là cái lợi cho thiên hạ".

Thử truy nguyên những cái lợi ở đâu ra. Chúng phát sinh từ đâu ? Có phải từ lòng ghét người, làm hại cho người mà ra chang ? Tất đáp : "Không phải vậy" và tất là "Từ lòng yêu người, làm lợi cho người mà ra [Lại hỏi] "Những kẻ yêu người, làm lợi cho người thuộc về phái "biệt" hay "kiem" ? Tất đáp : "Phái kiem" Vậy thì những kẻ yêu gồm lẫn nhau, quả thực gây được cái lợi lớn cho thiên hạ, phải vậy chang ? Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Kiem là tốt".

Vả trên kia tôi đã nói : "Việc của người nhân là tạo cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ". Bây giờ tôi truy nguyên thì thấy "kiem" sinh ra cái lợi lớn cho thiên hạ, mà "biệt" sinh

ra cái hại lớn cho thiên hạ. Vì vậy mà thấy Mạc tử bảo :
"Biết là bậy, kiem là tốt", tức là do đạo lý đó.

Nay tôi muốn tạo cái lợi cho thiên hạ, mà lấy "kiem" làm chính sách [làm cái đạo để thi hành] thì ai cũng đem tai tinh mắt sáng trông nghe cho nhau, đem chân tay khỏe mạnh làm lụng cho nhau, mà kẻ biết đạo lý thì hết lòng dạy bảo lẫn nhau. Cho nên người già nua mà không có vợ con thì được săn sóc, nuôi nấng cho trọn tuổi trời : trẻ con không có cha mẹ thì có chỗ nương tựa, được nuôi tới lớn. Nếu chỉ dùng "kiem" làm chính sách, thì cái lợi như vậy. Thế thì tôi không hiểu tại sao những kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói đến "kiem" ?

*

* *

Vậy là miệng những kẻ sĩ chê "kiem" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo : "Đạo kiem tốt thật đấy, nhưng có thể dùng được không ?" Thấy Mạc tử đáp : "Nếu không dùng được thì ngay tôi đây cũng phải chê. Vả lại đâu có cái gì tốt mà không thể dùng được bao giờ."

Thử đem hai chữ trương "kiem" và "biệt" ra so sánh mà xem. Thí dụ có hai kẻ sĩ, một kẻ chủ trương "biệt", một kẻ chủ trương "kiem". Kẻ sĩ chủ trương "biệt" bảo : "Tôi làm sao có thể coi thân của bạn tôi như thân của tôi, cha mẹ của bạn tôi như cha mẹ của tôi được. "Người đó về thấy bạn của mình đói mà không xẻ cơm, rét mà không chia áo, đau ốm mà không săn sóc thuốc thang, chết cũng không chôn cất cho. Lời nói và hành vi người đó đều như

như vậy. Còn lời nói và hành vi của kẻ sĩ chủ trương "kiêm" không vậy. Người này bảo : "Tôi nghe nói bậc cao sĩ (bậc sĩ thanh cao) trong thiên hạ tất coi thân của bạn như thân mình, cha mẹ của bạn như cha mẹ của mình, có vậy mới là bậc cao sĩ trong thiên hạ". Về thấy bạn đói thì xẻ cơm, rét thì chia áo, đau ốm thì san sóc thuốc thang, chết thì chôn cất cho. Lời nói và hành vi kẻ sĩ chủ trương "kiêm" như vậy.

Hai kẻ sĩ đó, trái hẳn nhau về lời nói lẫn hành động. Cứ cho rằng họ nói thì giữ lời, làm thì quả quyết, nói và làm phù hợp với nhau, nói sao làm vậy, bây giờ tôi xin hỏi : "Nếu họ phải bận áo giáp, đội mũ trụ, ra chiến đấu trên một cánh đồng rộng lớn, không biết sẽ sống hay chết ; hoặc họ bị vua, hay quan đại phu sai đi sứ các nước Ba [Thục], Việt, Tề, Kinh [Sở], không biết đi có tới chỗ, về có tới nơi hay không, thì họ sẽ gởi gắm cha mẹ, nhà cửa, vợ con cho một người bạn chủ trương "kiêm" hay một người bạn chủ trương "biệt" ? Tôi cho rằng trong trường hợp đó, dù là ngu phu hay ngu phụ, ngay cả kẻ chê đạo kiêm ái, cũng sẽ gởi gắm gia đình cho một người bạn chủ trương "kiêm". Vậy là miệng thì chê "kiêm" mà lựa thì lại lựa người bạn chủ trương "kiêm", lời nói và hành động mâu thuẫn nhau. Thế thì tôi không hiểu tại sao những kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê hai mỗi khi nghe nói đến "kiêm" ?

*

* *

Vậy mà miệng những kẻ sĩ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo : "Theo tôi, chọn kẻ sĩ [chủ trương kiêm] thì còn có thể được, chứ làm sao chọn vua (chủ trương kiêm) được".

Thử đem hai chủ trương "kiêm" và "biệt" ra so sánh mà xem. Thí dụ có hai ông vua, một ông chủ trương "kiêm", một ông chủ trương "biệt". Ông chủ trương "biệt" bảo : "Ta làm sao có thể coi thân của vạn dân như thân của ta được ? Cái đó trái với tình người quá mà. Kiếp người được bao lâu ? Khác chi bóng câu qua kẽ cửa." Rồi ông về thấy vạn dân đói, mà không cho ăn, rét mà không cho áo, đau ốm mà không săn sóc thuốc thang, chết cũng không chôn cất cho. Lời nói và hành vi ông ấy đều như vậy. Còn lời nói và hành vi ông vua chủ trương "kiêm" không vậy. Ông này bảo : "Ta nghe nói bậc minh quân trong thiên hạ tất đặt thân của vạn dân lên trước thân của mình, có vậy mới là bậc minh quân trong thiên hạ". Rồi ông về thấy vạn dân đói thì cho ăn, rét thì cho áo, đau ốm thì săn sóc thuốc thang, chết thì chôn cất cho. Lời nói và hành vi của ông vua chủ trương "kiêm" đều như vậy.

Hai ông vua ấy trái ngược nhau cả về lời nói lẫn hành vi. Cứ cho rằng họ nói thì giữ lời, làm thì quả quyết, nói và làm phù hợp với nhau, nói sao làm vậy, bây giờ tôi xin hỏi : "Gặp năm có bệnh dịch, vạn dân cực khổ, đói rét, đã có nhiều người chết ở hào, ở rãnh, tôi xin hỏi phải chọn một trong hai ông vua ấy thì chọn ông nào ? Tôi cho rằng trong trường hợp đó, dù là ngu phu hay ngu phụ, ngay cả

kẻ chê đạo kiêm ái cũng tất lựa ông vua chủ trương "kiêm". Vậy miệng thì chê "kiêm" mà lựa thì lại lựa ông vua chủ trương "kiêm", lời nói và hành động mâu thuẫn nhau. Thế thì tôi không hiểu tại sao thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói tới "kiêm" ?

*

* *

Vậy mà miệng những kẻ sĩ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo : "Đạo kiêm ái tức là nhân, là nghĩa đấy ; nhưng có thể làm được không ? Tôi cho nó không thể làm được, cũng như xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông ⁽¹⁾ vậy. Cho nên "kiêm" là điều kiện ai cũng mong mỗi mà đâu phải là việc làm được. Thấy Mặc tử đáp : "Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông, từ xưa tới nay, từ hồi có loài người tới nay, chưa ai làm được. Còn cái việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, thì các bậc thánh, vương đời trước đã đích thân làm rồi." - Làm sao biết được các bậc thánh, vương đời trước đã đích thân làm rồi ? - Thấy Mặc tử đáp : "Ta không được cùng sống một thời với các bậc đó, không được đích thân tai nghe mắt thấy tiếng nói và diện mạo các bậc đó ; sở dĩ biết được là nhờ những điều [cổ nhân] viết trên thẻ tre, tấm lụa ; khắc trên đỉnh, bia, chạm trên cái mâm, cái bát ⁽²⁾ để truyền cho con cháu đời

(1) Bản của Thương vụ ấn thư quán (Đường Kính Cảo tuyển chú) cho "giang, hà" ở đây là danh từ chung. Có sách cho là danh từ riêng : Sông Trường giang và sông Hoàng hà.

(2) Nguyên văn : bàn, vu ; đời Chu, đồ sành của Trung Hoa đã tiến bộ

sau. Thiên Thái Thệ sách Thương Thu chép : "Vua Văn vương như mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn phương, khắp miền tây." ⁽¹⁾ Như vậy là bảo đức kiêm ái của Văn vương rộng lớn như mặt trời mặt trăng chiếu khắp thiên hạ chứ không riêng ai. Vậy là Văn vương theo đạo kiêm ái. Cái mà thấy Mạc tử gọi là "kiêm" đó, Văn vương đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng Thiên Thái Thệ, thiên Vũ Thệ cũng vậy nữa. Vua Vũ bảo : "Dân chúng đông thay nghe lời trẫm này : trẫm là con nhỏ ⁽²⁾ đâu dám dấy binh, vì rợ Hữu Miêu xuẩn động, nên phải thay Trời trừng phạt. Trẫm đã quản lĩnh dân chúng, nên tập hợp các người lại đây, để chinh phạt rợ Hữu Miêu". Vua Vũ chinh phạt rợ Hữu Miêu không phải để cầu phú quý, phúc lộc, không phải để vui tai vui mắt, mà để tạo cái lợi trừ cái hại cho thiên hạ : như vậy là vua Vũ kiêm ái đấy. Cái mà thấy Mạc tử gọi là "kiêm" đó, vua Vũ đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng thiên Vũ Thệ, thiên Thang thuyết cũng vậy nữa. Vua Thang ⁽³⁾ bảo : "Đưa con nhỏ tên là Lý này, xin dâng con hổ đực đen để cáo với hoàng thiên hậu thổ rằng : "Trời nay đại hạn tức là phạt cái thân của Lý này, trẫm không biết đã mắc phải cái tội gì với trời với đất. Trẫm có điều gì thiện thì không dám giấu, có tội gì thì không dám

(1) Bản của Thương vụ ấn thư quán in là : *Tây Thổ*, chứ không phải *tứ thổ*. *Tây* đúng hơn là *tứ* vì Văn vương làm *Tây bá*, cai trị miền *Tây*.

(2) Thời xưa vua tự xưng là tiểu tử : con nhỏ, [của các tiên vương].

(3) Vua Thang dựng nên nhà Thương (1766-1401) trước nhà Chu, ông trị vì từ 1766 đến 1753.

xin tha, xin Thượng đế tự ngài xem xét. Vạn phương có tội thì riêng thân trầm chịu, mà thân trầm có tội thì không can gì tới vạn phương." Vậy vua Thang phú quý tới mức làm thiên tử, có cả thiên hạ mà không ngại đem thân mình ra hi sinh để cầu đảo Thượng Đế, quỷ thần ; tức là vua Thang kiêm ái đấy. Cái mà thấy Mặc tử gọi là "kiêm" đó, vua Thang đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng thiên Thang thuyết, ngay đến Chu Thi cũng vậy nữa. Chu Thi bảo : "Đạo vua rộng rãi, không thiên vị, không bè đảng ; đạo vua bình dị, không bè đảng, không thiên vị. Nó thẳng như mũi tên, bằng phẳng như miếng đá mài ; bậc quân tử [tức trăm quan thi hành nó, kẻ tiểu nhân [tức dân chúng] coi nó là phép tắc". Nếu bảo lời của tôi không hợp với đạo thì [thử xét] xưa Văn vương, Võ vương trị dân, chia đều [ruộng đất], thưởng người hiền, phạt kẻ ác, không thiên vị với họ hàng, anh em, như vậy tức là Văn vương, Võ vương kiêm ái đấy. Cái mà thấy Mặc tử gọi là "kiêm", Văn vương, Võ vương đã dùng làm phép tắc rồi. Thế thì tôi không hiểu tại sao thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói tới "kiêm".

*

* *

Vậy mà miệng những kẻ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng. họ bảo : "Theo tôi, [kiêm ái thì] không được lợi cho cha mẹ, mà hóa ra hại cho đạo hiếu chăng ?" Thấy Mặc tử đáp : "Thử truy nguyên xem người con có hiếu thì

vì cha mẹ mà mưu tính ra sao. Tôi không biết người đó muốn cho người khác yêu mà làm lợi cho cha mẹ mình hay là muốn người khác ghét và làm hại cho cha mẹ mình. Theo tôi xét thì người đó tất phải muốn cho người khác yêu và làm lợi cho cha mẹ mình ; nhưng trước hết là phải làm sao đã dễ rồi sau được vậy ? Trước hết ta phải yêu và làm lợi cho cha mẹ người rồi sau người báo đáp lại ta, cũng yêu và làm lợi cho cha mẹ ta ; hay là trước hết ta ghét và làm hại cha mẹ người rồi sau người báo đáp lại ta mà yêu và làm lợi cho cha mẹ ta ? Tất nhiên là trước hết ta phải yêu và làm lợi cho cha mẹ người rồi sau người báo đáp lại ta, cũng yêu và làm lợi cho cha mẹ ta. Như vậy là các người con có hiếu làm lợi lẫn cho nhau, có thực là điều bất đắc dĩ không ? Sao không trước hết yêu và làm lợi cho cha mẹ người đi đã ? hay là [ông] cho rằng các người con có hiếu trong thiên hạ đều ngu, không đáng tin là phải [chính đáng] chăng ?

[Nếu vậy thì] ta thử truy nguyên, tìm trong các sách của tiên vương xem. Thiên Đại nhâ [trong Kinh Thi] bảo : "Không một lời nói nào, một ân đức nào mà không được báo đáp ; ném cho tôi quả đào, tôi sẽ ném lại cho quả mận⁽¹⁾". Câu đó muốn nói rằng yêu người thì tất được người yêu lại, ghét người thì tất bị người ghét lại. Thế thì tôi không hiểu tại sao kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói đến "kiêm".

(1) Như câu : "Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại" của ta.

Hoặc giả họ cho là khó, không làm được chăng ? Còn có những việc khó hơn vậy mà làm được đấy. Xưa vua Linh vương nước Kinh [Sở] thích những kẻ sĩ lung thon, thể là trong thời ⁽¹⁾ ông, kẻ sĩ nước Kinh ăn không quá một chén, tới nổi phải dựa rồi mới đứng dậy được, phải vịn tường thì mới đi được. Nhịn ăn tới nổi xanh xao là việc khó làm, nhưng vua Linh vương thích, thì chưa hết một đời [Một thế hệ : ba mươi năm], phong tục của dân đã thay đổi được - Sở dĩ vậy là vì dân chúng theo người trên. Xưa vua Câu Tiễn nước Việt hiếu dũng, huấn luyện kẻ sĩ và bề tôi ba năm rồi, ngờ mình chưa đủ trí để biết rõ sự huấn luyện của mình có kết quả ra sao, bèn chò đốt một chiếc thuyền rồi đánh trống thúc kẻ sĩ vào cứu, họ lán vào hàng đầu, chết vì nước và lửa không biết bao nhiêu mà kể, nhà vua phải thôi đánh trống để họ lui về, thịt họ cháy khét lẹt. Tự thiêu thân mình là việc khó làm nhưng vua Việt thích thì chưa hết một đời, phong tục của dân đã thay đổi được - Sở dĩ vậy là vì dân hướng theo người trên. Xưa vua Văn công nước Tấn thích bận quần áo thô, trong thời ông, kẻ sĩ nước Tấn bận áo vải dày và áo lông cừu phương Bắc, đội mũ bằng lụa mộc, đi giày xấu xí để bề kiến vua và ngồi triều. Bận áo thô là việc khó làm, nhưng vua Văn công thích thì chưa hết một đời, phong tục của dân đã thay đổi được - Sở dĩ vậy là vì dân hướng theo người trên.

Nhịn ăn, [lấn vào cứu] thuyền cháy, bận áo thô là những việc rất khó làm trong thiên hạ, nhưng bề trên thích thì dân chúng làm, và chưa hết một đời, mà phong tục của dân đã thay đổi được. Tại sao vậy ? Tại dân muốn hướng về bề

(1) Nguyên văn là thân : thân thể. Chúng tôi đoán ý mà dịch thoát như vậy

trên. Nay xét cái việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, đã dễ làm, mà lại có lời không biết bao nhiêu mà kể ; tôi cho rằng chỉ vì chưa có người trên nào thích nó mà thôi, nếu có người trên thích nó, thưởng và khen dè khuyến khích, dùng hình phạt để ra uy, thì người ta sẽ đổ xô nhau mà yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau như lửa bốc lên cao, nước chảy xuống thấp, không thể ngăn lại được nữa.

Cho nên "kiêm" là cái đạo của thánh vương, bậc vương công đại phu nhờ nó mà yêu, vạn dân nhờ nó mà đủ an đủ mạng. Cho nên bậc quân tử không gì bằng xét kỹ đạo "kiêm" và gắng thi hành nó ; thi hành nó thì bậc vua chúa có lòng huệ, kẻ bề tôi tất có lòng trung, bậc cha mẹ tất có lòng từ, kẻ làm con tất có lòng hiếu, anh tất thương em, em kính anh. Cho nên bậc quân tử muốn làm ông vua huệ, làm kẻ bề tôi trung, làm người cha từ, người con hiếu, người anh biết thương em, người em biết kính anh, thì không thể không thi hành đạo kiêm ái. Đó là cái đạo của thánh vương mà là cái lợi lớn của vạn dân.

*

* *

PHI CÔNG (thuợng)

(Mạt sát sự đánh chiếm nước người)

Thiên này chúng tôi đã chép nguyên văn và dịch trọn trong chương IV, phần II. Đại ý Mạc tử bảo đánh chiếm

nước người là việc đại bất nghĩa. Tội nặng gấp ngàn, gấp vạn tội giết người, mà các bậc quân tử trong thiên hạ đã không chê lại còn chép công lưu lại đời sau, như vậy là không phân biệt được nghĩa và bất nghĩa.

PHI CÔNG (trung)

Thấy Mặc tử bảo : "Ngày nay các vương công đại nhân cầm quyền trong nước, nếu thực tình muốn cho sự khen chê được công bằng, sự thưởng phạt được đích đáng, việc hình chính không lầm lẫn..."⁽¹⁾ Cho nên thấy Mặc tử bảo : Người xưa nói : Suy nghĩ mà không ra thì xét việc xưa để biết việc sau này, xét cái hiện ra ở ngoài để biết cái ẩn ở trong. Suy xét như vậy thì có thể biết được.

Dấy binh vào mùa đông thì sợ lạnh, vào mùa hè thì sợ nóng, cho nên phải tránh hai mùa đó ; mà dấy binh vào mùa xuân thì dân phải bỏ việc cày cấy, trồng trọt, vào mùa thu thì dân phải bỏ việc gặt hái, cho nên phải tránh hai mùa đó. Dân phải bỏ một mùa thì trăm họ chết đói chết rét không biết bao nhiêu mà kể. Nay thử tính xem, hễ xuất quân thì tên tre, cờ lông, màn, trướng, áo giáp, mộc lớn, mộc nhỏ, đao, mác tổn hại, hư nát, mất mát không thu hồi được, không biết bao nhiêu mà kể ; lại thêm bò, ngựa khi xuất quân thì mập, về thì gầy, hoặc chết không về được, nhiều không biết bao nhiêu mà kể ; lại thêm đường xá xa xôi, lương thực tiếp tế không được, thiếu thốn, trăm họ chết

(1) Đây mất nhiều chữ (thoát văn)

không biết bao nhiêu mà kể ; do an ở không được yên ổn, an uống thất thường, lúc no quá, lúc đói quá, không điều độ, nên tram họ bị chết không biết bao nhiêu mà kể. Quân lính chết không biết bao nhiêu mà kể, thế là quỷ thần mất kẻ tế lễ mình không biết bao nhiêu mà kể.

Trị nước mà chiếm đoạt vật dụng của dân, làm mất cái lợi của dân quá nhiều như vậy thế thì sao lại làm ? Đáp : Vì cái danh thắng người và ham được lợi, cho nên làm. Thấy Mạc tử bào : Xét cái danh thắng người, thì nó không dùng vào được việc gì ; xét cái lợi thì nó không bù được cái mất mát quá nhiều. Nay tấn công một lớp thành trong [chu vi] ba dặm, một lớp thành ngoài [chu vi] bảy dặm, không dùng khí giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao thắng được. Giết người, nhiều thì hàng vạn, ít cũng hàng ngàn, rồi mới chiếm được lớp thành trong [chu vi] ba dặm, lớp thành ngoài [chu vi] bảy dặm ; nay một nước có một vạn cỗ xe thì số thành có tới trên ngàn, không vào cho xuể được, số đồng ruộng có tới trên vạn, không chiếm cho hết được ; như vậy là đất đai [của người] có dư mà binh sĩ [của mình] không đủ ; bất binh sĩ của mình phải chết hết, gây tai họa nghiêm khốc cho người trên kẻ dưới⁽¹⁾ để tranh giành thành thì tức là khinh bỏ cái không đủ [binh sĩ của mình] mà trọng cái có dư [đất đai của người], theo chính sách đó đâu phải là biết lo việc nước.

Kể khen chính sách đánh chiếm nước người bảo : Phía Nam có vua các nước Kinh, Ngô, phía Bắc có vua các nước Tề, Tấn, hồi mới được phong làm chư hầu trong thiên hạ,

(1) Nguyên văn : Nghiêm hạ thượng chi hoạn. Đường Kinh Cảo không chú giải, chúng tôi đoán nghĩ như vậy, không chắc đã đúng.

đất đai của họ ruộng không được vài trăm dặm, số dân không được vài chục vạn, sau họ nhờ đánh chiếm nước khác mà mở rộng đất đai tới ngàn dặm, số dân tăng lên tới mấy triệu người. Vậy thì không nên mật sát chính sách đánh chiếm nước người.

Thấy Mặc tử đáp : Tuy bốn nam nước được lợi đấy, tôi vẫn cho như vậy không phải là theo đạo. Cũng tỉ như nghề dùng thuốc trị bệnh ; nay có một y sĩ dùng cả thuốc và bùa phép trị bệnh cho thiên hạ, một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn nam người được lợi [khỏi bệnh], thì tôi vẫn cho như vậy không phải là biết làm nghề thuốc. Mà người con có hiếu sẽ không dùng thuốc đó cho cha mẹ uống, bề tôi trung sẽ không dùng thuốc đó cho vua uống.

Đời xưa phong đất cho chư hầu trong thiên hạ ⁽¹⁾ việc thật xa thì tai chúng ta còn được nghe, việc gần thì mắt chúng ta còn được thấy, số nước chư hầu bị tiêu diệt vì chính sách đánh chiếm nước người nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Làm sao biết được vậy ? Phương Đông có nước Cu, nước đó rất nhỏ, nằm xen vào giữa các nước lớn, không tôn thờ nước lớn, nên nước lớn cũng không yêu mà làm lợi cho. Vì vậy mà phía Đông bị người Việt cướp đất, phía Tây bị người Tế thôn tính. Xét cái lẽ sở dĩ Cử bị mất nước về Tế, Việt ở hai bên, chính là do chính sách đánh chiếm nước người. Phương Nam, các nước Trần, Thái, sở dĩ mất về Ngô. Việt ở bên, cũng là do chính sách đánh

(1) Nguyên văn : "Tam bách lí nhi xa yên. "Hồi đó, tiến quân ba mươi dặm rồi mới nghỉ, gọi là một xa. Hạp Lu bát tiến gấp 10 dặm rồi mới cho nghỉ.

chiếm. Phương Bắc, các nước Tra, Bất Trú Hà [tức Bất Đồ Hà ở Phụng Thiên ngày nay] mất về Yên, Đại, Hồ, Mạch, ở bên cũng là do chính sách đánh chiếm. Cho nên thấy Mạc tử bảo : Các bậc vương công đại nhân ngày nay nếu thực tâm muốn được và không muốn mất, muốn an mà không muốn nguy, thì không thể không mật sát chính sách đánh chiếm nước người.

Kể khen chính sách đánh chiếm nước người bảo : "Các nước đó không biết thu dụng dân chúng của họ nên mất nước, tôi biết thu dụng dân chúng nước tôi, đem họ đi đánh chiếm thiên hạ thì nước nào dám không thần phục tôi ?"

Thấy Mạc tử đáp : "Ông bảo ông biết thu dụng dân chúng nước ông, phỏng có được như vua Hạp Lư nước Ngô thời xưa không ?"

Xưa, vua Hạp Lư nước Ngô huấn luyện dân bảy nam, [bát họ] bận áo giáp cầm binh khí chạy ba trăm dặm rồi mới nghỉ ⁽¹⁾ đóng binh ở Chủ Lâm, rồi theo một con đường hẹp, sâu, hiểm trở, tiến đánh ở Bá Cử, chiếm được trung ương [quốc đô] của Sở. ⁽²⁾ Tổng và Lỗ. Tới đời Phù Sai [Cháu đích tôn của Hạp Lư], phía Bắc đánh nước Tế, đóng binh ở Văn Thượng, tiến đánh ở Ngãi Lang, đại thắng quân Tế, chiếm giữ núi Thái Sơn ; phía Đông đánh Việt, vượt ba con sông và nam cái hồ, chiếm giữ Cối Kê ; chín nước

(1) Nguyên văn : "Cổ giả phong quốc ư thiên hạ ; chúng tôi dịch sát, nếu sửa lại như vậy thì rõ nghĩa hơn : từ khi có chính sách phong đất cho chư hầu tới nay.

(2) Bản Thương vụ ấn thư quán in mờ một chữ, có thể là chữ triều (?)

Di đều phải thần phục. Vậy mà khi lui quân về, không biết thưởng vợ con các quân sĩ tử chiến, không thi ân cho dân chúng ; tư thị về sức mình, khoe công mình, khen [tài] trí của mình, sơ xuất trong việc huấn luyện [quân lính], xây dài Cô Tô bảy năm mới xong. Do vậy mà dân Ngô sinh ra chia rẽ, chán nản. Vua Câu Tiễn nước Việt thấy vua tôi nước Ngô không hợp ý nhau, bèn thu dụng dân của mình để phục thù, đánh vô thành ngoài phía Bắc của Ngô, rồi thuyền của vua Ngô đi, vây cung vua Ngô và nước Ngô bị diệt.

Xưa nước Tấn có 6 tướng quân ⁽¹⁾, trong số đó, Trí Bá mạnh hơn cả. Trí Bá nghĩ đất của mình rộng, dân mình đông, muốn chong các chu hầu thì không gì bằng tấn công họ, như vậy mau hơn bèn sai những vũ sĩ ⁽²⁾ sắp chiến thuyền và chiến xa thành hàng, đánh họ Trung Hàng và chiếm được đất của Trung Hàng. Ông cho rằng mình mưu tính như vậy là đúng, lại đánh và đại thắng họ Phạm. Đã gồm được ba họ ⁽³⁾ làm một rồi, mà ông ta vẫn chưa chịu ngừng, lại vây Triệu Tương tử ở Tấn Dương. Tới lúc đó, họ Hàn và họ Ngụy phải bàn với nhau : "Người xưa nói : "Môi hở thì răng lạnh". Họ Triệu bị diệt buổi sáng, thì buổi tối tới phiên mình ; họ Triệu bị diệt buổi tối, thì sáng hôm sau tới phiên mình. Kinh Thi bảo : "Con cá khi còn ở dưới

(1) Tức sáu quan khanh : họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy, họ Phạm, họ Trung Hàng và họ Trí Bá, mỗi họ có một khu đất và quân lính riêng.

(2) Nguyên văn là trào nha chi sĩ, những kẻ sĩ nanh vuốt.

(3) Tức Trí Bá, Trung Hàng và Phạm.

nước mà không cứu nó thì khi lên cạn rồi, làm sao cứu kịp được nữa ?" Thế là ba họ có [Triệu, Hàn, Ngụy] một lòng tận lực mở cửa, dọn đường, đeo giáp, đẩy binh, Hàn và Ngụy từ ngoài đánh vào. Triệu từ trong đánh ra, đại thắng Tri Bá.

Cho nên Mạc tử hảo : "Người xưa có câu : "Bậc quân tử không soi mình xuống nước mà soi mình vào người khác". Soi xuống nước thì thấy mặt mũi mình, soi vào người thì biết được cát, hung". Những người cho chính sách chiếm đánh nước người là lợi, sao không soi gương Tri Bá đó ? Nếu soi thì biết được ngay là không cát mà hung rồi.

THIÊN CHÍ (thượng)

(Ý trời)

Thấy Mạc tử hảo : Các bậc sĩ quân tử ngày nay biết điều nhỏ mà không biết điều lớn. Làm sao biết được vậy ? Xem họ ở trong nhà thì biết được. Ở trong nhà, hễ mang tội với gia trưởng thì trốn qua nhà hàng xóm được. Vậy mà cha mẹ ⁽¹⁾ anh em biết được, tất đe ran, bảo : "Không thể không tự ran mình ! Không thể không cẩn thận ! Ở trong nhà mà sao lại có thể làm một việc mang tội với gia trưởng được ?"

Không phải chỉ ở trong nhà mới vậy ; dù ở trong nước cũng vậy nữa. Ở trong nước mà mang tội với vua thì còn

(1) Nguyên văn là *thân thích*, Đường Kính Cảo giảng là cha mẹ.

có thể trốn qua nước láng giềng. Vậy mà cha mẹ, anh em biết được, tất đều đe ran, bảo : "Không thể không tự ran mình ! Không thể không cắn thân ! Ai lại ở trong nước mà có thể làm một việc mang tội với vua được ?"

Có nơi trốn được mà còn ran đe nhau kĩ như vậy, huống hồ không có nơi nào để trốn thì chẳng càng nên ran đe nhau kĩ hơn ư ? Vả ngạn ngữ có câu : "Thế là hôm sau ⁽¹⁾, thế là mang tội, biết trốn đi đâu ? Đáp : không trốn đi đâu được cả ! Dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm không người, Trời cũng thấy được". Vậy mà bậc sĩ quân tử trong thiên hạ đối với Trời lại không để ý tới, không biết ran đe nhau, [dùng làm gì mang tội với Trời], vì vậy mà tôi biết rằng họ biết điều nhỏ mà không biết điều lớn.

*

* *

Trời muốn cái gì, ghét cái gì ? Muốn điều nghĩa, ghét điều bất nghĩa. Mình dốc xuất cả tram họ trong thiên hạ làm điều nghĩa, tức là mình làm điều mà Trời muốn thì Trời cũng làm cái điều mà mình muốn. Mà mình muốn cái gì, ghét cái gì ? Mình muốn được phúc lộc và ghét bị tai họa. Nếu mình không làm điều Trời muốn mà lại làm điều Trời không muốn, tức là mình dốc xuất tram họ trong thiên hạ làm điều gây ra tai họa.

(1) Nguyên văn là *Yên nhi án viết*

Đường Kinh Cảo giảng :

yên nhi tức là *u thu*

: án là *minh*

, và chữ *viết*, Tất

Nguyên sửa lại là chữ *nhật* ; vậy án viết có nghĩa là *minh nhật*. Chúng tôi vẫn thấy chưa ổn.

Nhưng sao [biết được] ⁽¹⁾ trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa ? Đáp : Thiên hạ có nghĩa [theo điều nghĩa] thì sống, không có nghĩa [không theo điều nghĩa] thì chết ; có nghĩa thì giàu, vô nghĩa thì nghèo ; có nghĩa thì trị, vô nghĩa thì loạn. mà Trời muốn sinh, ghét tử ; muốn giàu ghét nghèo ; muốn trị ghét loạn ; vì vậy tôi biết rằng ⁽²⁾ Trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa.

Vả lại nghĩa là ngay thẳng. Không có cái lẽ người dưới sửa người trên cho ngay thẳng, mà tất phải là người trên sửa người dưới cho ngay thẳng. Cho nên thường dân dù tận lực làm việc cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có kẻ sĩ sửa lại cho ; kẻ sĩ dù tận lực làm việc cũng chưa thể cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có tướng quân hay đại phu sửa lại cho ; tướng quân, đại phu dù tận lực làm việc cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có tam công, chư hầu sửa lại cho ; tam công, chư hầu dù tận lực xử án, trị nước cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có thiên tử sửa lại cho ; thiên tử cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có Trời sửa lại cho.

Thiên tử sửa lại cho Tam Công, chư hầu, kẻ sĩ và thường dân, điều đó các bậc kẻ sĩ quân tử trong thiên hạ vốn đã biết

(1) Nguyên văn : Nhiên tắc hà thiên chi dục nghĩa nhi ố bất nghĩa ? Chung tôi theo ý ở cuối đoạn này.

(2) Ma thêm như vậy. Có lẽ nguyên văn cũng nên thêm : dĩ tri ở sau chữ hà

rõ rồi ; còn cái việc Trời sửa lại cho thiên tử, thì trăm họ trong thiên hạ chưa được biết rõ. Cho nên ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa muốn đem việc Trời sửa lại cho thiên tử mà thuyết minh cho trăm họ trong thiên hạ rõ, mới dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi, rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quỷ thần mà cầu Trời ban phúc cho. Tôi chưa từng nghe Trời cầu thiên tử ban phúc cho bao giờ, vì vậy mà tôi biết Trời cử chính cho thiên tử vậy.

Thiên tử là bậc cực quý, cực phú trong thiên hạ. Cho nên muốn được phú và quý không thể không thuận ý Trời được. Thuận ý Trời thì phải gồm yêu lẫn nhau, như vậy tất được [trời] thưởng. Trái ý Trời mà tách biệt ra, ghét lẫn nhau, làm hại lẫn nhau thì tất bị [Trời] phạt. Nhưng [xin cho biết] ai là người thuận ý Trời mà được thưởng, và ai là kẻ trái ý Trời mà bị phạt đây. Thấy Mặc tử đáp : Ba đời Thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa là những người thuận ý Trời mà được thưởng ; còn ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thời xưa là những kẻ trái ý Trời mà bị phạt.

Nhưng Vũ, Thang, Văn Võ vì lẽ gì mà được [Trời] thưởng ? Thấy Mặc tử đáp : Vì trên thì tôn Trời, giữa thì thờ quỷ thần, dưới thì yêu người. Cho nên ý Trời bảo : Những kẻ ta yêu, hán gồm yêu cả ; những kẻ ta làm lợi cho, hán gồm làm lợi cho cả ; yêu người như vậy là rộng khắp, làm lợi cho người như vậy là nhiều, cho nên ta cho hán sang tới mức làm thiên tử, giàu tới mức có cả thiên hạ, sự nghiệp truyền cho con cháu tới vạn đời, đời đời khen

là thiện, phổ biến khắp thiên hạ, tới nay vẫn còn, gọi là "thánh vương".

Còn Kiệt, Trụ, U, Lệ, vì lẽ gì mà bị phạt ? - Thấy Mặc tử đáp : Vì trên thì mất Trời, giữa thì nói xấu quỷ thần, dưới thì hại người. Cho nên ý Trời bảo : Những kẻ ta yêu thì hán tách ra mà ghét ; những kẻ ta làm lợi cho thì hán đều làm hại ; ghét người như vậy là rộng khắp, làm hại cho người như vậy là nhiều, cho nên ta không cho được sống hết tuổi thọ, không hết đời hán, đến nay còn bị hủy báng, gọi là "bạo vương".

Nhưng làm sao biết Trời yêu tram họ trong thiên hạ ?
- Vì Trời đã gồm mà làm lợi ⁽¹⁾ cho cả.

Sao biết được là Trời đã gồm mà làm lợi cho cả ? - Vì Trời đã gồm tram họ mà có hết thầy ⁽²⁾.

Sao biết được Trời gồm tram họ mà có hết thầy ? - Đáp : Trong bốn bể, những dân ăn gạo, không ai là không dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi, rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quỷ thần. Trời có dân thường ⁽³⁾, sao lại không yêu ? Vả lại tôi bảo : Giết một kẻ vô tội thì bị một điều chẳng lành. Ai giết kẻ vô tội ? Người giết. Mà giáng cho một điều chẳng lành là ai ? Là

(1) Nguyên văn là minh : (sáng), người sau hiệu đính lại là (lợi).

(2) Nghĩa là Trời coi vạn dân là con của mình.

(3) Nguyên văn là (sắc), hiệu đính lại là (cấp) : ấp nhân là người ở trong ấp, tức ở thôn quê, dân thường.

Trời. Nếu cho rằng Trời không yêu trâm họ trong thiên hạ thì người nọ giết người kia, cái có gì tới Trời mà Trời giáng điều chẳng lành ? Do đó mà tôi biết rằng Trời yêu trâm họ trong thiên hạ.

Dùng chính sách [nhân] nghĩa là thuận ý Trời, dùng chính sách [võ] lực là trái ý Trời. - Dùng chính sách [nhân] nghĩa thì phải làm sao ? - Thấy Mặc tử đáp : Ở vào địa vị nước lớn thì không đánh chiếm nước nhỏ ; nhà lớn không cướp nhà nhỏ ; mạnh không hiếp yếu ; người sang không ngạo mạn kẻ hèn ; số đông không cưỡng bức số ít ; kẻ khôn lanh không lừa gạt kẻ ngu ; như vậy, ở trên tất lợi cho Trời, ở giữa lợi cho quỷ thần, ở dưới lợi cho người. Có ba cái lợi mà không có gì bất lợi, cho nên khắp thiên hạ đều khen, gọi là "thánh vương".

Dùng chính sách [võ] lực thì khác. Ngôn, hành đều trái với chính sách trên, như [hai con ngựa] chạy ngược hướng nhau. Ở vào địa vị nước lớn thì đánh chiếm nước nhỏ ; số đông cưỡng bức số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu ; như vậy ở trên không có lợi cho Trời, ở giữa không lợi cho quỷ thần, ở dưới không lợi cho người. Có ba cái bất lợi mà không có gì lợi cả, cho nên khắp thiên hạ đều chê, gọi là "bạo vương".

Thấy Mặc tử bảo : Ta có ý Trời cũng như người đóng xe có cái qui [để vẽ hình tròn], người thợ [mộc] có cái cù [để vẽ hình vuông]. Người đóng xe, người thợ [mộc] dùng cái qui cái cù để đo tính hình tròn hình vuông trong thiên hạ, bảo : "Hễ trúng thì là phải, không trúng thì là sai". Nay sách của các kẻ sĩ quân tử trong thiên hạ chỗ không xuể :

các học thuyết ⁽¹⁾ đếm không hết ; trên thì thuyết các vua chư hầu, dưới thuyết các kẻ sĩ, quan niệm về nhân nghĩa, sai quá xa. Làm sao biết được vậy ? Đáp : Tôi có cái phép sáng trong thiên hạ ⁽²⁾ để đo [phán đoán] các thuyết đó.

MINH QUỖ (hạ)

(Chứng minh rằng có quỷ thần)

Thấy Mạc tử bảo : Tới khi ba đời thánh vương thời xưa đã mất, thiên hạ không còn giữ nghĩa, chư hầu mới dùng võ lực chinh phục nhau. Sở dĩ vậy là vì vua, và người trên không nhân từ [huệ], bề tôi và người dưới không trung thành ; cha không từ ; con không hiếu, anh không chính trực, hiền lương, em không kính yêu anh, các quan lớn không gắng sức xử án, trị nước, thường dân không gắng sức làm ruộng. Dân hóa ra dân loạn ; tàn bạo ; trộm cướp nổi lên khắp nơi dùng khí giới, thuốc độc, nước lửa, chận đánh người vô tội trên các đường lớn, nhỏ ⁽³⁾, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình. Thiên hạ sinh loạn bắt đầu từ đó. Nguyên do tại đâu ? Chỉ tại người ta nghi hoặc không biết có quỷ thần hay không, không hiểu rõ cái lẽ quỷ thần có thể thưởng người hiền và phạt kẻ bạo ngược. Nay nếu khiến cho người trong thiên hạ tin rằng quỷ thần có thể tin người hiền, phạt kẻ tàn bạo, thì thiên hạ làm sao còn loạn được nữa ?

(1) Nguyên văn là ngôn ngữ.

(2) Tức ý Trời : kiên ái và công lợi.

(3) Nguyên văn là 術 thuật, đường cho xe chạy ; và kính 徑 đường cho người đi.

Kẻ chủ trương không có quỷ thần, bảo : "Vốn không có quỷ thần", từ sáng đến tối đem lời đó dạy thiên hạ, gây lòng nghi hoặc cho quần chúng trong thiên hạ, khiến họ không biết quỷ thần có hay không, vì vậy mà thiên hạ loạn. Cho nên thấy Mạc tử bảo : Các bậc vương công, đại phu, sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn lấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì phải biện biệt cái lẽ quỷ thần có hay không, và không thể không xét kỹ việc đó được.

Đã chấp nhận rằng không xét kỹ cái lẽ quỷ thần có hay không rồi, nhưng xét rõ cách nào mới là đúng ? Thấy Mạc tử đáp : "Cái phép khiến thiên hạ có thể xét biết sự vật có hay không, tất phải lấy điều mà tai mắt dân chúng thực thấy, thực nghe làm tiêu chuẩn. Nếu thực là điều dân chúng mắt thấy tai nghe thì ta phải cho là có ; nếu dân chúng không mắt thấy tai nghe thì ta phải cho là không. Như vậy, sao ta không vào một làng, một xóm mà hỏi ? Từ khi có loài người tới nay, nếu vẫn từng trông thấy hình dáng quỷ thần, nghe thấy tiếng nói của quỷ thần, thì sao lại bảo là không có quỷ thần được ? Nhược bằng không nghe thấy, trông thấy thì sao bảo là có quỷ thần được ?

Người chủ trương rằng không có quỷ thần, bảo : "Thiên hạ cho là trông thấy, nghe thấy quỷ thần, nhiều vô kể, nhưng ai là người trông thấy, nghe thấy được quỷ thần có thực hay không ?"⁽¹⁾ Thấy Mạc tử đáp : [Tôi xin kể] một việc mà

(1) Câu này khó hiểu, chúng tôi đoán tác giả muốn nói : Vô số người bảo trông thấy nghe thấy quỷ thần, nhưng ai là người thực sự trông thấy ? Nghe thấy quỷ thần ?

mọi người đều thấy, mọi người đều nghe, tức việc Đổ Bá thời xưa."

Vua Tuyên Vương nhà Chu giết một hể tội vô tội là Đổ Bá ⁽¹⁾ Đổ Bá bảo : "Ta vô tội mà vua giết ta ; nếu chết rồi không còn biết nữa thì thôi ; nhược bằng chết rồi còn biết thì không ngoài ba năm, ta sẽ khiến cho nhà vua biết." Ba năm sau vua Tuyên vương họp chư hầu di sản ở Phố Điền, có mấy trăm cỗ xe, mấy ngàn người theo, đầy đông. Giữa trưa, Đổ Bá cưỡi ngựa trắng đánh xe không, bận áo và mũ đỏ ⁽²⁾ cầm cung đỏ, cắp tên đỏ, đuổi theo Tuyên vương, hấn vào xe Tuyên vương, Tuyên vương bị tên trúng tim, gãy xương sống, ngã trong xe, gục trên cái túi cung mà chết. Lúc đó, người nước Chu đi theo [nhà vua], không ai là không thấy, những người ở xa không ai mà không nghe, việc đó chép trong sử của Chu. Ông vua nào cũng đem ra dạy hể tội, người cha nào cũng đem ra răn con : "Phải răn mình, cẩn thận đấy ! Hể giết kẻ vô tội thì sẽ bị điều chẳng lành, bị quỷ thần phạt, mau như vậy đấy !" Xét việc chép trong sách đó [tức sử nhà Chu] thì quỷ thần quả là có, còn ngờ gì nữa ?

Chẳng phải chỉ riêng sách đó chép rằng có quỷ thần. Xưa, vua Mục công nước Tấn, đương giữa trưa, thấy một vị thần vô cửa, mặt người mà mình chim, áo trắng viền đen, khuôn mặt vuông vức. Vua Mục công kinh hoảng, vùng chạy. Vị thần đó bảo : "Đừng sợ. Thượng Đế khen

(1) Đổ Bá là làm tước Bá, vua nước Đổ. Nước Đổ nay ở Thiểm Tây.

(2) Y phục khi ra trận.

dức sáng của người, sai ta cho người thọ thêm mười chín nam, nước người thịnh vượng, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt". Vua Mục công đập đầu lạy hai lạy, hỏi : "Xin thần cho biết tôn danh". Đáp : "Ta là thần Câu Mang"

(1) Nếu lấy điều mà Tần Mục công đích thân thấy làm tiêu chuẩn thì quỷ thần là có, còn ngờ gì nữa ? (2)

Chẳng phải chỉ riêng sách đó (3) chép rằng có quỷ thần. Xưa vua Giản Công nước Yên, giết một bề tôi vô tội là Trang Tử Nghi ; Trang Tử Nghi bảo : "Ta vô tội mà vua giết ta ; nếu chết rồi không còn biết gì nữa thì thôi ; nhưng bằng chết rồi còn biết thì không ngoài ba nam ta sẽ cho nhà vua biết". Được một năm ; nước Yên có cuộc săn bắn ở Tổ Trạch - Nước Yên có Tổ Trạch cũng như nước Tề có xã tác, nước Tống có Tang Lâm, nước Sở có Vân Mộng - Trai gái đều tụ họp nhau ở đó để coi [nhà vua] săn bắn. Giữa trưa, vua Giản Công đương đánh xe giòng ruồi trên đầm lầy Tổ Trạch. Trang Tử Nghi vác cây trường đoản đánh chết Giản Công trên xe. Lúc đó người nước Yên đi theo [nhà vua] không ai mà không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử nước Yên. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo : "Hễ giết kẻ vô tội thì sẽ bị điều chẳng lành, bị quỷ thần phạt, mau như vậy đấy !" Xét việc chép trong sách đó thì quỷ thần quả là có, còn ngờ gì nữa ?

(1) Thần Câu Mang coi về mùa xuân.

(2) Tần Mục công là một trong ngũ Bá hiệu chiến, không lẽ Mặc tử khen như vậy. Truyện này e của Mặc gia đời sau thêm vào.

(3) Đoạn trên không nói là sách nào. Có lẽ là sử nước Tần.

Chẳng phải chỉ riêng sách dó chép rằng có quỷ thần. Xưa, vào thời vua Van Quân nước Tống tên là Bảo, có người bể tội tên là Chúc Quan Cô ⁽¹⁾ đã từng giữ việc cúng thần [Một hôm] thần nhập vào cô đồng, cầm quạt và bước ra bảo : "Quan Cô ! Sao ngọc khuê, ngọc bích không đủ số, rượu, xôi không thanh khiết ? Các vật để cúng tế không béo, không tuyển một mẫu ⁽²⁾. Bốn mùa sao dâng cúng không đúng thời ? Do lỗi của mi hay của thành Bảo ?" Quan Cô đáp : "Bảo còn bé, nằm trong cái diu, có biết gì đâu ? Đó là riêng lỗi của kẻ phụng chức là Quan Cô tôi". Cô đồng cầm quạt vả đập Quan Cô, y chết ngay trên đàn. Lúc đó, người nước Tống đi theo không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc dó chép trong sử nước Tống. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo : "Không cung kính, cẩn thận trong việc tế tự thì bị quỷ thần phạt mau như vậy đấy !" Xét việc chép trong sách dó thì quỷ thần là có, còn ngờ gì nữa ?

Không phải chỉ riêng sách dó chép rằng có quỷ thần. Xưa Vua Trang Quân nước Tề có hai người bể tội tên là Vương Lí Quốc và Trung Lí Kiêu kiện nhau đã ba nam mà pháp đình vẫn chưa quyết đoán được ai có tội ai không ; vua Tề muốn giết cả hai, sợ oan kẻ vô tội muốn tha cả hai lại sợ tha lầm kẻ có tội, bèn sai họ đem một

(1) Chúc có nghĩa là cầu đảo, làm nghề cúng thần, cầu đảo. Ở đây lấy tên nghề làm tên họ.

(2) Ví dụ bỏ tuyển màu vàng, chứ không được lang (lấn màu khác).

con cừ lại thể trước thần xã nước Tế ; hai người xin vâng. Rồi họ đào sâu ⁽¹⁾ cát cổ con cừ, lấy máu để vậy. Đọc xong lời thể của Vương Li Quốc rồi, còn lời thể của Trung Li Kiêu đọc chưa xong một nửa thì con cừ vùng dậy, húc Trung Li Kiêu gãy chân, té nhào, xuất thần, chết ngay đơ ở chỗ thể. Lúc ấy, người nước Tế đi theo, không ai là không thấy, người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử nước Tế. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo : "Nguyên rủa, thể mà sai thì quỷ thần phạt mau như vậy đấy !" Xét việc chép trong sách đó thì quỷ thần quả là có, còn ngờ gì nữa ?

Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Dù ở trong hang sâu, rừng róng, khe tối, chỗ không có người, cũng không thể không nghiêm khắc tự răn dùng làm vậy, vì có quỷ thần thấy cả đấy".

*

* *

Người chủ trương không có quỷ thần, bảo : "Cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe, đều có đủ cho ta tin, không còn nghi ngờ nữa ? Mình muốn làm bậc thượng sĩ quân tử ⁽²⁾ trong thiên hạ mà sao lại tin chắc vào cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe ?" Thấy Mặc tử đáp : "Nếu cho rằng cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe không đủ tin, không làm dứt được mối ngờ, thể thì tôi xin hỏi ba đời

(1) Nguyên văn : 沮洳 Đường Kinh Cảo giảng là 掘坎
quật khâm. Chúng tôi không hiểu đào sâu để làm gì.

(2) Tức như ta nói : bậc thượng lưu, đại trí thức.

thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn. Võ thời xưa có đủ làm phép tắc cho ta không ? Về điều đó, các người tù hạng trung trở lên đều háo hức đòi thánh vương có đủ làm phép tắc cho ta. Nếu họ đòi thánh vương có đủ làm phép tắc thì ta thử xét việc của các thánh vương xem sao.

Xưa Võ vương đánh nước Ân, giết vua Trụ rồi phân phối việc tế tự [của nhà Ân] cho chư hầu, bảo : "Nước nào thân với Ân - tức cùng họ với nhà Ân - thì coi về tôn miếu cho nhà Ân ; nước nào sơ - tức khác họ với nhà Ân - thì coi việc tế các thần núi sông, bốn phương". Võ vương tất phải cho rằng có quỷ thần thì mới đánh nhà Ân, giết vua Trụ, phân phối việc tế tự cho chư hầu chứ ? Nếu không có quỷ thần thì phân phối việc tế tự làm gì ?

Chẳng phải chỉ có việc Võ vương như vậy ; các thánh vương thời xưa khi ban thưởng thì tất ở miếu tổ ⁽¹⁾ Khi trị tội thì tất ở nền xã ⁽²⁾. Ban thưởng ở miếu tổ để cáo với thần tổ rằng thường công bình ; trị tội ở nền xã để báo cáo rằng xử tội một cách thỏa đáng.

Chẳng phải chỉ có sách đó chép như vậy. Họ đòi thánh vương Ngung, Hạ, Thương, Chu ⁽³⁾ thời xưa, ngày đầu dựng nước, lập đô, tất chọn một cái đàn [dài để tế lễ] chính, làm tôn miếu, chọn những cây to và xanh tốt làm bụi cây ở nền xã, chọn những bậc phụ huynh từ hiếu, chính trực,

(1) Thờ thần đường sa.

(2) Chỗ tế thần đất.

(3) Tức vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ.

hiền lương làm chức thái chức [coi việc cầu phúc], chức tôn bá [coi việc lễ, như chức thượng thư bộ lễ thời sau], lựa những lục súc [ngựa, bò, cừu, gà, chó, lợn] nào béo, lông tuyển một mẫu, làm vật cúng tế ; lựa ngọc khuê, ngọc bích, ngọc hoàng quý giá để làm đồ (?) ⁽¹⁾ ; lựa ngũ cốc nào thơm vàng để làm rượu, xôi ; cho nên rượu, xôi nhiều hay ít tùy năm được mùa hay mất mùa. Cho nên thánh vương thời xưa trị thiên hạ thì tất lo việc cúng quỷ thần rồi mới tới việc người. Cho nên bảo : quan phủ [kho của nhà nước] nào tốt ⁽²⁾ thì chứa toàn những đồ tế tự và y phục để tế lễ ; các chức thái chức, tôn bá đều lập cả ở triều ; các vật để cúng tế phải đặc biệt chứ không lấy trong đám lục súc thường ngày, đó các thánh vương đời xưa trị nước như vậy.

Thánh vương đời xưa tất cho rằng có quỷ thần ; cham lo về việc quỷ thần rất mức. Lại sợ con cháu đời sau không biết, nên chép vào thanh tre, tẩm lựa truyền lại cho chúng ; lại sợ một an, mực nát hết, con cháu đời sau không còn nhớ được, cho nên còn cham vào cái mâm, cái bát, khác vào đá, vào đồng để ghi thêm. Lại sợ con cháu đời sau không biết kính sợ quỷ thần để được phúc, cho nên quả thực không có một thước lụa nào, một thiên sách nào của tiên vương mà không chép rằng có quỷ thần. Tại sao chép đi chép lại như vậy ? Tại thánh vương chăm lo về việc đó. Kẻ chủ trương không có quỷ thần, bảo : "Quỷ thần

(1) Nguyên văn 稱財為度 chúng tôi đoán nghĩa như vậy, không chắc đúng.

(2) Nguyên văn 官府選効 chúng tôi cũng đoán nghĩa như vậy.

vốn không có", như vậy là trái với việc chăm lo của thánh vương, trái với việc chăm lo của thánh vương thì không phải là theo cái đạo của quân tử.

*

* *

Kể chủ trương không có quỷ thần, bảo : [nếu] quả thực không có một thước lụa nào, một thiên sách nào của tiên vương mà không chép đi chép lại rằng có quỷ thần, thì [xin cho biết] sách nào chép đây ? Thấy Mạc tử đáp : Thiên Đại nhã trong Chu thư có chép : "Vua Văn vương có công với dân, ôi, đức của ông rực rỡ trên trời. Chu tuy là nước cũ, nhưng mệnh Trời thì mới ⁽¹⁾. Văn vương lên xuống ở hai bên Thượng Đế. Văn vương uy nghi tham thẳm [trên cao], tiếng tăm sẽ còn hoài". Nếu không có quỷ thần thì Văn vương mất rồi, sao lại ở hai bên Thượng Đế được ? Do đó mà tôi biết được sách Chu thư có chép về quỷ thần.

Nếu chỉ có Chu thư nói về quỷ thần mà Thương thư không chép thì chưa đủ tin được. Vậy ta thử đọc ngược lên Thương thư ⁽²⁾ xem. Thương thư chép : "Than ôi ! Nhà Thương xưa kia, khi chưa bị họa [bị diệt] thì các loài thú, côn trùng và loài chim, không loài nào không thuận đạo [Trời], riêng loài người sao dám có lòng khác ? Núi

(1) Nghĩa là nhà Chu dựng nước từ lâu, nhưng mãi tới Văn vương mới được Trời cho làm thiên tử.

(2) Ngược lên, vì nhà Thương có trước nhà Chu, nhà Hạ lại trước nhà Thương.

sông, quỷ thần cũng không dám không yên. Đều biết cung kính thành tâm, nên thiên hạ hòa hợp, đất đai yên ổn. Sở dĩ núi sông, quỷ thần không dám không yên, là để giúp vua Vũ". Do đó mà tôi biết rằng sách Thương thư có chép về quỷ thần.

Nếu chỉ có Thương thư nói về quỷ thần mà Hạ thư không chép thì chưa đủ tin được. Vậy ta thử đọc ngược lên Hạ thư xem. Thiên Vũ thế chép : "Đại chiến ở đất Cam ⁽¹⁾ Vua ra lệnh cho kẻ tả hữu, các tướng trong sáu đạo quân xuống xe, nghe thế ở trung quân rằng : "Họ Hữu Hồ khinh lớn năm đức, ⁽²⁾ biếng nhác bỏ bê ba đạo chính ⁽³⁾ [cho nên] Trời muốn tuyệt mệnh ⁽⁴⁾. Họ Hữu Hồ lại [kiêu căng] bảo : "Ta được thiên hạ như mặt trời ở giữa trưa" [nghĩa là cực thịnh] Nay ta cùng với họ Hữu Hồ tranh nhau mệnh Trời. Ôi ! Các quan khanh, đại phu và các dân thường [của Hữu Hồ], ta không muốn chiếm đồng ruộng hái tù binh dâu, ta chỉ cung kính trừng phạt họ Hữu Hồ theo ý Trời thôi ; kẻ ở bên tả không làm tròn chức vụ ở bên tả, bên hữu không làm tròn chức vụ bên hữu, ⁽⁵⁾ như vậy là không phụng mệnh ; kẻ đánh xe không điều khiển ngựa cho khéo, như vậy là không phụng mệnh ;

(1) Ở Thiểm-Tây ngày nay.

(2) Túc hân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(3) Túc đạo Trời, đạo Đất và đạo người.

(4) Nghĩa là không cho làm vua nữa, rút lại mệnh Trời, diệt.

(5) Trên chiến xa, người lính ở bên tả cầm cung bắn địch, người lính ở bên hữu cầm cái qua đâm địch.

ta sẽ thưởng ở miếu tổ, sẽ trị tội ở nền xã". Tại sao lại thưởng ở miếu tổ ? Thưởng ở miếu tổ để cáo với thần tổ rằng thưởng công bình. Tại sao lại trị tội ở nền xã ? Trị tội ở nền xã để cáo rằng xử tội một cách thỏa đáng. Thánh vương đời xưa cho rằng quỷ thần thưởng người hiền, phạt kẻ bạo ngược cho nên thưởng thì tất phải ở miếu tổ, mà phạt tất phải ở nền xã. Do đó tôi biết rằng Hạ thư có chép về quỷ thần.

Vậy trên hết là Hạ thư, rồi xuống dưới Thương thư, Chu thư, đều cho rằng có quỷ thần, chép đi chép lại, là vì lẽ gì ? Vì lẽ thánh vương chăm lo về việc quỷ thần. Xét lời các sách đó thì quỷ thần quả là có, há còn nghi ngờ nữa ? Ngày lành đình đám, tế thần xã [thần đất đai], thần bốn phương, hàng năm cúng tổ tiên để cầu được sống lâu. Nếu không có quỷ thần thì sao lại sống lâu được ?

Cho nên thấy Mạc tử bảo : Như vậy là quỷ thần thưởng được người hiền, phạt được kẻ bạo ngược, thì hành [chủ trương có quỷ thần] ở trong nước, với vạn dân, tức là thi hành cái đạo trị được nước, làm lợi được cho vạn dân. Quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước mà không liêm khiết, trai gái nào mà sống lẫn lộn lén lút với nhau, qui thần tất thấy : người dân nào, mà dâm bạo, trộm cướp, làm giặc làm loạn, dùng khí giới thuốc độc, nước lửa để chận kẻ vô tội ở trên đường, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình, quỷ thần tất thấy. Như vậy là quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước,

không dám không liêm khiết, thấy người thiện không dám không thương, thấy kẻ bạo ngược không dám không trị tội. Do đó sẽ không còn những kẻ dâm bạo, trộm cướp, làm giặc, làm loạn, dùng khí giới, thuốc độc, nước lửa để chận kẻ vô tội ở trên đường, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình. Thế là thiên hạ yên.

Cho nên qui thần sáng suốt, dù ở trong khe tối, trên chàm rộng, nơi thâm sơn cùng cốc, quỷ thần tất cũng biết được. Quỷ thần trừng trị thì dù là kẻ giấu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỷ thần tất cũng thắng được.

*

* *

Nếu còn ngờ điều đó không đúng thì tôi xin chứng minh. Xưa vua Kiệt nhà Hạ, sang tới làm thiên tử, giấu tới có cả thiên hạ, nhưng trên thì máng Trời, khinh quỷ, dưới thì sát hại vạn dân, lừa gạt Thượng Đế, chặt hết cây trên đàn thờ Thượng Đế ở Nguyên Sơn, thấy vậy Trời mới sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị Kiệt. Vua Thang đem chín chục cỗ chiến xa, bài binh bố trận, từ trên Đại Tán đánh xuống quân của nhà Hạ, vô tới phía ngoài kinh đô, rồi bắt được Thôi Di Đại Hi ⁽¹⁾. Vậy vua nhà Hạ là Kiệt sang tới làm thiên tử, giấu tới có cả thiên hạ, dùng sĩ Thôi Di Đại Hi dùng loài tê ngưu, loài cạp tác chiến ;

(1) Cổ nghĩa là mạnh tới mức có thể đẩy lùi được con bò lớn.

dân chúng đông tới ức triệu, đầy gò, đầy chằm, mà cũng không ngăn được sự trừng trị của quỷ thần ; do đó tôi biết rằng quỷ thần trừng trị thì dù là kẻ giấu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỷ thần tất cũng thắng được.

Chẳng phải chỉ có việc đó mà thôi. Xưa vua Trụ nhà Ân sang tới làm thiên tử, giấu tới có cả thiên hạ, nhưng trên thì mắng Trời, khinh quỷ, dưới thì sát hại vạn dân, hờ hê các người già cả, giết trẻ con, thiêu nường kẻ vô tội ⁽¹⁾, mổ, xé đàn bà có mang, 虐 殺 dân thường..., người già không vợ, người góa chồng, gào khóc không biết kêu ai, thấy vậy Trời mới sai Võ vương rất sáng suốt trừng trị Trụ. Võ vương lựa một trăm cỗ chiến xa, bốn trăm quân hùng tráng, tiến trước các nước chư hầu để dò xét tình hình địch, đánh quân nhà Ân ở cách đông Mục, bắt được hai bề tôi nhà Ân là Phi Trọng và Ác Lai, quân địch phản Trụ, tự bỏ chạy ; Võ vương bèn vào cung của Trụ, dân chúng tranh nhau giết Trụ, trói xác Trụ vào cái vòng đồ, cấm (?) cờ trắng, vì thiên hạ, chư hầu mà diệt Trụ. Vậy xưa, vua nhà Ân là Trụ, sang tới làm thiên tử, giấu tới có cả thiên hạ, dưng sĩ là Phi Trọng, Ác Lai, Sùng Hầu Hồ, bày mưu giết người (?) ; dân chúng đông tới ức triệu, đầy gò đầy chằm, mà không ngăn được sự trừng trị của quỷ thần ; do đó tôi biết được quỷ thần trừng trị thì dù là kẻ sang giấu, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỷ thần tất cũng thắng được. Thiên *Cấm Ngãi* có câu :

(1) Trụ dùng cục hình "bào lạc" : Tội nhân bị trói vào một cây trụ đồng trống ruột chứa than đỏ.

"Đặc kì vô niếu, diệt tôn vô đại." (1) 則王幾無小
滅宗無大 ; câu đó có nghĩa là qui
thần thượng thì công nhỏ cũng không quên (2) ; qui thần
trùng trị thì kẻ chức lớn, mạnh cũng không tha.

*

* *

Kẻ chủ trương không có qui thần, báo : [Thờ qui thần]
hoac giả không có lợi cho cha mẹ mà có hại cho đạo hiếu
của con chang ?" Thấy Mạc tử đáp : "Từ xưa tới nay, gọi
là qui thần thì không ngoài những hạng này : qui thần ở
trời, qui thần ở sông núi, và người chết mà thành qui. Có
khi con chết trước cha, em chết trước anh, tuy vậy cũng là
điều thường thấy. Báo sanh trước thì chết trước, vậy thì
người chết trước, nếu không phải là cha, tất là mẹ, không
phải là anh, tất là chị. Dâng rượu, xôi thanh khiết để cúng
tế một cách cung kính, cẩn thận. Nếu qui thần thật có thì
là mình mới được cha mẹ, anh chị về an uống, chẳng phải
là cái lợi lớn ư ? Nếu qui thần thật không có thì là phi tiền
của vào việc làm xôi, rượu, và mổ các vật để cúng. Nhưng
phi đó không phải là đổ bỏ xuống ngòi xuống rãnh vì trong

(1) Câu này, Đường Kinh Cáo bảo hai chữ đặc kì, tức là đặc cơ mà
không giảng nghĩa là gì, còn hai chữ diệt tôn, Đường bỏ qua. Chúng
tôi nghĩ chữ đặc do phai là đồng từ như chữ diệt, và đặc kì vô tiểu có
nghĩa là được một hòn ngọc châu (kì) thì dù nhỏ cũng qui, như vậy
hợp với ý : dù công nhỏ cũng thưởng ở hàng sau. Còn chữ tôn, chúng
tôi không hiểu là gì, ngờ rằng sai mà chưa nhà nào hiệu đính được.

(2) Cũng có thể hiểu là : kẻ tiểu nhân (thường dân) cũng thưởng.

thì ho hàng, ngoài thì làng xóm đều được an uống. Nếu quả thật không có quỷ thần, thì như vậy [là cơ hội] để hội họp vui vẻ với nhau, kết tình thân với làng xóm.

Người chủ trương không có quỷ thần, bảo : "Quỷ thần vốn không có thật, cho nên không cúng xôi, rượu và các vật hi sinh ⁽¹⁾. Tôi không phải là tiếc xôi, rượu và các vật hi sinh, nhưng nếu cúng thì được cái gì ? ⁽²⁾ Trên thì trái với sách các thánh vương, trong thì ngược với nét tốt của người con có hiếu, mà muốn làm kẻ thượng sĩ trong thiên hạ. Đó đâu phải là đạo làm thương sĩ". ⁽³⁾

Thấy Mạc tử bảo : "Tôi cúng tế [như vậy] không phải là để rồi đổ xuống ngòi xuống rãnh, mà để trên thì giao kết cái phúc của quỷ thần, dưới thì hội họp vui vẻ, kết tình thân với làng xóm. Mà nếu quỷ thần có thật thì là mời được cha mẹ, anh chị về an uống, như vậy chẳng phải là cái lợi trong thiên hạ ư ?" ⁽⁴⁾

Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Các bậc vương công, đại nhân, sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì nên nhận rằng có quỷ thần và không thể không tôn thờ quỷ thần,

(1) Đường Kinh Cảo khép dấu ngoặc kép ở đây.

(2) Ngô Tất Tố trong *Mạc tử* (Khai Trí - 1959) Khép ở đây.

(3) Chúng tôi nghĩ tới đây mới hết lời người chủ trương không có quỷ thần. Coi lại hàng 17 - 19 trang trên.

(4) Cả đoạn từ (1) trở xuống tới đây vừa lúng túng vừa lặp lại ý trong đoạn trên.

làm sáng tỏ cái lẽ có quỷ thần cho dân chúng thấy. Đó là đạo của thánh vương.

PHI MẠNG (hạ)

(Không có số mạng)

Thấy Mặc tử bảo : hễ nói năng, bàn luận, không thể không định tiêu chuẩn trước rồi sau mới nói, bàn. Không định tiêu chuẩn trước mà đã nói, bàn thì cũng như để đồ dò bóng trên cái mâm xoay [của người thợ gốm] mà tìm phương hướng sáng chiều [đông, tây] tội cho rằng như vậy [trên đồ dò bóng] có ghi hướng sáng chiều, nhưng rốt cuộc cũng không thể định được [vì đồ dò bóng quay hoài với cái mâm xoay]. Vì vậy hễ nói thì phải có ba phép.

Thế nào là ba phép ? Đáp : Phép khảo sát, phép xét sự thực, phép ứng dụng. Khảo sát ở đâu ? Khảo sát vào việc của thánh vương. Xét sự thực ở đâu ? Ở điều mắt thấy tai nghe của quần chúng. Ứng dụng vào đâu ? Vào việc chính trị trong nước, xem có lợi cho vạn dân không. Như vậy gọi là ba phép. ⁽¹⁾

(1) Trong Đại cương Triết học Trung Quốc - thượng tr.556 - Cảo thom - 1965, chúng tôi dịch theo thiên Phi Mệnh (thượng), ý cũng vậy, nhưng có vài chữ khác: "Tứ Mặc tử viết: hữu bản chi giả, hữu nguyên chi giả, hữu dụng chi giả. Vu hà bản chi ? Thượng bản chi vu cổ giả thánh vương chi sự. Vu hà nguyên chi ? Hạ nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực. Vu hà dụng chi ? Phát dĩ vi hình chính, quan kì trung quốc gia, bách tính nhân dân chi lợi. Thử vi ngôn hữu tam biểu dã" - Thấy Mặc tử nói rằng có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc xem xét bản thực, có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc quan sát sự cố, có cái biểu

*

* *

Ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ, bảo phải chăm lo để cứu những người con có hiếu để khuyến khích việc thờ cha mẹ, phải tôn trọng người hiền lương để dạy dân làm điều thiện. Thế rồi các vị ấy thi hành chính, giáo, thưởng người thiện, phạt kẻ bạo ngược. Nhờ vậy mà thiên hạ loạn có thể làm cho trị được, xã tắc nguy có thể làm cho yên được.

Nếu cho là không phải vậy [thì sao] xưa Kiệt làm cho nước loạn, Vua Thang trị được, Trụ làm cho nước loạn, vua Võ vương trị được ? Vào những thời đó, cũng vẫn là xã hội ấy, dân ấy, không có gì khác, mà trên [vua] thay đổi chính trị, thì dưới [dân] thay đổi thói quen. Ở vào thời Kiệt, Trụ thì thiên hạ loạn ; ở vào thời Thang, Võ thì thiên hạ trị. Vậy, thiên hạ trị là nhờ công của Thang, Võ ; thiên hạ loạn là do tội của Kiệt, Trụ. Xét điều đó thì an hay nguy, trị hay loạn là do chính trị của người trên, sao bảo là do số mạng được ?

chuẩn căn cứ vào việc ứng dụng. Xét bản thủy ở đâu ? Trên thì xét ở công việc của các đấng thánh vương đời xưa. Quan sát sự cố ở đâu ? Dưới thì quan sát cái thực tình của trăm họ. Xem kết quả ứng dụng ở đâu ? Ở việc áp dụng vào hình chính, xem có phù hợp với cái lợi của nhân dân, nhà nước không ? Thế gọi là nói có ba tiêu chuẩn.

Phi mệnh hạ gọi là *pháp*, *khảo* thì Phi mệnh thượng gọi là *biếu*, *ban*

Ba đời Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ, bảo phải làm sao cho người đói được ăn, người rét được mặc, người mệt nhọc được nghỉ ngơi, nước loạn hóa trị : nhờ vậy mà các vị đó được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ. Đâu có thể cho là do số mạng được ? Đó là do công lao của các vị ấy. Nay các người hiền lương biết trong người hiền và thích học đạo, thì tất trên được vương công, đại nhân thưởng, dưới được vạn dân khen, được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ, như vậy đâu có thể cho là vì số mạng được, cũng lại là do công lao của họ nữa.

*

* *

Hạng người chủ trương có số mạng không biết những bậc thánh thiện trong ba đời [Vũ, Thang, Văn, Võ] thời xưa chăng, hay là quên những kẻ tàn bạo bất hiếu (xấu xa) trong ba đời [Kiệt, Tru, U, Lệ] thời xưa chăng ? Cứ xét thuyết của họ thì [họ] tất không phải là những bậc thánh thiện trong ba đời [Vũ, Thang, Văn, Võ] thời xưa mà tất phải là những kẻ tàn bạo bất hiếu. ⁽¹⁾

Ba đời bạo vương thời xưa, Kiệt, Tru, U, Lệ, sang tới làm thiên tử, giầu tới có cả thiên hạ, mà không làm chủ được sự ham muốn của tai, mắt, cứ theo cái bậy bạ của

(1) Câu này thật tối nghĩa. Tôi hiểu như vậy vì cuối thiên có câu : "Thuyết số mạng do các bạo vương đời xưa đặt ra".

tâm ý : ngoài thì rong ruổi san bắn, bẫy thỏ, bắn chim ; trong thì đắm mê rượu, nhạc, bỏ bê việc trị nước và dân ; rất dối vô dụng, [mà lại còn] tàn bạo với trăm họ ; đến nỗi mất tôn miếu [mất ngôi, mất nước]. Nếu cho rằng có số mạng thì những bạo quân đó tất không bảo : "Ta biếng nhác, bất hiếu, không gắng xử án, trị nước" mà bảo : "Mất nước là do số mạng của ta vậy".

Hạng dân biếng nhác, bất hiếu trong ba đời bạo quân đó thì cũng thế. Họ không biết thờ cha mẹ, vua và người trên, rất ghét sự cung kính tâu tiến, mà thích sự dễ dàng, phóng túng, tham ăn tham uống mà nhác làm việc, do đó không đủ an, đủ mặc, tới nỗi lâm vào cảnh đói rét lo lắng. [Nếu cho rằng có số mạng thì] họ tất không bảo : "Ta biếng nhác, bất hiếu, không gắng sức làm việc" mà bảo : "Ta cũng khổn là do số mạng của ta vậy". Bọn loạn dân ba đời bạo vương thời xưa cũng như vậy.

Các bạo vương thời xưa lập ra thuyết số mạng rồi hạng người cùng khổn truyền thuật lại ; họ đều là những người nghi ngờ, chất phác. Các thánh vương đã lo ngại từ trước rồi cho nên đã ghi chép trên thanh tre, tấm lụa, khắc lên đồng, lên đá, chạm trên cái bát, cái mâm để truyền cho con cháu đời sau.

Hỏi : Còn chép trên sách nào vậy ? Đáp : Thiên *Tổng Đức* [không rõ trong cuốn nào] của vua Vũ chép : "Nếu tin không thuận ⁽¹⁾ thì mệnh trời không bảo vệ nó được ;

(1) Nguyên văn : 允不著 (doãn bất trước), Đường Kính Cảo bảo

không ngan ngừa lòng ái của nó thì Trời sẽ bắt tội ; không cần thận giữ đức của nó thì mệnh trời sao bảo vệ được ?" Bài cáo của Trọng Hủy ⁽¹⁾ chép : "Ta nghe người Hữu Hạ ⁽²⁾, nói bậy là có số Trời rồi ban hổ trong dân chúng, Thương đế ghét nên sai giết". Không có số mạng mà hán nói là có, nên bảo là "nói bậy" ; chứ nếu có mà nói là có thì sao bảo là "nói bậy" được ? Thiên Thái Thệ chép : "Ai là quân tử ? Trời giúp người có đức sáng, điều đó hiển nhiên. Tầm gương dẫu xa, coi nhà vua Ân [tức vua Trụ] đó. Hán bảo : "Người ta có số mạng", bảo "Không cần kinh [Trời]", bảo : "Cúng tế chẳng ích gì", bảo : "Bạo ngược cũng không bị hại". [Vì vậy] Thương Đế không giúp hán, hán mất chín châu [tức thiên hạ]. Thương Đế ghét Trụ, khiến hán phải chết. Ta là Hữu Chu, được nhận nhà Thương ⁽³⁾."

Xưa, Trụ chủ trương rằng có số mạng mà hành động [cần giờ], vua Võ vương làm thiên Thái Thệ để bác thuyết ấy. Sao ông không khảo sát ⁽⁴⁾ lên các sách đời Thương, Chu, Ngụ, Hạ, từ thiên Thập giản ⁽⁵⁾ trở lên, đều không có thuyết số mạng, cứ khảo sát đi xem sao.

đọc là "doãn bất nhược" 若 và có nghĩa là : tín không thuận
 信不順 Chúng tôi hiểu. Có nghĩa là : "Nếu thực là nghịch" chăng ?

(1) Khi vua Tang diệt được Trụ rồi, sai Trọng Hủy làm bài báo cáo việc đánh nhà Hạ cho dân chúng biết.

(2) Tức vua Kiệt nhà Hạ.

(3) Tức Võ vương nhà Chu diệt vua Trụ nhà Thương (Ân)

(4) Đây vẫn là lời Mặc tử đáp người hỏi vẫn có sách nào chép không.

*

* *

Cho nên thấy Mạc tử bảo : Các bậc quân tử trong thiên hạ ngày nay làm văn học [viết sách], bàn bạc, đàm luận, không phải là muốn làm một lưỡi và cuống họng, hoặc luyện môi mép, mà thực là muốn vì quốc gia, làng xóm, lo việc hình chính cho vạn dân. Các vương công đại nhân ngày nay sáng sớm vô triều, chiều mới về, chia đều buổi sáng ⁽¹⁾, không dám biếng nhác, ể ỏi là tại sao ? Tại họ cho rằng hễ gắng sức làm thì nước trị, nếu không thì nước loạn ; gắng sức thì yên, không thì nguy, cho nên không dám biếng nhác, ể ỏi. Nay các Khanh đại phu tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm của nhà nước, ở ngoài thì thu cái lợi [thuế] của quan, và chợ, cái lợi của rừng núi, chàm, dâu, để cho kho lẫm được đầy, mà không dám biếng nhác, chán nản là tại sao ? Tại họ cho rằng hễ gắng sức thì sang, không thì hèn, gắng sức thì vinh, không thì nhục, cho nên không dám biếng nhác, ể ỏi. Nay nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về nhà, gắng sức cấy cấy trồng trọt, để thu được nhiều đậu, lúa, mà không dám

(6) Đường Kinh Cao không chú thích mà tra Từ Hải, Từ Nguyên đều không có.

(1) Nguyên văn : Từ sáng sớm đến bữa ăn sáng, (không phải bữa điểm tâm ngày nay) là *chung chiếu* ; tức như nói cả buổi sáng. Quân phân là chia đều. Không rõ tác giả muốn nói gì. Đường Kinh Cao không chú giải.

biếng nhác, uể oải, là tại sao ? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo, gắng sức thì no, không thì đói, cho nên, không dám biếng nhác, uể oải. Nay dân bà sở dĩ thức khuya dậy sớm, gắng sức đánh sợi kéo to, dệt vải và lụa, mà không dám biếng nhác, uể oải là tại sao ? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo ; gắng sức thì [có áo] ấm, không thì lạnh, vì vậy mà không dám biếng nhác, uể oải.

Giả thử các vương công đại nhân tin thuyết có số mạng [nghĩa là số tốt thì chẳng gắng sức cũng thành công, số xấu thì gắng sức cũng vô ích], mà hành động theo thuyết đó thì tất họ sẽ biếng nhác trong việc xử kiện, trị nước ; các khanh đại phu sẽ biếng nhác trong việc trông coi kho lẫm của nhà nước ; nông phu sẽ biếng nhác trong việc cấy cấy, trồng trọt ; dân bà sẽ biếng nhác trong việc đánh sợi, kéo tơ. Các vương công đại nhân mà biếng nhác trong việc xử kiện, trị nước ; các khanh đại phu mà biếng nhác trong việc trông coi kho lẫm của nhà nước thì tôi cho rằng thiên hạ nhất định sẽ loạn. Nông phu biếng nhác trong việc cấy cấy trồng trọt, dân bà biếng nhác trong việc đánh sợi, kéo tơ thì tôi cho rằng thức ăn, áo mặc trong thiên hạ nhất định sẽ thiếu.

Trị thiên hạ mà như vậy thì trên thờ Trời và quỷ thần, Trời và quỷ thần không nhận ; dưới nuôi nấng bảo vệ trăm họ, trăm họ không được lợi, tất sẽ li tán, không dùng họ được, do đó mà lui về giữ nước thì không vững, tiến quân đánh nước ngoài thì sẽ không thắng. Ba đời bạo vương

Kiệt, Tru, U. Lệ thời xưa sở dĩ đều mất nước, xã tắc nghiêng đổ, là vì vậy.

Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không tận lực bài xích thuyết có số mạng. Thuyết số mạng là do các bạo vương thời xưa lập ra rồi hàng người cùng khốn truyền thuật lại, chứ không phải là chủ trương của bậc nhân. Các người thi hành nhân nghĩa ngày nay không thể không xét và tận lực bài xích thuyết đó."

THƯỢNG ĐỒNG (hạ)

(Tán đồng với người trên)

Thấy Mạc tử nói : Bậc trí giả làm việc tất phải tính xem cái gì làm cho nước nhà và tram họ yên trị thì làm, cái gì làm cho nước nhà và tram họ loạn thì tránh. Mà cái gì làm cho nước nhà và tram họ yên trị ? [Đáp] Bề trên cai trị hễ được kẻ dưới đồng tình⁽¹⁾ thì trị, không được kẻ dưới đồng tình thì loạn.

Sao biết được vậy ? Bề trên cai trị mà được kẻ dưới đồng tình thì biết rõ quan niệm về tốt, xấu trong dân chúng. Biết rõ quan niệm về tốt, xấu trong dân chúng rồi thì biết được người nào thiên mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt, người thiên được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Bề trên cai trị mà không được kẻ dưới đồng tình thì không biết rõ quan niệm về tốt, xấu trong dân

(1) Đồng tình ở đây tức là thống nhất tư tưởng, cái gì trên cho là tốt (hay xấu) thì dưới cũng cho là tốt (hay xấu).

chúng. Không biết rõ quan niệm về tốt, xấu trong dân chúng thì không biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt ; người thiện không được thưởng, kẻ tàn bạo không bị phạt, trị dân mà như vậy thì quốc gia tất loạn. ⁽¹⁾ Cho nên thưởng phạt mà không được kẻ dưới đồng tình, đó là điều không thể không xét được.

Muốn cho kẻ dưới đồng tình với mình thì phải làm sao ? Thấy Mặc tử bảo : Chỉ có cách là người dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên thì mới trị được thiên hạ. Sao biết được rằng người dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên thì mới trị được thiên hạ ? Muốn biết vậy thì sao không khảo xét xem chính trị thời nguyên thủy ra sao.

Thời nguyên thủy, trời mới sinh dân, chưa có ai làm chính trưởng (Cấm đầu). Mỗi người tự làm chủ mình, mỗi người tự làm chủ mình thì mỗi người có một lẽ phải, mười người có mười lẽ phải, trăm người có trăm lẽ phải, ngàn người có ngàn lẽ phải, cho tới khi số người đông không biết bao nhiêu mà kể, và cái gọi là lẽ phải cũng nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Ai cũng bênh lẽ phải của mình, chê lẽ phải của người, xung đột lớn thì đến đánh nhau, nhỏ thì tranh nhau. Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử. Thiên tử cho rằng trí lực mình chưa đủ để một mình trị

(1) Đại ý đoạn này là trên dưới không cùng một quan niệm về thiện ác thì bề trên thưởng phạt dân không phục, không sợ công bình, là oan ức, mà hóa loạn.

thiên hạ, nên mới lập tam công ⁽¹⁾. Tam công lại thấy trí lực mình chưa đủ để giúp thiên tử, nên mới chia nước ra lập các chư hầu, chư hầu lại cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị khắp bốn cõi, nên lựa người ở dưới lập chức khanh và chức tể [chủ một địa phận, một cơ quan]. Khanh và tể lại cho rằng trí lực chưa đủ để giúp vua chư hầu, nên lựa người ở dưới lập làm hương trưởng, gia trưởng. Vì vậy mà đời xưa thiên tử lập tam công, chư hầu, khanh, tể, hương trưởng, gia trưởng không phải vì giấu sang quá mà bỏ [chia xẻ] bớt đi đâu ⁽²⁾ mà là để có người giúp mình coi việc hình chính ; vì vậy mà đời xưa lập quốc, dựng đô, đặt ra các vua chúa, [tam] công, khanh, sĩ, sư, trưởng không phải để cho những vì đó hưởng cảnh an vui mà là phân biệt [chức tước] để có người giúp thi hành đạo sáng của Trời.

Ngày nay vì lẽ gì mà người trên không trị được kẻ dưới, kẻ dưới không biết thờ người trên, trên dưới hại lẫn nhau ? Vì đâu mà tới nỗi vậy ? Vì lẽ phải không thống nhất. Lẽ phải không thống nhất nên sinh ra bè đảng, hể trên cho một người nào đó là thiện mà muốn thưởng, người đó tuy được hể trên thưởng nhưng lại sợ tram hộ hủy báng [vì quan niệm về tốt xấu của vua và của dân trái ngược nhau] thành thử người làm điều thiện không được khuyến khích, nhận thưởng ; hể trên cho một người nào đó là tàn bạo mà muốn phạt, người đó tuy bị hể trên

(1) Ba vị đại thần đứng đầu triều đình : đời Chu là thái sư, thái phó, thái bảo ; đời Tây Hán là đại tư mã, đại tư đồ, đại tư không.

(2) Cũng có thể hiểu là : đặt ra những chức vụ đó đâu.

phạt nhưng lại được trăm họ khen, thành thử kẻ làm điều tàn bạo không bị ngan cấm, chịu hình phạt. Như vậy bề trên khen thưởng không đủ để khuyến khích dân làm điều thiện, bề trên chê, phạt không đủ ngan cấm dân làm điều tàn bạo. Nguyên do tại đâu ? Tại lẽ phải không thống nhất.

*

* *

Muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ thì phải làm sao ? Thấy Mặc tử bảo : Sao không bảo gia trưởng làm thứ đi. Gia trưởng ban bố pháp lệnh trong nhà, bảo : "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì phải báo cáo ; hễ thấy ai ghét và làm hại cho nhà cũng phải báo cáo". Thấy ai yêu và làm lợi cho nhà mà báo cáo thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho nhà, người trên biết được sẽ thưởng cho và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ khen ; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nhà, người trên biết được sẽ phạt, và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì mọi người trong nhà đều muốn được gia trưởng khen, thưởng, tránh bị chê phạt. Thấy người thiện, kẻ bất thiện đều báo cáo thì gia trưởng biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nhà tất trị. Thử xét một nhà như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

Nhà đã trị rồi, thì cái đạo trị nước như vậy là xong rồi chăng ? Chưa xong. Số nhà trong thiên hạ rất nhiều, nhà

nao cũng cho mình là phải mà chê nhà khác, xung đột lớn thì sinh loạn, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt hết các gia trưởng trong nước thống nhất lẽ phải của mình với vua. Vua cũng ban bố pháp lệnh trong dân chúng, bảo : "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nước thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nước cũng phải báo cáo". Thấy ai yêu và làm lợi cho nước mà báo cáo thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho nước, vua biết được sẽ thưởng mà dân chúng nghe thấy sẽ khen ; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nước mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho nước, vua biết được sẽ phạt, mà dân chúng nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì hết thấy người trong nước đều muốn được vua khen thưởng, tránh bị chê phạt. Dân thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo, thì vua biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Thử xét một nước như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

Nước đã trị rồi, thì cái đạo trị thiên hạ như vậy là xong rồi chăng ? Chưa xong. Số nước trong thiên hạ rất nhiều, nước nào cũng cho mình là phải, mà chê nước khác, xung đột lớn thì gây chiến, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên phải bắt hết thấy các nước thống nhất lẽ phải với thiên tử. Thiên tử cũng ban bố pháp lệnh cho thiên hạ, bảo : "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ thì phải báo cáo ; thấy ai ghét và làm hại cho thiên hạ cũng phải báo cáo". Thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ mà báo cáo thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho thiên hạ ; thiên tử

biết được sẽ thưởng mà dân chúng nghe thấy sẽ khen ; nếu thấy ai ghét và làm hại cho thiên hạ mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho thiên hạ, thiên tử biết được sẽ phạt, mà dân chúng nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì hết thấy mọi người trong thiên hạ đều muốn được thiên tử khen, tránh bị chê phạt. Dân chúng ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì thiên tử biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì thiên hạ tất trị. Thử xét thiên hạ như vậy mà trị là tại sao ? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với bề trên vậy thôi.

Thiên hạ đã trị rồi, thiên tử lại đem tất cả lẽ phải trong thiên hạ thống nhất với Trời.

Cho nên theo chính sách thống nhất lẽ phải với bề trên, nếu thống nhất với thiên tử thì trị được thiên hạ ; ở cấp giữa, chủ hầu áp dụng nó thì trị được một nước ; ở cấp nhỏ hơn, gia trưởng áp dụng nó thì trị được nhà. Cho nên đại dụng [dùng đại qui mô] nó để trị thiên hạ thì vẫn còn thừa, tiểu dụng nó để trị một nước một nhà thì không hết tác, cái đạo [thống nhất lẽ phải] đó như vậy. Cho nên bảo trị các nước trong thiên hạ như trị một nhà, sai khiến toàn dân trong thiên hạ như sai khiến một người.

*

* *

Chỉ riêng thấy Mặc tử có đạo đó, tiên vương không có chăng ? Không, tiên vương cũng có rồi. Các bậc thánh

vương đều theo chính sách tán đồng với người trên, nên thiên hạ được trị. Sao biết được vậy ? - Biết được vậy là vì trong sách của tiên vương, thiên *Thái Thệ* đã chép : "Nhân dân thấy kẻ nào gian trá thì phải báo cáo, nếu không, việc phát giác thì cũng bị tội như kẻ gian trá". Câu đó có nghĩa là thấy kẻ bậy bạ cong queo mà không báo cáo thì bị tội cũng như kẻ bậy bạ cong queo. Cho nên thánh vương trị thiên hạ, lựa người mà dùng thì từ kẻ tả hữu chân tay đều lương thiện, lại được nhiều người ngoài [trong dân gian] nhìn và nghe thay cho mình. Vì vậy mà mưu tính việc với người thì mau hơn người, càng làm việc với người thì thành công trước người, trông nghe được rộng, thấy mọi sự trước người. Chỉ tin sức mình mà làm việc, cho nên được lợi như vậy. Người xưa đã nói : "Một mắt nhìn không thấy được bằng hai mắt, một tai nghe không tỏ bằng hai tai, một tay cầm không chắc bằng hai tay". Biết tin sức mình mà làm việc, cho nên lợi như vậy.

Cho nên thánh vương đời xưa trị thiên hạ, ngoài ngàn dặm có hiền nhân nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và thưởng rồi ; trong ngàn dặm có kẻ tàn bạo nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và phạt rồi. Thánh vương dù mắt sáng tai tỏ tới đâu : làm sao có thể nhìn một cái mà thấy khắp ở ngoài ngàn dặm, nghe một lần mà thấy được khắp ở ngoài ngàn dặm. Thánh vương không tới tận nơi để nhìn, để nghe mà khiến cho những

kẻ trộm cướp phiến loạn trong thiên hạ không có chỗ nào để dung thân, là tại sao ? Tại chính sách tán đồng với người trên rất hay vậy.

Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Muốn cho dân tín đồng với người trên thì [chỉ có cách] yêu [người tốt] và ghét [kẻ xấu]. Dân khó sai khiến thì dùng yêu và ghét [tức thưởng và phạt] mà sai khiến, dùng sự thành tín mà nắm [dân], dùng sự giấu sang [tức thưởng] mà dắt dân ở phía trước, sự hình phạt sáng suốt mà đốc suất dân ở phía sau.

(1) Trị dân mà như vậy thì dù dân không muốn tán đồng với ta cũng không được. Cho nên thấy Mạc tử bảo : "Bậc vương công, đại nhân, sĩ quân tử ngày nay nếu thành tâm muốn làm điều nhân nghĩa, thì hành đạo tôn trọng hiền sĩ, trên muốn hợp với đạo của thánh vương, dưới muốn hợp với cái lợi của quốc dân, thì phải theo chính sách tán đồng với người trên, mà không thể không xét rằng tán đồng với người trên là việc can bản, cốt yếu của chính trị.

THƯỢNG HIẾN (trung)

(Trọng người hiền)

Thấy Mạc tử bảo : Bậc vương công đại nhân ngày nay trị dân, làm chủ xã tắc, trị nước, muốn giữ dân, giữ nước được lâu dài, không mất sao không xét rằng trọng người

(1) Câu này và câu trên, nguyên văn tối nghĩa, chúng tôi đoán ý mà dịch

hiển là việc can bản của chính trị ? Sao biết rằng trọng người hiển là việc can bản của chính trị ? Đáp : Người sang và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị ; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn, vì vậy mà biết rằng trọng người hiển là việc can bản của chính trị.

Vì vậy, thánh vương, đời xưa rất trọng người hiển mà dùng người giỏi, không vì tình thân thích, nể nang kẻ giàu sang, nuông chiều kẻ có sắc đẹp. Hễ người nào hiển thì để cử lên chức cao, cho người đó giàu và sang, dùng làm trưởng quan ; kẻ nào không tốt thì dè xuống đuổi đi, khiến cho hóa nghèo hèn, bắt làm khổ dịch. Như vậy là "trọng người hiển". [Lựa người] rồi sau bậc thánh nhân mới nghe lời người đó bàn, xem thành tích hành vi người đó để xét khả năng mà thận trọng giao cho chức quan, như vậy gọi là "dùng người giỏi". Thấy người đó trị nước được [như tể tướng] thì cho trị nước, làm trưởng quan [đứng đầu một nha] được thì cho làm trưởng quan, trị một ấp được thì cho làm trưởng ấp ; như vậy những người trị nước, trị một nha, coi một kho hay một ấp, một làng đều là người hiển trong nước cả.

Người hiển trị nước, sáng sớm vô triều, chiều muộn mới về, xử án, coi việc hành chính ; nhờ vậy mà trị nước trị, hình pháp thì hành đúng. Người hiển làm trưởng quan thì đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, thu góp thuế quan, thuế chợ, và những nguồn lợi núi rừng, chằm, cầu để cho kho lẫm được đầy ; nhờ vậy mà kho lẫm đầy mà tài nguyên không

mất mát. Người hiền trị ấp thì sáng di tối về, cây cối trồng cây, thu lúa đậu ; nhờ vậy mà lúa đậu nhiều, dân đủ ăn. Cho nên nước mà trị thì hình pháp thì hành đúng, kho lẫm đầy mà vạn dân giàu có. Bể trên [vua] có lụa gạo tinh khiết để cất rượu nấu xôi và tế trời và quỷ thần ; ngoài có da, lụa để giao tiếp với chư hầu bốn bên ; trong nuôi được vạn dân, dân được an khi đói, nghỉ ngơi khi mệt, mà hoài vọng người hiền trong thiên hạ. Cho nên bề trên được trời và quỷ thần ban phúc cho ở ngoài, chư hầu giao hảo với mình, ở trong dân chúng thân với mình, mà người hiền qui phục mình. Theo cách đó mà mưu tính thì được việc, cử sự thì thành công, ở trong giữ nước được vững mạnh, xuất quân chinh phạt thì mạnh. Ba đời thánh vương đời xưa : Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Võ sở dĩ làm vua thiên hạ cầm đầu các chư hầu, cùng chỉ nhờ phép đó cả.

*

* *

Đã có phương pháp tuyển dụng người hiền rồi mà chưa biết thuật thi hành ra sao thì việc cũng chưa thành. Vì vậy phải đưa ra ba qui tắc căn bản. Ba qui tắc căn bản là gì ? Đáp : Tước vị không có cao thì dân không kính, bổng lộc không hậu thì dân không tin, chính lệnh không quyết đoán thì dân không sợ. Cho nên thánh vương đời xưa phong cho tước cao, ban cho lộc hậu, giao cho công việc, được quyết đoán ra lệnh, đâu phải là vì bề tôi mà vì muốn cho được việc. Kinh Thi có câu : "[Ta] Dạn người

phải lo cái lo của thiên hạ, [ta] dạy người ban tước vị cho hiền sĩ. Ai cầm vật nóng mà không tưới nước lạnh vào tay ?" Ý muốn nói các vua chúa, chư hầu thời xưa không thể không thân với người hiền để họ nối nghiệp, phụ tá, cũng như cầm vật nóng thì tưới nước lạnh vào tay để cho tay khỏi bỏng.

Thánh vương đời xưa được người hiền để sai khiến thì ban tước cho người đó hóa sang, cất đất phong cho, suốt đời không bỏ. Người hiền được minh quân mà thờ thì đem hết sức mình ra làm việc cho vua, suốt đời không mỏi ; có điều gì tốt đẹp thì bảo là công của vua, vì vậy mà vua được tiếng tốt mà bề tôi bị oán trách ⁽¹⁾, vua được yên vui mà bề tôi phải lo buồn. Thánh vương đời xưa trị dân như vậy.

Ngày nay các vương công đại nhân cũng muốn hát khúc chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi của cố nhân, cho người hiền tước cao nhưng bổng lộc lại không xứng với tước ; tước cao mà lộc ít thì dân không tin, bảo : "Như vậy là không thực tâm yêu ta, mượn hư danh để dùng tạm ta đấy thôi". Người dân bị vua mượn hư danh để dùng tạm thì làm sao thân với vua được ? Cho nên tiên vương bảo : "Kẻ nào ôm đồm việc nước thì không biết chia việc cho người, kẻ nào ham của thì không biết chia lộc cho người. Việc không giao cho, lộc không chia cho, như vậy thử hỏi người hiền trong thiên hạ chịu tới bên cạnh bọn vương công đại nhân [để giúp đỡ họ] ?

(1) Vì bề tôi có cái gì xấu thì nhận là do lỗi của mình để cho dân không oán vua mà oán mình.

Người hiền không chịu tới bên cạnh bọn vương công đại nhân thì kẻ xấu bu tới chung quanh. Kẻ xấu ở chung quanh họ thì người đáng khen không phải là người hiền, mà kẻ đáng phạt không phải là kẻ tàn bạo. Các vương công đại nhân trị nước cách đó thì thưởng phạt cũng sẽ không xứng đáng. Thưởng phạt không xứng đáng thì người hiền không được khuyến khích mà kẻ bạo ngược không bị ngăn cấm. Như vậy dân ở trong nhà không hiếu kính cha mẹ, ra ngoài không tôn trọng làng xóm, cư xử, ra vào không tiết độ, trai gái không riêng biệt. Cho coi kho lương của nhà nước thì ăn cắp ăn trộm, cho giữ thành thì phản nghịch ; vua gặp nạn thì không chết theo vua, vua lưu vong thì không đi theo ; bảo xử án thì xử bậy, bảo chia của thì chia không đều, bảo mưu tính việc gì thì không xong, làm việc thì không thành ; giữ nước thì không vững, đi chinh phạt nước ngoài thì yếu, thua. Ba đời bạo vương thời xưa : Kiệt, Trụ, U, Lệ sở dĩ mất nước, xã tắc nghiêng đổ, đều do như vậy cả, đều là sáng suốt về việc nhỏ mà không sáng suốt về việc lớn.

*

* *

Nay bậc vương công đại nhân, có một bộ áo không may cái lấy được, phải nhờ một người thợ may giỏi, có con bò con cừu, không mổ lấy được, phải nhờ một người đồ tể giỏi ; để làm hai việc đó họ đều biết theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi. Đến cái việc nước mà loạn

lạc, xã tắc lâm nguy thì lại không biết theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi để sửa trị, mà dùng kẻ thân thích, cố cựu, cùng kẻ giầu sang, [tức hạng quý tộc], mặt mũi tốt đẹp. Bọn thân thích, cố cựu, giầu sang, mặt mũi tốt đẹp được dùng đó, nhất định là có trí tuệ cả không ? Cho họ trị nước tức là sai bọn ngu dốt trị nước, như vậy nước sẽ loạn là điều có thể biết chắc được rồi.

Bọn vương công đại nhân vì yêu dung nhan một người nào đó mà dùng. Yêu mà không xét khả năng họ ra sao. Họ không cai trị nổi một trăm người mà cho làm một chức quan cai trị một ngàn người, họ không cai trị nổi một ngàn người mà cho cai trị một vạn người, như vậy là tại sao ? Tại yêu dung nhan của họ mà cho tước lộc hậu vậy thôi. Họ không trị nổi ngàn người mà cho trị một vạn người, như vậy là quan chức lớn gấp mười khả năng. Phép trị dân, ngày nào cũng phải thi hành, không thể ngưng được, mà khả năng cai trị của kẻ đó không thể trong một ngày tăng lên gấp mười được. Phải có khả năng mới cai trị được, khả năng đã không thể tăng lên gấp mười ngay được, mà lại cho họ một chức lớn gấp mười khả năng của họ, thì tất họ chỉ trị được một phần mà bỏ chín phần kia, tuy suốt ngày đêm, họ thi hành chức vụ, kết quả cũng như không thi thành. Nguyên do tại đâu ? Tại các vương công đại nhân không hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi.

Ở trên kia [thầy Mặc tử] đã nói dùng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi thì nước thị : [ngược lại] thì

[có thể] nói không trong người hiền, không dùng người giỏi thì nước loạn. Nay các vương công đại nhân nếu thực tâm muốn trị nước nhà cho được trường tồn mà không mất, sao không xét rằng trọng người hiền là việc căn bản của chính trị ?

*

* *

Và lại, nào phải chỉ có một mình thấy Mạc tử bảo trong người hiền là việc căn bản của chính trị ? Đó là dao của thánh vương, mà người trước đã chép trong sách và các người già đã nói. *Truyện* chép rằng : "Nên tìm bậc thánh vương, triết nhân để giúp đỡ người" *Thang* thệ chép : "Bèn tìm bậc đại thánh mà đồng tâm cộng lực trị thiên hạ" Như vậy là thánh vương giữ đúng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi. Đời xưa, thánh vương chỉ theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi, không dùng tạp nhạp, cho nên trong thiên hạ có tôn ti [người hiền được trọng, ở trên ; kẻ xấu bị khinh, ở dưới].

Xưa ông Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn, làm đồ gốm ở hồ sông [Hoàng Hà ; vua Nghiêu gặp được ông ở phía bắc chằm Phúc Trạch, để cử làm thiên tử nối tiếp mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ ; ông Y Chi giúp việc cho một người dân bà nước Hữu Tân ⁽¹⁾, làm đầu bếp, vua Thang tìm được, để cử làm

(1) Tức Y Doãn, tên là Chí, theo sử thì mới đầu cày ruộng ở nước Hữu

tướng quốc, tiếp sức mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ : ông Phó Duyệt bận áo bằng vải thô, cột lưng bằng sợi dây, làm vườn, xây cất nhà cửa ở Phó Nham ⁽¹⁾, vua Võ Đinh ⁽²⁾ tìm được, để cử làm một trong ba chức công ⁽³⁾ tiếp sức mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ, mấy ông đó nhờ đâu mà mới giàu nghèo hèn, sau được giàu sang ? Nhờ vương công đại phu [các thời đó] hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi. Nhờ vậy, không người dân nào đói mà không được ăn, lạnh mà không được áo, mệt mà không được nghỉ, loạn mà không được trị. Các thánh vương đời xưa xét kỹ rồi dùng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi, theo phép của trời. Chỉ có trời là không kể tới giàu nghèo, sang hèn, gần xa, thân sơ, cứ người nào hiền thì để cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi.

*

* *

Có những người giàu sang ⁽⁴⁾ mà hiền, nên được [Trời] thưởng, ai vậy ? Đáp : Đó là ba đời thánh vương Nghiêu.

Tân, (nay ở Hà Nam), sau giúp vua Thang đánh vua Kiệt, diệt nhà Hạ.

(1) Có sách nói là làm ruộng ở Phó Nham nên lấy họ Phó.

(2) Võ Đinh là một ông vua đời Ân (1324 - 1265)

(3) Ba chức lớn nhất tại triều thời xưa. Có sách chép Phó Duyệt làm tướng quốc

Thuần, Vũ, Thang, Văn, Võ. Tại sao các ông ấy được thưởng ? Đáp : Vì các ông ấy cai trị thiên hạ thì gồm yêu mọi người, mà làm lợi cho họ, lại đốc suất vạn dân trong thiên hạ thờ Trời và quí thần, [đó cũng là một cách] yêu và làm lợi cho vạn dân. Vì vậy Trời và quí thần thưởng họ, cho họ làm thiên tử, làm cha mẹ dân, vạn dân khen và theo họ, gọi họ là thánh vương, tiếng tốt còn tới nay. Đó là giấu sang mà hiển nên được Trời thưởng.

Những người giấu sang mà tàn bạo nên bị [Trời] phạt, ai vậy ? Đáp : Đó là ba đời bạo vương, Kiệt, Trụ, U. Lê. Sao biết được vậy ? Đáp : "Mấy ông ấy cai trị thiên hạ thì gồm ghét mọi người mà làm hại cho họ, lại đốc suất vạn dân trong thiên hạ chửi Trời, khinh quí thần, tàn sát vạn dân. Cho nên Trời và quí thần phạt họ, bắt họ phải bị chém giết, con cháu họ bị li tán, gia đình họ bị diệt, không có kẻ nối dõi ; vạn dân theo mà chê họ là bạo vương, tiếng xấu còn tới nay. Đó là giấu sang mà tàn bạo nên bị Trời phạt.

Người thân thích mà không thiện nên bị phạt, ai vậy ? Đáp : Túc như ông Bá Cỗn thời xưa, con cả của vua, đức của phế đế tám thương, nên bị xử tội ở ngoài thành Vũ, bị giam trong chỗ tối tăm mặt trời mặt trăng không chiếu tới [tức trong tù], vua cũng không yêu. ⁽¹⁾ Đó là thân thích với vua mà không thiện nên bị phạt.

(6) Trên đã nói đến những người nghèo hèn mà hiển, nên được vua đề cử lên địa vị cao ; đây nói về những ông vua hiển được Trời thưởng, dân mang ơn.

Trời trọng người hiền, dùng người giỏi, ai đấy ? Đáp :
 Túc như ông Vũ, ông Tác, ông Cao Dao thời xưa. Sao biết
 được vậy ? Thiên *Lữ hình* ⁽¹⁾ của tiên vương chép : "Hoàng
 đế [tức vua Nghiêu] hỏi dân chúng có điều gì đáng lo, dân
 chúng đáp : Lo cái họa rợ Hữu Miêu.- Hoàng đế bảo : Từ
 các vua chư hầu tới thần dân, những người có đức rực rỡ
 phải được đề cử, không được che lấp những người quan
 quả [không biết nương tựa vào đâu], ai có đức uy thì phải
 sợ, ai có đức sáng thì phải tôn trọng. Như vậy là vua Nghiêu
 bảo ông Vũ, Tác, Cao Dao ⁽²⁾ phải lo tính việc của dân.
 Ông Bá Di sửa điển lễ, ai không theo thì bị hình pháp ;
 ông Vũ trị thủy, thổ, đặt tên cho sông núi ; ông Tác gieo
 các giống lúa, gắng sức trồng lúa, ba ông ấy thành công,
 thành tích lớn xa, lợi cho khắp dân". Đó là nói ba ông thánh
 ấy thân trọng lời nói và hành vi, suy tư kỹ lưỡng, tìm những
 cái lợi trong các việc nhỏ nhặt của thiên hạ ; trên thì thờ
 Trời mà Trời nhận cái đức của họ, dưới thì hành với dân
 mà dân được lợi cho tới suốt đời. Cho nên tiên vương bảo :
 Đạo ấy đem dùng khắp thiên hạ thì vẫn còn dư, mà dùng
 ít thì cũng khỏi bị cùngh khổn ; dùng lâu thì vạn dân được

(7) Nguyên văn : để chi nguyên tử, phệ để chi đức dung, kí nãi hình
 chi vu Vũ chi giao, nãi nhiệt chiếu vô hữu cập dã, để diệc bất ai. Chúng
 tôi không biết tích gì, đoán rằng tác giả nhắc tới thuyết ông Cổn (làm
 Sùng bá đời vua Nghiêu), là bố vua Vũ, và bị vua Nghiêu giết ở Vũ
 Sơn vì chống lại việc vua Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn. Nhưng
 thuyết đó sai : theo sử, ông Cổn bị giết ở núi Vũ Sơn vì thất bại trong
 việc trị thủy.

(1) Thiên này chép hình phạt đời vua Vũ nhà Hạ, do Lữ Hân viết.

(2) Hậu Tác, bề tôi vua Nghiêu, dạy dân trồng lúa - Cao Dao là bề tôi
 vua Thuấn, sửa hình pháp, dạy dân.

lợi tới suốt đời. Thiên *Chu tụng* viết : "Đức của thánh nhân chiếu khắp thiên hạ như trời cao, đất rộng, kiên cố như đất, như núi, ⁽¹⁾ không nứt, không sụp ; nó sáng như mặt trời, mặt trăng, cùng với trời đất còn hoài". Đó là nói đức của thánh nhân sáng sủa, rộng rãi, kiên cố, lâu dài. Cho nên đức của thánh nhân trùm khắp cả trời đất.

Nay các bậc vương công đại nhân muốn làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu, mà không có nhân nghĩa thì biết làm cách nào đây ? Tất là phải làm tăng uy lực của mình lên. Làm cách nào mà tăng uy lực lên được ? Phải xua hết dân vào chỗ chết [đưa ra chiến trường] chẳng ? Dân không ham gì bằng sống, không ghét gì bằng chết ; cái họ muốn thì không được, mà cái họ ghét lại cứ tới hoài ; từ xưa tới nay chưa có ai dùng cách đó mà làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu được. Nay các vương công đại nhân muốn làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu, muốn ý của mình đạt được khắp thiên hạ, lưu danh lại hậu thế, sao không xét rằng trọng người hiền là căn bản của chính trị ? [trọng người hiền] đó là cái đức [hoặc hành vi] lớn của thánh nhân.

TIẾT DỤNG (thượng)

(Bớt tiêu xài)

(1) Nguyên văn : nhược địa chi cố, nhược sơn chi thừa, bất sách bất bằng 若地之固若山之承不圯不崩
Đường Kinh Cáo chú giải là : 承 như chữ 承, bổ nghĩa là 立 (dựng) : Kinh trọng, giúp đỡ. Chứng tôi thấy giải thích như vậy ép quá, vô nghĩa, cho nên theo hai chữ 不 崩 không sụp đổ mà dịch thoát như trên. Có lẽ chữ 承 đó sai mà chữ 崩 nhà nào hiệu đính được.

Thánh nhân cai trị một nước thì cái lợi của nước đó có thể tang lên gấp hai ; rộng ra, nếu cai trị cả thiên hạ thì cái lợi của thiên hạ có thể tang lên gấp hai. Tang lên gấp hai không phải là vì đi chiếm đất ở ngoài, mà vì bỏ những cái vô dụng, phi tổn vô ích trong nước đi, như vậy đủ để tang lên gấp hai rồi. Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân dùng của cải, thì xét xem việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân lại lợi được nhiều.

*

* *

Làm ra áo mỏng, áo lông để làm gì ? Để chống lạnh mùa đông, che nóng mùa hè. Phép làm áo quần, hễ mùa đông thêm ấm, mùa hè thêm mát rồi thì thôi ; cái gì không ích lợi thì bỏ đi. Làm ra nhà cửa để làm gì ? Để chống gió và lạnh mùa đông, che mưa che nắng mùa hè, hễ vững chắc thì thôi, cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm áo giáp, cái mộc và nam thứ binh khí ⁽¹⁾ để làm gì ? Để chống trộm cướp, đạo tặc, có những thứ đó thì thàng, không có thì không thàng, cho nên thánh nhân chế tạo những thứ đó. Làm áo giáp, cái mộc và nam thứ binh khí, hễ vừa nhẹ vừa bền, vừa chắc vừa khó bẻ gãy được, thì thôi ; cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm ra thuyền và xe để làm gì ? Xe để đi trên đất trên gò : thuyền để

(1) Túc cây qua (như cái móc), cái thù (như cây trượng), cây kích, và hai loại mâu.

đi trên sông, trong khe, mà cái lợi [sản phẩm] của bốn phương được lưu thông. Phép đóng thuyền, xe hễ vừa nhẹ vừa tiện thì thôi, cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm mấy vật đó, hễ cái gì không thêm ích lợi thì không khi nào làm, nhờ vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân, lại lợi được nhiều.

*

* *

Lại trừ bỏ cái thói ham chứa châu ngọc, nuôi chim muông, chó ngựa của các đại nhân di thì có thể tăng lên gấp mấy lần số quần áo, nhà cửa, áo giáp, cái mộc, và nam thứ binh khí được chăng ? [Được], điều đó không khó. Thế thì cái gì mới khó tăng lên gấp đôi ? Chỉ có số người là khó tăng lên gấp đôi.

[Tuy khó] nhưng tăng gấp đôi được. Xưa, thánh vương ra lệnh : "con trai hai mươi tuổi, không ai dám không lấy vợ [vì bắt phải lấy vợ], con gái mười lăm tuổi, không ai dám không lấy chồng". Đó là phép của thánh vương. Thánh vương mất rồi, dân sinh ra phóng túng. Có kẻ muốn lấy vợ sớm, hai mươi đã lấy vợ ; có kẻ muốn lấy vợ muộn, bốn mươi mới lấy vợ. Sớm bù muộn, thì số trung bình, vẫn là trẻ hơn tuổi của thánh vương ấn định là mười lăm.⁽¹⁾ Nếu cứ ba năm đẻ một lần thì trong mười năm trẻ đó, hụt mất hai ba đứa con rồi. Như vậy chẳng phải là bắt dân sớm lấy vợ thì số dân có thể tăng lên gấp hai đấy ư ? Việc đó không phải là không làm được.

(1) Sớm nhất là 20 tuổi, trễ nhất là 40 tuổi, trung bình là $60 : 2 = 30$ tuổi, trẻ hơn thời xưa (20 tuổi) là 10 năm.

Các chính trị gia trong thiên hạ ngày nay có nhiều cách làm cho số người ít đi : họ bắt dân làm mệt sức, thu thuế lại nặng ; dân nghèo, chết, đói, rét không biết bao nhiêu mà kể. Vả lại các bậc đại nhân dấy binh để đánh chiếm nước láng giềng, lâu thì trọn năm, chóng thì vài tháng, vợ chồng lâu không gặp nhau, do đó mà số người ít đi. Lại như an ở không yên, an uống thất thường, sinh ra đau ốm mà chết ; lại như dùng (.....) để hỏa công, phá thành, chiến đấu ở ngoài đồng, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đó chẳng phải là những thuật chính trị gia ngày nay dùng để làm cho số người ít đi hay sao ? Thánh nhân làm chính trị không như vậy. Những thuật thánh nhân dùng để làm cho số người tăng lên chẳng phải là trái với những thuật đó sao ? ⁽¹⁾ Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Bỏ cái vô dụng đi". Đó là đạo của thánh vương, cái lợi lớn của thiên hạ.

TIẾT DỤNG (trung)

Thấy Mặc tử bảo : "Các minh vương, thánh nhân đời xưa sở dĩ làm vua thiên hạ, sửa trị các chư hầu được là nhờ hết lòng nghiêm chỉnh yêu dân, làm lợi nhiều cho dân, vừa trung vừa tin lại bảo cho dân biết điều lợi, như vậy suốt đời không chán, không mệt ; đấy, các minh vương, thánh nhân đời xưa sở dĩ làm vua thiên hạ, sửa trị các chư hầu được là nhờ vậy".

(1) Nguyên văn : "Thử bất thánh nhân vi chính, kì sở dĩ chúng nhân chi đạo diệt sở thuật nhi khởi dư ?" thật lủng lủng, khó hiểu ; chúng tôi đoán ý mà dịch tạm như vậy.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép tiết dụng, bảo : "Những thợ làm mọi nghề trong thiên hạ : nghề đóng xe, làm đồ da, đồ gốm, đồ rèn, đồ mộc, đều tùy tài năng của mình" ; bảo "hễ cung cấp đủ đồ dùng trong thiên hạ rồi thì thôi, cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm".

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép ăn uống, bảo : "Đủ để no bụng, nổi hơi, mạnh chân tay, sáng tai mắt thì thôi ; không rán điều hòa đến cùng cực ngũ vị và mùi thơm, không tìm kiếm những của ngon vật lạ ở xa". Làm sao biết được vậy ? Xưa, vua Nghiêu trị thiên hạ, phía Nam vỗ về miền Giao Chỉ ⁽¹⁾, phía Bắc tới U Đồ ⁽²⁾, phía Đông, phía Tây tới chỗ mặt trời mọc và lặn, đâu cũng thần phục cả ; vậy mà ông yêu tiếc của cải, sản vật [đến nổi một bữa cơm] không dùng cả hai thứ lúa kê và mì, không dùng cả hai món canh và xào ⁽³⁾ ăn cơm trong bát dân, húp canh trong tô dân, dùng dẫu để uống rượu, [trong] những cuộc uy nghi phải cúi ngửa, múa tay ⁽⁴⁾, hễ cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép ăn mặc, bảo : "Mùa đông bận áo lụa xanh lụa điều, nhẹ và ấm ; mùa

(1) Vua Nghiêu làm sao biết được miền Giao Chỉ ở Bắc Việt ngày nay.

(2) Ở tỉnh Sơn Tây ngày nay, phía ngoài Nhạn Môn.

(3) Nguyên văn là chỉ : thịt thái ra.

(4) Mười chữ này có vẻ lạc lõng.

hè bận áo vải nhỏ, vải to nhẹ và mát, thế thôi". Cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Các thánh vương đời xưa cho rằng các loài chim dữ, thú dữ hiếp người hại dân, cho nên dạy binh pháp cho dân, bảo : "Cây kiếm, đâm thì thủng, chém thì đứt, đánh một bên thì không gãy ⁽¹⁾. Đó là cái lợi của cây kiếm : dùng da con tê làm áo giáp thì nhẹ và tiện lợi, cử động, co duỗi dễ dàng như ý mình muốn, đó là cái lợi của áo giáp.

Dùng xe để chở nặng đi xa, ngồi được yên, kéo đi cũng tiện ; yên thì không hại cho thân thể, tiện thì mau tới, đó là cái lợi của xe.

Các thánh vương đời xưa thấy không qua được sông lớn và khe rộng, cho nên chế tạo thuyền và mái chèo cho tiện, đủ để chở người thì thôi, dù chở các vị tước cao như Tam công, chư hầu thì cũng không thay đổi thuyền và chèo, người đưa dò, cũng không trang sức, ⁽²⁾ đó là cái lợi của thuyền.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép tiết tảm [tiết giảm việc ma chay], bảo : "Áo [để liệm] ba bộ đủ để [học tới khi] thịt nát, quan tài dày ba tấc ⁽³⁾ đủ để [chứa

(1) Nguyên văn : báng kích bất xách có lẽ nên hiểu như Phùng Hữu Lan là bất chiết : không gãy.

(2) Nghĩa là không dùng thuyền đẹp để chở các vị đó, như vậy xa xỉ, vô ích.

tới khi xương nát, huyết đào sâu không tới mạch nước để hơi thối khỏi xông lên, thể thối. Người chết đã chôn rồi thì người sống không rầu rĩ để tang lâu".

Người thời nguyên thủy, chưa có nhà cửa, kiếm gỗ đóng, hang hổ mà ở. Thánh vương lấy làm lo, cho rằng hang hổ mùa đông tránh lạnh và gió được, [nhưng] qua mùa hè thì ở dưới ẩm thấp mà ở trên hơi nóng bốc lên, e hại cho sức khỏe của dân, cho nên chế tạo nhà cửa, có lợi hơn. Nhưng phép xây cất nhà cửa ra sao ? Thấy Mạc tử bảo : [Tuồng] hỗn bên có thể ngừa gió và lạnh, [nóc] ở trên có thể ngừa tuyết sương, mưa móc, ở trong sáng và sạch có thể làm chỗ thờ cúng được, vách đủ để ngăn cách các phòng cho dân ông dân bà, thể thôi. Cái gì thêm phi tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

TIẾT TÁNG, (hạ)

(Tiết giảm việc ma chay)

Người [có đức] nhân mưu tính cho thiên hạ không khác gì người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ. Người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ ra sao ? Đáp : Cha mẹ nghèo thì làm sao cho cha mẹ giàu ; nhân dân ít thì làm sao cho nhân dân nhiều lên, dân chúng loạn thì làm sao cho dân chúng trị ⁽¹⁾ Làm những việc đó, nếu sức lực, hoặc tiền

(3) Một thước thời đó bằng khoảng một gang tay.

(1) Hai việc này là việc người trên lo cho dân, bảo là việc con lo cho

của, trí mưu không đủ thì đành vậy ; chứ không dám tiếc sức, giấu trí mưu, bỏ sót cái lợi mà không hết lòng lo cho cha mẹ. Ba việc đó ⁽¹⁾, người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ phải như vậy.

Người nhân mưu tính cho thiên hạ thì cũng vậy. Nghĩa là : thiên hạ nghèo thì làm cho thiên hạ giàu ; dân đói thì làm cho nhiều ăn; dân chúng loạn thì làm cho trị. Làm những việc đó, nếu sức lực hoặc tiền của, trí mưu không đủ thì đành vậy, chứ không dám tiếc sức, giấu trí mưu, bỏ sót cái lợi mà không hết lòng lo cho thiên hạ. Ba việc đó, người nhân lo cho thiên hạ phải như vậy.

Từ khi thánh vương ba đời ⁽²⁾ xưa mất rồi, thiên hạ không biết thế nào là nghĩa [việc nên làm] nữa. Các quân tử đời sau có người cho ma chay hậu hĩ, để tang lâu là nhân, nghĩa, là bốn phận của người con có hiếu ; có kẻ cho ma chay hậu hĩ, để tang lâu là phi nhân, phi nghĩa, không là là bốn phận của người con có hiếu. Hai hạng người đó chê bai lẫn nhau, hành động ngược nhau. Họ đều bảo : "Tôi theo đúng đạo của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ" mà chê bai lẫn nhau, hành động ngược nhau. Như vậy khiến cho người quân tử đời sau nữa dăm nghi ngờ lời nói của họ.

cha mẹ thì quả là ép.

(1) Vì vậy, sự thực con chỉ có một việc lo cho cha mẹ thôi, chứ không phải ba, như ở hai hàng sau.

(2) Ba đời thánh vương là Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ.

Nếu nghi ngờ lời của hai hạng người đó thì thử quay về thực tế là việc cai trị quốc gia, vạn dân mà xét xem : chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu, thì có thực làm cho nghèo hóa giàu, số người ít hóa nhiều, nguy hóa yên, loạn hóa trị được không ? Nếu được thì đó là nhân, nghĩa, là bốn phân của người con có hiếu, mà người nào mưu tính cho thiên hạ không thể không khuyến khích được [...
 (1) và bậc nhân giả tất phải mong cho tục đó [ma chay hậu hĩ, để tang lâu] được thịnh hành trong khắp thiên hạ, đặt thành một chế độ khiến dân khen nó, đừng bao giờ bỏ. [Trái lại] nếu theo đúng lời đó, chính sách đó mà ma chay hậu hĩ, để tang lâu, quả thực không làm cho người nghèo hóa giàu, số người ít hóa nhiều, nguy hóa yên, loạn hóa trị, thì đó là phi nhân, phi nghĩa, không phải là bốn phân của người con có hiếu, người nào mưu tính cho thiên hạ không thể không ngăn cấm, và bậc nhân giả phải mong trừ cái tục đó cho thiên hạ, phế bỏ nó, khiến cho dân chê nó, suốt đời không theo nó. Vả gây cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ, mà làm cho quốc gia, trăm họ không yên trị thì từ xưa tới nay chưa từng có vậy.

Sao biết được điều đó ? Các bậc sĩ quân tử đời nay có nhiều người còn nghi ngờ không biết ma chay hậu hĩ, để tang lâu là phải hay trái, lợi hay hại. Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Thế thì phải khảo sát xem. Theo chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà thi hành trong nước thì

(1) Bộ 64 chữ mà nhà hiệu đính Tất Nguyễn cho là thừa.

hạng vương công đại nhân có tang tất hảo : phải hai lớp trong quan ngoài quách, chôn cất phải hậu hì, đồ liệm phải nhiều, thêu thùa, màu sắc phải rực rỡ, phần mộ phải lớn ; hạng dân thường, nghèo hèn có người chết thì gia tài gần khánh kiệt ; hạng chư hầu mà chết thì kho lẫm sẽ trống rỗng vì vàng bạc châu báu trang sức dây xắc chết, dây thao huộc áo quan, xe và ngựa chôn trong mộ ; lại phải chôn nhiều màn trướng, vạc, trống, kì thiên, hồ lạp hồ lạp ⁽¹⁾, mác, kiếm, cờ, lông, rang thú, da thú, có chôn những thứ đó vào mộ rồi mới vừa ý ; thành thử tổng táng mà như một cuộc đời chỗ ở. [Lại thêm] : thiên tử và chư hầu mà chết, kẻ tuần táng [người sống chôn theo người chết] nhiều thì tới vài trăm, ít cũng vài chục ; tướng quân, đại phu mà chết, kẻ tuần táng nhiều thì vài chục, ít cũng vài người.

[Còn] phép cư tang phải ra sao ? Đáp : Lúc nào cũng phải gào khóc, tới khản tiếng, hân đồ sờ gai, nước mắt nước mũi ròng ròng, ở trong cái chòi cất tạm, nằm có, gối đất, lại nhìn đói, chịu lạnh tới nổi mặt mày phờ phạc, nước da đen sạm, tai mắt mờ, chân tay bủn rủn, không dùng được nữa. Lại hảo : Hạng thượng sĩ cư tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy suốt ba năm. Nếu theo đúng lời đó, thì hành đạo đó thì bọn vương công đại phu không thể sớm

(1) Thiên và hồ lạp chỉ biết là đồ dùng, không biết ra sao và dùng làm gì

vô triêu, chiếu mới về, xử án và trị nước được ; bọn sĩ đại phu tất không giữ nam chức vụ, coi sáu ti⁽¹⁾ mở mang đất đai⁽²⁾ làm cho kho lẫm đầy được ; bọn nông phu không thể sáng ra đồng, chiếu về nhà, cấy cấy, trồng trọt được, thợ trạm nghề không thể sửa xe thuyền, làm đồ dùng, bát đĩa được ; đàn bà không thể dậy sớm thức khuya đánh sợi dệt vải được.

Chủ trương chôn cất hậu hĩ tức là chôn nhiều của cải, tiền bạc ; chủ trương để tang lâu, tức là cấm người ta làm an trong một thời gian lâu. Của cải đã tạo nên bây giờ đem chôn đi, con cháu có thể tạo ra của cải được thì lại cấm chúng làm an trong một thời gian lâu ; như vậy mà mong được giàu có thì không khác gì cấm cấy cây mà mong được thu hoạch ; làm sao có thể làm giàu theo chủ trương đó được.

*

* *

Vậy là muốn cho nhà giàu có lên đã không được ; muốn cho nhân dân đông lên có được chăng ? Cũng không được nữa.

Theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu thì vua chết, để tang ba năm, cha mẹ chết, để tang ba năm ; vọ

(1) Nam chức quan là tư đồ, tư mã, tư không, tư sĩ, tư khấu : Sáu ti là : các ti coi về đất, nước, cây, cỏ, đồ dùng, hóa phẩm.

(2) Nguyên văn : tịch thảo mộc.

và con trưởng, cũng để tang ba năm ; rồi tới chú bác, anh em, các con thứ, để tang một năm ; họ hàng gần để tang năm tháng ; cô cậu chị, cháu gọi bằng cậu, để tang vài tháng ; như vậy là đặt ra cái phép hỷ hoai thân thể. Khiến cho mặt mày phờ phạc, nước da đen sạm, tai mắt mờ, chân tay bủn rủn, không dùng được nữa. Lại bảo : Hạng thượng sĩ cư tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy trong ba năm. Nếu theo đúng lời đó, thì hành đạo đó một cách nghiêm cẩn thì sẽ đói, mệt mỏi như vậy, mà rồi tram họ mùa đông không chịu nổi lạnh, mùa hè không chịu nổi nóng, sinh bệnh và chết không biết bao nhiêu mà kể. [Trong thời cư tang], lại cấm vợ chồng an nằm với nhau ; như vậy mà muốn cho số dân đông lên thì không khác gì dùng guom tự tử mà mong được thọ ; dân làm sao có thể đông lên được.

Vậy là muốn cho dân đông lên đã không được ; muốn cho việc hình chính yên trị có được chăng ? Cũng không được nữa.

Theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu, thì quốc gia tất nghèo, nhân dân tất ít, việc hình chính tất loạn. Nếu theo đúng lời đó, thì hành đạo đó thì sẽ khiến cho người trên không trị nước được, người dưới không làm việc được. Người trên không trị nước thì hình chính tất loạn ; người dưới không làm việc thì không có đủ tiền của để ăn mặc. Ăn mặc không đủ, xin anh giúp đỡ mà không được, thì dựa em ngỗ nghịch sẽ oán anh ; xin cha

mẹ giúp đỡ mà không được, thì đứa con bất hiếu sẽ oán cha mẹ ; xin vua giúp đỡ mà không được, thì kẻ bề tôi bất trung tất sẽ làm loạn. Thế là hạng dân phóng đảng bậy bạ, ra không có áo mặc, vô không có cơm ăn, trong lòng chứa chất xấu hổ, căm hờn, sẽ làm những điều càn giỗ, bạo loạn không sao cấm được. Do đó, đạo tặc hóa nhiều mà dân lành ít. Đạo tặc nhiều, dân lành ít mà mong cho nước trị thì không khác gì bảo người ta quay ba vòng mà không quay lưng lại (?)⁽¹⁾.

*

* *

Vậy là muốn cho việc hình chính yên trị đã không được ; muốn ngăn cấm nước lớn đánh nước nhỏ có được chăng ? Cũng không được nữa.

Khi thánh vương thời xưa mất rồi, thiên hạ không biết thế nào là nghĩa, chư hầu dùng sức mạnh để tranh đoạt nhau. Phía Nam có vua các nước Sở, Việt, phía Bắc có vua các nước Tề, Tấn, họ đều rèn luyện sĩ tốt để công phạt, thôn tính rồi cai trị thiên hạ. Sở dĩ nước lớn không đánh chiếm nước nhỏ là vì nước nhỏ tích lũy [lương thực, binh khí] nhiều hay ít, sửa sang thành quách, trên dưới hòa hợp nhau, nước lớn [thấy vậy] mới không đánh. Nếu không tích lũy, không sửa sang thành quách, trên dưới không hòa hợp nhau thì nước lớn làm le muốn đánh. Nay theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu thì nước

(1) Nguyên văn : sử nhân tam quỳnh nhi vô phụ kỉ dã.

nghèo, dân tất ít, hình chính tất loạn ; nghèo thì không tích lũy được, dân ít thì ít người sửa sang thành quách, hào, kênh, mà nước loạn thì tiến ra tấn công không thắng được, trở về thế thủ cũng không vững.

Vậy là muốn ngan cấm nước lớn đánh nước nhỏ đã không được ; muốn cầu xin Thượng đế, quí thần ban phúc cho, có được chăng ? Cũng không được nữa.

Theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu thì nước tất nghèo, dân tất ít, hình chính tất loạn. Đã nghèo thì xôi, rượu [để cúng] tất không thanh khiết ; dân đã ít thì số người thờ Thượng đế, quí thần cũng ít ; nước loạn thì việc tế tự không đều đều đúng ngày. Nay lại cấm thờ Thượng Đế, quí thần ; trị nước mà như vậy thì Thượng đế, quí thần ở trên tất tự nhủ : "Ta có con người đó với không có con người đó, dẫu nào hơn ?" Đáp : "Ta có con người đó với không có con người đó, [dẫu nào hơn] là điều không phải lựa nữa rồi". Như vậy, nếu Thượng đế, quí thần có giáng tai họa để trừng phạt mà hổ hê thì chẳng là đáng ư ?

Cho nên thánh vương đời xưa đặt ra phép mai táng, bảo : "Quan đây ba tấc đủ để thân thể nát ra ; áo liệm ba bộ đủ để che xác. Chôn thì dưới không tới mạch nước, trên không cho hơi thối xông lên, đắp nấm mộ rộng khoảng ba thước ⁽¹⁾, thể thôi. Người chết chôn rồi, người sống

(1) Nguyên văn : lũng nhược tham canh chi mẩu. Đường Kính Cao, chú thích là : mộ địa chỉ quảng ước tam xích dã.

sẽ không để tang lâu mà gấp lo làm an, đem khả năng của mình để làm lợi lẫn cho nhau. Đó là phép của thánh vương.

*

* *

Hạng người chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu, bảo : "Ma chay hậu hĩ, để tang lâu, tuy có thể làm cho nước giàu hóa nghèo, dân đông hóa ít, yên hóa nguy, trị hóa loạn, nhưng đó là đạo của thánh vương. Thấy Mặc tử bảo : "Không phải ! Xưa vua Nghiêu dạy dỗ tám rợ Địch ở phía Bắc, khi mất, chôn ở phía bắc núi Cung Sơn, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó [thứ cây vỏ dùng làm giấy, gỗ xấu] ; cột bằng dây cát [dây sắn] ; ⁽¹⁾ quan tài hạ huyết rồi mới khóc, lấp đất đầy huyết thì thôi chứ không đắp năm ; chôn rồi thì bò và ngựa dẫm lên [cho dễ đất] ; vua Thuấn dạy dỗ bảy rợ Nhung ở phương Tây, khi mất, chôn ở chợ Nam Kỉ, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó, cột bằng dây cát, chôn rồi thì người ở chợ dẫm lên ; vua Vũ dạy dỗ chín rợ Di ở phía Đông, khi mất, chôn ở núi Cối Kê, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ vông dày ba tấc, cột bằng dây cát, tuy thối nhưng không khít, tuy đào hăm nhưng không sâu, đoán phỏng sao cho dưới dùng tới mạch nước, trên dùng để

(1) Thời đó không dùng mộ, đành mà cột bằng dây da ; dây dùng dây cát để tiết kiệm.

hơi thổi xông lên thì thôi. Chôn rồi, gom đất dư để đắp lên, nắm mộ rộng khoảng ba thước thì thôi. Xét ba vị thánh vương đó thì ma chay hậu hĩ, để tang lâu quả thực không phải là đạo của thánh vương. Nhờ vậy mà ba ông vua đó đều sang tới làm thiên tử, giàu tới làm chủ cả thiên hạ, đâu có phải là do không đủ của cải, đồ vật [để chôn cất hậu hĩ], mà chỉ do rằng phép chôn cất nên như vậy.

Các vương công đại nhân ngày nay chôn cất không như vậy. Tất phải có quan tài lớn ở ngoài, quan tài trung bình ở trong, da vẽ mẫu quần ba vòng (?), ⁽¹⁾ đủ bích ngọc : mắc, kiếm, vạc, trống, hồ lạp, gấm thêu, lụa trắng, dây lớn buộc ở cổ ngựa, vạt bộ áo (?), xe ngựa, nữ nhạc, đủ hết. Lại phải đắp đường tới huyệt, đắp nắm cao ngang gò núi, như vậy làm ngưng trệ công việc, tổn hao tiền của dân không biết bao nhiêu mà kể, vô ích như vậy đấy.

Cho nên thầy Mặc tử bảo : "Cứ theo lời đó, dùng chính sách đó, ma chay hậu hĩ để tang lâu mà quả thực làm cho nước nghèo hóa giàu, dân ít hóa đông, nguy hóa yên, loạn hóa trị thì là việc nhân, việc nghĩa, là bốn phận của người con có hiếu, mà những người mưu tính [lợi] cho thiên hạ, không thể không khuyến khích được ; còn như theo lời đó, dùng chính sách đó, ma chay hậu hĩ, để tang lâu quả thực không làm cho nước nghèo hóa giàu, dân ít hóa đông, nguy hóa yên, loạn hóa trị ; thì là việc phi nhân, phi nghĩa, trái với bốn phận của người con có hiếu, mà những người

(1) Nguyên văn 草闕三操, Đường Kinh Cảo chú thích là

草闕三便

mưu tính [lợi] cho thiên hạ, không thể không ngăn cấm được.

Vậy mong cho nước nhà giàu có mà hóa ra nghèo tẻ, muốn cho dân đông mà hóa ra dân rất ít ; muốn cho hình chính được yên mà hóa ra rất loạn ; mong ngăn cấm nước lớn đánh nước nhỏ mà không được ; muốn cầu xin thượng đế, quỷ thần ban phúc cho mà hóa ra bị họa. Trên thì khảo sát đạo Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thấy ngược hẳn với đạo các vị đó ; dưới thì khảo sát việc làm của Kiệt, Trụ, U Lê, thấy rất hợp với việc làm của họ. Xét vậy thì ma chay hậu hĩ, để tang lâu quả không phải là đạo của thánh vương.

*

* *

Hạng người chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu, bảo : "Nếu ma chay hậu hĩ, để tang lâu không phải là đạo của thánh vương thì tại sao các bậc quân tử ở Trung Quốc, trở các nước đã van minh sớm nhất thời đó như Chu, Lỗ, Tề, Tống..., các nước chung quanh còn lạc hậu, lại theo hoài mà không bỏ ?" Thấy Mặc tử đáp : "Đó là thuận thói quen lâu rồi cho là một tục nên giữ".

Xưa, phía Đông nước Việt, có nước... ⁽¹⁾ Mặc ; người nước đó sanh con đầu lòng thì làm thịt mà ăn, bảo như

(1) Đây là chữ 越 mà chúng tôi tra cả ba bộ Khang Hi, Từ Hải, Từ Nguyên đều không có. Theo sách Liệt tử, thiên Thang văn, thì là Chiếp

vậy lợi cho những đứa sau ; ông chết thì công bà đem bỏ [trong rừng] ; bảo : "Vợ của quý không thể sống với người trong nhà được". Hành động đó, người trên coi là phép tắc, người dưới coi là tục [lệ] nên theo hoài mà không bỏ. Phía Nam nước Sở có nước người Đạm, cha mẹ chết thì lóc thịt liêng đi, còn xương đem chôn, như vậy mới là con có hiếu. Phía Tây nước Tấn có nước Nghi Cù cha mẹ chết thì chất củi lên mà thiêu, khói bay lên bảo là cha mẹ "lên tiên", như vậy mới là con có hiếu. Những hành động đó người trên coi là phép tắc, người dưới coi là tục lệ, nên theo hoài mà không bỏ, chứ đâu có thực là đạo nhân nghĩa ? Như vậy, là thuận thói quen, lâu rồi cho là một tục nên giữ. Xét tục chôn cất của ba nước đó thì là bạc, mà xét tục chôn cất của các quân tử ở Trung Quốc thì là hậu. Đây là rất hậu thì kia là rất bạc, như vậy là việc chôn cất tất có cái mức vừa phải, [không hậu không bạc]. Việc an mạng là việc ích lợi cho người sống, mà còn có tiết độ ; sao duy việc chôn cất là việc ích lợi cho người chết lại không có tiết độ ?

Thầy Mặc tử đặt ra phép chôn cất, bảo : "Quan tài dầy ba tấc đủ để xương nát ra, áo liệm ba bộ đủ để thịt nát ra ; đào huyệt đủ sâu sao cho dưới không nứt lộ ra, trên không xông hơi thối lên được ; đắp năm sao cho đủ nhân ra được mồ, thế thôi. Khóc khi đưa ma về, và rồi tính sự an mac thường ngày trong nhà, còn dư nhiều hay ít mà

lo việc tế tự sao cho tiện lợi, như vậy là rất có hiếu với cha mẹ". Cho nên tôi bảo phép của thầy Mặc tử lợi cho cả người chết lẫn người sống, là thế.

Cho nên thầy Mặc tử bảo : "Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn làm điều nhân nghĩa, muốn được là bậc "thượng sĩ" ⁽¹⁾ muốn trên hợp với đạo của thánh vương, dưới hợp với cái lợi của quốc gia, tram họ, thì nên theo chính sách tiết giảm việc ma chay mà không thể không xét điều đó".

PHI NHẠC (thượng)

(Chê nhạc)

Thầy Mặc tử bảo : Người nhân làm việc gì tất là mong đầy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ, mà lấy điều dưới đây làm phép tắc cho thiên hạ : cái gì lợi cho người thì làm, không lợi thì ngưng. Họ mưu tính cho thiên hạ không phải để cho thiên hạ đẹp mắt, vui tai, ngon miệng, yên [êm ái] thân thể ; những cái đó tổn kém, cướp mất cái an cái mạng của dân, nên họ không làm.

Thầy Mặc tử sợ dĩ chê nhạc không phải là vì cho những tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sát, tiếng sáo dọc sáo ngang là không vui ; không phải là vì cho những đồ chạm khắc van vẻ, màu mè là không đẹp ;

(1) Cũng như ta nói bậc sĩ chân chính, bậc thượng trí. Nguyên văn là sơ hoạn : sơ là các loài ăn cỏ như bò, cừu ; hoạn là các loài ăn lúa như heo, chó.

không phải là cho các món thịt bò, thịt cừu, thịt heo sào nướng là không ngon ; không phải là cho các đài cao tạ (1) lớn, nhà sâu là không yên. Tuy thân thể biết là yên đấy, miệng biết là ngon đấy, mắt biết là đẹp đấy, tai biết là vui đấy ; nhưng trên, đem ra khảo sát thì không hợp với việc làm của thánh vương ; dưới đem ra suy tính thì không hợp với cái lợi của dân, vì vậy mà thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

Nay các bậc vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước, đâu phải cứ việc vốc nước, moi đất lên, [ý nói không tốn kém gì cả] mà làm nên được ; tất phải nhờ sự đóng góp nhiều của vạn dân rồi mới có tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang. Như vậy thánh vương đóng thuyền và xe thì tôi không dám chê. Xưa kia, các bậc thánh vương cũng đã từng bắt dân đóng góp nhiều để đóng thuyền và xe ; đóng xong rồi bảo : "Ta đem dùng nó làm gì đây ?" Đáp : "Thuyền dùng trên nước, xe dùng trên bộ, để cho người quân tử [tức nhà cầm quyền] đỡ mỗi chân, kẻ tiểu nhân [tức dân thường] đỡ phải khiêng, vác". Vì vậy mà dân chúng hỏ của cải ra để đóng thuyền và xe, không dám buồn tiếc. Tại sao vậy ? Tại thuyền và xe có lợi lớn cho dân. Nếu nhạc khí cũng có lợi cho dân như vậy thì tôi không dám chê mà còn dùng nữa.

Dân có ba điều lo : đói không có gì ăn, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ, ba cái đó là những điều lo

(1) Nhà nhỏ không có tường, cất ở bờ nước hay giữa vườn.

lớn của dân. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gảy cây đàn cầm, đàn sắt, thổi ống sáo dọc sáo ngang, cầm cái rìu cái mộc mà múa xem, như vậy có sinh ra được cái an, cái lạc cho dân không. Tôi cho là không được.

Hãy bỏ việc đó đi, không bàn mà xét việc này : Nay có một nước lớn đánh nước nhỏ, một nhà lớn đánh nhà nhỏ, kẻ mạnh cướp người yếu, số đông hiếp đáp số ít, kẻ xảo trá lừa gạt người ngu, kẻ sang ngạo mạn người hèn, giặc giã, trộm cướp trong ngoài đều dậy lên, không ngăn cấm được. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gảy cây đàn cầm đàn sắt, thổi ống sáo dọc sáo ngang, cầm cái rìu, cái mộc mà múa xem như vậy có làm cho thiên hạ dương loạn hóa trị được không ? Tôi cho là không được.

Cho nên thấy Mạc tử bảo : Bất dân chúng đóng góp nhiều để tạo ra những tiếng chuông lớn, tiếng trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà mong đấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì thật là vô ích. Vì vậy thấy Mạc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

*

* *

Các vương công đại nhân ngồi trên đài cao, tựa lớn mà nhìn cái chuông [cái treo đó mà không đánh] thì cũng chẳng khác gì nhìn cái khuôn bằng đất để đúc vạc, không

gỗ, đánh lên thì làm sao mà vui được ? Cho nên phải gõ, đánh, mà gõ, đánh thì tất không thể sai người già và con nít⁽¹⁾ được vì người già và con nít, tai mắt không sáng, chân tay không mạnh, thanh âm không hòa điệu, mặt mày không lạnh lợi. Cho nên tất phải sai bọn tráng niên, vì tai mắt họ sáng, chân tay họ mạnh, thanh âm họ hòa điệu mặt mày họ lạnh lợi. Nếu sai đàn ông làm việc ấy thì họ phải bỏ việc cày cấy trồng trọt ; sai đàn bà thì họ phải bỏ việc đánh sợi, dệt vải. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái an cái lạc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm. Cho nên thấy Mạc tử bảo : âm nhạc là đáng chê.

Đã có đủ tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà vương công đại nhân vô võ nghe một mình thì còn thú gì nữa ? Tất phải có hoặc kẻ tiện nhân hoặc người quân tử cùng nghe với mình. Nếu hát người quân tử [người trị dân] cùng nghe thì người đó phải bỏ công việc xử án, trị nước ; nếu bắt kẻ tiện nhân [thường dân] nghe thì kẻ đó phải bỏ công việc làm an. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái an cái lạc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm. Cho nên thấy Mạc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

Xưa vua Tể Khang công đặt ra điệu "nhạc vũ" [một điệu vũ theo tiếng nhạc], người múa không thể mặc áo

(1) Nguyên văn là tri = chậm. Đường Kinh Cáo bảo chữ tri đó và chữ nít là con nít xưa dùng thay nhau.

vải cut [khi làm lung] để mùa, không thể an cơm hầm được, vì không an đồ ngon thì mặt mày dung nhan coi sao được, không mặc áo đẹp thì thân thể cử động [mùa may] coi sao được. Cho nên an phải có gạo ngon, có thịt béo, mặc phải có đồ thêu đẹp dễ ; thế là không sản xuất cái an cái mặc mà còn bắt người ta nuôi. Cho nên thấy Mặc tử bảo : Các vương công đại nhân làm tổn hại, cướp mất cái an cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm. Cho nên thấy Mặc tử bảo : âm nhạc là đáng chê.

*

* *

Loài người vốn khác các loài cầm thú, hươu nai, chim hay, bò. Những loài đó có lông vũ [lông loài cầm], lông mao [lông loài thú] để che thân như áo mỏng, áo dày ; có móng có vuốt để che chân như giấy ống, dép ; chúng uống nước, an cỏ ; cho nên con đực không phải cày cấy, trồng trọt, con cái không phải kéo sợi dệt vải, vì có sẵn cái an cái mặc rồi. Loài người khác vậy : phải trông vào sức lao động mới sống được, nếu không thì chết. Người quân tử không găng lo việc xử án, trị nước, thì hình chính sẽ loạn, thường nhân không găng làm an thì không đủ tiêu xài.

Các bậc sĩ quân tử trong thiên hạ cho lời tôi là sai chăng ? Nếu vậy thì thử xem vài phận sự trong thiên hạ xét xem ảnh hưởng tai hại của nhạc ra sao. Các vương công đại nhân, sáng vô triều, chiếu mới về, xử án và trị

nước là phận sự của họ. Các sĩ quân tử tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm của nhà nước ở ngoài thì thu cái lợi [tức thuế] ở cửa quan, ở chợ, cái lợi của rừng núi, chàm, cấy, để cho kho lẫm được đầy, đó là phận sự của họ. Nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về nhà, cấy cấy, trồng trọt để thu được nhiều dâu, lúa, đó là phận sự của họ. Đàn bà thức khuya dậy sớm để đánh sợi kéo tơ dệt vải và lụa, đó là phận sự của họ. Nếu các vương công đại nhân ham nghe nhạc thì tất không thể sáng vô triều, chiều mới về, xử án và trị nước, như vậy nước nhà sẽ loạn, xã tắc sẽ nguy. Các quân tử ham nghe nhạc tất không thể tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì điều khiển các nha, trông coi các kho, ở ngoài thì thu cái lợi ở cửa quan, ở chợ, cái lợi của rừng núi, chàm, cấy, để cho kho lẫm được đầy : như vậy, thì kho lẫm không đầy. Nông dân ham nghe nhạc, tất không thể sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về nhà, cấy cấy trồng trọt để thu được nhiều dâu lúa : như vậy thì dâu lúa sẽ không đủ. Đàn bà ham nghe nhạc thì không thể thức khuya dậy sớm để đánh sợi, kéo tơ, dệt vải và lụa : như thế thì việc dệt vải, lụa, sẽ không thịnh.

Hỏi : Cái gì làm cho đại nhân bỏ bê việc xử án, trị nước, làm cho dân thường bỏ bê công việc ? Đáp : Âm nhạc. Cho nên thấy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

*

* *

Làm sao biết được vậy ? Đáp : Sách của tiên vương, thiên *Quan hình* của vua Shang chép : "Kể nào thường hay múa ở cung thì là có thói đồng bóng. Hình phạt như sau : quân tử phải nộp hai bó (?) tơ ; thường dân nộp gấp hai số lụa (?)⁽¹⁾" Lại chép : "Ô hô ! Điệu múa đẹp dễ, tiếng sáo rõ ràng nhưng Thượng đế không giúp, thì chín châu⁽²⁾ sẽ mất, Thượng đế không ưa, giáng trảm tai ương thì nhà cửa sẽ tan hoang". Xét vậy thì chín châu sẽ đi mất, chỉ do thích luyện âm nhạc. Thiên *Vũ Quan*⁽³⁾ chép : "[Trước không có] nay người tạo ra cái thói dâm dật vui chơi, ăn uống ở ngoài đồng⁽⁴⁾ ; du dương véo von, tiếng sáo tiếng khánh cùng trời, đắm mê vì rượu, ăn uống thô tục ở ngoài đồng, múa may phóng túng, trời hay được cho là không phải phép". Cho nên trên thì trời và quỷ thần chê máng, dưới thì không có lợi cho dân.

Cho nên thấy Mặc tử bảo : "Các sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không cấm chỉ âm nhạc được".

(1) Nguyên văn : 君子出絲二律,小人倍以二倍

Đương Kinh Cáo bảo chữ 衛 (vê) đó là (vĩ) mà không giảng vĩ và Kinh ở đây là gì.

(2) Trung Hoa thời đó chia làm chín châu. Chín châu tức cả nước Trung Hoa, cả thiên hạ.

(3) Cũng có tên là *Ngũ Quan*.

(4) Chác như picnic ngày nay.

CANH TRỤ

1- Thấy Mạc tử rầy Canh Trụ tử [vì làm không vừa ý một việc] Canh Trụ tử đáp : "Con không hơn người khác sao ?" Thấy Mạc tử bảo : "Ta muốn lên núi Thái Hàng, có một xe thắng ngựa ki [loài ngựa giỏi] với một xe thắng cừu, thì anh đánh xe nào ?" Canh Trụ tử đáp : "Đánh xe thắng con ngựa ki". - "Tại sao vậy ?" - "Tại con ngựa ki mới đủ sức leo núi". Thấy Mạc tử bảo : "Ta cũng cho anh là đủ sức làm việc đó".

2- Vu Mã tử hỏi thấy Mạc tử : "Quỉ thần với thánh nhân, ai sáng suốt hơn ? Thấy Mạc tử đáp : "Quỉ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai sáng mắt so với người điếc, người dui."

Xưa vua nhà Hạ là ông Khải⁽¹⁾ sai Phi Liêm đào quặng đồng trong núi để đúc vạc ở Côn Ngô⁽²⁾, và bảo ông Bá Ích nung mai rùa Bạch Khổ để bói⁽³⁾. Khi bói, ông Bá Ích khẩn : "[Xin phù hộ cho] vạc đúc xong, vuông vức có bốn chân, không đốt lửa mà nấu chín được thức ăn, không nâng lên mà nó tự cất đi được, không dời đi mà nó tự di chuyển được, để cúng tế ở Gò Côn Ngô. Xin quỉ thần về mà hưởng ! Bói rồi lại cho biết ý nghĩ của quỉ : "Quỉ thần hưởng đấy ! Ủn ùn mây trắng, một ở phương Đông, một ở phương Tây, một ở phương Nam, một ở

(1) Khải là con vua Vũ, nhà Hạ, nối ngôi của cha.

(2) Côn Ngô là tên một nước thời đó, nay ở Hà Bắc.

(3) Thời đó nung mai rùa rồi tùy theo các vết nứt mà đoán quẻ.

phương Bắc. Chín vạc đã xong, dời về ba nước ⁽¹⁾. Nhà Hạ để mất chúng, nhà Ân nhận lấy ; rồi nhà Ân lại để mất, nhà Chu nhận lấy. Ba nhà Hạ, Ân, Chu truyền lại cho nhau, được mấy trăm năm. Dù các thánh nhân có tu hợp các hể tôi giỏi, các tướng quốc tài trí cũng không sao biết được việc mấy trăm năm sau, thế mà quỷ thần biết đấy. Cho nên bảo : "Quỷ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai sáng mắt so với người điếc, người dui".

3- Trị Đồ Ngụ và Huyền Tử Thạc hỏi thấy Mặc tử : "Làm việc nghĩa thì việc gì là quan trọng ?" Thấy Mặc tử đáp : "Cũng vi như đáp tường vậy. Người nào biết đáp thì đáp, người nào biết khuôn đất thì khuôn, người nào biết trông nom, tính toán thì trông nom, tính toán, như vậy tường sẽ đáp xong. Làm việc nghĩa cũng thế : ai đàm biện được thì đàm biện, ai giảng sách được thì giảng sách, ai thực hành được thì thực hành, như vậy việc nghĩa sẽ làm xong".

4- Vu Mã tử bảo thấy Mặc tử : "Thấy gồm yêu thiên hạ mà chưa thấy có lợi gì cho thiên hạ, tôi không yêu thiên hạ mà chưa thấy có hại gì cho thiên hạ. Chưa thấy kết quả, sao thấy đã tự cho mình là phải mà chê tôi ?"

Thấy Mặc tử đáp : "Nay có người nổi lửa lên, một người xách nước lại tưới cho tắt, một người thêm lửa vào, kết quả chưa thấy, nhưng ông quý người nào ?" Đáp : "Tôi

(1) Tức Hạ, Ân, Chu.

quí cái ý muốn của người xách nước tưới, và chê cái ý muốn của người thêm lúa vào". Thấy Mạc tử bảo : "Tôi cũng cho ý muốn của tôi là phải mà chê ý muốn của ông".

5- Thấy Mạc tử lại nước Kinh [tức Sở]. Lúc ấy Canh Tru tử đương [làm quan] ở Sở. Vài môn sinh của thầy Mạc tử lại nhà Canh Tru tử, Canh Tru tử cấp cho ba thang lúa, tiếp đãi không lấy gì làm hậu. Những môn sinh ấy về, thưa với thầy Mạc tử : "Anh Canh Tru tử ở Sở thật là vô ích. Mấy đũa con lại nhà anh ấy, anh cấp cho ba thang lúa, tiếp đãi không lấy gì làm hậu". Thấy Mạc tử bảo : "Chưa biết được [hãy đợi xem]".

Không bao lâu Canh Tru tử đem tang thấy Mạc tử mười dật vàng⁽¹⁾ thưa : "Con không dám mang tội chết : xin dâng thầy mười dật vàng để thầy tiêu." Thấy Mạc tử bảo : "Ta nói có sai đâu, hãy đợi xem mà".

6- Vu Mã tử nói với thầy Mạc tử : "Thầy làm việc nghĩa, tôi chưa thấy, ai phúc thấy, cũng chưa thấy qui thần ban phúc cho thấy, mà thầy vẫn cứ làm như vậy là thấy mắc tật khùng rồi. Thấy Mạc tử bảo : "Ví dụ ông có hai người bề tôi [người giúp việc], một người trước mặt ông thì làm việc, vắng mặt ông thì không làm, còn người kia dù có mặt ông hay vắng mặt ông cũng làm, thì ông qui người nào ?"

(1) Mạc tử bắt các môn sinh, ai ra làm quan thì phải lấy một phần bổng lộc để giúp đảng, tức giúp thầy và các bạn. Mấy môn sinh kia mới thấy Canh Tru tử tiếp đãi không hậu, đã vội cho là Canh Tru tử vô ích cho đảng. Một dật là 20 lạng vàng.

Vu Mã tử đáp : "Tôi quý người dù có mặt tôi hay vắng tôi, cũng làm việc".

Thấy Mặc tử bảo : "Vậy là ông cũng quý người mắc tật khùng rồi".

7- Học trò của Tử Hạ hỏi thấy Mặc tử : "Người quân tử có tranh nhau không ? Thấy Mặc tử đáp : "Không". Học trò Tử Hạ bảo : "Chó heo kia còn tranh nhau, sao kẻ sĩ lại không tranh nhau ?"

Thấy Mặc tử bảo : "Đáng thương thay ! Hễ nói thì học đòi vua Thang, vua Văn, mà hành động thì lại ví mình với heo, với chó. Đáng thương thay !"

8- Vu Mã tử bảo thấy Mặc tử : "Bỏ người ngày nay mà khen các thánh vương đời xưa, tức là khen cái bộ xương khô, không khác gì người thợ mộc chỉ thích dùng gỗ khô chứ không dùng gỗ tươi".

Thấy Mặc tử đáp : "Thiên hạ nhờ đạo giáo của các thánh vương đời xưa mà sống ; khen các vị đó tức là quý cái khiến cho thiên hạ sống. Đáng khen mà không khen, như vậy có phải là người nhân không ?"

9- Thấy Mặc tử nói : "Ngọc họ Hòa và hạt châu của Tùy hầu⁽¹⁾, với chín cái vạc, các vua chu hầu đều cho là bảo vật ; mà những thứ đó có thể làm cho nước giàu,

(1) Ngọc họ Hòa là một thứ ngọc quý do Biện Hòa tìm được ở Sở (coi thiên Hòa Thị - Hàn Phi tử) - Tùy hầu thấy một con rần lớn bị chém, rịt thuốc cho nó ; sau nó ở dưới sông, nhả một hạt châu ra để tạ ơn ông cứu sống. Vì vậy mà gọi là hạt châu Tùy hầu.

dân đông, việc hình chính được trị, xã tắc được yên không ? Không. Sở dĩ quý bảo vật là vì nó có lợi. Mà ngọc ho Hòa, hạt châu của Tùy hầu và chín cái vạc, không ích lợi gì cho ai, vậy chúng không phải là bảo vật. Nay dùng nghĩa mà trị dân thì nước sẽ giàu, dân sẽ đông, việc hình chính sẽ trị, xã tắc sẽ yên. Sở dĩ quý bảo vật là vì nó làm lợi cho dân được mà điều nghĩa làm lợi dân được, cho nên bảo : "Điều nghĩa là bảo vật trong thiên hạ".

10- Diệp công Tử Cao ⁽¹⁾ hỏi Trọng Ni [Khổng tử] về chính trị : "Như thế nào thì giỏi về chính trị ?" Trọng Ni đáp : "Giỏi về chính trị thì làm cho người ở xa lại gần [qui phục] mình, cái gì cũ thì sửa cho mới".

Thấy Mạc tử nghe được chuyện đó, bảo : "Diệp công Tử Cao chưa biết cách hỏi mà Trọng Ni cũng chưa biết cách đáp. Diệp công Tử Cao há không biết rằng giỏi về chính trị thì làm cho người ở xa lại gần mình và cái gì cũ thì sửa cho mới ư ? Ông ta hỏi là muốn biết phải làm sao để được như vậy. Còn Trọng Ni không chỉ cho ông ấy điều ông ấy không biết mà lại chỉ cho điều ông ấy biết rồi. Cho nên [tôi bảo] Diệp công Tử Cao chưa biết cách hỏi mà Trọng Ni chưa biết cách đáp".

11- Thấy Mạc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân ⁽²⁾ : "Nước lớn đánh nước nhỏ thì cũng như đứa trẻ giã làm ngựa chỉ

(1) Tử cao là một đại phu nước Sở, tên là Chu Lương ; Diệp là thái ấp của ông ta.

(2) Văn Quân là cháu Sở Bình vương, Lỗ Dương là thái ấp của ông ta.

một chân nó thôi. Nước lớn đánh nước nhỏ, thì nước bị tấn công phải cố thủ, nông phu không được cấy ruộng, đàn bà không được dệt vải, mà nước tấn công phải lo đánh chiếm, nông phu cũng không được cấy ruộng, đàn bà cũng không được dệt vải. Cho nên nước lớn đánh nước nhỏ cũng như đứa trẻ giả làm ngựa vậy".

12- (Bổ vì bài này y hết bài 5 thiên Quý nghĩa).

13- Thấy Mặc tử sai Quản Kiếm Ngao đưa Cao Thạch tử ⁽¹⁾ qua Vệ [và để cao Cao Thạch tử để vua Vệ dùng Cao Thạch tử]. Vua Vệ cho Cao làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, đều nói hết những điều mình muốn nói, nhưng không điều nào được thi hành cả. Cao bỏ đi, qua Tề, thưa với thầy Mặc tử :

- Vua Vệ vì thấy mà cho con làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Con ba lần vào chầu, nói hết điều con muốn nói nhưng không điều nào được thi hành cả, vì vậy mà con bỏ đi. Vua Vệ không cho con là cuống chứ ?

Thầy Mặc tử bảo :

- Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là cuống, có hại gì đâu ? Xưa ông Chu công Đán chê Quản Thúc ⁽²⁾ mà từ chức tam công, qua đất Thương Yêm ở phía Đông, ai cũng cho là cuống, nhưng đời sau khen đức của ông,

(1) Quản và Cao đều là môn sinh của Mặc tử.

(2) Quản Thúc là em Võ vương nhà Chu ; khi Thành vương, con Võ vương, lên ngôi, Quản Thúc tranh ngôi với cháu làm loạn nên Chu công nhiếp chính phải dẹp Quản Thúc.

nêu danh ông lên tới bây giờ vẫn còn trọng ông. Vả lại Dịch này nghe nói rằng làm điều ngỗ nghịch thì đừng tránh lời chê, tìm lời khen. Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là cuồng, có hại gì đâu ?

Cao Thạch tử thưa :

– Thạch con bỏ đi, đâu dám trái đạo ? Xưa thấy có dạy con : "Thiên hạ vô đạo thì kẻ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu" Nay vua Vệ vô đạo, mà con tham tước, lộc của ông ta thì là cướp thả an lúa gạo của người.

Thấy Mạc tử mừng gọi Tử Cầm tử lại bảo : "Nghe lời anh ấy nói không ? Bỏ nghĩa để hưởng lộc, ta vẫn thường nghe có hạng người ấy ; bỏ lộc mà theo nghĩa thì ta mới thấy có anh Cao Thạch tử.

14- Thấy Mạc tử nói : Hạng quân tử trên đời này nghèo mà người ta bảo mình giàu thì giận ; không có nghĩa mà người ta bảo mình có nghĩa thì mừng ; chẳng là ngược đạo lí sao ?

15- Công tử nói : "Người trước đã đặt phép tắc rồi, mình chỉ việc theo mà thôi". Thấy Mạc tử bảo : "Người trước nào mà ông bảo là đặt ra phép tắc mình chỉ việc theo mà thôi ? Ông chưa biết gì về người trước cả".

16- Một môn sinh phản bội thấy Mạc tử rồi trở lại xin học, thưa : "Con trở về sau các anh khác, như vậy đâu phải là tội ?" Thấy Mạc tử bảo : "Cũng như quân lính chiến bại, lạc đường, trở về sau, mà đòi được thưởng".

17- Công Mạnh tử bảo : "Người quân tử không sáng tác [đưa ra một thuyết mới], chỉ thuật lại [đạo người xưa] thôi".

Thấy Mặc tử đáp : "Không phải vậy. Người rất kém cỏi thì không thuật lại cái hay của đời xưa, mà không sáng tác được gì hay cho đời nay. Hạng khá hơn thì không thuật lại cái hay của đời xưa, mà tự mình có thuyết gì hay thì đưa ra, muốn rằng cái hay phải do mình tìm ra. Chỉ thuật lại mà không sáng tác thì cũng thiên lệch như không thuật lại cái hay của người xưa mà chỉ sáng tác thôi. Tôi cho rằng đời xưa có gì hay thì thuật lại, mà mình có cái gì hay thì cũng đưa ra, như vậy là muốn cho cái hay càng nhiều lên".

– 18 Vu Mã tử bảo thấy Mặc tử :

– Tôi khác thấy, tôi không gồm yêu mọi người được. Tôi yêu người Trâu hơn người nước Việt, yêu người nước Lỗ hơn người nước Trâu, ⁽¹⁾ yêu người làng tôi hơn người nước Lỗ, yêu người nhà tôi hơn người làng tôi, yêu cha mẹ tôi hơn người nhà tôi, yêu thân tôi hơn cha mẹ tôi. càng gần tôi thì tôi càng yêu. Ai đánh tôi thì tôi thấy đau, nếu đánh người khác thì tôi không thấy đau. Can có gì mà người làm cho tôi đau thì tôi không kháng cự, còn người không làm cho tôi đau, tôi lại kháng cự ? Cho nên tôi có thể giết người mà làm lợi cho tôi, chứ không giết tôi để làm lợi cho người.

Thấy Mặc tử bảo :

– Chủ trương của ông, ông giấu đi hay tuyên bố cho người ta biết ?

Vu Mã tử đáp :

(1) Có lẽ Vu Mã tử là người nước Lỗ.

– Sao lại giấu di ? Tôi tuyên bố cho người khác biết chứ !

Thấy Mạc tử bảo :

– Nếu vậy, có một người theo chủ trương của ông, thì sẽ có một người muốn giết ông để làm lợi cho họ ; có mười người theo ông thì sẽ có mười người muốn giết ông để làm lợi cho họ ; cả thiên hạ theo ông thì cả thiên hạ sẽ muốn giết ông để thỏa lòng ⁽¹⁾ họ. Có một người không theo chủ trương của ông thì sẽ có một người muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành [có hại] ; có mười người không theo ông thì sẽ có mười người muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành ; cả thiên hạ không theo ông thì cả thiên hạ sẽ muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành. Người theo ông muốn giết ông, người không theo ông cũng muốn giết ông, như vậy là thuyết của ông phát ra khỏi miệng, chỉ gây họa cho thân ông thôi. Lời của ông lợi ở chỗ nào ? Không có lợi mà cứ nói ra thì mỗi miệng thôi. ⁽²⁾

19- Thấy Mạc tử bảo Lỗ Dương Van Quân : "Một người có nhiều cừu, bò, loài ăn lúa và loài ăn cỏ, người bấp sán tay áo mố, cát, nấu nước cho, ăn không hết ; vậy mà thấy người khác có bánh sống (?) ⁽³⁾ thì trở mắt lên,

(1) Nguyên văn là hiên , có nghĩa là tốt, thích.

(2) Bài này Đường Kính Cảo cho là chép lầm hoặc thiếu một ít chữ.

(3) Nguyên văn :

lấy trộm, bảo : "Cho tôi ăn với, xem bánh có đủ ngọt, đủ béo không". Người đó có tật ăn trộm, phải vậy không ?" Lỗ Dương Van Quân đáp : "Phải".

Thấy Mặc tử lại bảo : "Ruộng bốn cõi của nước Sở có nhiều chỗ hoang vu không khai phá hết, đất bỏ hoang có mấy ngàn chỗ, không ai vô ; vậy mà thấy những ấp không có người ở của Tống, Trịnh, thì trống vắng, lấy trộm. Nước Sở có khác gì người trên kia không ?" Lỗ Dương Van Quân đáp : "Cũng có tật ăn trộm, không khác gì cả".

20- Thấy Mặc tử bảo : "Quý Tôn Thiệu và Mạnh Bá Thường cùng coi việc chính trị của nước Lỗ mà không tin nhau, mới cầu khẩn ở nền xã : "Xin cho chúng tôi hòa thuận nhau !" Như vậy không khác gì bịt mắt rồi cầu khẩn ở nền xã. "Xin cho chúng tôi nhìn thấy !" Há chẳng lầm ư ?

21- Thấy Mặc tử hỏi Lạc Hoạt Li :

– Tôi nghe nói anh hiếu dưỡng ?

Lạc Hoạt Li đáp :

– Phải. Tôi mà nghe nói trong làng có một dưỡng sĩ, thì tất tìm tới giết. Thấy Mặc tử bảo :

Thiên hạ không ai là không muốn để cao cái tốt, mà che lấp cái xấu. Anh nghe nói trong làng có một dưỡng sĩ thì tìm tới giết, như vậy không phải là hiếu dưỡng ⁽¹⁾, mà là ghét cái dưỡng.

(1) Lạc Ho. Li hiếu "hiếu dưỡng" là thích tỏ mình dưỡng cảm hơn người. Mặc tử hiếu là : thích sự dưỡng cảm của người cũng như của mình.

QUÍ NGHĨA

(Trọng nghĩa)

1- Thấy Mạc tử nói : "Mọi sự không gì quý hơn nghĩa. Nay thử hỏi một người : "Tôi cho ông mũ và giày mà chặt tay chân ông, ông chịu không ?" người đó tất không chịu. Tại sao ? Tại mũ, giày không quý bằng tay chân. Lại hỏi : "Tôi cho ông cả thiên hạ mà giết ông, ông chịu không ?" Người đó tất không chịu. Tại sao ? Tại thiên hạ không quý bằng thân thể mình. [Nhưng người ta] tranh nhau một lời mà giết nhau, thế là quý nghĩa hơn thân thể. Cho nên tôi bảo : "Mọi sự không gì quý hơn nghĩa (dây là tự ái).

2- Thấy Mạc tử từ Lỗ tới Tề, gặp một người quen cũ. Người này hỏi thấy Mạc tử : "Thiên hạ ngày nay không ai làm điều nghĩa, duy có bác là khổ thân làm điều nghĩa, chẳng bằng thôi đi !"

Thấy Mạc tử đáp : "Gia đình họ có mười người con, một người cấy ruộng, còn chín người ở không, thì người cấy ruộng đó không thể không làm gấp lên được. Tại sao ? Tại số người ăn thì đông mà số người cấy ruộng thì ít. Thiên hạ ngày nay không làm điều nghĩa thì bác nên khuyến khích chứ sao lại ngăn tôi ?"

3- Thấy Mạc tử xuống nước Sở ở phương Nam xin yết kiến vua Sở là Hiến Huệ vương.⁽¹⁾ Hiến Huệ vương lấy cơ giả yếu mà từ chối, sai Mục Hạ tiếp⁽²⁾

(1) Đường Kinh Cáo cho rằng Hiến Huệ vương tức là Huệ vương. Có nhà lại cho sau chữ *hiến* thiếu chữ *thu*, và câu đó có nghĩa là : yết kiến vua Sở, dâng thư lên Huệ vương (Kiến Sở hiến thư Huệ vương). Chúng tôi theo Đường Kinh Cáo (coi phần I ch.II).

Thầy Mặc tử thuyết Mục Hạ, Mục Hạ rất mừng, bảo thầy : "Lời của thầy thật hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, chắc sẽ bảo : "Đó là việc làm [chủ trương] của hạng người thấp hèn" mà không dùng lời của thầy chăng ?" (1)

Thầy Mặc tử đáp : "Chỉ nên xét việc nên làm hay không thôi. Ví như vị thuốc nọ. Nó chỉ là một gốc cỏ, mà thiên tử dùng nó để trị bệnh, chứ đâu có chê nó chỉ là một gốc cỏ mà không dùng ? Nông phu dùng lúa nếp thuê cho đại nhân [quan lớn], đại nhân dùng lúa nấu xôi, cất rượu để cúng tế thượng đế, quỷ thần. Thượng đế, quỷ thần đâu có chê là việc làm của kẻ thấp hèn mà không hưởng ? Cho nên tuy là kẻ thấp hèn, trên so với nông dân, dưới so với vị thuốc, lẽ nào không bằng một gốc cỏ ? Vả ngài đã được nghe truyện vua Thang chưa ?

Xưa vua Thang muốn đi thăm ông Y Doãn, sai người con của Bành Thị [một người họ Bành] đánh xe. Đánh xe tới nửa đường, người đó hỏi : "Nhà vua đi đâu ?" Vua Thang đáp : "Đi tham ông Y Doãn". Người con của Bành Thị bảo : "Y Doãn là một kẻ thấp hèn trong thiên hạ. nhà vua muốn gặp thì cứ sai gọi hán lại mà hỏi, như vậy là một ân huệ cho hán rồi". Vua Thang bảo : "Người làm

(5) Nguyên văn : Huệ vương đi lão tử. Có người hiểu là Huệ vương chê Mặc tử già mà không tiếp. Lúc đó Huệ vương trên 60 tuổi, Mặc tử cũng có thể trên 50 tuổi. Nhưng chúng tôi nghĩ nên hiểu là Huệ vương lấy cơ mình già mà từ chối.

(1) Có ý chê Mặc tử là tiện nhân.

sao biết được ! Nay có một vị thuốc, làm cho tai mắt sáng ra thì ta tất mừng rỡ, mà rán uống. Ông Y Doãn ở nước ta cũng như một vị lương y, một vị thuốc tốt, mà người không muốn ta gặp ông ấy tức là không muốn cho ta thành người tốt vậy". Rồi ông bảo người con Bành Thị xuống xe, không khiến đánh xe nữa.

Đừng cầu thả [phải lễ độ] rồi mới được người hiền vui lòng giúp mình.

4- Thấy Mặc tử nói : "Nói năng, hành động, hễ lợi cho Trời, quỷ thần và trăm họ thì làm ; hại cho Trời, quỷ thần, trăm họ thì đừng làm. Nói năng, hành động hễ hợp với ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thì làm ; hợp với ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thì đừng làm".

5- Thấy Mặc tử nói : "Lời nói mà thực hành được thì nên thường nói không thực hành được thì đừng thường nói, không thực hành được mà thường nói thì là mỗi miệng ⁽¹⁾ [vô ích]".

6- Thấy Mặc tử nói : "Phải trừ bỏ sáu sự thiên lệch đi ⁽²⁾. Khi làm thình suy nghĩ, khi nói thì phải ran mình, khi cử động thì phải để làm việc ; ba cái đó thay nhau mà dùng thì thành thánh nhân. Phải trừ bỏ mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét, mà dùng nhân nghĩa ; tay chân,

(1) Nguyễn văn là có thể hiểu là : coi là phép tắc - Nguyễn văn là , có thể hiểu là nói bậy.

(2) Tức sáu tình cảm : mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét (coi ở sau)

miếng mũi, tai dùng vào việc nghĩa thì tất thành thánh nhân".

7- Thấy Mặc tử bảo các môn sinh : "Làm điều nghĩa mà không thành thì dùng ché [đổ tại] đạo ; cũng như người thợ dẻo gỗ mà không thành thì không ché sợi dây mực.

8- Thấy Mặc tử nói : "Bậc quân tử [tức hạng trị dân] trên đời bảo mỗi một con chó, một con heo, không biết thì từ chối ; mà bảo làm tướng quốc, thì không làm được cũng nhận, như vậy chẳng ngược đạo ư ?

9- Thấy Mặc tử nói : "Một người mù bảo : "Đá kim cương ⁽¹⁾ trắng, mỡ hóng đen" thì dù người mắt sáng cũng không cãi được ; nhưng nếu để lẫn lộn vật đen và vật trắng mà bảo lựa thì người mù không biết lựa. Cho nên ta bảo : Người mù không biết đen trắng ; không phải là không biết cái đen, trắng mà là không biết lựa. Các bậc quân tử trong thiên hạ ngày nay gọi một việc nào đó là nhân, thì dù Vũ, Thang cũng không cãi được ; nhưng gồm chung việc nhân với bất nhân mà bảo lựa thì họ không biết lựa. Cho nên ta bảo : "Các bậc quân tử trong thiên hạ không biết điều nhân ; không phải là họ không biết cái tên, mà là không biết lựa [để làm]

10- Thấy Mặc tử nói : "Kẻ sĩ ngày nay dùng thân mình không thận trọng bằng một con buôn dùng một tấm vải.

(1) Cự ; Tử Hỷ và Tử Nguyên đều giảng là một thứ sắt cứng (cương thiết)

Con buôn dùng một tấm vải thì không dám nổi nó ⁽¹⁾, không dám cầu thả trao nó, tất phải lựa thứ tốt. Kẻ sĩ ngày nay dùng thân mình thì không vậy : hể lòng muốn làm là làm, lỗi nặng thì bị hình phạt, nhẹ thì bị tiếng xấu ; như vậy là kẻ sĩ dùng thân mình không thận trọng bằng con buôn dùng một tấm vải".

11- Thấy Mạc tử nói : "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa, mà có ai giúp họ sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại, tiếp tay thì giận, há chẳng ngược đạo ư ?".

12- Thấy Mạc tử nói : "Thánh vương đời xưa muốn truyền đạo cho đời sau, nên mới viết lên thanh tre, tấm lụa, khắc lên đồng lên đá, để lại cho con cháu, mong con cháu đời sau theo đó [mà hành động]. Nay biết đạo của tiên vương mà không làm tức là phớt bỏ phép tiên vương truyền lại".

13- Thấy Mạc tử đi xuống nước Vệ ở phương Nam, trong một ngán cửa thùng xe chở rất nhiều sách. Huyền Đường tử thấy vậy lấy làm lạ, hỏi : "Tôi nghe thấy dạy Công Thương Quá rằng "Chỉ cần xét được sự lí công hay ngay [phải hay trái], như vậy đủ rồi [không cần đọc sách]". Những sách ấy có gì đáng quý mà thấy chở nhiều như vậy ?

Thấy Mạc tử đáp : "Xưa ông Chu Công Đán ⁽²⁾ sáng đọc một trăm thiên sách, tối tiếp bảy chục kẻ sĩ, cho nên

(1) Thoi đó dùng vải (布) làm tiền.

giúp thiên tử, làm cho thiên hạ được sửa trị tới ngày nay. Địch tôi trên không có phận sự thờ vua, dưới không phải kho nhọc cấy ruộng, cho nên dẫu dám bỏ việc đọc sách. Địch tôi nghe nói các việc trong thiên hạ lí thì cùng qui về một mối mà lời thì không thể không có chỗ lẫn, mỗi người nghe một khác, do đó mới có nhiều sách. Lòng của anh Quá đã khảo sát được tới chỗ tinh vi, đã biết được cái cốt yếu của các việc cùng qui về một mối, vì vậy mà tôi không dùng sách dạy anh ấy, có gì đâu mà ông lấy làm lạ".

14- Thấy Mặc-tử bảo [một đại phu nước Vệ là] Công Luong Hoàn tử: "Vệ là nước nhỏ, nằm giữa hai nước Tề, Tần, không khác gì nhà nghèo ở giữa hai nhà giàu. Nhà nghèo mà đua đòi cách ăn mặc của nhà giàu, tiêu dùng nhiều thì càng mau suy sụp. Tôi xem trong nhà ông, xe trang sức đẹp để có mấy trăm cỗ, ngựa cưới có mấy trăm con phải nuôi hàng thóc, đậu, đàn bà hân áo thêu có mấy trăm người. Dùng số tiền để trang sức xe, nuôi ngựa và may áo thêu đó mà nuôi binh sĩ tất được hơn ngàn người. Như vậy, khi gặp hoạn nạn, sai mấy trăm binh sĩ che đỡ ở trước, mấy trăm binh sĩ che đỡ ở sau, với dùng mấy trăm đàn bà thay vào thì dẫu nào yên ? Tôi cho rằng nuôi binh sĩ yên hơn".

15- Một môn sinh của thầy Mặc tử [được vời] làm quan ở nước Vệ, mới tới Vệ không bao lâu đã về. Thấy

(5) Em Vô vương nhà Chu, giúp Vô vương, có công lớn trong việc đánh vua Trụ, củng cố nhà Chu.

Mạc tử hỏi tại sao vậy, người đó thưa : "Người ta hỏi ý con mà không xét kĩ lời con" người ta bảo con : "Ban cho người một ngàn bốn ⁽¹⁾ lúa", mà rồi chỉ phát cho có nam trăm bốn, vì vậy mà con bỏ về".

Thấy Mạc tử hỏi : "Nếu họ phát cho anh một ngàn bốn thì anh có bỏ về không ?" - Đáp : "Không". Thấy Mạc tử bảo : "Như vậy đâu phải là vì người ta không xét kĩ lời anh, tại người ta phát ít lúa đấy".

16- Thấy Mạc tử nói : "Bọn quân tử trên đời này coi kẻ sĩ trọng nghĩa không bằng người đội lúa. Nay có một người đội lúa ngồi nghỉ bên lề đường, muốn đứng dậy mà không nổi, người quân tử thấy thì chẳng kể người đội lúa đó già hay trẻ, sang hay hèn, cũng đỡ cho đứng dậy. Tại sao vậy ? Tại đó là việc nghĩa. Nay có kẻ sĩ trọng nghĩa, vâng theo đạo của tiên vương mà bảo cho thì bọn quân tử trên đời này đã chẳng vui vẻ thi hành lại còn hủy báng, chê bai ; như vậy là họ coi kẻ sĩ trọng nghĩa không bằng người đội lúa".

17- Con buôn đi các chợ ở bốn phương, bán lời gấp bốn gấp năm, [cho nên] tuy bị những khó khăn khi qua cửa ải, qua cầu, bị cái nguy gặp giặc, cướp, mà họ vẫn làm. Kẻ sĩ ngồi một chỗ mà giảng điều nghĩa, không bị những khó khăn khi qua cửa ải, qua cầu, bị cái nguy gặp giặc, cướp, lại lợi biết gấp mấy lần mà kẻ ; vậy mà không làm thì quả là kẻ sĩ tính cái lợi không sáng suốt bằng con buôn.

(1) Bốn là một đống để đong lúa.

18- Thấy Mặc tử đi lên phía Bắc để tới nước Tề, gặp một thầy bói. Thấy bói bảo : "Thượng Đế dùng hôm nay để giết con rồng đen ở phương Bắc ; nước da tiên sinh đen, dùng nên đi về phương ấy".

Thầy Mặc tử không nghe, cứ đi, tới sông Tri, không được như ý, phải về.

Thầy bói bảo : "Tôi đã bảo tiên sinh dùng đi về phương Bắc mà !" Thầy Mặc tử đáp : "Trong số những người ở Nam không lên được Bắc, và những người ở Bắc không xuống được Nam, có người da trắng, da đen, có sao đều bất như ý cả. Vả chăng Thượng Đế dùng các ngày giáp ất để giết con rồng xanh ở phương Đông, dùng các ngày bính, đinh để giết con rồng đỏ ở phương Nam, dùng các ngày canh, tân để giết con rồng trắng ở phương Tây, dùng các ngày nhâm, quý để giết con rồng đen ở phương Bắc (1) ; theo lời thầy thì tức là cấm thiên hạ đi, là [dùng sự mê tín mà] vây [trói buộc] lòng người, khiến ngoài đồng không có người đi lại. Lời của thầy không dùng được".

19- Thấy Mặc tử bảo : "Lời nói của ta dùng được. Kể nào không dùng lời của ta mà muốn thay đổi tư tưởng [suy nghĩ khác], thì cũng như không gặt lúa mà đi mót bông lúa vẩy ; kể nào dùng lời của mình mà bài bác lời

(1) Theo thuyết ngũ hành thì hai con giáp, ất thuộc mộc, màu xanh, ở phương Đông ; hai con bính, đinh thuộc hỏa, màu đỏ, ở phương Nam ; hai con canh, tân thuộc kim màu trắng, ở phương Tây ; hai con nhâm, quý thuộc thủy, màu đen, ở phương Bắc - Không thấy nói đến hai can màu, ki. thuộc thổ, màu vàng, ở trung ương.

của ta thì cũng như cầm trứng ném vào đá ; ném hết cả trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên, không hủy hoại được".

CÔNG MẠNH

1- Công Mạnh tử ⁽¹⁾ bảo thầy Mạc tử :

– Người quân tử chấp tay ngồi đợi ; hễ [vua] hỏi thì nói, không hỏi thì làm thinh, cũng như cái chuông, gõ thì kêu, không gõ thì không kêu.

Thầy Mạc tử đáp :

– Lời đó nói về ba việc, ông chỉ mới biết một ⁽²⁾, lại chưa biết ông muốn nói gì nữa. Như nhà vua [dại nhân] làm điều dâm bạo ở trong nước, nếu mình [trực tiếp] dâng lời can gián thì bị chê là không kính thuận ; nếu mình [gián tiếp] do kẻ tả hữu thân cận của nhà vua mà dâng lời can gián thì bị chê là mưu mô bần bạc, vì vậy nhà người quân tử từ nghi, không dám nói. Còn như mà vua lo việc nước, đương lúc phải ứng phó với việc khó khăn, nguy cơ có thể phát ra bất cứ lúc nào, thì người quân tử tất phải can gián ; nếu lời can gián có lợi cho vua, tất vua sẽ dùng ; trong trường hợp đó, tuy chẳng gõ, chuông

(1) Đường kính Cảo ngữ Công Mạnh tử là một môn đệ của khổng tử (551-479)

(2) Đường Kính Cảo chú giải thật lúng túng, bảo : "Ba việc đó là : không gõ thì không kêu là một, tuy không gõ mà kêu là hai ; mà Công Mạnh tử chỉ bảo không gõ thì không kêu như vậy là biết một mà không biết hai" - Thế cái gì là ba ?

cũng phải kêu. Lại như nhà vua có hành vi bất nghĩa, tuy gọi là trù tính khéo léo, có thể dùng vào việc quân [nhưng chỉ là] muốn đánh chiếm một nước vô tội, để mở rộng đất đai, thu thuế sinh lợi ; nếu xuất quân thì thế nào cũng bị nhục, vì nước bị đánh đã bất lợi mà nước đem quân đánh cũng bất lợi, cả hai đều bất trị ; trong trường hợp đó, tuy chẳng gỗ, chuông cũng phải kêu. ⁽¹⁾

Vả lại ông bảo : "Người quân tử chấp tay ngồi đợi, hễ hỏi thì nói, không hỏi thì làm thinh, cũng như cái chuông, gỗ thì kêu, không gỗ thì không kêu. Bây giờ chưa có ai gõ, mà ông đã nói, thế có phải ông thuộc vào hạng không gõ mà kêu không ? Ông không thuộc hạng người ông gọi là quân tử chăng ?

2- Công Mạnh tử bảo :

— Mình thực làm điều thiện thì ai mà không biết ? Như người đồng cốt giỏi không ra khỏi nhà cũng có du gạo ngon [do người ta đem lại cúng hoặc tạ ơn], người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân. Còn như mình hành động mà tự khoe mình thì chẳng ai dùng mình. Nay thấy đi thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy ?

Thấy Mặc tử đáp :

(1) Rồi ở cuối bài (3), Đường lại chú thích : "Ba việc đó là : Vua làm điều dân loạn, vua trị nước không khéo, vua ham đánh chiếm nước người - Ba việc đó đều nên can ngăn vua." Chúng tôi cho ở đây Đường chú thích "ba việc" đúng, nhưng việc thứ nhất Mặc tử chỉ bảo "người quân tử tự nghĩ, không dám nói", chứ đâu có khuyên nên can vua.

– Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới ; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết.

Vả lại có hai người bói [bằng cổ thi] đều giỏi cả, một người đi [kháp nơi để] bói cho người ta, một người không ra khỏi nhà thì người nào được nhiều gạo hơn ?

Công Mạnh tử đáp :

– Người đi bói cho người ta được nhiều gạo hơn.

Thấy mặc tử nói :

– Đức nhân, nghĩa ngang nhau, người đi thuyết phục mọi người, thì công làm điều thiện tất cũng nhiều hơn, thế thì tại sao lại không đi thuyết phục ?

3- Công Mạnh tử đội mũ chương phủ [một kiểu mũ của nhà Nho] cao ngều nghêu, dài cắm cây hốt, mặc y phục của nhà Nho lại tham thấy Mặc tử, hỏi :

– Người quân tử chú trọng tới y phục rồi mới hành động, hay hành rồi mới nghĩ tới y phục ? ⁽¹⁾

Thấy Mặc tử đáp :

– Hành động không tùy thuộc y phục.

Công Mạnh tử hỏi :

(1) Ý muốn nói : Y phục có ảnh hưởng tới hành động không, có quan trọng không ?

– Xưa vua Tể Hoàn Công đội mũ cao, đeo đai lớn, kiếm bằng đồng, mặc bằng gỗ, trị nước mà nước yên. Xưa Tấn van công mặc áo vải thô và áo lông cừu phương Bắc, dùng đai bằng da để đeo kiếm, trị nước mà nước yên ; xưa, Sở Trang vương đội mũ bằng tơ sống, dây thao và đai mũ cũng bằng tơ sống, mặc áo tay rộng, vật trước cũng rộng, trị nước mà nước yên. Bốn ông vua ấy y phục khác nhau mà hành động [kết quả] như nhau. Vì vậy Địch tôi biết rằng hành động không tùy thuộc y phục.

Công Mạnh tử bảo :

– Phải ! Tôi nghe nói : "Biết điều phải mà không thực hành ngay thì là bất tương [không tốt lành]. Vậy tôi xin hổ hốt, lột mũ chương phủ rồi sẽ lại hầu chuyện thầy, nên chăng ?

Thấy Mặc tử đáp :

– Xin cử để y phục đó mà nói chuyện với nhau. Nếu phải bỏ đai, lột mũ rồi mới nói chuyện thì vẫn còn cho hành động tùy thuộc y phục rồi.

4- Công Mạnh tử nói :

– Người quân tử tất phải theo ngôn ngữ, y phục của cổ nhân rồi mới có đức nhân được.

Thấy Mặc tử bảo :

– Xưa, [trong số các] khanh sĩ của vua Trụ nhà Thương [Ân] có Phi Trọng là kẻ tàn bạo trong thiên hạ, Cơ tử Vi là thánh nhân trong thiên hạ, những ông đó cùng dùng

một ngôn ngữ mà người thì nhân, kẻ thì bất nhân. Ông Chu công Đán là bậc thánh nhân trong thiên hạ, mà Quăn Thúc là kẻ tàn bạo trong thiên hạ, hai ông đó đều theo một kiểu y phục mà người thì nhân, kẻ thì bất nhân. Vậy đâu phải cứ theo ngôn ngữ, y phục của cổ nhân rồi mới có đức nhân. Vả lại ông theo phép tắc nhà Chu mà không theo phép tắc nhà Hạ, thì cái ông gọi là cổ chưa phải là cổ. [Vì sao nhà Hạ tới nhà Thương rồi mới tới nhà Chu]

5- Công Mạnh tử bảo thầy Mạc tử :

- Xưa, thánh vương nhân chia thứ bậc : bậc thượng thánh thì lập làm thiên tử, bậc dưới thì lập làm khanh, đại phu. Một người như Khổng tử biết rộng về Thi, Thư, ⁽¹⁾ hiểu kĩ về Lễ, Nhạc, biết rõ về vạn vật, nếu ông gặp đời thánh vương thì sao lại không được lập làm thiên tử ?

Thầy Mạc tử đáp :

- Bậc trí giả tất trọng Trời, thờ quỷ, yêu người và tiết kiệm trong việc tiêu xài, có gồm đủ như vậy mới gọi là bậc trí giả. Ông bảo : "Khổng tử biết rộng về Thi Thư, hiểu kĩ về lễ, nhạc, biết rõ về vạn vật", rồi cho rằng "đáng làm thiên tử" như vậy là thấy nhiều ràng khác trên miếng gỗ mà bảo một người nào đó là giàu ⁽²⁾.

(1) Nguyên văn "Kim Khổng tử bác ư Thi Thư". Chữ Kim có thể dịch là hay, nếu Khổng tử lúc đó còn sống ; lại có thể dịch là [một người] như Khổng tử, nếu Khổng tử không còn sống. - Chúng tôi dịch theo nghĩa sau vì lúc đó Khổng tử chết đã lâu rồi.

(2) Khi chưa có chữ viết, muốn ghi một điều gì cho nhớ, người ta khắc lên gỗ như hình răng cưa để đánh dấu, chẳng hạn mỗi răng là mười con bò, bảy răng là bảy chục con bò.

6- Công Mạnh tử bảo : "Giàu, nghèo, thọ yếu, đều do trời định trước, không thể thêm bớt được", lại bảo : "Người quân tử phải học".

Thấy Mặc tử bảo : "Bảo người ta phải học mà lại chủ trương có số mạng, như vậy khác gì bảo người ta bao tóc mà lại bỏ cái mũ đi."

7- Công Mạnh tử nói với thầy Mặc tử :

- Có điều nghĩa và điều bất nghĩa, nhưng không có điều lành, điều dữ [quỷ thần không gây họa phúc được]

Thầy Mặc tử bảo :

- Các thánh vương đời xưa đều cho rằng quỷ thần sáng suốt, gây họa và phúc ; nhờ chủ trương có điều lành, điều dữ, nên trị nước mà nước yên. Từ đời Kiệt, Trụ về sau, đều cho quỷ thần không sáng suốt không gây tai họa phúc được ; vì chủ trương không có điều lành, điều dữ, mà chính sự hóa loạn, nước hóa nguy cho nên sách *Cơ tử* của tiên vương có câu : "Người sinh lòng xấu ác, đó là điều dữ." Câu đó có nghĩa là làm điều bất thiện thì bị [quỷ thần] phạt, làm điều thiện thì được thưởng.

8- Thấy Mặc tử bảo Công mạnh tử : "Phép để tang [của nhà Nho các ông], hễ vua, cha mẹ, vợ và con trai trưởng mà chết thì để tang ba năm ; chú bác, anh em chết thì để tang một năm ; họ hàng gần, nam thặng ; cô cậu, chị cháu [gọi bằng cậu], chàng rể, đều vài tháng. Lại có người chủ trương trong thời gian không để tang thì tụng [đọc lớn tiếng] ba trăm bài thi [trong kinh Thi], hòa đàn

ba trăm bài thi, ngâm ba trăm bài thi, vừa múa vừa hát ba trăm bài thi. Theo lời ông [khi có tang thì không làm việc, hết tang rồi lại chỉ ca hát] thì người quân tử còn ngày giờ đâu mà xử án và trị nước, người dân thường còn thì giờ đâu mà làm an ?”

9- Công Mạnh tử bảo :

– Nước loạn thì lo việc sửa trị, nước trị thì lo việc lễ, nhạc. Nước nghèo thì lo làm an, nước giàu thì lo việc lễ nhạc.

Thấy Mạc tử bảo :

– Nước trị rồi thì vẫn lo việc sửa trị, nhờ vậy mới được trị ; bỏ việc sửa trị thì nước cũng hết trị. Nước giàu thì vẫn làm an, nhờ vậy mới giàu ; bỏ việc làm an thì nước cũng hết giàu. Cho nên việc trị nước, phải gắng hoài không ngừng, như vậy mới được. Nay ông bảo : “Nước trị thì lo việc lễ, nhạc, nước loạn thì lo việc sửa trị.” Như vậy không khác gì ghen ⁽¹⁾ rồi mới đào giếng, chết rồi mới mời thầy thuốc. Xưa ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ ham mê tiếng ca tiếng nhạc, không đoái tới dân, đến nỗi thân bị giết, mất nước, dòng dõi tuyệt tự, đều do chính sách [trọng lễ nhạc] đó cả.

10- Công Mạnh tử bảo “không có quỷ thần”, rồi lại bảo “người quân tử phải học cách cúng tế”. Thấy Mạc tử bảo : “Đã tin không có quỷ thần mà còn học cúng tế thì

(1) Ghen thì muốn uống nước cho hết ghen.

khác gì không có khách khứa mà học phép tiếp khách, không có cá mà đan lưới đánh cá".

11- Công Mạnh tử bảo thầy Mặc tử :

- Thấy cho để tang ba năm là trái [nghĩa là có hại cho sự trị nước và sản xuất], nhưng thấy chủ trương để tang ba tháng thì cũng trái vậy [cũng có hại vậy tuy ít hơn] Thấy Mặc tử đáp :

- Ông đem tục để tang ba năm để chỉ sự để tang ba tháng như vậy, cũng có hại vậy. Thấy Mặc tử đáp :

- Ông đem tục để tang ba năm để chê sự để tang ba tháng như vậy, không khác gì người khỏa thân bảo người vén áo quần [để hở người] là không kính cẩn vậy.

12- Công Mạnh tử bảo thầy Mặc tử :

- Có một điều hơn người, có thể gọi là tri [sáng suốt] không ?

Thầy Mặc tử đáp :

- Kẻ ngu cũng có chỗ sáng suốt hơn người, vậy kẻ ngu cũng có thể gọi là tri chăng ?

13- Công Mạnh tử bảo :

Để tang ba năm là do trẻ con nhớ cha mẹ ba năm.

Thầy Mặc tử đáp :

- Trẻ con chỉ biết nhớ cha mẹ mà thôi, cha mẹ không thể thấy lại mà nó cũng gào khóc không ngừng, là tại sao ? Tại nó cực ngu. Sự hiểu biết của người theo đạo Nho há lại không hơn con nít sao ?

14- Thấy Mặc tử hỏi một người theo đạo Nho :

– Chơi nhạc để làm gì vậy ?

Đáp :

– Chơi nhạc để được nhạc ⁽¹⁾

Thấy Mạc tử bảo :

– Ông chưa trả lời tôi. Nay tôi hỏi ông : "Cất nhà để làm gì ? Ông đáp : "Để che lạnh mùa đông, tránh nóng mùa hè, và để trai gái có phòng riêng cách biệt nhau : " như vậy là cho tôi biết cái lí do cất nhà. Đằng này tôi hỏi ông : "Chơi nhạc để làm gì ?" Ông đáp : "Chơi nhạc để được nhạc", như vậy khác gì tôi hỏi "Cất nhà để làm gì ?" mà ông đáp: "Để làm nhà ? "

15- Thấy Mạc tử bảo Trình tử [tên là Phiến, một học giả nghiên cứu cả đạo Nho lẫn đạo Mặc]

– Đạo Nho có bốn chủ trương đủ để mất thiên hạ. Nho cho Trời là không sáng suốt, cho quỷ là không thiêng, trời và quỷ không nói, điều đó đủ để mất thiên hạ. Lại thêm chôn cất hậu hĩnh, để tang lâu, quan quách phải dày, áo liệm phải nhiều, đám táng như một cuộc đời nhà, khóc lóc ba năm, phải đỡ rồi mới đứng dậy được, phải chống gậy rồi mới đi được, tai không nghe, mắt không trông thấy gì cả, như vậy đủ để mất thiên hạ. Lại dờn ca, đánh trống múa, học thói ca nhạc, như vậy đủ để mất thiên hạ.

(1) Chữ *nhạc* mới đầu trở âm nhạc, sau có nghĩa là vui. Thôi Mặc tử, hai nghĩa đó cùng một âm là *nhạc* ; vì vậy người theo đạo Nho đó muốn trả lời : "để được vui" mà Mạc tử hiểu là "để được nhạc". Sau này người ta mới cho nghĩa thứ nhì (vui) một âm riêng là *lạc*.

Lại cho rằng có số mang, giàu nghèo, thọ yếu, tri loạn, yên nguy, đã định trước rồi, không sửa đổi được ; người trên theo chủ trương đó tất không làm ăn gì cả, như vậy đủ để mất thiên hạ.

Trình tử nói :

– Tiên sinh mặt sất đạo Nho quá lắm !

Thấy Mặc tử đáp :

– Nếu đạo Nho không có bốn chủ trương đó, mà tôi đạt điều thì mới là mặt sất. Nay đạo Nho quả có bốn chủ trương đó, tôi nói ra thì đâu phải là mặt sất, chỉ là có sao nói vậy thôi.

Trình tử làm thỉnh bước ra. Thấy Mặc tử gọi lại :

– Trở vô đi !

Trình tử quay lại, ngồi phía sau, rồi tiến lên, thưa :

– Lời nói mời rồi của tiên sinh có chỗ không phải. Như tiên sinh nói đó, tức là không có gì gọi là khen vua Vũ, là mặt sất Kiệt, Trụ.⁽¹⁾

Thấy Mặc tử đáp :

– Không phải vậy.⁽²⁾ Nên bàn về chỗ phải trái thì bàn về chỗ phải trái,⁽³⁾ nên tranh biện phê phán thì tranh

(1) Ý muốn nói : Tiên sinh quả có mặt sất đạo Nho mà lại bảo là không mặt sất, nói như tiên sinh thì những lời mặt sất Kiệt, Trụ cũng chỉ là có sao nói vậy ư ?

(2) Ý muốn nói : vạch chỗ trái của đạo Nho khác với mặt sất Kiệt Trụ ; không thể so sánh như ông làm được ; một đảng là ôn tồn, công tâm xét, một đảng là mạnh mẽ đả kích.

biện phê phán ⁽¹⁾ như vậy là minh trí. Hễ bị tấn công mạnh thì chống đỡ phải mạnh, bị tấn công nhẹ thì chống đỡ nhẹ. Chỉ nên bàn về chỗ phải trái mà lại tranh biện phê phán, thì không khác gì vác cái tay xe mà đập con kiến vậy.

16- Thấy Mạc tử tranh biện với Trình tử, khen Khổng tử. Trình tử bảo :

– Đã chê Nho, sao còn khen Khổng tử ?

– Vì thuyết của ông ấy có chỗ đúng, không thể sửa đổi được. Như loài chim thấy không khí nóng hơn nhiều vì trời nắng hạn, thì bay lên cao, loài cá thấy không khí nóng hơn nhiều thì lặn xuống sâu ; sáng suốt như vua Vũ, vua Thang cũng không thể chê chúng được. Có thể bảo loài chim, loài cá ngu, mà vua Vũ, vua Thang cũng có khi theo chúng ; vậy thuyết của Khổng tử có chỗ đúng thì sao Định tôi lại không khen ?

17- Có người lại chơi nhà thầy Mạc tử, thân thể cường tráng mà trí óc mình mẫn. Thấy mạc tử muốn khuyên người đó theo học mình, bảo : "Muốn học không ? Rồi ta sẽ giới thiệu cho làm quan. Người đó được khuyến khích như vậy, nên xin học. Được một năm, người đó đòi thầy Mạc tử giới thiệu cho mình làm quan.

Thầy Mạc tử đáp :

– Không giới thiệu cho anh làm quan ! Anh đã đọc sách *Lỗ Ngữ* chưa ? Một nhà họ ở nước Lỗ có nam anh

(3) Tức như việc đạo Nho có bốn chủ trương đó thì có sao nói vậy.

(1) Tức như việc mạt sát Kiệt, Trụ.

em. Cha chết, người con trưởng ham rượu và không lo việc chôn cất với các em. Bốn người em bảo : "Anh lo việc chôn cất cha với chúng em, chúng em sẽ mua rượu cho anh uống". Được khuyến khích như vậy ; người anh chung lo việc chôn cất. Chôn cất xong hán đòi bốn người em mua rượu cho mình. Bốn người em đáp : "Tui không mua rượu cho anh, anh chôn cất cha, chúng tôi cũng chôn cất cha, cha là cha chung, chứ đâu phải của riêng chúng tôi. Anh không chôn cất cha thì người ta cười anh, cho nên chúng tôi mới khuyến khích anh chôn cất." Nay anh làm việc nghĩa, ta cũng làm việc nghĩa, đâu phải là việc nghĩa riêng của ta. Anh không học thì người ta cười anh, cho nên ta mới khuyến khích anh học."

Thế là môn sinh đó không đòi được giới thiệu làm quan nữa.

18- Có người lại chơi nhà thầy Mặc tử. Thấy Mặc tử hỏi :

– Sao không học ?

Đáp :

– Trong họ tôi không có ai học cả.

Thầy Mặc tử bảo :

– Không phải vậy ! Người yêu cái đẹp không có nói : "Họ tôi không ai yêu cái đẹp", mà người đó cũng không yêu cái đẹp ? ⁽¹⁾ Người thích giấu sang, đâu có nói : "Họ

(1) Ý muốn nói : Hễ yêu cái đẹp thì dù trong họ không ai yêu cái đẹp,

tôi không ai thích giấu sang", mà người đó cũng không thích giấu sang ? Kể nào yêu cái đẹp, thích giấu sang thì không tùy theo người, cứ mạnh bạo gắng sức làm. Điều nghĩa là lợi khí lớn trong thiên hạ, sao lại tùy theo người ? Mình cứ mạnh bạo, gắng sức mà làm chứ.

19- Có người lại chơi nhà thầy Mặc tử, thua với thầy Mặc tử :

– Tiên sinh bảo quỷ thần sáng suốt, có thể gây họa, tạo phúc cho người được, người hiền thì làm cho giàu, kẻ tàn bạo thì bất chịu tai họa. Tôi thờ tiên sinh đã lâu mà không được ban phúc. Hoặc giả lời của tiên sinh không đúng chăng ? Quỷ thần không sáng suốt chăng ? Vì có gì mà tôi không được ban phúc ?

Thầy Mặc tử đáp :

– Anh không được ban phúc, thì sao lại bảo rằng lời của ta không đúng, mà quỷ thần không sáng suốt ? Anh có được nghe rằng kẻ giấu một người bị tội thì cũng bị tội không ? ⁽¹⁾

– Không.

– Có người hiền gấp trăm anh, anh có thể khen người đó trăm lần mà anh có khen người đó một lần nào không ? ⁽²⁾

minh cũng không vì lẽ đó mà không yêu cái đẹp.

(1) Từ đây xuống rất khó hiểu. Chúng tôi ngờ rằng bản của Thương vụ ấn thư quán in lẫn, hoặc Đường Kính Cảo không hiệu đính. Ở đây nguyên văn là 而 – 自 禁 乎. Chúng tôi đoán nghĩa như vậy

– Không.

Thấy Mặc tử bảo :

– Giấu một người còn bị tội, nay anh giấu nhiều như vậy. ⁽¹⁾ tội phải nặng lắm, còn cầu phúc gì nữa ?

20- Thấy mặc tử đau. Phu Tị bước lại, hỏi :

– Tiên sinh bảo quỷ thần sáng suốt, có thể gây họa, tạo phúc cho người được, người hiền thì thưởng, kẻ ác thì phạt. Tiên sinh là bậc thánh mà sao lại đau ? Hoạc giả lời của tiên sinh không đúng chăng ? Quỷ thần không sáng suốt chăng ?

Thấy Mặc tử đáp :

– Ta đau thì sao lại bảo quỷ thần không sáng suốt ? Có nhiều nguyên nhân gây bệnh : nóng, lạnh gây bệnh được, lao khổ gây bệnh được. Nhà có một trăm cửa, mà chỉ đóng có một cửa thì kẻ trộm sao lại không vô được ?

21- Hai ba môn sinh xin thấy Mặc tử dạy thêm cho môn bản nữa. Thấy Mặc tử bảo :

– Không nên ! Người trí tất lượng sức mình tới được đâu thì làm tới đó. Ngay như một quốc sĩ ⁽²⁾ cũng không

(3) Nhưng rồi ở đây, nguyên văn là 無 - 手, Đường chú giải là 無 - 自 手. Nếu không có 無 thì trước sau đều không ; nếu có thì trước sau đều có, chứ sao lại trên không dưới có ?

(1) Giấu điều thiện (không khen điều thiện) mà bảo là có tội nhân, vì Mặc tử chủ trương bốn phận mỗi người là phải báo cáo cái thiện cũng như cái ác của người chung quanh cho người trên biết (thiên Thượng đồng).

thể làm cả hai việc vừa chiến đấu vừa nâng đỡ người được. Các anh không phải là quốc sĩ, làm sao có thể vừa học đạo vừa học bán mà thành công được.

22- Vài ba môn sinh thua với thầy Mạc tử :

– Cáo tử ⁽¹⁾ bảo : "Mạc tử miệng thì nói (nhân) nghĩa mà hành vi thì rất xấu. Xin thầy đuổi hán đi.

Thầy Mạc tử đáp :

– Không nên. Hán khen lời của ta để chê hành vi của ta, như vậy còn hơn là không ⁽²⁾. Có một người nọ với Địch, cả hai đều rất không ưa nhau, nhưng người đó kính Trời, thờ quỷ thần, yêu mọi người, vậy dù rất không ưa nhau, nhưng vẫn còn hơn là không. Cáo tử ngôn ngữ, đàm luận rất giỏi, giảng nhân nghĩa, mà chê ta ; hán chê ta còn hơn là không.

23- Vài ba môn sinh thua với thầy Mạc tử :

– Cáo tử làm được điều nhân.

Thầy Mạc tử bảo :

– Chưa hẳn vậy. Cáo tử làm điều nhân cũng như người nhón gót mà cho là cao, nằm ngửa [dang tay chân] mà cho là lớn [bề ngang] như vậy không được lâu đâu.

(3) Quốc sĩ ở đây là chiến sĩ có tiếng trong nước.

(1) Không rõ Cáo tử ở đây là ai ? Chắc không phải là Cáo tử, người tranh biện với Mạnh tử về thuyết tính thiện.

(2) Vì vẫn còn chỗ hợp với Mạc tử, còn hơn là không khen cũng như không chê, hoàn toàn thân nhiên.

24- Cáo tử bảo thấy Mặc tử :

– Tôi có thể trị nước được.

Thấy Mặc tử bảo :

– Người trị nước thì miệng nói điều gì, thân phải thi hành. Anh miệng nói mà thân không làm, thế là thân anh loạn rồi. Anh không trị nổi cái thân anh, làm sao trị được nước ? Anh tạm đừng nói đến việc trị nước nữa, thân anh loạn rồi.

LỖ VẤN

1- Vua Lỗ [Mục Công] hỏi thấy Mặc tử :

– Tôi sợ bị Tề đánh, có thể cứu được không ?

Thấy Mặc tử đáp :

– Được. Xưa, ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ mới đầu chỉ là vua một nước chư hầu trăm dặm, thi hành đạo trung, nghĩa mà sau lấy được thiên hạ ; Còn ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ chuốc oán, làm điều bạo ngược mà mất thiên hạ. Xin nhà vua trên thì kính Trời, thờ quỷ thần, dưới thì yêu và làm lợi cho trăm họ ; tặng nhiều da và lụa, dùng ng ôn ngữ nhún nhường, mau mau giao hảo với các nước chư hầu bốn bên ; rồi xua hết dân trong nước ra chiến đấu, thì cứu được cái họa bị Tề đánh. Ngoài ra không có cách nào khác.

2- Tề sắp đánh Lỗ. Thấy Mặc tử bảo Hạng Tử Ngưu [một viên tướng của Tề] :

– Tể đánh Lỗ là lắm lớn. Xưa vua Ngô đem quân qua phía Đông đánh Việt, xua quân của Việt [vương Câu Tiễn] lên núi Cối Kê ; phía Tây đánh Sở, giữ Chiêu Vương ở đất Tùy ; phía Bắc đánh Tể, bắt thái tử Quốc của Tể đem về Ngô ; sau chư hầu báo thù, dân chúng Ngô ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Xưa, Trí Bá đánh họ Phạm và họ Trung Hàng gồm đất của ba nhà nước Tấn [tức Trí, Phạm, Trung Hàng] làm một ; sau chư hầu báo thù, dân chúng ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Cho nên nước lớn đánh nước nhỏ là hại lẫn nhau, cái họa tất trở ngược về nước mình.

3- Thấy Mạc tử yết kiến Tể Thái vương ⁽¹⁾ hỏi :

– Có con dao, chém đầu người thì đứt liền, có thể gọi là bén không ? Thái vương đáp :

– Bén.

Lại hỏi :

– Chém đầu nhiều người, đều đứt liền, có thể gọi là bén không ?

– Bén.

Thấy Mạc tử hỏi :

– Dao thì bén thật, nhưng ai đã chịu điều hắt tướng [chẳng lành] ?

(1) Tức Tể Thái công, tên là Diên Hòa. Thái công tự xưng vương cho nên gọi là Thái vương.

Thái vương đáp :

– Dao được tiếng là bén, mà người cầm dao chém phải chịu điều bất tường.

Thấy Mặc tử bảo :

– Thôn tính nước người, đánh bại quân, tàn sát dân chúng người, thì ai chịu điều bất tường ?

Thái vương cúi xuống, ngừng lên suy nghĩ rồi đáp :

– Ta chịu điều bất tường.

4- Van Quân ở Lỗ Dương sắp đánh Trịnh. Thấy Mặc tử hay tin, ngăn cản Van Quân : - Vì dụ trong cõi Lỗ Dương, đô ấp lớn đánh đô ấp nhỏ, nhà lớn [nhà các đại phu] đánh nhà nhỏ, giết dân chúng, cướp bò ngựa, heo chó, vải lụa, lúa gạo, hóa vật, của cải thì nhà vua nghĩ sao ?

Van Quân đáp :

– Trong cõi Lỗ Dương, ai cũng là bề tôi của quả nhân, đô ấp lớn đánh đô ấp nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ để cướp hóa vật, của cải, thì quả nhân tức trùng trị nặng.

Thấy Mặc tử bảo :

– Trời gồm có cả thiên hạ, cũng như nhà vua có toàn cõi Lỗ Dương ; nay nhà vua đem đánh Trịnh, không [sợ] bị Trời phạt ư ?

Van Quân đáp :

– Sao tiên sinh lại ngăn ta đánh Trịnh ? Ta đánh Trịnh là thuận theo ý Trời. Người nước Trịnh ba đời giết

cha ⁽¹⁾, Trời phạt, khiến cho ba nam mất mùa, ta giúp Trời trừng trị nước đó mà.

Thấy Mạc tử bảo :

– Người nước Trịnh ba đời giết cha, Trời phạt, khiến cho ba nam mất mùa, như vậy đủ rồi. Nay nhà vua lại đem quân đánh Trịnh, bảo "Ta đánh Trịnh là thuận theo ý Trời", thì, cũng không khác gì một người cha quất một đứa con hung hăng, bắt tài, mà cha nhà bên cạnh còn vác cây đánh nó nữa, bảo : "Ta đánh nó là thuận theo ý cha nó, như vậy chẳng trái lẽ ư ?

5- Thấy Mạc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân :

– Nhà vua đánh Trịnh, giết dân, lấy bò ngựa, lúa gạo, hóa vật, của cải thì ghi lên thanh tre, tấm lụa, khắc trên đồng trên đá, trên chuông, trên vạc để lưu lại cho con cháu đời sau, rằng : "Chiến công của ta không ai bằng". Còn thường dân cũng đánh nhà láng giềng, giết người lấy bò ngựa, lương thực, áo vải áo lông, cũng ghi lên thanh tre, tấm lụa, trên cái gậy, cái "đậu" ⁽²⁾ để lưu lại cho con cháu đời sau, rằng : "Chiến công của ta không ai bằng" như vậy được không ?

Văn Quân đáp :

– Phải. Xét lời thấy nói thì trong thiên hạ, điều người ta cho là nên làm, vị tất đã nên làm.

(1) Theo Sử kí của Tư mã Thiên (thiên Trịnh thế gia) thì người nước Trịnh hai lần giết vua : Ai công và U công.

(2) Nguyên văn là 杖 Đường Kinh Cáo bảo chữ tịch 席 đó là chữ 度, nghĩa là cây gậy. - Đậu là một đồ đồ để cúng tế, như cái tó có chân cao và có vung. (豆)

6- Thấy Mặc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân :

– Hạng quân tử [hạng trị dân] trên đời đều biết việc nhỏ mà không biết việc lớn. Có người ăn trộm một con chó, một con heo thì bảo là bất nhân ; còn ăn trộm một nước, một đô ấp thì lại cho là việc nghĩa. Cũng như thấy trắng ít thì bảo là trắng, thấy trắng nhiều thì bảo là đen. Vì vậy tôi bảo hạng quân tử trên đời biết việc nhỏ mà không biết việc lớn, là nghĩa vậy.

7- Lỗ Dương Văn Quân bảo thấy Mặc tử :

– Phía Nam nước Sở có nước Đạm, nghe nói người nước đó hể sinh con đầu lòng thì làm thịt mà ăn, bảo như vậy lợi cho những đứa sau ⁽¹⁾. Thịt ngon thì dâng lên vua, vua mừng, thưởng cho người cha. Đó chẳng phải là một tục xấu, ư ?

Thấy Mặc tử nói :

– Tục Trung Quốc thì cũng vậy. Giết cha mà thưởng con ⁽²⁾ thì khác gì ăn-thịt con mà thưởng cha. Nếu không dùng nhân nghĩa thì khác gì người mọi rợ ăn thịt con ?

8- Một người sủng phi của vua Lỗ chết. Một người Lỗ đọc bài "luy" [thuật hành trạng của người chết]. Vua Lỗ khen hay rồi dùng người đó. Thấy Mặc tử nghe được bảo : "Đọc bài luy là thuật lại cái chí của người chết ; khen

(1) Theo thiên *Tiết tắng ha(D)* (ở trên) và theo thiên *Thang Văn*, sách *Liệt tứ*, thì là nước *Chiếp Mộc* ở phía đông nước Việt.

(2) Đem quân đi đánh nước người, binh lính vào chỗ chết, tức là giết họ, rồi sau thưởng cho con họ.

người đọc bài lụy hay rồi dùng, thì cũng như dùng ngựa để kéo cày [không hợp với sở trường của ngựa].

9- Lỗ Dương Văn Quân hỏi thầy Mặc tử :

– Có người bảo ta rằng trung thần thì "bảo cúi thì cúi, bảo ngừng thì ngừng, không gọi thì im lặng, gọi thì thưa ? Như vậy có phải là trung thần không ?

Thầy Mặc tử đáp :

– Người mà bảo cúi thì cúi, bảo ngừng thì ngừng, như vậy không khác gì cái bóng ; không gọi thì im lặng, gọi thì thưa, như vậy không khác gì tiếng vang. Nhà vua dùng được cái bóng và tiếng vang đó vào việc gì ?

Địch tôi cho trung thần là thấy vua có lỗi thì lựa lúc vánh người mà can, thấy mình có mưu gì hay thì trình bày với vua mà không dám cho người khác biết, sửa chữa chỗ bậy của vua mà dâng vua điều thiện, tán đồng với vua mà bề trên không nang với kẻ dưới ⁽¹⁾, như vậy là cái gì tốt đẹp là công của vua mà oán thù thì bề tôi chịu, vua được an vui, bề tôi chịu lo buồn. Địch tôi gọi như thế là trung thần.

10- Vua Lỗ hỏi thầy Mặc tử :

– Ta có hai người con, một người hiếu học, một người thích chia xẻ của cải cho người khác, nên lựa người nào làm thái tử ?

(1) Nguyên văn 無下比 : Chúng tôi đoán là vẫn giữ phận trên dưới, vua tôi.

Thầy Mặc tử đáp :

- Chưa biết được. Có thể rằng hai người đó vì mong được thưởng hoặc được tiếng khen mà làm ra như vậy. Người đi câu dùng mồi không phải để tặng cá, người dùng thuốc chuột không phải là yêu chuột. Xin nhà vua xét cả ý chí cùng công việc rồi mới biết được.

11- Một người nước Lỗ nhờ thầy Mặc tử dạy cho một đứa con. Đứa con đó sau chiến đấu mà chết. Người cha lại trách thầy Mặc tử. Thầy Mặc tử đáp : "Ông muốn tôi dạy con ông. Nó học thành tài, chiến đấu mà chết, thì ông lại oán hận, như vậy không khác gì muốn có thóc, mua được rồi thì lại oán giận, chẳng cũng ngược lí ư ?"

12- Ở miền Nam Bì nước Lỗ có một người tên là Ngô Lu, mùa đông làm đồ gốm, mùa hè làm ruộng, tự so sánh với vua Vũ. Thầy Mặc tử nghe tiếng lại thăm. Ngô Lu nói với thầy :

- Việc nghĩa, việc nghĩa ! Đâu phải dùng lời để thuyết !

Thầy Mặc tử hỏi :

- Cái ông gọi là việc nghĩa đó, phải là lấy sức giúp người, lấy của chia cho người không ?

Đáp : - Phải.

Thầy Mặc tử nói :

Địch tôi đã tính rồi. Địch tôi nghĩ nếu cày ruộng để nuôi người thiên hạ thì giỏi lắm, cũng chỉ cày bằng một nông phu, như vậy mà đem chia cho khắp thiên

mỗi người không được một thúng lúa ; giả thử được một thúng lúa đi nữa thì cũng không làm cho người đói trong thiên hạ hóa no được, điều đó thấy rõ rồi. Địch tôi nghĩ nếu dệt vải để cho người trong thiên hạ có áo mặc thì giới lâm cũng chỉ dệt được bằng một người đàn bà, như vậy mà đem chia cho khắp thiên hạ thì mỗi người không được một thước vải ; giả thử được một thước vải đi nữa thì cũng không làm cho người rét trong thiên hạ có áo ấm được, điều đó thấy rõ rồi. Địch tôi nghĩ nếu bận áo giáp cứng, cầm binh khí nhọn, để cứu họa cho các nước chư hầu, thì giới lâm cũng chỉ chiến đấu được một binh sĩ, không chống nổi ba quân, điều đó đã thấy rõ rồi. Địch tôi cho chẳng bằng học đạo của tiên vương tìm hiểu thuyết của các vị đó ; thông suốt lời của thánh nhân mà xét kỹ ý nghĩa ; rồi trên đem thuyết các vương công đại nhân, dưới giảng cho các dân thường và các kẻ sĩ đi bộ [chưa hiển đạt]. Các vương công đại nhân mà dùng lời của tôi thì nước sẽ trị, dân thường và kẻ sĩ đi bộ dùng lời của tôi thì đức hạnh tất sẽ sửa chữa. Vì vậy Địch tôi nghĩ tuy không cày ruộng để nuôi kẻ đói, không dệt vải để người rét có áo mặc, mà kết quả còn hơn là cày ruộng để nuôi họ, dệt vải để họ có áo mặc. Vì vậy Địch tôi cho rằng tuy không cày ruộng, không dệt vải mà kết quả còn hơn cày ruộng, dệt vải.

13- Ngô Lự bảo thầy Mặc tử :

– Việc nghĩa, việc nghĩa ! Đâu phải dùng lời để thuyết !

Thầy Mặc tử đáp :

– Thí dụ trong thiên hạ không ai biết cày ruộng. Dạy cho thiên hạ cày ruộng với không dạy mà riêng mình tự cày ruộng thì cách nào kết quả nhiều ?

Ngô Lự bảo :

– Dạy người ta cày thì kết quả nhiều hơn.

Thầy Mặc tử nói :

– Thí dụ đánh một nước bất nghĩa. Đánh trống thúc quân sĩ tiến lên, với không đánh trống thúc quân mà riêng mình tự xông lên chiến đấu thì cách nào kết quả nhiều hơn ?

Đáp :

– Đánh trống thúc quân thì kết quả nhiều hơn.

- Trong thiên hạ, hạng dân thường và kẻ sĩ di bộ ít biết điều nghĩa, dạy điều nghĩa cho thiên hạ thì kết quả cũng nhiều hơn, vậy thì tại sao không dùng lời để thuyết ? Nếu dân chúng được cổ động mà tiến về việc nghĩa thì cái nghĩa của tôi chẳng cũng tiến thêm nhiều ư ?

14- Thấy Mặc tử cho Công Thuợng Quá tới nước Việt. Công Thuợng Quá thuyết với vua Việt, vua Việt rất mừng, bảo Công Thuợng Quá.:

– Nếu tiên sinh mời thầy Mặc tử lại ở nước Việt mà dạy quả nhân thì quả nhân xin cất đất cũ của nước Ngô ra vuông vức năm trăm dặm để phong cho thầy Mặc tử.

Công Thuợng Quá nhận lời. Rồi vua Việt cho Công Thuợng Quá một đoàn năm chục cỗ xe để qua Lỗ rước

thầy Mạc tử. [Tới Lỗ], Công Thượng Quá nói với thầy Mạc tử :

– Con đem đạo của phu tử nói với vua Việt, vua Việt rất mừng, bảo con : "Nếu mời được thầy Mạc tử lại ở nước Việt mà dạy quả nhân thì quả nhân xin cắt năm trăm dặm của nước Ngô mà phong cho thầy ấy."

Mạc tử bảo :

– Anh xét cái chí của vua Việt ra sao ? Nếu vua Việt nghe lời ta, dùng đạo của ta rồi ta sẽ tới rồi xin được đủ an, đủ mặc, tự coi ta cũng như các bề tôi khác, chứ cầu được đất phong làm gì ? Nếu nhà vua không nghe lời ta, không dùng đạo của ta mà ta tới thì chỉ là vì lúa. Ở đâu thì cũng được lúa, mà ở đâu cũng là Trung Quốc cả, hà tất ta phải tới nước Việt ?

15- Thầy Mạc tử sai Ngụy Việt đi du thuyết các nước. Ngụy Việt hỏi :

– Được yết kiến các quân tử [người cầm quyền] hỗn phương, con nên giảng gì trước ? ⁽¹⁾

Thầy Mạc tử đáp :

– Vô một nước nào thì lựa việc mà làm. Một nước hỗn loạn thì giảng về đạo trọng người hiền, tán đồng với người trên ; một nước nghèo thì giảng về phép bớt tiêu xài, tiết

(1) Theo Phương Thụ Sở thì Ngụy Việt là tên nước, và hai câu này phải hỏi : dịch là : Thầy Mạc tử muốn đi thăm nước Ngụy, nước Việt. Có người hỏi... thầy sẽ giảng gì trước ?

giảm việc ma chay ; một nước thích âm nhạc, chìm đắm trong rượu thì khuyến bỏ nhạc di, dùng tin có số mạng ; một nước bày hạ vô lễ, thì giảng về đạo tôn trời, thờ quỷ thần ; một nước chỉ lo việc xâm chiếm nước khác thì giảng về đạo kiêm ái, không đánh nước người. Cho nên bảo : "phải lựa việc mà làm [tùy mỗi nước]".

16- Thấy Mặc tử cho Tào Công tử làm quan ở Tống. Ba mam sau Tào công tử trở về, lại tham thấy Mặc tử, thưa :

– Hồi đầu, con lại học thấy Mặc thì áo cộc bằng vải to, ăn thì canh rau hoặc có bữa sáng mà không có bữa chiều, không có gì để thờ cúng quỷ thần : nay nhờ công thấy dậy bảo, nhà con phong lưu hơn trước, nên không dám sơ suất trong việc thờ cúng quỷ thần, mà trong nhà nhiều người chết, lục súc không sinh sản nhiều, thân mình thì bệnh liên miên, con chưa thấy đạo của thầy hữu dụng ở chỗ nào.

Thầy Mặc tử bảo :

– Không phải vậy. Quỷ thần đòi hỏi ở người nhiều kia : muốn rằng người nào chức cao bổng hậu thì phải kính người hiền, có nhiều của cải thì phải chia cho người nghèo ; chứ đâu phải chỉ muốn nhón nhiều xôi, cắt nhiều miếng phôi đầu ⁽¹⁾. Nay anh được chức cao bổng hậu, mà không kính người hiền, đó là một điều bất tường ; có

(1) Ý muốn nói đầu phải thì muốn được cúng tế hậu hĩ mà thôi. Theo Khúc lễ, thời đó ăn xôi thì dùng ngón tay, không dùng đũa.

hiều cửa mà không chia cho người nghèo, đó là hai điều bất tường : anh thờ quỷ thần chỉ biết cúng tế mà thôi, rồi phản nản "sao đau ốm hoài ", như vậy khác gì nhà có trăm cửa, chỉ đóng một cửa mà lấy làm lạ kẻ trộm sao vào được. Làm như anh mà cầu quỷ thần linh thiêng ban phúc cho sao được.

17 - Một thầy cúng nước Lỗ cúng quỷ thần một con heo mà xin quỷ thần ban cho cả trăm thứ phúc. Thấy Mạc tử nghe được chuyện đó, bảo :

- Như vậy không thể được. Tạng người ta ít mà mong đáp lại nhiều, thì người ta chỉ sợ được tạng thôi. Cúng một con heo mà cầu xin được cả trăm thứ phúc, thì quỷ thần rất sợ được cúng bỏ, cừu. Các thánh vương ngày xưa thờ quỷ thần, chỉ cúng tế thôi chứ không cầu xin gì cả ; nay cúng một con heo mà cầu xin cả trăm thứ phúc thì giàu như vậy thì nghèo còn hơn. ⁽¹⁾

18- Bành Kinh nói với thầy Mạc tử :

- Việc đã qua thì biết được còn điều chưa tới thì không biết được.

Thầy Mạc tử bảo :

- Thi dụ người thân của ông ở ngoài trăm dặm, bị tai nạn ; nội một ngày, nếu ông tới kịp thì cứu sống được, không thì chết. Có một cỗ xe chắc và một con ngựa tốt, với có một con ngựa dở và cỗ xe mà bánh có nhiều góc cạnh [không tròn, khó lăn], thì ông lựa xe nào để cưỡi ?

(1) Ý muốn nói : thì cúng ít hoặc đừng cúng còn hơn.

Đáp :

– Tôi lựa cỗ xe chác và con ngựa tốt để cho mau tới.

Thấy Mạc tử bảo :

– Vậy là ông nhờ việc đã qua mà biết được việc chưa tới đấy.

19- Mạnh Sơn khen Vương Tử Lư :

– Xưa, trong cái họa Bạch công, Bạch công dùng búa rìu, dao quắm móc lung, dùng kiếm và mâu [một binh khí mũi nhọn] chĩa thẳng vào tim Vương Tử Lư, bảo : "Chịu làm vua thì sống, không thì chết" ⁽¹⁾. Vương Tử Lư đáp : "Sao mà làm nhục ta như vậy ? Giết cha ta rồi cho ta nước Sở để lấy lòng ta. Được cả thiên hạ mà chịu tiếng bất nghĩa ta không làm, huống hồ là được nước Sở". Rồi Vương Tử Lư chịu chết. Vương Tử Lư chẳng là người nhân ư ?

Thấy Mạc tử bảo :

– Việc [nghĩa] đó tuy khó làm thật, nhưng chưa phải là nhân. Nếu cho làm vua là vô đạo ⁽²⁾ thì sao không nhận làm vua để trị [lại] nước ? Nếu cho Bạch công là bất nghĩa thì sao không nhận làm vua, để giết Bạch công, rồi sau trả lại ngôi vua ? Cho nên tôi bảo : "Khó làm thì khó làm thật, nhưng chưa phải là nhân".

(1) Vương Tử Lư là con Sở Bình vương, tên là Khải, Bạch công giết Sở Bình vương và bắt Vương Tử Lư phải lên ngôi.

(2) Nghe không xuôi "Nếu cho là nước vô đạo" hoặc "Nếu cho các vua là vô đạo" thì xuôi hơn.

20- Thấy Mạc tử sai [một môn đệ là] Thảng Xước thờ Hạng Tử Ngưu. Hạng Tử Ngưu ba lần xâm chiếm đất Lỗ mà Thảng Xước đều theo giúp. Hay chuyện đó, thấy Mạc tử sai Cao Tôn tử xin Hạng tử Ngưu đuổi Thảng Xước về. Thấy Mạc tử bảo Cao Tôn tử :

Ta sai thảng Xước [thờ Hạng Tử Ngưu] là muốn nó ngan tính kiêu ngạo và sửa những sai lầm [của Hạng Tử Ngưu]. Nay nó được lộc hậu mà lừa lọc phu tử ⁽¹⁾ phu tử ba lần xâm chiếm nước Lỗ mà ba lần nó tới giúp, như vậy là quất roi vào miếng da che bụng ngựa ⁽²⁾. Ta nghe nói : giảng điều nghĩa mà không làm là biết mà còn cố ý phạm lỗi. Thảng Xước không phải là không biết điều nghĩa, nó coi trọng bổng lộc hơn điều nghĩa.

21-Xuạ, Sở và Việt dùng chiến thuyền đánh nhau trên sông. Quân Sở xuôi dòng tiến tới rồi ngược dòng lui về. Thấy cái lợi thì tiến, thế bất lợi thì lui về một cách khó khăn. Quân Việt đón [ngược] dòng mà tiến, xuôi dòng mà lui, thấy thế lợi thì tiến, thế bất lợi thì lui về mau được. Quân Việt nhờ thế nước đó mà mấy lần đánh bại quân Sở. Công Thâu tử ⁽³⁾ từ Lỗ xuống nước Sở thấy vậy mới chế tạo một loại máy thủy chiến có cả móc và và

(1) Trò Hạng Tử Ngưu. Trọng ai thì gọi là phu tử, chứ không nhất định đó là thầy mình.

(2) Để thúc ngựa đến mau hơn ; tức để giúp Hạng Tử Ngưu làm điều bất nghĩa.

(3) Tức Công Thâu Ban, một người thợ giỏi thời Lỗ Ai công ; theo Từ Hải không phải Lỗ Ban mà thợ mộc thờ làm tổ sư.

nặng ; hễ [quân địch] lùi thì móc lại, [quân địch] tiến tới thì chống lại , tùy móc và nặng dài ngắn mà lựa thủy thủ ; binh của Sở kiểm chế được mà binh của Việt không kiểm chế được. ⁽¹⁾ nhờ cái thế đó mà mấy lần đánh bại được quân Việt.

Công Thâu tử tự hào về cái tài khéo của mình, bảo thấy Mặc tử :

– Chiến thuyền của tôi có móc và nặng, còn cái "nghĩa" của ông có móc và nặng không ?

Thấy Mặc tử đáp :

– Móc và nặng của cái "nghĩa" của tôi tốt hơn móc và nặng của chiến thuyền của ông. Tôi móc lại bằng tình yêu, chống lại bằng sự cung kính. Không móc bằng tình yêu thì không thân với nhau, không chống lại bằng sự cung kính thì mau nhờn ; nhờn mà không thân thì mau xa nhau. Cho nên thương yêu, kính trọng lẫn nhau tức là làm lợi cho nhau. Còn ông móc để bắt người ta ngừng lại thì người ta cũng móc để ông ngừng lại ; ông chống để cự người ta thì người ta cũng chống để cự lại ông. Móc, chống lẫn nhau tức là làm hại lẫn nhau. Cho nên móc, nặng của cái nghĩa của tôi tốt hơn móc, nặng của chiến thuyền của ông.

(1) Cả đoạn và cái máy đó, Đường Kính Cảo chú thích rất sơ sài, chúng tôi không tra được ở đâu, không hiểu rõ, nên chỉ đoán ý, không chắc dịch đúng.

22- Công Thâu tử chế, vót tre để làm một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt xuống, tự cho mình là rất khéo. Thấy Mạc tử bảo : "Chim khách của ông không bằng cái chốt xe của tôi, chỉ để ba tấc gỗ trong một lát là thành mà nó đỡ được sức mạnh năm mươi thạch. [mỗi thạch 120 cân]. Cái gì ích lợi cho người thì gọi là khéo, không lợi thì gọi là vụng".

23- Công Thâu tử nói với thầy Mạc tử :

– Khi chưa được gặp ông, tôi muốn chiếm nước Tống ; từ khi được gặp ông rồi, dù người ta tặng tôi nước Tống mà tôi phải làm điều bất nghĩa, thì tôi cũng không làm.

Thầy Mạc tử bảo :

– Định tôi khi chưa gặp được ông, ông muốn chiếm nước Tống ; từ khi được gặp ông rồi, dù người ta tặng ông nước Tống mà ông phải làm điều bất nghĩa thì ông cũng không làm ; như vậy là tôi tặng ông nước Tống rồi đấy. Ông cứ chăm lo làm việc nghĩa đi, tôi sẽ tặng ông cả thiên hạ.

CÔNG THÂU

Công Thâu Ban chế tạo xong cho nước Sở một khí giới là chiếc thang mây ⁽¹⁾, sắp dùng để đánh Tống. Thấy Mạc tử hay tin, từ nước Lỗ đi mười đêm mười ngày không nghỉ, tới nổi rách quần, rách giấy, hở chân, để đến kinh

(1) Xe có 6 bánh và hai cái thang, mỗi cái cao hơn hai trượng, dùng tới mấy quân lính leo lên để đánh thành.

dô Sở là Đinh, xin gặp Công Thâu Ban. Công Thâu Ban hỏi :

Phu tử có điều gì dạy bảo tôi ?

Thấy Mặc tử đáp :

– Phương Bắc có kẻ làm nhục tôi, xin cậy ông giết nó cho tôi. Công Thâu Ban không bằng lòng. Thấy Mặc tử nói :

– Xin dâng ông mười dật vàng.

Công Thâu Ban đáp :

– Tôi trọng nghĩa, không giết người.

Thấy Mặc tử đứng dậy, vái hai vái, nói :

– Xin cho phép tôi thưa : Tôi ở phương Bắc nghe nói ông làm cái thang để đánh nước Tống. Tống có tội gì đâu ? Nước Kinh [tức Sở] có dư đất mà không đủ dân. Giết số dân người ta ⁽¹⁾ không có đủ để tranh đất mà mình đã có dư, như vậy không thể gọi là trí [sáng suốt]. Tống vô tội mà đem quân đánh, như vậy không thể gọi là nhân. Biết là việc không phải mà không can ngăn vua, như vậy không thể gọi là trung. Can ngăn mà không được, như vậy không thể gọi là giỏi. Vì nghĩa, không giết một người mà giết nhiều người, như vậy là không biết phân biệt [không hợp lý].

Công Thâu Ban chịu không cãi được. Thấy Mặc tử bảo :

(1) DDưa họ ra trận, tức là giết họ.

– Như vậy thì sao ông không thôi đi ?

Công Thâu Ban đáp :

– Không được. Tôi đã lỡ nói với vua rồi.

– Thế thì sao không giới thiệu cho tôi vô bệ kiến ?

Công Thâu Ban nhận lời :

– Vâng.

Thấy Mạc tử vô yết kiến vua Sở, tâu :

– Tôi nghe nói đại vương sắp đánh Tống, có vậy chăng ?

Vua Sở đáp :

– Có.

Thấy Mạc tử nói :

– Nay có người không dùng cỗ xe trang hoàng đẹp đẻ của mình mà ăn trộm chiếc xe tồi tàn của người láng giềng ; không dùng y phục bằng gấm thêu của mình mà muốn ăn trộm chiếc áo cộc bằng vải to của người láng giềng ; không ăn gạo thịt của mình mà muốn ăn trộm hèm rượu và cám [thức ăn xấu thường để nuôi heo] của người láng giềng, thì người đó ra sao ?

– Nhất định là nó có tật ăn trộm rồi.

Thấy Mạc tử nói :

– Đất nước Kinh⁽¹⁾ vuông năm ngàn dặm, [so với đất Tống] tức như cỗ xe trang hoàng đẹp đẻ so với chiếc xe

(1) Sao cho Mạc tử lúc thì gọi là Kinh, lúc gọi là Sở ? Đường Kinh Cảo quên chưa hiệu đính.

tối tàn. Nước Kinh có chằm Vân Mông đầy loài tê ngu, hươu nai ; có sông Giang, sông Hán, nhiều cá, rùa, ba ba, giàu nhất thiên hạ, còn Tống không có trĩ, thỏ, cá giếc ; như vậy cũng như gạo thịt so với hèm rượu và cám. Nước Kinh có cây tùng cao, cây tử đẹp, cây kị, cây nam, cây dự chương, còn Tống không có cây cao, như vậy cũng như y phục bằng gấm thêu so với áo cộc bằng vải to. Thần cho rằng ba vị khanh của Sở mà đánh Tống thì cũng như vậy. Chắc đại vương cho việc đó là hại cho điều nghĩa nên không làm.

Vua Sở đáp :

— Hay ! Tuy nhiên, Công Thâu Ban đã vì ta mà làm chiếc thang mây, thì tất sẽ chiếm Tống.

*

* *

Thấy Mặc tử lại yết kiến Công Thâu Ban, cởi cái đai ra, bày thành hình cái thành, dùng các thẻ tre tượng trưng cho binh khí ; Công Thâu Ban chín lần bày máy đánh thành, thấy Mặc tử chín lần chống cự. Công Thâu Ban dùng hết các kiểu máy để đánh thành, mà thấy Mặc tử vẫn còn đủ cách để giữ thành. Công Thâu Ban đành chịu khuất phục, bảo :

— Tôi biết cách chống ông, nhưng không nói.

Thấy Mặc tử cũng nói :

– Tôi cũng biết cách ông chống tôi, nhưng tôi không nói.

Vua Sở hỏi nguyên do, thấy Mặc tử đáp :

– Thâm ý của Công Thâu Tử, chẳng qua là muốn giết thần. Giết thần rồi thì Tống không giữ được, Sở ⁽¹⁾ có thể đánh chiếm được. Nhưng đệ tử của thần là bọn Cẩm Hoat Li gồm ba trăm người giữ khi giới để bảo vệ của thần, đương ở trên thành nước Tống mà đợi giặc Sở ; dù giết được thần, cũng không diệt được bọn đó.

Vua Sở bảo :

– Hay ! Ta xin không đánh Tống nữa.

Thấy Mặc tử trên đường về, đi qua nước Tống, gặp trời mưa, vào một cổng làng để tránh mưa, người giữ cổng [ngờ là gián điệp] không cho. Cho nên bảo : Trị nước giỏi hơn thần thì không ai biết công cho ; tranh nhau về sự sáng suốt [tranh khôn] thì ai cũng biết. ⁽²⁾

(1) Sao cho Mặc tử lúc thì gọi là Kinh, lúc gọi là Sở ? Đường Kinh Cảo quên chưa hiệu đính.

(2) Nguyên văn : Trị ư thần giả, chúng nhân bất tri kì công ; tranh ư minh giả, chúng nhân tri chi. Chúng tôi đoán nghĩa như vậy ;

PHÂN CHỮ HÁN

33 子之墨君子，游魏則志將越先，曰：既得見四方

35 十之仕也，猶農夫之耕也，國家也。

36 邦無道，穀；旺也。

38 吾舍是，猶是也，卵，言之者，吾下思非天革言盡也，言其毀，吾以也可，舍石不矣，粟卵也，用拊斤是足而猶言獲猶石，吾舍是其

40 去爲天，之義下，苟非無道，避道，毀就仁，狂譽士，何傷，不處厚焉。

51 必事怒仁人，去，義，六使去，辟三樂手，者，足，嘿代去口，則御悲鼻，思，必去從，言爲愛事，則聖，於，誨人惡義，必，動必而爲，則去用聖。

73 古賢今夏今事，聖人徒恐唯公國，人唯暑母大家，唯母以人，唯母以人，母得，明興葬無，得君起，久，賢而，喪造，人事冬，者爲，而之行，爲樂，使恐政器，之，寒，以爲。

- 84 邦 溥 天 之 下， 莫 非 王 土， 率 土 之 濱，
莫 非 王 臣
- 85 無 欲 速， 無 見 小 利， 欲 速 則 不 不 達
欲 見 小 利 則 大 事 不 成
- 86 君 子 喻 於 義， 小 人 喻 於 利 而 已 矣。
君 王 何 必 曰 利？ 亦 有 仁 義
- 87 仁 天 乎 仁， 義 下 義
各 下 即 人 除 者 有 之 之 爲 之 天 正 利 爲 事 害， 所 下 也 則 正， 不 以 之 治 也 必 將 利 爲 害 何 以 無 務 以 人 事 知 義 求 爲 乎 者 義 則 興 法 則 義 則 天 乎 止 必 之 亂 下 天 興 爲 利 之 下 天 正 我 利 之 利 除 人 之 利 天 知 ？ 此
- 89 大 以， 具 王 利 上
夫 利 故 此 曰 吾 下 各 其 攻 而 家 交 愛 家 異 已 何？ 征 其 國 矣 以 士 利 家 諸 以 利 庶 而 不 侯 利 吾 人 國 愛 各 其 國 曰 危 異 受 國？ 矣 家 其 大 何 國 天 夫 以 故 不 下 曰 利 亂 愛 之 吾 異 異 亂 何 身？ 家 國 物 以？
- 90 天。
未 常 欲 今 平 之 治 世 天。 下 舍 也 我 其 如 誰 欲 也 平 治 天 下
- 95 占 姓 者 皆 民 以 始 水 生 火 未 毒 有 藥 刑 相 政 虧 之 害 時， 天 下 百

- 96 愛愛君、利自而得
 自自愛、自而臣不也
 子弟不也而弟虧者患
 、；亂子虧故寒巨
 、利愛謂虧故；民
 愛自自所故，臣食者
 相而臣此，弟愛得三
 不父；子愛不不，
 起虧利利愛不，者息
 ，故自自不，也，饑得
 起，而而，也愛，不
 何父兄君也愛自患者
 亂愛愛虧愛自君三勞
 察不不故自兄；利有，
 當，，父；利自民衣
- 101 身子孝室誰亂若攻國，身其視不之，相家誰攻，父
 若猶，弟不若賊家其？者若家子
 愛君乎？視其夫視國之，相
 若與者慈？若大？其侯國有下
 人兄慈不平身有乎若諸與無天
 愛父不施賊人猶者國，國賊則
 ，視有惡盜視，國人家，盜此
 愛？猶，有？有攻視攬愛；若
 相乎？身猶竊亡相？相相亂，
 兼者孝其，誰賊之亂之，兼相慈
 下孝不若有，盜侯誰夫有下不孝
 天不施臣亡室故諸，大亡天家能
 使有惡與慈其？，家故，使與皆
- 102 畢教養有
 肱相待者
 股肆所母
 以道有父
 ？有，無
 乎而者之
 聽？子童？
 視乎妻孤乎
 爲舉無弱身
 相爲而幼其
 目動老，長
 明爲以壽以
 耳相是其依
 聰，終放
 以強誨以所
- 104 能與
 濟有則
 河未利
 越今相
 而及交
 山古愛
 太自相之
 擊；兼行
 夫矣乎王
 力況聖
 也有，者
 警動也古
 其畢者；
 非謂之異
 是可行此

105 故，之，父必之者上
 其名說，人利人特
 辯爲君愛，而害有
 身苟相者從之，
 利殺；兼人必之難也
 其也，於愛人惡何故
 識戰難況夫，而此行
 不野皆，者從，爲
 特城所之異人必之不
 子征之爲此利人害士
 君夫姓能與，而，
 上若百眾則之者從政
 之今下士，愛人必爲
 下，天則利而惡人以
 天也此，相從；弗

106 有焉其之；非將亦我雖者
 用善而不可，用

108 我以是
 投我，是
 報，無父、
 不，無父也，
 而德無父
 無德，李是
 ，不以愛
 而蔽兼也
 言，氏默
 無桃墨禽

111 人於施勿欲不所已

112 而達謂乎
 己欲可聖
 人；如必也
 何？仁？
 衆仁濟於
 而能事！
 立譬而何諸
 欲取仁民病
 己近成於曰猶
 ，能以施子其
 者，妣博？舜
 仁人身有乎堯
 夫達沒如仁？

113 始親由施，等差無愛爲以則之

114 列所厚
 倫皆厚
 謂此親
 之戚，
 薄親薄至
 ，幼不
 薄長爲薄
 可老不
 義，至
 之上厚親
 厚君長，
 厚，爲薄
 ，厚行，薄
 可德也親
 義，厚，

129 多城委積者，之爪也。矣國之小和者，信攻調兵民不下，兵，以上也，足之修之自，國郭國以食大城者所是凡食者

130 城攻也帛，侯之全幣名諸焉，國不之其援生也。爪也。大之委義此物，郭則，以百之，城絕正，者，憂國之以師矣焉，兵，同小粟督吾敵行也，則，布，信無時也，也之，，下四寶守義救之之眾天？之自不同修共吾則哉哉國以之則使則寬，言言者所國國必是務師何何食者大小，不必之天天

136 此豈：避明天知若戒曰所，於以猶微之無人之所。戒相有：無子我也微，語曰門君此大相者且？幽士戒知之？逃谷之微不也逃哉避林下相而者避可惡爲天以小之所後將不而知知逃無然，天然不子避況，罪天，然君所，厚得，之忽主有厚愈而之見，下此其不爲逃必也天

137 政莫，，則。以所爲故體人者？也故我之，酒邑辜也天何此天姓盛有不誰則則？以百棄天一，？姓祥也欲之爲，殺者也百不姓武下潔神言辜誰之之百文天，鬼吾不者下予之湯下飪，且殺祥天天下禹說犬帝？。不愛而天王明參上也祥之不殺愛聖，羊於愛不予爲相之代子牛祀弗。天人大物祭用有也以與知言於不以何必人若人以

- 139 爲秋以·賦民
磨春露·；爲
以時雨之暴以
：四霜利罰衣
曰爲雪財而麻
·制降而賢穀
矣；雷得賞五
有之；民之乎
者道之使使事
厚昭綱絲，從
之以紀麻伯，
民辰以穀侯獸
愛星，五公鳥財
之月夏遂王木之
天日冬長爲金食
- 140 治則
則者
者智
賤且
且貴
愚乎
平政
政爲
爲，
者，
者賤
智且
且愚
貴自
自；亂天
天必從之。
- 141 天聽自我民聽
天聽自我民聽
天聽自我民聽
- 142 神愛；厚延，厲故，爲故毀
鬼所之爲業下幽·之此；今
事我利此，天紂人惡，也至
中之而者下施桀賊而者厚
，此兼人天溥·下別人之世
天·，利有·，惡爲其
尊曰利，富善人鬼愛；此歿
上意所焉，爲聖誣所之，不
·天我博子稱之中我賊者，
·故，爲天傳謂，之而人壽王
武·之此爲，天此交賊其暴
文人愛，貴孫之詬·，終之
湯愛而者使子稱上曰利也得謂
禹下兼人故世今·意所博不，
- 143 力攻劫詐於
，不不，利
者國者寡中
意大強暴，
天處，不天
反·家者於
；·小多利
也·篡，上
政者不賤必
義政家倣此
，義大不·
者·處者愚
意·，貴欺
天也國，不
順政小弱者

力家詐於利，
利大，利所王
下王處賤不無暴
所聖，傲中，之
無之貴者，利謂
，謂小貴天不，
利，攻，於三之
三之國弱利，加
，加大劫不人名
人名處者上於惡
於美，強此利下
利下，；不天
下天，家愚下舉
，舉者小欺，故
鬼故政篡者鬼，

- 146 子，非必有王，
儀是言：聖目之
無，故曰者耳，觀其
而也。子之古刑政，
言者也。墨用于百姓
，夕知子有之察，為
儀朝明？本原以也
立立而表者上，下發之表
必而得三之？？民三
言上可謂原之？之人有
：之不何有本原用百姓
曰鈞辯，何何何百姓
子運之表者于，于家此
墨猶害三之事，國
子譬利有本之實，中

- 150 而鬼神而
先鬼神而
必事必
也，事必
下也，事必
天也，事必
治此，事必
正者，事必
聖者，事必
古人，事必
故後，事必

- 151 深之
林目之
山明
潭耳
廣聰
間猶
幽之
為知人
可必聖
不明於
，之智
明神明也
之鬼之
神，神
鬼谷鬼與

- 152 力之
勇勝
強必
眾罰
貴之
富神
為鬼
可兵
不兵
，利
罰甲
之堅
神武
鬼強

- 實，也
中害明
，之尊
子下不
君天可
士除不
，將
人利，
大之也
，下有也
公天之道
王興神之
之求鬼主
下欲若聖
天將當。
- 處貧哉不也：焉有
之分欲，一祥曰門於
人以爲，不而一福
欲則之賢，閉求
：財肺讓，矣而而
多多折以貧已門是？
者；黍不分而百若哉
人也攫而以祭猶，可
於賢唯祿不唯是入豈
欲讓豈爵而神？從，
所以神高財鬼哉何神
之則鬼處多事至盜鬼
神祿夫子；子自：之
鬼爵，今也今何曰靈
夫高也？祥，病，二
- ，而桀，亂夫夫
亂渝乎治之，則
所不存下下之，
之世，天天觀也，
紂，俗而；此政
，時改武也以爲
之之民湯力若之
治此而乎之，上
湯當政存武也乎？
，變，湯罪存哉禹使，
亂之上亂也之，
所治，下治紂亂有
之王易天之桀治
桀王不而下，危可
皆武民紂天也安豈
之，令故而賞聞
- 耳之之
人見謂
眾有，
以，見
，之之
者聞莫
無有，
與，聞
有亡之
之與莫
命有，
知知有
以情之
所之謂
我目，

今聲及之，以命古聞，自物，情之，之命，姓見也，百有有之，嘗考亦未嘗，則亡乎？

166

強今殫市而強，則所叔以不人，怠，故；，關，為強之聚彼，婦紆致富，亂倦力斂府，以不夫肘：飽，織不必寒，必怠之外官，彼，農，曰則也，績而強，必強敢肱，實：榮，藝？強今紡績為強，不不股府以曰必也樹也；，乎，以不，故竭官，？強今稼何貧倦強布彼，治，以治利也；，耕，則怠，捆：媛，必危所內之何賤倦乎者強敢寐，曰則強必之，梁，則怠強倦不不夜緒？強為強夫知澤者強敢入怠，故興葛也；，以不大之，倦不不暮敢富，夙絲何貧倦彼，卿慮林怠，故出不必飢以麻，必怠：寧，思山敢貴，早而強則所治者強敢，曰必也其，不必辱以粟為強之多倦不不

167

信政夫乎獄為藝下乎下不誅，求命；若治農怠聽以樹天政；散出，欲有，聽矣人怠則耕以以不則固，實當，人乎府婦人，乎我若鬼，不中，也大怠官；大府怠則，天利則，害之，公必治矣公官夫，矣，不守子之非，王則乎藝王乎農紆足鬼姓入，君下強乎，怠樹，怠，織不天百以，士天不，在之必，矣夫矣績必事，是之除可，毋行夫稼紆大亂紡將以姓，下利不，雖致大耕織卿大乎財上百也，天之，今而卿乎，必怠之，養用勝今下言，命；怠績政下人食下待得不，天之，有矣必紡治天婦衣天以可則，興者

百，義者下，義義其薄天子，也一千是而一天長人人皆門同爲正一千此有欲立有是，者之者未人義計厚賢，爲百勝以下擇民姓人可是「選生百百不，天故始苟，眾義故是之若義之之是，天人十人人，也者爲人至非爭義古姓十逮而有之

178 家：者若也以譽言而治也？皆亂之布必。國。然以已多厚選布使曰家；者是賞善人以故邪此有家憲者告。之。能此甚以君憲嘗，利之家，之不暴所政已，者其發國以之罰矣唯盡也是國發不家愛譽賊之上，得之爲此多厚總爲利必言而治？道數，使爲胡其猶則惡非長之，家義盡甚以君亦愛亦者人必也。之國國又亦令亦聞猶則其言之若一道也是家君見，善暴國何下爲之故子布，眾亦聞得善賞計同之數，使國若者不得則，天之人。天憲告，眾欲以而然尙國家家又。國見，者也，下非爭於義發以之告，皆是人。以，爲之故君曰賊，之罰沿故矣天而有同之君者賞以之；，善矣唯治下人。國，惡之賞人以政治。國者尙下家且且罰人罰得治？已天非爭於眾見言而暴所爲已也其薄以天？利得家且之毀君必也既。而有同之若者人而之義既未是而義一用愛上賊得家共家家何家也家者尙國，善善賞國一國則皆戰之同試見；惡上若辟，則，夫其薄以於告見得人若同？此有國欲君若也見；偏，之罰者則是而義令以民君善計尙邪。者其

者者善，之治也之
下下見之罰以故下
天天人賞人所政天
愛者之而暴之爲總
利下下人而下義又
見天天善賞天一子
若賊）得人計同天
：惡·子善然尙，
曰見·天·以治·
眾若·，之矣而以天
之，〔之罰治唯既於
下告告而必？下同
天以以者人下也天尙
於切亦善暴天何以
令，不得，者義

179 者者善，之治也之
下下見之罰以故下
天天人賞人所政天
愛者之而暴之爲總
利下下人而下義又
見天天善賞天一子
若賊）得人計同天
：惡·子善然尙，
曰見·天·以治·
眾若·，之矣而以天
之，〔之罰治唯既於
下告告而必？下同
天以以者人下也天尙
於切亦善暴天何以
令，不得，者義

182 政爲
無以
於立
生，
者，
者可
亂賢
以之
所下
之天
下選
天故
乎是
明，子
夫長天

183 長害
政除·
立利也
，興亂
都民治
國萬，
設爲危
建以安
神將，
鬼）寡
帝·眾
上·，
，·貧
者〔富
古也，

190 也立不
身則弟
修身昆
：修父
曰·諸
，則
經·親
九也親
有親，
家親惑
國，不
下也則
天賢賢
爲尊尊
凡，怨

201 不辯貧富貴賤，遠邇親疏，賢者舉
而尚之，不肖者抑而廢之。

202 言無常能貴而下民之，無終賤，有能則舉之。

203 勞心者治人，治勞力者治食，治於人，治於人，治於人。

207 子冉富，適有之，衛曰：冉既庶矣，曰：何加焉？哉！曰：

208 仁孝悌富也，民之將，曰則爲余仁，天事下度哉？寡者下乎度也？則之貧，衆也。曰：從爲則之，今：事天從，辟孝親乎下事，之子貧，衆度乎無之則之，富以爲從，猶；異親事，此人乎度乎。此人

209 聖爲外費興者，興人政取，事；利爲天地足，是多政下也，以使故矣。國天因之用財，下其財，不可國聖也，費國倍家王，可也，爲無民倍，去政不得也，其其，加不；倍無其用勞，大之用發而，之非之令爲其

211 凡匠率聖天，給王下使民弗，群各用爲百從則，工事止，其；輪所諸車能加，賴，費，匏曰不，加，陶凡利，治足者，梓以，

免之父
復下其
後天於
然，愛
喪之
年之年
三年三
生三有
子夫，
也。
也懷子
仁之。
不母也？
之父喪乎？
予於通母

212

肱調，輕止爲不且，則之
股之物，衣清王擊則也，引此
強味異之，且聖旁，利，至
虛極珍紺，者斷爲甲，則以
充不國服衣利，則甲此之利
戚以，遠冬之民擊，乘，
寧足止致：絡於，也從，人
者，曰則不曰絺，加入利，且遠傷
易法明和法夏費刺劍，則重以
其之聰之之，加爲此動服安
與食目香服暖諸劍，爲，也
喪飲耳芬衣且，帶折利車利利
，雖津宮上祭，

濟，以止。
可止易，寒可則爲
不則不風潔，弗
之之楫，圍獨別人
谷將舟，以中之聖
廣以。也可其女，
川足至利旁，男者
大，侯之其露爲利
爲楫諸舟：雨以民
王舟，此曰霜足加
聖爲公，雪牆不
者利三飾法圍宮費
古是者不之以，加
於上人室可記諸

223

年族則與尊大
三戚，子是孰
子，數後則逆
後期之，數
妻子月妻月。
庶歲是歲。
年，爲；爲。
三兄疏矣卑
母弟親少尊同
父父以者以父
喪叔若疏若與
：，而。子
曰父月多也，
禮伯五者同妻
其；人親父其焉

歌

肉洩往祭，朽發哭乎以無，但足氣矣，領，止財三漏則之衣，食，無所衣。骨下期平親，朽，以事於以深足從孝，足之，與反致人之以，何，廢壤人，衣取多罪之弗謂之往罪之則情世義於則，人知，不辯寸地；以一非？者是多欄甚虧甚其愈，非則何謂說死非，後不人，少此則非與也三掘上來，有則也豚，愈人又其茲拖欄人矣而，此人此十而國義遺其有百，以非而義子棺；於哭祀今聞何難李人人義以人，人虧甚知國，一以有知攻之以書今日矣必為知知片

此豕桃虧至不？不也甚其茲皆攻義殺若必皆義謂言說，黑辯則小不謂之李，犬竊苟，仁也其人又以仁子為之？，不，其奚見之，今則可下桃之人圃，厚不故，辜義？不君大謂乎矣義子為之書夫，多黑甘，此天其罰壤園多益其何多不也其之至，別罪不君大譽故，白曰矣國，知，竊則至人愈罪，此愈人其故，下今之之死重之至而，也，黑知苦辯攻義以也得，入人，者，人殺，何多天；譽義一十下今從也義？曰不嘗之非之是亂圃，者也甚虧甚牛豚虧至者此愈此義而知有，天，義不哉黑為多苦為謂？之園，政利又以茲馬雞苟，劍，人當不從不必人此義非不其世見人，甘大之平義人為自義？仁人豕，厚戈牛虧，之，與，十當不而其知後少此苦知知譽辯不

乎之鐘
事爲大
爲而爲
以填以
器壞，聲
樂折民之
爲，萬笮
造水平竿
無潦斂，
唯培措瑟
人直厚琴
大非必，
公，將鼓
王家；鳴
今國也，

228 曰：以事故尊國則富雖
也是從，虧，故故
糟視，不也爲也廢事，
糖足也掌者無多之從勝
食不觀此人惟此治，亦
可色足，乎人如：者富
不顏不繡食大，也富之
，目容文掌公樂治之國
褐面從必而王拊故國則
短，體衣，今以之，
衣美身，財：財沿廢廢
可不美肉之曰之，亦事
不飲不梁食子食也治從
人食服必衣墨衣治之；
萬：衣食乎子民之國也

232 子也樂矣
今之醫其
治水局國
也通而（修
可亂死厲形
後，幽爲
然樂也紂身
，禮并傑以
饗爲穿王是也
無則而暴，道
之治噎代民此
勸國猶三其從
，嘗者顧皆
國：是古不者
治曰：，虛

269 之，之
也無
體，
然，然
然必也
必之見
也不有成
成之故之
後有大見
而故。若
得小端，
所，有然
故，故尺不
故，若必

281 之害孰也腕生
害取所利斷死
，非之，興。
大，人身指也
取小者免斷擇
中取取以，無
之中所指也，
利之其斷害若
，害；而，相
腕。也人人下
存也利盜盜天
以小取遇遇於
指取，其利
斷中也也；，

- 取，之是
中小利，
之取是焉
利中焉棄
之取兩
害而有
，有既
也，未所。
擇已所於也
無得。小
，不也取
一非已大中
若，得取之
利大不中害
- 287 盡可，人盡也
不可不知必，盡
不盡可而也窮
則可未。窮無
窮則否知有則
無，之可人，
，知盈未則窮
盡可之亦諄，無
可未人盡，窮盈難
則窮，可也先，無
窮無知之愛盈難窮
有窮可人盡不無有
方有未必可若窮盡
南。盡而之人有，
- 288 愛周不
愛人
為矣
後人
而愛
人不
愛為
周因
- 289 事愛也人無惡愛也
非非木盜非非，人矣
，乘；盜盜也愛難
親弟非也無多人不無
其愛車木，惡無非』
事。乘入也『欲盜也
獲也；非人；非愛人
，人也船多之盜不殺
也美木入非明無；非
人弟車，盜以欲也，
，其。也多奚，人人
親，也木；。也愛盜
之也人船也也人非殺
獲人美；人人多盜；
- 290 也者
也。也人然；
馬馬賊而
乘乘。是
，也乃
馬馬人此
白驢愛。
乘乘，也
。獲人
也。愛愛
馬馬，
，也賊
馬馬人愛
白驢獲，也

291 堯善治，自今在諸古也。自古在
之今，則堯不能治也

292 堯之義也，聲於今而處於古，而
異時，說在所義二

310 於石無所往而不得二。異處不相
盈，相排，是相外也

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN NHẤT : MẶC TỬ	
CHƯƠNG I Thân thế	7
Ho và tên	9
Nơi sinh	11
Sinh và tử	13
Thời đại	17
CHƯƠNG II Hành động	23
- Ở Lô	26
- Ở Tống	28
- Ở Sở	29
- Ở Tế, Vệ, Việt	32
CHƯƠNG III Tư cách - Tài năng	35
CHƯƠNG IV Bỏ Mặc tử	53
CHƯƠNG V Ngôn ngữ của Mặc tử	65
PHẦN NHÌ : HỌC THUYẾT MẶC TỬ	75

CHƯƠNG I	Uyên nguyên	77
CHƯƠNG II	Lợi và nghĩa	83
CHƯƠNG III	Thuyết Kiêm ái	99
CHƯƠNG IV	Mạt sát chiến tranh xâm lăng	117
CHƯƠNG V	Ý trời và quỷ thần : A. Trời	131
	B. Quỷ thần	144
CHƯƠNG VI	Bác thuyết định mạng	159
CHƯƠNG VII	Dưới thống nhất tư tưởng với trên	171
CHƯƠNG VIII	Lưu người hiền	187
CHƯƠNG IX	Mạt sát thời xa xỉ	205
	A. Hễ dùng đủ thì thôi	206
	B. Chôn cất, để tang	214
CHƯƠNG X	Bỏ mĩ thuật mà sống khắc khổ và dè dặt	225
CHƯƠNG XI	Kết. A. Giáo chủ hay đảng trưởng	241
	B. Công của Mặc tử	253
	PHẦN BA : BIỆT MẶC và MẶC KINH	259
CHƯƠNG I	Sau khi Mặc tử mất	
	A. Các phái	
	B. Tác phẩm : Mặc kinh	264
	PHỤ LỤC	277
CHƯƠNG II	Sửa lại Mặc học	279
	Định nghĩa lại chữ lợi	279
	Trong tình cảm	283
	Biện hộ và sửa thuyết kiêm ái	286
CHƯƠNG III	Bác các nhà khác	293
	Bác các triết gia	293
	Bác các nhà nguy biến	300

<i>Mặc học</i>	533
Bác Huệ Thi	305
Bác Công Tôn Long	310
CHƯƠNG IV Tri thức luận	317
Tri thức	320
Biên thuyết	329
CHƯƠNG V Khoa học thường thức	344
Hình học	344
Lục học	345
Quang học	346
Kinh tế	350
Tâm lí	351
CHƯƠNG VI Kết chung về Mặc học	353
PHẦN IV : TRÍCH DỊCH	361
Lời tựa trước	363
Thiên Kiêm ái (thượng)	366
Thiên Kiêm ái (trung)	368
Thiên Kiêm ái (hạ)	374
Thiên Phi công (thượng) (mạt sát sự đánh chiếm nước người)	384
Thiên Phi công (trung) (mạt sát sự đánh chiếm nước người)	385
Thiên Thiên chí (thượng) (mạt sát sự đánh chiếm nước người)	390
Thiên Minh quỷ (hạ) (chứng minh rằng có quỷ thần)	396
Thiên Phi mạng (hạ) (không có số mạng)	411

Thiên Thượng đồng (hạ) (tân đồng với người trên)	418
Thiên Thượng hiền (trung) (trọng người hiền)	425
Thiên Tiết dung (thượng) (bớt tiêu xài)	435
Thiên Tiết dung (trung) (bớt tiêu xài)	438
Thiên Tiết táng (hạ) (tiết giám việc ma chay)	441
Thiên Phi nhạc (thượng) (chê nhạc)	453
Thiên Canh trụ	460
Thiên Qui nghĩa (trong nghĩa)	470
Thiên Công Mạnh	478
Thiên Lo Văn	493
Thiên Công I nau	508
Phấn chữ Hán	513
Mục lục	

自而得，而臣不也，弟虧者患，虧故寒巨，故，臣，弟愛，愛不，不，也，也愛，愛自，自君，利，利自

得，不也，者患，民；食者，得三，不，者息，饑得，不，患者，三勞，有，民衣

，身子孝室誰亂若攻國，父，身其視不之，相家誰攻，攻臣，其若？故人身之大，相，相君，愛君乎？視其夫視國之，不，治，若與者慈？若大？其侯，國有下，人兄慈不平身有乎若諸，與無天，愛父不施賊人猶者國，國賊則，視有惡盜視，國人家，盜此，愛？猶，有？有攻視攬，愛；若，相乎？身猶竊亡相？相，相亂，兼者孝其，誰賊之亂之，兼相慈，下孝不若有，盜侯誰夫有下，天不施臣亡室故諸，人亡，室能，使有惡與慈其？，家故，使則皆，若猶，弟不若賊家其？者若家十

畢教養有，肱相待者，股肆所母，以道有父，？有，無，乎而者之，聽？子童？，視乎妻孤乎，爲舉無弱身，相爲而幼其，日動老，長，明爲以壽以，日相是其依，曉，終放，以強誨以所

，能與，濟有則，河未利，越今相，而及交，山古愛，太自相之，挈；兼行，夫矣乎王，力況聖，也有，者，譬勁也古，其畢者；，非謂之異，是可行此

眾

此豕桃虧至不？下也甚其茲皆攻我殺若必皆義謂言說 黑辯則小不謂之
李，犬竊苟，仁也其人又以仁子爲之？，不，其奚 見之，今則可下
桃之人圃，厚不故，寧義？不君大謂乎矣義子爲之書夫 多黑甘，此天
其罰攘園多益其何多不也其之至，別罪不君大譽故， 白曰矣國，知，
竊則至人愈罪，此愈人其故，下今之之死重之至而，也 黑知苦辯攻義以也
得，人人，者，人殺，何多天，譽義，十下今從也義？曰不嘗之非之是亂
圃，者也甚虧甚牛豚虧至者此愈此義而知有，天，義不哉黑爲多苦爲謂？之
園政利又以茲馬雞苟，劍，人當不從不必人此義非不其世見人，甘大之乎義
人爲自義？仁人豕，厚戈牛虧，之，與，十當不而其知後少此苦知知譽辯不
人上人也不取犬多益取馬苟厚謂非義義殺，之知知若遺，以曰不非而之與
，虧其故其，人愈罪養人，益，知之不，矣謂弗不；以此必苦爲而從義義
人之以，何，虧攘人，衣取多罪之弗謂之往罪之則情世義於則嘗人知，不辯
一非？者是多欄甚虧甚其愈，非則何謂說死非，後不人，少此則非與也
有則也豚，愈人又其茲拖欄人矣而，此人此十而國義遺其有百，以非而義子
今聞何雞李人人義以人，入虧甚知國，一以有知攻之以書今曰矣必爲知知君

家：者若也以譽言而治也？皆亂之布必。國。然以已多厚選布使曰家；者是賞善人以故邪此有家憲者告。之。能此甚以君憲嘗，利之家，之不暴所政已，者其發國原之罰矣唯盡也是國發不家愛譽賊之上，得之爲此多厚總爲利必言而治？道數，使爲胡其猶則惡非長之，家義盡甚以君亦愛亦者人必也之國國又亦令亦聞猶則其言之若一道也是家君見，善暴國何下爲之故子布，眾亦聞得善賞計同之數，使國若者不得則，天之人。天憲告，眾欲以而然尙國家家又：國見，者也，下非爭於義發以之告，皆是人，以，爲之故君曰賊，之罰沿故矣天而有同之君者賞以之；，善矣唯治下人。國，惡之賞人以政治。國者尙下家家且不罰人罰得治？已天非爭於眾見言而暴所爲已也其薄以天？利得家且之毀君必也既。而有同之若者人而之義既未是而義一用愛上賊得家共家家何家也家者尙國，善善賞國。國則皆戰之同試見；惡上若辟，則，夫其薄以於告見得人若同？此有國欲君若也見；偏，之罰者則是而義令以民君善計尙邪。者其

TÌM ĐỌC

(Nhà xuất bản Văn Hóa.)

- *Trang Tử - Nam hoa kinh.* (Nguyễn Hiến Lê)
 - *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa.*
 - *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử*
 - *Lão Tử - Đạo đức kinh*
 - *Hàn Phi Tử.*
 - *Tuân Tử*
 - *Mặc học.*
 - *Mạnh Tử.*
 - *Đời viết văn của tôi*
 - *Đắc nhân tâm*
 - *Sống đẹp*
 - *Đời nghệ sĩ*
 - *Tô Đông Pha*
 - *Quảng gánh lo đi và vui sống.*
 - *Bảy bước đến thành công*
 - *Hoàng Việt luật lệ* (Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Văn Tài dịch)
 - *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam* (Nguyễn Q. Thắng)
-

MẶC HỌC

(NGUYỄN HIẾN LÊ)

- Chịu trách nhiệm xuất bản - *Quang Huy*
Biên tập - *Ngọc Bách*
Trình bày, bìa - *Nguyễn Thăng*
Sửa bản in - *Nguyễn Tịnh*
Vi tính chữ Hán - *Trần Thế Xương*

In 700 bộ khổ 13×19 tại xí nghiệp in Thủ Đức, đường Bè
Huyện Thanh Quan TP. Hồ Chí Minh theo số đăng kí kế hoạch xuất
bản số 536-CXB/28VHTT của cục xuất bản Bộ Văn Hoá Thông Tin
ngày 10-10-1994.

In xong nộp lưu chiểu tháng 06-1995.



Đạo Mặc là đạo Không của bình dân, do một tiên nhân thành lập. Mặc tử sinh sau Không tử, chịu ảnh hưởng của Không, cũng tôn quân trọng hiền, đề cao đạo đức và sự tu thân như Không...

Đạo Mặc gần như một tôn giáo, tổ chức chặt chẽ, chủ trương bình đẳng giữa các giai cấp, không kể giàu người nghèo và trở về lối sống bình dị, suy tư nhiều về chính trị, biện luận, khoa học... khiến cho triết học Trung Hoa có được vài nét như triết học phương Tây. Đó là một cống hiến đáng kể của môn đồ Mặc tử mà người ta gọi là phái **Biệt Mặc**.

Ở nước ta, mới chỉ có Ngô Tất Tố giới thiệu Mặc tử trong một tập mỏng. Bộ của tôi dày hơn 500 trang, nửa trên về Mặc tử, nửa dưới về Biệt Mặc gọi chung là **Mặc học**.

(theo **Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê**)